

ThS. Đặng Lê Tuyết Trinh - CV. Lê Thu Lan
ThS. Đinh Xuân Anh - ThS. Phan Thị Nga
(Sưu tầm và biên soạn)

125 BÀI VĂN HAY

Lớp 9



ThS. ĐẶNG LÊ TUYẾT TRINH - CV LÊ THU LAN
ThS. ĐINH XUÂN ANH - ThS. PHAN THỊ NGÀ
(Sưu tầm và biên soạn)

125

BÀI VĂN HAY

SÁCH GIẢI

www.sachgiai.com

Lớp 9

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

16 Hàng Chuối - Hai Bà Trưng - Hà Nội

Điện thoại: Biên tập – Chế bản: (04) 39714896

Hành chính: (04) 39714899; Tổng biên tập: (04) 39714897

Fax: (04) 39714899

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Giám đốc: PHÙNG QUỐC BẢO

Tổng biên tập: PHẠM THỊ TRÂM

Biên tập: NGỌC CHI

Sửa bài:

Chế bản:

Trình bày bìa: VÕ QUANG HƯNG

Đối tác liên kết xuất bản:

CÔNG TY TNHH SÁCH THIẾT BỊ GIÁO DỤC ĐỨC TRÍ

125 BÀI VĂN HAY LỚP 9

Mã số: 2L – 155 ĐH2012

In 3.000 cuốn khổ 16 X 24cm. Tại Công ty TNHH In và bao bì Hưng Phú.

Số xuất bản: 72-2012/CXB/12-214/ĐHQGHN, ngày 13/01/2012.

Quyết định xuất bản số: 147LK-XH/QĐ-NXBĐHQGHN.

In xong và nộp lưu chiểu quý I/2013.

LỜI NÓI ĐẦU

Bộ sách *125 bài văn hay* được thiết kế bao gồm 11 cuốn thuộc 3 cấp học: Tiểu học, Trung học Cơ sở và Trung học Phổ thông. Nội dung và chủ đề của bộ sách được các tác giả bám sát chương trình SGK mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo để biên soạn và chọn lọc những bài văn hay, giúp các em hoàn thành tốt môn học, trên cơ sở đó có thêm kiến thức, cách thức và phương pháp để tự viết cho mình bài văn hay thực sự.

Nét khác biệt của môn văn là ngoài những kiến thức cơ bản, kết quả một bài văn hay còn phụ thuộc vào cảm xúc và sự sáng tạo của từng học sinh. Khi làm một bài văn, mỗi học sinh đều có sự thể hiện và cách trình bày khác nhau, cảm xúc và sáng tạo cũng khác nhau. Ngay trong cùng một đề văn, với những lần viết khác nhau, các em cũng đã trở thành người sáng tạo lại chính mình.

Vì vậy trong quá trình biên soạn, tương ứng với một đề văn, nhóm tác giả đã đưa ra những mẫu bài văn khác nhau để các em tham khảo. Trong đó vừa có bài của các thầy, các cô - những người đã có nhiều năm kinh nghiệm giảng dạy, vừa có bài của học sinh giỏi các cấp ở Hà Nội và các vùng phụ cận như Nghệ An, Hà Tĩnh, Thanh Hoá, Phú Thọ v.v... Vì thế các em có thể được tiếp cận những bài văn có tính chất mẫu mực của những người thầy vừa được tiếp cận những bài văn tràn đầy cảm xúc trong trẻo của chính các bạn cùng trang lứa. Và, các em có thể nhận ra rằng, sức sáng tạo sẽ không bao giờ bị khép lại với những ai yêu mến môn Văn.

Chúc các em đạt hiệu quả cao trong học tập và sẽ trở thành tác giả của những bài văn hay.

Các tác giả

125

BÀI VĂN HAY

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Lớp 9

Phần một

NGHỊ LUẬN VĂN HỌC

Đề bài: Suy nghĩ của em về nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

Bài số 1

*Nghi ngút dầu ghềnh tỏa khói hương
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.*

Ngàn năm trôi qua, làn khói viếng “miếu vợ chàng Trương” vẫn muôn đời lan tỏa, vấn vương, như tiếc như thương cho số phận đầy bi kịch của Vũ Nương. Bằng ngòi bút đầy trân trọng trong *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ đã tạc vào lịch sử văn học Việt Nam hình ảnh một người phụ nữ thời phong kiến, một Vũ Nương, đại diện cho cái đẹp hoàn mỹ. Nhưng đáng tiếc thay, cuộc đời nàng lại chất chứa những trang buồn đầy nước mắt.

Tên nàng là “Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương”, đã đẹp người lại đẹp nết. Trương Sinh, chồng nàng, là một người thất học lại thêm tính đa nghi. Khi binh đao loạn lạc, Trương phải ra trận. Một tuần sau, nàng sinh con trai đầu lòng và một mình chăm sóc mẹ chồng, lo tang ma khi mẹ chồng mất. Giặc tan, chàng Trương về, nghe lời con trẻ mà nghi ngờ lòng thủy chung của vợ. Vũ Nương không minh oan được nên đành trẫm mình xuống sông Hoàng Giang để bảo toàn danh dự, nhưng nàng được Linh Phi ở động Rùa cứu giúp. Sau đó, nàng gặp Phan Lang, người hàng xóm đã cứu Linh Phi, nhờ Phan Lang gửi hộ lời với chàng Trương. Trương Sinh hối cải, lập đàn giải oan theo lời Vũ Nương. Nàng hiện lên gặp chồng con rồi lại quay về động Rùa vì hai người đã “âm dương đôi đường”. Nhưng hình ảnh Vũ Nương không dừng lại ở đó mà còn mãi vấn vương trong lòng người đọc bởi nét đẹp hoàn mỹ cũng như số phận oan khuất và cái chết đầy bi thương của nàng.

Vũ Nương chính là đại diện cho vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. Không như Nguyễn Du miêu tả thật tinh tế nét đẹp “nghiêng nước nghiêng thành” của Thúy Kiều, Nguyễn Dữ chỉ điểm qua nét đẹp của Vũ Nương: “tư dung tốt đẹp”. Nhưng chỉ bằng một chi tiết nhỏ ấy, tác giả đã phần nào khắc họa được hình ảnh một cô gái có nhan sắc xinh đẹp. Cũng bởi “mến vì dung hạnh” nên chàng Trương đã lấy nàng làm vợ. Nhưng chữ “dung” ấy, vẻ đẹp hình thức ấy, chẳng thể nào tỏa sáng ngàn đời như vẻ đẹp tâm hồn nàng. Vũ Nương “vốn con kẻ khó”, song rất mực tuân theo “tam tòng tứ đức”, giữ trọn lễ lối gia phong và phẩm hạnh của chính mình. Thế nên, nàng rất “thùy mị, nết na”. Trong gia đình chồng, nàng luôn

“giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa”. Thế là, “hạnh” – một trong những tiêu chuẩn đánh giá con người, nàng đã vẹn tròn. Lễ nghĩa, nàng cũng thông hiểu, am tường. Tuy chẳng phải tiểu thư khuê các, con nhà quyền quý nhưng lời nàng nói ra dịu dàng như vàng như ngọc. Ngày tiễn chồng ra trận, nàng bịn rịn: “Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”. Từng lời, từng chữ nàng thốt ra thấm đẫm tình nghĩa vợ chồng thủy chung, son sắt, khiến “mọi người đều ứa hai hàng lệ”. Phận làm vợ, ai chẳng mong phu quân mình được phong chức tước, áo gấm về làng. Còn nàng thì không. Nàng chỉ ước ao giản dị rằng chàng Trương trở về được bình yên để có thể sum họp, đoàn tụ gia đình, hạnh phúc ấm êm như ngày nào. Nhưng mong ước của nàng đã không thực hiện được. Bị chồng một mực nghi oan, Vũ Nương tìm mọi lời lẽ để chứng minh sự trong sạch của mình. Nàng vẫn đoan trang, đúng mực, chỉ nhẹ nhàng giải thích: “Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nét hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”. Lời nói của nàng luôn từ tốn, nhẹ nhàng, không quá hoa mỹ nhưng chất chứa nghĩa tình. Chỉ qua những lời thoại, từ “ngôn” của Vũ Nương đã để lại một ấn tượng khó phai trong lòng người đọc bởi vẻ từ tốn, tế nhị của nàng. Và cũng từ những câu nói ấy, chúng ta cảm nhận được sự hi sinh vô bờ của nàng vì chồng con, gia đình. Khi chồng ra trận, cả giang sơn nhà chồng trĩu nặng trên đôi vai gầy guộc, mỏng manh của nàng. Nàng phải sinh con một mình trong nỗi cô đơn, thiếu sự vỗ về, an ủi của người chồng. Thật là một thử thách quá khó khăn với một người phụ nữ chân yếu tay mềm. Nhưng nàng vẫn vượt qua tất cả, một mình vò võ nuôi con khôn lớn, đợi chồng về. Không những thế, nàng còn hết lòng chăm lo cho mẹ chồng ốm nặng: “Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn”. Thời xưa, quan hệ mẹ chồng – nàng dâu dường như chưa bao giờ êm đẹp và chứa đầy những định kiến khắt khe:

*Mẹ anh nghiệt lắm anh ơi
Biết rằng có được ở đời với nhau
Hay là vào trước ra sau
Cho cực lòng thiếp, cho đau lòng chàng.*

Nhưng nàng đã yêu thương mẹ chồng như chính cha mẹ ruột của mình. Mọi việc trong nhà đều được nàng chăm lo chu tất. Và lời trấn trối cuối cùng của mẹ chồng như một lời nhận xét, đánh giá, một phần thưởng xứng đáng với những công lao và sự hi sinh cao cả của nàng vì gia đình nhà chồng. “Xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ”. Tác giả đã một lần nữa nhắc lại: “Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như với cha mẹ đẻ mình”, như tô đậm tình yêu thương của nàng

đối với mẹ chồng. Vũ Nương là một nàng dâu đảm đang, thảo hiền trong mắt tất cả mọi người. Vậy là cả “công – dung – ngôn – hạnh” nàng đều vẹn toàn. Nàng chính là đỉnh cao của sự hoàn mĩ về cả vẻ đẹp hình thức lẫn tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam xưa dưới chế độ phong kiến. Song, số phận nàng lại thật trở trêu, oan nghiệt.

Cuộc đời Vũ Nương tiêu biểu cho số phận oan trái của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. Nàng gặp bao bất hạnh trên đường đời. Vì cảnh đất nước binh đao loạn lạc, Trương Sinh phải đi lính, giao phó cả giang san nhà chồng trên đôi vai bé nhỏ của người thiếu phụ. Tất cả mọi việc trong nhà đều trông cậy vào nàng. “Sau khi xa chồng vừa đầy tuần thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản”. Thiếu vắng sự quan tâm, săn sóc của người chồng, song nàng vẫn nuôi nấng, dạy dỗ con thơ khôn lớn, trưởng thành. Vừa một mình chăm sóc, thuốc thang cho mẹ chồng, Vũ Nương vừa sinh con trai, lại thêm lặn lội, tần tảo nuôi con và cũng một mình lo ma chay, chôn cất mẹ chồng chu đáo. Từng ngày từng ngày trôi, bấy giờ, trên đôi vai nàng khó khăn lại chồng chất khó khăn. Rồi chiến tranh cũng qua, cứ ngỡ Vũ Nương lại được sum họp gia đình, đoàn viên cùng chàng Trương, được sống trong hạnh phúc lứa đôi mà nàng hằng ao ước. Nàng đâu biết rằng bi kịch cuộc đời nàng sắp bắt đầu. Những ngày xa chồng, khi nhìn cảnh con thơ thiếu vắng sự chăm sóc, yêu thương của người cha, nàng đã chỉ bóng mình trên tường mà bảo với con rằng ấy chính là cha Đản. Hành động ấy chẳng phải vì nàng quá thương nhớ chồng mà xuất phát từ tấm lòng yêu thương con vô bờ của một người mẹ. Nhưng nàng sẽ chẳng bao giờ ngờ được rằng nàng chết chính bởi cái bóng của chính mình. Ngày Trương Sinh về, nghe lời con thơ đại mà hàm oan vợ: Trương Sinh vốn là tên thất học, lại thêm “tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức”. Lời nói ngây thơ của bé Đản: “Trước đây có người đàn ông đêm nào cũng đến. Mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả” chứa đầy những chi tiết đáng ngờ, như đổ thêm dầu vào lửa. Sự đa nghi của Trương Sinh càng thêm nặng nề và không có cách nào tháo gỡ, chàng một mực “định ninh là vợ hư”. Chàng không còn đủ bình tĩnh để phán đoán, phân tích, bỏ ngoài tai những lời phân trần của vợ, không tin cả những nhân chứng bênh vực cho nàng, cũng nhất quyết không nói ra nguyên do để nàng có cơ hội minh oan. Và Trương Sinh thoáng chốc hóa một kẻ vũ phu, thô bạo, “mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi”. Vượt qua bao gian lao, vất vả trong chiến tranh để vẹn tròn phận vợ hiền dâu thảo nhưng Vũ Nương không thể vượt qua nổi bức tường của chế độ nam quyền độc đoán, bất công, tàn bạo. Lời nói của nàng đầy thương tâm: “Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu”. Ngay từ đầu, cuộc hôn nhân giữa nàng và chàng Trương đã có phần không bình đẳng và mang tính chất một cuộc trao đổi, mua bán: Trương Sinh “xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về”. Điều ấy khiến chúng ta chạnh lòng nhớ đến tình cảnh một Thúy Kiều khi phải bán mình chuộc cha:

*Cò kè bớt một thêm hai,
Giờ lâu ngà giá văng ngoài bốn trăm.*

Sự cách bức về địa vị xã hội như thế đã tạo cho Trương Sinh một cái thế bên cạnh những uy quyền vốn có của người chồng, người đàn ông trong gia đình gia trưởng phong kiến. Chính cái gia đình “chồng chúa vợ tôi”, “phu xướng phụ tùy” ấy đã khiến nàng bị khinh rẻ, đối xử tệ bạc. Một người vợ vốn đức hạnh, ngoan hiền, vâng theo cả “tam tòng tứ đức” lại phải mang tiếng xấu “hư thân mất nết”. Mọi lời mắng nhiếc của Trương Sinh như chà đạp lên phẩm giá cao đẹp mà nàng đã gìn giữ bấy lâu. Khi xa chồng, Vũ Nương là người vợ thủy chung, yêu chồng tha thiết, nỗi buồn nhớ cứ dài theo những “bướm lượn đầy vườn”, “mây che kín núi”. Thế mà khi vừa mới sum họp hạnh phúc, nàng lại bị gán cho tội danh: “lừa chồng dối con”. Thật đau đớn, thật tủi nhục! Bi kịch của cuộc đời Vũ Nương bắt nguồn chính từ lễ giáo bất công và chế độ nam quyền. Người đàn ông với những quyền hành về số phận đã đẩy Vũ Nương vào đường cùng không lối thoát. Cái chết oan khuất, xót xa của Vũ Nương, đâu có thể ngờ rằng người gây ra thảm kịch ấy chính là chồng và con nàng, những người thân mà nàng hết mực yêu thương, chăm sóc. Một người con gái luôn khao khát hạnh phúc ấy lại phải chịu một chuỗi dài những bi kịch trong cuộc đời. Hạnh phúc đâu quá xa vời mà xã hội phong kiến ấy không cho nàng chạm tay đến tận hưởng “thú vui nghi gia nghi thất”. Nỗi oan của nàng thấu cả trời xanh. Ngày xưa, Quan Âm Thị Kính mắc oan giết chồng bởi “tình ngay lý gian”. Nhưng nàng Thị Kính cũng còn hiểu ra nỗi oan khuất của mình từ đâu mà thành. Còn khi đã chìm sâu dưới dòng nước, Vũ Nương vẫn không hề biết rằng mình phải chết vì đâu. Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của kẻ giàu và của người đàn ông trong gia đình, đồng thời bày tỏ niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ. Người phụ nữ đức hạnh không những không được bênh vực, che chở mà lại còn bị đối xử một cách bất công, vô lý; chỉ vì lời nói ngây thơ của đứa trẻ “miệng còn hôi sữa” và vì sự hồ đồ, vũ phu của anh chồng ghen tuông mà đến nỗi phải kết liễu cuộc đời mình. Phải chăng đằng sau nỗi oan của nàng còn bao nhiêu nỗi oan của những người phụ nữ khác trong chế độ phong kiến?

Xót thương trước nỗi đau khổ vì bị chà đạp của những người phụ nữ, Nguyễn Dữ như muốn minh oan và bù đắp cho những đức tính tốt đẹp của nàng bằng một cuộc sống khác với dương gian. Nhưng ở chốn “làng mây cung nước”, Vũ Nương chẳng thể nào nguôi nỗi nhớ về những oan ức, bĩ cực ở cõi trần. Sống giữa cõi tiên huyền ảo, đẹp diệu kì nhưng nàng dường như không bao giờ dứt tình nghĩa gia đình, mãi khóc thương cảnh gia đình tiêu điều xơ xác. Nàng xin lập đàn giải oan, khao khát được trả lại danh dự của một người con gái đức hạnh. Và cuối cùng, nỗi oan của nàng đã được giải. Từ chốn thủy cung, Vũ Nương “ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, vông lọng, rực rỡ sắc màu, lúc ẩn, lúc hiện”. Nhưng xót xa thay, nàng “chẳng thể trở về nhân gian được

nữ”. Nỗi oan tình của nàng đã được minh oan, giải tỏa nhưng âm dương đã đổi đường cách trở, nàng chẳng bao giờ được làm vợ, làm mẹ chốn cõi trần. Bé Đản mãi mãi là một đứa bé mồ côi mẹ. Nếu nàng được trở về với cõi trần thì liệu xã hội phong kiến bất công không có nơi dành cho cái đẹp này có dành cho nàng một cuộc sống ấm êm, bình yên, hay một lần nữa, nàng phải đau đớn, buồn khổ? Dù quay về chốn tiên cảnh xinh đẹp, nhưng cuối cùng, mơ ước cả đời của nàng, hạnh phúc “nghĩ gia nghĩ thất”, chỉ mãi là ước mơ hảo huyền.

Hình tượng nhân vật Vũ Nương là hiện thân của lòng vị tha và vẻ đẹp người phụ nữ. Song cuộc đời nàng lại gặp nỗi bi kịch lớn. Ấy chính là tấn bi kịch của người phụ nữ Việt Nam trong chế độ phong kiến tàn ác, chế độ của sự lạc hậu và cả bóng đêm vĩnh cửu. Điều đó khiến chúng ta phải chạnh lòng trước số phận của người phụ nữ.

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung*

Sưu tầm

Đề bài: Trong “Chuyện người con gái Nam Xương”, nhân vật Trương Sinh vội tin câu nói ngây thơ của con trẻ đã nghi oan cho Vũ Nương ruồng rẫy và đánh đuổi nàng đi. Vũ Nương bị oan ức nên nhảy xuống sông tự vẫn. Em hãy đọc kĩ lại tác phẩm và tìm xem có những chi tiết nào trong truyện tác giả muốn hé mở khả năng có thể tránh được thảm kịch đau thương cho Vũ Nương. Những nguyên nhân nào làm cho thảm kịch đó vẫn diễn ra dẫn đến cái chết đau thương của người phụ nữ đức hạnh? Em hãy bình luận về nguyên nhân cái chết đó.

Bài số 2

Trong văn học Việt Nam đã có không ít tác phẩm mang tên gọi truyền kì hoặc có tính chất truyền kì song được tôn vinh là “thiên cổ kì bút” thì cho đến nay chỉ có một *Truyện kì mạn lục* của Nguyễn Dữ. *Chuyện người con gái Nam Xương* được rút trong tập những câu chuyện kì lạ đó. Câu chuyện để lại ấn tượng sâu sắc cho người đọc bởi tấn thảm kịch bi thương về cái chết của Vũ Nương.

Truyện kể rằng, Vũ Thị Thiết là một phụ nữ đức hạnh ở Nam Xương, chồng là Trương Sinh, người nhà giàu nhưng không có học, tính lại đa nghi. Triều đình bắt lính, Trương Sinh phải tòng quân trong khi vợ đang mang thai. Chồng đi xa mới được mười ngày thì nàng sinh con trai đặt tên là Đản. Năm sau, giặc tan, việc quân kết thúc, Trương Sinh trở về thì con đã biết nói, nhưng đứa trẻ nhất định không nhận Trương Sinh là bố. Nó nói: “Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít”. “Trước đây thường có một người đàn ông, đêm

nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.”

Tính Trương Sinh hay ghen, nghe con nói vậy đinh ninh rằng vợ hư, đã vu oan cho Vũ Nương, ruồng rẫy và đánh đuổi nàng đi. Đứa trẻ nói thì Trương Sinh tin ngay, còn vợ than khóc giải bày thống thiết thì nhất định không tin, họ hàng, làng xóm phân giải công minh cũng chẳng ăn thua gì. Vũ Nương bị oan ức đã nhảy xuống sông tự vẫn.

Đọc kĩ tác phẩm, ta sẽ thấy truyện không phải không hé mở khả năng có thể dễ dàng tránh được thảm kịch đau thương đó. Tài kể chuyện của tác giả là ở chỗ đó, cời ra rồi lại thắt vào đẩy câu chuyện đi tới, khiến người đọc hứng thú theo dõi và suy nghĩ, chủ đề của tác phẩm từng bước nổi lên theo dòng kể của câu chuyện. Lời con trẻ nghe như thật mà chứa đựng không ít điều vô lí không thể tin ngay được. Nếu Trương Sinh biết suy nghĩ về hình ảnh người cha kì lạ: “không biết nói, chỉ nín thin thít” chẳng bao giờ bế con mình, mà hết như “cái máy” – “mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi thì cái chết của Vũ Nương sẽ không xảy ra. Nhưng Trương Sinh cả ghen, ít học, thiếu suy nghĩ, đã vô tình bỏ qua khả năng giải quyết tấm thảm kịch, dẫn tới cái chết oan uổng của người vợ mà chàng không phải không có tình yêu thương. Tất nhiên sự đời có thể mới thành chuyện, hơn nữa thói đời đã chứng minh rằng sự ghen tuông thái quá luôn khiến con người trở nên mù quáng. Chính sự ghen tuông mù quáng mới khiến cho nàng Si-ta của Ấn Độ phải nhảy vào biển lửa, nàng Dêđemôna của nước Anh bị bóp cổ chết và nàng Vũ Nương của Việt Nam phải tự vẫn.

Nhưng bi kịch của Vũ Nương có thể tránh được khi vợ hỏi chuyện kia ai nói, chỉ cần Trương Sinh kể lại lời con nói thì mọi chuyện sẽ rõ ràng. Vũ Nương sẽ chứng minh cho chồng rõ ở một mình nàng hay đùa với con bằng cách trở vào bóng mình và nói là cha Đản. Mãi sau này, một đêm phòng không vắng vẻ, ngồi buồn dưới bóng đèn khuya, chợt người con chỉ vào bóng mình trên vách mà bảo đó là cha nó, Trương Sinh mới tỉnh ngộ, thấu hiểu nỗi oan của vợ thì mọi chuyện đã quá muộn màng. Vũ Nương không còn trên đời nữa.

Một phụ nữ đức hạnh, tâm hồn như ngọc sáng mà bị nghi oan bởi một lời không đầu của con trẻ! Một câu nói đùa của mẹ với con mà phải tìm đến cái chết bi thương, ai oán trong lòng sông thăm thẳm! Câu chuyện đau lòng vượt ra ngoài khuôn khổ của một gia đình nhưng nó buộc chúng ta phải suy nghĩ tới số phận mong manh của con người trong một xã hội mà những oan khuất, bất công, tai họa có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đó là xã hội phong kiến ở nước ta, nhất là ở thời nó đã suy vong. Xã hội đó đã sinh ra những chàng Trương Sinh, những người đàn ông mang nặng đầu óc “nam quyền”, chà đạp lên quyền sống của người phụ nữ. Tính ghen tuông của cá nhân cộng với tư tưởng “nam quyền” trong xã hội đã làm nên một Trương Sinh độc đoán, gia trưởng. Đó cũng chính là nguyên nhân đẩy Vũ Nương đến chỗ phải lấy cái chết để minh oan cho tấm lòng trong sáng của nàng.

Cái chết của Vũ Nương là sự đầu hàng số phận nhưng cũng là lời tố cáo thói ghen tuông ích kỷ, sự hồ đồ, vũ phu của đàn ông và luật lệ phong kiến hà khắc dung túng cho sự độc ác, tối tăm. Sẽ còn mãi hình ảnh của Vũ Nương trong lòng mọi người như một lời nhắc nhở khôn nguôi về thân phận của người phụ nữ:

*Nghi ngút dầu ghèn toả khói hương,
Miếu ai như miếu vợ chàng Trương.
Bóng đèn dầu nhẩn đừng nghe trẽ,
Cung nước chi lo luy đến nàng.
Chứng quả đã đôi vàng nhật nguyệt,
Giải oan chẳng mấy lọ đàn tràng.
Qua đây bàn bạc mà chơi vầy,
Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng.*

(Lê Thánh Tông)

Đề bài: Phân tích đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.

Bài số 3

*Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc
Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn.*

Nhà thơ Chế Lan Viên đã từng ca ngợi như vậy để khẳng định giá trị của *Truyện Kiều*. Có thể nói, *Truyện Kiều* với những dòng lục bát tuyệt diệu là niềm tự hào của nền văn chương dân tộc. Đến với đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, một lần nữa ta hiểu thêm về tài năng nghệ thuật và tấm lòng của Tố Như. Chỉ bằng 24 câu thơ lục bát, Nguyễn Du đã miêu tả cả tài, sắc và đức hạnh của hai chị em Thuý Vân, Thuý Kiều với tất cả lòng quý mến, trân trọng của nhà thơ.

Song song với nghệ thuật tả cảnh, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật ở *Truyện Kiều* đã đạt đến trình độ điêu luyện và là một thành công đặc biệt. Tuy sử dụng bút pháp ước lệ nhưng Nguyễn Du vẫn giúp người đọc hình dung rõ bức chân dung tuyệt mỹ của hai chị em Thuý Vân, Thuý Kiều, để lại một ấn tượng khó phai trong lòng mỗi chúng ta.

Đoạn trích có kết cấu chặt chẽ như một truyện ngắn cổ điển. Mở đầu là bốn câu giới thiệu chung về hai chị em Thuý Vân, Thuý Kiều:

*Đầu lòng hai ả tố nga,
Thuý Kiều là chị em là Thuý Vân.
Mai cốt cách tuyết tinh thần,
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười.*

Nhà thơ dùng từ Hán Việt “tố nga” chỉ những người con gái đẹp tinh tế để gọi chung hai chị em Kiều.Vân, Chữ Hán tố là đẹp, nga là hăng nga, mặt trắng. Sử dụng từ *tố nga*, tác giả muốn nói đó là hai người con gái đẹp. Với

từ ngữ trang trọng đó dù chưa biết cụ thể hình dáng họ ra sao nhưng ấn tượng chung nhất đó là những tiên nữ giáng trần, là những tuyệt thế giai nhân. Ngòi bút ẩn dụ thật tự nhiên, Thúy Kiều, Thúy Vân nhẹ nhàng hiện ra như hai vầng trăng sáng, mát dịu. Thứ bậc trong gia đình cũng đã được Nguyễn Du thể hiện qua lời giới thiệu khá giản dị: “Thúy Kiều là chị, em là Thúy Vân”. Đặc biệt, ông chú trọng gây ấn tượng ở tinh thần, cốt cách của hai Kiều: cốt cách thanh tao, duyên dáng như mai và tâm hồn, phẩm hạnh trắng trong, thuần khiết như tuyết. Hình ảnh ẩn dụ nằm trong phép tiểu đối không chỉ đặc tả được cái thần của bức tranh thiếu nữ: cả hai đều trinh trắng, sáng trong mà còn khơi gợi xúc cảm thẩm mĩ cho người đọc về vẻ kiều diễm của hai chị em. Hai chị em, mỗi người đẹp theo một vẻ nhưng đều là những vẻ đẹp hoàn mĩ. Từ vóc dáng cho đến tâm hồn, Thúy Kiều và Thúy Vân đều đạt đến mức vẹn toàn thật là tuyệt đối như tác giả đã nhận định: “mười phân vẹn mười”. Điều ấy cho thấy ý thức lí tưởng hóa cao độ của nhà thơ bởi lẽ ở đời mấy ai được “mười phân vẹn mười”. Câu thơ không chỉ nhằm thông báo vẻ đẹp hoàn thiện của Thúy Vân, Thúy Kiều mà còn chất chứa niềm ngưỡng mộ trước cái đẹp rất riêng của mỗi người.

Những ước lệ của văn chương cổ đã đi vào câu chữ của Nguyễn Du với biết bao tình cảm mến yêu, trân trọng. Lời khen chia đều cho cả hai, nét bút muốn đặc tả “mỗi người một vẻ”. Chính vì thế mà liền sau đó, thi sĩ tập trung khắc họa từng người. Đầu tiên, chân dung Thúy Vân hiện ra với:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*

Chỉ vẹn vẹn hai dòng thơ, Nguyễn Du đã thể hiện thật tài hoa vẻ đẹp tươi tắn, trẻ trung của một cô gái đang độ trăng tròn. Ở Vân cũng khẳng định ngay từ câu thơ đầu cái diễm hơn người: vẻ đẹp của Vân là vẻ đẹp phúc hậu, đoan trang nhưng cũng là sự “trang trọng khác vời”. Để rồi, sau đó là sự cụ thể hóa ở khuôn mặt tròn đầy, ngời sáng như vầng trăng đêm rằm, đôi lông mày cân đối, sắc nét như con ngài. Thành ngữ *mày ngài mắt phượng* thường dùng để tả những cô gái trẻ trung. Nhà thơ Vương Trọng, người gốc xứ Nghệ cho rằng, ở câu ấy, Nguyễn Du mượn cách nói quê hương để tả dáng người Thúy Vân. Từ *con người* nói chệch thành *con ngài*. Vậy nên hiểu câu *nét ngài nở nang* của Nguyễn Du là: nét người, dáng người Thúy Vân khỏe mạnh, đậm đà đang thì, tràn trề sức sống. Thúy Vân còn tô đậm với nét đẹp:

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*

Phép ẩn dụ, kết hợp nhân hoá được sử dụng thật đắt. Câu chữ tối đa mà dựng được một chân dung khá nhiều chi tiết. Có nét hình, có màu sắc, có cả âm thanh tiếng cười, giọng nói. Nàng cười tươi như hoa nở, tiếng nói trong như tiếng ngọc rơi trên mâm vàng. Lại nữa, tóc nàng đen dài mềm mại đến nỗi mây cũng phải chịu *thua*. Da nàng trắng mịn đến nỗi tuyết cũng phải *nhường*. Sắc đẹp của Thúy Vân sánh ngang những nét kiều

diễm, sáng trong của hoa lá, ngọc vàng, mây tuyết, toàn những báu vật tinh khôi, trong trẻo của đất trời. Chỉ thoáng nhìn hình dáng, thoáng nghe Vân chuyện trò, chúng ta đã cảm nhận tất cả sự dịu dàng, đoan trang, phúc hậu, thanh thần của một tâm hồn và ta cũng dễ dàng dự đoán một tương lai êm ả, bằng phẳng của cuộc đời nàng. Dường như tạo hoá đã ban cho Vân những đặc ân mà không bị ai ganh ghét, đố kị với nàng. Những từ *mây thua, tuyết nhường* nghe mát dịu dòng thơ, mát dịu cả dòng người. Vẻ đẹp, tính tình tương lai cuộc sống của Thúy Vân như vậy, trọn vẹn hài hoà trong bốn câu thơ. Vẻ đẹp đó luôn luôn tạo cho người xung quanh một tình cảm trân trọng, yêu mến, độ lượng. Đó là một vẻ đẹp dễ dàng được xã hội công nhận và dung nạp.

Nếu Nguyễn Du dành đôi nét tài hoa cho Thúy Vân thì với Thúy Kiều, tác giả dùng hết tâm lực để có những nét vẽ thần kì, công phu hơn.

*Kiều càng sắc sảo mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn*

Câu chuyện tiếp cho ta thấy từ sắc đến tài, Kiều hơn hẳn Thúy Vân, đó không phải là cái đẹp hiền lành, phúc hậu mà trái lại vừa sắc sảo, lộng lẫy, vừa mặn mà, duyên dáng, yêu kiều. Thì ra, Thúy Vân đã sắc nước hương trời, Thúy Kiều còn rực rỡ hơn thế nữa. Bằng thủ pháp đòn bẩy, Nguyễn Du đã mượn vẻ đẹp của Thúy Vân làm nền để nêu bật vẻ đẹp, tài năng của Thúy Kiều, giúp người đọc hình dung rõ hơn về bức chân dung của nàng bằng cái nhìn của riêng mình. Ngôn ngữ của Nguyễn Du như có hồn, loé những con mắt sáng, thốt ra những tiếng reo trầm trồ, thích thú. Thực tế, đến Thúy Kiều, ta thấy Nguyễn Du rất ít tả mà chỉ gợi. Ông lại thêm một lần nữa chứng tỏ cốt cách nghệ thuật của một nghệ sĩ bậc thầy. Bởi, nếu bây giờ nhà thơ cũng lặp lại trình tự tả y hệt như tả Thúy Vân thì hóa ra quá đổi vụng về. Đặc biệt, sức gợi của vẻ đẹp Thúy Kiều toát lên từ đôi mắt: “Làn thu thủy, nét xuân sơn”. Nguyễn Du dường như chỉ nói về đôi mắt của nàng. Đôi mắt trong, sáng ngời, gợi tình như sóng nước mùa thu và đôi mày cong cong mềm mại, thanh tú như dáng núi mùa xuân. Cách miêu tả khiến khi đọc lên, ta như thấy có ánh sáng và làn sóng xao động bên trong. Chỉ vậy thôi mà bao ẩn ý. Đôi mắt nhìn đời, nhìn người sâu thẳm. Đôi mắt dạt dào, ẩn chứa bao tình cảm lai láng: biết yêu thương, căm hận, nhức nhối, sẻ chia,... Đôi mắt thể hiện một đời sống nội tâm phong phú. Thì ra, cụ Nguyễn Du cố tình bỏ sót đôi mắt nàng Vân là vì lẽ đó. Một lần nữa, ta lại thấy nhà thơ sử dụng tối đa nghệ thuật ẩn dụ và tiểu đối trong thơ cổ điển với ý nghĩa tượng trưng để tô đậm, tạo ấn tượng về nhan sắc của Kiều nhưng không gây rườm rà, phức tạp mà trái lại, giá trị diễn đạt vẫn hay và tự nhiên. Nhan sắc nàng tuyệt mỹ đến nỗi:

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh

Câu thơ đọc lên thấy rờn rợn. Chữ *ghen*, chữ *hờn* đâu chỉ là cách nói nhân hoá, miêu tả thái độ ghen ghét, tức giận, đố hờn của cây lá? Mượn cây

lá thiên nhiên, nhà thơ suy ngẫm về cuộc sống, về con người. Ông như đã linh cảm một tương lai không yên ổn của Thuý Kiều. *Tinh anh phát tiết ra ngoài. Tài tình chỉ lăm cho trời đất ghen.* Tác giả tả Kiều đẹp tuyệt vời như vậy nhưng trong cách tả, ông cũng hé cho ta thấy cái dự cảm bất an trong tương lai của Kiều. Theo thuyết *tài mệnh tương đố*, phàm cái gì tốt đẹp trên đời đều khó giữ được bền lâu. Thuý Kiều đẹp không ai sánh bằng, tất nàng sẽ bị người đời ghen ghét và đày đoạ. Đó là một quy luật, một định mệnh khắc nghiệt. Nghiền ngẫm sâu hơn chúng ta hiểu cái quy luật, định mệnh ấy bắt nguồn từ một triết lí của đạo Khổng. Cụ Khổng Tử cho rằng: Con người chúng ta là sự tương giao, tương hợp của khí âm dương, là một tiểu vũ trụ trong cái đại vũ trụ thiên nhiên, trời đất. Nếu ai hoà hợp được với thiên nhiên và vũ trụ, thì sống an nhàn, thanh thản. Nếu ai chưa đạt tới hoặc vượt quá, vượt xa thì than ôi số phận không tránh khỏi gian truân, vất vả. Phải chăng, trước sắc ấy, tài ấy của hai chị em Thuý Kiều và Thuý Vân, Nguyễn Du – một học trò xuất sắc của đạo Khổng Tử đã phần nào cảm nhận, dự báo số phận ngày mai của hai người theo triết lí ấy?

Như vậy đó, chỉ mới mười câu Kiều mà đã giúp ta thấu hiểu tấm lòng ưu ái sâu sắc, bao la của nhà thơ nhân đạo Nguyễn Du: ông yêu thương, nâng niu tất cả. Có điều, với Thuý Kiều là cả một sự yêu thương, nâng niu đầy băn khoăn, lo lắng so với Thuý Vân. Thật vậy, trong *Truyện Kiều*, có lúc Nguyễn Du đã để sư bà Tam Hợp đạo cô đoán định tương lai bất ổn của Kiều qua lời thơ:

*Thuý Kiều sắc sảo khôn ngoan,
Vô duyên là phận hồng nhan đã đành.
Lại mang lấy một chữ tình,
Khư khư mình buộc lấy mình vào trong.
Vạy nên những chốn thông dong,
Ở không yên chỗ, ngồi không vững vàng.*

Chuyện thế thái, nhân tình cũng thật sâu sắc trong cách nhìn, cách cảm của Nguyễn Du. Miêu tả Thuý Kiều, Nguyễn Du còn đề cao trí tuệ và tài năng của nàng, cho thấy rằng Kiều không phải chỉ có nhan sắc tuyệt trần mà còn là người con gái vốn có thiên tư thông minh bẩm sinh và rất mực tài hoa.

*Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bạc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.*

Tài năng của Kiều đã đạt tới mức lí tưởng. Làm thơ, vẽ tranh, ca ngâm, âm nhạc, mọi thứ Kiều đều tỏ ra thành thạo. Đặc biệt, nàng rất sành chơi Hồ cầm. Nguyễn Du một lần nữa lại rất công phu khi dành cho Kiều các chữ: “vốn

sắc tính trời”, “đủ mùi”, “làu bậc”, “ăn đứt” gợi lên sự hoàn mĩ của nàng. Tài năng của Thúy Kiều qua cách khắc họa của Nguyễn Du họa chăng chỉ có thể so sánh với tài thơ vẽ xuất sắc của cung nữ trong tác phẩm *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều:

*Câu cầm tú đàn anh họ Lí,
Nét đàn thanh bậc chị chàng Vương*

Có sắc, có tài, Kiều lại có thêm một tâm hồn mẫn cảm lạ thường. Dường như nàng linh cảm được trước số phận bất hạnh của mình nên đã tự sáng tác nên bản nhạc mang tiêu đề *Bạc mệnh* rất cuốn hút nhưng cũng làm cho không ít người nghe phải náo lòng.

Đoạn trích khép lại trong bốn câu miêu tả cuộc sống phong lưu, khuôn phép trong đức hạnh, mẫu mực của hai chị em Kiều.

*Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
Êm đêm trường rủ mành che,
Tuồng đông ong bướm đi về mặc ai.*

Vẻ đẹp chung của hai chị em được đúc kết lại trong cuộc sống nhung lụa, phú quý. Hai cô gái họ Vương đang ở vào giai đoạn đẹp nhất, thơ mộng nhất của đời người, đó là tuổi dậy thì vô tư, trong trắng. Đã đến tuổi cài trâm nhưng hai thiếu nữ không hề quan tâm đến những chuyện “ong bướm”, tâm hồn như băng tuyết, họ đang sống trong cảnh êm đêm của một gia đình gia phong, nề nếp. Một lần nữa, Nguyễn Du khẳng định lại nếp sống phong lưu, đài các của hai chị em Kiều. “Êm đêm”, “mặc ai” là phong thái cao giá của người đẹp chứ nào phải sự vô cảm trước những rạo rức của tuổi trẻ? Chữ dùng của Nguyễn Du tinh tế lắm chứ đâu phải buông lời hờ hững, vô tình!

Chỉ với hai mươi bốn câu thơ lục bát, chúng ta cũng đủ thấy tài năng, sáng tạo bậc thầy của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du. Ngôi bút của ông linh hoạt vô cùng, khi vẽ chi tiết, khi chỉ lướt qua; khi tả, khi gợi, kết hợp nhuần nhuyễn tính ước lệ của sách vở và cách nói dân gian; vừa làm nghệ thuật, vừa gợi cảm tâm tư, tình cảm. Để người đời yêu mến Tố Như và nhân vật của ông khi đến với *Truyện Kiều*, đều cảm nhận được một ẩn ý sâu sắc: ẩn sau bức chân dung mĩ nữ là tiếng lòng chan chứa yêu thương của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

**Đề bài: Phân tích hình ảnh chị em Thúy Kiều qua đoạn trích
“Chị em Thúy Kiều” và nêu lên nhận xét của em
về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du.**

Bài số 4

Đến với đoạn trích *Chị em Thúy Kiều*, ta bắt gặp một tuyệt thế giai nhân, một cô gái tài sắc vẹn toàn lại có đức hạnh, đó là Thúy Kiều. Vẻ đẹp của nàng càng trở nên lộng lẫy dưới ngòi bút của thiên tài Nguyễn Du.

Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã miêu tả hai tuyệt thế giai nhân nhưng chỉ dùng vắn vện có mười hai cặp câu 6-8. Dưới ngòi bút của ông, chị em Thuý Kiều như dần hiện lên:

*Dầu lòng hai ả tố nga
Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân.*

Người đọc chưa thấy rõ đây là *hai ả tố nga*. Chữ Hán *tố* là đẹp, *nga* là hàng nga, là mặt trăng. Có thể nói, đây là hai bông hoa mà sắc đẹp của họ đã đạt đến mức tuyệt vời:

*Mai một cách tuyết tinh thần
Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười*

Sự trọn vẹn thật hài hoà, từ *tinh thần* đến *cốt cách*. Đó là vẻ đẹp thanh tú, mảnh mai như dáng cây mai, một vẻ đẹp cao quý. Đó là vẻ đẹp của tâm hồn trinh bạch, trong trắng như tuyết. Phải nói rằng việc Nguyễn Du lấy mai và tuyết làm chuẩn mực cái đẹp là một phát hiện đầy trân trọng về tâm hồn trong trắng, trinh bạch làm nổi bật cái thần của bức chân dung thiếu nữ. Chỉ bốn câu thơ ngắn ngủi, tác giả đã hé mở cho chúng ta biết vẻ đẹp của hai thiếu nữ – Thuý Kiều, Thuý Vân. Mỗi người một vẻ đẹp *mười phân vẹn mười*. Và ta đã hình dung ra một phần chân dung của nàng Kiều. Đó là người con gái đẹp cả tâm hồn, phẩm chất lẫn vẻ đẹp tròn trịa tươi tắn bên ngoài.

Không chỉ dừng lại ở vẻ đẹp chung của chị em Kiều mà tác giả tiếp tục miêu tả tỉ mỉ vẻ đẹp của các nàng. Dưới ngòi bút của Nguyễn Du, Thuý Vân hiện lên là một cô gái toàn vẹn từ khuôn mặt, nét lông mày, màu da, mái tóc đến tiếng nói, nụ cười và cốt cách:

*Vân xem trang trọng khác vời
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang
Hoa cười ngọc thốt đoan trang
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da*

Nếu như ở bốn câu đầu vẻ đẹp của chị em Kiều Vân mới được phác thảo đôi chút thì đến đây tác giả đã dành trọn bốn câu 6-8 để quay cận cảnh vẻ đẹp đó. Thuý Vân hiện ra với những đường nét thật tỉ mỉ qua bút pháp miêu tả ước lệ tượng trưng. Khuôn mặt Thuý Vân được ví như ánh trăng đêm rằm đầy đặn, phúc hậu. Lông mày nàng đậm như con ngài, nét người nở nang, miệng cười tươi thắm như hoa, tiếng nói trong và đẹp như ngọc. Tóc nàng đen, dài mượt mà như những áng mây lướt thướt trôi và da thì trắng hơn tuyết. Nét đẹp nào của nàng cũng hoàn hảo và được đem so với các thứ quý giá, cao đẹp trên đời, tưởng như nàng là kết tinh của các thứ cao đẹp, quý giá ấy. Thuý Vân hiện lên là một cô gái độ tuổi trăng tròn tươi vui và tràn đầy sức sống. Không chỉ có vậy, Thuý Vân còn đẹp, một vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu, một vẻ đẹp khiến người ta dễ dàng chấp nhận và ngưỡng mộ một cách êm đẹp. Có lẽ *mây thua, tuyết nhường* cũng là vì vậy.

Chỉ mấy đường nét thôi, hình ảnh Thuý Vân đã trở thành một tuyệt thế giai nhân. Để có được thành công này trước hết phải kể đến việc sử dụng biện pháp so sánh kết hợp với nhân hoá một cách thần tình trong bốn câu thơ trên. Thế nhưng thành công hơn hết của Nguyễn Du ở đoạn thơ trên là sử dụng những hình ảnh, những chi tiết có tính chất ước lệ tượng trưng quen thuộc của văn học cổ, lấy vẻ đẹp thiên nhiên làm chuẩn mực cho vẻ đẹp của con người. Nhưng bức chân dung Thuý Vân dưới nét vẽ thần tình của Nguyễn Du bỗng trở nên sinh động. Và với ngòi bút tài hoa của mình, Nguyễn Du đã khéo léo vẽ nên khuôn mặt xinh đẹp đầy đặn, vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu của Thuý Vân - một vẻ đẹp mà thiên nhiên sẵn lòng nhường nhịn như báo trước một cuộc đời, một số phận êm ấm, tròn trịa, bình yên của nàng. Đó là cái tài của Nguyễn Du.

Trước vẻ đẹp của Thuý Vân, vẻ đẹp mà hoa cỏ thiên nhiên đều ban tặng cho nàng, ta tưởng rằng không một ai sánh nổi thì bất ngờ Thuý Kiều hiện ra *lại càng sắc sảo mặn mà*. Tại sao lại như thế? Cùng là một tuyệt thế giai nhân, là *tố nga*, cùng có *mai cốt cách tuyết tinh thần* mà cô em Thuý Vân lại được tác giả miêu tả trước cô chị là Thuý Kiều. Đây phải chăng là dụng ý nghệ thuật của Nguyễn Du? Nhà thơ muốn miêu tả Vân trước để làm tiền đề, tạo ra một điểm tựa của nghệ thuật đòn bẩy để làm nổi bật hơn tài sắc của Thuý Kiều, nhân vật trung tâm của tác phẩm. Chính vì vậy, Nguyễn Du không miêu tả cận kề nữa mà chuyển sang nghệ thuật gợi:

*Kiều càng sắc sảo, mặn mà
So bề tài sắc lại là phần hơn*

Bằng nghệ thuật so sánh *Kiều càng... so bề... phần hơn*, Nguyễn Du đã thật sự khẳng định được vẻ đẹp của Kiều là duy nhất, nó có thể làm lu mờ được những gì gọi là kết tinh của thiên nhiên như *mây*, như *tuyết*. Quả thực, ta có thể khẳng định rằng không có một hoạ sĩ tài ba nào có thể phác hoạ được chân dung của nàng Kiều. Thử hỏi làm sao có thể vẽ lại hình ảnh một thiếu nữ mà đôi mắt của nàng lại trong xanh, huyền ảo như nước mùa thu. Đôi mắt nàng Kiều cũng vậy, nó thăm thẳm như phản chiếu tâm hồn sáng trong thanh cao của nàng. Nguyễn Du thật tài tình, chỉ một nét vẽ đôi mắt mà cả chân dung và vẻ đẹp của nàng Kiều đã được phác hoạ. Đặc biệt, đôi mắt ấy lại được ẩn dưới đôi lông mày tươi tắn như dáng núi mùa xuân, một đôi lông mày tràn trề sức sống. Chỉ chấm phá một vài đường nét nhưng cái thần của nhân vật vẫn hiện lên thật đầy đủ và rõ nét. Cũng lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để làm chuẩn mực cho vẻ đẹp nhân gian. Nhưng vẻ đẹp của Thuý Kiều và Thuý Vân không hề giống nhau mà *mỗi người một vẻ*. Không chỉ vậy, Nguyễn Du còn sử dụng điển tích điển cố rất thành công: *Một hai nghiêng nước nghiêng thành*. Sắc đẹp đó làm biết bao trang quân tử, các anh hùng hảo hán phải xiêu lòng, làm cho họ quên việc nước để rồi mất nước. Rõ ràng cái đẹp của Thuý Kiều là cái đẹp viên mãn, ngoài vẻ đẹp đoan trang còn *sắc sảo mặn mà*. Đó là cái hơn người của Thuý Kiều. Và điều đó cũng chính là dự cảm cho một cuộc đời đầy giông bão của nàng.

Nếu ở Thuý Vân thiên nhiên nhường vẻ đẹp cho nàng thì đến Thuý Kiều, thiên nhiên lại ghen ghét *Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*. *Hoa* là kết tinh của cái đẹp vì vậy người ta thường nói *tươi như hoa* hay *đẹp như hoa*, vậy mà đến *hoa* cũng phải ghen với sắc *thắm* của Kiều. Ngay cả *liễu* là biểu tượng của sự mềm mại, thướt tha, yếu điệu, tràn trề sức sống nhưng cũng phải *hờn*, phải dỗi trước cái *xanh* của Kiều. Cái *thắm*, cái *xanh* của nàng Kiều chính là yếu tố quan trọng để tạo nên vẻ đẹp có một không hai của nàng. Và ta băn khoăn bởi cái *thắm* kia là cái gì *thắm*? Đó là làn môi thắm đôi má thắm hay dáng người đầm thắm? Cái *xanh* kia cũng vậy. Đó là đôi mắt xanh, mái tóc xanh hay dáng người tràn căng sức sống của tuổi xuân xanh? Phải chăng tất cả đều đúng? Chỉ bằng hai chữ *thắm*, *xanh* mà vẻ đẹp của một tuyệt thế giai nhân càng tuyệt hơn nữa, đó là vẻ đẹp *sắc nước hương trời*, có một không hai. Đến đây ta có thể khẳng định họa sĩ đã bất lực trước vẻ đẹp của nàng Kiều. Riêng Nguyễn Du – bằng ngòi bút sáng tạo và sự cảm nhận tinh tế, ông đã vẽ nên một Thuý Kiều với tất cả những gì đẹp nhất từ ánh mắt, làn da, tâm hồn... Qua việc miêu tả vẻ đẹp của chị em Thuý Kiều ta đã thấy rõ tài năng của Nguyễn Du. Cũng là miêu tả chân dung hai cô thiếu nữ đến tuổi xuân xanh nhưng ngòi bút tinh luyện đó đã đưa ta đến với hai vẻ đẹp viên mãn, không ai giống ai. Tài tình hơn nữa, thông qua việc miêu tả vẻ đẹp con người, Nguyễn Du còn ngầm dự báo số phận, cuộc đời của nhân vật. Với Thuý Vân được thiên nhiên nhường vẻ đẹp cho, báo trước cuộc đời êm ả, bằng phẳng, hạnh phúc. Còn Thuý Kiều thì thiên nhiên ghen, hờn bởi sắc đẹp vượt trội đất trời ngầm dự báo cuộc đời mà sóng gió ba đào sẽ ập đến, búa vấy lấy con người mà *trinh anh phát tiết ra ngoài*. Trong khi miêu tả và khắc họa hình tượng nhân vật, Nguyễn Du đã dành những từ ngữ hết sức trang trọng, nào là *trang trọng*, *khác vời*, *doan trang*, *sắc sảo mặn mà*, *tài sắc*... ; đồng thời ông còn lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để miêu tả vẻ đẹp của hai nàng Kiều Vân. *Mai cốt cách tuyết tinh thần* hay *Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*, *Hoa cười ngọc thốt đoan trang* hay *Làn thu thủy nét xuân sơn*. Điều đó cũng thấy để thể hiện tình cảm, sự ưu ái của ông đối với nhân vật.

Sự ưu ái đó còn được ông thể hiện khi miêu tả tài năng của Thuý Kiều. Có thể nói, Thuý Kiều là người đa tài mà tài nào cũng thành nghề, thành ngón. Tài hoa, tài thơ, tài đàn, tài soạn nhạc... tất cả đều đạt tới mức điêu luyện, tuyệt diệu:

*Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung thương lầu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.
Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân.*

Kiều giỏi về âm luật trong thơ ca, giỏi đến mức *lầu bậc* tức là nàng thuộc lầu, đã hiểu rất rõ niêm luật của thơ ca. Còn tài đàn, khi tiếng đàn

của nàng cất lên thì *ăn đứt* bất cứ nghệ sĩ nào. Không chỉ có vậy mà Kiều còn soạn nhạc, sáng tác ra các bản nhạc rất hay... Quả thực nàng là một con người toàn tài, toàn mĩ.

Tuy cả hai chị em Kiều đều rất đẹp, đều là hai thiếu nữ đang độ tuổi 16-17, độ tuổi cài trâm kết tóc nhưng họ vẫn sống trong cảnh buồn thêu khuê các, không sẵn đón, vô vấp ai cả:

*Phong lưu rất mực hồng quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê,
Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai.*

Êm đềm chỉ tư thế dài các, chứ không phải vô cảm trước những rạo rức tuổi trẻ. *Mặc ai* cũng là một thái độ điềm nhiên, cao giá của người đẹp. Đây là cách ca ngợi kín đáo của nhà thơ. Chị em Thuý Kiều không chỉ đẹp về hình dáng mà tâm hồn, phẩm hạnh cũng rất thanh cao.

Có thể nói *Chị em Thuý Kiều* là một trong số những đoạn trích hay nhất, đẹp nhất trong *Truyện Kiều* và được nhiều độc giả yêu thích. Bởi ngôn ngữ thơ giàu cảm xúc, nét vẽ có thần. Các biện pháp tu từ ẩn dụ, nhân hoá, so sánh được nhà thơ sử dụng một cách tài tình, tạo nên những vần thơ ước lệ mà trữ tình. Hàm ẩn sau bức chân dung mĩ nhân – Thuý Kiều là cả một tấm lòng yêu mến trân trọng nàng. Bằng ngòi bút thiên tài của mình, Nguyễn Du đã giúp chúng ta hiểu được một phần cuộc đời của chị em Thuý Kiều và dõi theo từng bước đi, từng bước gian truân của họ.

Với thế giới ngôn ngữ phong phú, tinh tế, bằng một bút pháp điêu luyện, kết hợp với lòng thương yêu con người, nhất là người phụ nữ, Nguyễn Du vẽ lên bức chân dung vừa điển nhã, vừa có sức gợi cảm mãnh liệt của Thuý Vân và Thuý Kiều trong trích đoạn *Chị em Thuý Kiều*. Càng nâng niu, quý trọng truyện Kiều, chúng ta càng cảm phục tài năng và đức độ của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du. Phải chăng vì thế mà *Truyện Kiều* của Nguyễn Du mãi trường tồn:

*Thơ Người mãi sống cùng đất nước
Dù có mai sau dù có bao giờ...*

(Thăm mộ cụ Nguyễn Du - Hoàng Trung Thông)

Đề bài: Hãy bình giảng 8 câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.

Bài số 5

*Bồng quý cô Kiều như đời dân tộc
Chữ kiên trinh vượt trăm sóng Tiền Đường.
Chàng Kim đã đến tìm, lau giọt khóc
Và lò trầm đêm ấy tỏa bay hương...*

(Đọc Kiều - Chế Lan Viên)

Những vần thơ trên của Chế Lan Viên đã gợi thương gợi nhớ trong lòng ta về cuộc đời bạc mệnh của người con gái tài sắc Thuý Kiều. Càng thương xót ta lại càng xúc động biết bao trước tấm lòng nhân đạo bao la của Nguyễn Du, nhà thơ lớn của dân tộc. *Kiều ở lầu Ngưng Bích* là một trong những đoạn thơ hay nhất của *Truyện Kiều*, kiệt tác của đại thi hào dân tộc Nguyễn Du.

*...Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?
Buồn trông nội cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

Đoạn thơ 8 câu như thấm đầy lệ làm vương vấn hồn ta: “Chạnh thương cô Kiều như đời dân tộc – Sắc tài sao mà lại lắm truân chuyên” (Chế Lan Viên).

Bi kịch nội tâm của Thuý Kiều trong những ngày đầu trên con đường lưu lạc đã được ngòi bút thiên tài của nhà thơ miêu tả qua hình thái ngôn ngữ nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc. Những vần thơ buồn thương mệnh mang đã gieo vào lòng người đọc nỗi xót xa khôn nguôi về con người tài sắc “bạc mệnh” – Thuý Kiều.

Sau khi bị lừa, bị “thất thân” với Mã Giám Sinh, rồi lại bị Tú Bà làm nhục, Kiều dùng dao tự vẫn. Nghiệp chướng còn dài, nợ đời còn nặng – Nàng đã được cứu sống. Tú Bà lập mưu mới, dỗ dành Kiều ra ở lầu Ngưng Bích.

Thân gái nơi đất khách quê người, bơ vơ, lo sợ. Những ngày bão tố, hãi hùng vừa qua. Chặng đường phía trước mịt mờ, đầy cam bẫy. Thuý Kiều vô cùng cay đắng và đau khổ. Giờ đây, nàng sống một mình trong lầu Ngưng Bích với bao tâm trạng “bẽ bàng, chán ngán”. Biết lấy ai, cùng ai tâm sự? Nỗi nhớ thương như lớp lớp sóng dâng lên trong lòng. Kiều nhớ thương cha mẹ già yếu, không ai đỡ đần nương tựa “quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?”. Nàng nhớ chàng Kim “Bên trời góc bể bơ vơ - Tấm son gột rửa bao giờ cho phai?”. Sau nỗi nhớ là nỗi đau buồn tê tái, sự hoang mang và lo sợ triền miên... Nỗi đau buồn như vò xé tâm can nàng. Đoạn thơ 8 câu đầy áp tâm trạng. Nguyễn Du đã lấy khung cảnh thiên nhiên làm nền cho sự vận động nội tâm của nhân vật trữ tình. Còn đâu nữa cảnh vật thân quen ở vườn Thúy? Tất cả đều nhuộm màu bi thương “hoa trôi man mác”, “nội cỏ dầu dầu”, màu xanh xanh của mặt đất, chân mây, gió cuốn và tiếng sóng vỗ ầm ầm... Chính những cảnh vật ấy, âm thanh ấy đã góp phần đặc tả tâm trạng Kiều, một bi kịch đang giầy vò tan nát lòng nàng suốt đêm ngày.

Người buồn thì cảnh cũng buồn. Vẫn là cảnh đó, không gian đó, nhưng đâu đâu giờ cũng nhuộm màu tâm trạng đớn đau của Kiều. Mỗi một hình ảnh, một ngôn từ xuất hiện lại gợi ra trong tâm hồn người đọc một trường

liên tưởng chua xót về nỗi đau và số kiếp “bạc mệnh” của người con gái đầu lòng nhà Vương Viên ngoại. Mỗi một hình ảnh ẩn dụ mang một ý nghĩa tượng trưng cho nỗi lo âu và sợ hãi của Kiều. Bức tranh tâm cảnh thứ nhất mở ra ngay thời điểm chiều hôm, thời điểm quen thuộc của nghệ thuật, của nỗi luyến nhớ sự sum họp vui vầy của mỗi gia đình.

*Buồn trông cửa bể chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?*

Cảnh chiều tà luôn gợi cảm giác cô liêu, buồn lặng. Không gian nơi lầu Ngưng Bích như càng thu hẹp lại, một cánh buồm thấp thoáng càng khơi gợi thêm ý nghĩ chán ngán về một tương lai mờ mịt. “Cánh buồm xa xa” thấp thoáng trên “cửa bể chiều hôm” như gợi ra một hành trình lưu lạc, đầy những sầu đau, đơn chiếc. Phải chăng số phận của nàng như “chiếc bách giữa dòng”, là con thuyền không lái lênh đênh trên mặt nước sóng vô lô xô biết rồi sẽ trôi dạt về đâu? Cửa biển trong ánh chiều tà yếu ớt bao trùm luôn cả những con thuyền căng buồm lộng gió ngoài xa – những con thuyền chở hi vọng của nàng Kiều để vượt khỏi cái tù túng tẻ nhạt nơi lầu son gác tía. Nhưng cánh buồm ở rất xa, thoát ẩn thoát hiện trong ánh hoàng hôn trĩu buồn, như niềm hi vọng của nàng chỉ là những chấm nhỏ ngoài khơi xa mịt mớ. Những từ “thấp thoáng, xa xa” càng khiến cho hi vọng nhạt nhòa. Tâm trạng của nàng Kiều càng được tô đậm qua hai câu thơ tiếp:

*Buồn trông ngọn nước mới sa
Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

Bức tranh tâm cảnh thứ hai, vẫn ánh mắt xa xăm, Kiều nhìn đến những “ngọn nước”, đến những “cánh hoa trôi”. Giữa cái cảnh “ngọn nước mới sa” gầm gừ như con thú dữ trong cơn tức giận muốn cuốn phăng đi tất cả những gì trước mặt nó thì liệu cánh “hoa trôi man mác” kia có còn nguyên vẹn? Cánh “hoa trôi man mác” trôi lên trôi xuống giữa “ngọn nước mới sa” bao la, cũng là tâm trạng lo âu cho thân phận nhỏ bé trôi dạt trên dòng đời vô định của Kiều bấy giờ. Càng nghĩ về thân phận của mình, Kiều càng xót xa, đau đớn:

*Buồn trông ngọn cỏ rầu rầu,
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*

Rồi đôi mắt Kiều chợt nhận ra cái sắc xanh ảm đạm nối tiếp của trời và đất. Tuy nhiên, bãi cỏ không mang màu xanh tươi như tiết thanh minh tháng ba, từ láy “rầu rầu” gợi cho ta sự tàn úa đến thảm thương. Xanh trời nối tiếp xanh đất nhưng xanh nào cũng là màu xanh tàn úa, héo hắt. Đất trời xā mờ héo hon, ảm đạm, tất cả lẫn vào nhau không nhìn thấy đâu là bến bờ, không nhìn thấy chút ánh sáng nào khác như cuộc đời ảm đạm, không lối thoát của Kiều:

Gần hơn nữa, ngay dưới chân Kiều lúc này đây là biển trời dữ dội “âm âm tiếng sóng” đang vỗ, đang “kêu”, đang bủa vây lấy nàng:

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh
Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi*

Trong lúc tuyệt vọng nhất, Kiều thấy mình dường như chao đảo. Từng ngọn gió mạnh thổi sóng vô âm âm. Quang cảnh đã thôi yên lặng, mặt biển dậy sóng như muốn nuốt chửng lấy Kiều, lòng Kiều cũng dậy sóng đầy lo âu và hãi hùng. Những đợt sóng dữ dội như dự báo trước điều bất an, như cảnh báo một tương lai bão táp đang chờ Kiều trước mắt. Mỗi câu thơ mỗi hình ảnh, ngôn ngữ miêu tả thiên nhiên, miêu tả ngoại cảnh mang ý nghĩa và giá trị như một ẩn dụ, một tượng trưng về tâm trạng đau khổ và số phận đen tối của một kiếp người trong bể trầm luân.

Một hệ thống từ láy: *thấp thoáng, xa xa, man mác, dầu dầu, xanh xanh, âm âm* – tạo nên âm điệu hiu hắt, trầm buồn, ghê sợ. Ở vị trí đầu dòng thơ, điệp ngữ “buồn trông” bốn lần cất lên như một tiếng ai oán, náo nùng kêu thương, diễn tả nét chủ đạo chi phối tâm trạng Thuý Kiều làm cho người đọc vô cùng xúc động:

... *Buồn trông cửa bể chiều hôm,*
... *Buồn trông ngọn nước mới sa*
... *Buồn trông nội cỏ rầu rầu,*
... *Buồn trông gió cuốn mặt duềnh...*

Với điệp ngữ “buồn trông”, nỗi buồn của Kiều như tầng tầng lớp lớp, không bao giờ dứt, càng ngày càng xoáy sâu thêm. Tám câu thơ, câu nào cũng vừa thực vừa hư, vừa là thực cảnh, vừa là tâm cảnh. Toàn là hình ảnh về sự vô vọng, sự dạt trôi, sự bế tắc, sự chao đảo, nghiêng đổ. Đây chính là lúc tình cảm Kiều trở nên mong manh và yếu đuối nhất, là lúc mà nàng rất dễ rơi vào cạm bẫy, như nàng sẽ rơi vào tay Sở Khanh sau đó.

Đoạn trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích* như một bức tranh lớn mà trong đó chứa đựng bốn bức tranh nhỏ liên hoàn nhau với điểm nhìn từ xa đến gần của nàng Kiều. Mỗi bức tranh lại khắc họa một khung cảnh và một cung bậc tâm trạng khác nhau của Kiều. Nhưng tất cả đều hướng đến nỗi đau buồn, sợ hãi mà Kiều đang nếm trải, dự báo sóng gió bão bùng mà nàng phải trải qua trong 15 năm trời lưu lạc “*thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần*”, có lửa nồng, có dấm thanh, cười ra tiếng khóc, khóc nên trận cười...

Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du vô cùng điêu luyện. Cảnh mang hồn người. Cảnh và tình hoà hợp, sống động, hình tượng, biểu cảm. Tả cảnh để tả tình, trong cảnh có tình, lấy cảnh để phô diễn tâm trạng, “*người buồn cảnh có vui đâu bao giờ!*”.

Đoạn thơ có giá trị nhân bản sâu sắc. Nó gợi lên trong lòng mỗi chúng ta nỗi xót thương về con người tài sắc bạc mệnh. Một trái tim yêu thương, một tấm lòng nhân hậu, cảm thông, chia sẻ của nhà thơ đối với nỗi đau của Thuý Kiều đã để lại ấn tượng sâu sắc trong trái tim người đọc qua hàng thế kỉ nay. Như Tố Hữu đã viết: “*Tố Như ơi! lệ chảy quanh thân Kiều*”.

**Đề bài: Phân tích đoạn trích “Mã Giám Sinh mua Kiều”
trích “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.**

Bài số 6

Học giả Đào Duy Anh đã có nhận xét chính xác về *Truyện Kiều*: “Chúng ta sở dĩ yêu chuộng *Truyện Kiều* không phải nó có thể làm quyển sách luân lý cho đời, mà chỉ vì trong sách ấy, Nguyễn Du đã dùng những lời văn kì diệu để rung động tâm hồn ta...” (*Khảo luận về Kim Vân Kiều*). Đọc đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều*, độc giả sẽ hiểu thêm về tài năng nghệ thuật và tấm lòng của nhà thơ.

Đang sống trong hạnh phúc của mối tình đầu say mê, trong trắng với Kim Trọng thì bất ngờ gia đình Kiều bị vu oan, giáng họa. Không đành lòng để cho gia đình tan nát, Thuý Kiều đau đớn trao duyên cho Thuý Vân, tự nguyện bán mình để lấy tiền cứu cha và em trai. Lợi dụng tình cảnh đau đớn của Kiều, Mã Giám Sinh “vốn là một đứa phong tình đã quen” đánh tiếng cưới nàng về làm thiếp nhưng thực sự là hấn mua Kiều về cửa hàng thanh lâu của hấn với mục Tú Bà ở Lâm Tri. Đoạn trích *Mã Giám Sinh mua Kiều* miêu tả màn kịch mua bán, qua đó “lột mặt nạ” của Mã Giám Sinh và thể hiện nỗi đau đớn ê chề, mở đầu cho đoạn trường mười lăm năm lưu lạc đầy cay đắng của nàng Kiều.

Với ngòi bút sắc sảo trong miêu tả và sự căm ghét bọn buôn thịt bán người, Nguyễn Du đã lột tả bộ mặt bỉ ổi, tàn ác, ghê tởm của gã họ Mã. Trong màn kịch này, Mã Giám Sinh đóng vai chàng sinh viên Quốc Tử Giám đến để làm “lễ vấn danh”, xem mặt, đàm hỏi Thuý Kiều về làm vợ lẽ. Gã sinh viên giả hiệu “người viễn khách” mờ ám này, mù mờ từ tên họ đến quê quán. Và ngòi bút thần tình của Nguyễn Du cứ mỗi nét lại khắc họa rõ hơn chân dung của Mã Giám Sinh và cái bản chất con buôn ghê tởm của hấn:

*Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
Mày râu nhẵn nhụi áo quần bảnh bao.
Trước thầy sau tớ xôn xao
Nhà băng đưa mối rước vào lầu trang.
...Ghế trên ngồi tót sỗ sàng,*

Mã Giám Sinh đã “ngoại tứ tuần” mà vẫn “áo quần bảnh bao”, “mày râu nhẵn nhụi”, rõ ra một gã trai lơ. Lũ thầy, tớ chúng kéo đến nhà Kiều thật là nhộn nhạo, lố lăng... và cử chỉ “ghế trên ngồi tót sỗ sàng” đã làm rơi cái mặt nạ giám sinh, phơi bày chân tướng của một tên vô học, thô lỗ của hấn.

Nguyễn Du cứ “khách quan” miêu tả cảnh mua bán vậy mà cái bản chất của Mã Giám Sinh vẫn bị lột trần, phơi bày bằng hết. Dẫu được khéo léo che đậy bằng mọi thứ mách lới xảo quyết nhưng diện mạo, thái độ, cử chỉ, hành vi và ngôn ngữ của hấn vẫn tự tố cáo bản chất đích thực của một tên “buôn thịt bán người” đê tiện.

Trong con mắt của Mã Giám Sinh, nàng Kiều cùng với tài sắc của nàng chỉ là một món hàng rồi đây sẽ sinh lợi cho hắn. Hắn đắn đo khi “cân sắc, cân tài”, hắn “ép”, hắn “thử” tài nghệ của nàng; nhắc lên, đặt xuống, xoay vần đủ kiểu hết như người ta mua bán một món hàng. Khi đã hoàn toàn vừa ý, bản chất con buôn của hắn vẫn còn lộ ra ở cái thái độ “tùy cơ dặt dùi” khi mặc cả. Bản chất đó còn được che đậy bằng những lời lẽ mi miếu, sang trọng:

Rằng: “Mua ngọc đến Lam Kiều

Sinh nghi xin dạy bao nhiêu cho tường?”

nhưng cuối cùng vẫn bộc lộ một cách trắng trợn và bỉ ổi nhất:

Cò kè bớt một, thêm hai

Giờ lâu ngả giá vâng ngoài bốn trăm

Với sự mặc cả “cò kè” ti tiện, bản thủ này, màn kịch “lễ vấn danh” lộ rõ thực chất là một cảnh “mua bán” một cách trắng trợn và Mã Giám Sinh hiện nguyên hình là một tên con buôn ghê tởm và đê tiện nhất.

Trong đoạn trích này, hình ảnh Thuý Kiều hiện ra với tất cả những buồn khổ, xót xa, ê chề, tủi hổ. Là một cô gái tài sắc vẹn toàn, đang sống trong cảnh “êm đêm trưởng rữ, màn che/ Tường đông ong bướm đi về mặc ai”, lại đang ngây ngất trong hạnh phúc của mối tình đầu trong trắng thì thành linh tai họa ập đến, Kiều trở thành một món hàng cho bọn “buôn thịt, bán người” cò kè, mặc cả. Tâm hồn nhạy cảm của nàng đã cảm nhận sâu sắc cảnh ngộ éo le, vừa hổ thẹn, vừa dơ dáy, vừa đau đớn, nhục nhã của mình:

Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,

Thêm hoa một bước lệ hoa mấy hàng!

Ngại ngừng dọn gió e sương,

Ngưng hoa bóng thẹn trông gương mặt dày.

Kiều vừa xót xa vừa ảm ức tủi hổ cho tình cảnh của mình, lệ rơi khôn cầm. Kiều ra với Mã Giám Sinh như cành hoa đem ra trước sương gió, cho nên “dọn gió, e sương”, vì sương gió làm cho hoa tàn, hoa rụng. Và vì tự ví mình với hoa nên thẹn thùng khi nhìn thấy hoa, tự thấy không xứng với hoa. Đó chính là cái phẩm hạnh thâm kín của Kiều. Trong khi đó mục mỗi cứ giới thiệu Kiều như một món hàng, một đồ vật: “vén tóc, bắt tay” cho khách xem, lại còn bắt nàng làm thơ, đánh đàn cho khách thấy. Mặc nàng “nét buồn như cúc điệu gầy như mai”.

Trong màn kịch “lễ vấn danh” này, dưới sự “đạo diễn” của mục mỗi và theo đòi hỏi, nài ép của Mã Giám Sinh, Kiều “nhất cử, nhất động” đánh đàn, làm thơ như một “cái máy”. Bản mình để chuộc cha, cứu em là hành động tự nguyện của nàng nên nàng cam chịu tất cả. Qua ngòi bút của Nguyễn Du, nàng Kiều hiện lên với sự nín lặng tuyệt đối mà vẫn không sao giấu được nỗi đau đớn, xót xa, tủi nhục, ê chề bởi nàng là người luôn có ý thức về nhân phẩm mà lại bị chà đạp lên nhân phẩm một cách nhục nhã, trơ trẽn. Kiều đau uất trước cảnh đời ngang trái, đau khi nghĩ tới “nỗi mình” - tình duyên dang dở, uất bởi “nỗi nhà” bị “vu oan giáng họa”. Bao

trùng lên tâm trạng của Kiều là sự đau đớn, tái tê “thêm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng”!

Phải nói rằng, trước sau, Nguyễn Du cũng đã miêu tả cảnh bán người như là cảnh “cảnh hoa đem bán cho thuyền lái buôn”.

Bằng việc miêu tả ngoại hình, cử chỉ và ngôn ngữ đối thoại, Nguyễn Du đã khắc họa được tính cách nhân vật một cách rõ nét và ấn tượng. Tác giả đã bóc trần bản chất xấu xa, đê tiện của Mã Giám Sinh, qua đó lên án những thế lực tàn bạo chà đạp lên tài sắc, nhân phẩm của người phụ nữ đồng thời bộc lộ sự thương cảm sâu sắc với nỗi đoạn trường của Thúy Kiều ngay từ buổi đầu.

Đề bài: Trong “Truyện Kiều”, khi tả quang cảnh ngôi mộ Đạm Tiên mà chị em Thúy Kiều đã gặp trong tiết Thanh minh, Nguyễn Du viết:

**Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.**

Nhưng cũng tại nơi có nhịp cầu và nước chảy ấy, Thúy Kiều đã gặp gỡ Kim Trọng gặp nhau và lúc “khách đà lên ngựa, người còn ghé theo” tác giả viết:

**Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha**

Em có nhận thấy dưới ngòi bút của thi nhân bức vẽ về cùng một cảnh vật đã hiện lên không hoàn toàn giống nhau. Qua đó, hãy nhận xét nghệ thuật miêu tả của tác giả.

Bài số 7

Thiên nhiên luôn là đề tài gợi nhiều cảm xúc đối với các thi nhân. Đã có biết bao người lấy thiên nhiên để bộc lộ tâm trạng của con người. Với Nguyễn Du cũng vậy, ông dùng thiên nhiên để miêu tả tâm trạng của nhân vật. Nhưng dưới ngòi bút của ông, bức vẽ về cùng một cảnh vật hiện lên không hoàn toàn giống nhau. Trong *Truyện Kiều*, khi miêu tả quang cảnh nơi mộ Đạm Tiên mà ba chị em Thúy Kiều đã gặp trong tiết Thanh minh. Nguyễn Du viết:

**Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.**

Nhưng cũng tại nơi có nhịp cầu và dòng nước chảy ấy, Thúy Kiều và Kim Trọng gặp nhau và lúc “khách đà lên ngựa, người còn ghé theo”, tác giả lại viết:

*Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Cả hai lần Nguyễn Du đều tả một khung cảnh nơi có nhịp cầu và dòng nước chảy nhưng bức vẽ thiên nhiên hiện lên lại hoàn toàn khác nhau.

Lần thứ nhất là hình ảnh cảnh vật trên đường ba chị em Thúy Kiều du xuân trở về. Cảnh vật ấy mang dáng dấp nhỏ nhoi, bó hẹp và phảng phất nỗi buồn của sự lụi tàn:

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

Cái "nao nao" của dòng nước, cái "nho nhỏ" của nhịp cầu đã gợi tả được những đường nét của cảnh vật. Dòng nước, nhịp cầu mang một tâm trạng chên vênh. Dòng nước tâm tình chia sẻ ấy, nhịp cầu nên thơ như giấc mộng hiện lên ấy ru vỗ lòng người, làm dịu đi cái xôn xao từ ngày hội bước ra. Nhưng cái "nao nao" đó cũng là cảm giác băng khuâng, xao xuyến của Thúy Kiều cảm nhận được một điều gì không hay sắp xảy ra với nàng. Và điều gì đến cũng phải đến: năm mộ Đạm Tiên xuất hiện:

*Sè sè nấm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

Nguyễn Du rất tài tình khi sử dụng các từ láy "sè sè", "rầu rầu" để miêu tả năm mộ Đạm Tiên. Vì thế mà người đọc không ai không hình dung ra được nấm mộ vô chủ chỉ cao hơn mặt đất một chút ở bên đường và ở trên là những ngọn cỏ úa vàng xen lẫn với màu xanh còn sót lại. Nhưng những hình ảnh đó không chỉ miêu tả năm mộ Đạm Tiên mà còn miêu tả tâm trạng nàng Kiều, trước số phận một con người tài hoa bạc mệnh, một cô gái có nhan sắc nhưng phải sống cảnh đời bất hạnh chốn lầu xanh. Phải chăng tất cả cũng báo trước một số phận không lấy gì làm sáng sủa của Kiều.

Nhưng trái lại, cũng tại nơi có nhịp cầu và dòng nước chảy ấy. Lần thứ hai này lại là Thúy Kiều và Kim Trọng gặp nhau và cảnh vật lại mang một vẻ gì thướt tha, lưu luyến.

*Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Cũng trong buổi chiều du xuân trở về, Kiều đã gặp Kim Trọng - một chàng trai phong nhã, hào hoa. Cảnh vật giờ đây đã mang một tâm trạng khác: vui tươi, đầy lưu luyến không muốn rời xa. "Thướt tha" là từ láy, diễn tả sự uyển chuyển, nhịp nhàng. Chiếc cầu và dòng nước trong veo, cảnh tơ liễu và bóng chiều thướt tha như những chứng nhân cho một thiên diễm tình giữa giai nhân và tài tử. Dường như cảnh vật đã trở thành cái nền thơ mộng, nói hộ cho nỗi vương vấn của cặp tình nhân trong mối tình e ấp, kín đáo "tình trong như đã mặt ngoài còn e". Hai trái tim đa tình, đa cảm đã có một tiếng nói chung cho đến lúc chia xa "khách đà lên ngựa người còn ghé

theo". "Kẻ thiên tài" đã mang theo hình bóng "người quốc sắc" trở về nhà. Hai câu thơ là một khúc nhạc của tình yêu bắt đầu hé nụ.

Dưới ngòi bút tả cảnh của Nguyễn Du cảnh vật trong *Truyện Kiều* luôn luôn thấm đượm hồn người, cảnh vật được nhìn qua tâm trạng, nhuộm màu tâm trạng, "Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu - Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ". Cảnh vật thiên nhiên trong *Truyện Kiều* luôn nói hộ tâm trạng của nhân vật. Chỉ bằng hình ảnh vầng trăng nhưng ở những hoàn cảnh khác nhau nó lại diễn biến tâm trạng khác nhau. Trăng sáng quá mức như dư thừa, như bề bộn sau buổi chiều đi chơi xuân, Kiều cùng một lúc đối diện với số phận và duyên phận.

*Gương nga chênh chếch dàn song
Vàng gieo bóng nước cây lồng bóng râm.*

Còn trong đêm Kim, Kiều thể nguyên trăng cũng sáng hết mình nhưng ánh sáng lại không lan tỏa mà như tụ lại:

*Vàng trắng vàng vặc giữa trời
Đình ninh hai miệng một lời song song*

Trong đêm Kiều trốn cùng Sở Khanh thì trăng lại nhạt nhẽo, lạnh lẽo, nhợt nhạt, mong manh, tàn tạ:

*Đêm thâu khắc dấu canh tàn
Gió cây trút lá trắng ngàn ngậm gương
Lối mòn cỏ lợt màu sương
Lòng quê đi một bước đường một đau*

Có thể nói, dưới ngòi bút của Nguyễn Du, bức vẽ về cùng một cảnh vật thiên nhiên hiện lên không hoàn toàn giống nhau. "Thiên nhiên trong *Truyện Kiều* cũng là một nhân vật – một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không xuất hiện và luôn thấm đượm tình người".

Bài số 8

*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu
Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*

Câu thơ thật đúng, thật hợp với tâm trạng nàng Kiều. Đặc biệt trong ngày tết thanh minh, khi ba chị em đang đứng trước nấm mộ vô chủ – Đạm Tiên:

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

Cũng trong ngày ấy, cũng là cái nơi có nhịp cầu và dòng nước chảy ấy, nhưng khi Kiều gặp Kim Trọng, lúc "khách đà lên ngựa, người còn ghé theo" thì cảnh quan thiên nhiên lại được miêu tả khác:

*Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Trong lần thứ nhất, bức tranh phong cảnh được vẽ với những hình ảnh đều mang dáng dấp nhỏ nhoi, bó hẹp và phẳng phất nỗi buồn của sự tàn lụi. Dòng nước "nao nao" là dòng nước không chảy róc rách, không réo rắt mà dường như nó đang buồn trước khung cảnh ảm đạm này. Còn nhịp cầu "nhỏ nhỏ" thể hiện sự thu hẹp, cái bé nhỏ trong khoảng không rộng lớn. Một "nấm đất" "sè sè" bên đường thật cô đơn, thật lẻ loi, thật giá lạnh. Bởi không có được chăm sóc như những ngôi mộ khác. Nấm mộ thấp bé nằm chơ vơ bên lề đường, thật cô đơn và gợi nỗi sầu thương. Và ngay đến cả những đám cỏ cũng phải "rầu rầu", cũng mang tâm trạng buồn bã, đau thương... Tất cả, từ dòng nước, nhịp cầu, nấm mộ đến ngọn cỏ... dường như đang chuẩn bị cho sự gặp gỡ một kiếp người bất hạnh. Và ngôi bút của Nguyễn Du cũng đã đồng cảm với nỗi lòng của người trong cảnh. Một nỗi buồn tê tái, ảm đạm đến lạ kì. Dường như tất cả mọi vật đều khép mình lại, đồng cảm vọng với nỗi lòng của nhân vật. Có thể nói đây là một bức tranh ám ảnh ghê gớm đến với cả người đọc. Nó chứa đựng những dự cảm chẳng lành.

Nhưng đến bức tranh thứ hai thì lại khác. Vẫn là nhịp cầu và dòng sông ấy nhưng lại mang một vẻ gì thiết tha, lưu luyến. Bởi, ngay từ cái nhìn đầu tiên, ngay từ hình ảnh "Hai Kiều e lệ nép vào dưới hoa" đã làm cho Kim Trọng – một văn nhân tài tử "chập chờn cơn tỉnh cơn mê"... "Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy" đã được thi hào Nguyễn Du ghi lại một cách thần tình:

*Bóng tà như giục cơn buồn,
Khách đà lên ngựa, người còn ghé theo.*

Rất tế nhị và thanh tao, cái giây phút rạo rực trong trái tim Kim Kiều cái lưu luyến, bị rịn của một tình yêu đắm say chớm nở khiến Nguyễn Du viết nên những vần thơ tình tuyệt bút. Với bút pháp tả cảnh ngụ tình tác giả đã vẽ ra một không gian thật trong trẻo. Dường như tất cả mọi vật, từ chiếc cầu nhỏ xinh xinh, dòng nước trong veo lững lờ, cảnh liễu thướt tha trong bóng chiều nhạt... dường như cũng đang xao xuyến chứng kiến cho một mối tình đẹp vừa nảy nở.

Cảnh vật đẹp và thơ mộng quá! Thiên nhiên như mang nặng tình người. Dòng nước trong veo chảy dưới cầu hay chính là mối tình đầu trong trẻo, tinh khiết của Kim – Kiều? Mỗi cảnh liễu dài đang thướt tha bay trong làn gió nhẹ hay chính là lời chào của thiên nhiên gửi đến cho hai con người, cho "người quốc sắc kẻ thiên tài"! Cả tâm cảnh và ngoại cảnh dường như hòa nhập với nhau tạo nên sự băng khuâng, xao xuyến của Thúy Kiều và Kim Trọng.

Chỉ một vài nét phác thảo cộng với gam màu nhẹ hòa hợp, tạo cảm xúc thơ mộng: màu xanh của dòng nước trong veo, màu vàng nhạt của bóng chiều tà mùa xuân, màu xanh lục của liễu... Dường như tất cả sinh vật đang xao xuyến rung động trước nỗi niềm băng khuâng, man mác của lứa đôi và đã in dấu tâm sự, tình cảm của buổi đầu gặp gỡ giữa hai con người tài hoa. Đồng thời, cảnh vật muốn nói hộ cho nỗi vương vấn của cặp tình nhân trong

mối tình không lời và đầy e ấp cho tới tận lúc tạm chia xa. Có thể nói hai câu thơ cuối là khúc nhạc của một tình yêu mới bắt đầu hé nụ.

Dưới ngòi bút tinh tế, tài hoa của nhà thơ, hai bức tranh cùng vẽ về một cảnh vật đã hiện lên không hoàn toàn giống nhau. Một bức mang đầy u buồn, thâm trầm, một bức lại chan chứa tình cảm thiết tha, lưu luyến. Điều đó càng chứng tỏ ngòi bút miêu tả của tác giả đã đạt đến trình độ điêu luyện, tinh tế...

Bài số 9

Trong *Truyện Kiều*, khi tả quang cảnh nơi mộ Đạm Tiên mà ba chị em Thúy Kiều đã gặp trong tiết Thanh minh, Nguyễn Du viết:

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nấm đất bên đường,
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

Nhưng cũng tại nơi có nhịp cầu và dòng nước chảy ấy, Thúy Kiều và Kim Trọng gặp nhau và lúc "khách đà lên ngựa, người còn ghé theo", tác giả lại viết:

*Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Tuy Nguyễn Du đều vẽ về một cảnh vật nhưng ở mỗi thời khắc, vật và cảnh hiện lên không hoàn toàn giống nhau.

Cùng cảnh vật ấy, nơi có "dòng nước" và "dịp cầu" nhưng hai bức tranh miêu tả lại rất khác nhau.

Quang cảnh nơi mộ Đạm Tiên mà ba chị em Thúy Kiều đã gặp trong tiết Thanh minh là một bức tranh phong cảnh được vẽ với những hình ảnh đều mang dáng dấp nhỏ nhoi, bé hẹp và phẳng phất nỗi buồn của sự lụi tàn. Phút dịu êm của cảnh vật tạm lấp dần khoảng trống rất khó nguôi vơi của nỗi buồn. Vừa khép lại vừa mở ra từ dòng nước, nhịp cầu một tâm trạng chên vênh "Nao nao dòng nước uốn quanh". Dòng nước tâm tình sè chia ấy, nhịp cầu nên thơ như giấc mộng hiện lên ấy ru vỗ lòng người làm dịu lại cái nao nao từ ngày hội bước ra. Hai chữ "nao nao" ("Nao nao dòng nước uốn quanh") đã nhuộm màu tâm trạng lên cảnh vật, cái "nao nao" của dòng nước, cái "nho nhỏ" của nhịp cầu đã gói được đường nét của cảnh vật. Phải chăng cái "nao nao" dòng nước ấy là cảm giác băng khuâng xao xuyến của Thúy Kiều, báo trước một điều sắp xảy ra và điều gì đến đã đến: Nấm mộ Đạm Tiên xuất hiện. Nguyễn Du đã rất tài tình sử dụng các từ láy "sè sè", "rầu rầu" để miêu tả nấm mộ Đạm Tiên – một nấm mộ vô chủ đáng thương. Dòng nước "nao nao" như báo trước ngay sau lúc này thôi Kiều sẽ gặp chàng thư sinh "phong tư tài mạo tót vời" Kim Trọng sẽ khởi đầu ám ảnh giấc mộng Tiên Đường đeo đẳng suốt mười lăm năm. Tất cả những hình ảnh đó

báo hiệu cho sự khởi đầu một cuộc tình đầy dang dở, tiếc nuối với Kim Trọng, khởi đầu những ngày tháng âm đạm bạc mệnh.

Trái lại lần thứ hai, vẫn là nơi có dòng nước, nhịp cầu ấy nhưng lại mang một vẻ đẹp thiết tha, sâu lắng. Dường như cảnh vật cũng nói hộ cho nỗi vấn vương của cặp tình nhân. Khúc nhạc tình yêu trầm bổng ngân lên đã hòa nhịp trái tim đôi trai tài gái sắc Kim Trọng – Thúy Kiều. Nhẹ nhàng, thánh thót, cái phút ban đầu lưu luyến ấy được Nguyễn Du viết lại bằng hai câu thơ tả cảnh ngụ tình:

*Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.*

Tình yêu ẩn kín trong tâm hồn mỗi con người, trong sáng, độc đáo mà Nguyễn Du đã khéo léo mở ra:

Dưới cầu nước chảy trong veo,

Tại sao nhà thơ không dùng từ "trong vắt", "trong suốt" mà lại "trong veo"? Ta chợt nhớ đến câu thơ trong *Chinh phụ ngâm*:

*Ngồi đầu cầu nước trong như lọc
Đường bên cầu cỏ mọc còn non*

Vẫn dòng nước trong nhưng lại "trong như lọc". Vậy đó, mỗi thi nhân có cái nhìn riêng của mình, nó phù hợp với tâm trạng từng cảnh vật. Vì thế, trong *Truyện Kiều*, cùng một cảnh vật mà bức tranh vật và cảnh hiện lên khác nhau. Ở đây Nguyễn Du đã vẽ nên dòng nước trong veo lượn lờ uốn khúc dưới chân cầu. Nó thơ mộng, đẹp dễ chứ không mang nỗi buồn "nao nao" của bức tranh đầu. Cảnh nên thơ và tình cũng đầy chất thơ "Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha". Hình ảnh "tơ liễu" gợi đến bóng nàng thiếu nữ liễu yếu đào tơ. Một chút gì mềm yếu ẩn hiện sau câu thơ: "Tơ liễu" lại xuất hiện trong bóng chiều bỗng trở nên thướt tha. Đẹp nhưng cũng đầy mong manh. Phút ban đầu gặp gỡ Kim – Kiều, "Tình trong như đã mặt ngoài còn e". Họ e ấp ngại ngùng bởi lễ giáo phong kiến, bởi đạo đức gia phong nhưng họ cũng không ngăn được con tim đang thổn thức. Tình yêu nảy nở như nụ hoa có ai biết lúc nào tỏa hương. Tình cảm ấy thật đẹp, thi vị, như những đợt sóng vỗ êm đềm, nhẹ nhẹ... Phút rung động của Thúy Kiều – Kim Trọng thật tế nhị, sâu lắng. Nó đẹp và hương sắc của nó lan tỏa ra cảnh vật. Từ láy "thướt tha" nhẹ nhàng như tình cảm thanh khiết của họ vừa chớm nụ.

Truyện Kiều là một tác phẩm mang nghệ thuật tả cảnh rất độc đáo – tả cảnh ngụ tình, một nghệ thuật đặc sắc của Nguyễn Du thông qua cảnh người đọc cảm nhận được tâm trạng buồn vui của nhân vật. Chính cái "nao nao" nhịp cầu "nhỏ nhỏ" đã nói hộ lòng Kiều trước nắm mộ vô chủ – Đạm Tiên. Cũng dòng nước, nhịp cầu ấy lại mang một vẻ đẹp khác, một vẻ đẹp của tình yêu trong sáng của đôi trai tài gái sắc Kim – Kiều.

Bài số 10

Thiên nhiên là nguồn cảm hứng vô tận cho thơ ca Việt Nam từ xưa đến nay. Các tao nhân mặc khách, các thi sĩ xưa đến với thiên nhiên để hoà mình vào thiên nhiên, gửi gắm tình cảm tâm tư vào mỗi bức tranh ấy. Mỗi nhân vật trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du cũng thường tìm đến với người bạn thiên nhiên để soi lòng mình vào tấm gương trong sáng ấy. Không trọng tâm tả thiên nhiên cảnh vật nhưng trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, thiên nhiên trở thành một nhân vật nói hộ tác giả tâm trạng nhân vật. Hoài Thanh đã có nhận xét thật đúng về nhân vật thiên nhiên trong *Truyện Kiều*: “Có thể nói thiên nhiên trong *Truyện Kiều* cũng là một nhân vật – một nhân vật thường kín đáo, lặng lẽ nhưng không mấy khi không xuất hiện và luôn thấm đượm tình người”.

Thiên nhiên là cảnh vật, là cỏ cây hoa lá, là âm thanh, sắc màu. Viết về thiên nhiên là vẽ nên bức tranh phong cảnh nên thơ. Nhưng thiên nhiên trong *Truyện Kiều* mang cả hai chức năng: vừa tả cảnh vừa tả tình. Cảnh thấm đượm tình người và tình người hoà vào cảnh vật. Đó cũng chính là bút pháp tả cảnh ngụ tình tuyệt diệu trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Thiên nhiên là một nhân vật mang tâm trạng nói hộ Nguyễn Du khi ngòi bút của ông bất lực.

Cảnh thiên nhiên là một nhân vật xuyên suốt từ đầu tác phẩm đến cuối tác phẩm cùng với nàng Kiều. Một bức tranh phong cảnh nên thơ đã mở ra trước mắt ba chị em Kiều trong buổi du xuân. Tiết thanh minh, trời xuân tươi đẹp rực rỡ khiến cỏ như non xanh hơn, hoa khê nở xòe trong hơi xuân:

*Cỏ non xanh rợn chân trời,
Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.*

Cỏ non xanh mơn mớn trải dài trên mặt đất nối tới tận chân trời xa. *Xanh rợn* là màu xanh ngan ngát, cả một vùng. Mặt đất phủ cỏ xuân như một chiếc thảm nhẹ mềm mại nâng bước chân người đi tảo mộ. Bên cạnh một gam màu đậm của cỏ *xanh rợn* là một gam màu nhẹ rất mềm, rất mỏng. Một vài bông lê trắng muốt điểm nhẹ lên làn cỏ xanh ấy. Cành lê sa gần mặt đất và vài bông lê trắng điểm ngỡ như ai đó còn để vương lại trên nền cỏ non vài đốm hoa nhỏ. Hai gam màu đậm nhạt ấy như hài hoà với nhau tạo nên bức tranh thật đẹp, nên thơ và cũng đầy sức xanh. Cảnh vật thật tươi sáng, thơ mộng.

Nhưng cũng cảnh trong buổi du xuân ấy, vào lúc chiều tà khi ba chị em Kiều thơ thẩn ra về thì gặp một ngôi mộ bên đường. Hỏi ra Kiều mới biết là mộ Đạm Tiên – cô kĩ nữ trẻ tuổi xuân xanh đã gây *cành thiên hương* oan uổng một kiếp người. Thương Kiều, nghe chuyện cảm thương cho kiếp người bất

hạnh ấy đã *đắm đắm châu sa*. Và cảnh vật quanh đây như chùng lại, lắng xuống đồng cảm với tâm hồn người trong cuộc.

*Nao nao dòng nước uốn quanh,
Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đường,
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.*

Cảnh vật đó có dòng nước, có nhịp cầu, có cỏ nhưng tất cả đều nhuốm tình người. Dòng nước nao nao, uốn quanh nắm mồ khiến người nhìn cảnh cũng thấy lòng nao buồn. Nhịp cầu như thu nhỏ lại bắc ngang dòng nước cũng chẳng chút vui tươi mà lặng lẽ, gợi buồn. Dòng nước êm đềm chảy không gợn sóng lăn tăn.

Nắm mồ Đạm Tiên trải qua bao cơn sóng gió dập vùi nay đã sè sè bên đường. Nắm mồ hoang không người hương khói giờ đây cỏ mọc um tùm. Nhưng cỏ cũng chẳng xanh tươi gì mà *dầu dầu, nửa vàng nửa xanh*. Cảnh vật nhuốm màu tàn tạ, ngọn cỏ nhuốm màu héo tàn, vàng úa như kiếp người bất hạnh nằm kia. Cảnh thiên nhiên mang tâm trạng buồn bã tiếc thương cùng với nàng Kiều. Các từ láy *nao nao, nho nhỏ, sè sè, dầu dầu* đã miêu tả thật chính xác tâm trạng buồn bã của người trong cảnh ấy. Nhân vật thiên nhiên như thấm đượm nỗi buồn, thấm đượm tình người.

Rồi cũng cảnh ấy, cũng có cầu, có nước nhưng lại không đượm buồn mà mang màu sắc trong sáng, vui tươi. Đó là lúc chiều tà khi cuộc chia tay Kim – Kiều diễn ra, cảnh vật thật tươi sáng:

*Dưới cầu nước chảy trong veo
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

Hai con người *quốc sắc, thiên tài* gặp nhau, chỉ phút chốc tình trong như đã. Tiếng sét ái tình đã loé sáng trong tim mỗi người. Nhưng chiều đã muộn, người thì chưa muốn ra về mà thời gian thì giục già khiến bước chân về mà lòng vẫn lưu luyến khôn nguôi. Kim Trọng là một văn nhân tài tử con nhà nho danh, phúc hậu, thông minh tài giỏi. Thuý Kiều là cô gái tiểu thư sắc nước hương trời, tài hoa hơn người. Họ quả là một cặp đẹp đôi mà trời gieo tơ phải lứa. Và cảnh vật lúc chia tay cũng trong sáng như tình yêu chớm nở ban đầu.

Dòng nước như trong veo một màu in bóng chiếc cầu nhỏ nổi ngang dòng. Bóng liễu thướt tha in trên mặt nước phẳng lặng như gương. Liễu vốn đã đẹp nhưng trong nắng chiều vàng nhạt, lá liễu như mềm mại hơn, thướt tha hơn. Câu thơ có hình ảnh bóng chiều nhưng không hề gợi buồn mà thật đẹp, tươi trẻ. Phải chăng lúc chia tay với Kim Trọng tâm hồn Kiều đang trong sáng, hồn nhiên nhất và cũng hạnh phúc trong tình yêu đầu nên cảnh vật như nhuốm sự vô tư, trong sáng của tâm hồn nàng. Cảnh thiên nhiên có dòng, suối trong veo, có nhịp cầu bóng liễu là của ban ngày. Còn ban đêm, ánh trăng trở thành người bạn gần gũi nhất, thân thiết nhất. Ánh trăng thu sáng vàng rực rỡ không lan toả mọi nơi mà như hội tụ lại soi rọi rõ mặt Kim

– Kiều trong buổi thề non hẹn biển. Lời đính ước, thề nguyên của hai con người son trẻ được vầng trăng chứng giám:

*Vầng trăng vằng vặc giữa trời,
Đinh ninh hai mặt một lời song song.*

Ánh trăng sáng sẽ mãi là nhân chứng cho mối tình diễm lệ. Buổi thề nguyên như càng in đậm mãi trong lòng Kiều và nó là khoảnh khắc hạnh phúc nhất của cuộc đời nàng.

Nhưng trăng vui tươi trong sáng rồi trăng có lúc cũng thật buồn, lạnh lẽo. Trong buổi tối trốn cùng Sở Khanh, ánh trăng nhợt nhạt như dự báo trước một cuộc trốn chạy vô ích của nàng Kiều:

*Đêm thu khắc lậu canh tàn,
Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm sương.
Lối mòn cỏ nhợt mù sương,
Lòng quê đi một bước đường, một đau.*

Trăng không sáng soi vằng vặc, cũng không chiếu rõ muôn nơi mà trăng nhợt nhạt, u ám, cảnh vật thật buồn thảm, vắng lặng. Cảnh như thế thì người trong cảnh cũng chẳng được việc gì. Và lần bỏ trốn của Kiều sẽ không gặp may mà có thể nó sẽ gây nên cho nàng nỗi khổ nhục hơn. Trước kia khi bị Tú Bà bắt giữ làm gái lầu xanh, Thuý Kiều đã toan 'quyên sinh' nhưng rồi không chết. Kiều được đưa ra lầu Ngưng Bích giam lỏng một thời gian trước khi gặp Sở Khanh. Cảnh vật cũng đượm buồn như cảnh trong đêm bỏ trốn. Vầng trăng xa xôi mà như gần gũi khiến nàng nhớ tới đêm hẹn ước năm xưa. Cảnh đẹp nhưng người buồn khiến cảnh cũng nhuốm buồn. Tất cả trước mắt Kiều đều xa xôi, lạnh lẽo, gợi thân phận lạc loài của nàng. Lầu Ngưng Bích giữa một vùng nước rộng thật cô đơn lẻ loi. Đôi mắt buồn nhìn cảnh nên mới là "buồn trông":

*Buồn trông cửa biển chiều hôm,
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.
Buồn trông ngọn nước mới sa,
Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

Nhìn con thuyền xa xôi nơi biển chiều, cô đơn, lạc lõng không bến bờ gợi tâm trạng cô đơn, xa cha lìa mẹ của người con gái nơi đất khách quê người. Ngọn nước trên cao đổ xuống dập vùi tan nát cánh hoa rơi hay rồi cuộc đời mai đây của Kiều cũng đau khổ bị sóng gió dập vùi như cánh hoa kia. Nhìn phía nào cảnh nào cũng thấy một màu tàn úa, một tương lai mịt mù, tăm tối. Nhìn cỏ thì cỏ vàng úa, héo tàn, nhìn nước thì nước đục ngầu gợn dử, nước vỗ sóng ầm ầm... Thiên nhiên quanh nàng phía nào cũng thật đáng sợ, gợi buồn, gợi đau trong lòng Kiều. Nghĩ tới tương lai thì mịt mù, vô vọng nhìn vào hiện tại thì chán chường, lạc lõng còn quá khứ đau đớn, thương cảm. Và có lẽ bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích là bức tranh dự đoán tương lai của nàng Kiều, là nền của cuộc chạy trốn với Sở Khanh không may mắn.

Chia tay với Kim Trọng cảnh vui tươi, trong sáng nhưng khi chia tay với Thúc Sinh cảnh lại buồn đau, xót xa:

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường.*

Ánh trăng, vầng trăng là khối tình chung của Thuý Kiều với Thúc Sinh vậy mà giờ đây bị xẻ chia thành hai nửa. Người ra đi đem theo một nửa sáng soi dặm đường đi, người ở lại giữ một nửa vầng trăng chờ đợi ôm ấp mối tình chung thủy.

Cả *Rừng phong thu cũng nhuộm màu quan san*. Chia tay ở cảnh rừng phong đổ vào thu nên cảnh nhuộm li biệt. Cảnh chia tay ấy đậm tình người và nước mắt. Nhân vật thiên nhiên đã có mặt thật đúng lúc để diễn tả tâm trạng con người. Chia tay có mấy cảnh vui tươi mà cảnh nào cũng buồn, cũng sầu bởi có ai muốn chia cách, li biệt.

Nhân vật thiên nhiên còn hiện lên trong lần Kim Trọng về thăm vườn Thuý. Cảnh xưa tươi đẹp, nên thơ là thế giờ đây hoang vu, tàn tạ:

*Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
Song trắng quanh quẽ vách mưa rã rời.
Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
Xập xè én liệng lâu không,
Cỏ lan mặt đất rêu phong dấu giày.*

Cảnh vườn Thuý trong buổi trao khăn, trao kim thoa thật đẹp, cảnh vui vẻ, đậm ấm tình người. Vậy mà giờ đây cỏ mọc đầy sân, vách tường rã rời vì mưa gió, cảnh hoang vu vắng lặng không một bóng người. Cảnh xưa đầy, hoa đào năm ngoái vẫn còn đây nhưng người xưa đã vắng bóng bao giờ để cỏ lan, để rêu phong kín dấu giày năm xưa. Cảnh tiêu điều, tàn tạ khiến lòng người về thăm cảnh cũ cũng nao nao buồn. Thiên nhiên luôn mang tâm trạng nhân vật, thiên nhiên luôn thấm đượm tình người là thế.

Truyện Kiều của Nguyễn Du không cốt tả cảnh thiên nhiên nhưng ông lại mượn thiên nhiên nói hộ tâm trạng nhân vật. Và thiên nhiên trở thành một nhân vật đặc biệt, lúc ẩn lúc hiện nhưng luôn có mặt đúng lúc. Nhân vật thiên nhiên thường kín đáo, lặng lẽ bởi có mấy ai để ý đến thiên nhiên và cảnh thiên cũng đến rất nhẹ. Mỗi nhân vật đều gửi gắm tâm trạng mình vào thiên nhiên ấy hay Nguyễn Du đã rất thành công khi sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình trong *Truyện Kiều*. Bút pháp nghệ thuật ấy đã góp phần không nhỏ trong việc khắc họa tính cách nhân vật của Nguyễn Du.

Thiên nhiên đã đi vào những vần thơ trong *Truyện Kiều*, đi vào tâm hồn đại thi hào dân tộc Nguyễn Du lặng lẽ, nhẹ nhàng nhưng đã tạo nên nền cho tác phẩm cũng như mang tâm trạng, nỗi lòng của nhân vật. Đại thi hào Nguyễn Du đã thành công khi dùng bút pháp tả cảnh ngụ tình, mượn thiên nhiên nói hộ tâm trạng nhân vật của mình.

**Đề bài: Suy nghĩ của em về nhân vật Lục Vân Tiên
trong đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”
của Nguyễn Đình Chiểu.**

Bài số 11

Truyện thơ *Lục Vân Tiên* gồm 2082 câu lục bát của do nhà nho mù loà Nguyễn Đình Chiểu sáng tác có vị trí cao trong nền văn học Nam Bộ nói riêng và nền văn học dân tộc nói chung. Đoạn trích *Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga* để lại nhiều ấn tượng đẹp bởi hình ảnh Lục Vân Tiên – người anh hùng chiến đấu vì nghĩa, văn võ song toàn.

Đoạn trích là một trong những đoạn thơ hay nhất của tác phẩm, tiêu biểu cho bút pháp tự sự của Nguyễn Đình Chiểu. Nhân vật Lục Vân Tiên được khắc họa thành mẫu người anh hùng lí tưởng tuyệt đẹp: giàu lòng thương người, dũng cảm và nghĩa hiệp.

Bản tính anh hùng nghĩa hiệp là đức tính tốt đẹp nhất của Vân Tiên. Từ già thầy, chàng hăm hở xuống núi về kinh đô ứng thí. Trên lộ trình gian nan ấy, chàng bất ngờ gặp cảnh dân dạt dứu nhau chạy loạn, kêu khóc thảm thương, chàng hứa:

*Tôi xin ra sức anh hào
Cứu người cho khỏi lao đao buổi này.*

Căm giận lũ bất lương, Vân Tiên sôi sục lên án hành động dã man của chúng. Chàng đứng về phía nhân dân, phía người bị nạn, bẻ cây làm gậy xông thẳng vào bọn cướp Phong Lai hung dữ:

*Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ”
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân.*

Đạo lí “thương người như thể thương thân”, thấm nhuần và toả rạng trong hành động của Vân Tiên. Tình thương người đã nâng cao chí khí và lòng dũng cảm cho chàng thư sinh họ Lục. Bọn cướp đông đặc, gươm giáo sáng ngời, búng búng sát khí. Còn Vân Tiên chỉ có một vũ khí thô sơ “cây gậy bên đàng”. Thế mà trong cuộc chiến không cân sức ấy:

*Vân Tiên tả đột hữu xông
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.*

Không tả tỉ mỉ trận chiến, chỉ bằng mấy dòng thơ ngắn gọn mà đặc sắc cùng nghệ thuật so sánh, tác giả đã làm nổi bật hình ảnh một dũng tướng đánh nhanh, kín võ, sánh ngang Triệu Tử Long thời Tam Quốc trong trận phá vòng vây của quân Tào bảo vệ ấu chúa. Việc sử dụng điển tích, so sánh Lục Vân Tiên với Triệu Tử Long khiến cho câu thơ trở nên hàm súc, phát huy được lối nói khoa trương, tôn vinh phẩm chất nhân vật cũng ngang bằng với người anh hùng nổi tiếng thời Tam quốc. Việc làm của Vân Tiên cao đẹp hơn bởi nó xuất phát từ lòng nhân từ, từ tư tưởng cứu dân diệt ác nên giản dị, vô tư mà trong sáng, cao đẹp vô cùng. Cuộc chiến của chàng giống hệt thuở xưa Thạch Sanh diệt đại bàng cứu nàng công chúa. Sức mạnh

của chàng là kết tinh sức mạnh của nhân dân, của điều thiện vì thế nó có sức mạnh vô địch:

*Lâu la bốn phía vỡ tan,
Đều quăng gươm giáo tìm đường chạy ngay.
Phong Lai trở chẳng kịp tay,
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong.*

Lời thơ chân chất, thơ mộc song hồn thơ thì chan chứa dạt dào. Nó nêu bật một chân lí: kẻ bất nhân độc ác thì thảm bại, người anh hùng làm việc nghĩa sẽ chiến thắng. Hành động của Vân Tiên chứng tỏ cái đức của con người vị nghĩa vong thân, cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bền vững kẻ yếu, chiến thắng những thế lực tàn bạo.

Tự nguyện dấn thân vào nguy hiểm, chiến đấu hết mình, thắng lợi rực rỡ... Tất cả đều vì nhân nghĩa, nên sau thắng lợi Vân Tiên không hề kiêu ngạo. Trái lại chàng thật khiêm nhường, chính trực, chân thành mà dung dị. Cuộc kì ngộ giữa người đẹp và trượng anh hùng diễn ra thật cảm động. Nguyệt Nga tha thiết muốn mời chàng hiệp sĩ qua miền Hà Khê để nàng báo đức thù công, “Vân Tiên nghe nói liền cười” – nụ cười đáng yêu đáng kính của một tâm hồn vô tư hào hiệp. Chàng cười bởi chàng quan niệm:

*Làm ơn há dễ trông người trả ơn.
Nay đã rõặng nguồn cơn,
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.*

Đúng là giọng nói, cách nói của chàng trai Nam Bộ – nôm na, giản dị mà chất phác vô cùng. Đằng sau những lời giản dị ấy là một quan niệm nhân sinh vô cùng sâu sắc, một tấm lòng nhân ái, hào hiệp. Với chàng, ơn nghĩa là việc thông thường của người sống có văn hoá, đang theo đòi kinh sử, hướng về nghĩa khí, lấy chữ nhân làm động cơ, làm mục đích cho mọi hành động. Chàng hành động vì lòng nhân, vì nghĩa lớn, trừ kẻ ác, bảo vệ người lương thiện. Chàng quan niệm:

*Nhớ câu kiến ngãi bất vi,
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.*

Lời nói chắc nịch vừa để đối chứng, phê phán những kẻ tầm thường, vừa để khẳng định việc làm đúng đắn, tất yếu thuộc căn cốt, gốc rễ trong lẽ sống của mình. Đó là lẽ sống của những hiền nhân quân tử thời xưa, của con người chân chính ngày nay. Dường như đối với Vân Tiên, làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên, con người trọng nghĩa khinh tài ấy không coi đó là công trạng. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán. Lời nói và nhân cách của chàng giống người anh hùng Từ Hải trong *Truyện Kiều* với quan niệm:

*Anh hùng tiếng đã gọi rằng,
Giữa đường đâu thấy bát bằng mà tha.*

(Nguyễn Du)

Dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu, nhân vật Lục Vân Tiên mang cốt cách của tráng sĩ thời loạn, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng, trọng nghĩa khinh tài, sống và hành động theo phương châm: “Lộ kiến bất bình, bạt đao tương trợ”. Dẫu còn bị ảnh hưởng bởi quan niệm phong kiến “nam nữ thụ thụ bất thân” song ngôn ngữ, cử chỉ, hành động của chàng rất đẹp, rất anh hùng. Lòng thương người, chí quả cảm và tinh thần vị nghĩa của chàng đậm màu sắc đạo lí của dân tộc ta.

Bằng giọng thơ phóng khoáng, mộc mạc và ngôn từ bình dị, đoạn trích đã xây dựng thành công hình ảnh chàng Lục Vân Tiên anh hùng, nghĩa hiệp. Đó cũng là lí do cốt nghĩa vì sao Lục Vân Tiên được nhân dân Nam Bộ yêu thích, đi vào đời sống hàng ngày, thành sinh hoạt văn hoá tinh thần nói thơ, hát thơ Vân Tiên! Bởi thế, dẫu các nhân vật không được khắc họa một cách đa diện như nhân vật trong *Truyện Kiều*, nhưng tính đơn nhất ở các nhân vật cũng góp phần tô đậm hơn xung đột Thiện – Ác, cuộc đấu tranh cho lẽ phải chiến thắng, nêu gương sáng về nhân nghĩa. Đọc *Lục Vân Tiên* ta càng thêm trân trọng vẻ đẹp tâm hồn của nhà nho yêu nước, yêu đạo lí mà người dân Nam Bộ vẫn triu mến gọi là Đồ Chiểu.

Đề bài: Hình tượng người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua một số tác phẩm văn học dân gian và văn học trung đại.

Bài số 12

Đất nước Việt Nam – đất nước của những câu hát ru ngọt ngào, đất nước của cánh cò trắng bay, đất nước của bàn tay mẹ tảo tần qua bao năm tháng... và từ trong cái nguồn mạch dạt dào ấy, người phụ nữ là đề tài chưa bao giờ vơi cạn trong nguồn cảm hứng của người nghệ sĩ, qua nhiều thời đại khác nhau. Hình ảnh người phụ nữ Việt Nam hiện diện ở nhiều vị trí trong cuộc đời và đã để lại nhiều hình ảnh bóng sắc trong văn thơ hiện đại. Nhưng thật đáng tiếc thay, trong xã hội phong kiến, người phụ nữ lại phải chịu một số phận đầy bị kịch và đáng thương:

Đau đớn thay thân phận đàn bà

Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.

(Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Câu thơ trên đã hơn một lần xuất hiện trong sáng tác của đại thi hào Nguyễn Du giống như một điệp khúc đau thương. Chả thế những người phụ nữ miền núi lại than rằng “Thân em chỉ là thân con bộ ngựa, chèo chuộc mà thôi!”, còn phụ nữ miền xuôi lại than mình như con ong cái kiến. Đây không phải là một lời nói quá mà điều này lại được thể hiện khá phổ biến trong văn học Việt Nam, trong *Bánh trôi nước* của Hồ Xuân Hương, trong *Truyện kì mạn lục*, *Truyện Kiều* của Nguyễn Du, các đoạn trích *Chinh phụ ngâm* (Đặng Trần Côn, Đoàn Thị Điểm)...

Thần thoại Hi Lạp kể rằng: “Thượng đế đã lấy vẻ đầy đặn của mặt trăng, đường uốn cong của loài dây leo, dáng run rẩy của các loài cỏ hoa, nét mềm mại của loài lau cói, màu rực rỡ của nhị hoa, điệu nhẹ nhàng của chiếc lá, cảm giác tinh vi của vôi vôi, cái nhìn đắm chiêu của mắt hươu, cái xúm xít của đàn ong, ánh rực rỡ của mặt trời, nỗi xót xa của tầng mây, luồng biến động của cơn gió, tính nhút nhát của con hươu rừng, sắc lông lầy của con chim công, hình nhuần nhuyễn của con chim yểng, chất cứng rắn của ngọc kim cương, vị ngon ngọt của đường mật, khí lạnh lẽo của băng tuyết, đức trung trinh của chim uyên ương, đem mọi thứ ấy hỗn hợp lại, nặn thành người phụ nữ”. Có thể nói, người phụ nữ là biểu tượng của cái đẹp. Nhưng trong thời đại phong kiến trọng nam khinh nữ, đầy rẫy những sự bất công oan trái, người phụ nữ phải chịu nhiều đắng cay, oan trái nhất. Thế nhưng, những người phụ nữ ấy vẫn luôn xinh đẹp, nét na, giàu lòng thương yêu và nhân hậu. Ta có thể bắt gặp hình ảnh của họ qua nhiều tác phẩm văn học dân gian và văn học trung đại Việt Nam.

Người phụ nữ ngày xưa xuất hiện trong văn học thường là những người phụ nữ đẹp. Từ vẻ đẹp ngoại hình cho đến tính cách. Đều là đẹp nhưng mỗi người lại mang một vẻ đẹp khác nhau, mỗi thân phận có một đặc điểm ngoại hình riêng biệt. Trong tác phẩm *Bánh trôi nước* của nữ sĩ Hồ Xuân Hương, hiện lên hình ảnh người con gái “vừa trắng lại vừa tròn”, một người mang vẻ bệ ngoài đầy đặn, tròn trịa. Đó là vẻ đẹp tự nhiên, dân dã, mộc mạc không chăm chút nhưng không kém phần duyên dáng. Đây chính là vẻ đẹp của người con gái lao động hay làm hay làm, đầy mạnh mẽ chốn thôn quê. Ta cũng bắt gặp người phụ nữ như thế xuất hiện trong *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ. Vũ Thị Thiết cũng giống như cô gái trong *Bánh trôi nước*, là một người phụ nữ tư dung tốt đẹp, chăm chỉ siêng năng,... khiến Trương Sinh phải đem lòng thương mến mà bỏ ra trăm lạng vàng rước nàng về làm dâu.

Từ những cô gái quê chân chất đến tiểu thư đài các con của viên ngoại “gia tư nghi cũng thường thường bậc trung” đều mang vẻ đẹp thật đáng yêu, đáng quý. Như Thúy Vân và Thúy Kiều trong tác phẩm *Truyện Kiều* của đại thi hào Nguyễn Du, là hai tiểu thư cành vàng lá ngọc, thông minh xinh đẹp “mai cốt cách, tuyết tinh thần”. Tuy mỗi người một vẻ nhưng ai cũng vô cùng xinh đẹp, dáng vẻ thanh thoát, yêu kiều như nhành mai, còn tâm hồn lại trắng trong, thanh cao, kiêu diễm và quý phái...

Những người phụ nữ đẹp là thế, vậy mà đáng tiếc thay họ lại phải sống trong một xã hội phong kiến thối nát với bộ máy quan lại mục ruỗng, chế độ trọng nam khinh nữ vùi dập số phận họ. Càng xinh đẹp họ lại càng đau khổ, lại càng phải chịu nhiều sự chèn ép, bất công. Như một quy luật khắc nghiệt của thời bấy giờ “hồng nhan bạc phận”. Đón đau thay số phận của nàng Vũ Nương! Chỉ vì muốn con vui, muốn bớt buồn, giải khuây khi sống cô đơn vô vô nuôi con nên nàng đã lấy cái bóng, nói với con đó là cha.

Nhưng nàng đâu thể ngờ, chính điều này đã gây ra cho nàng bao nỗi bất hạnh, tủi nhục, bị chồng nghi oan mà phải trẫm mình xuống sông tự vẫn! Với nàng, để minh oan, không còn cách nào khác nữa. Nàng đã cùng đường mất rồi! Giá như cái xã hội này có một chút công bằng, để cho lời nói của người phụ nữ có giá trị thì chắc chuyện đáng tiếc này đã không xảy ra. Nàng không phải chịu uất ức, không phải lấy nước sông để rửa trôi nỗi nhớ nhục mà chồng nàng áp đặt.

Vâng, số phận người phụ nữ thời xưa phải chịu bao nhiêu oan khuất, bất hạnh. Bị vu oan, bị nghi ngờ mà không thể giải bày, không thể minh oan cho bản thân. Số phận của họ ở thế bị động, phải phụ thuộc vào người khác – những gã đàn ông chỉ lấy phụ nữ làm thứ mua vui, tiêu khiển. Họ không làm chủ được số phận của chính họ:

– *Thân em như hạt mưa sa*
Hạt vào đài các, hạt ra ruộng cày.
– *Thân em như tấm lụa đào*
Phất phơ giữa chợ biết vào tay ai.

Những câu ca dao than thân của người phụ nữ với cụm từ bắt đầu quen thuộc "Thân em...". Số phận người phụ nữ, lúc thì như "hạt mưa sa", lúc thì như "tấm lụa đào"... Dù được dân gian ví với điều gì, thì người phụ nữ cũng đều chung một số phận đau khổ gian nan. Họ không biết sẽ sống ra sao, sẽ bị dòng đời đưa đẩy trôi nổi đến phương trời nào? Sẽ sống sung sướng nơi "đài các" hay lại làm lung vút vả nơi "ruộng cày"? Đối với họ, quãng đời phía trước vô cùng mù mịt, chẳng biết được điều gì sắp xảy đến, sẽ "vào tay ai"... Có khi lấy phải người chồng vô dụng, người phụ nữ yếu đuối sẽ phải chịu nhiều cực khổ.

Trong văn học trung đại Việt Nam khi viết về người phụ nữ, một mặt vẫn có sự kế thừa tư tưởng của văn học dân gian, song mặt khác, "hồng nhan bạc phận" cũng được xem là tư tưởng chủ đạo của các tác giả. Nàng Vũ Nương hiếu thảo, đảm đang, chung thủy thì bị ngờ oan là ngoại tình, đến nỗi phải lấy cái chết để minh oan - mà khi chết đi rồi trong lòng vẫn mang nặng nỗi oan uổng đó (*Chuyện người con gái Nam Xương* - Nguyễn Dữ). Người cung nữ xinh đẹp, tài hoa, khát khao hạnh phúc thì bị nhà vua bỏ rơi, sống cô đơn, mòn mỏi, lạnh lẽo nơi cung cấm, chôn vùi tuổi thanh xuân trong cung điện thâm u (*Cung oán ngâm khúc* - Nguyễn Gia Thiều). Người phụ nữ chỉ có một khát vọng rất bình thường là được chung sống cùng với người chồng thân yêu, song lại rơi vào cảnh đau đớn "tử biệt sinh li", đành chờ đợi không biết có ngày gặp lại (*Chinh phụ ngâm* - Đặng Trần Côn). Nàng Kiều của Nguyễn Du xinh đẹp tài hoa là thế, nhưng lại bị dập vùi trong cảnh "Thanh lâu hai lượt, thanh y hai lần", liên tiếp bị đẩy dola cả về thể xác lẫn tinh thần để rồi phải thốt lên (thực tế là sự đầu hàng hoàn cảnh) rằng: "Thận lươn bao quản lấm đầu/ Chút lòng trinh bạch từ sau xin chữa!". Đây không chỉ là bi kịch của riêng nàng Kiều, mà còn là bi kịch chung của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Mặt khác, văn học trung đại Việt Nam bước đầu đã phản ánh được quan niệm về con người cá

nhân trong xã hội. Nhiều nhân vật nữ trong giai đoạn này cũng thể hiện sự phản kháng, sự tố cáo xã hội cũ, nêu lên nhiều suy nghĩ, nhiều quan điểm chống đối lại quan điểm của xã hội phong kiến (tiêu biểu hơn cả là thơ Hồ Xuân Hương). Đặc biệt, văn học đã chú ý khám phá nội tâm nhân vật. Các tác giả Nguyễn Dữ, Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương... khi miêu tả người phụ nữ, thường để cho nhân vật bộc bạch trực tiếp những nỗi đau khổ, những niềm riêng tư (sự tự ý thức về mình):

*Đau đớn thay phận đàn bà
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.*
(Truyện Kiều - Nguyễn Du)

hoặc bộc lộ những phản ứng:

*Kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng
Chém cha cái kiếp lấy chồng chung*
(Lấy chồng chung - Hồ Xuân Hương)

Có thể khẳng định rằng, cảm giác mất mát hạnh phúc và nỗi khát khao hạnh phúc là hai tâm trạng, hai nỗi niềm thường gặp nhất ở các nhân vật nữ trong văn học trung đại Việt Nam. Cả nước Việt thời phong kiến chìm trong những ràng buộc, lễ giáo khắc nghiệt tối tăm. Và vô hình chung, số phận của người phụ nữ cũng không thể nào vượt ra khỏi ranh giới của hoàn cảnh xã hội. Trong thơ ca, họ hiện lên là những kiếp người nhỏ nhoi, bất hạnh. Một nàng Kiều tài sắc vẹn toàn mà cuộc đời lênh đênh trong suốt 15 năm lưu lạc; một Hồ Xuân Hương khát khao hạnh phúc mãnh liệt mà trọn đời ngao ngán bởi phận “làm lẽ”, “kiếp chồng chung”... Rồi trên thi đàn Việt Nam lúc ấy, còn biết bao người phụ nữ cũng cùng một số phận như vậy. Người phụ nữ càng đẹp, càng tài, càng lắm bất hạnh, khổ đau. Nguyên nhân vì đâu thì vào cái thời đại ấy chưa có câu trả lời. Và do đó mà câu thơ của Nguyễn Du chính là khúc “bạc mệnh” tấu lên cho mọi “kiếp hồng nhan”.

Ngày nay, người phụ nữ đã chiếm một vị trí quan trọng trong gia đình và ngoài xã hội. Bởi lẽ cái xã hội “trọng nam khinh nữ” đã bị xóa bỏ mà thay vào đó là một xã hội “công bằng, bình đẳng, nam nữ bình quyền”. Nhưng không vì thế mà người phụ nữ Việt Nam làm mất đi vẻ thuần phong mỹ tục vốn có của mình mà họ còn vẫn giữ được phẩm chất, vẻ đẹp truyền thống. Điều đặc biệt hơn là họ có cá tính mạnh mẽ hơn, dám đấu tranh triệt để vì hạnh phúc, vì quyền lợi của chính mình và phấn đấu “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”.

Có ai đó nói rằng: “Người phụ nữ là một nửa thế giới”. Và quả thật, họ đã đi vào những trang viết chảy suốt trong văn học từ trước đến nay, để rồi không chỉ làm nên một nửa, mà là trọn vẹn tám hình trong sáu trăm tám mươi bốn hệ người đọc hôm nay và cả mai sau:

*Chị em tôi toả nắng vàng lịch sử
Nắng cho đời nên cũng nắng cho thơ*

(Huy Cận)

Bài số 13

Chính Hữu thuộc thế hệ nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ. Vừa cầm súng chiến đấu và cầm bút làm thơ, ông đã đóng góp cho nền văn học nước nhà nhiều thi phẩm đặc sắc về chiến tranh và người lính. Thơ Chính Hữu hàm súc, giàu tính tạo hình, giàu chất suy tưởng và có chất nhạc riêng độc đáo, khắc họa được tượng đài người lính sừng sững trên hành trình đấu tranh giải phóng dân tộc.

Bài thơ *Đồng chí* được viết đầu năm 1948, sau khi Chính Hữu vừa tham gia chiến dịch Việt Bắc vô cùng gian khổ, ác liệt. Chính hiện thực cuộc sống kháng chiến gian lao và sôi nổi đó đã mang lại cho ông những cảm xúc chân thành về vẻ đẹp bình dị của người lính trong chiến tranh cách mạng và giúp ông thể hiện thành công một tình cảm cao đẹp mang dấu ấn thời đại: *tình đồng chí*.

Tình đồng chí là một tình cảm cao đẹp của những người cùng chung chí hướng, cùng chung lí tưởng. Thời nào cũng có tình đồng chí nhưng trước đây trong thơ ca trung đại, tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình, tình bè bạn được khai thác nhiều hơn. Thời hiện đại, cùng với sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, một tình cảm được phát triển sâu rộng và được ngợi ca khẳng định nhiều nhất, ấy là tình đồng chí, đồng đội. Đây là tình cảm gắn bó thiêng liêng và bền chặt của những người cùng chung lí tưởng cách mạng, cùng sát cánh bên nhau chiến đấu cho sự nghiệp chung của dân tộc, của nhân dân.

Tình đồng chí được hình thành trên cơ sở tình cảm giai cấp, sự tương đồng về cảnh ngộ:

*Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

Với những hình ảnh cụ thể, mang ý nghĩa hoán dụ, nhà thơ đã giới thiệu nguồn gốc xuất thân của hai nhân vật trữ tình. Họ đều là những người nông dân nghèo từ các miền quê khác nhau, có mặt trên các nẻo đường kháng chiến. Cái tôi trữ tình của nhà thơ đã hoá thân thành người nông dân mặc áo lính để viết những lời thơ tâm tình tặng bạn. Chọn một tâm thế biểu hiện như vậy, Chính Hữu đã có được những lời thơ chân thành, giản dị của những người trong cuộc, thật thấm thía, sâu nặng.

Quá trình nảy sinh và phát triển tình đồng chí được nhà thơ cất nghĩa qua những hình ảnh của đời sống kháng chiến:

*Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng, đầu sát bên đầu,
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.
Đồng chí!*

Anh và tôi, hai người ở xa nhau về không gian, không hẹn hò, không quen biết. Vậy nhân tố nào đã làm hai người xa lạ thành đôi tri kỉ và thành đồng chí của nhau? Nhà thơ Chính Hữu đã giúp người đọc nhìn thấy, cảm thấy và hiểu được sâu sắc cơ sở của tình đồng chí. "Súng bên súng" là cùng chung nhiệm vụ, cùng chung chiến hào, cùng sát cánh bên nhau trong cuộc chiến đấu. "Đầu sát bên đầu" là cùng chung ý chí, là tâm đầu ý hợp, là cùng quyết tâm giải phóng Tổ quốc thân yêu. Gần gũi nhất là "đêm rét chung chăn" là cùng chung hơi ấm, cùng chung cảnh ngộ, là chia sẻ cùng nhau hơi ấm trong đêm. Tất cả những sự đồng cảnh, đồng cảm, đồng tình, đồng ý ấy đã biến hai người xa lạ thành đôi tri kỉ và hơn thế nữa là hai đồng chí của nhau. Từ *Đồng chí* đứng trọn một dòng thơ như một lời đúc kết, như là đáp số, là lời giải của sáu câu thơ trên. Tình đồng chí thật rộng lớn, thiêng liêng và vô cùng thân thiết, gần gũi, máu thịt. Trong cuộc sống chiến đấu, có mối tình nào nặng hơn tình đồng chí, đồng đội?

Nếu sáu câu mở đầu đã cất nghĩa cội nguồn, sự hình thành tình đồng chí thì mười câu thơ tiếp theo là biểu hiện cụ thể, cảm động của tình đồng chí trong hiện thực cuộc sống kháng chiến. Tình đồng chí ở đây cũng là tình đồng đội, tình cảm của những người cùng nhau chiến đấu chống kẻ thù. Tình cảm đó trước hết thể hiện qua sự cảm thông chia sẻ những nỗi niềm về gia đình, quê hương:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

Đối với những người nông dân mặc áo lính, nỗi nhớ quê hương bao giờ cũng gắn liền với hình ảnh thân thuộc gần gũi như ruộng nương, nhà cửa. Khi bước vào cuộc sống chiến đấu, họ phải tạm gác tình nhà vì nghĩa lớn, tạm xa những gì thân thiết ở làng quê của mình, lòng sao khỏi xót xa. Nhưng họ biết chấp nhận, biết hi sinh và vượt lên hoàn cảnh: "Gian nhà không mặc kệ gió lung lay"! Lời thơ có vẻ ngang tàng nhưng vẫn có cái xót xa trước cái bất đắc dĩ của hoàn cảnh. Họ làm sao ở lại nơi tổ ấm khi quân thù giày xéo đất nước quê hương. Họ đã nhất quyết ra đi nhưng lòng vẫn nặng tình nhà, vẫn lưu luyến với người thân, vẫn luôn nhớ "giếng nước", "gốc đa" nơi quê nhà yêu dấu.

Câu thơ "Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính" thể hiện rất đúng sắc thái tình cảm của người chiến sĩ ra đi từ làng quê. Họ nhớ về cảnh quê quen thuộc và cũng là nhớ về người thân yêu nơi thôn dã ấy. Tình cảm đó được thể hiện kín đáo qua biện pháp nhân hoá đậm màu sắc dân gian. Người lính nhớ về quê hương và biết rằng người thân ở quê hương cũng đang mong nhớ. Hai chiều nhớ thương ấy đều được gói gọn trong hình ảnh thơ "Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính".

Hiểu nhau, cảm thông chia sẻ cùng nhau những tâm tư về gia đình, quê hương, những người đồng chí còn chia sẻ những gian khổ, khó khăn, thiếu

thốn trong cuộc sống kháng chiến. Với bút pháp hiện thực và lời thơ bình dị, tác giả đã ghi lại những chi tiết sống động của hiện thực kháng chiến, những chi tiết tự nói lên những điều cảm động của tình đồng chí:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.*

Những người lính thời kháng chiến chống Pháp phải đương đầu với những trận sốt rét ác tính, không ít người bị căn bệnh ấy cướp đi sinh mệnh của mình. Nhà thơ Chính Hữu có kể lại thời gian gian khổ đó: "Phải nói là chiến dịch vô cùng gian khổ. Bản thân tôi cũng chỉ phong phanh trên người một bộ áo cánh, đầu không mũ, chân không giày. Đêm ngủ nhiều khi phải rải lá khô để nằm, không có chăn màn, ăn uống rất kham khổ vì đang trên đường hành quân truy kích địch. Tôi cũng phải có trách nhiệm chăm sóc anh em thương binh và chôn cất một số tử sĩ. Sau trận tôi ốm, tôi phải nằm lại điều trị. Đơn vị cử một đồng chí ở lại săn sóc tôi. Trong khi ốm nằm ở nhà sàn heo hút, tôi làm bài thơ *Đồng chí* (*Nhà văn nói về tác phẩm*, Nxb Giáo dục, tr.136). Những hình ảnh, chi tiết trong bài thơ này đều được lấy từ cuộc đời thật của Chính Hữu và đồng đội. Sự chân thực của những chi tiết, sự mộc mạc của những hình ảnh và cách thể hiện tình cảm thâm lắng, chân tình đã tạo nên ấn tượng mạnh mẽ sâu sắc của bài thơ *Đồng chí*.

Nhưng tính sáng tạo và sức lay động mạnh nhất của thi phẩm này tập trung toả sáng ở mấy câu thơ kết:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

Đây là những hình ảnh rất thực và đồng thời cũng rất lãng mạn. Giữa cảnh hoang vu, tĩnh mịch và lạnh lẽo của núi rừng đêm đông hiện lên hình ảnh thân thiết, gắn bó của những người chiến sĩ sát cánh bên nhau canh giữ đất trời. Điều kì diệu là trong khi "chờ giặc tới", người chiến sĩ đã bất ngờ gặp gỡ vầng trăng. Nhà thơ Chính Hữu kể rằng: "Trong chiến dịch nhiều đêm có trăng. Đi phục kích giặc trong đêm, trước mắt tôi chỉ có ba nhân vật: khẩu súng, vầng trăng và người bạn chiến đấu. Ba nhân vật quện với nhau tạo ra hình ảnh "đầu súng trăng treo" (*Nhà văn nói về tác phẩm*). Tính sáng tạo của hình ảnh này trước hết là sự liên kết thật bất ngờ. Vầng trăng là hình ảnh quen thuộc trong thơ ca muôn đời nay. Nhưng vầng trăng ấy lơ lửng ở chân trời có lúc sà xuống treo vào đầu súng thì thật mới lạ, thật bất ngờ, là một khám phá của nhà thơ Chính Hữu. Chữ *treo* ở cuối bài thơ quả thật là "nhân tự" trong một "thần cú": "Đầu súng trăng treo". *Treo* là không

bị buộc chặt, là lơ lửng, bay bổng lãng mạn. *Treo* cũng hợp với nhịp điệu 2/2 của câu thơ, cái nhịp đưa vồng lơ lửng, chơi vơi trong mệnh mông bát ngát của bầu trời. Hình ảnh “đầu súng trăng treo” đã vượt lên ý nghĩa tả thực để trở thành một biểu tượng, một hình ảnh tượng trưng. Hình ảnh này gợi lên sự kết hợp giữa cái chân thực dữ dội của cuộc kháng chiến và sự bay bổng của tâm hồn người chiến sĩ, sự kết hợp hài hoà giữa tinh thần chiến đấu và vẻ đẹp vĩnh hằng của thiên nhiên.

Sự kết hợp kì diệu giữa súng và trăng là một khám phá mới mẻ độc đáo, góp phần quan trọng tạo nên giá trị to lớn của bài thơ *Đồng chí*. Gần hai mươi năm sau, khi cho ra mắt một tập thơ dành trọn tâm huyết của cuộc đời cầm bút, Chính Hữu đã tâm đắc đặt tên tập thơ này là *Đầu súng trăng treo* (1966).

**Đề bài: Suy nghĩ của em về tình đồng chí đồng đội
trong bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu.**

Bài số 14

Trong dòng thơ ca viết về anh bộ đội cụ Hồ, bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu ghi nhận một thành công xuất sắc. Giữa lúc chưa phải mọi nhà thơ đã bắt trúng ngay mạch đập của cuộc sống kháng chiến ở những năm đầu, *Đồng chí* (1948) đã cất lên một tiếng nói mới, chân thực về vẻ đẹp của người Vệ quốc quân, đã góp phần làm sáng tỏ vẻ đẹp và sức mạnh của những người cầm súng “từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu”.

Đồng chí là một bài thơ cô đúc, “tiết kiệm” trong từng hình ảnh, từng câu chữ. Bằng những chi tiết, những hình ảnh hết sức chân thật, cụ thể mà đầy tính chất lọc, khái quát, bài thơ đã thể hiện một cách cảm động tình đồng chí gắn bó giữa những người nông dân mặc áo lính, cùng chiến đấu giữ gìn độc lập tự do của Tổ quốc.

Toàn bộ tứ thơ của *Đồng chí* phát triển xoay quanh mối quan hệ giữa các nhân vật *tôi* và *anh*. Ở đây, nhà thơ đã hóa thân vào các nhân vật trữ tình – cũng là những đồng đội thân thiết với mình – để nói lên những hoàn cảnh, biểu hiện những tâm trạng, tình cảm của họ:

*Quê hương anh nước mặn, đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.*

Hai dòng thơ đủ giới thiệu với người đọc về hoàn cảnh xuất thân của hai người lính. Người thì ở vùng đồng bằng chiêm trũng “nước mặn đồng chua”, người ở vùng trung du bạc màu “đất cày lên sỏi đá”. Như vậy, cả “quê anh” và “làng tôi” đều là những miền quê lam lũ, vất vả, đói nghèo. Từ những “phương trời” xa lạ, họ “chẳng hẹn” mà “quen nhau” bởi họ có cùng chung mục đích đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng quê hương. Vào bộ đội họ kề vai sát cánh bên nhau, cùng chia sẻ với nhau những gian lao thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ:

Súng bên súng, đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.

Cùng là những người nông dân nghèo mặc áo lính, chung lí tưởng đánh đuổi thực dân Pháp giải phóng quê hương. Họ vào bộ đội, chung nhiệm vụ, chung một chiến hào, cùng đắp chung một tấm chăn khi trời giá lạnh. Điều kì lạ là khi chiếc chăn chung đắp lại đó là lúc dòng tâm sự mở ra. Có lẽ vì vậy mà họ hiểu nhau, thân nhau và trở thành tri kỉ. Lúc đó “Đồng chí” mới vang lên, như tình yêu thương được hình thành từ thử thách và gian khó, bị dồn nén tận đáy lòng đến giờ bật dậy, đủ sức đứng riêng thành một câu thơ. Nhịp thơ thất lại, chắc khoẻ, mộc mạc, giản dị mà thiêng liêng, cảm động. Ta chợt nhận ra, lấp lánh đằng sau những câu thơ nói về gió, về rét, lạnh lẽ cháy một ngọn lửa ấm nồng tình đồng đội... Và như vậy *Đồng chí* vừa là cao trào cảm xúc được dồn tụ trong sáu câu thơ trước, vừa mở ra những gì chứa đựng ở suy nghĩ tiếp sau:

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.

Đi dọc bài thơ là sự sóng đôi của hai hình tượng “anh” và “tôi”. Tình tri kỉ, tình đồng chí được bắc qua sự sóng đôi có ý nghĩa bổ sung ấy. Vì vậy đến đây, khi tác giả chỉ nói một cảnh ngộ, người đọc vẫn có ấn tượng chung cho cả hai. Những câu thơ nói về gia cảnh của người này hoá ra lại diễn đạt sâu sắc tình yêu thương lạnh lẽ của người kia. Là nông dân, với họ, ruộng đất quý hơn vàng, vào bộ đội, họ để lại đằng sau xóm làng, đất đai, nhà cửa. “Mặc kệ” đấy mà sao lưu luyến thế, đến cả giếng nước gốc đa cũng chợt có hồn, biết nhớ, biết thương người nơi tiền tuyến. “Mặc kệ” không phải là thái độ thờ ơ, bàng quan, mà là quyết dứt bỏ, quyết tâm mãnh liệt ra đi để giải phóng đất nước:

Mẹ thà coi như chiếc lá bay

Chị thà coi như là hạt bụi

Em thà coi như hơi rượu say.

(Tống biệt hành – Thâm Tâm)

“Giếng nước gốc đa” hay chính là đôi mắt hẹn ngày về của người bạn gái, làm ấm lòng người lính phương xa? Tất cả đều có thể, bởi một chút nhung nhớ ấy cùng với ngôi nhà, ruộng nương và xóm làng thân thuộc là động lực để vì nó mà anh chấp nhận bao nhiêu gian khổ:

Tôi với anh biết từng cơn-ớn lạnh

Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi.

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày.

Không một chút tô vẽ điểm trang, Chính Hữu tái hiện cuộc sống thiếu thốn của cuộc đời quân ngũ bằng những chi tiết chân thực: áo rách, quần vá,

chân không giày, sao chống nổi những cơn sốt rét giữa rừng sâu. Những hình ảnh mà Chính Hữu mô tả không hề cường điệu hoá. Đó là những hình ảnh hoàn toàn chân thực về cuộc sống chiến đấu của người lính. Nếu như ta biết rằng chỉ một năm trước, chính nhà thơ đã viết về người lính bằng những vần thơ đầy chất lãng mạn:

*Rách tả tơi rồi đôi hài vạn dặm
Bụi trường chinh phai bạc áo hào hoa.*

(Ngày về)

Trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ ấy, người lính sẽ chia cho nhau tình yêu thương ở mức tốt cùng “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Chỉ một câu thơ thôi song nói được bao điều. Bàn tay tìm đến nhau như san sẻ cho nhau, truyền cho nhau hơi ấm, niềm tin và sức mạnh. “Anh - tôi” nhòa đi sau “miệng cười buốt giá” để niềm tin, niềm lạc quan, sự bất chấp khó khăn gian khổ của người lính hiện lên. Chính Hữu đã rất tinh khi phát hiện ra nội lực tinh thần ẩn sâu trong trái tim người lính. Chính nó đã góp phần tạo nên chiều sâu cho tình đồng chí thâm lặng nhưng rất đổi thiêng liêng này.

Những câu thơ cuối bài hoàn thiện một cách xuất sắc chân dung người lính mộc mạc mà khoẻ khoắn, can trường:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

“Rừng hoang sương muối”. Lại là cái giá, cái rét run người của thiên nhiên khắc nghiệt song thiên nhiên không thể nào cản nổi ý chí và tình cảm của người chiến sĩ bởi các anh đứng cạnh bên nhau, chõ che, nương tựa vào nhau trong tư thế chủ động chờ giặc tới. Và hình ảnh thơ cuối cùng mới đẹp làm sao! Ở một góc nhìn nghiêng, vầng trăng như treo trên đầu nòng súng giơ cao của người chiến sĩ. Hình ảnh súng và trăng trở thành biểu tượng cho sự kết hợp hài hoà giữa thực và mộng, giữa chất chiến đấu và chất trữ tình, giữa tâm hồn chiến sĩ và tâm hồn thi sĩ. Giữa rừng đêm hoang lạnh, hình ảnh ấy tạc vào đêm tạo thành bức tượng đài chiến sĩ vững vàng mà thơ mộng.

Bài thơ khép lại khi đã khắc họa trong tâm khảm bạn đọc hình ảnh những người nông dân mặc áo lính chân thật mà ấm nồng tình đồng đội. Bởi thế bài thơ không chỉ là tác phẩm xuất sắc của Chính Hữu mà còn là thi phẩm xuất sắc nhất về người lính Cụ Hồ của thơ ca kháng chiến chống Pháp.

Đề bài: Phân tích bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu để thấy bài thơ đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

Bài số 15

*Đồng đội ta
là hớp nước uống chung
Năm cơm bữa nửa
là chia nhau một trưa nắng, một chiều mưa.*

(Giá từng thước đất – Chính Hữu)

Đồng đội! Hai tiếng ấy sao mà thiêng liêng đến vậy! Có lẽ nào hai tiếng đó đã đi vào con tim của hàng trăm hàng triệu chiến sĩ anh hùng trong giai đoạn bom khói lửa năm xưa, để rồi gọi tiếng *đồng chí* bỗng bật ra thật tự nhiên từ trong sâu thẳm mỗi người! Và làm sao ta có thể quên bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu cũng rất thấm thiết, tự nhiên như chính tiếng gọi ấy của tâm hồn! Đến với bài thơ, người đọc thật sự xúc động trước bài ca về tình đồng đội gắn bó keo sơn với vẻ đẹp tâm hồn lấp lánh của những chiến sĩ bộ đội Cụ Hồ những năm kháng chiến chống Pháp.

Được viết sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc 1947, *Đồng chí* chính là lời thủ thỉ về tình đồng đội chân thành của những chiến sĩ áo vải quần nâu. Và thật ấn tượng xiết bao khi người đọc luôn bắt gặp những dòng cảm xúc mãnh liệt bỗng tuôn trào tột đỉnh trong những dòng thơ cuối của mỗi đoạn thơ. Có lẽ nào chính sự đặc biệt ấy đã đem tới cho người đọc những ngỡ ngàng, những xúc cảm không bao giờ quên, những ấn tượng sẽ không bao giờ bị phai mờ?

Mở đầu bài thơ, bằng một lời thơ hết sức mộc mạc và chân tình, Chính Hữu đã thật khéo léo tài tình khi lí giải về cơ sở hình thành của tình đồng chí - một tình cảm - vô cùng thiêng liêng cao đẹp.

Thật bất ngờ xiết bao khi chính tình cảm thiêng liêng trong sáng ấy được hình thành bởi sự đồng cảm về giai cấp giữa những người nông dân mặc áo lính:

*Quê hương anh nước mặn đồng chua
Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.*

Bằng nghệ thuật sóng đôi đối xứng rất hoàn chỉnh, Chính Hữu đã mở ra trước mắt người đọc hai vùng quê hương yêu dấu của đất nước. Nếu quê anh là “nước mặn đồng chua”, là vùng đồng bằng chiêm trũng thì quê tôi là “đất cày lên sỏi đá” là vùng trung du đất bạc màu. Chỉ với hai lời thơ mở đầu, người đọc thật sự ấn tượng trước hai nhân vật trữ tình “anh” và “tôi” mặc dù xuất thân từ những miền quê khác nhau nhưng đều là những người nông dân nghèo, để rồi trong tâm hồn bùng lên ngọn lửa mãnh liệt của tình yêu đất nước.

Thật xúc động xiết bao khi các anh đến với nhau chính bởi cùng chung lí tưởng, cùng chung tiếng gọi ra đi để bảo vệ Tổ quốc:

*Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau,
Súng bên súng đầu, sát bên đầu.*

Nhịp thơ bỗng tách thành nhịp 3/4 du dương đến kì lạ, cuốn hút người đọc từng lời từng chữ. Ta như thấy đâu đây sự sóng đôi kề vai sát cánh của những người lính. Đó chính là biểu tượng cho sự kề vai sát cánh giữa những người chiến sĩ áo vải quần nâu cùng chung một chiến hào, một lí tưởng sống. Quả thật, lí tưởng sống giữa các anh đã tạo nên một tình đồng đội hết sức vững bền.

Cảm động xiết bao khi chính trong những năm tháng khó khăn gian khổ của cuộc đời người lính, tình đồng chí đã được nảy nở với sự yêu thương gắn bó chân thành:

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ

Biết bao khó khăn chống chọi! Biết bao đêm lạnh buốt giá con tim! Thế nhưng những trái tim ấy không hề run sợ trước băng giá mà vẫn thốn thức, vẫn ấm áp ngọn lửa của tình đồng đội. Một tình bạn, tình đồng chí như thế lẽ nào không là "tri kỉ", không gắn bó keo sơn bền chặt? Tình cảm đồng đội giữa bao khó khăn thiếu thốn ấy sao mà thiêng liêng đến thế!

Biết bao cảm xúc âm vang, biết bao cái chung cái riêng của các anh bỗng kết tinh lắng đọng để rồi còn gì đáng quý hơn khi tình đồng đội đã trở thành tình đồng chí: *Đồng chí!* Thật ấn tượng! Chỉ với một từ mộc mạc mà Chính Hữu đã tạo nên một câu thơ, một câu thơ hoàn chỉnh gây xúc động mạnh trong lòng người đọc. Nhịp thơ bỗng chuyển nhưng không hề rời rạc, cứng nhắc mà trái lại rất tự nhiên, nồng hậu. Sự dồn nén cảm xúc trong sáu câu đầu bỗng trào dâng mạnh mẽ để tạo nên một nốt nhấn bản nhạc trữ tình. Nốt nhấn ấy chính là lời nói thiết tha chân thành khẳng định giá trị đích thực của tình đồng chí để rồi giữa *tôi* và *anh* không còn khoảng cách, *anh* là *tôi*, *tôi* là *anh*, chúng ta là một. Chỉ với hai từ *đồng chí* thân thương, Chính Hữu đã đem tới cho bài thơ một hơi thở ấm áp tình đồng đội.

Tiếp đó, bằng những chi tiết hết sức chân thực của đời thường Chính Hữu đã tiếp tục khắc họa sức mạnh của tình đồng chí. Giữa những năm tháng chiến tranh khắc nghiệt, vất vả thật cảm động khi tình đồng chí được vun đắp bởi tình cảm hậu phương chân thành:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày
Gian nhà không mặc kệ gió lung lay
Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*

Các anh đã bỏ lại sau lưng tất cả những gì thân thương yêu dấu nhất của làng quê, đã quên đi bao tình cảm riêng tư thầm kín để cùng chung tiếng gọi ra đi, hiến dâng cuộc đời mình cho Tổ quốc, cho đất nước. Mẹ già, vợ trẻ, con thơ, ruộng vườn, gian nhà tranh... tất cả như được các anh giấu kín tận sâu trong tâm hồn, trong kí ức để kiên cường bước vào cuộc chiến tranh đầy máu lửa. Hai tiếng *mặc kệ* vang lên sao thể hiện sự dứt khoát,

quyết tâm. Đọc những dòng thơ này, ta lại nhớ đến tâm trạng của người lính trong *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi:

*Người ra đi đầu không ngoảnh lại
Sau lưng thêm lá nắng lá rơi đầy*

Dứt khoát là vậy nhưng các anh luôn cảm nhận được nỗi nhớ quê hương da diết. Hình ảnh *giếng nước gốc đa* sao mà thân thương, xúc động! Khi bước vào thơ Chính Hữu, nó đã được thổi vào một tâm hồn, một sự sống để vút trở thành biểu tượng của các bà, các mẹ, những người vợ, đứa con... gửi ra tiền tuyến nỗi nhớ nhung với đầy. Chính những tình cảm hậu phương ấy đã giúp các anh thêm gắn bó và chắc tay súng.

Bài thơ *Đồng chí* vừa dồn tụ cảm xúc ở sáu dòng thơ trước, dòng thơ chỉ một từ này đồng thời đóng vai trò mở chuyển cho cả phần sau. Đối với các nhân vật trữ tình (*tôi* và *anh*) từ “đồng chí” còn như khắc ấn một khái niệm mới mẻ mà cả phần sau của bài thơ là sự vỡ lẽ, sự nhận thức nhau rõ hơn để cảm thông, gắn bó với nhau máu thịt hơn. Đồng chí – ấy là gửi lại ruộng nương, từ biệt giếng nước gốc đa để cùng “ra lính” giữ gìn độc lập tự do của đất nước. Đồng chí – ấy là chịu chung “từng cơn ớn lạnh”, từng trận “sốt run người vừng trán ướt mồ hôi”. Đồng chí – ấy là sự sẻ chia và động viên nhau trong thiếu thốn, khó khăn của cuộc sống kháng chiến:

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh
Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi.
Áo anh rách vai
Quần tôi có vài mảnh vá
Miệng cười buốt giá
Chân không giày
Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.*

Từng trận sốt rét, từng giọt mồ hôi, từng chiếc áo rách đến chiếc quần vá, tất cả tưởng chừng như nhấn chìm các anh trong vòng quay khói lửa nghiệt ngã. Nhưng không! Tình đồng đội, sự đoàn kết chia sẻ lẫn nhau đã gắn bó các anh hơn bao giờ hết. Những vế câu sóng đôi, những hình ảnh chân thực nhất đã khiến cho ý thơ bừng sáng, tình đồng đội bỗng lung linh nồng hậu. Và trong hoàn cảnh khắc nghiệt ấy, một nụ cười buốt giá bỗng xua tan đi bao giá lạnh của mùa đông, át đi bao khó khăn chồng chất, sưởi ấm con tim người đọc với bao tình cảm thiêng liêng nhất.

Và rồi sự cảm thông chia sẻ gian khó ấy bỗng chốc biến các anh không chỉ là đồng đội mà còn là ruột thịt của nhau:

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

Giờ đây tình đồng chí đó đã vút trở thành tình anh em gắn bó keo sơn trong một nhà, trong một đại gia đình. Đọc đến đây, bất giác ta bỗng nhớ tới những cái bắt tay trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật:

*Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*

Sự cảm thông chia sẻ giữa các anh đã sưởi ấm trái tim người đọc bằng những tình cảm thiêng liêng xiết bao!

Khép lại bài thơ bằng những hình ảnh hiện thực đầy chất thơ, Chính Hữu đã đem tới cho người đọc bao xúc cảm kì lạ trước bức chân dung cao đẹp về tình đồng đội:

*Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo.*

Chỉ với ba câu thơ ngắn mà giá trị đích thực của bài thơ bỗng bùng sáng với sự hoà quyện kì diệu giữa hiện thực khắc nghiệt và chất lãng mạn bay bổng. Cả một bóng đêm đen tối, cả một không gian *rừng hoang sương muối* bỗng bao trùm lên người lính. Thế nhưng các anh vẫn đứng đó, vẫn kề vai sát cánh bên nhau, cùng chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết. Thử hỏi còn gì mộc mạc mà lại cảm động hơn nữa? Tình cảm ấy đã làm lòng các anh chùng xuống những giây phút nguy nan nhất để rồi một khám phá bất chợt mang tính hiện thực lãng mạn bỗng xuất hiện: *Đầu súng trăng treo*. Không phải ngẫu nhiên mà sau này Chính Hữu đặt tên cho một tập thơ của mình là *Đầu súng trăng treo*. Cũng không phải tự nhiên mà trên nhiều bìa sách, nhiều bức họa sách của Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân thường xuất hiện hình ảnh này. Nhà thơ đã sáng tạo được một hình ảnh thật độc đáo, giàu sức khái quát. *Đầu súng* – hình ảnh gợi đến chiến tranh, khói lửa; *trăng treo* – hình ảnh của thiên nhiên trong mát, của cuộc sống thanh bình. Sự kết hợp tự nhiên giữa đầu súng và trăng treo làm toát lên tâm hồn trong sáng, bay bổng của người chiến sĩ. Chúng ta bên gan chiến đấu, gian khổ hi sinh chính vì vầng trăng ấy, vì cuộc sống thanh bình. Hình ảnh và nhịp điệu thơ này lơ lửng, sóng sánh, vừa tạo hình vừa thật gợi cảm. “Đầu súng trăng treo” có gian khổ nhưng cũng có niềm vui, vừa là thực vừa mang tính biểu tượng. Nó toát lên chất lãng mạn cách mạng đậm đà thật khó phân tích hết bằng lời. Hình ảnh *trăng treo* bỗng khiến ta nhớ tới câu thơ năm nào:

*Anh vẫn hành quân
Nẻo đường xa anh bước
Trăng non ló đỉnh rừng*

Quả thật, bức tượng đài về tình đồng chí đã đem tới cho ta những ấn tượng không bao giờ mờ phai.

Đồng chí với ngôn ngữ thơ tự nhiên, giàu nhạc điệu, với những hình ảnh chân thực sẽ sống mãi trong kí ức người đọc với biết bao cảm xúc chân thành thiết tha. Bài thơ đã chấp cánh cho tâm hồn ta thêm yêu Tổ quốc, yêu con người Việt Nam. Hình ảnh những người lính Cụ Hồ sẽ mãi sống cùng non sông bởi chính họ đã làm nên đất nước này:

*Có biết bao người con gái, con trai
Trong bốn nghìn lớp người giống ta lứa tuổi*

Họ đã sống và đã chết
Giản dị và bình tâm
Không ai nhớ mặt đặt tên
Nhưng họ đã làm ra Đất Nước.

(Đất Nước - Nguyễn Khoa Điềm)

**Đề bài: Phân tích hình ảnh "Đầu súng trăng treo"
trong bài thơ "Đồng chí" của Chính Hữu.**

Bài số 16

Không biết tự bao giờ ánh trăng đã đi vào văn học như một hình ảnh đẹp và đầy chất thơ. Ở truyền thuyết "Chú cuội cung trăng" hay Hằng Nga trộm thuốc trường sinh là những mảnh đời sống tinh thần bình dị đậm đà màu sắc dân tộc của nhân dân ta. Hơn thế nữa, trăng đã đi vào cuộc chiến đấu, trăng bảo vệ xóm làng, trăng được Chính Hữu xây dựng thành hình ảnh "đầu súng trăng treo" rất đẹp trong bài thơ *Đồng chí* của mình.

Sau hơn mười năm làm thơ, Chính Hữu cho ra mắt tập *Đầu súng trăng treo*. Thế mới biết tác giả tâm đắc như thế nào về hình ảnh thật đẹp, thơ mộng, rất thực nhưng cũng rất lãng mạn đó.

"Đầu súng trăng treo" - đó là một hình ảnh tả thực và sinh động. Giữa núi rừng heo hút "rừng hoang sương muối", giữa đêm thanh vắng tĩnh mịch bỗng xuất hiện một ánh trăng treo lơ lửng giữa bầu trời. Và hình ảnh này cùng thật lạ làm sao, súng và trăng vốn tương phản với nhau, xa cách nhau với với bỗng hoà quyện vào nhau thành một hình tượng đẹp trong văn học. Nhà thơ không phải tả mà chỉ gợi, chỉ đưa hình ảnh nhưng ta liên tưởng được nhiều điều.

Đêm thanh vắng những người lính bên nhau chờ giặc tới, trăng chiếu bóng soi sáng rừng hoang bao la rộng lớn, soi sáng tình cảm của họ, soi sáng tâm hồn họ... Giờ đây, người chiến sĩ như không còn vướng bận về cảnh chiến đấu sắp diễn ra, anh thả hồn theo trăng, anh say sưa ngắm ánh trăng toả ngời trên đỉnh núi, tâm hồn người nông dân "nước mặn đồng chua" hay "đất cày lên sỏi đá" cần cỗi ngày nào bỗng chốc trở thành người nghệ sĩ đang ngắm nhìn vẻ đẹp ánh trăng vốn có tự ngàn đời. Phải là một người có tâm hồn giàu lãng mạn và một phong thái ung dung, bình tĩnh lạc quan thì anh mới có thể nhìn một hình ảnh nên thơ như thế.

Ánh trăng như xua tan cái lạnh giá của đêm sương muối, trăng toả sáng làm ấm lòng người, trăng như cùng tham gia, cùng chứng kiến cho tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng của những người lính. Trăng truyền thêm sức mạnh cho họ, lắng đọng trong tâm hồn, trăng đồng thời cũng là bạn, là đồng chí của anh bộ đội Cụ Hồ.

"Đầu súng trăng treo" – hình ảnh thật đẹp và giàu sức khái quát. Súng và trăng kết hợp nhau; súng tượng trưng cho chiến tranh – trăng là hình

ánh của thanh bình, hạnh phúc. Súng là hình ảnh người chiến sĩ gan dạ kiên cường. Trăng là hình ảnh người thi sĩ. Sự kết hợp hài hoà tạo nên nét lãng mạn bay bổng nói lên lí tưởng, mục đích chiến đấu mà người lính ấy đang tham gia. Họ chiến đấu cho sự thanh bình, chiến đấu cho ánh trăng mãi nghiêng cười trên đỉnh núi. Ta hãy tưởng tượng xem: giữa đêm khuya rừng núi trập trùng bỗng hiện lên hình ảnh người lính đứng đó với súng khoác trên vai, nòng súng chĩa lên trời và ánh trăng lơ lửng ngay đầu ngọn súng. Đó là biểu tượng khát vọng hoà bình, nó tượng trưng cho tư thế lạc quan bình tĩnh, lãng mạn của người bảo vệ Tổ quốc.

“Cái thần” của câu thơ “Đầu súng trăng treo” nằm ở từ “treo”. Nếu thay từ “treo” bằng một từ khác, ví dụ từ “lên” thì câu thơ sẽ không tạo được hình ảnh và do đó, hiệu quả nghệ thuật cũng không đạt được. Chỉ có “đầu súng trăng treo” mới diễn tả hết được cái hay, cái thơ mộng của một đêm trăng “đứng chờ giặc tới”. Bài thơ dường như được sáng tác ở thời điểm “đêm nay” trong một không gian mà mặt đất là “rừng hoang sương muối” lạnh lẽo với một tâm trạng pháp phóng chờ giặc tới nghĩa là cái chết có thể đến từng giây từng phút. Nếu miêu tả hiện thực thì vầng trăng ấy sẽ có hình khối của không gian ba chiều. Ở đây, từ điểm nhìn xa, cả vầng trăng và súng đều tồn tại trên một mặt phẳng và trong hội hoạ nó mang tính biểu tượng cao. Tố Hữu cũng có một câu thơ kiểu này: “Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan” và Phạm Tiến Duật thì: “Và vầng trăng vượt lên trên quầng lửa” hay Hoàng Hữu: “Chỉ một nửa vầng trăng thôi một nửa. Ai bỏ quên ở phía chân trời...”.

Như đã nói ở trên, không phải ngẫu nhiên mà Chính Hữu lấy hình ảnh “đầu súng trăng treo” làm tựa đề cho tập thơ của mình. Nó là biểu tượng, là khát vọng và cũng là biểu hiện tuyệt vời của chất lãng mạn trong bài thơ. Lãng mạn nhưng không thoát li, không quên nhiệm vụ và trách nhiệm của mình. Lãng mạn vì con người cần có những phút sống cho riêng mình. Hình ảnh trăng và súng đã có nhiều trong thơ Việt Nam nhưng chưa có sự kết hợp nào sáng tạo và đầy chất thơ bằng hình ảnh “đầu súng trăng treo” của Chính Hữu.

Nếu như Elsa Trioslet – nữ văn sĩ Pháp có nói “Nhà văn là người cho máu” thì tôi hãnh diện nói với văn sĩ rằng: Chính Hữu đã cho máu để tạo nên câu thơ tuyệt vời với hình ảnh “đầu súng trăng treo”.

Bài số 17

Hình tượng văn học nghệ thuật là một hiện tượng thẩm mĩ đa nghĩa, độc đáo. Vì vậy, nó không chỉ phản ánh hiện thực cuộc sống, mà hơn thế nữa vẻ đẹp lãng mạn cũng chiếm một vị trí quan trọng ở lĩnh vực nghệ thuật này. Ra đời năm 1948, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Pháp của dân tộc đang bước sang giai đoạn khó khăn gian khổ nhất, bài thơ *Đồng chí* của Chính Hữu nhanh chóng gây được ấn tượng thẩm mĩ đối với người đọc. Chúng ta hãy một lần nữa đọc lại khổ thơ cuối để hiểu rõ cội nguồn vẻ đẹp vừa hiện thực vừa lãng mạn của người lính và sự hấp dẫn của thi phẩm.

Đặt ba câu thơ trên hệ thống toàn bài, ta mới thấy hết cái hay cái đẹp của nó. Đọc ba câu thơ độc giả không thấy sự hiện diện trực tiếp của người lính. Nhưng thế đứng “chờ giặc tới” giữa không gian “rừng hoang sương muối” và hình ảnh “đầu súng trắng treo” cũng làm cho hình tượng các anh càng đẹp và thiêng liêng hơn. Nét sáng tạo độc đáo thể hiện bản lĩnh nghệ thuật Chính Hữu chính là ở đó.

Toàn bộ bài thơ, Chính Hữu tập trung ca ngợi tình đồng chí, đồng đội, lí tưởng cao đẹp của người lính cụ Hồ. Tuy nhiên, ở mỗi khổ thơ, vẻ đẹp của người chiến sĩ hiện lên không giống nhau. Từ hoàn cảnh xuất thân khác nhau, gặp gỡ, trải qua cuộc sống chiến đấu gian khổ đến cùng chung một lí tưởng, họ đã cảm thông gắn bó với nhau như những người tri kỉ. Nếu ở các khổ thơ đầu, vẻ đẹp đã hòa quyện cuộc sống hiện thực thì đến ba câu thơ cuối, người chiến sĩ tạo nên vẻ đẹp vừa hiện thực vừa lãng mạn:

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trắng treo

Con người và cảnh vật dường như đang quấn quýt, cùng sẻ chia những gian khổ trong chiến đấu. Đến đây, cuộc sống của người lính không phải gặp khó khăn riêng:

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

“Rừng hoang sương muối” không chỉ là một hiện thực, hơn nữa nó còn là điều kiện thiên nhiên thử thách người lính. Trước hiện thực đầy khó khăn ấy, người đồng chí, đồng đội của Chính Hữu vẫn vững vàng cây súng trên tay chờ giặc tới: “đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới” như một hành động sẵn sàng chiến đấu vì lí tưởng cao đẹp, vì độc lập tự do, hạnh phúc cho dân tộc. Người lính Cụ Hồ đã nhấn chìm mọi khó khăn, gian khổ quên đi cảnh “rừng hoang sương muối” trước mặt để đoàn kết, cùng sẵn sàng “đem thân xơ xác giữ sơn hà”. Hình dáng các anh giữa thiên nhiên rừng núi trong tư thế đứng bình tĩnh tự tin, chủ động là hình ảnh của người chiến sĩ ra đi từ “áo vá chân không”. Người lính không cô đơn, lạnh lẽo vì bên anh đã có đồng đội và cây súng là những người bạn tin cậy nhất, tình đồng chí đã sưởi ấm lòng anh. Người chiến sĩ toàn tâm toàn ý hướng theo mũi súng. Lúc ấy, các anh bắt gặp một hình ảnh đẹp:

Đầu súng trắng treo

Nét sáng tạo độc đáo thể hiện bản lĩnh nghệ thuật của Chính Hữu qua bài thơ chính là ở hình ảnh “đầu súng trắng treo”. Từ tình đồng chí, trải qua những thử thách khác nhau, Chính Hữu đã tạo nên cái nhìn đầy chất thơ. Nếu hai câu thơ trên không kết hợp với hình ảnh “đầu súng trắng treo” thì nó khó có những giá trị đặc sắc. Ngược lại, nếu không có sự nâng đỡ của hai

câu thơ đó thì hình ảnh sẽ là thi vị hóa cuộc sống chiến đấu của người lính. Sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa hiện thực và chất thơ lãng mạn, bay bổng đã làm cho “đầu súng trăng treo” trở thành một trong những hình ảnh đẹp nhất của thơ ca kháng chiến chống Pháp. Câu thơ chỉ vẻn vẹn bốn từ nhưng nó bao hàm cả cái tình, cái ý và đặc biệt là sự cảm nhận tinh tế của Chính Hữu. Nhờ sự liên tưởng thông minh tài tình, tâm hồn giàu cảm xúc, Chính Hữu đã gợi lên một không gian bát ngát giữa vũ trụ bao la. Hình ảnh đó gây được ấn tượng thẩm mĩ sâu sắc đối với người đọc, đồng thời nó trở thành hình tượng đa nghĩa độc đáo của thi ca.

“Đầu súng trăng treo” được xây dựng bằng bút pháp hiện thực nhưng không gian “đầu súng trăng treo” là không gian lãng mạn, siêu thực, đầy chất thơ. Chúng ta thật sự đánh giá cao không gian nghệ thuật hiện thực của “nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá” và đặc biệt là không gian “rừng hoang sương muối”, nó đã góp phần tô đẹp thêm hình tượng vầng trăng, cây súng. Hai hình ảnh này đối lập nhau. Vầng trăng muôn thuở có sức gợi kì lạ đối với thơ ca. Nhưng ở đây, trăng lại được đặt trong mối quan hệ với súng. Nó biểu hiện cho cuộc sống tươi đẹp, hòa bình, hạnh phúc của nhân loại, đồng thời đó cũng là ước mơ vươn tới của con người. Ngược lại, súng là biểu tượng cho chiến tranh và cái chết, nhưng súng cũng trở thành lí tưởng cao đẹp, tinh thần chiến đấu vì cuộc sống hòa bình dân tộc của người chiến sĩ. Trăng là vẻ đẹp lãng mạn, súng là hiện thực. Tuy đối lập, nhưng hai hình tượng này kết hợp với nhau đã tôn thêm vẻ đẹp cho nhau, tạo nên vẻ đẹp hoàn mĩ nhất – vẻ đẹp của người lính. Không phải ngẫu nhiên khi Chính Hữu đưa hai hình ảnh ngược nhau trong một câu thơ. Qua đó ông muốn khẳng định cái khát vọng về một cuộc sống yên lành đầy chất thơ, để cho vầng trăng kia sáng mãi. Có thể nói, hình ảnh “đầu súng trăng treo” là một phát hiện mới lạ, độc đáo của Chính Hữu. Ở đây, Chính Hữu đã sử dụng bút pháp hiện thực để tạo nên hình ảnh thơ vừa hiện thực vừa lãng mạn, bao trùm lên “đầu súng trăng treo” là một không gian tưởng tượng lãng mạn. Tuy nhiên nó được bắt nguồn từ cuộc sống hiện thực được chắt lọc dưới ngòi bút đa tài của Chính Hữu. Trước mũi súng của mình, người lính thấy trăng lặn thấp dần giữa đêm khuya yên tĩnh. Chính Hữu đã sáng tạo rất tinh tế hình tượng độc đáo “đầu súng trăng treo”. Chính Hữu không dựng lên một tượng đài bi tráng về người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp mà ông đã sáng tạo ra những hình ảnh vô cùng chân thực nhưng cũng đầy chất thơ của những người lính.

Tuy trước mắt người lính vẫn gặp phải những gian khổ khắc nghiệt, nhưng lòng kiên trì sẽ giúp các anh chiến thắng. Hình tượng “trăng” – “súng” biểu tượng cho tinh thần dũng cảm, hào hoa muôn thuở của dân tộc nói chung và người lính nói riêng. Trăng và súng kết thành một không gian thơ trữ tình vừa hiện thực vừa lãng mạn. Vì lẽ đó, nó chiếm một vị trí đặc biệt trong thi ca thời kháng chiến chống Pháp.

**Đề bài: Phân tích bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”
của Phạm Tiến Duật**

Bài số 18

Phạm Tiến Duật (1941 – 2007) là nhà thơ tiêu biểu nhất của thế hệ nhà thơ thời kì kháng chiến chống Mĩ. Vị trí vinh dự ấy đã được khẳng định ngay từ khi ông đoạt giải Nhất cuộc thi thơ do Báo Văn nghệ tổ chức năm 1969 với chùm thơ độc đáo, mới mẻ, sáng tạo từ nội dung lẫn thi pháp: *Lửa đèn, Nhớ, Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Gửi em cô thanh niên xung phong*. Từ đó các tập thơ của ông lần lượt ra mắt độc giả, góp phần hoàn thiện một phong cách, một tiếng nói riêng trên thi đàn Việt Nam hiện đại: *Vàng trắng quầng lửa* (1970), *Thơ một chặng đường* (1971), *Ở hai đầu núi* (1981), *Vàng trắng và những quầng lửa* (1983), *Nhóm lửa* (1983)...

Thế giới thơ Phạm Tiến Duật là thế giới của Trường Sơn huyền thoại, đầy khốc liệt và lãng mạn. Đó là thế giới của những con đường đầy bụi, đầy mưa tuôn, đầy khói lửa, đạn bom nhưng cũng là thế giới của những vầng trăng, của tiếng cười hồn nhiên sôi nổi, là tiếng hát dong đưa theo nhịp vòng giữa rừng già, là rừng xanh bạt ngàn áo lính, là điệp trùng đoàn quân ra trận, là khí thế “xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” của dân tộc Việt Nam.

Bài thơ về tiểu đội xe không kính là một tác phẩm tiêu biểu trong thế giới thơ đặc sắc đó.

Nét độc đáo của thi phẩm này được thể hiện ngay từ nhan đề của nó. Cái nhan đề khá dài mang dáng dấp văn xuôi, gần với khẩu ngữ. Ba chữ “bài thơ về” có vẻ như là thừa, không tuân thủ theo nguyên tắc hàm súc của thơ nhưng đó lại là chủ định nghệ thuật của tác giả. Trước hết, tác giả muốn lưu ý bạn đọc rằng, đây là một bài thơ chứ không phải là văn xuôi, mặc dù nhiều câu giống ngôn ngữ văn xuôi. Mặt khác, với ba chữ “bài thơ về”, tác giả muốn giới thiệu một cách nhìn hiện thực, hướng tiếp cận hiện thực từ chất thơ, tìm chất thơ ngay trong cái “không bình thường” của cuộc sống, chất thơ trong hiện thực khốc liệt của chiến tranh. Chính những người lính lái những chiếc xe đầy thương tích ấy đã viết nên những bài thơ cuộc đời, làm nên chất thơ bay bổng. Toàn bộ *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* được triển khai theo chủ đích nghệ thuật như vậy.

Mở đầu là một câu thơ gân guốc, giọng điệu ngang tàng:

Không có kính không phải vì xe không có kính

Đây là câu thơ rất “ngang” cả ý lẫn lời. Cụm từ “không có kính” hiện ngang chiếm lĩnh hai đầu câu và ở giữa là hai chữ “không phải”. Chính hai chữ mang tính phủ định này lại biến hai chữ “không” thành một chữ “có”. Những chiếc xe vốn có kính, đã có kính nhưng vì “Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi”. Lời giải thích thật nhẹ nhàng, đơn giản mà chứa đựng một nội dung hiện thực sâu sắc. Chiến tranh khốc liệt đã tàn phá những chiếc xe, làm cho chúng biến dạng, làm cho chúng không còn là những chiếc xe bình thường.

Hình ảnh những chiếc xe không kính đi vào thơ là một phát hiện độc đáo của Phạm Tiến Duật. Ông đã tìm ra chất thơ trong hiện thực khốc liệt của chiến tranh, ông đã tìm ra chất thơ của tuổi trẻ hiên ngang, dũng cảm vượt lên thiếu thốn, gian khổ, hiểm nguy để chiến đấu và chiến thắng quân thù.

Những chiếc xe không kính là hình ảnh thực, thực đến thô ráp, trần trụi nhưng qua cách nhìn của Phạm Tiến Duật trở nên thơ mộng, lãng mạn đến lạ kì. Bởi nhà thơ đã biến cái không bình thường thành cái bình thường và biến cái thiếu thốn, khó khăn thành điều thú vị:

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng

Điều thú vị nhất là được thoả thích nhìn! Nhìn mà không bị che chắn, khuất lấp; nhìn là được cảm nhận, đón nhận, giao lưu trực tiếp với thiên nhiên, với cuộc sống bên ngoài. Sao lại không thú vị khi ngồi trong buồng lái mà vẫn được nhìn trời, nhìn đất, nhìn sao trời, cánh chim và con đường chạy thẳng? Cả một thế giới thơ mộng được người chiến sĩ lái xe đưa vào cả trong buồng lái là nhờ xe không có kính!

Ở hai khổ thơ đầu, tác giả tập trung khai thác vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe qua cách nhìn thế giới bên ngoài. Từ cách nhìn, cách cảm nhận thế giới, nhà thơ đã thể hiện một cách sáng tạo phong thái ung dung, tư thế chủ động, tâm hồn nghệ sĩ của những người chiến sĩ lái xe. Họ thật nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, họ say mê ngắm nhìn trời đất nhưng trong lúc cảm nhận vẻ đẹp của thế giới, họ vẫn không quên nhiệm vụ vẻ vang của mình. Cái nhìn của họ vẫn tập trung vào con đường, tập trung vào phía trước, có nghĩa là "nhìn thẳng". Hai chữ "nhìn thẳng" đặt sau bốn chữ "nhìn đất, nhìn trời" là một sáng tạo của Phạm Tiến Duật. Bước đi của câu thơ này thật bất ngờ! Đang nhìn trời, nhìn đất nghĩa là nhìn sự vật, bất ngờ chuyển sang nhìn phương hướng, từ kết cấu động từ + danh từ bỗng chuyển sang kết cấu động từ + trạng từ. Bất ngờ tạo nên sự tập trung chú ý, tạo nên khoảng lặng, điểm dừng. Cái đọng lại trong tâm trí của người chiến sĩ lái xe là cái nhìn thẳng, một định hướng, một quyết tâm, một ý chí không gì lay chuyển được!

Những người chiến sĩ không chỉ thấy được điều thú vị khi lái xe không kính mà còn ý thức được những khó khăn gian khổ mà mình phải đối mặt trong hoàn cảnh này:

Không có kính, ừ thì có bụi

Bụi phun tóc trắng như người già

Nhận thức đầy đủ khó khăn gian khổ nhưng họ nhìn gian khổ, nói về gian khổ thật nhẹ nhàng:

Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc

Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha

Khổ thơ tiếp theo có cấu trúc tương tự. Hai câu trên nói về hoàn cảnh, hai câu dưới nói về thái độ của người chiến sĩ lái xe:

*Không có kính, ừ thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa
Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi*

Nhà thơ khai thác triệt để tính tương phản giữa hoàn cảnh và thái độ. Hoàn cảnh thật khó khăn, khắc nghiệt, người chiến sĩ phải chịu cảnh "bụi phun tóc trắng", "mưa tuôn mưa xối". Vậy mà thái độ của họ thật thản nhiên, ngang tàng, bất chấp khó khăn gian khổ. Phạm Tiến Duật đã tìm được ngôn ngữ riêng của họ và đưa thẳng vào các câu thơ của mình: "Ừ thì có bụi", "ừ thì ướt áo", "chưa cần rửa", "chưa cần thay". Nhà thơ không câu nệ vần điệu, câu chữ, cú pháp cổ điển mà lấy nhịp điệu ngôn ngữ của hiện thực cuộc đời để phản ánh đúng suy nghĩ, lời nói, việc làm của người chiến sĩ lái xe trên đường ra mặt trận. Chính sự giản dị về ngôn từ, sự chân thực trong cảm xúc suy nghĩ và sự cụ thể, sinh động trong từng hình ảnh, chi tiết đã góp phần tạo nên sức thuyết phục và cảm hoá của bài thơ này.

Người chiến sĩ lái xe là hình tượng trung tâm của *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*. Hình tượng này được tác giả đặt trong nhiều mối quan hệ đa dạng mà thống nhất, mỗi quan hệ nào cũng góp phần bộc lộ vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe. Trước hết là mối quan hệ giữa người chiến sĩ lái xe với những chiếc xe không kính. Thông qua mối quan hệ này, người đọc nhìn thấy phong thái ung dung, tinh thần gan dạ, dũng cảm của người lính lái xe trong hoàn cảnh chiến tranh khốc liệt. Mối quan hệ thứ hai là người lính lái xe và con đường. Con đường là hình ảnh xuyên suốt trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* và cũng là hình ảnh nổi bật trong thơ Phạm Tiến Duật thời chống Mĩ. Con đường và người lính không thể tách rời. Người lính lái xe đi trên đường, "Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim", "Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới". Con đường là không gian hội ngộ của những người chiến sĩ, nơi ghi dấu những kỉ niệm trên đường hành quân. Vì vậy con đường không những lưu giữ trong mắt mà còn khắc đậm trong tim Phạm Tiến Duật và bạn bè thuở ấy. Trên con đường ra trận, một gia đình lớn của những người lính được hình thành và gắn bó thân thiết:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy
Võng mắc chông chênh đường xe chạy
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

Tiểu đội xe là một trong nhiều gia đình ấm cúng nghĩa tình trên tuyến đường Trường Sơn huyền thoại. Những chiếc xe hợp thành tiểu đội, hợp thành đoàn quân vượt qua bom rơi, đạn nổ:

*Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Động cơ làm nên sức mạnh của đoàn xe chính là tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, là tình cảm tha thiết với nửa nước thân yêu. Bài thơ kết lại bằng một câu thơ chắc nịch, dồn nén đầy cảm xúc và suy nghĩ, lắng đọng mà dư ba: *Chỉ cần trong xe có một trái tim*. Nhờ có những trái tim yêu nước ấy mà đoàn xe chạy tới ngày đất nước thống nhất trọn niềm vui.

T.K.T

Đề bài: Suy nghĩ của em về hình ảnh những chiến sĩ lái xe trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

Bài số 19

Là một trong những nhà thơ tiêu biểu của thế hệ nhà thơ trẻ những năm chống Mĩ "xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước - Mà lòng phơi phới dậy tương lai" (Tố Hữu), Phạm Tiến Duật có giọng thơ mang chất lính, khỏe khoắn, dạt dào sức sống, tinh nghịch vui tươi và giàu suy tưởng. *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* (trong chùm thơ được giải Nhất cuộc thi thơ báo Văn nghệ tổ chức năm 1969 – 1970) được Phạm Tiến Duật viết năm 1969 là thi phẩm mang phong cách đó.

Kết cấu của bài thơ là hành trình của con đường ra trận. Hành trình đó có những lúc dãi dầu nắng mưa, có những ngày vượt suối băng đèo và có tiếng reo cười trong tình thân chan hòa của đồng đội, trong một mái ấm gia đình giữa đất trời bao la. Xuyên suốt bài thơ là hai hình ảnh trung tâm: những chiếc xe và những người chiến sĩ lái xe. Những chiếc xe không kính và chủ nhân của chúng được giới thiệu bằng lời thơ tự nhiên, mộc mạc như một lời phân bua mà có lẽ trước tác giả chưa ai khám phá ra chất thơ bộc lộ ngay trong vẻ tự nhiên của ngôn từ:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt, bom rung, kính vỡ đi rồi.*

Cách lí giải đơn giản, ngộ nghĩnh tạo thú vị cho người đọc. Cảm hứng thơ bắt đầu từ hiện thực ác liệt nơi chiến trường với "bom giạt, bom rung" giúp ta hình dung sự tàn phá của đạn bom trên những nẻo Trường Sơn năm ấy vô cùng dữ dội. Song thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là cơ sở để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp và sức mạnh tinh thần lớn lao của họ:

*Ung dung buồng lái ta ngồi
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

Trên những chiếc xe không kính, dưới làn bom đạn của kẻ thù, an toàn của các anh khó mà bảo đảm. Vậy mà thái độ của các anh bình thản, tự tin đến không ngờ. Trong tư thế ung dung, trong cái nhìn bao quát cả đất trời còn có cả niềm kiêu hãnh của người làm chủ hoàn cảnh, tự hào ngẩng nhìn và đón nhận thiên nhiên. Nhịp thơ cân xứng, ý thơ trôi chảy, lời thơ nhẹ nhàng như diễn tả hình ảnh những đoàn xe lăn bánh trên những nẻo đường

ra trận. Cái vất vả, gian khổ hiểm nguy được miêu tả bằng những hình ảnh giản dị, trung thực đến từng chi tiết:

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái.*

Xe không kính, gió lùa mạnh vào ca bin, người lái xe không chỉ cảm thấy mà còn nhìn thấy “gió vào xoa mắt đắng”. Cử chỉ quá đổi trù mền, dịu dàng và thân thiện ấy của gió làm đắng những đôi mắt cay xè vì thiếu ngủ. Và hơn thế nữa, nắng mưa, gió bụi của Trường Sơn đã trở thành những người bạn đồng hành:

*Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già.
... Không có kính ừ, thì ướt áo
Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời.*

Điệp từ “ừ thì”, “chưa cần”, hình ảnh “phì phèo châm điều thuốc”, giọng “cười ha ha” hào sảng làm tôn lên chất bình dị mà anh hùng của những chàng trai trẻ biết biến cái vất vả gian nan thành phút giây thư giãn thoải mái. Qua đó làm sáng lên tinh thần cứng cỏi đầy nghị lực và bất chấp gian khó của những người biết vượt lên để làm chủ hoàn cảnh. Có lẽ ai đã từng đến Trường Sơn mới thấu hết cái gian nan của người cầm lái trên tuyến đường này. Đường Trường Sơn gập ghềnh, mưa Trường Sơn như trút nước, mùa khô xe chạy bụi mù trời. Bom đạn của quân thù không làm các anh chùn bước thì gió, bụi, mưa sa của thiên nhiên khắc nghiệt nào có đáng kể chi? Trên những chiếc xe không kính, tâm trạng người chiến sĩ lái xe vẫn phơi phơi thênh thang:

*Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.*

Lạ lùng thay, như một khám phá bất chợt của nhà thơ, sự hiểm nguy của những chiếc xe không kính lại trở thành sự tiện lợi bất ngờ khi các chàng lính gặp nhau, bởi họ có thể không cần phải xuống xe mà vẫn có thể bắt tay nhau thể hiện tình thân ái. Đó là một cái bắt tay rất độc đáo “qua cửa kính vỡ rồi”. Qua ô cửa kính vỡ, họ truyền hơi ấm cho nhau và nói với nhau những hứa hẹn lập công. Cái bắt tay nồng ấm tình bạn, tình người hay chính là sự sống đang nở hoa trong sự huỷ diệt của kẻ thù? Có thể nói rằng tình đồng chí, đồng đội là sức mạnh của người lính. Từ cái “nắm lấy bàn tay” trong thơ Chính Hữu đến cái “bắt tay” trong thơ Phạm Tiến Duật là cả một quá trình trưởng thành và hiện đại của quân đội ta trong chiến tranh giải phóng dân tộc, đất nước.

Công việc vất vả, hiểm nguy nhưng giờ phút nghỉ ngơi của những người lính lại vô cùng vui vẻ, đầm ấm:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời
Chung bát dĩa nghĩa là gia đình đây.*

Cuộc sống dẫu giản dị, xuềnh xoàng nhưng ấm áp tình cảm. Những người lính không chỉ là đồng chí, đồng đội của nhau mà họ còn là những người cùng trong một gia đình. Bởi vậy sau những phút nghỉ ngơi ngắn ngủi, họ lại tiếp tục công việc của mình với niềm tin mãnh liệt vào ngày mai chiến thắng. Chỉ có điều càng gần đến miền Nam, những chiếc xe ngày càng hư hỏng:

Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước.

Khi chiếc xe “không kính” được gói lại thì những con số không khác lại mở ra: “không đèn”, “không mui”, chỉ một thứ duy nhất có thêm nhưng lại là “có xước”. Như vậy cả “không có” và “có” đều là tổn thất, đều là hư hại. Điệp ngữ “không có” được nhắc lại ba lần như nhún lên ba lần những thử thách khốc liệt của chiến tranh, hoàn thiện dung mạo trụi trần đến kinh ngạc của chiếc xe vận tải. Vượt dãy Trường Sơn, đi qua đạn bom khói lửa của kẻ thù, mang trên mình đầy thương tích những chiếc xe như một dũng sĩ kiên cường. Kì lạ thay:

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim.

Đây là câu thơ mấu chốt của cả khổ thơ và cả bài thơ. Hóa ra tất cả khó khăn thử thách ở phía trên kia chẳng là gì cả, dù cho bom rơi, pháo thả, dù xe không kính, dù đường ra mặt trận có khi đồng nghĩa với cái chết thì người lính lái xe ra trận cũng luôn cảm thấy bình yên, an toàn bởi vì có một trái tim. Đó là trái tim biết thức vì miền Nam, biết khát khao chân lí, hòa bình. Hành trang ra trận cần biết bao một trái tim như thế. Có trái tim chiếc xe thành một cơ thể sống, thành một khối thống nhất với người chiến sĩ. Ta hiểu vì sao cả đoàn xe có thể vượt qua dãy Trường Sơn khói lửa bởi cội nguồn sức mạnh của nó kết tụ lại ở trong trái tim gan góc, kiên cường, giàu bản lĩnh và chan chứa yêu thương.

Đến với bài thơ ta thú vị nhận ra cái giọng rất trẻ, rất lính của Phạm Tiến Duật. Chất giọng ấy bắt nguồn từ sức trẻ, từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam mà chính tác giả đã từng sống, từng trải nghiệm. Ngôn ngữ thơ giản dị đậm chất văn xuôi, hình ảnh thơ sáng tạo bất ngờ, đặc biệt là sự linh hoạt của nhạc điệu trong thơ đã góp phần tạo nên sức hấp dẫn sâu sắc của bài thơ trong lòng độc giả.

**Đề bài: Phân tích bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá”
của Huy Cận**

Bài số 20

Huy Cận (1919 – 2005) là nhà thơ của tình người, tình đời, tình yêu thiên nhiên đất nước. Hồn thơ Huy Cận vừa hướng tới những khoảng rộng xa của vũ trụ vừa da diết gắn bó với cuộc đời gần gũi thân thương.

Giữa năm 1958, Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Chính hiện thực cuộc sống lao động sôi nổi, hào hứng của nhân dân và không gian khoáng đạt bao la của biển cả đất trời đã mang lại cho hồn thơ Huy Cận những cảm hứng mới mẻ. Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* ra đời trong hoàn cảnh đó và được in trong tập thơ *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958). *Đoàn thuyền đánh cá* là khúc ca dào dạt cảm xúc lãng mạn về vẻ đẹp tráng lệ của thiên nhiên đất nước và vẻ đẹp khoẻ khoắn của con người trong cuộc sống lao động sôi nổi, hăng say, hào hứng và vui tươi. Bài thơ được kết cấu theo hành trình lao động của đoàn thuyền đánh cá. Khổ thơ đầu là cảnh lên đường; năm khổ thơ tiếp theo là cảnh lao động đầy hào hứng, khẩn trương trên biển cả hùng vĩ, khổ thơ cuối cùng là cảnh đoàn thuyền trở về trong buổi bình minh rực rỡ ánh hồng.

Điểm xuất phát của buổi lao động khác lệ thường: ra đi vào lúc mặt trời đang lặn:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa*

Cảnh hoàng hôn thường ảm đạm, buồn bã nhưng ngược lại ở đây thiên nhiên biển cả trong buổi hoàng hôn thật hùng vĩ, sinh động. Mặt trời như hòn than rực cháy đang nhanh chóng xuống biển, bóng đêm buông xuống, kết thúc một ngày. Thiên nhiên được tác giả tái hiện thật sinh động, độc đáo. Với năng lực tưởng tượng phong phú, nhà thơ đã gọi lên những liên tưởng thật bất ngờ, thú vị. Vũ trụ bao la, huyền bí như một ngôi nhà khổng lồ, bóng tối là cánh cửa sập xuống, những con sóng là then cài. Không gian khép lại bởi màn đêm nhưng con người lại mở ra một thế giới mới, một khung cảnh mới:

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi
Câu hát căng buồm cùng gió khơi*

Con người xuất hiện giữa không gian rộng lớn của biển cả mà không hề có cảm giác nhỏ bé, rợn ngợp. Họ đang làm chủ không gian ấy, là chủ nhân của biển cả ấy. Tiếng hát của con người cất lên đem lại niềm vui cho thiên nhiên, tiếng hát như cùng làn gió căng buồm đưa thuyền ra khơi xa. Nhà thơ đã sáng tạo một hình ảnh sinh động độc đáo, gắn kết ba sự vật và hiện tượng: gió khơi, câu hát và cánh buồm. Câu hát là niềm vui, sự hào hứng của người lao động, tạo nên sức mạnh cùng ngọn gió căng buồm cho thuyền lướt nhanh trên ngọn sóng. Khổ thơ mở đầu đã tạo dựng được không khí chuẩn bị bước vào lao động hăng hái, khẩn trương, tự tin và tràn đầy khí thế.

Bằng hình thức ghi lại lời hát trên biển cả, nhà thơ Huy Cận đã ngợi ca sự giàu có của đất nước. Lòng biển chứa đựng biết bao tài sản quý giá có ý nghĩa to lớn đối với cuộc sống con người: cá bạc, cá thu, cá nhụ, cá chim, cá song, cá đé. Những sản vật đó được nhà thơ miêu tả trong tương quan với cái đẹp, cái thơ mộng kì ảo, đầy ánh sáng và sắc màu:

- Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng.
- Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,
Cái đuôi em quẫy trắng vàng choé.

Từ cách nhìn đầy tính thẩm mỹ, tác giả có những liên tưởng, so sánh thật bất ngờ mà hợp lí. Đàn cá thu như những con thoi dật vào biển tấm lưới bằng luồng sáng, cá song lấp lánh như ngọn đuốc lung linh màu sắc đen hồng. Từ những câu thơ của Huy Cận, thế giới biển cả hiện ra thật hấp dẫn và kì thú, sống động và tươi đẹp lạ thường.

Biển cả hùng vĩ với chiều rộng bao la và chiều sâu thăm thẳm của nó, biển cả nên thơ với ánh trăng vàng và muôn vì sao lấp lánh. Biển cả càng trở nên sinh động hơn bởi sự có mặt của những ngư dân say mê lao động, tự tin làm chủ không gian rộng lớn:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.*

Cảnh lao động trên biển cả rất hiện thực mà cũng rất lãng mạn. Những công việc của đoàn thuyền đánh cá được miêu tả cụ thể như giăng lưới, gõ thuyền, kéo lưới mà nhẹ nhàng, khoẻ khoắn và tràn đầy niềm vui. Con thuyền vốn bé nhỏ trước biển cả bao la lại trở thành con thuyền khổng lồ, hoà nhập với thiên nhiên, vũ trụ rộng lớn. Con thuyền đó lấy gió làm lái, buồm bằng trăng, lướt nhanh giữa hai tầng không gian mênh mông của trời, của biển. Miêu tả con thuyền với kích thước của vũ trụ, tác giả muốn khắc hoạ sức mạnh và vẻ đẹp khoẻ khoắn của những người lao động đang làm chủ thiên nhiên đất nước. Nét đặc biệt trong thơ Huy Cận sau Cách mạng tháng Tám là con người thường được miêu tả trong tâm trạng vui tươi hào hứng. Trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*, bốn lần nhà thơ nhắc đến hình ảnh con người đang ca hát. Hát lúc ra khơi, hát lúc gọi cá, hát lúc thuyền về, nghĩa là hát suốt cả hành trình lao động. Nhờ có lời ca, tiếng hát mà con người không hề có cảm giác mệt mỏi, công việc lao động nặng nề trở nên nhẹ nhàng, thơ mộng, với bài ca phối phối lạc quan.

Mở đầu bài thơ là cảnh mặt trời xuống biển, kết thúc bài thơ là cảnh mặt trời lên, mở ra bình minh huy hoàng rực rỡ:

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi,
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.
Mặt trời đội biển nhô màu mới,
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

Đoàn thuyền đánh cá ra khơi từ chiều hôm trước, họ đánh cá dưới đêm trăng thơ mộng của biển cả và đến sáng hôm sau những con thuyền đầy ắp cá, lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời. Ở khổ thơ cuối cùng này hình tượng thơ được đẩy tới, nâng cao, thật huy hoàng tráng lệ. Điệp khúc câu hát lại

xuất hiện ở đầu khổ thơ, biểu hiện nhịp điệu thiên nhiên và nhịp điệu lao động hài hoà cộng hưởng. Thiên nhiên vận động nhanh chóng theo nhịp tuần hoàn từ đêm sang ngày, con thuyền cùng mở hết tốc lực để chạy đua với mặt trời, chạy đua với thời gian, và cuối cùng con người đã chiến thắng. Khi mặt trời vừa mới “đội biển” nhô lên thì con người đã đạt được thành quả lao động to lớn: “*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*”. Hai câu thơ cuối cùng tạo nên sự so sánh thật bất ngờ thú vị, gợi lên những liên tưởng khác nhau trong tâm trí người đọc. Phải chăng mặt trời nhô lên trên biển giống như mắt cá huy hoàng lấp lánh ánh sáng, hay đây là hình ảnh tả thực mang tính cách điệu về thành quả lao động của con người. Sau một đêm lao động hăng say, khẩn trương sôi nổi đoàn thuyền đã thu được những khoang đầy ắp cá, mắt cá lấp lánh dưới ánh nắng mặt trời như trải ra muôn dặm. Đằng sau hình ảnh mắt cá huy hoàng là đôi mắt lấp lánh niềm vui của con người trước thành quả lao động của mình.

Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* là một trong những thi phẩm thành công viết về biển và cuộc sống lao động của con người, một đề tài sở trường của Huy Cận. Từ trước cách mạng, hồn thơ Huy Cận đã đông đầy không gian sông nước và nặng trĩu tình cảm yêu đời. Cảm quan vũ trụ và tình người, tình đời là những đặc điểm nổi bật trong thế giới thơ Huy Cận. Nhưng trước Cách mạng, vũ trụ và con người trong thơ Huy Cận còn có khía cạnh đối lập, sau Cách mạng, thơ Huy Cận khai thác vẻ đẹp hài hoà giữa vũ trụ và cuộc đời. Vẻ đẹp ấy được thể hiện tập trung trong *Đoàn thuyền đánh cá*, một bài thơ, một khúc ca phơi phơi niềm vui về thiên nhiên và cuộc sống sau ngày hoà bình lập lại trên miền Bắc nước ta.

T.K.T

Bài số 21

Huy Cận là một trong những nhà thơ tiêu biểu của phong trào Thơ mới. Sau Cách mạng, ông nhanh chóng hoà nhập vào công cuộc kháng chiến vĩ đại và trường kì của dân tộc. Hoà bình lập lại, từng trang thơ Huy Cận ấm áp hơi thở của cuộc sống đang lên. Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* được sáng tác ở Hòn Gai năm 1958 nhân một chuyến đi thực tế dài ngày của nhà thơ. Bài thơ thực sự là một bài ca ca ngợi cuộc sống của những con người lao động mới.

Cảm hứng trữ tình được diễn tả theo mạch thời gian: hoàng hôn – đêm trăng – và bình minh. Cảnh bình minh như một biểu tượng mang ý nghĩa: một thời đại huy hoàng đang mở ra phía trước, cuộc sống cần lao của nhân dân ta đang nở hoa.

Với đôi mắt quan sát sắc sảo, trí tưởng tượng phong phú, trái tim nhạy cảm và tài năng nghệ thuật điêu luyện, nhà thơ đã vẽ lên trước mắt chúng ta một khung cảnh lao động hăng say trên biển. Cả bài thơ như một bức tranh sơn mài lộng lẫy những sắc màu huyền ảo, cuốn hút vô cùng:

Mặt trời xuống biển như hòn lửa.
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,
Câu hát căng buồm với gió khơi.

Đoàn thuyền đánh cá rời bến vào lúc hoàng hôn, mặt trời như hòn lửa đỏ rực đang lặn dần vào lòng đại dương mênh mông, màn đêm buông xuống, kết thúc một ngày. Biển kín đáo như một gian phòng lớn của thiên nhiên bởi cách nói thật riêng biệt “sóng đã cài then, đêm sập cửa”. Chính vào thời điểm ấy, ngư dân bắt tay vào công việc quen thuộc của mình: Ra khơi đánh cá! Mặt biển đêm không lạnh lẽo mà ấm áp hẳn lên bởi tiếng hát âm vang, náo nức, thể hiện niềm vui to lớn của người lao động được giải phóng, tiếng hát hoà cùng gió, thổi căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi. Lời hát ca ngợi sự giàu có và hào phóng của biển cả cùng vẻ đẹp lung linh, diệu kì của nó trong đêm:

Hát rằng cá bạc biển Đông lặng
Cá thu biển Đông như đoàn thoi
Đêm ngày dật biển muôn luồng sáng
Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi!

Sự say mê vẻ đẹp của biển đã làm giảm bớt bao nỗi nhọc nhằn vất vả trong việc đánh cá, đem lại niềm vui và sức mạnh cho ngư dân. Cảnh đánh cá trong đêm được nhà thơ miêu tả bằng cảm hứng trữ tình mãnh liệt. Tác giả như nhập thân vào thiên nhiên, công việc, và con người:

Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.

Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la đã trở thành con thuyền kì vĩ, khổng lồ hoà nhập với kích thước rộng lớn của thiên nhiên, vũ trụ. Con thuyền đó đang bay giữa không gian trong một đêm tuyệt đẹp. Những hình ảnh “lái gió”, “buồm trăng”, “mây cao”, “biển bằng” phảng phất phong vị thơ cổ điển nhưng vẫn đậm chất hiện thực. Chuyến ra khơi đánh cá cũng giống như một trận đánh thật sự hào hùng. Cũng thăm dò, cũng dàn đan thế trận và bủa vây bằng... lưới! Đã bao đời nay, ngư dân có quan hệ chặt chẽ với biển cả. Họ thuộc biển như lòng bàn tay, bao loài cá họ thuộc tên, thuộc dáng và thuộc cả thói quen của chúng:

Cá nhụ cá chim cùng cá đé
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.

Những câu thơ tả đàn cá là những câu thơ đặc sắc nhất. Biển quê ta giàu có với nhiều loại cá quý, cá ngon nổi tiếng như tục ngữ đã nói: “chim, thu, nhụ, đé”. Vận dụng sáng tạo cách nói của dân gian, ở phần trên, nhà

thơ đã viết: "Cá thu biển Đông như đoàn thoi", ở đây lại miêu tả: "Cá nhụ, cá chim cùng cá đé". Còn cá song là một nét vẽ tài hoa. Vẩy cá đen, hồng, lấp lánh trên biển nước lân tinh chan hòa ánh trăng "vàng chóa". Cái đuôi cá quẫy được so sánh với ngọn đuốc rực cháy. Nghệ thuật phối sắc tài tình làm cho vẩy thơ đẹp như một bức tranh sơn mài rực rỡ. Bầy cá như những nàng tiên trong đêm vũ hội. Trên mặt biển đêm, ánh trăng lung linh như dát bạc, cá quẫy đuôi sóng sánh trăng vàng, tiếng "em" bật lên tự nhiên, trù mển. Bài ca gọi cá vẫn tiếp tục ngân vang: lúc náo nức, lúc lại thật tha thiết. Trăng thức cùng ngư dân, trăng cùng sóng rập rờn bên mạn thuyền như gõ nhịp phụ họa cho tiếng hát, trăng chiếu sáng cho ngư dân kéo được những mẻ cá đầy... Với ngư dân, biển cả bao la "như lòng mẹ", bởi vậy thiên nhiên và con người thật hoà hợp, nhịp nhàng. Nhịp điệu công việc càng khẩn trương, sôi nổi khi bóng đêm dần tàn, ngày đang đến:

*Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*

Bao công lao vất vả đã được đền bù, đáng người ngư dân đang choãi chân, nghiêng người dồn tất cả sức mạnh vào đôi tay cuộn cuộn để kéo lên những mẻ lưới nặng trĩu mới đẹp làm sao! Màu sắc phong phú, lấp lánh vẩy bạc, đuôi vàng của bao loài cá càng khiến cho cảnh rạng đông thêm rực rỡ. Nhịp điệu câu thơ "lưới xếp buồm lên đón nắng hồng" chậm rãi, gợi cảm giác thanh thản, vui tươi, phản ánh tâm trạng phấn khởi của ngư dân trước những kết quả tốt đẹp của chuyến ra khơi.

Khổ thơ cuối cùng miêu tả cảnh trở về của đoàn thuyền đánh cá:

*Câu hát căng buồm với gió khơi
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời
Mặt trời đội biển nhô màu mới
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.*

Vẫn là tiếng hát khoẻ khoắn của ngư dân dạn dày sông nước đang vươn lên làm chủ cuộc đời. Tiếng hát hoà trong gió, thổi căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi đêm trước nay lại cùng đoàn thuyền đầy ắp cá hân hoan về bến. Bài thơ lặp lại bốn lần chữ "hát" thực chất là một bài ca sáng khoái, một khúc tráng ca về lao động và về thiên nhiên đất nước giàu đẹp. Khúc ca ấy vừa hào hứng, vừa phơi phới và khoẻ khoắn, mạnh mẽ, kết hợp với sự vận động tuần hoàn của thiên nhiên vũ trụ. Chính vì vậy, *Đoàn thuyền đánh cá* được xem như bước khởi đầu trong cảm hứng mới về thiên nhiên đất nước và niềm tin vào cuộc sống mới đang sôi động. Niềm tin ấy đã giúp nhà thơ có tinh thần lạc quan và yêu đời hơn. Hình ảnh "đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời" rất thực mà cũng rất hào hùng, vũ trụ đang chuyển động trong sức người và tạo hóa. Có thể nói Huy Cận đã bằng tình yêu của mình đối với cuộc sống mới của nhân dân khám phá ra vẻ đẹp hùng vĩ. Câu thơ

phản ánh một thói quen lâu đời của ngư dân là đưa cá về bến trước khi trời sáng đồng thời cũng hàm ý nói lên khí thế đi lên mạnh mẽ của nhân dân lao động trong công cuộc xây dựng đất nước. Hoà cùng niềm vui to lớn của mọi người, nhà thơ chấp cánh cho trí tưởng tượng của mình bay bổng. Đoàn thuyền đi trên biển, giữa màu hồng rạng rỡ tinh khôi và ánh mặt trời phản chiếu trong muôn ngàn mắt cá khiến nhà thơ liên tưởng đến hàng ngàn mặt trời nhỏ xíu đang toả rạng niềm vui. Đến đây bức tranh biển cả ngập tràn màu sắc tươi sáng và đầy sức sống trong, từng đường nét của cảnh, từng dáng hình của người.

Đoàn thuyền đánh cá là bài thơ tiêu biểu của Huy Cận sau Cách mạng tháng Tám. Nếu như trước đây, thơ Huy Cận thấm một nỗi sầu "vạn cổ sầu" vào vũ trụ và lòng người thì những bài thơ của ông từ năm 1945 về sau, đặc biệt là bài *Đoàn thuyền đánh cá* lại mang âm điệu ngọt ngào, niềm vui say mê và phấn chấn của nhân dân lao động đang làm chủ cuộc đời. Bài thơ là một bài ca lao động hừng khởi, hào hùng dành cho biển cả rộng lớn, hào phóng, cho những con người cần cù, gan góc đang dựng xây đất nước. Cảm hứng trữ tình và nghệ thuật điêu luyện được tác giả sử dụng trong bài thơ đã thật sự cuốn hút người đọc. Chúng ta cùng chia sẻ niềm vui to lớn với nhà thơ, với tất cả những người lao động mới đang kiêu hãnh ngẩng cao đầu trên con đường đi tới tương lai tươi sáng.

Đề bài: Có người nói: "Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" là một khúc ca". Đây là khúc ca gì? Em hãy phân tích bài thơ để chứng minh điều đó.

Bài số 22

Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* là một khúc ca tươi mới, lạc quan và đầy hi vọng về vẻ đẹp tráng lệ của thiên nhiên, về sức mạnh phi thường của con người và về niềm hăng say lao động của những người dân chài ra khơi. Khúc ca đó được viết bởi những âm điệu tươi vui, khoẻ khoắn, gợi lên những hình ảnh sống động, lung linh đầy màu sắc. Qua khúc ca ấy, nhà thơ Huy Cận đã gửi gắm cả cái mùi nồng mặn của biển khơi và tinh thần lạc quan của con người lao động, gửi gắm cả tình yêu quê hương đất nước sâu đậm và lớn lao đến người đọc.

Khúc ca về thiên nhiên trong bài thơ mở ra một thế giới khoáng đạt và cao rộng từ lúc hoàng hôn buông xuống cho đến khi bình minh chan hoà. Khi những người dân chài ra khơi thì cũng là lúc đất trời chìm vào màn đêm đen, nhịp điệu công việc của họ cũng là nhịp điệu của thời gian, vũ trụ:

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa
Sóng đã cài then, đêm sập cửa*

Các hình ảnh nhân hoá, so sánh đặc sắc đã miêu tả chân thực về thời khắc chuyển giao giữa ngày và đêm, đồng thời qua những từ ngữ "cài

then", "sập cửa", câu thơ cũng gợi được sự gần gũi, thân quen và bình yên giữa thiên nhiên và con người. Trong ánh sáng le lói của một ngày sắp tắt, ta thấy được một khung cảnh trời nước bao la, trăng sao mây gió lồng lộng thật huy hoàng và tráng lệ. Khi màn đêm đã buông xuống thì cũng là lúc các loài cá nô nức trẩy hội. Biết bao loài cá quý đã hội tụ về đây đêm nay, nào "cá thu biển Đông như đoàn thoi", nào "cá song lấp lánh đuốc đen hồng", rồi cả "cá nhụ cá chim cùng cá đé", toàn những loài cá quý đang tạo nên một vũ hội lung linh sắc màu. Khúc ca thiên nhiên lúc này tươi vui và nhộn nhịp trong bức tranh biển và trăng hiền hoà êm ái. Khi trời đã khuya, trăng rót thứ ánh sáng huyền ảo chan hoà xuống mặt biển tĩnh lặng, khiến cho mặt biển diện một chiếc áo mới lung linh dệt từ sắc màu của muôn ngàn loài cá và ánh trăng khuya.

Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé

Tác giả đã mượn hình ảnh trăng và cá để miêu tả sự giàu có, tráng lệ và cũng rất nên thơ của biển cả. Và như một sinh vật đang sống trong thế giới đầy trăng và sao ấy, đêm đang thở nhẹ nhàng và đều đặn; đó chính là hình ảnh nhân hoá tinh tế của ánh sao lùa sóng nước:

Đêm thở sao lùa nước Hạ Long

Sự tưởng tượng độc đáo, mang đầy tính nghệ thuật của tác giả đã khiến cho ánh trăng ánh sao chan hoà trên biển, sóng biển vỗ nhẹ nhẹ, đưa ánh trăng làm biển như có hồn, như đang thở những nhịp đều đặn. Khúc ca biển khơi lúc hoành tráng, huy hoàng, lúc nhộn nhịp, tươi vui, lúc lại trầm ngâm, sâu lắng và khi bình minh gõ cửa chào ngày mới, khúc ca ấy trở nên mãnh liệt và sôi nổi trong cuộc chạy đua về bến cảng.

Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi

Qua những cung bậc cảm xúc, những hình ảnh so sánh nghệ thuật độc đáo và cảm nhận tinh tế của nhà thơ, biển khơi đã hiện lên muôn hình muôn vẻ, tráng lệ và thật nên thơ.

Nếu như những khúc ca hoành tráng được hát lên để ca ngợi vẻ đẹp kì vĩ của thiên nhiên thì khúc ca lao động của con người trong bài thơ là một khúc ca lạc quan và mang đầy hi vọng. Khi những tia nắng cuối cùng buông xuống mặt biển, những người dân chài mới thực sự bắt đầu những giờ phút lao động vất vả, nhưng trong câu hát tươi vui, khoẻ khoắn của bài ca lao động, ta hoàn toàn không thấy sự mệt mỏi, buồn chán và nỗi khó khăn hiện diện mà ta chỉ cảm nhận được niềm hăng say công việc và sự nhộn nhịp, mạnh mẽ trên đoàn thuyền ra khơi:

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi

Câu hát căng buồm cùng gió khơi

Sử dụng phó từ "lại", tác giả muốn nhấn mạnh đây là một công việc lao động thường ngày của những người dân chài, gợi cảm giác bình yên và thân quen trong những chuyến đi biển. Hình ảnh "Câu hát căng buồm cùng gió khơi" là một hình ảnh ẩn dụ tinh tế và sáng tạo, biến cái ảo thành cái thực, tựa như câu hát là điểm tựa là ngọn gió tạo khí thế phơi phơi giúp đoàn thuyền "căng buồm" tiến về phía trước. Tâm hồn lạc quan, niềm vui lao động và sự tự tin được thể hiện qua hình ảnh "câu hát", và cũng giống như "câu hát", trở thành điểm tựa vững chắc cho những con người đang chinh phục biển khơi. Hình ảnh con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé hữu hạn trước thiên nhiên qua câu thơ của Huy Cận trở nên kì vĩ, lớn lao, sánh ngang tầm vũ trụ:

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng
Lướt giữa mây cao với biển bằng,*

Bằng cảm nhận tinh tế và trí tưởng tượng phong phú, tác giả vẽ nên một con thuyền với gió là người cầm lái và trăng là cánh buồm lướt đi giữa không gian trời nước mênh mông. Công việc của những người đánh cá hiện lên thật thú vị, được dàn đan như một thế trận hào hùng và những người dân chài khéo léo, khoẻ khoắn đang chèo lái con thuyền chinh phục đại dương.

*Ra đậu dặm xa dò bụng biển,
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.*

Qua những hình ảnh so sánh, liên tưởng xuất hiện dày đặc, con thuyền và người dân chài hiện lên sánh ngang tầm với thiên nhiên vũ trụ, vì thế bài ca lao động thật nhịp nhàng, sôi nổi, mang tình cảm, niềm vui của những tâm hồn tươi trẻ khi đêm đến bao trùm biển khơi, khúc ca lao động càng rộn rã theo nhịp điệu công việc:

*Ta hát bài ca gọi cá vào,
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.*

Tiếng hát không chỉ có niềm vui mà còn có cả tình yêu lao động, yêu thiên nhiên, đất nước. Tiếng hát ngân dài sâu lắng như lời tri ân với biển cả. Lần đầu tiên trong thơ ca, ta cảm nhận được biển khơi gần gũi và thân thuộc như người mẹ hiền. Huy Cận đã thấy sự hào phóng của thiên nhiên, nhìn nhận biển cả như một bến đỗ, là nơi chở che, là nguồn sống của cuộc sống con người:

*Biển cho ta cá như lòng mẹ
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

Khi trời hửng sáng thì cũng là lúc thành quả của một đêm lao động cần cù cũng dần hiện lên, sức mạnh của người dân chài được phác hoạ đậm nét trong tư thế kéo lưới:

*Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng
Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông*

Bốn câu thơ cuối như những nốt nhạc ngân dài cho bài ca lao động mô tả cuộc chạy đua giữa đoàn thuyền và mặt trời đang lên:

Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Đoàn thuyền ở đây sánh ngang với mặt trời, tác giả đã lấy hình ảnh nhỏ bé, bình dị để so sánh với hình ảnh lớn lao, vĩ đại, từ đó ông muốn nói lên cho sức sống dồi dào và tâm hồn khoẻ khoắn, mạnh mẽ của những người dân chài sau một đêm lao động vất vả với những câu thơ tiếp theo, tác giả khắc hoạ trọn vẹn hình ảnh huy hoàng của một ngày mới đang lên, cũng là lúc một ngày làm việc của những người dân chài kết thúc. Hình ảnh cuối bài thơ "Mặt cá huy hoàng muôn dặm phơi" là hình ảnh kết thúc cho bài ca biển khơi - ánh nắng của một ngày mới chan hoà khắp nơi.

Nhịp điệu bài thơ hài hoà, âm hưởng khoẻ khoắn hào hùng, tạo nên một khúc ca thiên nhiên và lao động lạc quan, tươi sáng. Bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* khắc hoạ nhiều hình ảnh đẹp và tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui và niềm tự hào của tác giả trước thiên nhiên, con người quê hương. Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh so sánh, nhân hoá, ẩn dụ, có âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng thể hiện tinh thần lao động lạc quan, tươi sáng.

Nguyễn Thu Giang

Đề bài: Hình tượng người bà qua dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ "Bếp lửa" của Bằng Việt

Bài số 23

Chỉ là một tiếng gà nhảy ổ giữa buổi trưa hè, một bếp lửa chờn vờn trong sương sớm... mà biết bao tình nghĩa. Phải chăng những điều bình dị, giản đơn nhất lại chính là chìa khoá của tâm hồn, của những tình cảm thiết tha, chân thành mà không một giá trị tầm thường nào có thể đổi được. Nếu như *Tiếng gà trưa* đánh thức trong Xuân Quỳnh những kỉ niệm về bà cùng tình bà cháu cao đẹp thì *Bếp lửa* lại làm sống dậy trong lòng Bằng Việt cả một quá khứ đầy ắp kỉ niệm, từ đó khẳng định tình cảm thương nhớ khôn nguôi của cháu với bà. Theo mạch cảm xúc của nhân vật trữ tình, ta cảm nhận được cái ánh sáng của bếp lửa, sự ấm áp kì diệu và thiêng liêng của tình bà cháu và đặc biệt ta được thấy chân dung đẹp đẽ, lung linh sắc màu cổ tích của người bà trong bài thơ.

Bếp lửa là lời tâm sự của người cháu ở nơi xa nhớ về bà của mình với những kỉ niệm về tình bà cháu; thể hiện sự kính yêu, ngưỡng vọng và suy ngẫm sâu sắc về bà. Mạch cảm xúc của bài thơ rất tự nhiên, đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm nâng lên thành suy ngẫm: hình ảnh bếp lửa gợi về những năm tháng tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh người bà với bao nỗi vất vả và tình yêu thương, trù mển dành cho cháu; từ kỉ niệm, người cháu đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu cuộc đời bà, lẽ sống giản dị mà cao quý của bà và mong muốn gửi niềm nhớ thương sâu sắc về với bà.

Bếp lửa với bao ấm áp đã trở thành hình ảnh khơi nguồn cho dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình – người cháu. *Bếp lửa* khơi gợi, nhen lên, lan toả và cháy mãi trong dòng hồi tưởng về kí ức tuổi thơ, toả sáng chân dung của người bà:

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*

Cụm từ “một bếp lửa” vang lên trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ. Giữa cái sương sớm buốt lạnh, bếp lửa hiện lên làm cho không gian trở nên thật ấm áp. “Chờn vờn sương sớm” không chỉ gợi tả hình ảnh bếp lửa quen thuộc trong mỗi gia đình Việt Nam những sớm mai mà còn gợi lên hình ảnh bếp lửa chập chờn trong kí ức tuổi thơ. Từ “ấp iu” đã gợi tả đôi tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng rộng mở của bà. Các từ láy “chờn vờn”, “ấp iu” đã kết nối và diễn tả chính xác dòng cảm xúc được gợi lên từ hình ảnh bếp lửa. Từ sự khơi nguồn này, cả một quá khứ đầy ắp kỉ niệm đã thức dậy trong tâm tưởng và suy ngẫm của người cháu.

Hình ảnh người bà qua dòng hồi tưởng, suy ngẫm của nhân vật trữ tình hiện lên với bao nổi bật và phẩm chất đáng quý. Nhớ về bà, cháu nhớ về những kí ức tuổi thơ với bao kỉ niệm sống bên bà:

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi
Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!*

Khổ thơ ngắt nhịp ngắn và không ổn định; càng về cuối đoạn, nhịp thơ càng chùng xuống như nhấn mạnh sự khó khăn, cơ cực mà hai bà cháu đã từng trải qua. Rồi từ hiện tại, những kỉ niệm đã đưa cậu bé năm nào về với quá khứ cùng với những cảm giác rất thật “Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!”. Cái cay sẽ nơi sống mũi của hai mươi năm về trước lại bất ngờ ập đến. Phải chăng quá khứ trong cháu vẫn còn rất sâu đậm, vẹn nguyên và chẳng thể phai nhòa nên nó đã hiện lên thật sống động.

Có thể nói, tuổi thơ của cháu gắn liền với giai đoạn lịch sử đau thương mà oai hùng của dân tộc. Tuổi thơ ấy có cái gian khổ chung của thời kháng chiến chống Pháp. Trong hoàn cảnh “mẹ cùng cha bận công tác không về”, cháu đã sống trong tình yêu thương, sự đùm bọc, chở che, dạy dỗ của bà:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*

Trong hoài niệm về tuổi thơ, hình ảnh bếp lửa gần gũi quen thuộc luôn gắn liền với hình ảnh người bà thân thương. Nhớ về bà là người cháu nhớ về bếp lửa, hình ảnh bà và bếp lửa luôn gắn bó song hành. Nhớ da diết của người cháu với bà cũng chính là nỗi nhớ thương gia đình, quê hương, đất nước.

Từ sự hồi tưởng về những kỉ niệm tuổi thơ, về bà và bếp lửa, người cháu đã suy ngẫm về cuộc đời, lẽ sống của bà. Trong hoài niệm tuổi thơ, hình ảnh bếp lửa gần gũi, quen thuộc luôn gắn liền với người bà tần tảo, chịu thương, chịu khó:

*Lặn dạn đời bà biết mấy nắng mưa
Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm.*

Từ hình ảnh bếp lửa bình dị, quen thuộc, cháu nhận ra những điều kì lạ và thiêng liêng. Ngọn lửa từ bàn tay bà với bao tình yêu thương đã nuôi lớn cháu, nhóm dậy những tâm tình tuổi nhỏ.

Không những vậy, bà còn là người phụ nữ giàu tình yêu thương, đức hi sinh. Bà là hình tượng sáng ngời của người phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến. Bà lặng lẽ, âm thầm hi sinh cho Tổ quốc:

*Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên.*

Trong những năm tháng chiến tranh, cháu lớn lên, trưởng thành trong tình yêu thương, đức hi sinh cao cả, sự đùm bọc, che chở của người bà:

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen
Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...*

Hình ảnh bếp lửa đã được nhà thơ liên tưởng thành ngọn lửa của tình yêu thương với ý nghĩa thật sâu sắc. Nếu bếp lửa là biểu hiện cuộc sống âm thầm, lặng lẽ của hai bà cháu thì ngọn lửa rộng hơn, nó là sức sống tình yêu, là niềm tin của bà trong cuộc sống của hai bà cháu.

Cuộc đời bà “lặn dạn” mấy chục năm, bà lặng lẽ hi sinh cho cháu, cho mọi người:

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm
Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

Điệp từ “nhóm” được lặp lại nhiều lần trong đoạn thơ đã khẳng định bà không chỉ là người nhóm lửa mà còn là người giữ lửa, truyền lửa, thắp lên trong người cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của nghị lực, niềm tin, giúp cháu vững bước trên đường đời. Bà không chỉ là người chăm lo cho cháu đầy đủ về vật chất mà còn là người làm cho tuổi thơ của cháu thêm đẹp, thêm huyền ảo như trong truyện cổ tích. Người bà có trái tim nhân hậu, người bà kì diệu đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục và thức tỉnh tâm hồn cháu để mai này cháu khôn lớn thành người. Ta có thể bắt gặp người bà như vậy trong *Tiếng gà trưa* của Xuân Quỳnh:

*Tiếng gà trưa
Mang bao nhiêu hạnh phúc*

*Đêm cháu về nằm mơ
Giấc ngủ hồng sắc trứng.*

Với người cháu, ngọn lửa ấy thật kì lạ, thiêng liêng:
Ôi kì lạ và thiêng liêng bếp lửa!

Trong cả bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà. Âm điệu những dòng thơ nhanh mạnh như tình cảm dâng trào của người cháu đối với bà. Hình ảnh bếp lửa thiêng liêng, kì lạ vì bếp lửa luôn hiện hữu, gắn bó, song hành cùng với hình ảnh người bà, gắn liền với những năm tháng tuổi thơ của cháu. Bà và bếp lửa đã nuôi lớn cháu, thắp sáng niềm tin và ước mơ, trở thành điểm tựa tinh thần của cháu. Câu thơ là lời thốt lên từ sâu thẳm tâm hồn người cháu, thể hiện lòng tự hào, biết ơn sâu sắc của cháu với bà cũng như với quê hương, đất nước.

Nhẹ nhàng, giản dị mà sâu sắc, thấm thía, *Bếp lửa* đã thể hiện một cách xúc động hình ảnh người bà và tình bà cháu. Bếp lửa - ngọn lửa của bà cùng tình yêu thương và những phẩm chất tốt đẹp của bà đã soi rọi, nâng bước cháu trên con đường đời đầy khó khăn thử thách. Hình ảnh người bà chính là hình ảnh của quê hương, đất nước. Bài thơ thể hiện thành công tình cảm kính yêu, trân trọng, biết ơn bà cũng là lòng biết ơn đối với quê hương, đất nước - biểu hiện cao đẹp của truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”. *Bếp lửa* khơi gợi cho người đọc những suy ngẫm về tình cảm gia đình, về truyền thống nghĩa tình của dân tộc Việt Nam, để lại trong tâm hồn bạn đọc bao dư âm đẹp về tình bà cháu và chân dung người bà kính yêu.

www.sachgiai.com

Đề bài: Bài thơ “Ánh trăng” là lời nhắc nhở ân tình, ân nghĩa thủy chung với quá khứ.

Bài số 24

Mác-xen Prút-xơ đã từng nói: *Thế giới được tạo lập không phải một lần mà mỗi lần người nghệ sĩ độc đáo xuất hiện thì lại một lần thế giới được tạo lập.* Mỗi khi người nghệ sĩ xuất hiện thì lại cho ta một góc nhìn mới về thế giới. Trong thế giới bao la ấy có biết bao điều mới lạ nhưng đôi khi cũng chỉ có một cái gì đó thôi nhưng qua mỗi người nghệ sĩ ta lại có một cách nhìn khác nhau. Cũng với một vầng trăng đối với Lí Bạch, nó là điểm tựa để nhà thơ nhớ về quê hương, cũng ánh trăng ấy nó lại là người bạn tâm giao của Bác Hồ, còn đối với Nguyễn Duy, qua bài thơ *Ánh trăng* lại là lời nhắc nhở ân tình, ân nghĩa thủy chung với quá khứ.

Thuở ấu thơ là quãng thời gian đẹp và thơ mộng của một đời người. Đó là những năm tháng rong chơi, nô đùa vùng vẫy với thiên nhiên. Nhà thơ Nguyễn Duy cũng đã có một thời ấu thơ như thế:

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể*

Cái thuở đang còn là một cậu bé thì tác giả đã được tiếp xúc với bầu không khí trong lành của quê hương. Được nô đùa trên cánh đồng rộng, được tắm mát trong dòng nước êm dịu, mát lành. Chao ôi! Biết bao nhiêu kỉ niệm thân thuộc ở cái miền quê yên ảm ấy. *Đồng, sông, bể* là nơi rất đổi bình dị thôi nhưng nó đã nuôi lớn tâm hồn thơ dại của nhà thơ. Thời gian cứ mãi miết trôi. Thời tuổi thơ hồn nhiên đã qua đi, những kỉ niệm gắn bó với quê hương cũng đã trôi vào dĩ vãng. Giờ đây khi đã trở thành một chàng trai trưởng thành thì đã phải rời xa mảnh đất quê hương để đi làm một nhiệm vụ mới - bảo vệ Tổ quốc. Sống, chiến đấu ở rừng, nơi ấy không còn là *đồng, sông, bể* nữa mà là những nguy hiểm, gian nan:

*Hồi chiến tranh ở rừng
vằng trăng thành tri kỉ*

Cả một thời gian dài kháng chiến sống với núi rừng, vằng trăng đã trở thành tri kỉ. Không biết từ lúc nào trăng và người đã gắn bó thân thiết. Chính tình cảm bè bạn ấy đã giúp người lính vượt lên trên mọi vất vả, khó khăn của thời cuộc. Họ đến với nhau không phải là vì vật chất mà là từ tình thần. Có lẽ vì thế mà tình cảm ấy ngày càng gắn bó khăng khít. Lúc vui hay buồn bên cạnh người lính đã có bạn tâm sự. Ngày qua ngày, nhờ có tình bạn ấy mà con người dễ dàng vượt qua tất cả. Do trăng và người đến với nhau không chút ngần ngại nên tình cảm của họ cũng mộc mạc chân thành:

*Hồi chiến tranh ở rừng
trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vằng trăng tình nghĩa*

Tình cảm giữa trăng và người ngày càng được nuôi lớn hơn "tình nghĩa". Trăng như một con người thực sự biết chia sẻ, đồng cảm, ân tình ân nghĩa thủy chung. Có lẽ chính cảnh rừng núi hoang vắng buồn bã, quanh hiu đã khiến cho trăng và người xích lại gần nhau. Ta có cảm giác như cuộc đời người lính gian khổ thiếu thốn không còn lạnh lẽo nữa mà đã được sưởi ấm trong tình thương yêu của bạn bè. Trong tâm trí người lính, vằng trăng đã chiếm một vị trí quan trọng. Phải chăng những kỉ niệm của ánh trăng đã thế chỗ cho những kỉ niệm của thuở ấu thơ. Giữa trăng và người đã có tình cảm sâu đậm tưởng chừng chẳng thể nào xa cách được vậy mà:

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vằng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

Thật ngỡ ngàng! Tại sao người lính lại có sự đổi thay nhanh chóng đến vậy? Chẳng lẽ là để thích ứng với cuộc sống hiện đại mà ngỡ lãng quên đi tình bạn năm xưa sao? Về với chốn phồn hoa đô thị náo nhiệt, con người đã chôn vùi những kỉ niệm năm xưa và bắt đầu với cuộc sống mới. Quá khứ

thuở xưa với một thời hồn nhiên trong sáng, những năm tháng kháng chiến khó khăn, gian khổ trắng và người đã gắn bó thân thiết thế mà giờ đây lại vô tình lãng quên. Nếu trước đây vầng trăng có ý nghĩa quan trọng đối với người lính tri kỷ, tình nghĩa thì bây giờ là gì? Đối lại trăng chỉ là một người khách qua đường ư? Trăng chỉ là một *người dưng* thôi sao? Phải chăng người lính khi đi ra khỏi cuộc chiến tranh trở về sống một cuộc sống đầy đủ tiện nghi *ánh điện, cửa gương* nên đã quên đi cái vầng trăng tình nghĩa? Có lẽ không còn phải sống trong ngôi nhà liếp chặt hẹp, chỉ có đèn dầu nên người lính mới quên đi vầng trăng? Tình bạn năm xưa không hề hình thành từ của cải vật chất vậy mà bây giờ chính của cải vật chất đã xóa mờ đi tình bạn ấy. Con người vô tình lãng quên đi quá khứ của những năm tháng chiến đấu gian khổ và cũng kéo theo cả tình bạn tri âm tri kỷ. Bị bạn quên lãng nhưng ánh trăng ấy vẫn son sắt, nghĩa tình. Dường như trăng vẫn nuôi hi vọng một ngày nào đó người bạn của mình sẽ kịp nhận ra:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn*

Thật ngẫu nhiên, khi mất điện con người đã gặp lại vầng trăng năm xưa. *Vội bật tung cửa sổ*, một phản xạ tự nhiên tìm kiếm ánh sáng. Có lẽ người lính cũng không lường trước được việc sẽ gặp lại người bạn năm xưa trong thời điểm ấy. Trong không gian bao la chỉ có vầng trăng soi sáng. Giữa thời điểm ấy cũng chỉ có vầng trăng tròn vành vạnh xuất hiện trước mắt người bạn cũ. Gặp lại người bạn tri kỷ năm xưa liệu người lính sẽ xử sự như thế nào đây?

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

Hai khuôn mặt, hai linh hồn sống đang nhìn nhau. Trong cái khoảnh khắc ấy, người lính có cái gì *rưng rưng*. Liệu có phải cái *rưng rưng* đó là cảm xúc, nỗi niềm của người lính với vầng trăng tình nghĩa, với những kỉ niệm của quá khứ.

Vầng trăng đã đánh thức khơi nguồn cho những gì của quá khứ trôi dạt về tương lai. Mọi kỉ niệm thuộc về dĩ vãng giờ đây nó đang sống dậy, đang ùa về trong tâm trí anh, đó là nơi anh đã sống, đã đi qua, thế mà đã có thời gian anh quên nó. Vầng trăng quả là một người bạn tốt bụng. Trong năm tháng chiến tranh gian khổ, chính vầng trăng đã đến bầu bạn, tâm tình với người lính thì lúc này trăng lại giúp người bạn của mình nhớ về quá khứ. Trăng như là gió, còn những gì của quá khứ được chôn vùi dưới lớp cát bụi của thời gian. Gió đã đến, xua tan lớp cát bụi đó đi để lại những gì nguyên vẹn của thời xưa. Nếu không có lúc mất điện thì người lính có kịp nhận ra

mình, nhận ra những điều mà mình đã đánh mất? Còn những kỉ niệm của thời niên thiếu lúc trưởng thành thì sẽ bị chôn vùi dưới đáy đại dương đến lúc nào nữa? Bị bạn lãng quên song trăng vẫn nguyên vẹn tròn đầy:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình*

Không một lời trách móc, oán hờn, trăng vẫn tròn *vành vạnh*, độ lượng, bao dung, vị tha. Vẫn biết bạn mình *vô tình* lãng quên tất cả vậy mà trăng vẫn ân tình, ân nghĩa, thủy chung. Trăng chính là biểu tượng của quá khứ nguyên vẹn, chẳng thể phai mờ. Trăng không trách móc, oán hờn nhưng *ánh trăng im phăng phắc* lại là sự trừng phạt nặng nề nhất. Trăng như một nhân chứng rất nghĩa tình nhưng cũng vô cùng nghiêm khắc nhắc nhở con người đừng quên đi quá khứ. Điều đó đã làm cho người lính băn khoăn, day dứt:

*ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình*

Bao năm tháng nuôi hi vọng về sự tỉnh ngộ của bạn mình, kết cục trăng đã đạt được. Cái gì đến rồi cũng phải đến. Con người đã tự nhận ra, hối hận về cách cư xử của mình. Không có toà án nào xét xử sự phản bội trong tình bạn duy chỉ có toà án của lương tâm, sự cao đẹp của trăng khiến người lính giật mình nhìn lại mình để nhận ra mình đã lãng quên một phần quan trọng của cuộc đời. Ánh trăng tuy vẫn không hề thối thức một lời nào song con người vẫn tự hiểu được điều trăng muốn nói. Con người đã *giật mình* vì sự bao dung, vị tha của vầng trăng tình nghĩa chẳng? Hay là vì một điều gì khác? Người lính đã vô tình mà quên đi quá khứ của mình, của dân tộc nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì vẫn nguyên vẹn, vĩnh hằng. Con người không thể sống thiếu quá khứ bởi nếu không có quá khứ thì sẽ không có tương lai, quá khứ mà tốt đẹp thì con người có thể dễ dàng vươn tới những điều ở phía trước. Đó mới là cách sống đúng đắn. Con người biết tôn trọng quá khứ thì quá khứ sẽ là nền tảng, chỗ dựa vững chắc đưa ta tới những chân trời mới. Vầng trăng chính là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, vẻ đẹp bình dị. Bài thơ *Ánh trăng* như một lời nhắc nhở ân tình ân nghĩa thủy chung với quá khứ.

Thế giới trong bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy là vẻ đẹp vĩnh hằng của thiên nhiên, quá khứ nghĩa tình. Nó còn khơi dậy trong chúng ta đạo lí sống uống nước nhớ nguồn của nhân dân ta. Bài thơ tuy đã khép lại nhưng đã mở ra trước mắt chúng ta biết bao điều trăn trở, suy tư về cách sống, lẽ sống trên cuộc hành trình dài rộng của mỗi con người.

Đề bài: Cảm nhận của em về đoạn thơ sau trong bài thơ

“Ánh trăng” của Nguyễn Duy:

*... Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người đứng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn*

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình
(Ánh trăng, Nguyễn Duy)*

Bài số 25

Nguyễn Duy là nhà thơ thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Ông có những sáng tác nổi tiếng như: *Tre Việt Nam*, *Quà tặng*, *Cát trắng*. Nhưng khi nhắc đến Nguyễn Duy ta không thể không nhắc đến *Ánh trăng* một thi phẩm mang nhiều ý nghĩa nhân sinh sâu sắc và đoạn trích trên có ý nghĩa quan trọng trong bài thơ. Đoạn thơ thể hiện cảm xúc, những suy ngẫm của nhà thơ về hình ảnh trăng.

Từ trước đến nay trăng là đề tài muôn thuở trong thi ca. Xưa và nay đã có biết bao thi sĩ đến với trăng với những vần thơ làm nao lòng người đọc. Nguyễn Duy cũng đến với trăng nhưng không để “hợp nguyệt nghiêng chén” mà để hướng thiện, trở về với đạo lí “uống nước nhớ nguồn”. Mối quan hệ tốt đẹp giữa người và trăng tưởng như bền vững không gì đổi thay thì bỗng chốc trở nên mong manh khi hoàn cảnh sống thay đổi mà xót xa thay sự sự thay đổi đó lại theo chiều hướng không tốt. Vầng trăng tình nghĩa gắn bó với con người nay trở thành người đứng nước lã, xa lạ đến khó tin. Trăng vẫn thủy chung, một lòng mà sao lòng người thay đổi? Tại sao?

Cuộc sống của người lính sau khi trở về đã khác xưa nhiều lắm. Cuộc sống xưa kia vất vả lam lũ, cuộc sống của người lính chiến sĩ sống trong hầm tối, rừng sâu nay đã thay bằng những nhà cao ốc với sự hiện đại của cuộc sống vật chất. Phải chăng vật chất đủ đầy khiến con người ta lóa mắt, mãi miết say sưa lao vào hưởng thụ mà quên đi quá khứ gian lao, nhọc nhằn, vất vả, quên đi thiên nhiên ân nghĩa. Ấu cũng là quy luật tình cảm mà không ít người coi đó là điều đương nhiên, mãi mê hưởng thụ mà không băn khoăn. Nguyễn Duy cho người đọc suy nghĩ về tình nghĩa của trăng, trăng vẫn vậy mà sao con người lại quên đi tất cả?

Khổ thơ thứ tư được coi là cái nút khơi gợi tâm trạng nhân vật trữ tình. Từ chuyện mất điện, khi nguồn sáng nhân tạo không còn nữa thì “buyn-dinh” có hiện đại mấy cũng phải chịu đêm tối. Như một phản xạ tự nhiên, con người vội đi tìm nguồn sáng. Tác giả chỉ cần ba động từ “vội”, “bật”,

"tung" để thể hiện sự gấp gáp khẩn trương khi mở cửa sổ. Đó cũng là lúc ánh sáng vào trong nhà. Chính là tình huống làm cho người đọc phải nghĩ suy về thái độ sống của chính mình.

Khi gặp lại vầng trăng, con người lại trở về chính mình với những băn khoăn, day dứt để vươn lên hướng thiện. Đây là lúc một tâm trạng được mở ra. Người và trăng trong tư thế đối mặt và lúc này trăng là nhân vật tấm gương soi để khi soi vào nó người ta thấy mình sai lầm. Con người như muốn ngược dòng thời gian để trở về quá khứ với những năm tháng đã qua và tưởng như đã lùi sâu vào dĩ vãng mà như không bao giờ nhớ nữa. Những tháng năm gian lao vất vả mà nghĩa tình tạo ra xúc cảm mãnh liệt để có cái gì "rưng rưng". Trăng nay vẫn tròn và mãi tròn, mãi thủy chung đã trở thành biểu tượng của lòng nhân ái. Gặp lại trong hoàn cảnh ấy nhưng trăng vẫn rộng lòng tha thứ không giận hờn, oán trách. Trăng được nhân hóa để con người phải suy ngẫm. Có thể nói con người tự tạo cho mình một phiên tòa mà nơi đó con người phải suy nghĩ lại và không khỏi day dứt về lối sống của mình.

Mỗi con người chúng ta có thể đến một lúc nào đó sẽ lãng quên quá khứ, sẽ vô tình với mọi người nhưng rồi sự khoan dung và độ lượng của quê hương sẽ tha thứ tất cả. *Ánh trăng* của Nguyễn Duy sẽ mãi mãi soi sáng để đưa con người hướng tới tương lai tươi đẹp. Tác phẩm đã lay động được miền nhận thức nơi người đọc.

Đề bài: Phân tích bài thơ "Ánh trăng" của Nguyễn Duy

Bài số 26

Nhà thơ Nguyễn Đình Thi đã từng nhận định "Tác phẩm vừa là kết tinh của tâm hồn người sáng tác, vừa là sợi dây truyền cho mọi người sự sống mà nghệ sĩ mang trong lòng". Với bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy, nhận định đó trở nên đúng đắn và xác thực hơn bao giờ hết. Qua mạch cảm xúc dâng trào mãnh liệt, ta cảm nhận được một ngòi bút sâu sắc, một trái tim tinh tế rung động, trước những đổi thay nhỏ bé nhất, và cả một khát khao ước vọng truyền cho mọi người lẽ sống, cách sống trọn vẹn, tình nghĩa.

Nguyễn Duy sinh năm 1948, ông thuộc thế hệ nhà thơ trưởng thành từ kháng chiến chống Mỹ. Thơ ông thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở, day dứt, suy tư khôn nguôi. Hãy lật đến *Ánh trăng* đây chất triết lí, tìm về *Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa*, nhẹ nhàng, tình cảm nhóm lại tình yêu gia đình với *Hơi ấm ổ rơm*,... ta sẽ cảm nhận rõ nhất những trăn trở, day dứt, suy tư say sưa ấy trong suốt những tác phẩm của ông.

Trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Duy, lung linh rực rỡ một "ánh trăng" tròn đầy. *Ánh trăng* ấy là lời thức tỉnh nhẹ nhàng mà hết sức sâu sắc về triết lí nhân sinh, lẽ sống thủy chung, tình nghĩa và những trăn trở, suy nghĩ trước cuộc sống hiện đại đầy cám dỗ, đầy lãng quên và vô tình.

Hai khổ thơ đầu tiên gợi lại những kỉ niệm đẹp, những tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng trong quá khứ. Bốn câu thơ nhẹ nhàng như những lời thủ thỉ, tâm tình, kể về một quãng thời gian của tuổi thơ, tuổi trẻ, nhất là quãng thời gian chiến tranh gian khổ. Ngôn ngữ thơ mộc mạc, bình dị: "hồi nhỏ", "hồi chiến tranh". Câu thơ mở ra một không gian bao la, mênh mông sông nước, khoảng trời ấy nuôi lớn cả một tâm hồn tuổi thơ với bao khát vọng, khoảng rộng ấy được mở ra rồi thu lại khăng khít, gắn bó với quá khứ biết bao tình nghĩa. Điệp từ "với" được nhắc lại ba lần, nhấn mạnh sự thân thiết, gắn gũi giữa con người với thiên nhiên:

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ*

Cuộc sống "hồi nhỏ", "hồi chiến tranh" tuy khó khăn, vất vả mà chan hoà với thiên nhiên. Cuộc sống ấy bình dị, vô tư và mênh mông hoài bão như thiên nhiên, như cánh rừng mặt bể. Chợt nhận ra, ta có một người bạn hiền hoà, gắn bó, "tri kỉ" – vầng trăng tròn đầy, hiền dịu. Vẻ đẹp của trăng xoa dịu những vết thương do chiến tranh gây ra, xoa dịu những nỗi buồn đau của cuộc sống ấy; trăng vỗ về cho con người bằng những sẻ chia lặng im, bằng những đêm sát cánh bên nhau "đầu súng trăng treo". Trăng theo ta trên mọi bước đường đi, là người bạn đồng hành tin cậy nhất. Vì lẽ ấy, trăng chính là hiện thân của quá khứ, của kỉ ức chan hoà tình nghĩa:

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa*

Vầng trăng đã được nhân hoá cao độ để trở thành người bạn tinh thần của nhà thơ, một người bạn tri âm tri kỉ tưởng chừng sẽ không bao giờ quên được. Thế nhưng, giữa dòng hồi tưởng tươi đẹp và bình yên, tác giả chợt bất ngờ có những bản khoăn, vướng bận, mơ hồ, báo hiệu cho sự xuất hiện của những biến chuyển trong câu chuyện. Từ "ngỡ" như điểm tiếp nối tình tế giữa hai khổ thơ, làm bài thơ giữ được nét uyển chuyển trong cả nội dung và ngôn từ.

Khép lại nhẹ nhàng đẹp như mơ trong quá khứ, ngòi bút tác giả đưa ta đến với hiện tại, với những đổi thay, xa cách trong lòng người. Chiến tranh qua đi, người lính trở về giường quay xô bồ và náo nhiệt của cuộc sống. Tác giả nhận ra một quy luật đáng buồn của cuộc sống: khi được sống trong nhung lụa ấm êm, con người ta dễ quay lưng lại với quá khứ vất vả, nghèo nàn, dù đó có là một quá khứ mơ mộng, đẹp đẽ và đáng quý. Quy luật ấy đi từ sự lãng quên, đổi thay quá nhanh của con người:

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương*

*vàng trắng đi qua ngõ
như người đứng qua đường*

"ánh điện, cửa gương" là cách nói hoán dụ cho cuộc sống tiện nghi hiện đại, xa rời thiên nhiên. Từ đổi thay trong hoàn cảnh sống, lòng người cũng dần đổi thay, khó nhận ra, mà hay là đã nhận ra nhưng cố tình quên đi. Vàng trắng từ chỗ là người bạn thân thiết gắn bó trở thành "người đứng qua đường". Vàng trắng thì một mực thủy chung tình nghĩa "đi qua ngõ" như đợi người bạn cũ nhận ra, thế nhưng người bạn cũ ngày xưa này đã quen với ánh sáng của đèn điện vàng bọt giả tạo, giam mình trong bốn bức tường bê tông gạch đá chật hẹp tù túng mà tưởng cuộc sống đã sung sướng hơn xưa. Người ta đã để cho xi măng láng trơn tuột đi những rung động, xúc cảm tinh tế của trái tim, và trát kín cả những khe sáng huyền diệu từ quá khứ rọi về. Sống cuộc sống như thế, phải chăng ta đang đánh đổi cái giàu có trong tâm hồn lấy những tiện nghi hiện đại phù phiếm xa hoa, khi mà hạnh phúc đích thực luôn là một trái tim tràn đầy tình yêu thương!

Sự lãng quên ấy có thể là mãi mãi nếu không có một chuyển biến bất ngờ: thành phố bị mất điện. Hoàn cảnh bài thơ là bước ngoặt tạo cảm xúc dâng trào, giúp nhà thơ bộc lộ rõ nét cảm xúc, tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn*

Tình huống tưởng như không có gì mới mẻ, lạ lẫm, nhất là những năm đầu giải phóng như thời điểm sáng tác bài thơ - năm 1978, nhưng đặt vào hoàn cảnh tác giả, nó làm nổi bật lên sự đối lập tương phản giữa ánh sáng và bóng tối. Các từ ngữ "thình lình", "vội", "bật tung" tạo nhịp thơ nhanh, mạnh; để rồi tất cả như sững lại, lặng đi bởi một "vàng trắng tròn" "đột ngột" và lung linh. Chính khoảnh khắc ấy đã làm nổi bật lên ý nghĩa tuyệt đẹp của toàn bài: con người vội vã, gấp gáp với cuộc sống hiện đại khi nhận ra vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống thì thật bàng hoàng, sững sờ. Đã có "ánh điện" sáng trưng, người ta đâu cần ánh trăng huyền diệu mờ ảo nữa, chỉ đến khi thứ ánh sáng nhân tạo kia mất đi, người ta mới nhận ra người bạn cũ từng nguyện mãi mãi không quên và sống người trước người bạn trắng tròn đầy, vẹn nguyên, luôn chung thủy đợi chờ. Khoảnh khắc người và trăng mặt đối mặt thì tình xưa nghĩa cũ dâng lên đến tràn đầy. Cuộc hội ngộ bất ngờ tạo rung động mạnh mẽ và thức tỉnh lương tâm con người; cái "đột ngột" không phải ở trăng, mà ở chính tâm trạng tác giả - tâm trạng thẳng thốt, ngổ ngàng của con người trước sự đổi thay của lòng mình và sự vẹn tròn của trăng, để từ đó đi đến những day dứt, suy tư.

Nếu như khổ thơ thứ tư đẩy tình huống thơ đến cao trào thì khổ thơ thứ năm lại "rưng rưng" trong sự xúc động mãnh liệt của nhà thơ.

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

Nhà thơ đối diện với trăng trong cái lặng im có phần thành kính; từ "mặt" cuối câu thơ là từ nhiều nghĩa tạo ý thơ gợi mở cho người đọc, nhà thơ đối diện với trăng hay thiên nhiên đối diện với con người; và có lẽ cũng là hiện tại đối diện với quá khứ, bạc bẽo vô tình với thủy chung gắn bó. Bất ngờ gặp lại người bạn cũ, nhà thơ chợt nhận ra thứ mặt nạ của thời gian đã che lấp tất cả, trong giây phút ấy, nhà thơ tưởng như "rưng rưng" xúc cảm - tự hồ thẹn với chính sự đổi thay vô tình của bản thân. Nhưng cũng đan xen vào nỗi hồ thẹn đó, một cảm xúc ghen ngào vui sướng đang len lỏi vào trái tim khô cằn bấy lâu nay của nhà thơ, gặp lại trăng - gặp lại người bạn cũ, ông chợt hồi tưởng lại một quãng thời gian thương nhớ, với đồng, với bể, với sông với rừng. Cuộc sống hiện tại như ngừng lại nhường chỗ cho dòng kí ức ứa về, nhường chỗ cho giây phút tự nhìn lại bản thân. Câu thơ trải dài bao quát cả quá khứ và hiện tại, thiên nhiên và con người, lao động và chiến đấu, thủy chung tình nghĩa và bạc bẽo vô tình. Trăng còn gợi đến hình ảnh của hiện tại, của vẻ đẹp thiên nhiên mơ màng hùng vĩ, gợi lên những bừng tỉnh đột ngột để nêu lên một khát vọng lớn lao vào tương lai. Nhịp thơ nhanh, với một loạt các từ ngữ liệt kê "đồng", "biển", "rừng", "sông" cuốn người đọc vào mạch cảm xúc của bài thơ, giúp người đọc như cùng chung cảm xúc với nhân vật, với hoàn cảnh trữ tình.

Từ những hồi tưởng và thức tỉnh, nhà thơ đi đến suy ngẫm và triết lí nhân sinh sâu sắc khái quát nội dung toàn bài thơ:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình*

Trong cuộc gặp mặt bất ngờ, trăng và người như có sự đối lập. Trăng trở thành biểu tượng của sự vĩnh hằng bất biến, vầng trăng "cứ tròn vành vạnh" tượng trưng cho sự tròn đầy, trọn vẹn tình nghĩa của thiên nhiên, cuộc sống và con người trong quá khứ dù cho con người nay đã đổi thay "vô tình". Ánh trăng được nhân hoá "im phăng phắc", gợi cái nhìn bao dung, độ lượng mà nghiêm khắc của người bạn thủy chung. Hình ảnh thơ được lấy từ hiện thực – thiên nhiên bất biến, vĩnh hằng để khái quát nên một lẽ sống cao đẹp – tình nghĩa, trọn vẹn, chung thủy và vị tha. Tấm lòng đáng trân trọng ấy là tấm lòng của những người đồng chí đồng đội một thời sống chết vì nhau, của đồng bào nhân dân đã san sẻ từng "chia nhau củ sắn lùi/ Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng". Cao đẹp biết bao là tình người vị tha, bao dung, độ lượng, vị tha để người bạn vô tình được "giật mình" thức tỉnh và kịp có một cơ hội níu giữ quá khứ, níu giữ tấm lòng trong sạch, thanh cao

Có lẽ vì thế mà chỉ ánh nhìn "im phăng phắc" là đã đủ, câu thơ cuối dồn nén nghẹn ngào tạo âm vang lớn trong lòng người đọc về những bừng tỉnh suy tư.

Ánh trăng gây nhiều xúc động bởi cách diễn tả bình dị, thủ thỉ tâm tình, giọng thơ trầm tĩnh. Bài thơ không chỉ giống một câu chuyện nhỏ mà còn như một áng văn nghị luận xã hội đầy chất thơ, sự mạch lạc tuần tự của tự sự và nghị luận giúp bài thơ đi vào tâm trí người đọc thật dễ dàng, tự nhiên, khắc sâu triết lí sống cao đẹp, thủy chung có tình có nghĩa, bộc lộ niềm băn khoăn trăn trở trước thực tại:

*Mình về thành thị xa xôi
Nhà cao còn nhớ núi đồi nữa chăng
Phố đông còn nhớ bản làng
Sáng đèn còn nhớ mảnh trăng giữa rừng*

Chất tự sự và chất trữ tình đan xen hoà quyện vào từng âm điệu, dòng thơ. Các chữ đầu dòng thơ không viết hoa thể hiện dòng cảm xúc mãnh liệt của tác giả. Nhịp thơ khi ngân nga, vang vọng, khi dồn dập, mạnh mẽ, lúc trầm lắng âm ỉ suy tư tạo cho tác phẩm sự trôi chảy, mượt mà, tự nhiên và nhịp nhàng trong dòng cảm xúc dâng trào.

Câu chuyện của nhà thơ không chỉ dành riêng cho chính bản thân ông, nó còn có sức khái quát rất lớn với cả một thế hệ trải qua những năm dài mất mát của chiến tranh, nơi đạn bom, gian khổ. Câu chuyện của vầng trăng còn gặp lại nhiều câu chuyện khác - cũng với nỗi xót xa, trăn trở về cuộc sống đổi thay, như *Ấn mày dĩ vãng* với Ba Sương và Hai Hùng của Chu Lai, như *Việt Bắc* với "mình" và "ta" của Tố Hữu. Tất cả như đồng lòng nhất trí chung sức rung một hồi chuông lớn đến người đọc: đừng bao giờ quên quá khứ đừng bao giờ sống bạc bẽo vô tình. Cuộc sống dẫu có đổi thay, lòng người dẫu có xa khác, nhưng đừng bao giờ quên đạo lí thủy chung "Uống nước nhớ nguồn" của dân tộc, đừng bao giờ đánh đổi tình nghĩa sâu nặng lấy những phù phiếm hão huyền.

Nguyễn Thu Giang

Bài số 27

Không biết tự bao giờ trăng đã trở thành nàng thơ, thành người bạn tri âm tri kỉ của biết bao tâm hồn thi sĩ. Với ánh sáng huyền diệu, với chu kì tròn khuyết lạ lùng, trăng đã gọi cho các thi nhân cổ kim nhiều thi tứ. Trong miền thơ mệnh mang ấy, *Ánh trăng* của Nguyễn Duy như một lời tâm sự chân thành, đã neo lại trong tâm hồn người đọc những tâm trạng riêng, những suy ngẫm riêng giàu trăn trở.

Bài thơ mang dáng dấp một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian. Cảm xúc trữ tình của tác giả men theo dòng tự sự này để bộc lộ. Trước hết là hình ảnh vầng trăng thiên nhiên gắn bó với tuổi thơ:

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể*

Bằng cách gieo vần lưng và điệp từ "với" được nhắc đi nhắc lại gợi ra trước mắt người đọc một tuổi thơ đầy ắp những kỉ niệm êm đềm, tuổi thơ được vui đùa, được hoà mình với thiên nhiên, sông, bể... Và khi đã trở thành người lính, trắng và người vẫn gắn bó bên nhau:

*hồi chiến tranh ở rừng
vàng trắng thành tri kỉ*

Vàng trắng đẹp dễ ân tình, gắn với những kỉ niệm thiếu thời và những tháng năm chinh chiến. Trắng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên tươi mát, là trò chơi tuổi thơ, là ước mơ trong sáng, là ánh sáng, là niềm vui bầu bạn của người lính. Con người khi ấy sống giản dị và hoà hợp với thiên nhiên cây cỏ:

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ
ngỡ không bao giờ quên
cái vàng trắng tình nghĩa.*

Vậy mà, hoàn cảnh sống thay đổi, hết chiến tranh, con người trở về thành phố, quen với cửa gương và ánh điện của cuộc sống hiện đại lúc nào cũng rực rỡ sáng loà, vàng trắng tri kỉ, vàng trắng tình nghĩa của ngày xưa đã mau chóng trở thành quá khứ. Nếu ở khổ thơ đầu ta rung động trước một tình cảm gắn bó bền chặt thì đến đây người đọc lại sửng sốt, ngỡ ngàng:

*Vàng trắng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

Vẫn là vàng trắng ngày xưa nhưng con người giờ đã khác xưa, quen với ánh sáng nhân tạo nên coi trắng hoàn toàn xa lạ. Một sự thay đổi đến phủ phàng, tê tái... Người lính đã quên những tình cảm chân thành, những tháng năm gian khổ nhưng chan chứa ân tình thuở trước. Mặc dù vậy trắng vẫn không quên, vẫn đến với bạn xưa bằng tình cảm nguyên vẹn. Người lính chỉ nhận ra điều đó khi:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vàng trắng tròn.*

Đây là khổ thơ quan trọng trong cấu tứ của toàn bài, là sự chuyển biến có ý nghĩa bước ngoặt của mạch cảm xúc, bộc lộ rõ chủ đề tư tưởng của bài thơ. Không chỉ là sự thay thế đúng lúc của ánh trắng cho ánh điện, ở đây còn là sự thức tỉnh về ý nghĩa của những ngày tháng đã qua, của những cái bình dị của cuộc sống, của tự nhiên, là sức sống vượt ra ngoài không gian, thời gian của tri kỉ, nghĩa tình. Các từ "bật tung", "đột ngột" diễn tả trạng thái cảm xúc mạnh mẽ, bất ngờ. Có cái gì như thăng thốt, lo âu trong hình ảnh "vội bật tung cửa sổ". Vàng trắng tròn đâu phải khi "đèn điện tắt" mới có! Cũng như

những tháng năm quá khứ, vẻ đẹp của đồng, sông, bể, rừng không hề mất đi. Chỉ có điều con người có nhận ra hay không mà thôi. Và thế là trong cái khoảnh khắc "thình lình" đối diện với trăng ấy, ân tình xưa "rưng rưng" sống dậy, thốn thức lòng người:

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng.*

Phép nhân hoá tài tình khiến trăng và người đối diện đàm tâm là một cách viết lạ và sâu sắc của riêng Nguyễn Duy. Trong cuộc gặp mặt không lời, người lính xưa xúc động "rưng rưng". Cảm xúc nghẹn ngào, khắc khoải như chỉ chực trào nước mắt. Sự xuất hiện đột ngột của vầng trăng làm ứa dậy trong tâm trí nhà thơ bao kỉ niệm xưa: những kỉ niệm thuở thiếu thời, những tháng năm chinh chiến giữa thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hoà. Tất cả hiện hình trong nỗi nhớ, trong cảm xúc thiết tha và cả trong tư thế lặng im thành kính của tác giả... Vào lúc đó ông đã nhận ra, trăng vẫn tròn đầy, tình nghĩa, thuỷ chung và vị tha, cao thượng:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình.
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giật mình.*

Hình ảnh "vầng trăng tròn vành vạnh" không chỉ thể hiện vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của cuộc sống mà còn có ý nghĩa biểu tượng cho nghĩa tình quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên, chẳng phai mờ. Trăng xuất hiện không một lời oán hờn trách cứ, nhưng đôi khi, im lặng lại là sự trừng phạt nghiêm khắc nhất. Không gian như chững lại, lặng yên trong cuộc gặp mặt không lời của hai người tri kỉ. Giây phút ấy tác giả nhận ra trăng chính là người bạn, là nhân chứng đã chứng kiến trọn vẹn quá khứ nghĩa tình giờ lặng yên như nghiêm khắc nhắc nhở ta: con người có thể vô tình, có thể lãng quên, nhưng thiên nhiên và nghĩa tình quá khứ thì luôn luôn tròn đầy, luôn luôn bất diệt. Điều đó đã tạo nên cái "giật mình" đầy ý nghĩa của tác giả: giật mình để nhớ lại, để tự vấn lương tâm, để nhận ra và hoàn thiện chính mình... Khổ thơ khép lại bằng hai vế đối lập, đối lập giữa cái đầy đặn của ánh trăng và cái thiếu hụt của tình người, giữa cái "im phăng phắc" của ánh trăng và cái "giật mình" của lòng người. Cái "giật mình" là phản xạ tâm lí có thật của một con người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình bạc bẽo, nông nổi trong cách sống của mình. Cái "giật mình" của ăn năn, tự trách, tự thấy phải thay đổi cách sống, cái "giật mình" tự nhắc nhở bản thân không được quên quá khứ. *Ánh trăng* của Nguyễn Duy mang sức sáng nổi lên quá khứ – hiện tại, là tấm gương trăng để soi lòng. Con người của gốc lúa bờ tre, của nắng nỏ trời xanh, của lời ru trọn kiếp người không đi hết, của "Nước chè tươi rót vàng mơ" ấy thường hay giật mình giữa chốn đô hội ồn ào:

Tắc kè...

tắc kè...

tôi giết mình

(...)

cái âm thanh của rừng lạc về thành phố

(...)

Chợt hiện về thăm thăm núi non kia

(Nghe tắc kè kêu trong thành phố)

Thì ra, những bài học sâu sắc về đạo lí làm người đâu phải cứ tìm trong sách vở hay từ những khái niệm trừu tượng xa xôi. Và sự bừng thức của con người, trong trường hợp đó không thể nào quên, vì nó là tiếng nói bên trong, của chính lòng mình khi lương tâm mỗi người mách bảo.

Bài thơ ngắn gọn, đơn sơ như dáng dấp một câu chuyện ngụ ngôn ít lời mà giàu hàm nghĩa. Ánh trăng thực sự đã như một tấm gương soi để ta thấy được mặt thực của người, để tìm lại cái đẹp tinh khôi mà đôi khi chúng ta để mất. Từ một câu chuyện riêng, tiếng thơ của Nguyễn Duy như một lời cảnh tỉnh, nhắc nhở thấm thía về thái độ sống “uống nước nhớ nguồn”, “ân nghĩa thủy chung” cùng quá khứ. Có lẽ vì vậy mà đến với “ánh trăng”, người đọc nào cũng thấy lòng mình dường như lắng lại!

Đề bài: Phân tích truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân

www.Bàisố28.com

Quê hương là chùm khế ngọt

Cho con trèo hái mỗi người

Quê hương là cầu tre nhỏ

Con về rợp bướm vàng bay.

(Quê hương - Đỗ Trung Quân)

Quê hương trong tâm khảm mỗi người là nơi thân thương nhất, bình dị nhất. Tình yêu quê hương vì thế luôn là một chủ đề xuyên suốt trong văn học. Truyện ngắn *Làng* cũng nằm trong mạch nguồn cảm xúc ấy. Đây là một trong những truyện ngắn hay nhất của Kim Lân được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp (1948). Truyện đã khắc họa nhân vật ông Hai - một lão nông cần cù, chăm chỉ, mang nặng lòng yêu làng, yêu kháng chiến.

Ông Hai yêu cái làng chợ Dầu của ông thật đậm đà, tha thiết, yêu đến nỗi đi đâu ông cũng khoe về cái làng của ông. Kể về làng Chợ Dầu, ông nói một cách say sưa mà không cần biết người nghe có chú ý hay không. Ông khoe làng ông có nhà ngói san sát, sầm uất, đường trong làng lát toàn bằng đá xanh, trời mưa đi từ đầu làng đến cuối xóm bùn không dính đến gót chân. Tháng 5 ngày 10 phơi rơm và thóc tốt thượng hạng, không có lấy một hạt thóc đất. Ông còn tự hào về cái sinh phần của tổng đốc làng ông. Ông tự hào,

vinh dự vì làng mình có cái nét độc đáo, có bề dày lịch sử. Nhưng khi cách mạng thành công, nó đã giúp ông hiểu được sự sai lầm của mình. Và từ đó, mỗi khi khoe về làng là ông khoe về những ngày khởi nghĩa dồn dập, những buổi tập quân sự có cụ râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập. Ông còn khoe cả những hố, những ụ, những hào,... lắm công trình không để đâu hết. Chính cái tình huống ngặt nghèo khi giặc tràn vào làng, ông buộc phải xa làng. Xa làng ông mang theo tất cả nỗi niềm thương nhớ. Vì vậy, nên lúc tản cư, ông khổ tâm day dứt khôn nguôi. Quả thật, cuộc đời và số phận của ông Hai thật sự gắn bó với buồn vui của làng. Tự hào và yêu nơi "chôn rau cắt rốn" của mình trở thành một truyền thống và tâm lý chung của mọi người nông dân thời bấy giờ. Có thể tình yêu nước của họ bắt nguồn từ cái đơn giản, nhỏ: cây đa, giếng nước, sân đình... và nâng cao lên đó chính là: tình yêu đất nước. Tới đây, là chợt nhớ đến câu nói bất hủ của nhà văn I-li-a Ê-ren-bua: "lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc".

Tình yêu làng của ông Hai càng được thể hiện rõ qua những ngày ông đi tản cư. Ông luôn nhớ về làng những ngày ở vùng tản cư, ông yêu làng, yêu đường làng, ngõ xóm, yêu nhà ngói, sân gạch. Ông yêu tất cả những gì gần gũi, độc đáo của làng. Ông yêu những giờ phút hạnh phúc được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá. Từ tình yêu làng nồng cháy ấy, truyền thống ấy, ông đến với Cách mạng từ lúc nào, từ bao giờ mà chính ông cũng không hay biết. Ông tham gia tản cư vì tản cư cũng là tham gia kháng chiến. Ở vùng tản cư, ông luôn dõi theo tin tức của làng, ông hay đến phòng thông tin nghe đọc báo. Hôm ấy, ông nghe được bao nhiêu là tin hay: "Một em nhỏ xung phong bơi ra giữa hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kì lên Tháp Rùa"; "Một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng quả lựu đạn cuối cùng"; "Đội nữ du kích Trưng Trắc giả làm người đi mua hàng đã bắt được một tên quan hai bột Thao ngay giữa chợ". Chao ôi! Bao nhiêu là tin hay, ruột gan ông lão cứ náo nức cả lên. Đến đâu, ông cũng thấy hân diện, ông hay khoe về làng, về tinh thần kháng chiến của làng. Sau Cách mạng, ông khoe về làng cũng khác, ông không còn tự hào vì cái sinh phần cụ Thượng nữa mà cảm thấy thù nó. Cách mạng tháng Tám thành công đã đưa đến cho người nông dân những nhận thức mới, suy nghĩ mới về làng. Họ đã biết nhận thức được rằng cái gì đúng, cái gì sai.

Thế nhưng, niềm vui chưa kịp bày tỏ thì một cú sốc lớn đã đến với ông Hai: đó là cái tin làng Chợ Dầu là Việt gian theo Tây. Hôm ấy, ông vừa bước ra khỏi phòng thông tin thì nghe được cái tin ấy từ miệng người đàn bà tản cư khiến ông lão: *"lặng người đi, tưởng như đến không thở được, Một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi"*. Ông Hai vô cùng bàng hoàng trước cái tin ấy. Thế rồi ông rơi vào tột cùng của sự đau đớn, ông cố lê những bước chân chậm rãi về nhà. Những ngày sau đó, ông chỉ ru rú ở trong nhà, không dám đi đâu cả, ở đâu ông cũng nơm nớp lo sợ. Điều đó như một cú sốc lớn không thể chịu nổi đối với ông.

Tình huống bất ngờ, gay cấn này đã đẩy ông Hai vào sự khó khăn, đau đớn, nhưng qua đó ta thấm thía được bao phẩm chất đáng quý ở nhân vật này.

Qua tình huống bất ngờ, đột ngột ấy, tình yêu làng của ông Hai càng được bộc lộ rõ nét. Đầu tiên, ông về nhà và không dám đi đâu cả, chỉ ở nhà một mình, giọng nói chua lạnh lạnh của người đàn bà tản cư kia lại cứ văng vẳng trong tâm trí ông mãi: "Đói khổ ăn cắp ăn trộm, bắt được người ta còn thương chứ cái giống Việt gian bán nước ấy thì cứ cho mỗi đứa một nhát". Chao ôi! Sao lại có chuyện ấy được, chẳng lẽ lại là sự thật, nhìn lũ con thơ, tủi thân, nước mắt ông lão cứ thế tràn ra: "Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian ấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...". Lòng ông lão như bị giằng xé, có cái gì như đang bóp nghẹt quả tim ông khiến ông khó thở, đau đớn tột cùng. Rồi ông lại tự mình nói chuyện với mình, lúc thì ông bảo không phải và lấy cớ để thanh minh cho chuyện ấy. Rồi ông lại thấy điều đó là sự thật thì hợp lý hơn: "Không có lửa làm sao có khói. Ai hơi đâu người ta bịa tạo ra những chuyện ấy làm gì? Chao ôi! Cực nhục chưa? Khắp cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm cái giống Việt gian bán nước...". Rồi lòng ông lại quặn đau, nội tâm ông luôn luôn thay đổi, luôn có hai quan điểm đối lập nhau. Rồi ông lại trò chuyện với đứa con út để vợi đi đôi phần, ông hỏi đứa con ông ủng hộ làng hay Cụ Hồ, nghe nó ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh, lòng ông như được vun đắp phần nào, càng vững trí hơn. Cái lòng bố con ông như thế đấy, đâu dám đơn sai: "Các đồng chí biết cho bố con ông... Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông". Ông rơi vào tình thế tiến thoái lưỡng nan khi biết ở vùng tản cư không ai chứa những người làng Chợ Dầu nữa để đi đến một quyết định cao đẹp. "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù". Đó là một hành động cao đẹp của ông Hai - một người dân yêu nước. Cuối cùng, ông đã chọn đi theo Cụ Hồ, theo lí tưởng cách mạng. Ở đây ta thấy được sự hòa quyện giữa tình yêu làng với tình yêu nước. Đó là bước chuyển biến mới trong tư tưởng tình cảm của người nông dân Việt Nam buổi giao thời mới - cũ.

Và rồi tin làng ông Việt gian theo Tây đã được cải chính, ông lại rơi vào sự hả hê sung sướng, hạnh phúc vô bờ. Ông lại được khoe về làng, được tự hào về làng, thậm chí ông khoe cả cái nhà ông bị Tây đốt cháy, ông kể tỉ mỉ, chi tiết cho bác Thứ nghe về trận đánh hôm Tây nó vào khùng bố, chúng nó cả bao nhiêu thằng, chúng ta đánh được bao nhiêu, làng ông chống đỡ, phòng ngự ra sao... như chính ông lão vừa dự trận đánh vậy. Đến đây, ta thấy được nội tâm, tâm trạng ông Hai đã có sự thay đổi rõ rệt, từ tình huống thay đổi mà con người cũng đổi thay, sự đau đớn tột cùng giờ đã chuyển sang hả hê sung sướng. Qua đây, ta thấy được tầm quan trọng của nghệ thuật xây dựng tình huống truyện và miêu tả nội tâm nhân vật đối với một tác phẩm văn học.

Quê hương là hình ảnh không thể phai mờ trong thơ ca. Nhà văn I-li-a Ê-ren-bua đã từng viết: "Lòng yêu làng quê trở thành tình yêu đất nước". Kim Lân đã đưa được thông điệp ấy đến với người đọc thông qua tình huống truyện bất ngờ, gay cấn và nội tâm nhân vật thay đổi bất ngờ, phù

hợp. Đó là nét đẹp mới của người nông dân, hòa quyện tình yêu nước với làng quê thân yêu. Ông Hai là tiêu biểu của người nông dân Việt Nam buổi giao thời mới - cũ.

Đề bài: Có ý kiến cho rằng: “Một tác phẩm để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc chính là xây dựng thành công tình huống truyện và miêu tả nội tâm nhân vật”. Hãy phân tích tình huống truyện trong tác phẩm “Làng” của nhà văn Kim Lân để làm rõ ý kiến trên.

Bài số 29

Có những tác phẩm đọc xong là ta quên ngay nhưng có những tác phẩm đọc xong mà để lại ấn tượng sâu sắc tựa như một dòng nước chảy qua để lại lớp phù sa màu mỡ. Tác phẩm *Làng* của nhà văn Kim Lân là một tác phẩm như vậy. Đặc biệt, tác phẩm là một minh chứng rõ ràng nhất cho nhận định: “Một tác phẩm để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc chính là xây dựng thành công tình huống truyện và miêu tả nội tâm nhân vật”.

Vậy tình huống truyện là gì? Một tác phẩm tự sự hay, không thể thiếu tình huống truyện. Tình huống là các sự việc, hoàn cảnh diễn ra sự việc được tác giả đặt nhân vật vào đó để bộc lộ đặc điểm, tính cách, phẩm chất của mình. Và dĩ nhiên, việc miêu tả nội tâm nhân vật chính là khắc họa những tâm tư, tình cảm, suy nghĩ của nhân vật để qua đó người đọc có một cái nhìn rõ hơn về nhân vật cũng như tác phẩm. Tác phẩm *Làng* của Kim Lân là một tác phẩm hay, thành công trong xây dựng tình huống truyện và miêu tả nội tâm nhân vật.

Tác phẩm xoay quanh một sự việc là tin đồn làng Chợ Dầu theo giặc cùng những phản ứng của ông Hai trước, trong và sau sự việc đó. Chính vì thế tình huống trong tác phẩm cũng chia làm ba giai đoạn: trước khi ông Hai nghe tin, khi ông Hai nghe tin làng mình theo giặc và sau khi nghe tin cải chính. Trong mỗi tình huống, nhân vật ông Hai bộc lộ những suy nghĩ, tâm tư, tình cảm của mình thông qua việc xử lý các tình huống. Trước khi nghe tin, ông Hai là một người nông dân với những suy nghĩ khá hồn nhiên và tính cách khá đặc biệt. Ông yêu làng nên đi đâu cũng khoe về cái làng của mình, ông tự hào và yêu tất cả mọi thứ của làng Chợ Dầu nên khi tình huống phải đi tản cư xảy ra, ông Hai vẫn còn rất quyến luyến cái nơi “chôn rau, cắt rốn” của mình, khi rời xa làng ông vẫn luôn theo dõi tin tức kháng chiến và hỏi thăm tình hình những người ở nơi khác đến. Đặc biệt, với tình huống thứ hai sau khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc, nhân vật ông Hai bộc lộ sâu sắc tình cảm của mình. Từng hành động, cử chỉ, lời nói của ông trong mỗi hoàn cảnh, thời gian, địa điểm là một sự tủi hổ, nhục nhã, xót xa, đau đớn, dằn vặt và cuối cùng đi đến quyết định vô cùng khó khăn “Làng thì yêu thật nhưng làng đã theo Tây mất rồi thì phải thù”. Một người đã từng yêu làng hơn bất cứ thứ gì, đã từng tự hào về làng mà bây giờ lại

phải thất vọng, đau khổ để quyết định "thù" làng. Tình huống này đã làm cho người đọc cảm nhận sâu sắc con người của nhân vật ông Hai. Nhưng Kim Lân không chỉ dừng lại đó mà còn muốn nói một điều gì "mới mẻ hơn" khi tạo ra tình huống thứ ba là ông Hai nghe được tin cải chính. Một niềm vui bất ngờ, ông Hai như một con người đang chết mòn chết mỗi bây giờ được hồi sinh lại. Ông mua quà cho con và lại theo thói quen sang nhà bác Thứ để khoe tin mừng. Con người ấy vẫn mộc mạc, chân thực, đáng yêu và đáng quý biết bao. Tình huống đã khẳng định một điều trong con người ông Hai, tình yêu làng của ông Hai đã hòa quyện, thống nhất với tình yêu nước, tình yêu kháng chiến, yêu Cụ Hồ. Có thể nói, ở mọi tình huống, nhân vật ông Hai đều bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, rất "người" của mình. Điều đó cũng khẳng định thành công trong việc xây dựng tình huống truyện của nhà văn Kim Lân.

Phải chăng người đọc không chỉ thấy hấp dẫn với tác phẩm bởi tình huống truyện trong *Làng* mà còn thực sự thấy ấn tượng, yêu quý và hiểu rõ nhân vật hơn qua việc miêu tả nội tâm nhân vật của nhà văn Kim Lân.

Thật vậy, nhà văn Kim Lân đã đi vào miêu tả rất sâu và kĩ tâm trạng của nhân vật ông Hai qua mỗi tình huống. Trước khi ông Hai nghe tin làng mình theo Tây, ông yêu làng Chợ Dầu của ông hơn bất cứ thứ gì. Ông tự hào về tất cả những gì của làng. Những điều đó khiến cho nhân vật ông Hai hiện lên với những suy nghĩ khá hồn nhiên và tính cách cũng đặc biệt. Ông hay khoe làng: "Ông có thể ngồi nói cả buổi về cái làng Chợ Dầu mà không biết người nghe thế nào, chỉ nói cho sướng cái miệng". Cho nên khi nhận lệnh phải đi tản cư ông Hai nửa muốn đi vì kháng chiến, nửa lại muốn ở lại vì tình cảm quyến luyến, yêu làng, không muốn rời xa làng, nhưng cuối cùng ông cũng phải đi. Ở nơi tản cư, ông vẫn luôn theo dõi tin tức kháng chiến, tình yêu làng của ông thể hiện ở mọi lúc, mọi nơi dù ở làng hay rời xa làng. Song, tình yêu làng, yêu nước của ông Hai mới thực sự được bộc lộ rõ khi nghe tin làng mình theo Tây. Một sự thất vọng tột độ, cái làng ông vốn rất tự hào, yêu hơn chính bản thân mình thì giờ đây lại theo Tây. Ông thấy mình như người có tội, bỗng chốc những cảm xúc tủi hổ, nhục nhã, dằn vặt, đau đớn ùa về trong ông. Những ngày sau ông không dám ra đường bởi ông sợ, ông lo lắng và cảm thấy chẳng còn mặt mũi để nhìn ai. Một quyết định đau đớn mà ông Hai phải dần lòng đưa ra "Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù". Ông đã đặt tình yêu nước lên trên tình yêu làng, hi sinh cá nhân vì dân tộc. Nhưng ông vẫn muốn một lần nữa khẳng định sự trung thành với Đảng, với cách mạng của mình qua cuộc trò chuyện với đứa con thơ. Ông Hai đã thực sự có những suy nghĩ đúng đắn. Sau khi nghe tin cải chính, ông Hai lại được yêu làng, tự hào về làng đúng với tình yêu trong trái tim ông. Vì thế ông lại được bản tính hồn nhiên, mộc mạc của mình. Tình yêu làng của ông giờ đã hòa quyện, thống nhất với tình yêu nước, tình yêu kháng chiến. Có thể nói, qua việc miêu tả sâu sắc nội tâm nhân vật, nhà văn Kim Lân đã thực sự thành công để người đọc hiểu hơn về nhân vật.

Với thành công trong việc xây dựng tình huống truyện và miêu tả nội tâm nhân vật của ngôi bút Kim Lân, nhân vật ông Hai hiện lên với những phẩm chất cao đẹp, với tình yêu làng mộc mạc, giản dị mà sâu nặng hòa quyện với tình yêu đất nước. Vẻ đẹp tâm hồn của ông Hai làng Chợ Dầu tiêu biểu cho những người nông dân Việt Nam có ý thức giác ngộ cao, tha thiết yêu quê hương, Tổ quốc. Nói cách khác, quê hương - Tổ quốc đối với mỗi người Việt Nam chúng ta luôn gắn bó trong niềm tự hào nồng thắm! Sự mở rộng và thống nhất tình yêu quê hương trong tình yêu đất nước là nét mới trong nhận thức và tình cảm của quần chúng cách mạng mà văn học thời kháng chiến chống Pháp đã chú trọng làm nổi bật. Truyện ngắn *Làng* của Kim Lân là một trong những thành công đáng quý ấy!

Tác phẩm *Làng* của nhà văn Kim Lân chỉ là một hạt cát trên sa mạc trong nền văn học bấy giờ. Nhưng tác phẩm vẫn có những nét riêng để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đặc biệt với việc thành công trong xây dựng tình huống truyện và miêu tả nội tâm nhân vật, Kim Lân đã đưa nhân vật ông Hai trở thành người nông dân điển hình sống mãi trong lòng người đọc.

Đề bài: Suy nghĩ về nhân vật ông Hai trong tác phẩm “Làng” của Kim Lân.

Bài số 30

Kim Lân là nhà văn có vốn sống vô cùng phong phú và sâu sắc về nông thôn Việt Nam. Các sáng tác của ông đều xoay quanh cảnh ngộ và sinh hoạt của người nông dân. Tác phẩm *Làng* được sáng tác vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, với nhân vật chính là ông Hai, một lão nông hiền lành, yêu làng, yêu nước và gắn bó với kháng chiến.

Ông Hai cũng như bao người nông dân quê từ xưa luôn gắn bó với làng quê của mình. Ông yêu quý và tự hào về làng Chợ Dầu và hay khoe về nó một cách nhiệt tình, hào hứng. Ở nơi tản cư ông luôn nhớ về làng, theo dõi tin tức kháng chiến và hỏi thăm về làng. Tình yêu làng của ông càng được bộc lộ một cách sâu sắc và cảm động trong hoàn cảnh thử thách. Kim Lân đã đặt nhân vật vào tình huống gay gắt để bộc lộ chiều sâu tình cảm của nhân vật. Đó là tin làng Chợ Dầu lập tề theo giặc. Từ phòng thông tin ra, đang phấn chấn, náo nức vì những tin vui của kháng chiến thì gặp những người tản cư, nghe nhắc đến tên làng, ông Hai quay phắt lại, lắp bắp hỏi, hi vọng được nghe những tin tốt lành, nào ngờ biết tin dữ: “Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây”. Tin bất ngờ ấy vừa lọt vào tai đã khiến ông bàng hoàng, đau đớn: “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như đến không thở được, một lúc lâu ông mới rặn ề ề, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi” nhằm hi vọng điều vừa nghe không phải là sự thật. Trước lời khẳng định chắc chắn của

những người tản cư, ông tìm cách lắng về. Tiếng chửi văng vẳng của người đàn bà cho con bú khiến ông tê tái: “Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát”. Về đến nhà, ông chán chường “nằm vật ra giường”, nhìn đàn con mà nước mắt ông cứ giàn ra “Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”. Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: “Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”. Niềm tin, nỗi ngờ giằng xé trong ông. Ông kiểm điểm lại từng người trong óc, thấy họ đều có tinh thần cả “có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy”. Ông đau xót nghĩ đến cảnh “người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước”. Suốt mấy ngày liền ông chẳng dám đi đâu, “chỉ ở nhà nghe ngóng binh tình”, lúc nào cũng nơm nớp tưởng người ta đang để ý, đang bàn tán đến cái chuyện làng mình. Nỗi ám ảnh, day dứt, nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông. Ông đau đớn, tủi hổ như chính ông là người có lỗi...

Tình thế của ông càng trở nên bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà có ý đuổi gia đình ông với lý do không chứa người của làng Việt gian. Trong lúc tưởng tuyệt đường sinh sống ấy, ông thoáng có ý nghĩ quay về làng nhưng rồi lại gạt phắt ngay bởi “về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ”, là “cam chịu quay trở lại làm nô lệ cho thằng Tây”. Tình yêu làng lúc này đã lớn rộng thành tình yêu nước bởi dầu tình yêu, niềm tin và tự hào về làng Dầu có bị lung lay nhưng niềm tin vào Cụ Hồ và cuộc kháng chiến không hề phai nhạt. Ông Hai đã lựa chọn một cách đau đớn và dứt khoát: “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù!”. Dù đã xác định thế nhưng ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm của mình đối với quê hương. Bởi thế mà ông càng xót xa, đau đớn... Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, ông chỉ còn biết tìm niềm an ủi trong lời tâm sự với đứa con trai nhỏ. Nói với con mà thực ra là đang trút nỗi lòng mình. Ông hỏi con những điều đã biết trước câu trả lời: “Thế nhà con ở đâu?”, “Thế con ủng hộ ai?”... Lời đứa con vang lên trong ông thiêng liêng mà giản dị: “Nhà ta ở làng Chợ Dầu”, “Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!”... Những điều ấy ông đã biết, nhưng vẫn muốn cùng con khắc cốt ghi tâm. Ông mong “anh em đồng chí biết cho bố con ông, Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông. Cái tấm lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai, chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”. Những suy nghĩ của ông như những lời nguyện thề son sắt. Ông xúc động, nước mắt “chảy ròng ròng trên hai má”. Tấm lòng của ông với làng, với nước thật sâu nặng, thiêng liêng. Dầu cả làng Việt gian thì ông vẫn một lòng trung thành với kháng chiến, với Cụ Hồ...

May thay, tin đồn thất thiệt về làng Chợ Dầu được cải chính. Ông Hai sung sướng như được sống lại. Ông đóng khăn áo chỉnh tề đi với người báo tin và khi trở về “cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui rạng rỡ hẳn lên”. Ông mua cho

con bánh rán đường rồi vội vã, lật đật đi khoe với mọi người. Đến đâu cũng chỉ mấy câu "Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ! Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính. Cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng tôi Việt gian theo Tây ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả." "Ông cứ múa tay lên mà khoe với mọi người". Ông khoe nhà mình bị đốt sạch, đốt nhẵn như là mình chứng khẳng định làng ông không theo giặc. Mất hết cả cơ nghiệp mà ông không hề buồn tiếc, thậm chí còn rất sung sướng, hạnh phúc. Bởi lẽ, trong sự cháy rụi ngôi nhà của riêng ông là sự hồi sinh về danh dự của làng Chợ Dầu anh dũng kháng chiến. Đó là một niềm vui kì lạ, thể hiện một cách đau xót và cảm động tình yêu làng, yêu nước, tinh thần hi sinh vì cách mạng của người dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống kẻ thù xâm lược.

Cách miêu tả chân thực, sinh động, ngôn ngữ đối thoại, độc thoại và độc thoại nội tâm đa dạng, tự nhiên như cuộc sống cùng với những mâu thuẫn căng thẳng, dồn đẩy, bức bối đã góp phần không nhỏ tạo nên thành công của câu chuyện, đồng thời còn thể hiện sự am hiểu và gắn bó sâu sắc của nhà văn với người nông dân và công cuộc kháng chiến của đất nước.

Qua nhân vật ông Hai, ta hiểu thêm về vẻ đẹp tâm hồn của người nông dân Việt Nam thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược: yêu làng, yêu nước và gắn bó với kháng chiến. Có lẽ vì thế mà tác phẩm *Làng* xứng đáng là một trong những truyện ngắn xuất sắc của văn học Việt Nam hiện đại.

SÁCH GIẢI

Bài số 31

www.sachgiai.com

Kim Lân là một nhà văn hiện đại Việt Nam. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân. Truyện ngắn *Làng* cũng là một tác phẩm thành công của nhà văn Kim Lân được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và đăng lần đầu trên tạp chí *Văn nghệ* năm 1948. Truyện ngắn thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động lòng yêu làng quê, đất nước và tinh thần kháng chiến của những người nông dân, cụ thể ở đây là nhân vật ông Hai.

Ông Hai là người nông dân "chân lấm tay bùn", quanh năm "bán mặt cho đất, bán lưng cho trời", lao động cần cù, không phút nào ngơi nghỉ. Từng mảnh đất, con trâu, thửa ruộng, nếp nhà... từ lâu đã trở thành máu thịt trong ông, không thể dứt ra được. Thế mà, vì vợ con, vì gia đình, ông đành phải đi tản cư, đành phải xa cái làng Chợ Dầu thân yêu của mình, nhưng lòng thì vẫn đau đáu khôn nguôi nhớ về nó. Ông nhớ những ngày tham gia kháng chiến, cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Chỉ cần nghĩ đến vậy là ông đã sướng rơn lên "Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông lão thấy mình như trẻ ra! Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá!".

Những ngày nơi tản cư, ông nhớ làng da diết. Những lúc rảnh rỗi, ông lại đi khắp làng và "bô bô" khoe với mọi người về cái nơi "chôn rau cắt rốn"

của mình. Ông tự hào về nó lắm. Bởi đó là làng kháng chiến, làng anh hùng, kiên cường chống giặc. Ông khoe làng ông những ngày tập quân sự, đến cả các cụ già cũng đến. Làng ông có cái phòng thông tin rộng rãi, sáng sủa, rồi cả cái loa phát thanh chiều chiều cả làng đều nghe... Ông yêu làng bởi tinh thần kháng chiến của nó chứ không phải nó lắm của, giàu sang.

Ông cũng thường xuyên đi đọc báo để nghe tin về làng Chợ Dầu của mình. Những chiến công nho nhỏ của các anh chiến sĩ hay của các em nhỏ cũng đủ làm ông sướng rơn, cứ như thể làng mình vừa lập công vậy. Ông mong đất nước mau đến ngày thống nhất cũng như mong chóng được trở về làng.

Mọi việc làm, hành động của ông Hai đều hướng về làng. Tình yêu làng trong ông có lẽ chẳng bao giờ với cạn. Trong hoàn cảnh khó khăn nhất, nó càng được bộc lộ rõ hơn.

Nếu chẳng yêu làng đến mức da diết, cháy bỏng thì ông đâu có đau khổ đến tột cùng như bây giờ. Cái tin cả làng Chợ Dầu lập tể theo giặc làm Việt gian đến với ông quá bất ngờ và quá nhanh. Chẳng ai có thể ngờ được một làng Chợ Dầu tinh thần khi xưa giờ lại hèn nhát, nhục nhã đến như vậy. Cái tin đó làm ông choáng váng và đau đớn: "Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng người đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn ề ề như nuốt phải cái gì vướng ở cổ [...] giọng lạc hẳn đi". Một cú sốc lớn đối với ông Hai, nó khiến ông biến đổi hẳn từ vui sang buồn, từ rạng rỡ thành sầu não. Có ai đó bất ngờ xiết chặt lấy trái tim ông, bóp méo hơi thở của ông, khiến ông bất ngờ và đau đớn đến tột độ. Ông gắng gượng hỏi lại, chỉ mong mình đã nghe lầm. Nhưng câu trả lời "vừa ở đấy lên" khiến ông không còn cách nào khác nữa. Ông phải tin vào những điều mình không thể tin. Ông đành phải chấp nhận một sự thật đau đớn là làng Chợ Dầu theo Việt gian".

Ông lặng đi chỗ khác, lẳng lặng ra về. Nỗi nhục nhã ê chề khiến ông phải "cúi gằm mặt xuống mà đi". Đâu còn cái hớn hờ, "cái đầu cung cúc lao về phía trước" như hôm nào, ông không dám nhìn vào mọi người vì sợ bị dè bĩu, chê cười. Trong ông văng vẳng ám ảnh câu nói của người đàn bà chua ngoa: "Cái giống Việt gian thì cứ cho mỗi đứa một nhát!". "Mỗi đứa" ấy chính là bạn bè, anh em, người thân của ông Hai nơi làng Chợ Dầu. Họ đang bị thiên hạ xỉ vả, coi khinh.

Về đến nhà, ông nằm vật ra giường như một người bị ốm nặng, nước mắt ông giàn ra. Ông cảm thấy mình vừa bị mất đi một thứ thật quan trọng và thiêng liêng trong đời. Đó là danh dự. Ông trao trọn danh dự của mình vào danh dự của làng Chợ Dầu. Giờ làng bị xỉ vả, mất đi danh dự, ông cũng thấy mình thật nhục nhã. Ông mắng cả con, mắng cả những người dân làng Chợ Dầu: "Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà nhục nhã thế này". Lời ông rít lên chua xót. Nhưng rồi ông dừng lại, ngờ ngợ như lời mình nói không được đúng lắm. Ông tự hỏi: "Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được?". Ông vẫn còn niềm tin vào làng Chợ Dầu, tin vào anh em, làng xóm.

Nhưng sau đó, ông lại băn khoăn "Không có lửa làm sao có khói, ai người ta hơi đâu bịa tạo ra những chuyện ấy làm gì?" Ông băn khoăn, day dứt, có nên tin hay không? Hàng loạt câu hỏi cứ xoắn xít lấy ông. Nhục nhã, xót xa, ông thốt lên: "Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian!". Tình cảnh ông Hai lúc này thật đáng thương!

Kể từ đó, ông luôn bị ám ảnh bởi lời đồn và tai mắt mọi người. Suốt ngày ông chỉ thui thủi trong căn nhà ọp ẹp, nghe ngóng xem "tình hình ra sao". Ông sợ. Một đám đông túm lại ông cũng sợ, dăm bảy tiếng nói cười xa xa cũng khiến ông chột dạ, nơm nớp như người ta đang để ý. Chính vì lòng tự trọng mà ông mới sợ như vậy, lo lắng và bồn chồn đến vậy! Đến mức đường cùng, không còn nơi ẩn chốn ở, ông cũng nhất quyết không trở về làng. Mặc dù, có lúc trong ông thoáng có ý nghĩ: "Hay là quay về làng?" nhưng ý nghĩ ấy biến mất ngay trong ông. Vì về làng là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ... Lòng trung thành với kháng chiến đã xua đi ý nghĩ sai lầm trong ông. Ông lại khóc! "Nước mắt ông giàn ra". Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lắm than vãn nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không muốn về làng để rồi lại phải làm nô lệ cho thằng Tây.

Xung đột nội tâm giữa lòng yêu làng và yêu nước xảy ra gay gắt trong ông. Biết chọn con đường nào khi một bên là tình còn một bên là nghĩa. Làng Chợ Dầu là nơi "chôn rau cắt rốn", là nơi sinh thành, nơi ông từng yêu quý và tự hào. Giờ bảo ông dứt bỏ, ông nào nỡ. Còn kháng chiến, Cụ Hồ lại là cứu cánh của gia đình ông, giúp ông, bà Hai và bọn trẻ thoát khỏi cuộc đời nô lệ tối tăm xưa kia. Biết làm sao bây giờ? Ông Hai băn khoăn, day dứt, lòng đầy đau khổ.

Nhưng tình yêu nước đã chiến thắng. Không thể vì một cái nhỏ hơn mà bỏ đi những gì lớn lao. Ông quyết định: "Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù!". Tình yêu làng giờ trở thành lòng căm giận. Ông thù làng vì ông theo kháng chiến, theo tất cả những con người trung thành với cách mạng. Tình yêu nước giờ đã hoà quyện và bao trùm lên tình yêu làng trong ông Hai.

Rồi một hôm, cái khuôn mặt rũ rượi của ông Hai bỗng trở nên rạng rỡ và hạnh phúc trở lại. Đó là khi cái tin làng Chợ Dầu theo Tây được cải chính. Làng Chợ Dầu đâu có theo Tây, vẫn "lại chỉ là..." Ông hoa chân múa tay, mua cả quả bánh cho con. Lại chạy sang nhà bác Thứ khoe khoang. Ông lại còn hào hứng khoe nhà mình bị đốt nhẵn, điều đó thật lạ lùng! Nhưng trạng thái tâm lý đó hoàn toàn phù hợp với một người như ông Hai: Danh dự của ông và làng Chợ Dầu được lấy lại mà mất đi ngôi nhà thì có đáng gì đâu. Vì cách mạng, kháng chiến, ông nguyện hi sinh cả hạnh phúc riêng tư, cả của cải, vật chất. Với ông, kháng chiến, Cụ Hồ là tất cả.

Tình yêu làng trong ông Hai đã hoà quyện, thống nhất với tình yêu nước. Hạnh phúc và đau khổ của ông gắn liền với làng quê, đất nước. Đó chính là vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật ông Hai, của người nông dân nói

riêng và dân tộc Việt Nam nói chung. Vẻ đẹp ấy đã được kế thừa và phát huy, vẻ đẹp ấy đã được Đảng, Bác Hồ giác ngộ đưa lên một tầm cao mới, giá trị mới.

Với một tài năng xuất sắc, một ngòi bút rất chuyên nghiệp, nhà văn Kim Lân đã xây dựng nên hình tượng đẹp về người nông dân Việt Nam. Ông Hai cũng như bao người nông dân khác, với một tâm hồn đẹp tuyệt vời đã để lại trong lòng ta niềm kính yêu trân trọng tha thiết.

Lê Thị Thuỷ

Đề bài: Nhận xét về ông Hai trong "Làng" của Kim Lân có ý kiến cho rằng: "Đưa tình yêu làng lên tình yêu nước, gắn tình yêu làng với tình yêu cách mạng, nét giống đó mang vẻ đẹp tư tưởng mới ở người nông dân đã đưa nhân vật ông Hai lên vị trí một điển hình người nông dân trong buổi giao thời mới cũ" (Viện Khoa học Việt Nam, Văn học kháng chiến chống Pháp, Nxb Khoa học Xã hội, 1986). Em hãy phân tích nhân vật ông Hai để làm sáng tỏ ý kiến trên.

Bài số 32

Cách mạng tháng Tám thành công đã đem đến một "làn gió mới" cho dân tộc ta, lật trang sử đất Việt sang một trang mới. Đất nước đổi khác, xã hội cứ theo đà mà ngày một tiến lên, con người Việt Nam cũng từ đó mà thay đổi. Từ những con người nông nghiệp, lam lũ vất vả, cả đời gắn bó nơi mảnh ruộng làng quê, sau lũy tre làng rì rào trong gió, giờ đây - khi đất nước đổi mới, họ đã thực sự ý thức được thế nào là tự do - tự chủ, lòng tự tôn dân tộc. Ở những người nông dân chân chất, mộc mạc đó đã xuất hiện một tình cảm mới, một thành quả tất yếu mà cách mạng đem đến: lòng yêu nước, yêu quê hương, làng xóm. Điều này - sự đổi thay đó được thể hiện rất rõ qua nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân. Ông đã đưa tình yêu làng lên tình yêu nước, gắn tình yêu làng với tình yêu cách mạng, nét giống đó mang vẻ đẹp tư tưởng mới ở người nông dân, đã đưa nhân vật ông Hai lên vị trí một điển hình người nông dân trong buổi giao thời mới - cũ.

Nhân vật ông Hai là một điển hình của người nông dân trong buổi giao thời mới cũ, tức là trong buổi đầu của kháng chiến chống Pháp. Ông Hai là một lão nông nghèo, sống trong thời kì mà đất nước ta đang còn đang tồn tại song song hai chế độ: phong kiến và thực dân. Là một con dân của đất Việt, ông cũng như bao người dân thời bấy giờ, "một cổ mà phải chịu hai tròng", sống kiếp nô lệ, lầm than. Khi đất nước ta khởi động phong trào chống bọn thực dân xâm lược, ông Hai đã nghe theo tiếng gọi của Tổ quốc, giác ngộ ra chân lí của cách mạng. Ông hiểu rằng việc nước có yên thì việc nhà mới ổn. Trong ông, tình yêu làng quê, xóm giềng luôn gắn bó chan hòa

với tình yêu đất nước, một lòng một dạ trung hiếu với cách mạng, với Cụ Hồ. Đó là một vẻ đẹp tư tưởng mới mà chỉ những người nông dân trong thời kì này mới có - những con người đã được ánh sáng cách mạng soi sáng, mở đường chỉ lối thoát khỏi cuộc sống khổ sai, nô dịch.

Tình làng nghĩa xóm là một tình cảm sâu nặng thiêng liêng và là đặc trưng của mỗi người Việt Nam, nhất là đối với người nông dân, những con người mà cả cuộc đời gắn bó với làng quê, với lũy tre làng, giếng nước, gốc đa... Cuộc sống của những con người đó là ở làng xóm, quê hương mình. Làng chính là mạng sống, là những gì thân thương nhất của cuộc đời họ. Ở ông Hai, tình yêu làng cũng giống như mọi người, nhưng lại rất riêng ở mức độ là một người nông dân suốt cuộc đời sống ở quê hương, gắn bó máu thịt với từng con đường, từng nếp nhà thửa ruộng, từng ngọn cỏ, cành cây và biết bao người ruột thịt, xóm giềng, họ hàng gần xa, vậy mà giờ đây vì giặc ngoại xâm, ông Hai phải xa rời quê hương đi tản cư, sống nhờ nơi đất khách quê người. Do đó, lòng ông luôn đau đáu nhớ về quê hương. Để thỏa nỗi mong nhớ ấy, ông Hai suốt ngày khoe về làng mình, khoe đến mức "nghiện" được khoe làng. Tối nào, ông Hai cũng sang nhà bác Thứ - một người dân tản cư khác để khoe về làng mình, ông không ngớt lời khoe những cái đẹp, điều hay ở quê hương mình. Ông khoe làng ông đẹp nhất nhì thiên hạ, đường làng phong quang, sạch sẽ, cái cổng làng rộng như cái cổng thành. Nào là làng ông là làng sầm uất nhất tỉnh, nào con đường làng toàn lát đá xanh, trời mưa đi bùn không dính gót. Ông khoe với cái giọng "say sưa và náo nức", cái mặt thì "biến chuyển", "quần vén lên tận bẹn, không cần để ý đến thái độ của người nghe, chỉ nói cho sướng miệng" và "cho đỡ cái nỗi nhớ làng". Tính hay "khoe" này cho thấy ông rất tự hào về làng xóm của mình, làng Chợ Dầu thân yêu, tính yêu làng của ông có thể nói là "nồng nhiệt, thiết tha" nhất!

Nếu như trước Cách mạng, ông Hai chỉ yêu làng mình với những gì cụ thể, hiện hữu nhất, quen thuộc với đời sống sinh hoạt của làng xóm. Ông tự hào về tất cả những gì mà làng xóm mình có, thậm chí ông còn khoe cả cái sinh phần - cái lăng mộ - của viên quan tổng đốc người làng, mặc dầu dân làng ông đã vì nó mà đổ bao mồ hôi xương máu. Thì sau Cách mạng, trong kháng chiến mọi cảm xúc về làng quê của ông đều sống với đời sống chiến đấu của làng mình, của cả dân tộc. Những khát khao, tự hào, sung sướng của ông đều gắn với cuộc sống kháng chiến.

Ông Hai thường hay nhớ lại những ngày tháng cả làng ông chuẩn bị kháng chiến: đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá, ông cũng hát hò, cũng bông phèng, cũng đào, cũng cuộc mê man suốt cả ngày như thời trai trẻ "Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra", "Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá!".

Ông Hai còn thích nghe tin tức, thích nói chuyện chính trị, ông ghét người đọc báo bằng mắt vì khổ nỗi, ông đọc chữ khó khăn lắm, nên ông

thích những người đọc to, rõ ràng, cho mọi người nghe thấy. Điều này, thể hiện niềm khát khao được biết, được hiểu. Ông muốn tìm hiểu những thông tin hay về kháng chiến, những thông tin cập nhật nhất về việc chiến đấu của quân dân ta. Nghe tin quân ta giành được nhiều thắng lợi mà "ruột gan ông cứ múa cả lên", quan điểm cách mạng của ông là tích tiểu thành đại, dần dà sẽ thắng được bọn thực dân "làm gì mà rồi thắng Tây không bước sớm".

Ông khoe và tự hào về hào giao thông làng mình được phân bố rộng, chặt chẽ. Người dân trong làng thì hăng hái tham gia kháng chiến, nào là đào đường, đắp ụ... công việc có ích cho cách mạng, phục vụ công cuộc chiến đấu là làm tất! Cả làng làm, người người làm từ già đến trẻ, từ lớn đến bé đều hăng say làm việc, đoàn kết, giúp đỡ nhau. Ông còn tự hào về phòng phát thanh tuyên truyền vừa rộng, vừa sạch, nơi đây có đủ loại sách báo, cập nhật những tin tức mới nhất về kháng chiến cho người dân. Cho đến khi được giải tỏa nỗi đau đớn, nghi ngờ về danh dự của làng Chợ Dầu khi nghe tin làng quê ông phản bội. Ông đã sung sướng biết nhường nào! "Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên. Mồm bồm bẻm nhai trầu, cặp mắt hung hung đỏ, hấp háy...". Ông tất bật đi chia quà cho con rồi lại "lật đật" đi "khoe", "bô bô" khoe mọi người cái tin làng ông bị "đốt nhẵn", nhà ông bị "đốt nhẵn". Ông đã sung sướng thông báo rằng: "Tây nó đốt nhà tôi rồi". Nội dung lời "khoe" của ông có vẻ vô lí vì không có thể vui mừng trước cảnh làng của mình, nhà của mình bị giặc tàn phá, nhưng lại hoàn toàn chân thực. Dường như đối với ông lúc ấy cái sự việc phủ phàng kia là một chứng minh hùng hồn nói với mọi người rằng làng quê ông đã dũng cảm chiến đấu chống quân thù, căn nhà ông bị cháy, bị thiêu hủy, đã như một dũng sĩ anh hùng ngã xuống vì sự nghiệp chung, là một minh chứng rõ ràng nhất cho sự trong sạch của quê hương ông. Hành động của ông Hai nói lên rằng: những mất mát về vật chất ấy chẳng thấm vào đâu so với niềm vui tinh thần mà ông được đón nhận, làng ông vẫn là làng kháng chiến, vẫn là niềm tự hào, kiêu hãnh của ông. Ta có thể hiểu được niềm sung sướng, tự hào của một con người đã xóa bỏ hết mọi nghi oan, ngờ vực với "nơi chôn rau cắt rốn" của mình. Đặc biệt khi ông Hai lại có tình yêu làng sâu sắc đến vậy! Nghe tin cải chính mà lòng ông như trút được gánh nặng, giải tỏa mọi nỗi lo toan, sợ hãi, thất vọng, bế tắc của ông.

Ông Hai yêu làng đến vậy, ông luôn tự hào về làng mình đẹp, rộng, thoáng mát, hơn nữa làng Chợ Dầu quê ông lại là làng kháng chiến, một lòng một dạ với cuộc chiến giành độc lập, tự do của dân tộc. Nhưng khi nghe làng ông đi theo Tây, phản bội lại cách mạng, phản bội lại Cụ Hồ ông đã rất đau xót, khổ tâm.

Yêu quê hương đất nước, ông không muốn rời xa làng quê của mình đi sơ tán, ông muốn trụ bám cùng ngôi làng thân yêu. Do hoàn cảnh bắt buộc phải đi nhưng ông Hai có lúc cảm thấy xấu hổ, mặc cảm mình là người chạy

trốn, không ở lại với làng, ở lại với anh em đồng bào để cùng chiến đấu, vì thế ông thường gắt gỏng những chuyện không đâu. Chỉ khi nghe cán bộ nói "đi tản cư âu cũng là kháng chiến", đi tản cư cũng là ủng hộ cách mạng, ủng hộ Cụ Hồ, ông Hai mới thỏa nỗi lòng. Điều này cho ta thấy ước muốn trực tiếp tham gia kháng chiến đó cũng là biểu hiện cao độ của tình yêu làng.

Đặc biệt, tình yêu quê hương đất nước càng sâu sắc hơn, khi ở nơi tản cư, ông nghe tin làng ông theo Tây. Mới đầu nghe những người tản cư nói giặc qua làng Chợ Dầu, "ông Hai quay phắt lại lấp bắp hỏi" chắc hẳn trong đầu ông lão đang hi vọng làng anh hùng Chợ Dầu sẽ giết được nhiều giặc, lập nhiều chiến công như ông cũng vừa nghe trên báo. Thế nhưng từng lời của người đàn bà "Cả làng chúng nó Việt gian, Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi" như lưỡi dao cắt đứt từng khúc ruột ông. Như không tin vào hiện thực, ông hỏi lại với chút hi vọng nhỏ nhoi "Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại...". Sự thật vẫn là sự thật dù ông cố tìm cách lảng tránh, trong lòng đầy tủi hổ. Ông lão đau khổ đến mức "cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được". Cái nghẹn nghẹn ấy phải chăng là sự uất ức, tức giận, ngạc nhiên không thể nuốt trôi? Về nhà, ông nằm vật ra giường "nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu...". Lũ con ông có tội tình gì đâu cơ chứ, chúng chỉ là những đứa trẻ ngây thơ vô tội, thế mà giờ đây, những đứa trẻ đó cũng mang danh là "Việt gian". Chưa xót thay! Ông Hai bắt đầu chửi thề, nhưng ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm. Ông đau khổ, tủi cực, ông lo không biết rồi tương lai của mình và gia đình sẽ như thế nào vì ai người ta chứa cái giống Việt gian! Suốt mấy hôm ông lão ở ru rú trong nhà, không đi đâu tới nửa bước, chỉ cần nghe người ta nói "Việt gian..." là ông lại chột dạ, lo lắng. Trong ông đang diễn ra một cuộc đấu tranh nội tâm gay gắt giữa niềm tự hào kiêu hãnh về quê hương với sự thất vọng, đau xót, tủi hổ, nhục nhã vì mang tiếng là dân của làng Chợ Dầu phản bội. Nếu như trước đây, tình yêu làng và tình yêu nước hòa quyện trong nhau thì lúc này, ông Hai buộc phải có sự lựa chọn. Đó không phải là một điều đơn giản vì với ông, làng Chợ Dầu đã trở thành một phần của cuộc đời, không dễ gì dứt bỏ, còn cách mạng lại là cứu cánh của gia đình ông, giúp cho gia đình ông thoát khỏi cuộc đời nô lệ. Qua những ngày đấu tranh tư tưởng, đau đớn, dằn vặt, có lúc ông Hai đã nghĩ đến việc quay về làng, nhưng sau đó ông gạt ra ngay vì về làng là theo giặc, phản bội lại cách mạng, phản bội lại Cụ Hồ, cuối cùng ông Hai đã đi đến quyết định "Làng thì yêu thật, nhưng làng đã theo Tây mất rồi thì phải thù". "Thù" – thù làng quê của chính bản thân mình là rất khó khăn mà lại thù cái mà mình yêu quý nhất, xem trọng nhất thì càng khó khăn hơn. Nhưng ông Hai đã quyết định, đó là biểu hiện vẻ đẹp trong tâm hồn của con người Việt Nam, khi cần họ sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng. "Đưa tình yêu làng lên trên

tình yêu nước, gắn tình yêu làng với tình yêu cách mạng, nét giống đó đã mang vẻ đẹp tư tưởng mới ở những người nông dân” Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám. Ông Hai đã được giác ngộ về ý thức làm chủ, về sự thủy chung với kháng chiến, với Cụ Hồ. Cuộc trò chuyện với đứa con út đã làm ông Hai với bớt nỗi đau đớn, dần vật trong lòng và yên tâm hơn về quyết định của mình. “Anh em đồng chí biết cho bố con ông”, “Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông”, “Cái lòng của bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai”. Chính vì không dám đơn sai mà ông Hai đã đi đến quyết định: “Làng thì yêu thật, nhưng làng đã theo Tây mất rồi thì phải thù”. Quyết định đó là sự giác ngộ của người nông dân sau Cách mạng tháng Tám, ý thức được rõ ràng mỗi người dân yêu nước là làm cho đất nước vững mạnh hơn.

Trong kháng chiến, những tâm trạng, những tình cảm ấy người dân Việt Nam nào chẳng có. Nhưng nó thường trực và trở thành sự hồi thúc, bức bách, chi phối mọi tình cảm, đời sống hàng ngày của con người đến thế thì chỉ có riêng ở nhân vật ông Hai. Những nỗi đau, những niềm vui đó phản ánh chân thực, sinh động sự gắn bó máu thịt của ông với làng quê, với đất nước, với cách mạng. Ông đến với cách mạng, yêu cách mạng một cách tự nhiên là nhờ tình yêu làng đó, thật đúng như lời nhà văn I-li-a Ê-ren-bua đã nói: “lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”.

Chính sự hài hòa giữa tình yêu làng với tình yêu nước, tình yêu cách mạng mà nhân vật được nâng lên một vẻ đẹp mới, vừa truyền thống, vừa đầy tính dân chủ mới mẻ, mang một tầm vóc mới cho người nông dân thời kháng chiến chống Pháp. Tình cảm, mối quan hệ giữa tình yêu làng, tình yêu đất nước, cách mạng là một tình cảm rất điển hình của người Việt Nam lúc bấy giờ. Chính nó cũng tạo sức sống riêng, đánh dấu mốc quan trọng trong đề tài người dân quê quen thuộc của nhà văn Kim Lân.

Ý thức được trách nhiệm của bản thân trong cộng đồng, trong công cuộc chiến đấu chung của dân tộc là nét mới của người nông dân Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám. Vẻ đẹp của ông Hai làng Dầu tiêu biểu cho những người nông dân Việt Nam, tuy trình độ văn hóa thấp, nhưng đã có ý thức giác ngộ cao, tha thiết yêu quê hương, Tổ quốc. Với những suy nghĩ thật đúng đắn về cách mạng, ông Hai xứng đáng là một điển hình người nông dân trong buổi giao thời mới – cũ.

Đề bài: Suy nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

Bài số 33

Gấp lại truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, lòng ta cứ xao xuyến vấn vương trước vẻ đẹp của những con người, trước những tình cảm chân thành, nồng hậu trong một cuộc sống đầy tin yêu. Dù được miêu tả

ít hay nhiều, nhân vật nào của *Lặng lẽ Sa Pa* cũng hiện lên với nét đẹp và để lại trong lòng người đọc những tình cảm quý mến. Trong đó anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu đã để lại cho chúng ta nhiều ấn tượng khó phai mờ.

Trước tiên, anh thanh niên này đẹp ở tấm lòng yêu đời, yêu nghề, ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc đầy gian khổ của mình. Trong lời giới thiệu với ông họa sĩ già và cô gái, bác lái xe gọi anh là “người cô độc nhất thế gian”. Đã mấy năm nay anh “sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m bốn bề chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo”. Công việc hàng ngày của anh là “đo gió, đo mưa, đo chấn động mặt đất” rồi ghi chép, gọi vào máy bộ đàm báo về trung tâm. Nhiều đêm anh phải “đối chọi với gió tuyết và lặng im đáng sợ”. Vậy mà anh rất yêu công việc của mình. Anh quan niệm: “khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?”. Anh hiểu rõ: “Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”. Sống một mình nhưng anh không đơn độc bởi “lúc nào tôi cũng có người để trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà”. Tuy sống trong điều kiện thiếu thốn nhưng người thanh niên ấy vẫn ham mê công việc, biết sắp xếp lo toan cuộc sống riêng ngăn nắp, ổn định. Anh nuôi gà, trồng hoa, đọc sách, thỉnh thoảng anh xuống đường tìm gặp bác lái xe cùng hành khách để trò chuyện cho vui bớt nỗi nhớ nhà.

Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn. Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “thèm người”, lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo. Ngay từ những phút gặp gỡ ban đầu, lòng mến khách, nhiệt tình của anh đã gây được thiện cảm tự nhiên đối với người họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ. Niềm vui được đón khách dào dạt trong anh, toát lên qua nét mặt, cử chỉ: anh biểu bác lái xe củ tam thất, mừng quýnh đón lấy quyển sách mà bác mua hộ, hồ hởi đón mọi người lên thăm “nhà”, hồn nhiên kể về công việc, đồng nghiệp và cuộc sống của mình nơi Sa Pa lặng lẽ. Khó người đọc nào có thể quên, việc làm đầu tiên của anh khi có khách lên thăm nơi ở của mình là: hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái lần đầu quen biết. Bó hoa cho cô gái, nước chè cho ông họa sĩ già, làn trứng ăn trưa cho ông họa sĩ, cô gái và bác lái xe. Tất cả những điều đó thể hiện anh là một người rất tâm lí, chu đáo và tận tình với mọi người.

Công việc vất vả, có những đóng góp quan trọng cho đất nước nhưng người thanh niên hiếu khách và sôi nổi ấy lại rất khiêm tốn. Anh cảm thấy đóng góp của mình bình thường, nhỏ bé so với bao người khác. Bởi thế anh ngượng ngùng khi ông họa sĩ già phác thảo chân dung mình vào cuốn sổ tay. Con người khiêm tốn ấy hào hứng giới thiệu cho ông họa sĩ những người khác đáng vẽ hơn mình: “Không, không, bác đừng mất công vẽ cháu, để cháu giới thiệu cho bác những người khác đáng vẽ hơn”. Đó là ông kĩ sư ở vườn rau vượt qua bao vất vả để tạo ra củ su hào ngon hơn, to hơn. Đó là “người cán bộ nghiên cứu sét, 11 năm không xa cơ quan lấy một ngày”... Dù

còn trẻ tuổi, anh thấm thía cái nghĩa, cái tình của mảnh đất Sa Pa, thấm thía sự hi sinh lặng thầm của những con người đang ngày đêm làm việc và lo nghĩ cho đất nước.

Bằng một cốt truyện khá nhẹ nhàng, với những chi tiết chân thực, tinh tế, ngôn ngữ đối thoại sinh động, Nguyễn Thành Long đã kể lại một cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị nơi Sa Pa lặng lẽ. Chưa đầy 30 phút tiếp xúc với anh thanh niên đã khiến người họa sĩ già thêm suy ngẫm về vẻ đẹp cuộc đời mà mình không bao giờ thể hiện hết được và còn làm cô kĩ sư trẻ lòng bao cảm mến bàng khuâng...

Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định: Cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hi sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu.

Bài số 34

Nguyễn Thành Long là một cây bút truyện ngắn nhưng vẻ đẹp nghệ thuật không nằm ở những phát hiện sắc sảo - táo bạo xung đột mạnh mẽ mà nghiêng về tạo dựng chất thơ nhẹ nhàng trong trẻo lặng thầm, kín đáo song vẫn có sức ngân vang. *Lặng lẽ Sa Pa* tiêu biểu cho phong cách đó của Nguyễn Thành Long. Truyện ra đời sau một chuyến đi thực tế lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Nguyễn Thành Long đã giới thiệu với chúng ta một vùng đất lặng thầm nhưng ở đó vẫn có những con người đang ngày đêm làm việc cống hiến quên mình cho quê hương đất nước. Tác phẩm để lại trong lòng độc giả nhiều rung động đẹp về hình ảnh anh thanh niên làm công tác khí tượng với những phẩm chất tốt đẹp và sự hi sinh thầm lặng cho đất nước.

Anh thanh niên, với vóc người nhỏ nhắn, mang biệt hiệu “người cô độc nhất thế gian” vì anh phải làm công tác khí tượng thủy văn kiêm vật lí địa cầu một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét, quanh năm mây mù lạnh lẽo. Ngày ngày, anh chỉ cô độc, làm bạn với công việc “đo gió, đo mưa, đo nắng...” rồi mỗi ngày báo cáo về “nhà” bốn lần một cách chính xác. Những khắc nghiệt, băng giá của núi rừng Sa Pa, dù “mưa tuyết” hay “gió chực ào ào xô tới” chẳng thể nào khiến anh chùn bước. Tuy đây là một công việc nhàm chán, buồn tẻ nhưng anh vẫn yêu, vẫn luôn trân trọng nó. Anh đã dũng cảm vượt qua ngay chính nỗi cô độc và hiểm nguy mà anh luôn phải đối diện. Qua đó, chúng ta thấy toát lên một lí tưởng sống cao đẹp nơi anh. Vâng, giá trị đích thực ở con người anh là lẽ sống. Lí tưởng sống của anh cũng chính là lí tưởng sống của thế hệ thanh niên thời bấy giờ, luôn tìm được niềm vui giữa muôn khó khăn gian khổ. Điều lắng đọng nhất trong cả tác phẩm có lẽ là lời tâm sự của anh với ông họa sĩ: “Mình với công việc là đôi..”, “Công việc... gian khổ thế đấy... chứ cất nó đi... buồn đến chết mất..”, “Mình sinh ra là gì, mình

để ở đâu, mình vì ai mà làm việc?”. Đây là những dòng tâm sự chân thành xuất phát từ tận đáy lòng. Và đây cũng là những suy nghĩ lạc quan giúp anh vững vàng giữa khó khăn và thử thách lớn nhất là sự cô độc. Âm vang của cuộc sống Sa Pa lặng lẽ và khúc nhạc cuộc sống vang đến người đọc từ chính tâm hồn anh, từ nụ cười của anh trong khó khăn, thử thách. Tuy sống một mình nhưng trong anh vẫn tràn đầy nghị lực. Anh vẫn trồng hoa, đọc sách và tổ chức cuộc sống thật ngăn nắp với “căn nhà ba gian sạch sẽ”. Anh rất cởi mở, chân thành với mọi người, khát khao được gặp gỡ, trò chuyện. Anh luôn chu đáo, ân cần, quan tâm đến tất cả, anh còn gửi cả củ tam thất cho bác gái vừa ốm dậy. Điều làm chúng ta xúc động mạnh trước anh là vẻ đẹp tâm hồn ngời sáng ẩn sau những nét ngoài bình thường. Ông họa sĩ, với những suy nghĩ chín chắn, kĩ càng của tuổi về hưu, cũng phải khâm phục anh và chẳng thể nào thể hiện được trên bức chân dung vẻ đẹp ngời sáng của tâm hồn anh. Nhưng anh vẫn khiêm tốn, luôn cảm thấy những đóng góp của mình nhỏ bé so với người khác, như “ông kĩ sư vườn rau Sa Pa” hay “nhà nghiên cứu sét”. Anh thanh niên xuất hiện bất ngờ, chỉ kịp để lại trong chúng ta những ấn tượng đẹp để trước tâm hồn cao quý của anh và cảm nhận được nhiệt huyết của sức trẻ thanh niên thời ấy, những con người không quản ngày đêm, khó khăn, vất vả, chung tay xây dựng đất nước thêm giàu mạnh, tươi đẹp.

Mọi suy nghĩ của anh về công việc hay đời thường đều thấm đẫm tình yêu quê hương, đất nước, con người. Anh là hình tượng tiêu biểu của lớp thanh niên xông pha vì Tổ quốc. Tâm hồn và lí tưởng sống cao đẹp của anh khiến chúng ta khâm phục trước một con người cô độc mà không cô độc, giữa Sa Pa lặng lẽ mà không lặng lẽ.

Bài số 35

*Nếu là con chim chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không có trả
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.*

(Tố Hữu)

Những dòng thơ ấy như ngân vang da diết, gieo vào lòng người đọc những xúc cảm thật khó quên về một quan niệm sống rất đẹp: Sống là cho người khác chứ không phải cho riêng mình! Sống là phải quan tâm lo lắng đến những người xung quanh. Và đến với truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của nhà văn Nguyễn Thành Long, ta cũng bắt gặp một tư tưởng, một cách sống như vậy. Được viết trong chuyến đi thực tế lên Lào Cai năm 1970, truyện ngắn đã để lại một dư âm không lặng lẽ bởi nó đã thành công trong việc xây dựng hình tượng những con người đang thầm lặng cống hiến cho Tổ quốc. Đặc biệt, nhân vật anh thanh niên - một con người đáng mến đáng yêu đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên về vẻ đẹp của người lao động.

Anh thanh niên ấy chính là trung tâm của truyện ngắn. Anh không xuất hiện ngay từ đầu tác phẩm mà chỉ có mặt trong cuộc gặp gỡ chốc lát với người họa sĩ già, cô kỹ sư mới ra trường và bác lái xe. Ngay cả đến tên anh, tác giả cũng không giới thiệu. Song dù chỉ gặp anh trong ba mươi phút ngắn ngủi người "cô độc nhất thế gian" ấy đã khiến người đọc rung cảm và xúc động trước vẻ đẹp tâm hồn lấp lánh, trước chân dung của một người lao động lặng lẽ cống hiến cho đất nước trong cái lặng lẽ của Sa Pa.

Đến với những trang viết tinh tế và đầy cảm xúc của Nguyễn Thành Long, người đọc thật sự ấn tượng trước hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên – một người lao động chân chính, thật ấn tượng trước hình ảnh một người thanh niên tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng ngời. Anh sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng chỉ có mây núi, cây cỏ Sa Pa làm bạn. Một cuộc sống như vậy chẳng lẽ lại khiến anh cô đơn, buồn tẻ? Công việc của anh cũng hết sức gian khó. Anh là một cán bộ khí tượng kiêm vật lý địa cầu "đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây". Công việc ấy không khó nhưng gian lao lắm! Quên sao được những đêm gió tuyết, giá rét khi anh làm việc! Quên sao được cái lạnh im đáng sợ của Sa Pa lúc nửa đêm! Quả thật, hoàn cảnh sống gian khó vất vả, cô đơn ấy của anh đã khiến người đọc cảm phục anh biết nhường nào!

Sống trong một hoàn cảnh khắc nghiệt như vậy nhưng thật cảm phục khi ở người thanh niên ấy vẫn ngời lên niềm đam mê cháy bỏng với công việc, vẫn lấp lánh một tinh thần, thái độ, ý thức trách nhiệm với công việc. Quanh năm suốt tháng chỉ có cây cỏ làm bạn, cô đơn một mình, thế nhưng anh đã ý thức được công việc của mình. Đó là công việc "báo trước thời tiết hàng ngày phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu". Thử hỏi nếu không có lòng yêu nghề, không có một niềm say mê rục rịch thì làm sao có thể nhận ra giá trị đích thực của công việc? Trong suy nghĩ của anh, được làm việc là một điều thật hạnh phúc, hãnh diện. Còn gì đẹp hơn tinh thần yêu nghề tha thiết ở người thanh niên ấy? "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?". Có lẽ ngọn lửa say mê công việc đã khiến anh quên đi bao cô đơn gian khó, toả sáng tâm hồn anh, để rồi chỉ còn lại sự toàn tâm, toàn ý cho nghề nghiệp? Anh luôn tự động viên, an ủi mình để hoàn thành tốt công việc. "Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc?". Suy nghĩ như vậy chẳng đẹp lắm sao? Và thật xúc động khi niềm say mê ấy được nhen nhóm lên hàng triệu lần khi anh biết tin là mình đã góp phần bắn rơi máy bay Mỹ ở cầu Hàm Rồng. Tâm hồn anh như ngập tràn niềm sung sướng, bồi hồi và hãnh diện. Chẳng phải một con người bé nhỏ như anh cũng đã cống hiến cho cách mạng, cho đồng bào đó sao? Và bắt đầu từ đây, cuộc đời đến với anh ngày càng đẹp hơn, có ý nghĩa hơn, để rồi anh nguyện rằng sẽ mãi phục vụ Tổ quốc. Suy nghĩ ấy, sự say mê cháy bỏng ấy của anh đã thể hiện một lý tưởng cao đẹp.

Không chỉ có vậy, người đọc còn yêu mến và cảm phục anh hơn bởi vẻ đẹp rạng ngời trong những hành động cụ thể. Công việc của anh đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ rất cao. "Cháu lấy những con số mỗi ngày báo về nhà bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng". Công việc ấy thật là gian lao! Để đo gió đo mưa, anh đã quên đi bao rét mướt, giá lạnh, quên đi cái buồn ngủ xâm chiếm để hoàn thành tốt công việc của mình. Ấy vậy mà anh khẳng định: "Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác". Hẳn là tất cả những hành động của anh đều dồn cho công việc nên anh mới có thể vui vẻ, yêu nghề đến vậy. Thử hỏi còn nghề gì cao quý hơn những hành động "quên mình" ấy của anh?

Ngoài ra, đọng lại trong lòng mỗi người đọc là phong cách sống của anh. Thật ngỡ ngàng khi người thanh niên ấy sống một mình cô đơn trên núi cao mà lại tổ chức, sắp xếp được một cuộc sống nề nếp, ngăn nắp, khoa học. Cuộc sống xung quanh bỗng trở nên thật đẹp dưới bàn tay của anh - một con người lao động chân chính. Nào là căn nhà nhỏ sạch sẽ, gọn gàng. Nào là những hàng sách được xếp ngay ngắn trên giá. Nào là vườn hoa rực rỡ, mang đậm hơi thở Sa Pa với "hoa đơn, hoa thược dược, vang tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong".

Đặc biệt anh rất hồ hởi, cởi mở với mọi người, gặp mọi người trên chiếc xe từ Hà Nội lên Sa Pa, anh vui mừng khôn xiết như gặp lại bạn cũ vậy. Gặp ông họa sĩ và cô kĩ sư, anh không một chút ngần ngại mời hai người lên nhà chơi. Anh đã tặng cô kĩ sư một bó hoa thật to "Tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa tùy ý. Cô cứ cắt một bó rõ to vào. Có thể cắt hết, nếu cô thích", và anh kể chuyện say mê, hồ hởi như đang tâm tình với hai người bạn tri kỉ. Sự cởi mở của anh thật đáng trân trọng làm sao!

Không chỉ có vậy, anh còn rất quan tâm đến mọi người. Quên sao được củ tam thất mà anh gửi biếu vợ bác lái xe. Quên sao được làn trứng gà mà anh chuẩn bị cho ông họa sĩ và cô kĩ sư ăn trưa! Những món quà ấy tuy nhỏ nhưng đó chẳng phải là tấm lòng chân thành, sự nhiệt tình chu đáo ở anh.

Anh là một con người sống rất giản dị và vô cùng khiêm tốn. Người họa sĩ già bất giác tìm ra anh chính là nguồn cảm hứng mà bấy lâu nay ông đi tìm, là nguồn khao khát mà ông chờ đợi. Ông muốn vẽ lại chân dung của anh để hoàn thành kiệt tác của mình. Nhưng anh thấy day dứt: "Không, không bác đừng vẽ cháu!", "Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn". Anh luôn nghĩ đến những người xung quanh cũng đang thầm lặng làm việc và còn tốt hơn mình. Anh đã kể về người kĩ sư ở vườn rau su hào, về nhà khoa học nghiên cứu sét. Dường như trong từng lời kể ấy, ta luôn bắt gặp đâu đây ánh mắt cảm phục, tự hào về những con người đang lặng lẽ cống hiến cho Tổ quốc trong anh. Có lẽ nào sự khiêm tốn ấy lại không khiến ta xúc động?

Lặng lẽ Sa Pa với những trang viết tinh tế đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng không phai về vẻ đẹp trong suy nghĩ, trong phong cách sống

của anh thanh niên. Sự lặng lẽ cống hiến cho Tổ quốc của con người bình thường mà cao cả ấy sẽ mãi sưởi ấm trái tim ta. Bất giác, trước những con người lao động chân chính ấy, ta tự hỏi về lẽ sống, lí tưởng của thanh niên ngày nay. Liệu những suy nghĩ bây giờ còn giống với những con người lặng lẽ - những "mùa xuân nho nhỏ" của đất nước:

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.

(Thanh Hải)

**Đề bài: Cảm nhận về nhân vật ông họa sĩ
trong "Lặng lẽ Sa Pa" của Nguyễn Thành Long**

Bài số 36

Trong truyện *Lặng lẽ Sa Pa* của nhà văn Nguyễn Thành Long, ngoài nhân vật chính - anh thanh niên, các nhân vật khác như ông họa sĩ già, cô kĩ sư, bác lái xe, không chỉ tham gia vào câu chuyện, làm rõ nét hơn cho nhân vật chính mà còn làm phong phú, sâu sắc hơn chủ đề của truyện. Trong số nhân vật phụ đó, đáng chú ý nhất là nhân vật ông họa sĩ già. Người kể chuyện trong tác phẩm hầu như nhập vai vào cái nhìn, suy nghĩ của ông họa sĩ để quan sát, miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính trong truyện. Qua nhân vật này, tác giả muốn gửi gắm những suy nghĩ về con người, về cuộc sống, về nghệ thuật.

Ông họa sĩ là người có tâm hồn nhạy cảm. Ngay từ những lời giới thiệu của bác lái xe về anh thanh niên, ông họa sĩ đã xúc động mạnh khi nhìn thấy người con trai tầm vóc bé nhỏ, nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ. Sau đó ông lại ngạc nhiên khi thấy anh thanh niên đang hái hoa, cảm động và bị cuốn hút trước sự cởi mở chân thành của anh. Rồi ông lại cảm giác "mình bối rối" khi nghe anh thanh niên kể về công việc. Bằng sự từng trải nghề nghiệp và niềm khao khát của người nghệ sĩ sáng tạo đi tìm đối tượng của nghệ thuật, ông biết mình đã "bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài". Anh thanh niên là một con người như thế và có thể là nhân vật tương lai trong một tác phẩm của ông.

Ở tuổi già, tuổi của những nghỉ ngơi, trái tim người nghệ sĩ này bỗng như trẻ lại, thấy cuộc sống còn bao ý nghĩa, khát khao sống, khát khao sáng tạo. Ông họa sĩ muốn ghi lại hình ảnh anh thanh niên bằng nét bút kí họa: "Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá. Với những điều làm người ta suy nghĩ về anh. Và về những điều anh suy nghĩ... cuộn cuộn luôn ra khi gặp người".

Với nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó nhọc, gian nan. Cảm giác "nhọc mệt" mà người thanh niên cho ông chính là niềm vui, hạnh phúc, sung sướng được gặp con người ngoài đời, chân dung nghệ thuật mà ông khát khao đi tìm. Một trái tim nghệ sĩ, một khát khao tiếp tục được sáng tạo, được cống hiến sống dậy, thúc giục ông phải vẽ. Giây phút xúc động ấy, ông nhận ra được những âm vang đẹp đẽ, ngọt ngào của cuộc đời, để rồi vang vọng mãi trong tâm hồn ông, biến thành tác phẩm nghệ thuật.

Những lời nói, suy nghĩ, ứng xử, thái độ chân thành của anh thanh niên đã bắt ông suy nghĩ về những cái đã làm và chưa làm được, cái ông dám nghĩ mà không dám làm. Những nghĩ suy về nghệ thuật với sức mạnh và sự bất lực "có sẵn mà chưa rõ hay chưa đúng" về mảnh đất Sa Pa mà ông nghĩ đến "nghỉ ngơi trong giai đoạn cuối đời". Những xúc cảm và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và về những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo nên chiều sâu tư tưởng.

Nhân vật ông họa sĩ già là nét đẹp trong cuộc sống, một con người ý thức được vị trí, trách nhiệm của mình trong công cuộc xây dựng đất nước, là người nhạy cảm trước cái đúng, cái sai, cái đẹp, luôn hướng thiện, mong muốn làm những điều tốt đẹp cho cuộc sống. Hình ảnh ông cùng các nhân vật khác để lại cho *Lặng lẽ Sa Pa* những vang vọng không thể nào phai nhạt. Những trang viết của Nguyễn Thành Long khiến ta thêm yêu con người và cuộc sống, thấy được trách nhiệm của mình với sự nghiệp chung của đất nước. Tâm hồn và những việc làm của các nhân vật trong truyện đã gieo vào lòng em nhiều tình cảm, thôi thúc em muốn cống hiến, muốn làm gì đó có ích cho xã hội như nhà thơ Tố Hữu đã nói: "Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình".

**Đề bài: Phân tích vẻ đẹp con người trong ba tác phẩm
"Ánh trăng" – Nguyễn Duy, "Lặng lẽ Sa Pa" – Nguyễn Thành Long,
"Bài thơ về tiểu đội xe không kính" – Phạm Tiến Duật**

Bài số 37

*Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn ngàn năm
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng!*

(Chế Lan Viên)

Vâng! Tổ quốc và con người Việt Nam thật đẹp. Đó là những con người đã và đang lao động và cống hiến hết mình cho dân tộc. Hình ảnh của họ đã đi vào trong thơ ca, văn học, đặc biệt là các tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật, *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, *Ánh trăng* của Nguyễn Duy. Con người Việt Nam đẹp cả trong chiến tranh và thời kì xây dựng đất nước.

Văn học phản ánh cuộc sống muôn màu muôn vẻ, quê hương đất nước và văn học cũng sáng tạo hình ảnh con người mới vừa mang vẻ đẹp truyền thống vừa có những phẩm chất mới mẻ của thời đại. Đất nước ta đã trải qua biết bao gian khổ, hứng chịu biết bao tai hoạ của chiến tranh từ thực dân Pháp đến đế quốc Mĩ. Hình ảnh con người Việt Nam gắn liền với từng thời kì phát triển của đất nước. Đặc biệt là từ những ngày Cách mạng tháng Tám thành công, cả dân tộc ta *rũ bùn đứng dậy sáng loà*, con người Việt Nam bước vào những trang thơ, trang văn đẹp như chính cuộc đời họ. Ba tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật, *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long và *Ánh trăng* của Nguyễn Duy là bức tranh toàn cảnh ghi lại một cách chân thực và toàn diện về hình ảnh con người Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám. Dù hoạt động trên lĩnh vực nào, ở bất cứ nơi đâu, họ vẫn toát lên những phẩm chất và tính cách đáng quý.

Con người Việt Nam có những phẩm chất và tính cách đáng quý, biết vượt lên trên khó khăn, gian khổ, nguy hiểm. Trước hết, đó là phẩm chất của các chiến sĩ lái xe Trường Sơn qua *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Họ là những chàng trai tuổi đời còn rất trẻ nhưng đã tự nguyện lên đường bảo vệ Tổ quốc, bỏ lại sau lưng những gì thân thương nhất của mình: mái trường, gia đình. Họ đã ra đi với một quyết tâm lớn và cao đẹp là giữ vững nền độc lập cho đất nước. Các chàng trai trẻ ấy đã sẵn sàng chấp nhận một cuộc sống ác liệt, thiếu thốn của chiến trường. Họ đã làm một công việc nguy hiểm và quan trọng là vận chuyển lương thực ra tiền tuyến để nuôi quân. Vất vả, cực nhọc là thế, máy bay địch có thể ập đến bất cứ lúc nào, đường Trường Sơn thì không hề bằng phẳng, họ lại phải lái những chiếc xe không kính. Nhưng, các anh đã chấp nhận tất cả:

*Không có kính không phải vì xe không có kính
Bom giạt bom rung kính vỡ đi rồi*

Các anh đã tự lí giải cho sự thiếu thốn của mình là do chiến tranh tàn phá, dễ rồi:

*Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

Vẫn *ung dung* ngồi vào buồng lái, các anh lính trẻ bất chấp mọi thử thách để tạo cho mình một tư thế đàng hoàng nhất, một tư thế chứng tỏ bản lĩnh của người chiến sĩ. Họ vẫn vững tay lái, thậm chí còn biến khó khăn thành sự hưởng thụ vì được nhìn, được tiếp xúc một cách trực tiếp với thiên nhiên bên ngoài, họ vẫn nhìn thẳng về phía trước, vẫn tiếp tục đối chọi với mọi hiểm nguy:

*Không có kính, ừ thì có bụi
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*

Thử thách cứ nối tiếp nhau đến với người chiến sĩ, không toát lên qua hình ảnh các chiến sĩ lái xe:

*Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước
Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Dù thiếu thốn rất nhiều: kính, đèn, mui xe, thùng xe có xước. Xe đã mất đi mọi trang bị tối thiểu nhất để bảo vệ cho người chiến sĩ. Họ phải đối mặt với bao chông gai và hiểm nguy phía trước thế nhưng xe vẫn băng băng vượt qua bao nẻo đường, vì miền Nam ruột thịt. Đoàn xe ấy vẫn chạy dù cho có nhiều và nhiều hơn nữa những khó khăn, chỉ cần có một trái tim. Người lính luôn mang trong mình trái tim đó, trái tim của lòng dũng cảm, của tình yêu đất nước. Trái tim ấy là biểu tượng cho ý chí cách mạng, cho những suy nghĩ ngời sáng của người chiến sĩ Trường Sơn. Các anh đã chiến đấu không mệt mỏi vì những suy nghĩ đúng đắn, vì ý thức được trách nhiệm của bản thân.

Ý thức, trách nhiệm cao độ đối với công việc cũng là một phẩm chất cao đẹp của con người xứ sở sương mù – Sa Pa. Nhà văn Nguyễn Thành Long đã thể hiện đức tính đó qua nhân vật anh thanh niên. Anh đã quan niệm thật đúng đắn về công việc; anh thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Anh không tô đậm cái gian khổ của công việc, nhưng anh nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết nhờ mình phát hiện đám mây khô mà không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực của Mĩ. Phải có lòng yêu nghề sâu sắc, đam mê hết mình cho công việc thì anh mới có được những niềm hạnh phúc như thế. Anh tự tâm sự về công việc: “Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này, cháu không nghĩ như vậy nữa”.

Anh thanh niên đã tự mình tạo cho mình sự cố gắng, phấn đấu. Anh coi những ngôi sao kia đang lẻ loi một mình như một con người có cùng cảnh ngộ và rồi biết tự ý thức được trách nhiệm của mình mà làm việc. Anh còn tâm sự: “Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?”. Công việc và anh gắn bó với nhau mật thiết, anh đã sống chung với công việc, tưởng như là đôi. Chính ý thức trách nhiệm, chính tình yêu quê hương đất nước đã làm nên niềm say mê, hào hứng, cái nhiệt tình sôi nổi thật đáng quý, đáng trân trọng ấy.

Không chỉ có được những suy nghĩ đúng đắn, sâu sắc về cuộc sống và công việc, trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người Việt Nam cũng có những tâm hồn cao đẹp. Vẻ đẹp ấy đã tạo nên âm vang mạnh mẽ cho *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long. Con người Sa Pa - họ luôn cởi mở, chân thành quý trọng tình bạn. Đó là mối chân tình của anh thanh niên và bác lái xe. Họ gặp nhau chỉ trong một chuyến xe thôi nhưng lại rất quý mến nhau, anh thanh niên đã đi tìm bằng được củ tam thất chỉ vì *bác chẳng bảo bác gái*

vừa mới ốm dậy là gì?. Củ tam thất khó tìm, phải đào sâu dưới đất vậy mà chàng trai trẻ vẫn cố tìm mọi cách tìm cho bằng được. Anh quan tâm đến mọi người một cách thực lòng, tốt bụng. Bác lái xe thì trao tận tay anh thanh niên cuốn sách, bác đã giữ trọn lời hứa với anh và còn giới thiệu anh với ông họa sĩ và cô kĩ sư với một niềm hăm hở và một câu nói đầy ẩn tượng: *Con người cô độc nhất thế gian*. Họ không quen mà trở thành những con người thân thiết của nhau, đó là một mối ân tình thật hiếm thấy trong cuộc sống, là một nét đẹp đặc biệt của con người sau Cách mạng tháng Tám. Đó không chỉ là mối quan hệ tốt đẹp của hai con người mà tâm hồn cao đẹp ấy đã thực sự toả sáng qua nhân vật anh thanh niên. Anh đã luống cuống, hấp tấp khi có hai vị khách lạ đến thăm mặc dù căn nhà nhỏ vẫn luôn ngăn nắp, anh còn pha trà, cắt hoa tặng cho cô kĩ sư. Anh đã tâm sự những điều không nên tâm sự: *Cô là cô gái thứ nhất đến từ Hà Nội*. Cô kĩ sư đã dành cho anh những tình cảm còn ông họa sĩ hứa sẽ quay trở về. Ông đã dành cho chàng trai trẻ tuổi ấy những tình cảm chân thành nhất, đó là sự cảm phục sâu sắc. Ông cảm thấy *nhọc quá* khi tiếp xúc với anh vì quá hạnh phúc, vì tìm thấy ở anh nhiều điều đáng quý. Tuổi đã cao, mái tóc đã điểm sương nhưng cuộc đời người nghệ sĩ già này vẫn dành hết cho nghệ thuật. Ông họa sĩ vẫn mong ước tìm thấy ở Sa Pa một ý tưởng sáng tạo, tâm hồn ông quả là rất nghệ thuật!

Tâm hồn của người chiến sĩ Trường Sơn năm xưa cũng đáng để những con người hôm nay khai phá và tìm tòi. Cuộc sống gắn liền với bom đạn ác liệt song không hề làm mất đi ở họ những nét đẹp đáng quý cũng như một tâm hồn cao đẹp. Họ mang trong mình sự lạc quan, tếu táo, họ dùng cảm mà vẫn lãng mạn biết bao:

Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi

Sự khốc liệt của chiến tranh đã tàn phá mọi thứ và những chiếc xe không kính đã trở thành một điều bình thường, là cơ hội để người chiến sĩ lái xe trao cho nhau một tình cảm thiêng liêng và cao đẹp – tình đồng đội. Họ không hề chùn bước trước hiểm nguy và càng không hề xa rời nhau trong chiến đấu và cả sau trận chiến. Họ *bắt tay nhau qua cửa kính vỡ* - cái bắt tay không sợ hiểm nguy, cái bắt tay rất tếu táo, đáng yêu. Tâm hồn của các anh thật trẻ trung làm sao, tươi sáng làm sao, trái ngược với cuộc sống chiến tranh đáng sợ. Họ đã thoát mình ra khỏi những gay gắt của những trận chiến để hướng tới những giá trị cao đẹp của cuộc sống. Hành động bắt tay qua cửa kính vỡ chứa đầy khí phách của những chàng trai đất Việt có một tâm hồn ngang tàng, tếu táo, đã thể hiện sâu đậm mối tình quân ngũ. Hai tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật và *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long đã thể hiện được những vẻ đẹp tâm hồn cao đẹp của con người Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám.

Con người Việt Nam qua bài thơ *Ánh trăng* có những vẻ đẹp đặc trưng riêng. Họ là những con người rời chiến trường trở về với cuộc sống đời thường. Lương tâm chân chính có lúc bị mai một, lãng quên quá khứ, lãng quên những năm tháng gian lao khó nhọc của đời lính, quên đi những kỉ niệm đẹp đẽ, sâu sắc tình nghĩa, quên đi tình đồng bào, tình đồng đội, trở thành một con người vô tình, bội bạc. Thế nhưng khi thức tỉnh, không có gì át được sự day dứt lương tâm và điều đó đã đến giữa thành phố hoà bình, trong một đêm mất điện, người lính bất ngờ gặp lại vầng trăng xưa, vầng trăng của một thời ân tình ân nghĩa. Cái thời mà vầng trăng đã từng gắn bó với anh từ những năm tháng tuổi thơ đến lúc ở rừng và vầng trăng ấy đã một thời anh lãng quên. Trong giây phút bất ngờ, gặp lại vầng trăng, người lính và trăng *ngửa mặt lên nhìn mặt*. Giây phút ấy ngấn ngùi nhưng đã giúp anh nhận ra bao điều mà anh đã vô tình lãng quên, đã làm anh thức tỉnh tâm can. Cũng từ giây phút ấy lương tâm cắn rứt, dày vò, anh tự phán xét mình. Trước ánh trăng im phăng phắc đã làm anh phải giật mình, nhìn lại mình, nhìn lại quá khứ đã qua. Đó chính là sự tự vấn lương tâm, một cuộc đấu tranh với chính lòng mình, đấu tranh với cái xấu, cái tội tệ, cái bội bạc để hoàn thiện chính mình. Và đó cũng là vẻ đẹp trong ý thức của con người Việt Nam trong thời đại mới: biết nhìn lại chính mình, thức tỉnh lương tâm, sau những lỗi lầm, vấp vã, biết hướng mình tới cái Chân - Thiện - Mĩ.

Hình ảnh con người trong ba tác phẩm là hình ảnh của những con người mới Việt Nam nhiệt tình, hăng say xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Họ là đội ngũ những con người lao động đã và đang ươm mầm xanh cho Tổ quốc, kế tục, phát huy sự nghiệp của cha ông. Họ là những con người đáng để mỗi chúng ta học tập, noi gương.

Bài số 38

Vinh quang có khi không làm nên anh hùng. Nhưng có những tượng đài xây nên bằng túi nhục, đắng cay. Một thời kì lịch sử đã đi qua đau thương và anh dũng. Còn lại với hôm nay không phải là thành quách lâu đài, còn lại với hôm nay là những con người Việt Nam với những phẩm chất đáng quý, đáng trân trọng. Các tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật, *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, *Ánh trăng* của Nguyễn Duy đã phần nào thể hiện được điều đó.

Họ - những con người Việt Nam mới ấy thật đáng quý. Họ biết vượt lên trên khó khăn gian khổ, vượt qua gian lao, những phẩm chất đáng quý ở họ luôn ngời sáng.

Cuộc kháng chiến chống Mĩ đã diễn ra vô cùng ác liệt. Máy bay giặc Mĩ trút hàng nghìn, hàng vạn tấn bom đạn và chất hóa học xuống con đường chiến lược Hồ Chí Minh. Để vượt qua bom đạn bằng bằng tiến ra tiền tuyến thì cần một chiếc xe tốt, vậy mà trong mưa bom bão đạn, phải

vượt đèo cao dốc thẳm với một chiếc xe không kính, những người lính trẻ ấy đã bất chấp hiểm nguy, lái những chiếc xe “không kính” lội suối, băng sông, chạy trong mưa gió, đêm tối mịt mùng để chở hàng, tiếp viện cho chiến trường miền Nam.

*Ung dung buồng lái ta ngồi,
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.
Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim
Như sa như ùa vào buồng lái*

Không có kính chắn, xe lại chạy nhanh nên các anh phải đối mặt với những khắc nghiệt của thiên nhiên, “gió vào xoa mắt đắng...” không có kính thì mưa ướt áo, ướt áo thì chạy xe trăm cây số áo sẽ khô... Thật gian khổ vô cùng, không có kính “mưa tuôn”, “mưa xối” vào buồng lái như ngoài trời, xe chạy càng nhanh thì hạt mưa sẽ càng mạnh như ngọn roi quất, vào người vào mặt các anh. Trước những thử thách ấy, các anh – những người lính vẫn không hề nao núng mà dường như trong gian khổ luôn có tiếng cười vui vẻ, cái lạc quan phớt đời, cái tếu táo của các anh. Dù xe có “thiếu thốn” không có kính, không có mui xe, thùng xe có xước... nhưng họ vẫn lái xe băng băng ra trận. Có lẽ chỉ có những chàng trai tuổi trẻ đầy nhiệt huyết, ngạo nghễ ngang tàng kia mới đủ sức lái những chiếc xe không kính ấy để thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng, cao cả này. Những chiếc xe tưởng như không thể sử dụng, những khó khăn tưởng chừng không thể vượt qua vậy mà những chiếc xe vẫn tiến lên phía trước bởi có những anh lính lái xe rất “phớt đời”.

Trong gian lao vất vả, các anh - những người lính trẻ phải đối đầu với cái “không có” thiếu thốn.

*Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già*

*...
Không có kính, rồi xe không có đèn,
Không có mui xe, thùng xe có xước,*

Nhưng:

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:
Chỉ cần trong xe có một trái tim*

(Bài thơ về tiểu đội xe không kính)

Đến câu thơ này, ta đã hiểu vì sao những người lính lái xe có thể vượt qua bao gian khổ, hiểm nguy tiến về phía trước mặc dù chỉ có chiếc xe “không có đủ thứ”. Đó là bởi vì họ có một trái tim đầy nhiệt huyết đang hòa chung nhịp đập với nhân dân miền Nam thân yêu, ruột thịt. Nhà thơ đã nêu ra bao cái “không có” để khẳng định một cái “có” thật thiêng liêng và cao quý biết bao!

Người lính trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* rất ý thức được công việc và trách nhiệm của mình, thế còn con người trong *Lặng lẽ Sa Pa* thì sao?

Một anh thanh niên dấn rời mảnh đất phồn hoa nơi đô hội để lên Sa Pa - một thế giới luôn chìm trong sương mù, lạnh lẽo, vắng lặng để công tác. Công việc của anh là "đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất". Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao. Anh ý thức được trách nhiệm công việc của mình. Anh yêu nghề và anh thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng của mình. Anh có những suy nghĩ thật đẹp, thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: "Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người ai mà chả "thèm" hờ bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?". Dù một mình, nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không thấy cô đơn nữa.

Những con người Việt Nam ấy không chỉ hăng say, tận tâm tận lực với công việc, với nhiệm vụ được giao mà còn có một tâm hồn cao đẹp.

Anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa* mới thật cởi mở chân thành làm sao. Anh rất quý trọng tình cảm của mọi người, anh khao khát được gặp gỡ trò chuyện cùng mọi người, quan tâm chân thành và chu đáo với mọi người. Anh nhớ chuyện vợ bác lái xe ốm nên đào củ tam thất làm quà. Anh vui mừng đến luống cuống, hấp tấp, cùng thái độ ân cần chu đáo, tiếp đãi những người khách lạ đến bất ngờ. Anh chân thành bộc lộ niềm vui mừng của mình một cách hồn nhiên, thành thật đến cảm động, anh nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ: "Tôi cắt thêm mấy cành nữa. Rồi cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tùy ý. Cô cứ cắt một bó thật to vào. Có thể cắt hết, nếu cô thích. Tôi không biết thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà tôi từ Tết. Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay". Anh còn là người khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé, khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung anh nhưng anh từ chối và nhiệt tình giới thiệu người khác mà anh cảm phục. Những con người như anh sống giữa non xanh lặng lẽ nhưng họ chẳng lặng lẽ chút nào! Trái lại, cuộc đời của họ vô cùng sôi nổi, đầy tâm huyết và giàu nhiệt tình cách mạng. Đúng như Bác nói: "Đất nước ta là vườn hoa đẹp. Mỗi người là một bông hoa đẹp". Nơi non xanh ấy có chàng thanh niên trẻ là tấm gương sáng, là một bông hoa ngát hương. Anh chính là hình ảnh của những con người mới đã sống đẹp, giàu tình nhân ái, hết lòng

phục vụ đất nước và nhân dân. Anh chính là bông hoa khoe sắc giữa non xanh
lặng lẽ hoang vu này.

Cũng giống như anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa*, những người lính
trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* cũng có một tâm hồn đẹp, một tâm
hồn lạc quan yêu đời. Những chàng trai ngạo nghễ ngang tàng bất chấp khó
khăn, với những chiếc xe không kính, các anh vẫn tiến lên phía trước:

*Không có kính, ừ thì có bụi,
Bụi phun tóc trắng như người già
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*

Chàng lính trẻ thật hào hùng, thật tếu táo! Với những chiếc xe không
kính, các anh phải gặp biết bao khó khăn nhưng lạ thay sự trở ngại đó lại là
niềm hứng thụ một cách khoái cảm như "nhìn đất, nhìn trời...". Không có
kính, các anh lại được "nhìn đất, nhìn trời", "nhìn thẳng", cái nhìn của người
lính đầy dũng khí, ngạo mạn về con đường hun hút "chạy thẳng vào tim".
Ngồi trong buồng lái, xe không có kính sẽ có biết bao sự tưởng tượng kì lạ: có
thể "đột ngột cánh chim lao vào, sa vào, ùa vào... Người lái xe bụi bặm đầy
người, mặt mũi nhom nhem, phì phèo điếu thuốc, nhìn họ thật ngộ nghĩnh
làm sao khi toét miệng cười thật to "ha ha"... Tiếng cười như lời thách thức,
ngạo nghễ. Với những chiếc xe không kính, người chiến sĩ phải đương đầu với
bao trở ngại trên bước đường đi tới là bụi đường, là mưa... Trong gian lao vất
vả các anh vẫn lạc quan yêu đời, vẫn tin vào ngày mai tươi sáng, tin vào ngày
mai đất nước độc lập, tự do. www.sachgiai.com

Vừa mang phẩm chất truyền thống vừa mang nét thời đại mới, người
lính trong *Ánh trăng* đã về với thời bình, sống cuộc sống đầy đủ tiện nghi.
Rời khỏi chiến trường, về với cuộc sống thường nhật, lương tâm chân chính
của người lính đã bị mai một, sự thay đổi của lòng người thật đáng sợ. Hoàn
cảnh sống thay đổi, con người dễ thay đổi, có lúc dễ trở nên vô tình, có kẻ
dễ trở thành "ăn ở bạc". Từ ở rừng, sau chiến tranh về thành phố, được
trưng diện và xài sang, ở buyn-dinh, cao ốc, quen ánh điện, cửa gương...
người lính đã quên trăng, quên quá khứ ác liệt nhưng cao đẹp tình người,
quên đi những kỉ niệm sâu sắc nghĩa tình, quên đồng bào, đồng chí.

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện, cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường.*

Trăng từng được coi là "tri kỉ" nay lại trở thành "người dưng". Chưa
xót làm sao! Vầng trăng cứ lặng lẽ "qua đường" chẳng còn ai hay, chẳng
còn ai nhớ đến, người lính đã quên trăng thật rồi, quên những ngày tháng
gian khổ, quên đi tình cảm chân thành gắn bó khi xưa. Một sự lãng quên
phũ phàng, đáng trách. Người có lương tâm, lương tri mới biết sám hối.
Biết sám hối để hoàn thiện nhân cách, tự vươn lên, hướng tâm hồn về ánh

sáng và cái cao cả. Cũng như dòng sông có thác ghềnh, có quanh co, uốn khúc, cuộc đời cũng có nhiều biến động thăng trầm. Giữa thành phố trong đêm hòa bình mất điện, người lính bất ngờ gặp ánh trăng xưa một thời ân nghĩa ân tình:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn*

Đó chỉ là một phản xạ tự nhiên khi mất điện nhưng người lính đã bất ngờ gặp ánh trăng xưa. Trăng xưa vẫn tròn, vẫn đẹp, vẫn thủy chung với người bạn cũ. Tình cảm trăng dành cho người chân thành biết nhường nào. Trăng chỉ biết yêu, biết thương hết mình, không hề đòi hỏi, tính toán điều gì cả. Con người đã quay lưng lại với quá khứ nhưng trăng đã đến đánh thức tâm hồn họ:

*Ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng
như là đồng là bể
như là sông là rừng*

Ánh trăng đánh thức lại những kỉ niệm một thời, đánh thức lại tình bạn năm xưa, đánh thức lại những gì con người đã vô tình hay hữu ý mà lãng quên đi. Trăng đến trong sự ngỡ ngàng của người lính. Trăng và người, người và trăng "mặt đối mặt" trong cuộc đối diện đàm tâm hay chính con người đang đối diện với chính lương tâm. Cái khoảnh khắc "ngửa mặt lên nhìn mặt" là cái nhìn khắc khoải, bồn chồn. Đây là sự đối diện giữa thủy chung với bội bạc, giữa sâu sắc và nhạt nhòa, giữa lòng vị tha và thói ích kỉ. Đó cũng là sự đối diện giữa quá khứ và hiện tại, giữa cao thượng và thấp hèn. Tình nghĩa của trăng khiến người lính xúc động, bồi hồi đến "rưng rưng". Sự xuất hiện của trăng đã khiến anh giật mình nhìn lại chính mình. Đó cũng chính là sự tự vấn lương tâm, một cuộc đấu tranh với chính lòng mình, đấu tranh với cái xấu, cái tội tệ của lòng mình. Đó chính là vẻ đẹp của con người biết thức tỉnh lương tâm, biết nhìn nhận những giá trị bình dị đích thực của cuộc sống, biết nâng niu trân trọng quá khứ. Đó cũng chính là vẻ đẹp của con người hay của người lính đã đi qua chiến tranh với thời bình, biết thức tỉnh lương tâm sau những lần vấp ngã, biết hướng mình tới cái Chân - Thiện - Mĩ.

Nhìn những chặng đường lịch sử đã đi qua, đọc lại ba tác phẩm viết về con người Việt Nam sau Cách mạng trong ta bỗng dấy lên niềm xúc động lẫn tự hào. Vẻ đẹp của những con người Việt Nam mới ấy mãi mãi bất tử với thời gian. Dù lớp bụi thời gian có phủ đầy trang giấy và những đổi mới của cuộc sống làm biến chuyển đi tất cả nhưng những phẩm chất tốt đẹp của những con người Việt Nam ấy vẫn sống mãi trong lòng mọi người với một cảm xúc trào dâng mạnh mẽ.

Bài số 39

"Hãy cùng nắm tay đưa non sông Việt Nam đi lên. Hãy cùng sát vai đưa Việt Nam qua cơn bão tố". Câu hát thể hiện tình yêu quê hương đất nước của những con người luôn mang trong mình dòng máu yêu nước, ý chí chiến đấu và bảo vệ đất nước. Vẻ đẹp của họ được khắc họa rất nhiều trong Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, vừa giàu phẩm chất truyền thống vừa đậm nét thời đại. Nhưng tiêu biểu nhất vẫn là *Bài thơ tiểu đội xe không kính* (Phạm Tiến Duật), *Lặng lẽ Sa Pa* (Nguyễn Thành Long), *Ánh trăng* (Nguyễn Duy).

Văn học là phản ánh cuộc sống muôn màu muôn vẻ, có khi là hình ảnh quê hương đất nước, có khi là hình ảnh con người Việt Nam với những tình cảm công dân cao cả, lòng yêu nước, chí căm thù, tình đồng bào, đồng chí, người lao động trong công cuộc đổi mới đất nước. Văn học hiện đại từ sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 đã sáng tạo hình ảnh con người Việt Nam vừa giàu phẩm chất truyền thống, vừa đậm nét thời đại. Mọi cảm xúc của họ đều thể hiện ở tinh thần yêu nước và lòng nhân đạo cao cả. Họ biết gắn tình yêu nước với lí tưởng cách mạng, với công cuộc xây dựng, đưa đất nước tiến lên xã hội chủ nghĩa.

Con người Việt Nam có những phẩm chất và tính cách rất đáng quý. Họ biết vượt lên trên khó khăn gian khổ và hiểm nguy. Những chiến sĩ lái xe Trường Sơn trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* là những chàng lính trẻ rời ghế nhà trường vào cuộc chiến đấu bảo vệ đất nước. Họ là những chiến sĩ lái xe, sự cần thiết nhất đối với họ là một chiếc xe hoàn chỉnh, vậy mà:

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giạt bom rung kính vỡ mất rồi...

Không có kính rồi xe không có đèn

Không có mui xe thùng xe có nước

Chính bom đạn kẻ thù đã cướp đi của chiếc xe tất cả, biến chiếc xe trở nên trần trụi đến kì lạ: không kính, không đèn, không mui, thùng xe không còn nguyên vẹn. Nó như những chặng đường khắp khuỷu, gập ghềnh đầy chông gai, thử thách. Thử hỏi một chiếc xe mà không có kính thì sẽ nguy hiểm như thế nào? Họ phải đối mặt trực tiếp với thần chết, với những nguy hiểm rình rập có thể cướp đi sinh mạng của họ bất cứ lúc nào. Nhưng những người lính vẫn không sợ, họ vẫn cầm lái, vẫn cùng với chiếc xe của mình vượt qua mọi thử thách "vì miền Nam phía trước", vì tiếng vẫy gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Dường như giờ đây không phải tay họ cầm lái nữa mà là trái tim họ đang cầm lái. Trái tim ấy đang thôi thúc họ phải đi nhanh hơn nữa.

Còn anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa* sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao hai nghìn sáu trăm mét, quanh năm suốt tháng sống giữa "bốn bề chỉ cỏ cây và mây mù lạnh lẽo". Cái yên ắng, yên lặng đến phát sợ khiến người ta thoái thác nhiệm vụ, rời bỏ vị trí nhưng theo tiếng gọi nghề

nghiệp và tình yêu cuộc sống anh đã tự nguyện gắn bó với công việc "làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu". Công việc của anh đòi hỏi sự chính xác cao độ và có tinh thần trách nhiệm cao. Công việc ấy thật gian khổ, cả ngày nắng cũng như ngày mưa hay lúc giá rét lạnh buốt xương, anh vẫn phải lên ốp đúng giờ, ghi chép đầy đủ chính xác để gửi về trung tâm ở dưới xuôi. "Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ kêu chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực mình ra là ào ào xô tới". Nhưng vì lòng yêu nghề và tận tụy với công việc nên anh đã vượt qua tất cả để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Họ còn có những cách suy nghĩ thật đúng đắn, sâu sắc về công việc và cuộc sống. Những người lính lái xe dù phải điều khiển những chiếc xe không kính nhưng họ "chỉ cần trong xe có một trái tim" yêu nước, một trái tim gan góc kiên cường, một trái tim đầy nhiệt huyết, lạc quan, yêu đời. Trái tim ấy luôn nhắc nhở người lính chỉ cần có sức mạnh kiên định. Chiến thắng không phải chỉ ở vũ khí tối tân mà còn nhờ con người lạc quan và có tinh thần can trường. Họ không có tất cả những gì cần thiết cho một người lính lái xe nhưng họ lại có nhiều hơn thế, đó là tình yêu đất nước, tình yêu dành cho đồng bào miền Nam.

Anh thanh niên hai mươi bảy tuổi, say mê lao động từ già cuộc sống đô thị, nơi xa hoa lộng lẫy, tình nguyện trở về quê hương - mảnh đất Sa Pa, lên đỉnh Yên Sơn giá lạnh làm việc. Anh yêu công việc của mình và thấy tự hào về nó. Anh ý thức được công việc của mình rất rành rọt, dứt khoát: "Mình sinh ra là gì, mình ở đâu, mình vì ai mà làm việc?". Dòng suy nghĩ của anh thật giản dị, thật đúng đắn. Công việc của anh đầy gian khổ nhưng vẫn chưa đáng sợ bằng các gian khổ của hoàn cảnh sống. Đó là sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên độ cao không một bóng người, tưởng chừng như anh là "người cô độc nhất thế gian", anh "thèm người lắm". Nhưng nghe câu nói của anh chúng ta đều bất ngờ và thán phục: "khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với bao anh em đồng chí dưới kia". Phải là con người hăng say lao động, say mê với công việc thì anh mới có thể coi nó là người bạn gắn bó. Dường như anh và công việc gắn bó khăng khít hòa làm một. Anh quên đi cái cảm giác là người cô độc nhất thế gian, thật sự anh không cô đơn bởi anh lúc nào cũng có công việc làm bạn. Nếu như xa nó anh "buồn chết mất". Chính nhờ vào dòng suy nghĩ đúng đắn của anh đã giúp không quân ta bắn hạ được nhiều phản lực Mi trên cầu Hàm Rồng, giúp cho cầu không bị sập. Nhờ có anh dự báo thời tiết hàng ngày mà nhân dân mới có thể yên tâm sản xuất và chiến đấu. Chính ý thức trách nhiệm, chính tình yêu quê hương đất nước đã làm nên niềm say mê hào hứng nhiệt tình sôi nổi thật đáng quý, đáng trân trọng ấy.

Trong bất cứ hoàn cảnh nào, dù phải chịu những khó khăn gian khổ và nguy hiểm đến đâu thì ở họ đều toát lên một tâm hồn cao đẹp. Họ luôn cởi mở, chân thành quý trọng tình bạn. Trong *Lặng lẽ Sa Pa*, anh thanh niên khi mới lên nhận công việc, đã rất buồn khi phải sống một mình, anh đã chặt một cái cây đổ ra đường chặn xe của bác lái xe lại để mong được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người. Và từ đó, anh trở thành người bạn thân thiết của bác lái xe. Anh nhớ cả chuyện vợ bác lái xe vừa ốm dậy nên dào dạt tam thất gửi bác gái ngâm rượu uống. Anh hồn nhiên bộc lộ sự vui mừng đến luống cuống khi có những người khách lạ đến thăm. Anh chân thành bộc lộ niềm vui của mình một cách tự nhiên, thành thật. Anh chạy về nhà mình cắt một bó hoa thật to để tặng cô kĩ sư rồi bảo: "Cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tùy ý. Cô cứ cắt một bó rô to vào. Có thể cắt hết, nếu cô thích". Anh nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ: "Tôi không biết kĩ niệm thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai lên thăm nhà tôi từ Tết. Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay". Anh pha trà mời cô kĩ sư và ông họa sĩ thưởng thức và trò chuyện thật chân tình. Lúc chia tay, anh còn tặng khách một làn trứng để khách ăn trưa. Còn cô kĩ sư trẻ khi được nghe những điều mà anh thanh niên kể về công việc, về cuộc sống khiến cô cảm nhận được sự kì diệu của cuộc sống, của con đường mà cô đang bước tới. Và khi sắp chia tay, cô đã để lại chiếc khăn của mình vào cuốn sách mà anh thanh niên đang đọc dở, cô muốn kỉ niệm cho cuộc gặp gỡ này. Hay ông họa sĩ khi đã sắp về nghỉ hưu, ông muốn tìm cho mình một tác phẩm để đời. Cuộc gặp gỡ với anh thanh niên đã khơi gợi cảm hứng sáng tạo và ông đã phác họa chân dung anh. Ông hứa với anh là sẽ quay trở lại để được thưởng thức cái cuộc sống giá rét của một giờ đêm, kể cho anh nghe những chuyện ở dưới xuôi.

Tâm hồn cao đẹp của họ không chỉ toát lên ở sự cởi mở, chân thành quý trọng tình bạn mà còn toát lên ở lòng dũng cảm, lạc quan, yêu đời. Những người lính lái xe trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* điều khiển những chiếc xe không kính luôn phải đối mặt trực tiếp với khó khăn, gian khổ, nguy hiểm vậy mà họ vẫn có thể "ung dung buồng lái ta ngồi - nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng". Dù họ phải đối mặt trực tiếp với những khắc nghiệt của thiên nhiên "bụi - mưa". Nhưng họ vẫn lạc quan, yêu đời "chưa cần rửa - chưa cần thay" vẫn cười đùa vui vẻ. Ta nghe như trong giọng điệu của họ ẩn chứa sự tếu táo, hồn nhiên, sôi nổi của những con người trẻ tuổi bước vào chiến trường. Trên xe, lúc gặp nhau không cần phải mở cửa xe, các anh vẫn động viên, chào hỏi nhau trong cảnh ngộ độc đáo "Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi". Cái bắt tay là sự chào hỏi nhau, bù đắp tinh thần cho sự thiếu thốn về vật chất, trao cho nhau niềm tin, chúc cho nhau bình an. Họ coi nhau như anh em ruột thịt, họ nhường nhịn nhau từng miếng cơm, từng chiếc bát, đôi dưa. Còn anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa* tuy công việc của anh đầy gian truân nhưng anh không buồn, không chán nản. Anh tạo dựng cho mình một cuộc sống riêng, một cuộc sống đầy ý nghĩa. Cuộc sống của anh thật giản dị, gọn gàng và sạch sẽ. Tất cả chỉ thu gọn trong một gian nhà với

chiếc giường con, một chiếc bàn học và một giá sách. Anh vẫn ham học tập, đọc sách để lấy đó làm nguồn vui và nâng cao sự hiểu biết, nâng cao chuyên môn. Anh còn trồng hoa, trồng cây thuốc, nuôi gà... tất cả là để làm đẹp thêm cho cuộc sống. Giữa một nơi lạnh lẽo heo hút quanh năm mây mù như Sa Pa, vậy mà lại có thể bắt gặp một vườn hoa với bao nhiêu là hoa đơn, thược dược... đầy màu sắc. Đó không chỉ là loài hoa của thiên nhiên, đó còn là cái gì tốt đẹp nhất của cuộc đời, đó chính là tâm hồn anh. Đường như tất cả đã làm cho cuộc sống của anh trở nên muôn màu muôn vẻ, đẹp đẽ và ấm áp biết bao. Anh đã biết được ý nghĩa của cuộc sống, của con đường mà anh đã chọn.

Khi chiến tranh kết thúc, người lính trong *Ánh trăng* rời chiến trường trở về với cuộc sống đời thường, lương tâm chân chính có lúc bị mai một, lãng quên quá khứ, lãng quên những năm tháng gian lao khó nhọc của đời lính, quên những kỉ niệm đẹp đẽ sâu sắc nghĩa tình, quên đi tình đồng bào, tình đồng đội, và đã trở thành con người vô tình, bội bạc. Thế nhưng khi thức tỉnh thì không gì át được sự day dứt lương tâm. Và điều đó chỉ kịp đến với người lính khi:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om*

Khi đang được sống giữa một khung cảnh sáng choang ánh đèn, bỗng dưng ánh sáng ấy bị mất làm con người phải đi tìm một nguồn sáng mới. Người lính đã bất ngờ gặp lại vầng trăng xưa "đột ngột vầng trăng tròn". Vầng trăng một thời ân tình ân nghĩa, vầng trăng đã từng gắn bó với anh từ những năm tháng ấu thơ cho tới lúc đi kháng chiến ở rừng và cũng vầng trăng ấy đã có một thời anh lãng quên.

*ngửa mặt lên nhìn mặt
có cái gì rưng rưng*

"Rưng rưng" diễn tả nỗi xúc động không nói được bằng lời mà bằng sự trào dâng trong tâm hồn. Một tình cảm tưởng chừng như nén lại nhưng nó cứ trào ra đến thốn thức, đến xót xa. Ánh trăng đánh thức lại những kỉ niệm quá khứ, đánh thức tình bạn năm xưa. Trong giây phút bất ngờ gặp lại vầng trăng, người lính và trăng "ngửa mặt lên nhìn mặt". Cái khoảnh khắc ấy là sự đối đầu giữa thủy chung và bội bạc, giữa sâu sắc và nhạt nhòa, giữa lòng vị tha và thói ích kỉ. Đó cũng là sự đối diện giữa quá khứ và hiện tại, giữa cao thượng và thấp hèn. Giây phút ấy đã khiến anh thức tỉnh lương tâm. Bao kỉ niệm ứa về, tâm hồn gắn bó, chan hòa với thiên nhiên, với đồng, với sông, với bể, với rừng và với cả vầng trăng xưa. Anh đã từng quên nó, từng xem nó như "người đứng qua đường" nhưng còn trăng vẫn cứ "tròn vành vạnh - Kể chi người vô tình". Mặc cho con người vô tình, không một lời nói nào cả nhưng trăng vẫn khoan dung, tha thứ cho người bạn đã lạnh lùng với mình. "Kể chi" thể hiện sự độ lượng, bao dung không cần quan tâm đến người bạn đã "vô tình" với mình. Nhưng cũng từ giây phút ấy lương tâm anh

cẩn rút, dày vò. Anh đã tự phán xét mình trước "ánh trăng im phăng phắc". Trăng không trách móc, oán hờn nhưng "ánh trăng im phăng phắc" lại là sự trừng phạt nặng nề nhất. Cách cư xử cao thượng của trăng khiến anh phải "giật mình" nhìn lại chính mình để nhận ra mình đã lãng quên đi một phần quan trọng của cuộc đời. Đó chính là sự tự vấn lương tâm, một cuộc đấu tranh với chính mình, đấu tranh với cái xấu, cái bội bạc để hoàn thiện chính mình. Đó chính là vẻ đẹp của con người Việt Nam thời hiện đại. Họ biết thức tỉnh lương tâm sau những lỗi lầm, những vấp ngã, biết hướng mình tới cái Chân - Thiện - Mĩ.

Con người Việt Nam thời hiện đại luôn biết kế thừa và phát huy những phẩm chất truyền thống của cha ông ta từ bao đời xưa. Vì vậy mà hình ảnh con người Việt Nam trong văn học Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám năm 1945 vừa giàu phẩm chất truyền thống vừa đậm nét thời đại vẫn mãi mãi mang nhiều dư âm trong lòng người. Hình ảnh ấy sẽ ngời sáng cùng quê hương đất nước ngàn năm.

Đề bài: Suy nghĩ của em về tình cảm gia đình, tình cảm cha con trong chiến tranh qua truyện ngắn "Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng

Bài số 40

Có câu nói: "Những tình cảm đẹp sẽ là động lực mạnh mẽ trong tâm hồn mỗi người!". Vì lòng yêu cha, một cô bé nhỏ mới tám tuổi nhưng nhất quyết không nhận người khác làm cha, cho dù bị đánh. Vì lòng thương con, một người chiến sĩ dù ở sa trường vẫn luôn cặm cụi làm một chiếc lược để tặng đứa con gái bé bỏng. Có người nhận xét rằng: "Tình phụ tử không thể ấm áp và đẹp đẽ như tình mẫu tử". Song nếu đọc truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng, có thể bạn sẽ phải có cái nhìn khác mới mẻ và chân thực hơn. Câu chuyện khắc họa hình ảnh một nhân vật bé Thu đầy ấn tượng và tinh tế, hơn thế lại ca ngợi tình cha con thiêng liêng, vĩnh cửu dù trong chiến tranh.

Nguyễn Quang Sáng quê ở An Giang, ông hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ. *Chiếc lược ngà* là một tác phẩm tiêu biểu của ông. Bằng việc sáng tạo tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí, truyện đã thể hiện thật cảm động tình cha con sâu nặng và cao đẹp của cha con ông Sáu trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh.

Trong chiến tranh, con người phải chịu nhiều mất mát, thiệt thòi, hi sinh về tình cảm gia đình. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến khi con gái đầu lòng mới tròn một tuổi. Sau tám năm xa cách ông mới có dịp trở về thăm nhà, nhưng trở trêu thay, Thu không nhận ông là ba. Phút đầu gặp gỡ, Thu ngờ vực, lánh tránh, thậm chí còn sợ hãi bỏ chạy vì: "vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ". Trong những ngày ông Sáu ở

nhà, Thu cương quyết không nhận ông là cha mặc dù ông đã tìm mọi cách để gần gũi, vỗ về cô bé. Có những lúc, lâm vào thế bí, nó cũng chỉ nói trống không: “Vô ăn cơm!”, “Cơm sôi rồi, chắt nước giùm cái!”, “Cơm sôi rồi, nhào bây giờ!”... Trong bữa cơm, ông Sáu âu yếm gấp cho con miếng trứng cá to, không ngờ bé phản ứng một cách quyết liệt: “bất thần hất cái trứng cá, làm cơm vung tung toé cả mâm”. Bị ông Sáu đánh vào mông, Thu bỏ về nhà ngoại. Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của Thu không hoàn toàn đáng trách bởi em còn quá nhỏ để hiểu được sự éo le, khắc nghiệt trong hoàn cảnh xa cách của chiến tranh và những người lớn trong gia đình cũng chưa kịp chuẩn bị cho em đón nhận những khả năng bất thường đó. Em không nhận ông Sáu là cha vì ông có vết sẹo dài trên má không giống bức hình chụp chung với má mà em biết. Điều đó chứng tỏ tình cảm của Thu dành cho ba thật sâu sắc – em chỉ bộc lộ tình yêu sâu sắc của mình với ba khi biết chắc đó là ba.

Buổi sáng cuối cùng trước khi ông Sáu lên đường, thái độ của Thu đột ngột thay đổi. Trong đêm bỏ về nhà ngoại Thu đã được bà giải thích về vết sẹo. Bé hiểu ra, ân hận và hối tiếc vô cùng: “nghe bà kể nó nằm im, lăn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”. Phút chia tay “vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu, cái vẻ buồn trên gương mặt ngây thơ của con bé trông thật dễ thương”. Khi ông Sáu nhìn con để chào từ biệt, “đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”, tình cha con bị dồn nén bấy lâu chợt bùng lên mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt. Nó hét lên gọi ba “tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa”. Hành động của Thu cũng thay đổi “nó chạy thót lên và dang cả hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó”. “Nó hôn ba nó cùng khắp, hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết sẹo dài trên má của ba nó nữa”... Tất cả những hành động, thái độ đó của Thu đều bắt nguồn từ tình cảm dành cho người ba mà bé hằng kính yêu, tôn thờ và không ai có thể thay thế được. Tình cảm của Thu thật mạnh mẽ, sâu sắc và cũng dứt khoát, rạch ròi. Ở Thu có nét cứng cỏi đến ương ngạnh nhưng vẫn có nét ngây thơ, hồn nhiên của con trẻ. Bằng tâm hồn nhạy cảm, một trái tim nhân hậu và tấm lòng chan chứa yêu thương đối với trẻ em, Nguyễn Quang Sáng dường như đã cảm nhận đến tận cùng những biểu hiện tình cảm của nhân vật để miêu tả một cách sinh động và tinh tế.

Nhân vật chính thứ hai trong tác phẩm là nhân vật ông Sáu. Tình cảm của ông đối với con gái nhỏ được biểu hiện phần nào trong chuyến về thăm nhà. Khi xuống chưa kịp cập bến, trông thấy con ông đã vội vàng “nhảy lên bờ, khom người, hai tay đưa về phía trước, miệng lắp bắp run run: “Ba đây con! Ba đây con”. Những tưởng bé Thu sẽ ào tới, ôm lấy cổ ba cho thoả những tháng ngày xa cách. Nhưng không, anh hẫng hụt, bất ngờ khi thấy: “bé tròn mắt ngơ ngác nhìn rồi sợ hãi bỏ chạy”. Thời gian ở nhà không nhiều nên ông Sáu không đi đâu xa, suốt ngày chỉ tìm cách gần gũi, vỗ về con, mong con gọi một tiếng ba mà không được. Có lúc giận quá ông đã đánh con. Lúc chia tay tình yêu mãnh liệt của bé Thu khiến ông cảm động “một

tay ôm con, tay kia lấy khăn chấm nước mắt”. Cảm động và đau đớn hơn khi biết rằng đây là lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng anh được nghe tiếng ba thân thương từ cô con gái nhỏ, bởi vì sau đó, chẳng bao giờ anh có thể trở về được nữa! Trong những ngày ở khu căn cứ, anh ân hận vì đã trót đánh con. Nhớ lời con dặn, khi kiếm được một khúc gỗ anh vui mừng như trẻ nhỏ “mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà”. Những ngày sau đó bao nhiêu tình cảm yêu quý, nhớ thương con anh dồn cả vào việc làm cây lược. Anh cầm cưa “cưa từng răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc” để rồi khi chiếc lược hoàn thành, anh còn khắc lên đó dòng chữ nhỏ “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”... Những lúc nhớ con, anh mang cây lược ra mài lên tóc mình cho cây lược thêm óng mượt: “Cây lược gỗ ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh”. Có lẽ những lúc ấy anh mong có một lần về phép thăm nhà để anh tự tay mình cầm cây lược chải tóc cho con... Đau đớn thay chiến tranh khiến anh chẳng bao giờ có thể trở về bên con gái anh được nữa. Anh đã hi sinh trong một trận càn. Trước lúc hi sinh, “hình như chỉ có tình cha con là không thể chết”, anh cầm cây lược trao cho bạn với niềm mong mỏi không thể cất được thành lời! Từ lúc ấy, cây lược bằng gỗ đã trở thành kỉ vật, thành biểu tượng thiêng liêng của tình phụ tử. Những dòng cuối cùng của truyện khép lại trong nỗi buồn mênh mông mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc.

Chủ đề của truyện không mới lạ, nhưng tác giả thành công bởi đã khai thác tình cha con trong những tình huống éo le cảm động. Cách lựa chọn ngôi kể, tạo lập tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lí cùng với việc miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật tinh tế, sâu sắc đặc biệt là tâm lí trẻ thơ đã giúp văn bản có được vị trí riêng trong lòng độc giả.

Câu chuyện về chiếc lược bằng gỗ không chỉ nói lên tình cha con sâu nặng, thấm thiết mà còn gợi cho người đọc suy ngẫm và thấm thía những mất mát đau thương mà chiến tranh đã gây ra cho bao nhiêu gia đình. Qua truyện, em càng thêm trân trọng cuộc sống hoà bình mà chúng ta đang có hôm nay.

**Đề bài: Suy nghĩ về nhân vật ông Sáu
trong “Chiếc lược gỗ” của Nguyễn Quang Sáng**

Bài số 41

Như ta đã biết, ông Sáu là một trong hai nhân vật chính trong tác phẩm *Chiếc lược gỗ* của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Ông cũng như bao người dân bình thường khác sống trong thời kì lúc bấy giờ: gia đình li tán bởi chiến tranh. Nhưng ở ông vẫn toát lên lòng yêu nước; lòng yêu thương vợ con, gia đình. Có lẽ bởi vậy mà ông Sáu đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng tốt đẹp và tình cảm sâu sắc. Như đã nói trên, ông Sáu là

một trong hai nhân vật chính của tác phẩm. Nhân vật này được tác giả xây dựng một cách khá công phu để qua đó thể hiện chủ đề của tác phẩm: những đau thương và tình người trong chiến tranh.

Ông Sáu đã trải qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ, đó là những ngày tháng không thể nào quên của ông Sáu cũng như của toàn nhân dân Việt Nam. Vì lòng yêu nước và vì độc lập dân tộc mà ông Sáu đã ra đi để lại người vợ trẻ và đứa con nhỏ còn chưa biết gọi ba. Trong ông luôn thường trực nỗi nhớ nhà, nhớ con da diết. Với ba ngày phép, ông đã hi vọng được nghe tiếng ba từ đứa con gái bé bỏng của mình. Nhưng ông lại không đạt được mong ước nhỏ nhoi ấy. Tình cha con của ông với bé Thu bị chia cắt. Tại sao ư? Đó là bởi vết sẹo dài trên mặt ông, hậu quả mà chiến tranh đã để lại. Nỗi khát khao tình cha con của ông không được trọn vẹn. Đó phải chăng là một tội ác nữa của chiến tranh: chia cắt tình cảm cha con. Và rồi đến khi bé Thu chịu nhận cha, ông lại phải lên đường ngay. Lí do ở đây lại là chiến tranh. Chiến tranh, chiến tranh, chiến tranh... Sao cuộc đời và số phận của ông Sáu lại đều do chiến tranh chi phối như vậy? Thật quá phi nghĩa. Chiến tranh - nó chỉ mang lại cho con người đau khổ mà thôi. Mà đâu chỉ ông Sáu mới phải chịu sự chi phối của chiến tranh, cuộc đời ông còn giống với rất rất nhiều những người dân Việt Nam khác nữa. Điều đó làm cho ta cảm thấy đau xót thay cho những cảnh đời bất hạnh trong chiến tranh và căm giận sự phi nghĩa, sự phi nhân tính của chiến tranh.

Có lẽ bởi vì cuộc đời và số phận bị chi phối bởi chiến tranh mà trong ông Sáu là một tình yêu nước tha thiết. Ông đã gạt bỏ tình riêng của mình để lên đường cứu quốc. Biết bao người cha bỏ lại đứa con nhỏ của mình để lên đường tìm lại độc lập tự do dân tộc! Xót xa hơn khi vừa mới được nghe đứa con yêu dấu cất tiếng gọi “ba” thì ba đã phải lên đường ra mặt trận. Chính trong cảnh ngộ ấy, tình yêu nước trong ông Sáu được bộc lộ rõ nét. Điều đó đã làm cho người đọc cảm thấy khâm phục ông vì ông đã quên đi cái tình riêng để cống hiến cho cái lớn lao hơn, cho tình yêu chung của cả dân tộc.

Trong truyện ngắn này, tác giả tập trung khắc họa nhân vật ông Sáu ở khía cạnh người cha với tình yêu con vô bờ và niềm khát khao mãnh liệt được về gặp con, được nghe con gọi một tiếng “ba”. Vì thế khi được nghỉ phép về thăm nhà, ông đã không thể chờ đến khi ghe cập bến mà đã nhảy phắt lên bờ gọi con. Bởi ông đã xa con gái, xa gia đình trong tám năm trời ròn rã. Tám năm là khoảng thời gian quá dài để kìm nén trong lòng một nỗi nhớ. Vì thế khi gặp lại con, ông “lấp bắp run run” nhưng bé Thu sợ hãi và chạy vào nhà khi vừa thấy ông. Chắc chắn rằng trong ông lúc đó là sự đau khổ đến tột cùng bởi bé Thu đã không nhận ông là cha. Trong ba ngày phép ông đã cố gắng rất nhiều để được nghe một tiếng “ba” từ bé Thu. Nhưng những gì ông mong đợi dường như đều trở nên vô vọng. Bé Thu cũng

đầu, dứt khoát không chịu gọi ông là ba. Cho đến tận ngày ông đi, bé Thu vẫn cứ khép mình ở một góc nhà, không chịu tạm biệt ba. Khi ông tạm biệt bé Thu, điều bất ngờ đã xảy ra. Bé Thu đã thét lên tiếng “ba”, tiếng kêu như “xé cả sự im lặng, xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa”. Tiếng “ba” đã dồn nén từ tám năm nay. Ông Sáu lúc đó đã không thể kìm được những giọt nước mắt tuôn rơi, đó là giọt nước mắt hạnh phúc đã bị nỗi đau đè nặng lâu nay. Mọi người chứng kiến câu chuyện đều xúc động trước tình cảnh của hai cha con. Có lẽ sự xúc động ấy cũng truyền cả sang người đọc. Người đọc xúc động bởi vì cuối cùng ông Sáu cũng đã được nghe thấy tiếng ba mà ông hằng mong mỏi, xúc động vì tình phụ tử của hai cha con ông thật quá đẹp đẽ và thiêng liêng. Nhưng rồi đến lúc được con nhận ra, ông lại phải rời khỏi nhà trở lại mặt trận theo tiếng gọi của Tổ quốc. Ông đã hứa với Thu rằng sẽ làm cho cô bé một chiếc lược ngà. Ở ngoài chiến khu, ông yêu và nhớ con da diết. Ông ngồi làm chiếc lược cho con gái một cách đầy tỉ mỉ. Cái tỉ mỉ ấy có lẽ cũng giống với cái tình yêu thương da diết ông dành cho con. Rồi đến khi làm xong chiếc lược, cứ mỗi lần rảnh rỗi là ông lại lấy ra mà ngắm mà nghĩa cho thỏa nỗi lòng nhớ con da diết.

Người đọc chắc hẳn thấy cảm phục trước sự chịu đựng về tinh thần cũng như cố gắng vượt lên chính mình, vượt lên nỗi nhớ của bản thân trong con người ông Sáu. Cuối cùng, một điều mà ít ai để ý thấy ở ông Sáu. Đó là ông luôn vững lòng tin về chiến thắng của toàn dân tộc. Ông giao lại chiếc lược ngà cho bác Ba - người bạn đã cùng với ông về thăm nhà khi xưa - và mong bác Ba sẽ giao tận tay cho con gái mình chiếc lược ngà mà ông luôn giữ gìn cẩn thận. Ông Sáu chắc chắn rằng rồi một ngày đất nước sẽ hoàn toàn được độc lập và bác Ba sẽ gặp được bé Thu và chiếc lược ngà sẽ được giao cho đúng chủ nhân của nó. Vẻ đẹp con người ông Sáu làm bạn đọc thêm yêu mến con người ông và cảm thấy tiếc thương vô hạn cho một con người có tâm hồn đẹp đẽ như vậy không được hưởng hạnh phúc vì chiến tranh.

Sở dĩ nhân vật ông Sáu để lại những ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là do nghệ thuật xây dựng nhân vật tài tình của tác giả Nguyễn Quang Sáng. Những trạng thái tâm lí tinh vi, phức tạp của nhân vật đã được tác giả xây dựng một cách chân thực và sâu sắc bởi vốn sống phong phú của tác giả.

Ông Sáu với cuộc đời bị chi phối bởi chiến tranh và tình cảnh éo le ấy đã để lại trong lòng người đọc nhiều ấn tượng sâu đậm. Qua đó người đọc cũng hiểu thêm về những người đi trước cũng như thêm khâm phục, kính trọng, tự hào về họ - những con người đã cống hiến hết mình vì Tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

**Đề bài: Phân tích bài thơ “Con cò”
của nhà thơ Chế Lan Viên.**

Bài số 42

Con cò là hình ảnh quen thuộc với làng quê Việt Nam tự bao đời. Hình ảnh cò đã đi vào ca dao, dân ca Việt Nam với những ý nghĩa sâu sắc. Nó là hình ảnh biểu trưng cho hình tượng người phụ nữ Việt Nam chịu thương chịu khó. Cảm nhận từ tình mẹ thiêng liêng, cảm nhận vẻ đẹp sâu sắc của hình ảnh cò, tác giả Chế Lan Viên đã mượn chất liệu là những bài ca dao, dân ca Việt Nam để viết nên bài thơ *Con cò* ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng và nỗi nhọc nhằn nuôi con khôn lớn của người phụ nữ, người mẹ.

Bài thơ *Con cò* được sáng tác năm 1962, in trong tập thơ *Hoa ngày thường - Chim báo bão* (1967) của Chế Lan Viên. Viết *Con cò*, nhà thơ thông qua một cánh cò tượng trưng dập dìu trong lời ru, câu hát thể hiện được tấm lòng yêu thương và những mong ước của người mẹ với đứa con còn bé thơ. Hình ảnh con cò qua bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng, luôn luôn biến hoá trong tiếng hát và lời ru. Hình ảnh con cò tượng trưng cho tấm lòng trong trắng, cho những nỗi khổ của ngày qua, cho niềm vui và mơ ước hôm nay, cho tình yêu thương rộng lớn của người mẹ với cái bé bỏng cô đơn của con thơ. Dường như, với tính chất tượng trưng, con cò trong trường hợp nào cũng đúng cả, cũng để lại cho người đọc nhiều ấn tượng.

Trong trang thơ, cánh cò không tự có, không tự hiện hữu bất di bất dịch như muôn vàn câu chữ của thi ca, nó phải bay ra từ một miền xa xôi lắm. Chế Lan Viên đã đánh thức cánh cò yên ngủ, gọi cò về với những lời ru ấp ủ trong tâm hồn thi nhân để rồi, qua lời ru của mẹ trên trang thơ, con cò bắt đầu đến với tuổi thơ diệu kì của đứa trẻ. Dịu dàng, êm ái, người mẹ bắt đầu thủ thi, tâm tình với niềm yêu thương tha thiết:

*Con còn bế trên tay
Con chưa biết con cò
Nhưng trong lời mẹ hát
Có cánh cò đang bay*

Rất tự nhiên, mẹ thấy con vẫn còn bé bỏng lắm, vẫn còn phải bế trên tay mẹ. Con đã biết cánh cò trắng là gì đâu, con đã biết cuộc đời xung quanh là gì đâu, con chỉ đón nhận cuộc đời một cách vô thức. Vô thức thôi nhưng dường như đứa trẻ đã cảm nhận được cánh cò trắng đang bay đến bên mình, đã nghe thấy âm điệu ngọt ngào trong treo của lời ru. Em chưa hiểu tình mẹ, nhưng mơ hồ, em đã thấy bên em một sự che chở, vỗ về thiêng liêng, một tình yêu thương êm đềm, triu mến. Và cánh cò bắt đầu chao lượn dập dìu trong lời hát ru con:

*“Con cò bay la
Con cò bay lả
Con cò cống phủ*

Con cò Đồng Đăng..."
Cò một mình, cò phải kiếm lấy ăn
Con có mẹ, con chơi rồi lại ngủ.
"Con cò ăn đêm
Con cò xa tổ,
Cò gặp canh mềm
Cò sợ xáo măng..."
Ngủ yên! Ngủ yên! Cò ơi, chớ sợ!
Cánh có mềm, mẹ đã sẵn tay nâng!
Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân,
Con chưa biết con cò, con vạc.
Con chưa biết những canh mềm mẹ hát,
Sữa mẹ nhiều, con ngủ chẳng phân vân.

Thi sĩ không trích hết lời ca dao, chỉ gọt thôi mà cả một không gian đã rất xa xăm bỗng trở về nguyên vẹn. Nơi ấy thanh bình và yên ả. Nơi ấy có cánh cò, có những hình ảnh rất đẹp đã đi vào tiềm thức không biết bao thế hệ con người. Ở nơi ấy, ta vẫn nghe được tiếng cuộc đời vất vả, nhọc nhằn của người nông dân và đặc biệt là những người phụ nữ, những người chị, người mẹ Việt Nam, tiếng những đứa con yêu thương tha thiết. Ta thấy những cánh cò kia sẵn sàng hi sinh vì con, dù sa cơ, dù chết cũng xin được "xáo nước trong" để khỏi mang tiếng xấu cho con. Dẫu rằng đó là lời hát ru, lời ca dao cách tân trong thơ hiện đại, cánh cò vẫn mang theo cả nỗi buồn, niềm vui hoà lẫn, khiến người đọc phải nghĩ suy. Người mẹ ru con trong vất vả, nhọc nhằn càng gieo thêm đắng cay, cái vị đắng cay mà Xuân Quỳnh từng không giấu nổi xúc động khi nghe câu hát ấy trong "gió Lào" và "cát trắng" miền Trung:

Trong gió nóng những trưa hè ngọt ngọt
Mẹ ru tôi hạt cát sạn hàm răng.

Mặc dù người mẹ biết con mình còn quá bé bỏng trước cuộc đời. Nhưng mẹ muốn hát cho con nghe để con hình thành tình yêu thương đối với những gì thuộc về quê hương, đất nước; hiểu được tình thương bao la mà mẹ dành cho con. Bên cạnh đó, mẹ muốn con hãy yên tâm trước cuộc đời, vì đã có mẹ chở che trong câu: "cánh có mềm, mẹ đã sẵn tay nâng". Câu thơ khiến ta cảm động trước tình mẹ bao la, sâu sắc, vỗ về, chở che ta từ khi còn tấm bé. Để rồi, khi ta từng bước trưởng thành, vẫn có mẹ bên cạnh sẻ chia:

Ngủ yên! Ngủ yên! Ngủ yên!
Cho cò trắng đến làm quen,
Cò đứng ở quanh nôi
Rồi cò vào trong tổ.
Con ngủ yên thì cò cũng ngủ,
Cánh của cò, hai đứa đắp chung đôi.
Mai khôn lớn con theo cò đi học,
Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân.

*Lớn lên, lớn lên, lớn lên...
Con làm gì?
Con làm thi sĩ!
Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ
Trước hiên nhà
Và trong hơi mát câu văn...*

Khổ thơ thứ hai có thể chia làm ba giai đoạn, tựu chung lại vẫn là ý nghĩa của hình ảnh cò gắn bó mật thiết và trở thành người bạn đồng hành với cuộc đời con trẻ từ lúc ấu thơ cho đến khi trưởng thành.

Đoạn đầu từ:

*Ngủ yên! Ngủ yên! Ngủ yên!
Cho cò trắng đến làm quen,
Cò đứng ở quanh nôi
Rồi cò vào trong tổ.
Con ngủ yên thì cò cũng ngủ,
Cánh của cò, hai đứa đắp chung đôi.*

Là mối tương quan mật thiết giữa cò với con trẻ trong suốt thời thơ ấu. Cò "đứng ở quanh nôi", rồi cò "vào trong tổ"; con có ngủ thì cò mới ngủ. Hình ảnh cò tới đây không còn là hình ảnh con cò giản dị nữa, mà đã ẩn dụ cho hình tượng người mẹ chăm sóc, vỗ về, ấp iu cho con từng miếng ăn, giấc ngủ. Khi con lớn hơn một chút thì tình yêu mẹ dành cho con như thế nào? Đoạn thứ hai:

*Mai khôn lớn con theo cò đi học,
Cánh trắng cò bay theo gót đôi chân.*

Đó là sự đồng hành của người mẹ với con mình trong thời niên thiếu. Buổi ban đầu chập chững bước vào cuộc đời, đứa trẻ cần nắm đôi tay dịu dặt của mẹ. Thế nhưng, người mẹ sẽ không dịu dặt con mãi mãi, mà theo năm tháng, mẹ tập cho con tự bước đi trên đôi chân chính mình. Ban đầu, thì cò dắt con đi học. Nhưng dần dà, cánh trắng cò chỉ bay theo gót chân con. Khi con đến giai đoạn niên thiếu, tình thương của mẹ dành cho con đã có cách thể hiện khác. Mẹ không còn nâng niu con nữa, mà chỉ đồng hành bên con, dõi theo mỗi bước chân con. Mẹ muốn con tự đi trong cuộc đời bằng đôi chân của chính mình. Vì chỉ có thế, bước chân con mới vững vàng, không sợ vấp ngã. Ta cảm nhận được tình mẹ vừa sâu sắc, lại vừa bao la. Đoạn thứ ba nói lên hình ảnh cò – hình ảnh mẹ đã đi vào tiềm thức, hóa nên tâm hồn phong phú cho con người khi trưởng thành:

*Lớn lên, lớn lên, lớn lên...
Con làm gì?
Con làm thi sĩ!
Cánh cò trắng lại bay hoài không nghỉ
Trước hiên nhà
Và trong hơi mát câu văn...*

Cho dù lúc trưởng thành con có làm bất cứ nghề nghiệp gì, thì hình ảnh mẹ luôn là nguồn cảm xúc dạt dào, là chất xúc tác giúp con thành công hơn trên bước đường công danh sự nghiệp. Hình ảnh thân thương của mẹ trở nên ý nghĩa lớn lao với cuộc đời mỗi người.

Khổ thơ thứ ba thật giản dị mà lại gây nhiều xúc động với người đọc bởi lời mẹ chân tình, tha thiết:

*Dù ở gần con,
Dù ở xa con,
Lên rừng, xuống bể
Cò sẽ tìm con,
Cò mãi yêu con.
Con dù lớn, vẫn là con của mẹ,
Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.*

Phải chăng đây cũng chính là lời tự sự của tất cả những người mẹ có con cái đã trưởng thành, có khung trời và lối đi riêng? Cho dù bất cứ nơi đâu, bất cứ hoàn cảnh nào, mẹ vẫn dang rộng vòng tay yêu thương, vẫn là bến bờ, là điểm tựa cho con bởi: "con dù lớn vẫn là con của mẹ". Thế nên "đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con". Có biết bao nhiêu tình cảm trên đời, nhưng có tình nào bao la, sâu sắc và vô tận như tình mẹ dành cho ta. Tình mẹ là thế, bao la, lời ru của mẹ là thế, êm đềm, tha thiết, suốt đời con được hưởng, suốt đời con tìm thấy, nhưng chắc gì con đã thấu hiểu. Cả cuộc đời mẹ đã gửi vào trong đó tất cả tình cảm, tất cả sự chờ che, tất cả tình yêu thương êm đềm tha thiết:

*Ta đi trọn kiếp con người
Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.*

(Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa – Nguyễn Duy)

Bài thơ được mở đầu bằng những câu hát ru và kết lại cũng bằng lời ru à ơi:

*À ơi!
Một con cò thôi,
Con cò mẹ hát
Cũng là cuộc đời
Vỗ cánh qua nôi.
Ngủ đi! Ngủ đi!
Cho cánh cò, cánh vạc,
Cho cả sắc trời
Đến hát
Quanh nôi.*

Lời ru đến lúc này sao thấm đượm quá đổi tình mẫu tử thiêng liêng của mẹ. Lại một lần nữa các cụm từ: "ngủ đi", "cánh cò, cánh vạc", "nôi" được nhắc lại nhằm gợi về kỉ niệm tuổi thơ, nhắc nhớ về giấc ngủ đầu nôi cũng là dấu ấn thiêng liêng trong tâm thức của mỗi người.

Chế Lan Viên đã sáng tác bài thơ này với một sự chiêm nghiệm sâu sắc về tình mẫu tử thiêng liêng. Ông đã thể hiện niềm yêu kính đối với hình tượng người mẹ bằng giọng thơ nhẹ nhàng, trau chuốt. Tình mẹ, chắc có lẽ trong tâm thức mỗi con người đều cảm nhận được. Thế nhưng, với bài thơ *Con cò* của Chế Lan Viên, ta như được trải nghiệm và hiểu thêm một cách sâu sắc về ý nghĩa của tình mẹ trong cuộc đời của mỗi con người.

Để rồi, mỗi lần đọc lại bài thơ *Con cò* vẫn gợi lên những rung động và suy nghĩ sâu sắc về công ơn sinh thành của người mẹ. Từ đó mỗi người chúng ta càng thấy rõ trách nhiệm của mình trước lòng mẹ bao la, dạt dào thân thương và trù mẫn, trước cuộc sống hôm nay của đất nước. *Con cò* cùng với những bài thơ khác trong *Hoa ngày thường - Chim báo bão, Ánh sáng và phù sa* giúp chúng ta thấm thía hơn những "Trang đời, trang viết nặng nghĩa đời sau" của nhà thơ Chế Lan Viên.

**Đề bài: Cảm nhận về bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ"
của Thanh Hải.**

Bài số 43

Mùa xuân là mùa hội tụ của cái đẹp, căng tràn nhựa sống vào buổi bình minh với những chồi non lộc biếc, tiếng chim ca vui vẻ làm tổ, với những nàng xuân dịu dàng hát câu quan họ... Có lẽ vì thế mà thi nhân muôn đời yêu mến xuân. Xuân đi vào lòng kính tâm hồn người nghệ sĩ là những trang thơ văn, mà ở đó, xuân là món quà vô giá mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Ta đã có *Mùa xuân xanh* (Nguyễn Bính), *Mùa xuân chín* (Hàn Mặc Tử), *Một khúc ca xuân* (Tố Hữu)... và giờ, với Thanh Hải, ta được thưởng thức một *Mùa xuân nho nhỏ* thân thương, gần gũi.

Bài thơ được ra đời lúc nhà thơ Thanh Hải đang giành giật với tử thần từng phút sống, từng hơi thở cuối cùng. Trong tâm lí nặng nề vì bệnh tật giày vò mà hồn thơ Thanh Hải vẫn cất cánh bay cao để rồi mang đến cho đời một tình yêu cuộc sống thiết tha và ước nguyện chân thành được cống hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho Tổ quốc thân yêu. Tác giả muốn dâng tặng *Mùa xuân nho nhỏ* cho đời.

Bài thơ mở đầu bằng bức tranh thiên nhiên mùa xuân mang sắc màu và âm thanh quen thuộc của đồng quê được vẽ bằng hình ảnh bình dị, chọn lọc, gợi cảm. Cảm xúc trước mùa xuân của tác giả mở ra thật ngỡ ngàng, không gian dường như tươi mới hơn, thánh thót hơn.

*Mọc giữa dòng sông xanh
Một bông hoa tím biếc
Ơi con chim chiền chiện
Hót chi mà vang trời
Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

Đó là màu tím biếc của bông hoa dân dã soi bóng dưới dòng sông trong xanh. Đặc biệt là tiếng chim chiến chiến trong trẻo, loài chim cất tiếng hót báo hiệu tin vui, đem lại cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho con người. Từ "ơi" cảm thán biểu lộ niềm vui ngây ngất trước đất trời xuân. Tất cả gợi cho ta cảm giác một không gian bộn bề và chất chiu. Hai tiếng "hót chi" là giọng điệu thân thương của người dân Huế được tác giả đưa vào diễn tả cảm xúc thiết tha giữa người với tạo vật. Ngắm dòng sông, nhìn bông hoa đẹp, nghe chim hót, nhà thơ bồi hồi sung sướng:

*Từng giọt long lanh rơi
Tôi đưa tay tôi hứng.*

Tiếng chim chiến chiến thả vào không gian trong suốt của mùa xuân được cảm nhận thành từng giọt mang màu sắc long lanh. Điều đó cũng chứng tỏ một tâm hồn thi sĩ nhạy cảm, một tấm lòng thiết tha yêu mến cuộc sống tươi đẹp này. "Đưa tay... hứng" là một cử chỉ bình dị mà trân trọng, thể hiện sự xúc động sâu xa. Thanh Hải đã vẽ nên một bức tranh xuân đẹp tươi và đáng yêu vô cùng. Đó là vẻ đẹp và sức sống mãnh mẽ của đất nước vào xuân.

Từ mùa xuân của thiên nhiên, đất trời, dẫn đến cảm nhận về mùa xuân của đất nước. Sự chuyển mạch ấy là tự nhiên và hợp lí. Bởi mùa xuân là "lộc" đất trời của chung mọi người.

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc giắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ*

"Lộc" ở đây có thể hiểu là sức mạnh dân tộc, "lộc trải dài nương mạ" là sự hồi hã xôn xao cho một mùa màng mới, cho đồng ruộng vẫn mãi mãi bạt ngàn một màu xanh. "Người cầm súng và "người ra đồng" là hai lực lượng chính dựng xây Tổ quốc. Đây là mùa xuân trách nhiệm gắn với ý thức bảo vệ dân tộc. Câu thơ mang một ý nghĩa sâu sắc: Người ra trận phải đổ máu, người ra đồng phải đổ mồ hôi nước mắt. Máu, mồ hôi, nước mắt của nhân dân ta đã góp phần giữ lấy mùa xuân mãi mãi của dân tộc.

*Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.*

Biết bao nhiêu mùa xuân ông cha ta đánh giặc giữ nước, bao nhiêu mùa xuân lập chiến công chống quân xâm lược "vất vả và gian lao". Thanh Hải tự hào khi nghĩ về đất nước với bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước. Đất nước như vì sao sáng vượt qua vất vả và gian lao để đi lên phía trước. Từ "cứ" đặt đầu câu thơ như một sự khẳng định, thể hiện một chân lí đơn giản mà thiêng liêng. Có thể nói bao nỗi nhọc nhằn, đắng cay của dân tộc được đáp

lại bằng những mùa xuân tiếp nối vô tận. Đó là lòng tự hào, lạc quan, tin yêu của nhà thơ đối với đất nước, với dân tộc.

Rung cảm thiết tha trước mùa xuân đất nước, nhà thơ bộc bạch một ước nguyện chân thành:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

"Con chim hót" để gọi xuân về, mang hạnh phúc yên vui cho mọi người, "một cành hoa" để tô điểm cho núi sông, một nốt nhạc trầm "xao xuyến" trong khúc ca phấn chấn tự hào động viên, khích lệ. Chữ "tôi" ở khổ thơ đầu được thay thế bằng chữ "ta" đầy hào hứng, sáng khoái, nó thể hiện tư thế hoà mình của nhà thơ vào cuộc sống, vào mùa xuân đến với mọi người.

Mỗi người cống hiến "một mùa xuân nho nhỏ" đã là một cuộc dâng hiến thật đầy đủ, thật trọn vẹn.

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

Nếu có ý thức hết mình, sống hết mình, lao động hết mình thì mùa xuân làm gì có tuổi? *Mùa xuân nho nhỏ* là một ẩn dụ đầy sáng tạo khắc sâu ý tưởng: "Mỗi cuộc đời đã hoá núi sông ta" (Nguyễn Khoa Điềm). "Nho nhỏ" và "lặng lẽ" là cách nói khiêm tốn, chân thành. "Dâng cho đời" là lẽ sống đẹp, cao cả. Thanh Hải như nhắc ta hãy sống cho tất cả, sống cho tình thân ái bao la và sống để cống hiến toàn vẹn cho đất nước, cho cuộc đời. Phải chăng đây chính là điều mong ước tốt cùng đã đi theo tác giả suốt cuộc đời? Dù vẫn biết ngày mai rất có thể sẽ phải từ giã cõi đời này nhưng tiếng thơ Thanh Hải vẫn tràn ngập niềm tin và hi vọng vào cuộc sống.

Khổ thơ cuối là tiếng hát yêu thương:

*Mùa xuân - ta xin hát
Câu Nam ai, Nam bình
Nước non ngàn dặm mình
Nước non ngàn dặm tình
Nhịp phách tiền đất Huế.*

Nam ai, Nam Bình là hai giai điệu nổi tiếng của xứ Huế từ bao đời nay. Câu hát truyền thống ấy đi mãi cùng trái tim một người con đến giây phút cuối cùng vẫn còn mong mỗi mảnh liệt hơn bao giờ hết khát vọng cống hiến vẹn toàn cho quê hương đất nước.

Mùa xuân nho nhỏ là một bức tranh mùa xuân thiên nhiên tuyệt đẹp, vừa là tiếng hát nhẹ nhàng tha thiết, sâu lắng về khát vọng cống hiến cho

đất nước của nhà thơ Thanh Hải. Và đó cũng chính là một "mùa xuân nho nhỏ" mà Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa.

Lê Thị Thuỷ

Bài số 44

Thanh Hải là một nhà thơ được mọi người biết đến như một hiện tượng đặc biệt của thơ ca Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sáng tạo nghệ thuật và lắng nghe được nhiều âm thanh biến thái của cuộc đời. Ngay cả những giây phút cận kề cái chết Thanh Hải vẫn khát khao sống, làm việc cống hiến. *Mùa xuân nho nhỏ* chính là một khúc ca mùa xuân tinh túy, sâu xa lắng đọng của Thanh Hải để lại cho đời trước lúc ra đi. Những vần thơ nhỏ nhẹ, trầm bổng mà ý tứ lắng sâu lạ kì. Và không thể thiếu được ở làng thơ xuân một mùa xuân nho nhỏ của một nhà thơ tài hoa, mệnh bạc - Thanh Hải.

Bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* được Thanh Hải sáng tác năm 1980 khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh. Bài thơ ra đời vào những năm 80 của thế kỉ XX được xem như một lời tâm niệm trẻ trung và đáng trân trọng của nhà thơ để lại cho đời trước lúc ra đi vào cõi vĩnh hằng.

Mở đầu bài thơ là bức tranh mùa xuân của thiên nhiên được phác hoạ bằng vài nét chấm phá:

Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời.

Chỉ bằng vài nét đơn sơ mà đặc sắc, với những hình ảnh nho nhỏ, thân quen, bình dị, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh xuân thơ mộng, đậm phong vị xứ Huế. Bức tranh có không gian thoáng dăng, sắc màu tươi tắn, hài hoà và âm thanh rộn rã tươi vui của tiếng chim chiền chiện. Cách lựa chọn hình ảnh "dòng sông xanh", "bông hoa tím", cách sử dụng các từ ngữ "ơ", "chi" đi liền sau động từ "hót" khiến người đọc liên tưởng đến quê hương xứ Huế và cả tâm trạng say đắm hân hoan của tác giả. Dường như thấp thoáng đâu đó trong câu thơ là màu xanh của dòng Hương giang mềm mại và những tà áo dài tím biếc của những cô gái Huế mộng mơ, cùng với âm thanh rộn rã, tươi vui của tiếng chim chiền chiện, khiến mùa xuân của cố đô trầm mặc bỗng trở nên rục rờ, rộn ràng. Cảm xúc của tác giả trước mùa xuân còn được miêu tả ở chi tiết rất tạo hình:

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng

Giọt âm thanh của tiếng chim thật trong, thật tròn, vang ngân giữa không gian, đọng lại thành từng giọt hữu hình long lanh như hạt ngọc, nhà thơ đưa tay hứng với tất cả sự trân trọng, đắm say. Sự chuyển đổi cảm giác khiến hình ảnh thơ trở nên lung linh, đa nghĩa góp phần diễn tả trọn vẹn

hơn niềm say sưa, ngây ngất của tác giả trước vẻ đẹp của thiên nhiên, trời đất vào xuân.

Từ mùa xuân của thiên nhiên, trời đất, nhà thơ chuyển sang cảm nhận về mùa xuân của đất nước. Tác giả hướng tình cảm của mình tới những con người đang làm đẹp mùa xuân đất nước:

*Mùa xuân người cầm súng
Lộc dắt đầy trên lưng
Mùa xuân người ra đồng
Lộc trải dài nương mạ.*

Những câu thơ tạo ra hình ảnh sóng đôi đẹp như hai vế của câu đối mừng xuân nói về những người chiến sĩ bảo vệ và những người lao động dựng xây đất nước. “Lộc” theo bước chân người cầm súng ra trận, theo bàn tay người lao động ra đồng và gieo mùa xuân đến khắp mọi miền đất nước. Có lẽ bởi vậy mà không khí khẩn trương, rộn ràng, náo nức lan toả khắp tứ thơ:

*Tất cả như hối hả
Tất cả như xôn xao...*

Điệp từ “tất cả”, từ láy “hối hả”, “xôn xao” tạo nên nhịp điệu mùa xuân hối hả, hào hùng, mở ra những cảm nhận chan chứa tự hào về đất nước:

*Đất nước bốn ngàn năm
Vất vả và gian lao
Đất nước như vì sao
Cứ đi lên phía trước.*

Hình ảnh so sánh thật đẹp “đất nước như vì sao” toả sáng, luôn vận động và phát triển không ngừng, có ý nghĩa định hướng, giục giã mọi người hăng say cống hiến và xây dựng quê hương.

Trước mùa xuân của đất nước, nhà thơ tâm niệm về mùa xuân riêng của mỗi cuộc đời và dạt dào một khát vọng hiến dâng:

*Ta làm con chim hót
Ta làm một cành hoa
Ta nhập vào hoà ca
Một nốt trầm xao xuyến.*

Nếu ở đầu bài thơ tác giả miêu tả những hình ảnh làm đẹp thêm, tô điểm thêm cho mùa xuân là âm thanh náo nức vang trời của tiếng chim chiến chiến và sắc màu tím biếc dịu dàng của cánh lục bình nhỏ trên sông thì ở đây tứ thơ được lặp lại, tạo ra sự đối ứng chặt chẽ. Tác giả mong muốn được làm bông hoa toả ngát hương, con chim mang tiếng hót và nốt trầm xao xuyến để hiến dâng nhưng không làm mất đi nét riêng của mỗi người. Đó thực sự là lời tâm niệm chân thành, tha thiết, khiêm nhường và khát khao được cống hiến phần tinh túy nhất của mình làm đẹp thêm mùa xuân của quê hương, xứ sở mà không bị giới hạn bởi thời gian, tuổi tác:

*Một mùa xuân nho nhỏ
Lặng lẽ dâng cho đời
Dù là tuổi hai mươi
Dù là khi tóc bạc.*

Mùa xuân nho nhỏ là một sáng tạo bất ngờ, độc đáo mà tự nhiên, hợp lí của nhà thơ, bởi mùa xuân vốn là một khái niệm chỉ thời gian thế mà ở đây “mùa xuân” lại có khối, có hình, một hình hài nho nhỏ thật xinh xắn. Mùa xuân đã trở thành một ẩn dụ nói về khát vọng, một lẽ sống cao đẹp, một ý thức khiêm nhường góp sức mình làm đẹp thêm mùa xuân của thiên nhiên, đất nước. Điệp từ “dù là” đặt ở đầu hai câu thơ liên tiếp có ý nghĩa khẳng định cho khát vọng dâng hiến miệt mài, không mệt mỏi của tác giả.

Thể thơ năm chữ có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca kết hợp với hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, những so sánh và ẩn dụ sáng tạo đã góp phần tạo nên thành công không nhỏ cho bài thơ.

Bài thơ kết thúc khi đã làm lay động trái tim mỗi người bởi chất họa gợi cảm, chất nhạc vấn vương và ước nguyện thiết tha chân thành của tác giả. Dường như ước nguyện nhỏ bé khiêm nhường ấy không còn là của riêng Thanh Hải mà đã trở thành tiếng lòng chung của nhiều người. Bởi vậy mà đọc xong bài thơ em muốn tự hỏi mình một điều giản dị:

*Ôi sống đẹp là thế nào hỡi bạn?
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình!*

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

(Tố Hữu)

Đề bài: Cảm nhận của em về bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương.

Bài số 45

Trong những bài thơ viết về Bác sau ngày Bác đi xa, *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương là một bài thơ đặc sắc. Bài thơ diễn tả niềm kính yêu, sự xót xa và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ đối với người cha già của dân tộc bằng cảm xúc chân thành, thiết tha, sâu lắng.

Từ mảnh đất miền Nam mấy chục năm trời chiến đấu gian khổ, tác giả làm cuộc hành hương về đất Bắc. Lòng bồi hồi xúc động, anh vào viếng lăng Bác:

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác.
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam.
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.*

Đoạn thơ mở đầu thiêng liêng, thành kính nhưng vẫn gợi một không khí ấm áp gần gũi không chỉ ở cách xưng hô “con” mà còn ở cách dùng từ mang ý nghĩa giảm nhẹ. Nhà thơ không nói ra “viếng” mà là ra “thăm”, như

con về thăm cha, thăm nơi Bác nghỉ. Nỗi đau như cố giấu mà giọng thơ vẫn chan chứa ngậm ngùi. Hình ảnh đầu tiên gây ấn tượng đậm nét với tác giả là hình ảnh hàng tre trong sương sớm, trải dài, bát ngát một màu xanh, khiến cho làng Bác trang nghiêm bỗng trở nên thân thuộc, gần gũi như xóm làng Việt Nam. Hình ảnh hàng tre “đứng thẳng hàng” trong “bão táp mưa sa” đã trở thành biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường, không bao giờ chịu khuất phục của nhân dân Việt Nam. Hình ảnh đó như khúc dạo đầu mở ra một loạt những suy tưởng mênh mông, sâu lắng:

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng
Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

“Mặt trời trong lăng” là một ẩn dụ chỉ Bác Hồ, mặt trời thiên nhiên đem lại ánh sáng và sự sống cho muôn loài. Còn mặt trời Bác cũng là ánh sáng soi đường đem lại cuộc sống hạnh phúc, ấm no cho nhân dân Việt Nam. Mặt trời Bác toả sáng, ấm áp, sóng đôi và trường tồn cùng mặt trời thiên nhiên là một sáng tạo riêng của tác giả. Cách nói vừa ca ngợi sự vĩ đại, bất tử của Bác vừa thể hiện sự tôn kính, ngưỡng mộ và lòng biết ơn vô hạn đối với Bác... Tất cả tình cảm đó dệt thành ý thơ tuyệt đẹp:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ
Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

Diệp ngữ “ngày ngày” và hình ảnh “dòng người đi trong thương nhớ” vừa gợi ấn tượng về cõi trường tồn vĩnh viễn vừa gợi tấm lòng nhân dân không nguôi nhớ Bác. Tình cảm đó kết thành tràng hoa đẹp dâng lên 79 mùa xuân của Bác kính yêu. Nhịp thơ chậm rãi, dàn trải, cấu trúc câu và từ ngữ được lặp lại gợi liên tưởng đến những bước đi chầm chậm của dòng người vào lăng viếng Bác trong không khí thiêng liêng, thành kính và niềm cảm xúc thiết tha.

Đứng trước di hài Bác, bao tình cảm ập ủ bấy lâu bỗng trào dâng thổn thức:

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim!*

“Trời xanh”, “vầng trăng” là những hình ảnh kì vĩ của thiên nhiên gợi suy ngẫm về cái cao cả, vĩ đại, bất diệt, trường tồn. Bác vẫn còn mãi với non sông, người đã hoá thân vào thiên nhiên, đất nước. Sự nghiệp của Người là bất tử. Dù tin như vậy nhưng trái tim vẫn nhói đau khi nghĩ rằng Bác không còn nữa. Nỗi đau được biểu hiện cụ thể, trực tiếp “mà sao nghe nhói ở trong tim!”. Đó là nỗi đau, là niềm thương vô hạn của đứa con về muộn bên di hài người cha yêu kính.

Cuộc gặp gỡ nào rồi cũng đến lúc phải chia tay. Lòng nhớ thương, đau xót kìm nén đến giờ vỡ oà thành nước mắt:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

Tác giả ước nguyện được hoá thân thành con chim, đoá hoa, cây tre để canh giữ, điểm tô cho nơi vị lãnh tụ kính yêu yên nghỉ. Hình ảnh cây tre lặp lại cuối bài tạo ấn tượng đậm nét thể hiện lòng kính yêu và lòng biết ơn vô hạn đối với Bác. Điệp ngữ “muốn làm”, cấu trúc câu được lặp lại tạo thành nốt nhạc dồn dập, tha thiết diễn tả tình cảm, khát vọng trào dâng mãnh liệt. Bài thơ tưởng khép lại trong sự xa cách về không gian nhưng lại tạo được sự gần gũi trong tình cảm, ý chí. Như vậy, bước chân ra đi nhưng tấm lòng của người con miền Nam thì ở lại. Tiếng lòng đó, ước nguyện đó không chỉ là của riêng tác giả mà đã trở thành tiếng lòng chung của nhiều người dân Việt Nam đối với Bác kính yêu.

Viếng lăng Bác là bài thơ giàu chất suy tưởng, chất trữ tình đậm thắm với cách sử dụng nhiều luyện láy ngôn ngữ, phong phú âm điệu khiến bài thơ mau chóng được đông đảo bạn đọc tiếp nhận. Chính vì vậy nó đã sớm được phổ nhạc và trở thành một bài ca sâu lắng, giàu sức truyền cảm và quen thuộc với mỗi người Việt Nam.

Sưu tầm

Bài số 46

Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước được thống nhất, công trình xây dựng lăng Hồ Chủ tịch cũng được hoàn thành. Nhà thơ Viễn Phương ra thăm miền Bắc và vào lăng viếng Bác. Xúc động trước hình ảnh của Bác, nhà thơ đã viết bài thơ *Viếng lăng Bác*. Bài thơ là tiếng nói xúc cảm chân thành ca ngợi Bác, bày tỏ tấm lòng tiếc thương vô hạn, niềm thủy chung son sắt của dân tộc đối với Bác. Tác giả cũng như tất cả mọi con người Việt Nam, ngay từ phút đầu đến thăm lăng, trong lòng ông đã trào lên niềm xúc động, nghẹn ngào:

Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Giọng thơ là lời thưa của người con miền Nam đã trải qua một cuộc chiến tranh ác liệt và đã giành thắng lợi trở về tìm đến bên lăng cha. “Con ở miền Nam”- mấy tiếng ấy cũng đủ gợi lên bao nỗi thương mến một miền đất bị vùi dập trong khói lửa của chiến tranh, nhưng cũng rất tự hào vì đã đứng vững để làm nên chiến công vĩ đại.... Nhớ lúc sinh thời, Người luôn nghĩ đến miền Nam, đến đất nước, mong miền Nam được giải phóng. Nhà thơ Tố Hữu đã từng viết:

*Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền Nam mong Bác nỗi mong cha*

(Bác ơi!)

Thế mà miền Nam không đón được Bác vào thăm trong ngày vui đại thắng. Nay Bác đã ra đi, nỗi đau mất mát ấy lấy gì bù đắp? Vì thế, ngay từ đầu, giọng thơ của Viễn Phương có gì đó xót tủi.

Đến với Bác, dù ngay giữa lòng Hà Nội, mà cảnh vật sao giản dị, thân quen:

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam.

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.

"Hàng tre bát ngát" trong sương, là những nét vẽ mờ tỏ, đậm nhạt, tạo nên nét đẹp lung linh như tranh thủy mặc. Từ hình ảnh tả thực ấy, tác giả liên tưởng, khái quát, nâng lên thành hình ảnh ẩn dụ "hàng tre xanh xanh Việt Nam" – một biểu tượng của dân tộc. Hai tiếng "xanh xanh" không chỉ gợi ý niệm về màu sắc mà còn gợi lên sức sống bất diệt của dân tộc. Hàng tre ấy mang bao phẩm chất của con người Việt Nam: thanh cao, thẳng thắn, dẻo dai, kiên cường, bất khuất... dù "bão táp mưa sa" vẫn luôn đứng sát bên nhau, đoàn kết giúp đỡ nhau mà "đứng thẳng hàng".

Nhà thơ hòa vào dòng người, chậm chậm bước đi. Trong giây phút đó, cảm hứng của Viễn Phương đã thăng hoa, tạo ra những hình ảnh tuyệt đẹp về Bác và tấm lòng nhân hậu của nhân dân đối với Bác.

Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.

Câu thơ kéo dài một nhịp theo dòng suy tưởng của tác giả. Mặt trời trên cao kia là mặt trời của tự nhiên, nó đem đến ánh sáng và nguồn sống cho vạn vật. Nhưng mặt trời ấy còn "thấy" một và nhận ra "một mặt trời trong lăng rất đỏ". Hình ảnh nhân hóa ấy chứa đựng bao niềm tôn kính, ngưỡng mộ đối với Bác. "Mặt trời trong lăng" là hình ảnh ẩn dụ biểu hiện sự kì vĩ về phẩm chất, tài năng, đạo đức, về sự hi sinh và to lớn của Người đối với đất nước và dân tộc. Bác là một mặt trời đỏ rực màu cách mạng, mặt trời đó vẫn mãi mãi rực sáng đem lại sự sống và hạnh phúc cho muôn dân, mặt trời cách mạng đó soi đường dẫn lối cho mọi thế hệ vững bước đi lên. Và cũng như mặt trời trên cao kia, Bác mãi sống trong lòng dân tộc, sống mãi với non sông đất nước. Không phải chỉ một trái tim tác giả biết cảm nhận vẻ đẹp vĩ đại ở Bác mà còn hàng triệu trái tim, hàng triệu con người ngày ngày đến viếng lăng.

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...

Không khí thương nhớ bao trùm theo nhịp thơ chậm chậm, âm điệu trầm trầm như bước chân của người đi trong cuộc tưởng niệm. Nhưng không phải là cuộc tưởng niệm bình thường mà là cuộc tưởng niệm ca ngợi vinh quang của Bác, và tràng hoa tưởng niệm là một tràng hoa hết sức đặc biệt, nó được kết bằng hàng triệu tấm lòng để dâng lên Người, dâng lên "bảy mươi chín mùa xuân". Một hình ảnh hoán dụ kết hợp với ẩn dụ độc đáo, lấy một nét trong cuộc đời Bác (79 tuổi) để chỉ Người. Con người ấy đã sống một cuộc đời đẹp như những mùa xuân và đã đem lại mùa xuân trường cửu cho đất nước, cho dân tộc. Quả thật, Viễn Phương đã rất khéo trong việc chọn lựa giọng điệu, ngôn ngữ và hình ảnh để diễn tả sâu sắc niềm kính yêu,

ngưỡng mộ đối với Bác. Trong khuôn khổ của bốn câu thơ trên, Viễn Phương đã hai lần sử dụng điệp từ "ngày ngày": "Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng", "Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ". Hai câu thơ chỉ hai hiện tượng khác nhau: một về thiên nhiên, một về đời sống, nhưng ý nghĩa lại tương đồng, ý tứ bó kết lại với nhau. Đó là tình cảm của nhân dân ta đối với Bác Hồ cũng tự nhiên, gần gũi như đất trời, vĩnh hằng như quy luật của vũ trụ. Khổ thơ thật hàm súc và giàu sức khái quát.

Vào lăng viếng Bác, trong lòng nhà thơ nhói lên nỗi đau và niềm tiếc thương vô hạn vì mất mát, dù bản thân nhà thơ cũng như bao thế hệ vẫn cảm nhận là Bác không hề mất mà chỉ "nằm trong giấc ngủ bình yên" sau một chặng đường 79 năm chưa hề nghỉ ngơi.

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền*

Giấc ngủ của Bác bình yên giữa một vùng ánh sáng nhẹ nhẹ "dịu hiền" như một "vầng trăng". Con người tha thiết yêu trăng như vậy, thế mà chưa bao giờ được bình yên ngắm trăng, bởi lúc thì phải ngắm trăng qua song cửa chật hẹp của nhà tù, lúc thì "việc quân đang bận"... Nhà thơ Viễn Phương đã thật tinh tế và sâu sắc khi liên tưởng ánh trăng với vầng trăng tri kỉ của Bác.

Nhưng sự thật vẫn là sự thật. Dù rằng "trời" vẫn "xanh mãi mãi", vẫn biết hình ảnh, con người Bác vẫn trường tồn cùng dân tộc nhưng nhà thơ không thể quên với nỗi mất mát quá lớn lao ấy.

*Vẫn biết trời xanh là mãi mãi
Mà sao nghe nhói ở trong tim.*

Ở đây có sự hòa quyện giữa hai cảm xúc: cảm xúc về sự bất tử, trường tồn của Bác, cảm xúc về nỗi đau nhớ Bác khôn nguôi". Bác mãi mãi là "trời xanh" bất diệt, vĩnh viễn ở trên đầu và ở trong tâm tưởng mỗi người, với non sông đất nước. Nhưng Bác mất thật rồi, Bác không còn trên cõi đời này nữa. Cái thiếu vắng ấy lấy gì bù đắp được? Một từ "nhói" vút cao lên nói hộ ta bao nỗi đau đớn, xót xa. Đó là niềm rung cảm rất chân thật của bất kì con người Việt Nam nào vào lăng viếng Bác.

Xót xa, lưu luyến mấy rồi cũng phải chia tay. Bác nằm lại với "giấc ngủ bình yên", nhưng:

Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Câu thơ có sự nuối tiếc, ghen ngào. Tiếng "thương", hình ảnh "trào nước mắt" là trồn vẹn tình cảm của Viễn Phương với Người. Đó là niềm kính yêu, là lòng quý trọng, biết ơn đối với con người cao thượng và vĩ đại đã dành trọn cuộc đời mình cho dân tộc. Đó là nỗi xót xa, đau đớn đến lặng người...

Chân bước đi mà lòng đầy lưu luyến không muốn rời xa. Nỗi niềm đó được bộc lộ trong mấy câu thơ cuối bài giàu hình ảnh:

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.*

Nhịp điệu câu trở nên dồn dập với điệp ngữ "muốn làm" nhắc lại đến ba lần đã nhấn mạnh ước nguyện sâu sắc, chân thành của tác giả. Và hàng loạt hình ảnh ẩn dụ cụ thể hóa ước nguyện đó: "con chim" dâng tiếng hót, "bông hoa" dâng hương thơm, "cây tre trung hiếu" canh giữ cho giấc ngủ bình yên của Bác. Tất cả đều ở bên lăng, quanh lăng. Tất cả đều nói lên tấm lòng kính yêu vô hạn của tác giả và cũng là của nhân dân đối với Bác.

Bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương ngắn gọn, lời thơ tự nhiên, âm hưởng trầm lắng, giàu sức biểu cảm, gợi tả. Một lần *Viếng lăng Bác*, nhớ đến Bác là một lần lòng ta trong sáng hơn. Bài thơ để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc bởi lẽ tình cảm của nhà thơ cũng chính là tình cảm của mọi người dân Việt Nam dành cho vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

Sưu tầm

**Đề bài: Suy nghĩ của em về bài thơ "Sang thu"
của Hữu Thỉnh.**

Bài số 47

\ Khoảnh khắc giao mùa có lẽ là khoảnh khắc đẹp đẽ nhất của tự nhiên, nó gieo vào lòng người những rung động nhẹ nhàng khiến ta như giao hoà, đồng điệu. Khi chúng ta chưa hết ngỡ ngàng bởi một Xuân Diệu "tựa cửa nhìn xa nghĩ ngợi gì" thì đã gặp một Hữu Thỉnh tinh tế, sâu sắc đến vô cùng qua một thoáng *Sang thu*.

Bài thơ là những cảm nhận, những rung động man mác, bàng khuâng của tác giả trước vẻ đẹp và sự biến đổi kì diệu của thiên nhiên trong buổi giao mùa. Không phải là sắc "mơ phai" hay hình ảnh "con nai vàng ngơ ngác" mà là hương ổi thân quen nơi vườn nhà đã đánh thức những giác quan tinh tế nhất của nhà thơ:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se,*

Câu thơ có hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra mùa thu là "hương ổi". Mùi hương quê nhà mộc mạc "phả" trong gió thoảng bay trong không gian. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: "bỗng nhận ra" - một sự bất ngờ mà như đã chờ đợi sẵn từ lâu lắm. Câu thơ không chỉ tả mà còn gợi liên tưởng đến màu vàng ươm, hương thơm lừng, vị giòn, ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi của trái ổi vườn quê. Và không chỉ có thế, cả sương thu như cũng chứa đầy tâm trạng, thông thả, chùng chình giăng mắc trên khắp nẻo đường thôn:

*Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về.*

Sương thu đã được nhân hoá, hai chữ “chùng chình” diễn tả rất thơ bước đi chậm chậm của mùa thu. Nếu ở câu thơ đầu tiên nhà thơ “bỗng nhận ra” thu về khá bất ngờ và đột ngột thì sau khi cảm nhận sương thu, gió thu, thi sĩ vẫn ngỡ ngàng thốt lên lời thán thì như tự hỏi: “Hình như thu đã về”. Tâm hồn thi sĩ đã nắm bắt những biến chuyển nhẹ nhàng, mong manh của tạo vật trong phút giao mùa cũng êm đềm, bâng khuâng như bước đi nhỏ nhẹ của mùa thu.

Không gian nghệ thuật của bức tranh thu được mở rộng hơn, cái bờ ngõ ban đầu vụt tan biến đi nhường chỗ cho những rung cảm mãnh liệt trước không gian thu vời vợi:

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã*

Sông nước đầy nên mới “dềnh dàng” nhẹ trôi như cố tình chậm lại, những đàn chim vội vã bay về phương nam... Không gian thu thư thái, hữu tình và chứa chan thi vị, đặc biệt là hình ảnh:

*Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu*

Câu thơ giúp ta hình dung về đám mây mỏng nhẹ, trắng xốp, kéo dài như tấm khăn voan duyên dáng của người thiếu nữ thảnh thơi, nhẹ nhàng “vắt nửa mình sang thu”. Câu thơ có tính tạo hình không gian nhưng lại có ý nghĩa diễn tả sự vận động của thời gian: thu bắt đầu sang, hạ chưa qua hết, mùa thu vừa chớm, rất nhẹ, rất dịu, rất êm, mơ hồ như cả đất trời đang thay áo mới... Câu thơ gợi cho ta cảm giác dửng dăng, tiếc nuối. Đó là một cung bậc cảm xúc thường thấy trong thời khắc giao mùa. Do vậy, bức tranh thu hiện lên thật đẹp nhưng vẫn ẩn chứa sự tiếc nuối.

Khổ thơ thứ ba diễn tả rất rõ sự biến chuyển của không gian và cũng là một thoáng suy tư của nhà thơ trước cảnh vật, đất trời:

*Vẫn còn bao nhiêu nắng
Đã vơi dần cơn mưa
Sấm cũng bớt bất ngờ
Trên hàng cây đứng tuổi.*

Vẫn là nắng, mưa, sấm, chớp của mùa hạ vương lại đâu đây, song chỉ là “vẫn còn”, “đã vơi dần”, “cũng bớt bất ngờ” bởi mùa thu đã đến. Ý thơ “hàng cây đứng tuổi” gợi liên tưởng đến con người khi đã lớn tuổi và từng trải thì những giông gió, thăng trầm của cuộc đời ít làm con người ta bất ngờ, bị động. Những suy tư đó của tác giả có lẽ đã góp phần làm cho *Sang thu* trở nên giàu ý nghĩa. Từ đó ý thơ còn gợi một suy nghĩ về sự chuyển giao trong cuộc đời mỗi người.

Hình ảnh thơ đẹp, ngôn từ tinh tế, giọng thơ êm đềm và những rung động man mác, bâng khuâng của tác giả trong buổi giao mùa đã tạo nên một dấu ấn không dễ phai mờ trong lòng bao độc giả. Có lẽ vì vậy mà sau khi đọc *Sang thu* của Hữu Thỉnh, ta càng thấy yêu hơn mùa thu thiết tha, nồng hậu của quê nhà.

**Đề bài: Phân tích hai khổ thơ đầu trong bài thơ
"Sang thu" của Hữu Thỉnh**

Bài số 48

Mỗi mùa đều mang một vẻ đẹp, một hương sắc rất riêng. Và vẻ đẹp ấy, hương sắc ấy đã được nhà thơ Hữu Thỉnh bắt gặp. Ông đã cảm nhận được hơi thở của đất trời khi chuyển mình sang thu. Sự chuyển mình của mùa thu được nhà thơ thể hiện rõ ràng trong hai khổ thơ đầu:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

Nhà thơ chợt nhận thấy thu về qua mùi hương ổi. Đó là một mùi hương đặc trưng, mùi hương nhẹ nhẹ, thoang thoảng nhưng lại làm thức tỉnh lòng người. Nhà thơ bắt gặp mùi hương ấy một cách rất tình cờ và rồi lại nhận thấy nó rõ ràng hơn trong làn gió thu se se lạnh. Động từ *phả* gợi cho ta cảm giác chỉ nhẹ thôi, nhưng lại rõ rệt, nó không mạnh mẽ nhưng lại đủ làm cho người đọc cảm giác đắm chìm trong đất trời mùa thu. Cùng với những làn gió thu nhẹ nhẹ, se se, từng màn sương *chùng chình* qua ngõ. Sương thu giăng đầy ngõ, di chuyển dững dưng, chậm chạp. Từ láy *chùng chình* đã diễn tả cảm nhận đó của nhà thơ. Màn sương thu đã tạo cho nhà thơ cảm giác mờ ảo, thiên nhiên lúc này trở nên huyền bí. Với hương ổi trong vườn, làn gió se lạnh và làn sương chùng chình, nhà thơ như đã phần nào cảm nhận được hương sắc mùa thu. Tuy nhiên, cảm nhận ấy lại không chắc chắn, khiến nhà thơ đưa ra nhận định: *Hình như thu đã về*. *Hình như* là sự băn khoăn của nhà thơ. Và sự băn khoăn ấy lại được nhà thơ giải đáp trong khổ thơ thứ hai của bài thơ:

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

Rõ ràng mùa thu đã đến. Sắc thu không chỉ len lỏi trong mùi hương ổi, làn gió, màn sương mà lúc này nó bao trùm lên toàn cảnh vật. Nếu như khổ thơ đầu chỉ là sự suy đoán thì khổ thơ thứ hai lại là sự chắc chắn của tác giả.

Một loạt hình ảnh được tác giả nhân hoá làm thu sang rõ ràng hơn. Đó là một bức tranh thu trong sáng vô cùng. Những cảnh vật được nhà thơ lựa chọn để miêu tả đất trời vào thu đều đang ở trong trạng thái ngập ngừng nhưng đầy chủ động. Dòng sông *dềnh dàng*, đàn chim *vội vã*, đám mây mùa hạ đang *vắt mình* sang thu. Đây đều là những hình ảnh đặc sắc, không chỉ hiện lên ở hiện tại mà còn đem người đọc trở về với quá khứ mùa hạ. Dòng sông không còn dữ dội như mùa hạ mà trở nên *dềnh dàng*, chim *vội vã* để tránh gió thu se lạnh. Đặc biệt hơn, nhà thơ sử dụng động từ *vắt* với đám

mây. Dường như đám mây ấy vẫn còn lưu luyến với mùa hạ nhưng lại phải tuân theo sự tự nhiên của đất trời bước sang thu. Dòng sông lững lờ, khoan thai trôi, đúng như sự êm ả, nhẹ nhàng của mùa thu. Tất cả những cảnh vật thiên nhiên ấy gợi cho chúng ta một điều: Mùa thu đã đến thật rồi! Thu sang được cảm nhận bằng tâm hồn thi sĩ thật mơ mộng. Cái hình ảnh về những sự vật ấy được nhà thơ nhân hoá vận động nhịp nhàng theo sự chuyển mùa hợp lí qua cảm nhận hết sức tinh tế của nhà thơ.

Sang thu của Hữu Thỉnh làm ta chợt nhận ra hương ổi, làn gió, màn sương thu hay dòng sông, đám mây... những sự việc gần gũi, thân quen làm nên đường nét rất riêng của mùa thu Việt Nam. Không chỉ riêng nhà thơ, mà mỗi chúng ta đều có thể cảm nhận được mùa thu ấy - một mùa thu êm ả, lắng đọng, ấm áp.

Bài số 49

Mùa thu là đề tài quen thuộc trong thi ca. Cái tiết trời se lạnh, trời thu xanh ngắt ấy đã khơi nguồn cảm hứng sáng tạo cho biết bao nhà thơ, nhà văn. Tố Hữu, Nguyễn Khuyến... cũng tìm đến đề tài này và Hữu Thỉnh đã góp một mảng màu vào bức tranh thu tươi đẹp ấy. Đó là bài thơ *Sang thu*. Thi phẩm ghi lại những biến chuyển của đất trời lúc chớm thu, được cảm nhận bởi một hồn thơ tinh tế.

Hữu Thỉnh được biết đến với những vần thơ thu nhẹ nhàng, cảm xúc trong sáng, băng khuâng. Tiêu biểu cho hồn thơ của ông là bài thơ *Sang thu*. Đặc biệt là hai khổ thơ đầu đã thể hiện bức tranh thiên nhiên sang thu vô cùng sinh động, nên thơ với những thay đổi nhẹ nhàng:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se
Sương chùng chình qua ngõ
Hình như thu đã về*

Mới là khoảnh khắc chớm thu nên những dấu hiệu hazy còn mơ hồ. Đó là hương ổi chín phả vào trong gió se, là những làn sương giăng mắc quanh đường làng, ngõ xóm. Hữu Thỉnh chỉ bất chợt cảm nhận thấy *bỗng* chứ không có chủ ý. Có lẽ nhà thơ chỉ vô tình nhận ra mùi thơm của ổi chín được chị gió hào phóng mang đến khắp mọi nơi. Hữu Thỉnh đã mở lòng mình để đón nhận mùa thu bằng mọi giác quan. Chỉ một từ *phả* mà kết đọng biết bao ý nghĩa, cảm xúc: *Hình như thu đã về*. Những tín hiệu báo hiệu thu đã về vẫn còn mơ hồ, chưa rõ ràng. Hữu Thỉnh rất ngạc nhiên và ngỡ ngàng khi nhận ra thu đã về. Nhưng tất cả đều rất mong manh nên tác giả không thể chắc chắn rằng mùa thu đã sang mà chỉ mới phỏng đoán là vậy. Phải những người yêu thiên nhiên, yêu mùa thu say đắm thì mới có được những cảm nhận tinh tế, chính xác như vậy.

Và tín hiệu của mùa thu đã bắt đầu rõ ràng hơn trước:

*Sông được lúc dềnh dàng
Chim bắt đầu vội vã
Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

Dòng sông như cố tình chậm bước, cứ thông thả, cứ nhịp nhàng, lững lờ trôi đi. Trong khi đó, những cánh chim như nhận ra cái se lạnh đã vội vã bay về phương Nam tránh rét. Những cảm nhận của Hữu Thỉnh cũng đã sâu sắc hơn trước, nhạy cảm hơn trước:

*Có đám mây mùa hạ
Vắt nửa mình sang thu.*

Đám mây là kết quả của trí tưởng tượng bay bổng, phong phú, diệu kì của thi nhân. Đám mây như tấm khăn voan của nàng tiên mùa thu. Đây là hình ảnh của đám mây mùa hạ nhưng lại *vắt nửa mình sang thu*. Mới đọc tưởng như phi lí nhưng hoàn toàn hợp lí. Đây chính là khung cảnh thiên nhiên trong thời khắc giao mùa cuối hạ - đầu thu. Vạn vật đang trút bỏ bộ áo cũ, khoác lên mình cái mới. Vì vậy, tuy là đám mây mùa hạ nhưng cũng đã bước sang đầu thu nên mới *vắt nửa mình* như dùng dằng, lưu luyến. Hình ảnh thơ mới đẹp làm sao! Chuyển biến của đất trời lúc vào thu ở một làng quê nhỏ đã được Hữu Thỉnh cảm nhận bằng tình yêu thu thấm thiết, bằng tài năng nghệ thuật của mình. Những hình ảnh hết sức đặc sắc và ý nghĩa.

Với *Sang thu*, Hữu Thỉnh đã truyền được cảm xúc giao mùa đến với mỗi chúng ta để mỗi độ thu về, ta lại cảm thấy hương ổi như phảng phất, vương vấn trong lòng.

www.sachgiai.com

Đề bài: Những biến đổi của đất trời trong thời khắc giao mùa qua “Sang thu” của Hữu Thỉnh

Bài số 50

Hữu Thỉnh viết *Sang thu* năm 1977. Bài thơ là sự chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt của đất trời từ cuối hạ sang thu, thể hiện tâm hồn cảm nhận tinh tế của một con người từng trải trong thời khắc giao mùa.

Mở đầu bài thơ là những hình ảnh giàu tính biểu cảm:

*Bỗng nhận ra hương ổi
Phả vào trong gió se*

Mùa thu của Hữu Thỉnh được mở ra không phải với sắc vàng tươi của hoa cúc, cũng không phải hương vị thơm ngon của cốm Vòng, mà là với “hương ổi” thơm giòn “phả” vào trong gió. Hương thơm ấy không giống mùi hương hăng hắc của hoa sữa, cũng không nhẹ như hương nhài mà thơm ngọt, đậm tình quê để ta chợt xốn xang trong lòng. Làn gió mùa hạ bỗng chuyển sang “gió se”, nó khiến người ta hơi co lại một chút để rồi thành thói đón nhận một luồng khí thu mát rượi tâm hồn sau bao ngày nắng hạ gay gắt. Có lẽ chẳng ở đâu trên đất Việt này có cái “gió se” lạnh ấy ngoài mùa Thu đất

Bắc – cái gió se mà từ lâu vẫn được coi là là hồn thu Bắc Bộ. Hai câu thơ như một thoáng chốc băng khuâng. Sự bối rối tràn sang cả câu dưới, dù không còn “*hương ôi*”, “*gió se*” mà là:

Sương chùng chình qua ngõ

Thấp thoáng một vạt sương thu mờ ảo nhưng không phải trạng thái thức ngủ chập chờn. Nó “*chùng chình*” nửa ở, nửa đi, nghĩa là chính nó cũng phân tâm, vô định. “*Sương*” đang lưu luyến đợi chờ ai hay nuối tiếc một điều gì? Sự mơ hồ ấy có sức khám phá và khơi gợi một toạ độ không gian rõ nét dần “*Hình như thu đã về*”. Thành công của Hữu Thỉnh trong việc xây dựng những hình ảnh thơ không phải là tả cảnh mà chính là sự rung rinh, cảm nhận một cái gì đó như có, như không: ấy là những giờ phút đầu tiên của mùa thu chợt tới khiến người trong cuộc dù từng trải cũng thoáng giật mình ngỡ ngàng, băng khuâng.

Những câu thơ còn lại mới đúng là tả cảnh. Nhưng “cảnh” rất khác lạ, vượt lên tính ước lệ của thơ xưa. Cảnh đối lập trong cùng một “chất động” của thời khắc chuyển mùa.

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Chất hiện thực hiện ra thật rõ nét. Cái “*dềnh dàng*” của sông là những thời khắc nghỉ ngơi êm đềm hiếm có sau chặng đường leo thác, vượt ghềnh của những ngày bão lũ mùa Hạ. Đối lập lại với dòng sông hiền hoà, trong xanh chảy, đàn chim “*vội vã*” kiếm mồi để chuẩn bị cho một hành trình gian nan về phương Nam tránh rét. Hai tốc độ trái chiều nhau giữa chậm và nhanh là quy luật tự nhiên của muôn loài, muôn vật. Có thể nhận thấy cái nhìn của nhà thơ thật tinh tường khi nắm bắt được hết những biến đổi dù rất khẽ của tự nhiên. Hình ảnh thơ trở nên rõ nét: nó không phẳng lặng, êm đềm trôi xuôi như trước mà nhanh hơn, vội vã hơn. Cảm nhận tinh tế của tác giả được thể hiện một cách đặc sắc qua cách nhìn nhận đánh giá ở hai câu thơ tiếp theo:

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu.

Mùa hạ, mùa thu là hai đầu đến và “*đám mây mùa hạ*” là nhịp cầu Ô Thước vắt qua. Nhịp cầu thật duyên dáng nối hai bờ thời gian bằng vẻ đẹp mềm mại, trữ tình. Ở đây, Hữu Thỉnh đã lấy không gian miêu tả thời gian. Câu thơ do vậy trở nên sống động hơn, giàu hình ảnh hơn, có giá trị biểu cảm hơn: Hạ do dự chưa muốn qua, Thu ngập ngừng e lệ chưa dám đến.

Sự thống nhất như một mạch liên xuyên suốt nửa hạ, nửa thu được tâm thế lơ lửng băng khuâng kéo dài ở khổ thứ ba như một lời kết:

Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa

Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi.

Những thi liệu như nắng, sương, mưa là đặc trưng của mùa hạ. Nhưng với độ giảm dần của “vội”, “bớt” chuyển gay gắt thành dịu êm thì đó là dấu hiệu của mùa thu thực sự. Sự phân hoá giữa hai mùa có một đường ranh giới rất mong manh. Điều duy nhất có thể xác định ở đây là nhờ vào độ nhạy cảm của giác quan mạch bảo. “Hàng cây đứng tuổi” giống như một chứng nhân. Sự bất định đầy trải nghiệm ấy đang quan sát, lắng nghe và thấu hiểu những lặng lẽ, khách quan chuyển động. Chỉ có điều, hoà điệu ấy vẫn cứ so le: hàng cây đang già mà mùa thu còn rất trẻ. Phải chăng hàng cây là sự hoá thân của nhà thơ vào đó nên giọng thơ, lời thơ nhẹ nhàng mà tình thơ đầy ắp yêu thương, trù mên và pha chút suy tư. Cuộc sống trở nên đẹp biết bao trước sự chuyển biến của cảnh vật trong những bước đi lặng thầm của nó.

Sang thu không chỉ mang đến cho người đọc những cảm nhận mới về mùa thu quê hương, mà còn làm sâu sắc thêm tình cảm quê hương trong trái tim của mỗi người. Bài thơ chính là một bức tranh quê bình dị để mỗi người có thể nhìn thấy hình ảnh quê hương, hình ảnh tâm hồn mình. Miêu tả mùa thu bằng bước chuyển của vạn vật, Hữu Thỉnh đã tạo nên một cách nhìn riêng, một lối miêu tả riêng, thoát khỏi những ước lệ, khẳng định vị trí của mình trên con đường sáng tạo nghệ thuật.

Nguyễn Tùng Chi

**Đề bài: Suy nghĩ của em về bài thơ “Nói với con”
của Y Phương**

Bài số 51

Ai đã từng đọc *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ* của Nguyễn Khoa Điềm chắc hẳn không thể quên được tình cảm yêu thương nồng thắm của người mẹ Tà Ôi vừa dịu con vừa làm rẫy. Nhạc điệu qua mỗi khúc ru là những cung bậc tình cảm khác nhau của người mẹ đối với đứa con, với quê hương đất nước. Cùng mạch chủ đề này, nhà thơ người dân tộc Tày - Y Phương cũng có bài thơ *Nói với con*. Mượn lời của người cha nói với con, nhà thơ gợi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người, bộc lộ niềm tự hào, sức sống mạnh mẽ bền bỉ của quê hương mình.

Mở đầu bài thơ là một khung cảnh gia đình ấm cúng đầy ắp tiếng nói tiếng cười:

*Chân phải bước tới cha
Chân trái bước tới mẹ
Một bước chạm tiếng nói
Hai bước tới tiếng cười*

Một mái nhà có cha và mẹ, con lớn lên trong tình thương yêu, sự ấp ủ chở che, nâng đỡ và mong chờ của cha mẹ. Chỉ bốn câu thơ thôi, nhà thơ Y Phương đã tạo được không khí gia đình ấm áp, quấn quýt. Từng bước đi, tiếng nói, tiếng cười của con đều được cha mẹ mừng vui đón nhận. Hơn thế nữa, đứa

con còn sinh ra, trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình trên vùng đất quê hương:

*Người đồng mình yêu lắm con ơi
Đan lờ cài nan hoa
Vách nhà ken câu hát
Rừng cho hoa
Con đường cho những tấm lòng
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

Trong đoạn thơ, tất cả những suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc đều được diễn đạt trực tiếp bằng hình ảnh. Nhà thơ đã vận dụng tự nhiên lối diễn đạt của người miền núi để xây dựng thành công những hình ảnh thơ, làm cho những hình ảnh ấy vừa cụ thể vừa mang tính khái quát cao mà vẫn giàu chất thơ, bay bổng vẻ đẹp trong cuộc sống người dân miền núi: “Đan lờ cài nan hoa - Vách nhà ken câu hát - Rừng cho hoa - Con đường cho những tấm lòng”. Cật tre đan lờ cài thành những nan hoa, vách nhà ken vào câu hát. Thiên nhiên gắn bó nghĩa tình, che chở nuôi dưỡng và bồi đắp tâm hồn con người. Qua những vần thơ vừa tả thực lại vừa đậm chất trữ tình, người cha muốn cho con mình thấy được những vẻ đẹp, vẻ nên thơ của cuộc sống làng quê để mà yêu, mà nhớ.

Cách diễn đạt độc đáo ấy còn được thể hiện ở những câu thơ tiếp theo:

*Người đồng mình thương lắm con ơi
Cao đo nỗi buồn
Xa nuôi chí lớn*

Tác giả mượn lời người cha nói về sức mạnh truyền thống, lòng thủy chung với quê hương. Câu thơ bốn chữ, đối nhau như tục ngữ, đúc kết một thái độ, một phương châm ứng xử cao quý. Lấy chiều “cao” của trời, chiều “xa” của đất để “đo nỗi buồn, nuôi chí lớn”. Câu thơ thể hiện một bản lĩnh sống cao đẹp của người dân miền núi. Đọc thơ, ta như gặp lại tầm vóc kì vĩ của những anh hùng trong những bản trường ca *Đăm Săn*, *Xinh Nhã*.

Lời tâm tình của người cha nói với con cũng là lời khuyên răn con phải biết trân trọng mảnh đất quê hương, nơi mình sinh ra và lớn lên, phải biết sống hồn nhiên cần cù, lạc quan để vượt qua gian khó:

*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh
Sống trong thung không chê thung nghèo đói
Sống như sông như suối
Lên thác xuống ghềnh
Không lo cực nhọc*

Trong câu thơ, ta bắt gặp những hình ảnh ẩn dụ, so sánh, thành ngữ dân gian. Điệp ngữ “sống” vang lên ba lần như lời khẳng định một tâm thế, một bản lĩnh, một dáng đứng... của “người đồng mình”. Tuy sống vất vả nhưng

manh mẽ và khoáng đạt, bền bỉ gắn bó với quê hương dầu cho quê hương còn đói nghèo cực nhọc, đó là điều người cha vẫn muốn vẫn hi vọng ở con. Phải sống có nghĩa tình chung thủy với quê hương, phải biết chấp nhận và vượt qua thử thách gian nan bằng ý chí niềm tin của mình.

Những câu thơ tiếp theo là lời khẳng định với con, “người đồng mình” tuy mộc mạc thô sơ nhưng không nhỏ bé:

*Người đồng mình thô sơ da thịt
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục*

Ở đây, ta bắt gặp lối nói độc đáo của người dân tộc miền núi “người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương”. Mượn một chi tiết bình thường, người cha khái quát lên thành tinh thần tự tôn, ý thức bảo tồn nguồn cội. Chính những con người mộc mạc chân chất ấy bằng sự lao động cần cù đã làm nên quê hương với những phong tục tập quán tốt đẹp.

Những lời cuối nói với con càng trở nên sâu sắc:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt
Lên đường
Không bao giờ nhỏ bé được
Nghe con.*

Mai sau, “lên đường” không bao giờ được sống tầm thường, nhỏ bé, phải biết giữ lấy cốt cách giản dị mộc mạc của người lao động, nhưng phải làm những điều cao thượng lớn lao. Bằng lời thơ tha thiết, người cha đã truyền cho con mình vẻ đẹp, sức mạnh của truyền thống quê hương.

Bằng thể thơ tự do bay bổng phù hợp với mạch cảm xúc tự nhiên tạo ra sự cộng hưởng hài hòa với những cung bậc tình cảm khác nhau trong lời cha truyền thấm sang con, nhà thơ Y Phương đã thấu hiểu và lột tả được tâm hồn tính cách, tình cảm của người dân miền núi. Khúc tâm tình của người cha trong bài thơ cũng là lời dặn dò của lớp người trước gửi trao thế hệ mai sau hãy biết yêu, gắn bó và tự hào về quê hương mình.

Bài số 52

Thơ Y Phương hồn nhiên mà trong sáng, chân thật mà mạnh mẽ như một bức tranh thổ cẩm đan dệt những sắc màu phong phú và đa dạng, nhưng trong đó luôn có một màu sắc chủ đạo, là bản sắc dân tộc đậm nét và độc đáo. *Nói với con* là một bài thơ hay của nhà thơ. Bài thơ như một khúc tâm tình của người cha, thể hiện lòng yêu thương con của người miền núi và ước mong thế hệ con cái phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

Xưa nay, tình cha con luôn là một tình cảm thiêng liêng cao đẹp. Yêu thương con, người cha luôn có rất nhiều điều muốn nói với con. Trong bài thơ, điều đầu tiên người cha muốn nhắc nhở con của mình, đó là cội nguồn hạnh phúc của con người chính là gia đình, quê hương. Ngay từ bốn câu thơ

dầu, tác giả đã gợi ra một hình ảnh gia đình đầm ấm hạnh phúc. Người con chập chững bước từng bước đi từ trong mái ấm gia đình ấy. Cách liệt kê "chân phải", "chân trái", "một bước", "hai bước" khiến ta hình dung những bước đi của đứa con nhỏ. Cả ngôi nhà rung lên những tiếng cười của cha, của mẹ, của con... Rồi người con khôn lớn trưởng thành dần trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và trong nghĩa tình sâu nặng của quê hương. Tác giả đã có cách gọi độc đáo về những con người quê hương, một cách gọi thật gần gũi thân thương "người đồng mình". Cách gọi ấy lại gắn liền với lời tâm tình rất tha thiết của cha với con "Người đồng mình yêu lắm con ơi". Người cha đã lí giải để con có thể hiểu được "người đồng mình" đáng yêu thế nào. Họ sống rất đẹp, trong căn nhà của họ bao giờ cũng vang vọng tiếng hát: "Đan lờ cài nan hoa / Vách nhà ken câu hát"? Các động từ "cài" "ken" gây cảm giác quán quýt thân thương, gợi một cuộc sống lao động êm đềm, vui tươi trong cảnh quê hương giàu đẹp nghĩa tình:

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng

Cách nhân hoá "rừng", "con đường" cho ta cảm nhận thiên nhiên quê hương như người mẹ đã che chở, nuôi dưỡng tâm hồn đẹp đẽ của con người...

Đoạn thơ tiếp theo, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất của con người quê hương. Cụm từ "người đồng mình" được lặp đi lặp lại nhiều lần gây ấn tượng về hình ảnh con người quê hương. Lời gọi con thật thiết tha, lời nhắn nhủ thật chân tình "Người đồng mình thương lắm con ơi", người cha đã lần lượt ca ngợi những phẩm chất của "người đồng mình" với cách nói cụ thể, mộc mạc và độc đáo của người dân tộc miền núi. Người cha như giảng giải để cho đứa con hiểu về "người đồng mình": Họ có thể có những nỗi đau buồn nhưng ý chí, nghị lực luôn vươn lên: "Cao đo nỗi buồn / Xa nuôi chí lớn". "Người đồng mình" chấp nhận gian khổ không sợ gian khổ nghèo đói. Điều đó được thể hiện trong điệp từ "không chê", "không lo" và cách nói tha thiết yêu quý tự hào về quê hương. Nói với con về "người đồng mình", người cha muốn nhắc nhở con phải sống thủy chung với quê hương, không chê quê hương dù quê hương có đói nghèo vất vả. Người cha tiếp tục nói với con về "người đồng mình" sống mạnh mẽ "như sông như suối dù có "lên thác xuống ghềnh" với cặp từ trái nghĩa "lên", "xuống" càng nhấn mạnh thêm ý chí của người đồng mình". Dùng những hình ảnh cụ thể của thiên nhiên như "sông", "suối, thác", "ghềnh" mang tính chất biểu trưng cho những khó khăn gian khổ và sức mạnh vượt khó khăn của những con người quê hương là một cách độc đáo để người cha tâm sự với con.

Phẩm chất của những con người miền núi còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong: *người đồng mình tuy thô sơ da thịt / Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*. "Người đồng mình" là vậy, không biết nói hay nói khéo, tuy mộc

mạc chân chất, tuy "thô sơ da thịt" nhưng phẩm chất cao đẹp của họ, tâm hồn ý chí của họ không bao giờ nhỏ bé. Vì thế, trên đường đời con phải làm những điều lớn lao, con phải sống cao thượng để xứng đáng là "người đồng mình". "Người đồng mình" xây dựng quê hương bằng chính sức lực và tính bền bỉ của mình:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương
Còn quê hương thì làm phong tục*

Việc "đục đá" là khó, đòi hỏi phải có tinh thần ý thức cao, vậy mà người đồng mình" đã làm được để rạng rỡ quê hương. Họ sáng tạo và lưu truyền những phong tục tập quán đẹp. Người cha đã tâm sự, đã truyền cho con mình vẻ đẹp, sức mạnh truyền thống quê hương.

Kết thúc bài thơ là lời dặn, lời khuyên của người cha đối với con. Đó là lời gọi triu mến, lời nhắn nhủ thiết tha. Điều người cha dặn con thật ngắn gọn, hàm súc mà sâu sắc "*Con ơi tuy thô sơ da thịt / Lên đường / Không bao giờ nhỏ bé được / Nghe con*". Người cha muốn nhắc nhở con là phải biết tự hào về những truyền thống quê hương, sống sao cho đẹp, xứng đáng với những phẩm chất của "người đồng mình" và phải tự tin vững bước trên đường đời, phải nhớ về cội nguồn sinh dưỡng, cội nguồn quê hương, đất nước. Đó là cái nôi nuôi dưỡng con người khôn lớn trưởng thành. Thể thơ tự do, nhịp điệu lúc bay bổng nhẹ nhàng, lúc mạnh mẽ đã tạo ra sự cộng hưởng hài hoà với những thang bậc tình cảm khác nhau khiến lời người cha truyền thấm sang con.

Những phương tiện ngôn ngữ, những hình thức diễn đạt của người miền núi đã góp công lớn trong việc diễn tả tình cảm yêu thương con của người cha. Bài thơ đã góp phần tạo nên một tiếng nói riêng độc đáo về tình cảm gia đình, tình cảm quê hương trong làng thơ Việt Nam.

Cao Thị Huyền Trang

Văn học và tuổi trẻ, số tháng 4/(37)/2007

**Đề bài: Phân tích tác phẩm "Bến quê"
của nhà văn Nguyễn Minh Châu.**

Bài số 53

Bước ra khỏi cuộc chiến tranh, mỗi người lính có một ngã rẽ riêng để trở về với cuộc đời thường nhật. Nguyễn Minh Châu cũng vậy, ông lặng lẽ trở về và tiếp tục tìm tòi, khám phá cuộc sống. Và ông đã khám phá và xây dựng thành công một *Bến quê* mang ý nghĩa triết lí sâu sắc, sự trải nghiệm về đời người, một *Bến quê* mà mỗi người đọc khi gấp trang sách lại không khỏi ngẫm ngợi và có chút se sẽ buồn.

Cốt truyện xoay quanh nhân vật Nhĩ – một người từng đi đến khắp nơi tận cùng của trái đất nhưng đến cuối đời, căn bệnh hiểm nghèo buộc chân anh vào chiếc giường bệnh, không thể nhúc nhích được. Trong hoàn

cảnh đặc biệt này, anh mới nhận ra những nét gần gũi, bình dị của quê hương mình.

Vào buổi sáng đầu thu, nằm trên giường bệnh cảnh vật thiên nhiên hiện ra trước mắt anh đẹp biết bao. Nhĩ đưa mắt nhìn từ gần ra xa, từ thấp lên cao qua ô cửa sổ nhà mình. Mấy bông hoa bằng lăng như đậm hơn. Mặc dù Nhĩ đã được đi tất cả mọi xó xỉnh trên trái đất nhưng lại chưa bao giờ đặt chân lên gò đất bên kia sông. Thấp thoáng phía xa là con sông Hồng với những tia nắng chiếu xuống, nước sông có màu vàng thau đẹp lạ thường. Mọi thứ tưởng chừng rất đời quen thuộc lại trở nên hết sức lạ lẫm trong mắt Nhĩ – Cảnh vật đẹp quá làm Nhĩ cứ ngắm hoài một cách say mê. Bỗng Nhĩ thấy “vòm trời như cao hơn”, “dòng sông như rộng ra”. Cảnh vật vẫn hiện hữu bao lâu nay như thế đấy chứ? Đó chỉ là cái nhìn của một con người có dự cảm sắp phải đi xa, đến một nơi rất xa, xa lắm... Phải chăng Nhĩ đã nhận ra bằng trực giác của mình một điều: mình không còn sống được bao lâu nữa? Dự đoán của Nhĩ như thực hơn, rõ hơn sau những câu hỏi anh đã hỏi Liên – vợ mình: “Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ?”. Hình như Liên đã hiểu những gì Nhĩ đang nghĩ nên chị không trả lời. Không phải ngẫu nhiên mà những bông hoa bằng lăng trong mắt Nhĩ trở nên đậm sắc hơn, tiếng đất lở ở bãi bồi bên kia sông lại vang đến tai Nhĩ. Nhĩ hỏi Liên những câu như thế tựa như dự báo về quãng đời còn lại của Nhĩ một cách thật kín đáo, thâm lặng? Những hình ảnh mang tính biểu tượng được Nguyễn Minh Châu sử dụng khá thành công.

Một con người luôn đi đến những nơi xa lạ như Nhĩ mà lại bị bó chân trên giường bệnh thì không đau khổ nào bằng. Nhưng chính những ngày này, Nhĩ mới được sống bởi lẽ anh đã nhìn rõ được hình ảnh của quê hương. Đó là những bông hoa bằng lăng, là con sông, là bãi bồi, là vòm trời quê hương... Lần đầu tiên Nhĩ thấy Liên mặc áo vá. Người vợ mà bấy lâu nay anh chưa quan tâm hết mực nay hiện ra trước mắt anh hình ảnh, một dáng dấp tần tảo, chịu đựng, giàu đức hi sinh. Mọi sinh hoạt của Nhĩ đều nhờ vào sự chăm sóc của Liên. Đến lúc này, anh mới thấy thương và yêu vợ mình hơn bao giờ hết. Dù bao năm tháng đã qua đi nhưng nét đẹp của Liên không hề thay đổi, cũng như quê hương vậy, vẫn chan chứa nghĩa tình.

Quê hương mình sao đẹp thế? Nhĩ càng ngắm càng yêu quê hương, yêu thương những gì gần gũi, bình dị của quê mình. Khát khao cuối cùng của Nhĩ là được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông Hồng nhưng anh biết điều này không thể. Anh đã nhờ con anh – Tuấn thực hiện ước nguyện này giúp anh. Nhưng nghịch lý thay! Con anh cũng không làm được điều mà cha mình mong muốn. Tuấn chưa hiểu được ý muốn của cha và ra đi một cách miễn cưỡng. Và cậu sa vào đám phá cờ thế trên đường để thoả mãn nhu cầu ham chơi, thích khám phá của mình. Nhĩ không trách Tuấn bởi lẽ anh cũng từng như thế. Họ chẳng chỉ có những người từng trải như anh mới hiểu hết được sự đời, mới thấy được những gì mình cần phải làm? Lúc này, Nhĩ mới nhận ra một triết lý. Con người khó tránh khỏi cái “vòng vèo”, “chùng chình” trên

đường đời để hướng tới những giá trị đích thực của cuộc sống. Những nghịch lí trong cuộc đời mỗi người không ai có thể lường hết được. Và hai tình huống nghịch lí trong truyện này cũng là một minh chứng để mỗi người biết cách sống tốt hơn, sống đẹp hơn.

Mong ước cuối cùng của Nhĩ không thể thực hiện được. Anh nhìn ra ngoài cửa sổ một cách xa xăm, đầy mê say. Anh mãi mê hướng mắt theo cánh buồm. Hành động cuối cùng của Nhĩ: “đu mình ra ngoài cửa sổ, đưa bàn tay ra ngoài vẫy vẫy như đang ra hiệu cho một ai đó” có vẻ kì quặc. Nhưng có thể Nhĩ đang nôn nóng thúc giục con trai mình hãy nhanh chóng để dừng lỡ chuyến đi; hay đó là một sự đánh thức con người hãy sống khẩn trương, sống có ích, đừng sống vô bổ và tránh xa những cái “vòng vèo”, “chùng chình” trong cuộc đời. Nhưng rồi con đi cũng cập bến và Nhĩ cũng ra đi trong nỗi niềm tiếc nuối, ân hận.

Bến quê - nơi neo đậu cuối cùng của mỗi con người. Nhĩ rồi sẽ mãi mãi vào cõi vĩnh hằng nhưng trong anh còn chứa bao tiếc nuối. Hoàn cảnh đặc biệt đã đánh thức Nhĩ để anh nhận ra được những giá trị gần gũi, bình dị của quê hương, để anh thêm yêu quê hương mình. Con người ta ai cũng thế, bao lần vấp ngã trên đường đời nhưng chủ yếu là họ có vực dậy mà đi tiếp không. Nhân vật Nhĩ trong truyện đã theo đuổi những ước mơ xa vời nơi chân trời tươi đẹp nhưng anh lại đánh mất hình ảnh của quê hương, của người thân. Đến lúc Nhĩ nhận ra mọi sự việc thì đã quá muộn màng. Cuộc sống đối với Nhĩ chỉ toàn là vô vị chỉ khi cuối đời thì phần người chan chứa thi vị trong anh mới thực sự rõ nét. Dù mãi mãi lìa xa quê hương nhưng anh được nằm dưới khoảng đất yêu thương của quê mình, được đất mẹ che chở đến ngàn thu, đây cũng là một niềm hạnh phúc. Truyện ngắn *Bến quê* khép lại để cho người đọc cảm thấy ngậm ngùi cho cuộc đời một con người. Nhưng bài học triết lí sâu xa của truyện còn âm ỉ mãi. Trong cuộc sống có bao lần ta mắc phải cái “vòng vèo”, “chùng chình” của đường đời, hãy sống sao cho thật có ích, phải biết trân trọng những giá trị gần gũi, bình dị của quê hương bởi lẽ dù cho ta có đi đến nơi nào thì quê hương vẫn là điểm dừng chân cuối cùng của cuộc đời mỗi con người.

**Đề bài: Suy nghĩ về nhân vật Nhĩ trong tác phẩm
"Bến quê" của Nguyễn Minh Châu**

Bài số 54

Là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn học kháng chiến chống Mĩ, Nguyễn Minh Châu có nhiều tìm tòi quan trọng góp phần đổi mới văn học nước nhà. Truyện ngắn của ông thường chứa đựng những suy ngẫm, trải nghiệm sâu sắc về con người và cuộc đời. *Bến quê* là tác phẩm tiêu biểu cho đề tài đó.

Toàn bộ câu chuyện xoay quanh nhân vật Nhĩ trong những ngày cuối đời. Chuỗi nghịch lí bắt đầu chính trong những ngày ấy. Bị cột chặt trên

giường bệnh, Nhĩ phát hiện ra vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông. Cảnh vật nơi ấy đẹp như thơ như hoạ: những bông bằng lăng cuối mùa thưa thớt nhưng đậm sắc, con sông Hồng màu đỏ nhạt, ánh nắng sớm, vùng phù sa lâu đời của bãi bồi bên kia sông... Những cảnh sắc vốn quen thuộc gần gũi nhưng dường như rất mới mẻ đối với anh. Chính vào lúc nhận ra vẻ đẹp và sự giàu có của bến quê cũng là lúc Nhĩ hiểu ra một cách đau xót, bởi một người “đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất” lại chưa từng đặt chân lên “cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình”. Căn bệnh liệt gấn chặt Nhĩ vào giường bệnh. Mọi sinh hoạt của anh trông cả vào sự chăm sóc của vợ con. Sáng hôm ấy, bằng trực giác, anh nhận ra thời gian của mình chẳng còn bao lâu nữa, anh mới cảm nhận thấm thía về người vợ của mình. Nhĩ để ý “thấy Liên mặc áo vá”, “những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai chồng”, anh nói với vợ những lời xót xa, ân hận: “Suốt đời anh chỉ làm em khổ tâm”. Giờ đây Nhĩ mới thực sự thấu hiểu và biết ơn vợ sâu sắc bởi “tâm hồn Liên vẫn giữ nguyên vẹn những nét tao tần và chịu đựng hi sinh từ bao đời xưa, và cũng chính nhờ điều đó mà sau nhiều tháng ngày bôn tẩu tìm kiếm... Nhĩ đã tìm thấy được nơi nương tựa là gia đình trong những ngày này”. Nhĩ – con người của một thời huy hoàng, cho đến khi không còn khả năng đi lại mới phát hiện ra vẻ đẹp của bến quê cũng như sự tao tần và đức hi sinh của vợ. Trước khi ốm, anh chỉ biết đến những chân trời xa ngát với những công việc cao sang mà thờ ơ, vô tình với tất cả những gì gần gũi xung quanh, kể cả người vợ suốt một đời yêu thương và tận tụy. Sự thấu hiểu muộn màng trong những ngày cuối đời dù sao cũng đem lại cho anh sự bình yên, tin cậy sau cả một đời bôn tẩu, kiếm tìm.

Song nghịch lí của câu chuyện không chỉ có thế. Cũng trong buổi sáng hôm ấy, khi nhận ra vẻ đẹp qua ô cửa sổ, Nhĩ bừng dậy nỗi khát khao cháy lòng và vô vọng là một lần được đặt chân lên bãi bồi bên kia sông. Khát khao đó mang ý nghĩa sâu sắc bởi đó chính là sự thức tỉnh về những giá trị bền vững, bình dị mà sâu xa của cuộc sống, những giá trị dễ bị ta vô tình, bỏ qua và quên lãng, nhất là lúc còn trẻ, khi những khát vọng xa vời vẫy gọi, cuốn người ta đi. Sự nhận thức này chỉ đến được với ta khi đã từng trải. Với Nhĩ, đó là lúc cuối đời khi phải nằm liệt trên giường bệnh. Vì thế đó là sự thức tỉnh pha lẫn niềm ân hận xót xa: “Hoạ chẳng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy hết mọi sự giàu có lẫn vẻ đẹp của bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia cả trong những nét tiêu sơ và cái điều riêng anh khám phá thấy giống như một niềm say mê pha lẫn nỗi ân hận đau đớn”. Với anh, bây giờ đó thực sự là miền đất xa lắc vì Nhĩ “lực bất tòng tâm”. Không thể tự làm điều mình khao khát, Nhĩ nhờ con trai thay mình sang sông, đặt chân lên bãi phù sa màu mỡ. Oái oăm thay, đứa con không hiểu ước muốn của cha, đã đi một cách miễn cưỡng và bị cuốn vào trò chơi phá cờ thế trên hè phố. Cậu con trai có thể lỡ chuyến dò duy nhất trong ngày. Từ đó Nhĩ nghiệm ra một quy luật khá phổ biến của đời người “Con người ta trên đường đời thật khó tránh được những điều vòng

vèo hoặc chùng chình”. Anh không trách con vì “nó đã thấy gì hấp dẫn bên kia sông đâu”.

Ở cuối truyện, khi Nhĩ tưởng tượng chính mình như một nhà thám hiểm đang chậm rãi đặt từng bước chân lên mặt đất đắp dính phù sa. Nhĩ xúc động mạnh, chân dung anh khác thường, “mặt mũi đỏ rựng, hai mắt long lanh chứa một nỗi say mê đầy đau khổ”. Khi con đồ sấp chạm vào bờ đất bên này, Nhĩ thu hết tàn lực, đu người lên cửa sổ, giơ cánh tay gầy guộc “khoát khoát y như đang khấn thiết ra hiệu cho một người nào đó”. Phải chăng anh đang nôn nóng thúc giục con trai hãy mau hơn kéo lờ chuyển đồ duy nhất trong ngày? Và dường như hành động này của Nhĩ còn có ý nghĩa khái quát hơn: Muốn thức tỉnh mọi người vượt lên những cái vòng vèo hoặc chùng chình trên đường đời để hướng tới những giá trị đích thực vốn rất gần gũi bình dị mà bền vững.

Bằng cách tạo dựng chuỗi nghịch lí để nhân vật tự nhận thức, suy ngẫm và cách xây dựng nhiều hình ảnh, chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng, tác giả đã tạo nên ý nghĩa sâu xa cho tác phẩm. Ngôi bút miêu tả thiên nhiên đẹp, tinh tế, giọng văn thâm trầm ẩn chứa những chiêm nghiệm, suy ngẫm của tác giả đã góp phần không nhỏ tạo nên những ấn tượng riêng cho tác phẩm. Những dòng cuối cùng của *Bến quê* khép lại nhưng dư âm từ những trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và con người dường như vẫn còn lan toả đâu đây, thức tỉnh trong ta sự trân trọng vẻ đẹp về những gì bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương, xứ sở.

Có lẽ, qua *Bến quê*, Nguyễn Minh Châu đã gửi gắm những suy ngẫm và trải nghiệm của cả cuộc đời – một cuộc đời đã trải qua mưa bom bão đạn chiến tranh – một cuộc đời đã có những tháng ngày vất vả, nhọc nhằn giữa dòng đời bon chen. Suy nghĩ ấy hằn sâu sắc lắm, hằn thiết tha lắm, hằn sẽ có những khoảng lặng trầm lắng chứa cả cay đắng lẫn giọt nước mắt xót xa. Bằng trái tim đầy xúc cảm của một nhà văn, Nguyễn Minh Châu đã gửi gắm trải nghiệm ấy đến mọi cuộc đời, đến tất cả mọi người như để thức tỉnh, như để nhắc nhở con người về tình cảm đẹp đẽ nhất. Đáng quý trọng biết bao một trái tim như thế, một trái tim chỉ biết tìm cái đẹp, cái hay tô điểm cho cuộc đời chung của chúng ta. Tại sao chúng ta không thể sống đẹp hơn nữa, để tô điểm thêm cho cuộc đời mỗi chúng ta, và cho cuộc đời chung của nhân loại.

Bài làm 55

Nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu là nhân vật tư tưởng truyền đạt tâm tư, tình cảm, suy ngẫm của tác giả về cuộc sống thông qua chính những suy tư, trăn trở của nhân vật. Bằng giọng văn nhẹ nhàng, trầm ấm, đưa người đọc vào thế giới của những suy tư, Nguyễn Minh Châu làm nổi bật một cách nghĩ, một triết lí sống: “Con người trên đường đời thật khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình”.

Nhân vật Nhĩ là nhân vật trung tâm của truyện với hoàn cảnh và những suy nghĩ làm ta không thể không chú ý tới.

Nhĩ là một người đàn ông già yếu, hom hem và bị liệt, suốt ngày nằm trên giường chờ vợ con chăm sóc. Nhìn vào ảnh lúc này khó ai có thể tưởng tượng rằng con người ấy lại đã có một quá khứ ngang dọc khắp năm châu bốn bể, một quá khứ huy hoàng của người trí thức học rộng biết nhiều, thường phải xa gia đình đi công tác và nghiên cứu. Hoàn cảnh của Nhĩ lúc này thật ngang trái, trở trêu. Giờ đây, khi sức tàn lực kiệt, không còn cống hiến được nữa, Nhĩ lại phải trở về nương tựa vào vợ con, dựa vào tình yêu thương chăm sóc của gia đình mà sống nốt những ngày cuối đời. Bên cạnh hoàn cảnh sống đầy nghịch lý ấy, tồn tại một nghịch lý khác trong trái tim già nua, yếu ớt của Nhĩ. Đi khắp xó xỉnh trên thế giới, giờ đây khi nhận ra được vẻ đẹp nơi quê hương thân yêu và muốn đặt chân lên miền đất xinh đẹp ấy thì Nhĩ đã không còn đủ sức mà làm điều đó nữa.

Ngày ngày nằm bên cửa sổ ngắm thế giới xung quanh bằng con mắt chán chường và có phần tuyệt vọng, thiên nhiên trong mắt Nhĩ đẹp đẽ và sáng sủa muôn phần hơn quang đời còn lại của Nhĩ: Con sông chở nặng phù sa bồi đắp cho đôi bờ thêm màu mỡ, vòm trời xanh trong cao rộng của mùa thu dịu dàng, bãi bồi màu vàng thau xen lẫn màu xanh non tươi tốt trù phú và những bông hoa bằng lăng như thắm lại trong màu nắng nhạt cuối thu. Bông hoa cuối thu tím hơn, thắm hơn như lòng người từng trải dễ xúc động, rung cảm với cuộc sống hơn, để có những trải nghiệm sâu sắc về cuộc sống hơn. Tâm trạng ấy khiến Nhĩ vỡ ra thêm nhiều điều và những triết lý của những người nhiều tuổi.

Những ngày cuối đời được vợ chăm sóc, lo lắng hết mực khiến Nhĩ không thể không cảm thấy có lỗi với gia đình bé nhỏ mà mình đã bỏ rơi thời trai trẻ bay nhảy. Nhìn tấm áo rách của Liên được vá lại, Nhĩ cảm thấy mình đã vô tâm biết bao! Vợ Nhĩ – Liên, suốt đời lui cui bên bếp lửa chăm lo cho cuộc sống gia đình, vậy mà Nhĩ chưa từng biết và muốn chia sẻ nỗi vất vả ấy với vợ. Liên trong mắt Nhĩ vẫn thế - một người phụ nữ vẹn nguyên những nét đẹp của miền quê. Nhìn vợ đút từng miếng cháo cho mình, Nhĩ đến với một suy ngẫm có lẽ vẫn đúng và mãi đúng: Gia đình luôn là nơi che chở, đùm bọc và là nơi trở về bình yên nhất cho mọi người.

Không chỉ suy nghĩ về thiên nhiên, về người vợ tần tảo yêu thương, Nhĩ còn có những khao khát cuối đời tưởng chừng như giản đơn mà tuổi trẻ anh đã bỏ qua – đặt chân lên bãi bồi xinh đẹp bên kia con sông. Cho đến tận cuối đời, anh mới nhận ra vẻ đẹp đơn sơ diệu kỳ ấy và cháy bỏng khao khát được khám phá nó. Nhưng cuộc sống đâu có giản đơn thế, khi anh làm được, thì anh coi thường và không làm, giờ đây khi anh không còn làm được, niềm khao khát ấy lại cháy dữ dội trong anh. Không nói đến chuyện bước sang bãi bồi ấy, ngay cả việc đi đến cửa sổ để ngắm nhìn nó thôi, anh cũng đã thật chật vật, vất vả, và còn phải nhờ tới sự trợ giúp của đám trẻ con hàng

xóm "tay chua lòm mùi nước dừa". Nhưng không vì thế mà anh bỏ cuộc, anh lại nhờ thằng con trai đang ngồi đọc sách đi thay anh. Nhưng nó lại đâu hiểu được những chất chứa, vấn vương trong lòng anh. Hình ảnh người con trai lại sà vào đám cỏ thế và có thể lỡ chuyến đi sang sông duy nhất trong ngày làm Nhĩ không khỏi buồn lòng khi nghĩ tới. Nó lại đang đi những gì mà anh đã đi và một ngày nào đó sẽ hối tiếc. Anh bất lực với cuộc sống, với những khát khao và với chính những suy ngẫm của anh. Đó chính là sự bất lực của cuộc sống mà Nguyễn Minh Châu muốn gửi gắm đến người đọc. Nhân vật Nhĩ đã rơi vào lãng quên vô tình rất lâu để rồi nhận ra, với sự bất lực của mình, anh không còn chăm sóc cho vợ được nữa, không còn được đặt chân sang bãi bồi bên kia để khám phá nét đẹp thiên nhiên và cuộc sống được nữa, và anh cũng bất lực trong chính cả cuộc đời của con trai anh - khi nó đang sà vào đám phá cỏ thế bên lề đường. Đó là sự bất lực của con người trước cuộc đời dài rộng. Cũng chính từ sự bất lực và tuyệt vọng ấy, Nhĩ cũng chợt nhận ra một triết lý mới mẻ và cũng là triết lý mà tác giả muốn gửi gắm qua tác phẩm: "Con người trên đường đời thật khó tránh khỏi những điều vòng vèo hoặc chùng chình", những điều "vòng vèo", "chùng chình" ấy là những đam mê nhất thời của tuổi trẻ, những đam mê phù phiếm hão huyền rồi cũng đến với bất kì ai. Nguyễn Minh Châu đã nhận ra triết lý sống đó và viết tác phẩm như một lời thức tỉnh cho tất cả mọi người.

Như vậy, Nhĩ là nhân vật tư tưởng của truyện, một nhân vật với nhiều nghịch lý, ngang trái và nhiều suy ngẫm trong cuộc đời. Truyện ngắn *Bến quê* với tình huống truyện độc đáo, giọng văn nhẹ nhàng, sâu lắng cùng nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng sâu sắc đã làm nổi bật lên một loạt chiêm nghiệm, suy ngẫm về cuộc đời, về gia đình và về những điều đã trở thành quy luật của cuộc sống. Truyện kết thúc bằng hình ảnh nhân vật Nhĩ "đu mình nhô người ra ngoài", "khoát khoát y như đang khấn khiết ra hiệu cho một người nào đó" là hình ảnh mang nhiều ý nghĩa, có thể Nhĩ cố níu giữ chuyến đò đi sang bên kia sông trong vô vọng, có thể anh đang cố ra hiệu cho tất cả mọi người về một sự thức tỉnh cần có trong tất cả mọi người. Kết truyện vì thế trở nên nhẹ nhàng mà mang lại nhiều suy ngẫm, âm vang trong lòng người đọc, về một *Bến quê* bình yên, xinh đẹp, một bến quê bao dung cho tất cả mọi người đến và cảm nhận.

Nguyễn Thu Giang

Đề bài: Những nghịch lý trong truyện ngắn "Bến quê" của nhà văn Nguyễn Minh Châu

Bài số 56

Là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn học kháng chiến chống Mĩ, Nguyễn Minh Châu có nhiều những tìm tòi quan trọng góp phần đổi mới văn học nước nhà. Truyện ngắn của ông thường chứa đựng những suy ngẫm trải nghiệm sâu sắc về con người và cuộc đời. Trong đó truyện

ngắn *Bến quê* (in trong tập truyện ngắn cùng tên, xuất bản năm 1985) được xây dựng trên một nghịch lí khác, nghịch lí trong đường đời và cuộc đời của Nhĩ, nhân vật chính của truyện.

Toàn bộ câu chuyện xoay quanh nhân vật Nhĩ trong những ngày cuối đời. Chuỗi nghịch lí bắt đầu chính trong những ngày ấy. Bị cột chặt trên giường bệnh, Nhĩ phát hiện ra vẻ đẹp lạ lùng của bãi bồi bên kia sông. Cảnh vật nơi ấy đẹp như thơ như hoạ: Những bông bằng lăng cuối mùa thưa thớt nhưng đậm sắc, con sông Hồng màu đỏ nhạt, ánh nắng sớm, vùng phù sa lâu đời của bãi bồi bên kia sông... Những cảnh sắc vốn quen thuộc gần gũi nhưng dường như rất mới mẻ đối với anh. Chính vào lúc nhận ra vẻ đẹp và sự giàu có của bến quê cũng là lúc Nhĩ hiểu ra một cách đau xót, bởi một người “đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất” lại chưa từng đặt chân lên “cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình”. Một nỗi thèm khát kì lạ đã đến với anh: anh muốn chiếm lĩnh cái không gian liền kề này nên đã nhờ Tuấn – đứa con trai học đại học tại một thành phố phía Nam vừa mới nghỉ hè trở về – thay anh đặt bước chân đến bến sông. Anh muốn tận hưởng cái cảm giác “chậm rãi đặt từng bước chân lên cái mặt đất dập dính phù sa” ấy. Đó là nghịch lí hay số mệnh? Đã là số mệnh sao lại phũ phàng đến thế? Có lẽ nào nghịch lí cuộc đời đã nhiều lần bắt anh day dứt thế chẳng? Trong những ngày cuối đời, anh có nhiều thời gian hơn để suy ngẫm và chiêm nghiệm về cuộc đời trong những ngày tháng đã qua. Và số mệnh lại một lần nữa cất cao tiếng nói, vẫn là nghịch lí, nhưng là một nghịch lí con người đã quên bằng bấy lâu.

Lại càng trở trêu hơn nữa khi anh nhờ thằng con trai thực hiện ước muốn của mình nhưng nghịch lí lại diễn ra khi thằng con trai anh cũng không hiểu được niềm khao khát của cha nó. Từ lúc đứa con trai lộp bộp đôi dép sa bô xuống thang gác, anh hồi hộp, gắng gom góp sức tàn để theo dõi con dò mỗi ngày một chuyển đang chống sào tách khỏi chân bãi bồi bên kia để sang bên này và anh cũng kịp nhận ra rằng, thằng Tuấn con anh đã chậm chân vì nách vẫn kè kè cuốn sách dịch và mãi sa vào một đám người chơi phá cờ thế trên hè phố. Thời gian được anh tính từng tích tắc, thế mà con anh có hiểu được anh đâu. Nhưng làm sao hiểu được khi nó chưa đối diện với sự ngắn ngủi nghiệt ngã của thời gian như anh. Anh nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi được những điều vòng vèo hoặc chùng chình. Vả lại nó đã thấy có gì đáng gọi là hấp dẫn ở bên kia sông đâu? Hoạ chẳng chỉ có anh là người từng trải, đã từng in gót chân khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy hết vẻ giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia, cả trong những nét tiêu sơ, và cái điều riêng anh khám phá thấy giống như một niềm mê say pha lẫn với nỗi ân hận đau đớn.

Đường đời của nhân vật Nhĩ quả là đã được đo bằng các đơn vị lớn lao bằng vùng, miền, quốc gia, châu lục, đại dương và nhiệm vụ anh phải đảm nhiệm hẳn là rất quan trọng mang tầm quốc gia, dân tộc. Vậy mà giờ đây,

anh phát hiện ra cái không gian trước mắt không quá một tầm nhìn từ cửa sổ nhà anh – chứ không hề là cái không gian vũ trụ trong tư thế “đăng cao, vọng viễn” gì cả. Anh cũng không phải là người li hương gần suốt cả cuộc đời như Hạ Tri Chương xưa kia tóc đã điểm sương mới về quê cũ – mà lại xa lạ với cái gần gũi đến mức tự trách sao mình chưa đặt chân đến đó bao giờ. Trong tâm lí nhân vật, đây không phải là trạng thái nặng nề của sự cắn rứt lương tâm vì không có một dòng nào trong truyện phủ nhận những gì anh đã trải qua, đã sống và hiến dâng cho sự nghiệp chung. Đây chỉ là một niềm hối tiếc pha chút ân hận: Sao trong những năm tháng trải bước khắp mọi phương trời, ta lại không một lần ngoái về để nhìn ra được vẻ đẹp của những gì thân quen, gần gũi nhất, nơi đã sinh ra ta, nuôi ta lớn thành người và sẽ là nơi ta nằm xuống mãi mãi trong lòng đất mẹ? Nhĩ tự nhận ra nghịch lí của cuộc đời mình và đó cũng là bước thức nhận của tâm hồn và trí tuệ trên lộ trình dài đặc quanh co của đường đời.

Cuộc đời Nhĩ, chưa phải là dài nhưng tuyệt đối không quá ngắn. Bằng chứng là thằng Tuấn – đứa con thứ hai của anh đã vào đại học tròn năm nhưng đến bây giờ là lần đầu tiên Nhĩ mới để ý thấy vợ mình – Liên – đang mặc tấm áo vá. Cảm thức mỗi ngày trôi qua với anh thật dài đằng dặc:

“Hôm nay đã là ngày thứ mấy rồi em nhỉ?”

Trong cảm thức của anh, thời gian còn lại thật vô cùng ngắn ngủi: “Không khéo rồi thằng con trai anh lại trễ mất chuyến đò trong ngày”. “Anh đang cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát y như đang khẩn thiết ra hiệu cho một người nào đó”. Quá trình tâm lí tư tưởng ấy diễn biến trong cái không gian nhỏ hẹp của tấm phản, căn phòng, khung cửa sổ. Bến sông quê cạnh nhà gần gũi thế nhưng sao mà xa cách trong tâm thế phát hiện lần đầu với nỗi vô vọng bất lực của nhân vật. Nó là không gian vi mô (“đầu cầu thang”) hiện lên trước cái nhìn cận cảnh trong sự đối sánh đầy chất đối nghịch với không gian vĩ mô (Thành phố Hồ Chí Minh) tạo bởi cái nhìn xa vào những chân trời quá khứ:

– Anh cứ tập tành và uống thuốc cho đều. Sang tháng mười, nhất định anh đi lại được.

– Vậy thì đầu hoặc giữa tháng mười một, anh sẽ đi Thành phố Hồ Chí Minh một chuyến.

– Đi Thành phố Hồ Chí Minh thì chắc chẳng được nhưng anh có thể chống gậy đi trong nhà. Hoặc tiến triển tốt hơn, em có thể đỡ anh men cầu thang bước xuống một bậc... hoặc giả anh lại khoẻ hơn, chúng mình có thể bước xuống hai bậc.

– Ừ, tưởng gì... nhất định đầu tháng mười anh sẽ đi ra được đến đầu cầu thang.”

Cùng với không gian ấy là sự đối chứng của thời gian thực tại ngắn ngủi – đời thường với thời gian đời người mà Nhĩ đã trải qua. Cái Bến quê được đặt

trong tương quan không gian – thời gian đó. Nó là tất cả những phát hiện âm áp tình người, tình đời của nhân vật mà cũng là của tác giả trước những gì thân quen nhất, thân yêu nhất, những gì hồn nhiên, gần gũi nhất, những gì là giàu có, đẹp đẽ nhất, thuần phác nhất và cổ sơ nhất của mảnh đất sinh thành ra ta và sẽ nhận ta về khi nhắm mắt xuôi tay.

Cũng như nhiều tác phẩm của mình, trong *Bến quê*, Nguyễn Minh Châu đã khai thác rất thành công tình huống truyện mang đầy nghịch lí. Có lẽ những nghịch lí ấy, dưới ngòi bút tài hoa là thứ công cụ đắc lực nhất, thể hiện một chiều sâu triết lí, tư tưởng. *Bến quê* theo ý nghĩa đó là một nhận thức sâu sắc của nhân vật về đường đời và cuộc đời. Nhưng thật oái oăm, nghịch lí ở đây chính là khi anh thức nhận ra được chân lí ấy thì anh lại không còn khả năng để thực hiện. Trong cuộc sống có bao lần ta mắc phải cái “vòng vèo”, “chùng chình” của đường đời, hãy sống sao cho thật có ích, phải biết trân trọng những giá trị gần gũi, bình dị của quê hương bởi lẽ dù cho ta có đi đến nơi nào thì quê hương vẫn là điểm dừng chân cuối cùng của cuộc đời mỗi con người. Người đọc trân trọng *Bến quê*, trân trọng những suy ngẫm, trải nghiệm sâu sắc của nhà văn về con người và cuộc đời, thức tỉnh ở mọi người ý thức trân trọng những vẻ đẹp và giá trị bình dị, gần gũi của gia đình, quê hương.

Sưu tầm và sửa chữa

**Đề bài: Phân tích bài học làm người qua hai tác phẩm
“Ánh trăng” của Nguyễn Duy và “Bến quê”
của Nguyễn Minh Châu.**

Bài số 57

Có thể nói Nguyễn Duy và Nguyễn Minh Châu là hai cây bút tiêu biểu cho văn học Việt Nam từ năm 1954 đến nay. Mỗi tác phẩm của họ đều để lại những dấu ấn sâu sắc, những âm vang dậy lên trong ta sự xúc động chân thành.

Trong văn học thời kì chống Mĩ cứu nước, Nguyễn Duy và Nguyễn Minh Châu đã rất thành công trong cảm hứng ngợi ca đất nước và nhân dân anh hùng. Từ sau năm 1975 đến nay, đất nước từng bước chuyển mình để đi đến sự đổi mới toàn diện. Trên cái nền hiện thực ấy, Nguyễn Duy và Nguyễn Minh Châu đã hướng ngòi bút của mình vào các vấn đề có tính chân thực cao về đời sống xã hội. Một trong những đề tài được quan tâm là sự tự thức tỉnh, tự giáo dục để hoàn thiện vẻ đẹp nhân cách. Đọc tác phẩm *Ánh trăng* của Nguyễn Duy và *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu, ta cảm nhận sâu sắc bài học làm người mà mỗi tác giả đã gửi gắm trong hành trình tìm về nguồn cội và cuộc đấu tranh tự vấn lương tâm để thức tỉnh chính mình.

Đôi khi giữa cuộc sống phồn hoa đô hội, con người với đầy đủ những tiện nghi sinh hoạt hiện đại, sang trọng, bị cuốn hút bởi nhiều thú vui mới lạ,

hấp dẫn dễ đánh mất đi những gì đẹp đẽ thân thương của quá khứ mà đáng lẽ phải trân trọng nâng niu, yêu quý. Ta đã bắt gặp điều ấy qua *Ánh trăng*. Bài thơ đã đạt giải A trong cuộc thi thơ do Hội Nhà văn Việt Nam tổ chức. *Ánh trăng* là lời nhắc nhở về những tháng năm gian lao mà anh dũng, nghèo khổ mà nồng ấm tình thương của cuộc đời người chiến sĩ gắn bó với thiên nhiên, với con người bình dị, hiền hậu, Nguyễn Duy đã gợi nhớ một miền kí ức thăm sâu:

*Hồi nhỏ sống với đồng
với sông rồi với bể
hồi chiến tranh ở rừng
vầng trăng thành tri kỉ*

Dù sống ở “đồng”, ở “sông” hay ở “bể”, ở “rừng” thì đi đâu nhân vật trữ tình “Ta” cũng có “Trăng” bầu bạn. Quan hệ giữa vầng trăng – ta là quan hệ tri kỉ. Không gian “đồng” – “sông” – “biển” – “rừng” gợi nhớ quá khứ gian khổ. Ở đó vầng trăng đã trở thành máu thịt của ta:

*Ngỡ không bao giờ quên
cái vầng trăng tình nghĩa*

Từ “vầng trăng tri kỉ” đến “vầng trăng tình nghĩa” là quá trình gắn bó sâu nặng khẳng định một tình cảm vững bền tưởng như không bao giờ thay đổi. Thế nhưng, “người ta định rồi chẳng bao giờ người ta làm được” (*Lão Hạc* – Nam Cao).

Nhân vật trữ tình trong *Ánh trăng* đã như thế!

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

Từ “vầng trăng tri kỉ”, “vầng trăng tình nghĩa” nay đã biến thành “vầng trăng người dưng”! Quả là một sự thay đổi không thể lường trước. Một sự phản bội? Điều gì đã làm nên sự phản bội đáng xấu hổ ấy? Phải chăng là sự đổi thay về môi trường sống: từ miền gian khổ thiếu thốn, khó khăn về nơi đầy đủ, sung sướng; từ giữa thiên nhiên mộc mạc chân chất:

*Trần trụi với thiên nhiên
hồn nhiên như cây cỏ*

Về với “Ánh điện cửa gương:...? phải chăng “có mới, nới cũ”? Lối sống mới, cuộc sống mới với bao nhiêu cái mới đã làm cho Ta quên đi Ánh Trăng quá khứ, đúng là sự tự cắt bỏ đi một phần máu thịt của chính mình! Thế nhưng, “cuộc đời vốn đa sự, con người vốn đa đoan” chỉ đến khi trong cuộc sống gặp trắc trở khó khăn thì Ta mới có dịp để nhìn lại chính mình:

*Thình lình đèn điện tắt
phòng buyn-dinh tối om
vội bật tung cửa sổ
đột ngột vầng trăng tròn*

Chính trong lúc khó khăn ấy của cuộc sống, vầng trăng lại đột ngột xuất hiện tròn vẹn, thủy chung. Đối diện với “trăng tròn vành vạnh” là sự đối diện với sự vẹn tròn chân thật, yêu thương và ấm áp. Đối diện với lòng độ lượng, khoan dung của quá khứ ân tình, ân nghĩa, ta chợt thấy giạt mình:

*Trăng cứ tròn vành vạnh
kể chi người vô tình
ánh trăng im phăng phắc
đủ cho ta giạt mình*

Nhân vật trữ tình trong bài thơ “giạt mình” hay chính Ta cũng phải giạt mình. Hãy cảnh tỉnh mình khi chưa quá muộn!

Bài thơ như một lời tự sự của chính tác giả, như một lời tự sự của chính mỗi chúng ta, nhắc nhở ta về thái độ sống “uống nước, nhớ nguồn”, thủy chung cùng quá khứ.

Cũng đúc kết một bài học làm người, Nguyễn Minh Châu qua tác phẩm *Bến quê* đã để lại trong ta những trăn trở, những suy ngẫm sâu xa mang tính triết lý. *Bến quê* được đánh giá là một trong những tác phẩm xuất sắc của Nguyễn Minh Châu trong giai đoạn đổi mới nền văn học. Có nhà văn cho rằng, ông là người mở đường tinh anh và tài năng đã đi được xa nhất. Bài học làm người ta bắt gặp trong *Bến quê* được gửi gắm qua nhân vật trữ tình – tư tưởng: nhân vật Nhĩ với nhiều nghịch lý trong cuộc đời. Nhĩ là con người từng trải, có địa vị, đi rộng, biết nhiều. Bao cảnh đẹp chốn gần xa, của ngon vật lạ trên thế giới anh đều được thưởng thức: “Suốt cả đời Nhĩ đã từng đi không sót một xó xinh nào trên trái đất”. Thế mà những cảnh vật gần gũi nơi bến quê: “Cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước khuôn cửa sổ của gian gác nhà Nhĩ như một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non – những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ” thì mãi cuối cuộc đời khi bị cột chặt trên giường bệnh Nhĩ mới nhận ra! Cũng như lần đầu tiên Nhĩ để ý thấy Liên – vợ anh mặc tấm áo vá! Hình ảnh người vợ tảo tần giàu đức hi sinh làm Nhĩ thật sự cảm động. Đó là tiếng lòng, tiếng đau thương mà không phải lúc nào anh cũng nghe, cũng cảm được. Đến bây giờ Nhĩ mới khám phá ra vẻ đẹp của bến quê ư? Đến bây giờ Nhĩ mới thấy Liên mặc áo vá ư? Tại sao vậy? Phải chăng vì quá mãi mê khám phá những gì xa xôi mới mẻ mà anh đã bỏ quên đi điều gần gũi thân thương và rất đời thường đối với mình!

Khát vọng cuối cùng của Nhĩ lúc biết mình sắp từ giã cõi đời là muốn đặt chân lên mảnh đất ở bãi bồi bên kia sông, nơi ấy có bến quê của anh. Anh không thể tự mình làm được điều đó. Bởi vì “nhắc mình ra được bên ngoài phiến nệm nằm, anh tưởng mình như vừa bay được nửa vòng trái đất”. Anh đã phải cậy nhờ Tuấn – con trai anh làm điều ấy. Tuấn – một sinh viên học tại một trường đại học ở tận một thành phố phía Nam – đã miễn cưỡng nhận lời cha. Thế nhưng, lời cầu xin tha thiết và thái độ khẩn khoản của

người cha ốm đau tội nghiệp đã bị anh bỏ quên ngay sau đó. Anh đã rơi vào trận chơi phá cờ thế trên vỉa hè và để lỡ mất chuyến đò duy nhất trong ngày về bãi bồi phía bên kia, để lỡ mất cơ hội duy nhất thực hiện ước nguyện của người cha đáng kính.

Suốt đời Nhĩ cũng đã từng chơi phá cờ thế trên nhiều hè phố, thật không dứt ra được. Không khéo rồi thằng con trai anh lại trể mất chuyến đò trong ngày. Nhĩ nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đường đời thật khó tránh khỏi được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình, vả lại nó đã thấy có gì hấp dẫn ở bên kia sông đâu? Họa chăng chỉ có anh đã từng trải, đã từng in gót khắp mọi chân trời xa lạ mới nhìn thấy hết sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp của một cái bãi bồi sông Hồng ngay bờ bên kia, cả trong những nét tiêu sơ, và cái điều kiện riêng anh khám phá thấy như một niềm say mê pha lẫn với nỗi ân hận đau đớn, lời lẽ không bao giờ giải thích hết”. Những suy nghĩ mang tính trải nghiệm của Nhĩ làm cho ta cảm thấy day dứt trần trở! Làm sao để thoát khỏi “cái điều vòng vèo chùng chình” trong cuộc sống? Bởi vì chính cái điều vòng vèo chùng chình ấy mà Nhĩ đã đau đớn ân hận vào giờ phút cuối cuộc đời! Và Tuấn – con trai anh – rồi sẽ đau đớn ân hận bên linh cữu của cha! Và cả chúng ta nữa, chúng ta cũng có thể như thế! Bài học làm người mà Nguyễn Minh Châu gửi gắm trong *Bến quê* thật là sâu sắc!

Anh trăng và Bến quê – hai tác phẩm với hai thể loại khác nhau nhưng cả hai là bài học quý giá cho mỗi chúng ta. M. Gorki đã từng nói: “Văn học là nhân học”. Học văn là học về con người, học cách làm người!

Cám ơn Nguyễn Duy, cám ơn Nguyễn Minh Châu bằng văn học nghệ thuật đã cho ta bài học đạo lý làm người. Đó là hành trang sống của mỗi chúng ta để ta vững bước trên đường đời. Đúng là: “Nghệ thuật không đứng ngoài trở về cho ta đường đi mà nghệ thuật vào đốt lửa trong lòng ta, khiến ta phải tự bước lên con đường ấy (Nguyễn Đình Thi, *Tuyển tập*, Tập II, Nhà xuất bản Văn học).

(Nguồn: Sở Giáo dục và Đào tạo Thừa Thiên Huế)

**Đề bài: Cảm nhận về nhân vật Phương Định
trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.**

Bài số 58

Tôi muốn viết những dòng thơ tươi xanh

Vẫn nóng viết những dòng thơ lửa cháy

Tâm trạng đó đâu chỉ có ở riêng mình nhà thơ Tố Hữu mà còn có ở rất nhiều văn nghệ sĩ khác, trong đó có Lê Minh Khuê. Khi đất nước ta còn chia cắt, miền Nam cháy lửa căm hờn, nhiều nhà văn đã khoác ba lô xuyên rừng đấp suối đến với cuộc chiến đấu gian khổ mà hào hùng của dân tộc. Bởi thế, những trang viết của họ là những trang đời thấm đẫm cảm xúc, suy tư, ước mơ, và khát vọng của nhân dân ta trong những năm tháng chiến tranh khốc

liệt, *Những ngôi sao xa xôi* là một trường hợp như thế. Qua truyện ngắn này, một bài ca về vẻ đẹp của con người Việt Nam đã cất lên tha thiết và hùng hồn, trong đó nổi bật là hình ảnh của cô thanh niên xung phong Phương Định.

Hình ảnh Phương Định - một trong ba cô gái của "tổ trinh sát mặt đường" trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* đã được nhà văn Lê Minh Khuê khắc họa rất thành công. Phương Định cùng Nhỏ và Thao - những cô gái thanh niên xung phong sống trên cao điểm mênh mông khói bụi Trường Sơn và bom đạn hủy diệt của kẻ thù. Công việc của cô và đồng đội trong tổ trinh sát mặt đường là "đo khối lượng đất đá lấp hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom" để bảo vệ con đường cho những đoàn xe băng về phía trước, góp phần vào sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Công việc ấy thật vinh quang nhưng cũng đầy hi sinh gian khổ. Song chính hoàn cảnh gian khó hiểm nguy ấy đã làm cho chúng ta cảm nhận được những phẩm chất đáng quý của cô.

Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất của Phương Định với người đọc chúng ta là tâm hồn trong sáng, mơ mộng, là sự hồn nhiên như trẻ thơ của cô. Hình ảnh Phương Định hiện lên vô cùng đáng yêu đáng mến: một cô gái Hà Nội xinh xắn nhưng chỉ khiêm tốn nhận mình là "khá" với "hai bím tóc dày, tương đối mềm", "cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn", còn đôi mắt, đôi mắt tuyệt đẹp - đôi mắt mà các anh lái xe vẫn hết lời khen ngợi: "Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!". Một vẻ đẹp thật nữ tính và có chiều sâu! Bước chân vào chiến trường, hành trang duy nhất mang theo là những kỉ niệm về những ngày tháng hồn nhiên của thời thiếu nữ bên gia đình trong "một căn nhà nhỏ" để rồi cô chợt nhớ nhà, nhớ mẹ, "nhớ những ngôi sao to trên bầu trời thành phố", nhớ "cái vòm tròn nhà hát" hoặc "bà bán kem"... Tất cả như ùa về trong giây lát. Phải chăng chính những kỉ niệm hồn nhiên, trong sáng của thời thiếu nữ nơi quê nhà thân thương ấy đã làm dịu mát lòng cô ngay giữa chiến trường bom đạn ác liệt? Phương Định còn rất thích hát, cô thích "dân ca quan họ mềm mại dịu dàng", "thích Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô", thích "dân ca Ý trữ tình giàu có". Cô hát với một niềm lạc quan, yêu đời tha thiết, tiếng hát át tiếng bom, và cái ác liệt của chiến tranh cũng đâu thể ngăn cản được niềm vui thích rất đời rất trẻ đến trẻ con của Định. Cô "vui thích cuống cuồng" khi bắt gặp một trận mưa đá trên cao điểm. Chao ôi, có ai ngờ rằng ở người con gái tưởng chừng như kiêu kì ấy lại có một tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn ruột thịt như chị em hơn bao giờ hết, và "thực tình trong suy nghĩ của tôi những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ".

Chẳng những Phương Định là một cô gái có tâm hồn trong sáng, nhiều mơ ước, nhiều xúc cảm mà cô còn là một nữ thanh niên xung phong hết sức can trường, quả cảm. Đáng khâm phục biết bao khi người con gái đất Hà

thành ấy đã rời chiếc ghế nhà trường xung phong vào phục vụ tuyến đường Trường Sơn máu lửa để rồi từng ngày chạy trên cao điểm, từng giờ từng phút đếm bom rơi, bom nổ, ước lượng khối đất đá lấp vào hố bom, thậm chí phá bom nếu cần, thật nguy hiểm bởi ngày ngày phải đối mặt với tử thần nhưng dường như cô không hề quan tâm đến cái chết. Ta vẫn cảm nhận được sự nhạy cảm, tinh tế trong cảm xúc của cô trong lúc phá bom, “một tiếng động sắc đến gai người, cửa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”, phải là một người bình tĩnh mới có được những cảm nhận chân thực như vậy. Chính những lúc đó, ta mới thấy được cái sự dũng cảm của cô gái. Công việc đầy nguy hiểm và bất trắc nhưng do “quen rồi”, ngày nào cũng phải phá bom đến năm lần, ngày nào ít thì ba lần, Phương Định luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Trong tâm hồn Phương Định còn luôn thường trực tình đồng đội, đồng chí nồng ấm. Tấm lòng vị tha của cô luôn quan tâm tới đồng đội. Khi chị Nho và Thao ở trên cao điểm, phải ở nhà trực máy nhưng trong lòng Phương Định luôn lo lắng, sốt ruột, đứng ngồi không yên. Chị lo lắng đến mức chạy ra chạy vào lắng nghe cả tiếng súng hỗ trợ của các anh bộ đội pháo binh. Sự lo lắng ấy khiến chị cáu với cả đội trưởng “trình sát chưa về”. Điều đó thể hiện lòng quan tâm, lo lắng của chị với đồng đội thật sâu sắc. Cô luôn trù mến, yêu thương bạn bè, chẳng thế mà chị đã nhận xét về người đồng đội trẻ tuổi - Nho, cô phát hiện ra vẻ dễ thương của Nho “nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng”, cô còn hiểu rất rõ sở thích của đồng đội. Chị Thao thích ghi bài hát mặc dù chị hát toàn sai nhạc, chị ghi tới ba cuốn sổ dày bài hát, chị Thao còn thích tĩa đôi lông mày nhỏ như que tăm, chị hiểu được sự cương quyết, táo bạo nhưng rất đáng gờm trong công việc của chị Thao. Tuy vậy chị Thao rất sợ máu và vắt. Cô hiểu được ở Nho thích thêu thùa, trên ngực áo của Nho luôn có một bông hoa. Cô còn hiểu được tâm trạng của đồng đội như khi Nho bị thương, chị Thao thì cuống quýt lên còn Nho lại bình tĩnh, gan dạ. Phương Định băng bó, tiêm thuốc và pha sữa cho Nho. Tình cảm đồng đội, đồng chí là ngọn lửa sưởi ấm lòng, là niềm tin, là động lực, là nguồn động viên khích lệ các chị thêm vững lòng trên mặt trận đầy gian nguy này. Ngược lại, Phương Định cũng rất cần sự cổ vũ, động viên của đồng đội. Cô cảm thấy ấm lòng và tự tin hơn khi cảm thấy ánh mắt dõi theo, khích lệ của các anh chiến sĩ pháo binh. Cô được rất nhiều chiến sĩ cảm mến. Điều đó càng làm tình đồng đội, đồng chí trong cô thêm sâu đậm biết bao!

Đọc *Những ngôi sao xa xôi*, ta như thấy được ở người con gái ấy hình ảnh của cả thế hệ thanh niên xung phong trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Những trang văn của Lê Minh Khuê đã khép lại nhưng hình ảnh một cô gái Hà Nội với “hai bím tóc dày” đang “ngồi bó gối mơ màng” bên khung cửa sổ

vẫn còn mãi trong lòng người đọc. Âm vang của những câu hát sau sẽ luôn vang vọng trong con người Việt Nam với lòng tự hào đầy trân trọng:

Cô gái mở đường ra đi cứu nước

Tiếng hát ai vang vọng núi rừng.....

Đề bài: Suy nghĩ của em về hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê.

Bài số 59

Viết về người lính và chiến tranh là nguồn cảm hứng của rất nhiều nhà thơ, nhà văn. Với Phạm Tiến Duật, ta được đến với sự trẻ trung, ngang tàng của các chiến sĩ Trường Sơn qua *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*. Đọc *Khoảng trời hố bom* của Lâm Thị Mỹ Dạ, ta lại bắt gặp những cô gái mở đường không tiếc thân mình “đánh lạc hướng thù hứng lấy luồng bom”. Và đến với *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê, ta lại không khỏi thán phục trước tinh thần dũng cảm, tình đồng đội nồng ấm, tâm hồn lạc quan trong sáng của ba nữ thanh niên xung phong. Tác phẩm đã thể hiện thành công hình ảnh những nữ thanh niên xung phong nói riêng và của thế hệ trẻ Việt Nam nói chung.

Những ngôi sao xa xôi được sáng tác năm 1971, trong khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đang diễn ra ác liệt. Truyện xoay quanh cuộc sống của ba cô gái xung phong Phương Định, Nho và chị Thao theo lời kể của Phương Định – nhân vật chính – đồng thời tập trung miêu tả tâm trạng của họ trong một lần phá bom để thể hiện nét đẹp tâm hồn của mỗi người.

Đặc điểm chung rất dễ nhận thấy ở họ là tuổi trẻ yêu nước. Vì lí tưởng, vì nhiệt huyết tuổi thanh xuân mà họ đã tới chiến trường miền Nam trong niềm tin phơi phới “Xẻ dọc trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Công việc của họ là trinh sát mặt đường, một cái tên đủ gợi lên những sự tích anh hùng. Ba cô gái ấy đóng quân trong một cái hang giữa vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Hàng ngày họ phải thay nhau đứng trên cao điểm đếm bom rơi và đo khối lượng đất đá để phải san lấp và đánh dấu những quả bom chưa nổ, sau đó họ bước vào công việc nguy hiểm nhất: phá bom. Đối mặt với thân chết, họ vẫn tỏ ngời phẩm chất cao đẹp của người chiến sĩ thanh niên xung phong. Đó là trách nhiệm cao với nhiệm vụ được giao, là lòng dũng cảm, gan dạ, sự khéo léo và tinh thần sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc. Cả ba nhân vật đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam sẵn sàng hiến dâng xương máu của mình cho đất nước, sẵn sàng quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh.

Để có được khối sức mạnh đoàn kết chiến thắng mọi thử thách, họ đã gắn bó với nhau bằng tình đồng đội gắn bó, keo sơn. Như Chính Hữu đã viết:

*Anh với tôi đôi người xa lạ
Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau
Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ*

Đúng vậy, Phương Định, Nho và chị Thao từ những vùng quê khác nhau, đã gặp gỡ tại tuyến đường Trường Sơn khói lửa. Và họ đã trở thành những người đồng chí, những người chị em gắn bó, gần gũi, keo sơn, chia sẻ với nhau mọi vui buồn, phiên muộn. Một điểm chung ở họ nữa là sự hồn nhiên, vô tư và hay mơ mộng, hay nghĩ về tương lai. Đó là những vẻ đẹp trong tâm hồn mà cả ba người đều có.

Tuy có những sự tương đồng nhưng ở mỗi người đều có những nét cá tính khác nhau.

Chị Thao là tổ trưởng, ít nhiều có sự từng trải hay mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn: Sau chiến tranh, chị muốn trở thành y sĩ cứu chữa bệnh cho mọi người và chồng chị sẽ là một anh bộ đội đeo quân hàm trung úy. Chao ôi! Ước mơ của chị mới đơn sơ, bình dị và đẹp để làm sao. Ai đó đã nói rất đúng rằng “sống trên đời cần có những ước mơ”. Chính những ước mơ mà chị Thao ấp ủ trong tim sẽ nâng cánh, giúp chị vượt lên những khó khăn khốc liệt hiện tại. Trong công việc, chị Thao cương quyết táo bạo, đặc biệt là “sự bình tĩnh đến phát bực”. Máy bay địch đến đồng nghĩa với thần chết đang đến nhưng chị vẫn ung dung thong thả nhai bánh bích quy. Chi tiết nhỏ này phần nào làm sáng lên phẩm chất hiên ngang, cứng cỏi của người nữ trinh sát mặt đường. Một đặc điểm rất khó quên ở chị Thao là chị rất sợ máu và vắt. Thì ra chị cũng là một phụ nữ mềm yếu như bất cứ ai. Điều này khiến nhân vật trở nên chân thực hơn. Người tổ trưởng ấy còn rất thích hát mặc dù chị hát “nhạc sai bét”, giọng chua và chưa bao giờ thuộc trôi chảy được một bài. Dẫu vậy, tiếng hát của chị vẫn vang lên như át đi tiếng bom rơi đạn nổ. Một con người như chị Thao hẳn đã đi vào tâm trí bạn đọc như một ấn tượng khó phai.

Nhân vật Nho hiện lên là một cô gái trẻ trung, xinh xắn: “trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng”. Nho dễ thương đến mức Phương Định muốn bế nó trên tay. Nho lại rất hồn nhiên, ngây thơ - sự ngây thơ của trẻ thơ vừa tắm ở suối lên “cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo”. Nho có một sở thích rất nữ tính là thích thêu hoa loè loẹt trên chăn gối. Cô gái trẻ này có mơ ước sau chiến tranh sẽ xin vào làm thợ trong nhà máy điện và trở thành một cầu thủ bóng chuyền của nhà máy. Cũng như mơ ước của chị Thao, mơ ước của Nho mới bình dị và đẹp để làm sao. Một vẻ đẹp rực rỡ sáng ngời ở nhân vật Nho: khi bị thương nằm trong hang Nho vẫn nhồm dầy xòe tay xin mấy viên đá mưa. Thì ra là như thế, bom đạn chết chóc đau uy hiếp được tinh thần cô gái trẻ. Ngược lại cô vẫn hồn nhiên, thanh thản sống như đúng bản chất của mình.

Cũng trẻ trung như Nho nhưng Phương Định là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm vô tư, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm thời

thiếu nữ ngọt ngào. Phương Định là hình ảnh khá tiêu biểu của người con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc. Ở nơi chiến đấu, cô luôn nhớ về những kỉ niệm thời thiếu nữ bên người mẹ, trong một căn nhà nhỏ ở Hà Nội. Phương Định rất thích hát. Cô thường cứ thuộc giai điệu bài nào thì tự bịa lời và hát theo. Về hình thức, Phương Định là một cô gái khá xinh với "hai bím tóc dày, tương đối mềm; "cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn". Còn đôi mắt thì sáng long lanh với cái nhìn "sao mà xa xăm". Dù biết có nhiều người để ý nhưng cô không bao giờ vồn vã mà tỏ ra kín đáo, đôi khi tưởng như kiêu kì. Cô rất yêu quý những người đồng đội của mình và coi họ như anh chị em. Chính tình đoàn kết, tình đồng đội ấy đã đem lại cho cô niềm vui, ý nghĩa cuộc đời. Phương Định có một quan niệm bình dị và đúng đắn về mẫu người đẹp nhất của thời đại chống Mĩ "những người đẹp nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ". Có thể thấy ở nhân vật Phương Định hội tụ những nét đẹp tiêu biểu của một cô gái Việt Nam: vừa dịu dàng xinh đẹp, vừa dũng cảm, kiên trung.

Những ngôi sao xa xôi là một trong những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê. Với cách lựa chọn ngôi thứ nhất, giọng điệu trần thuật tự nhiên, gần với khẩu ngữ, phù hợp với nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tài tình, Lê Minh Khuê đã khắc họa thành công hình ảnh ba nữ thanh niên xung phong với tâm hồn trong sáng, thơ mộng và lạc quan, yêu đời. Đó cũng chính là hình ảnh của lớp trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.

Nối tiếp bản hùng ca về cuộc kháng chiến gian khổ hào hùng của dân tộc, Lê Minh Khuê đã góp thêm một nốt nhạc đẹp bằng truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi*. Hình ảnh ba cô gái thanh niên xung phong đẹp đẽ chói ngời với những phẩm chất dũng cảm, lạc quan yêu đời, sẵn sàng hi sinh vì Tổ quốc và tin tưởng vào tương lai tất thắng của dân tộc. Vẻ đẹp của cô gái cũng chính là vẻ đẹp của con người Việt Nam trong đạn bom khói lửa. Thế hệ trẻ hôm nay mãi biết ơn và tự hào với một thế hệ cha anh như thế!

**Đề bài: Phân tích vở kịch "Bắc Sơn" của nhà văn
Nguyễn Huy Tưởng.**

Bài số 60

Bắc Sơn là vở kịch nổi tiếng của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng, là tác phẩm mở đầu của kịch nói cách mạng. Tác phẩm đã giúp chúng ta hiểu về ý nghĩa cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn và sức mạnh cảm hoá của cách mạng với quần chúng. Đoạn trích hồi IV của vở kịch *Bắc Sơn* đã tạo được những xung đột kịch điển hình, qua đó tái hiện sinh động chân dung các chiến sĩ cách mạng và tâm lòng của Thơm - nhân vật trung tâm của vở kịch.

Thơm là con của cụ Phương và là chị của Sáng, hai chiến sĩ tham gia vào khởi nghĩa Bắc Sơn. Nhưng cô còn là vợ của Ngọc, một tên Việt gian đã dẫn quân Pháp về tấn công làng Vũ Lăng, đại bản doanh của cuộc khởi

nghĩa, gây thiệt hại nặng nề cho cách mạng. Trong trận chiến đấu không cân sức, cụ Phương và Sáng đã hi sinh anh dũng. Ngọc cố tình che giấu vợ về hành động theo giặc vì hấn sợ bị trừng trị. Mặt khác, hấn lại ôm tham vọng có thật nhiều tiền thưởng của Pháp vì thành tích bắt cán bộ. Một tình huống trở trêu đầy bất ngờ khi những người bị hấn lòng bắt là Thái và Cửu lại lọt vào chính ngôi nhà của vợ chồng Thơm - Ngọc. Chính trong thời điểm này, người xem được chứng kiến một sự chuyển biến dứt khoát của Thơm, sự mưu trí đánh lừa Ngọc, bảo vệ an toàn cho các chiến sĩ cách mạng.

Màn kịch bắt đầu bằng những đối thoại giữa Thơm và Ngọc. Lúc này, qua lời đồn đại, Thơm đã bắt đầu nghi ngờ Ngọc làm tay sai cho giặc Pháp. Bản tính của một người vợ yêu chồng, nhẹ dạ cả tin và trong sáng khiến cho đến tận lúc ấy cô không hề tin vào những dư luận xung quanh. Cộng vào đó, Ngọc vốn là kẻ xảo trá và khéo nịnh vợ nên cô càng không có cơ sở để nghi Ngọc là kẻ phản động. Những lời nói lấp lửng của Ngọc cho thấy hấn cố tình che giấu và chột dạ lo sợ hành động gian manh của mình bị phát giác. Khi Thơm nhìn, hấn đã hoảng hốt: "Mắt cứ như mắt chú đấy!" (chú tức là cụ Phương - bố của Thơm). Khi Thơm tỏ ý nghi Ngọc đi bắt Thái - chiến sĩ Bắc Sơn đang bị giặc truy lùng, hấn đã lu loa lấp liếm bằng những lời nói đánh trống lảng. Nhưng chính thái độ của hấn đã vạch trần bản chất hèn nhát và gian xảo: "Thơm nhìn chồng, vô ý thức y quay mặt nhìn đi chỗ khác". Dù từ trước đó, Thơm cũng là con người thờ ơ với thời cuộc, an phận thủ thường, nhưng bản thân cô không thể không chịu sự tác động của cha và em trai, biết việc đánh Tây là đúng đắn. Bởi thế, gặp ánh mắt của Ngọc lảng tránh, cô nói thẳng: "Đã làm rồi, thì thôi đi, hay ho gì cái việc ấy". Lời nói ấy cho thấy Thơm là một con người sẵn sàng khoan dung, tha thứ nhưng không chấp nhận chồng là một kẻ xấu xa. Ngọc là kẻ có nhiều tham vọng, bị đồng tiền làm mờ mắt và dựa vào thế lực của Pháp hòng kiếm chác danh vị giàu sang. Có lúc, Thơm đã tận hưởng những cám dỗ vật chất mà Ngọc đem lại, nhưng giờ phút này, cô đã dần dần thấy rõ hơn bộ mặt thật của Ngọc và những đồng tiền nhơ nhuốc hấn đem về. Bởi vậy, cô rất dứt khoát: "Làm việc ấy để có tiền thì chết đói, chết rách còn hơn. Anh thằng Sáng đừng cho tôi tiền nữa, tôi không cần tiền ấy". Nhưng Ngọc cũng thể hiện sự gian xảo, mập mờ khi tung hỏa mù lừa Thơm bằng việc vu khống trắng trợn Thái là mật thám. Bởi thế, lòng Thơm hoang mang chưa quyết, lẫn lộn trắng đen. Bản thân cô mong muốn lời đồn không là sự thật, nhưng lương tâm và linh tính mách bảo lại khiến cô đau khổ trăm phần. Kết lại lớp kịch thứ nhất của hồi này, ta thấy Thơm cầm trên tay kỉ vật là khẩu súng lục của cha mà khóc. Đó là thái độ ân hận và báo hiệu một sự chuyển biến tích cực cho tính cách nhân vật: "Chú ơi! Chỉ tại con thôi! Con có biết đâu!". Những xung đột kịch hình thành từ chính sự giằng xé nội tâm của nhân vật, đòi hỏi phải được làm sáng tỏ: "Đã chắc gì những lời đồn!... Nhưng tiền thì lấy đâu mà lăm thế!".

Tình huống đầy bất ngờ mở đầu lớp hai của hồi bốn như bổ sung thêm cho thái độ ngả về phía cách mạng của Thơm. Màn đối thoại giữa ba nhân vật: Thơm - Thái - Cửu đã tạo nên tình huống thử thách. Chính vào thời điểm này, ta nhận ra vai trò của Thái khi ngăn Cửu mạnh động định rút súng bắn Thơm, khi biết vào nhầm nhà của kẻ đang lùng bắt mình. Sự bình tĩnh của người cán bộ dạn dày ấy đã cảm hoá được Thơm. Vì đây là lần đầu tiên cô được tiếp xúc với nhân vật rất được mọi người tin yêu, ca ngợi. Những gì cô chứng kiến càng khẳng định cho niềm tin vào người cách mạng. Mặc dù Thơm chưa hiểu hết về công việc cách mạng nhưng dầu sao cô cũng là con của một liệt sĩ Bắc Sơn, đó cũng là cơ sở để giáo Thái khẳng định lòng tin: "Tôi biết cô Thơm. Anh đừng nghi ngờ dòng máu cụ Phương. Tôi tin như thế. Nghe giọng nói thì biết là thật hay không thật chứ". Nhưng điều trở trêu, vào chính thời điểm ấy, Ngọc đã dắt quân Pháp lùng bắt Thái và Cửu. Tình thế khẩn cấp không cho phép do dự và cũng là lúc Thơm chứng minh cho tấm lòng ngay thẳng của mình. Trong hoàn cảnh ấy, Thơm thể hiện thái độ hốt hoảng, cuống quýt gần như khóc, nghẹn ngào. Tâm trạng ấy không phải là lo sợ cho bản thân mà chính là đan xen nỗi lo lắng về sinh mạng những chiến sĩ đang ở trong nhà mình, cùng nỗi uất ức khi thấy tận mắt: "Có cả Tây. Ngọc cũng đi vào đấy". Thơm đã đứng hẳn về phía cách mạng khi hành động kiên quyết và mau lẹ, thân mật như một người em gái để quyết tâm bảo vệ họ.

Không chỉ che giấu cho những người cách mạng, Thơm còn phải thể hiện hết sự khôn khéo và bình tĩnh để đánh lạc hướng Ngọc. Trong giờ phút này, khi biết rõ bộ mặt thật của Ngọc, cô đã đóng một vai kịch bất đắc dĩ nhưng cũng rất tinh táo nhằm vạch rõ chân tướng của Ngọc. Màn đối thoại lần thứ hai giữa Thơm và Ngọc tạo được sự hồi hộp căng thẳng của một cuộc đấu trí. Giờ phút này, không chỉ tìm cách che chở cho những cán bộ cách mạng đang ẩn nấp ngay trong buồng của mình, nói to nhằm đánh động cảnh báo để họ đề phòng kẻ địch, Thơm còn muốn Ngọc bộc lộ chân tướng Việt gian nên cô vờ như muốn níu giữ, vừa tìm cách vuốt ve lòng tự ái của Ngọc. Quả thật, giờ phút này, Ngọc bộc lộ rõ động cơ theo giặc của mình. Hoá ra, chỉ vì những tính toán ích kỷ, cá nhân: mua nhà, tậu ruộng, chạy hàm cửu phẩm để vinh vang với thiên hạ nên Ngọc đã trở thành nô lệ cho chính những tham vọng của mình. Anh ta quả là một con người đáng giận hơn đáng thương. Bởi lẽ, đã có lúc anh ta tự độc thoại để như đáp lại một sự bứt rứt trong lòng, có lẽ vì ân hận trước việc làm của mình đã gây nên cái chết cho những người thân yêu của vợ, làm tan cửa nát nhà. Nhưng lời lẽ của Ngọc lại là một sự nguy hiểm: "Đằng nào chúng nó cũng bị bắt, mình chả bắt thì cũng người khác bắt, bắt sớm lại đỡ khổ". Để rồi cuối cùng, những toan tính nhỏ nhen đã thắng thế trước tình cảm, hẳn không thềm đếm xía đến sự quan tâm lo lắng thực sự của Thơm mà sắp ngửa chạy theo ảo vọng giàu sang. Bởi thế, dù lời lẽ của Thơm có xa xăm, bóng gió, nhằm cảm hoá Ngọc cũng không ngăn cản nổi anh ta, cuối cùng, cô phải bộc lộ thái độ sốt

ruột cùng lời nói sẵn như muốn tách xa khỏi Ngọc. Dù vậy, bề ngoài Thơm vẫn phải tỏ ra vui vẻ để tránh sự sinh nghi. Có thể nhận ra trong màn đối thoại này, những lời của Thơm không hề bày tỏ cảm xúc của người vợ thương chồng như lúc đầu mà cô đang phải gắng gượng chịu đựng vai trò người vợ trước một tên Việt gian đầy tham vọng. Kết lại hồi kịch là khoảnh khắc thử phào sung sướng như trút được gánh nặng của Thơm: "May thế!". Đó cũng là tín hiệu cho ta biết cô đã thực sự đứng về phía cách mạng, không còn là người thờ ơ đứng ngoài cuộc như trước.

Màn kịch với những tình huống đột biến liên tục trong bối cảnh ngôi nhà của Thơm đã tạo nên những bước ngoặt tâm trạng dứt khoát của nhân vật. Qua đó, chúng ta nhận ra một con người có lòng tự trọng, ngay thẳng, tuy còn có lúc ngây thơ, cả tin nhưng khi biết rõ sự thật đã lột xác để trở thành một con người bình tĩnh, can đảm, quyết tâm bảo vệ cách mạng đến cùng. Nguyễn Huy Tưởng đã thành công trong việc khắc họa tính cách nhân vật kịch qua ngôn ngữ và hành động kịch rất tự nhiên.

Bắc Sơn đã có sức cuốn hút công chúng bởi lẽ tác phẩm khắc họa chân thực hình ảnh chân thực về những chiến sĩ cách mạng trong những ngày sục sôi của khởi nghĩa Bắc Sơn. Qua đó, nhà văn còn khẳng định tấm lòng của nhân dân không rời xa cách mạng ngay cả trong giờ phút nguy nan nhất. Qua hình tượng nhân vật Thơm, công chúng còn có dịp chứng kiến sức cảm hoá của cách mạng với quần chúng. Chính mối quan hệ này đã làm nên sức sống lâu bền của tác phẩm.

SÁCH GIẢI
www.sachgiai.com

Sưu tầm

Đề bài: Phân tích vở kịch "Tôi và chúng ta" của Lưu Quang Vũ để làm rõ ý nghĩa của tình huống kịch, từ đó cảm nhận rõ vẻ đẹp của những con người chính trực trong cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới.

Bài số 61

Giữa thập kỉ tám mươi của thế kỉ XX, công chúng yêu kịch có dịp được thưởng thức những vở kịch nóng hổi tính thời sự của nhà thơ, nhà soạn kịch tài năng Lưu Quang Vũ. Những vấn đề của đất nước trong giai đoạn chuyển mình, đổi mới nhằm đáp ứng mục tiêu xây dựng đất nước đã được tác giả đề cập một cách khá cụ thể, có ý nghĩa khái quát trong vở kịch *Tôi và chúng ta*. Vở kịch đã tạo nên một tiếng vang, gợi lên những suy ngẫm về mối quan hệ giữa cá nhân và tập thể, giữa cái bảo thủ lạc hậu và tư tưởng đổi mới táo bạo, khuyến khích cổ vũ cho những con người bằng khả năng và nhiệt tình quyết tâm thay đổi lề lối làm việc và tư duy cũ, để góp công sức cùng mọi người đưa đất nước đi lên.

Toàn bộ xung đột kịch xoay quanh lề lối làm ăn của một xí nghiệp nhà nước, gắn với hai tuyến nhân vật: một bên là Giám đốc Hoàng Việt cùng

người cộng sự là kĩ sư Lê Sơn – đại diện cho những người quyết tâm thay đổi tư duy cũ, tìm kiếm giải pháp cứu vãn xí nghiệp; một bên là Phó Giám đốc Nguyễn Chính với tư duy cũ mòn, chạy theo thành tích, cố tìm cách củng cố địa vị và vây cánh cá nhân nhằm mưu đồ lợi ích riêng. Xung đột ấy đã tạo nên một cuộc đụng độ về quan điểm trong cuộc họp xí nghiệp, khi Hoàng Việt chính thức tuyên chiến với lề thói cũ, đổi mới phương thức sản xuất theo phương án của Lê Sơn. Qua tình huống kịch tính này, tác giả Lưu Quang Vũ đã có những kiến giải khá táo bạo về mối quan hệ “Tôi và chúng ta” khác hẳn với suy nghĩ của nhiều người. *Tôi và chúng ta*, mỗi quan hệ riêng – chung ấy đặt vào hai phương diện quyền lợi và trách nhiệm thường tỉ lệ nghịch với nhau ở những kẻ cơ hội, bảo thủ. Vì thế cuộc đấu tranh diễn ra không hề đơn giản, vì chính những kẻ ấy thường nhân danh tập thể tạo áp lực cho những người muốn đổi mới tư duy, thay đổi lề lối cũ.

Đoạn trích cảnh ba của vở kịch tập hợp những nhân vật chính trong bối cảnh một cuộc họp. Kịch tính bắt đầu ngay sau lời tuyên bố kế hoạch mở rộng sản xuất và phương án làm ăn mới của xí nghiệp của Giám đốc Hoàng Việt mà người trực tiếp soạn thảo là kĩ sư Lê Sơn. Ngay cả người đề ra phương án cũng không nghĩ rằng nó được triển khai một cách nhanh chóng và dứt khoát như thế. Lê Sơn là người làm chuyên môn, anh hiểu rõ những lực cản không vì những lí do kĩ thuật mà lại bắt đầu từ phía những kẻ bảo thủ cơ hội quen nếp tư duy máy móc, phụ thuộc vào cấp trên. Vì vậy, ban đầu Lê Sơn đã tỏ ra ngần ngại vì dẫu sao anh cũng chưa bao giờ dám đứng ra đối mặt với cả một bộ máy với sự trì trệ kéo dài. Sự lo ngại của anh đã tạo ra tâm lí bất bình của anh em công nhân, bộc lộ trực tiếp trong cảnh “Mọi người ồn ào. Tiếng ông Quých: cậu ấy nhất!”. Bởi vậy, lương tâm của một kĩ sư giỏi đã khiến anh trình bày phương án làm động chạm đến những người như Phó Giám đốc Nguyễn Chính và bà Trưởng phòng Tài vụ. Nút thắt ban đầu đã được gỡ, nhưng những vướng mắc chính đến giờ mới thực sự bùng phát, qua cuộc đấu khẩu của Hoàng Việt và hai nhân vật bảo thủ điển hình kia.

Đoạn đối thoại xoay quanh những vấn đề quen thuộc của một xí nghiệp sản xuất: kế hoạch, nhân sự, tiền lương gắn với quy mô sản xuất mở rộng... Tính luận chiến trong những đối thoại cho thấy sự trái ngược quan điểm giữa hai phía đổi mới và bảo thủ. Bằng những câu hỏi liên tục, Hoàng Việt đã thể hiện bản lĩnh của một người dám đứng mũi chịu sào vì quyền lợi chung của tập thể. Với quyết tâm thực hiện mục tiêu tăng kế hoạch sản xuất ít nhất là gấp năm lần, anh đã vạch ra sự vô lí từ thái độ lúng túng của Nguyễn Chính: “Cấp trên cao hơn lại dựa vào cấp trên cao hơn nữa, nghĩa là các kế hoạch được đề ra một cách ngược đời. Đáng lẽ phải do từ cơ sở đưa lên, dựa trên khả năng cơ sở và yêu cầu của thị trường”. Có thể nói, sự công kích của Hoàng Việt không nhắm vào cá nhân Nguyễn Chính, mà đó cũng là lời tuyên chiến với một cơ chế cũ kĩ đã ngự trị hàng chục năm trong các xí

nghiệp nhà nước. Đối phó lại ý kiến Giám đốc, Nguyễn Chính đã biện minh bằng kế hoạch hai, kế hoạch ba – mượn danh nghĩa vì lợi ích tập thể để đổ tội cho Hoàng Việt là con người cá nhân độc đoán khước từ quyền lợi anh em công nhân. Nhưng lời khẳng định của Hoàng Việt đã phủ nhận cách toan tính thực dụng, chỉ thấy lợi trước mắt mà biến xí nghiệp chính quy thành một nơi giải quyết đời sống công nhân theo kiểu nặng về tư lợi mà không đếm xỉa lợi ích chung cho xã hội, cộng đồng. Một xí nghiệp chính quy là cơ sở để ổn định cuộc sống lâu dài cho công nhân, đó là một suy nghĩ đúng đắn nên không ai phản đối. Những vướng mắc về nhân lực và quỹ lương đã được người giám đốc dũng cảm ấy nhanh chóng tháo gỡ bằng những giải pháp hợp lý hợp tình.

Những vướng mắc nhanh chóng được giải quyết bằng những mệnh lệnh của Giám đốc nhưng phía bảo thủ – mà đại diện tiếp theo là bà Trưởng phòng Tài vụ - đã tìm cách ngăn cản bằng những nguyên tắc tài chính, bất chấp yêu cầu cần thiết phải có ngân sách chi cho máy móc để nâng cao năng lực sản xuất. Quyết liệt hơn, ngay cả khi có lệnh Giám đốc, bà ta vẫn viện cớ: “Tôi phải làm đúng những quy định”. Với loại người ấy, Hoàng Việt đã tỏ thái độ dứt khoát, kiên quyết theo nguyên tắc thủ trưởng: “Nếu không thi hành, sẽ có người khác làm thay chị”, lời nói ấy không phải là sự độc đoán chuyên quyền, bởi lẽ không phải xuất phát từ động cơ cá nhân. Tinh thần đổi mới triệt để được thể hiện với một ý chí tiến công vào những tiêu cực để biểu dương nhân tố mới cho ta thấy rõ phẩm chất của Giám đốc Hoàng Việt. Không những thế, vấn đề quan tâm hàng đầu là đời sống công nhân đã được anh xử lý linh hoạt có lý có tình. Hoàng Việt đã thể hiện đúng phẩm chất của một người lãnh đạo đơn vị sản xuất, rất linh động và cũng rất dân chủ với những quyết định của mình. Với sự tỉnh táo và sáng suốt như thế, mọi mưu toan nhằm làm trì trệ tiến trình đổi mới sẽ thất bại và anh giành được sự tín nhiệm cao của quần chúng tiến bộ.

Tính triết lý của vở kịch không chỉ dừng lại trong sự đối chọi giữa cái tôi đại diện cho cái ta với những kẻ nhân danh chúng ta để thủ lợi cá nhân. Đó còn là xung đột gay gắt trên quan điểm tiến bộ và lạc hậu, đổi mới và bảo thủ, xử lý triệt để mối quan hệ cá nhân và tập thể, đem đến một cách hiểu đúng đắn về tôi và chúng ta. Đó là khi Nguyễn Chính cao giọng ngụy biện cho cơ chế quản lý đã cũ kĩ lạc hậu: “Cái cơ chế mà đồng chí mặt sát ấy đã tồn tại bền vững mấy chục năm nay. Nhờ nó mà chúng ta có hôm nay, có chủ nghĩa xã hội như ngày hôm nay, hạt gạo đồng chí ăn, cái áo đồng chí mặc và cả chính con người đồng chí nữa đã được rèn luyện và trưởng thành trong cơ chế ấy. Đừng vội vã phủ nhận!”. Quả là một sự ngụy biện tinh xảo, được nói lên bởi một người từng “đánh đổ bốn đời giám đốc”, bởi lẽ Nguyễn Chính đã dựa vào “chủ nghĩa xã hội” là mục đích của tất cả chúng ta. Nhưng bản lĩnh và quyết tâm của người giám đốc dũng cảm Hoàng Việt đã giúp anh vượt qua lực cản ghê gớm của lời xảo ngôn như buộc tội để nói đúng tâm

nguyên thật sự của chúng ta – những người mong muốn chủ nghĩa xã hội thực sự phát triển: “Sự vật không đứng yên, cuộc sống không đứng yên một chỗ, có cái hôm qua đúng, hôm nay nó là vật cản. Phải tìm cách phá bỏ, mong anh thông cảm và hiểu cho tôi”. Một lần nữa, Hoàng Việt đã chứng tỏ một cái tôi đúng đắn, không rời xa những nguyên tắc của chủ nghĩa xã hội, vừa khẳng định ý chí của tất cả chúng ta vừa vạch trần sự nguy hiểm của kẻ cơ hội như Nguyễn Chính. Đặt vào bối cảnh những năm 80 của thế kỉ XX, suy nghĩ ấy quả là táo bạo, giống như hành động của chàng hiệp sĩ Đông Ki-sốt đánh nhau với cối xay gió. Nhưng Hoàng Việt không đơn độc, những quần chúng tích cực ủng hộ anh như bà Bông ông Quých, ngay cả Lê Sơn dù không khỏi do dự trước tình thế căng thẳng cũng đứng về phía anh như một “kị mã Xan-chô, rất yêu và không thể thiếu được Đông Ki-sốt”. Dám đương đầu thử thách khó khăn, dù biết rằng các cối xay gió sẽ cho ăn đòn như tử nhưng không lùi bước, đó là vẻ đẹp phẩm chất của những con người đi tới. Nhiệt tình của Hoàng Việt là sức hấp dẫn và thuyết phục mọi người tin tưởng hành động.

Thực tế phát triển đất nước ta từ sau thời kì đổi mới đã chứng tỏ những điều đặt ra trong vở kịch của Lưu Quang Vũ là đúng đắn và thể hiện khả năng dự báo của một cây bút giàu tâm huyết với đất nước. “Tôi và chúng ta”, mỗi người và mọi người đang gắn bó cùng nhau hướng tới mục tiêu tốt đẹp để cải thiện đời sống từng người, từng gia đình và tạo đà phát triển cho toàn xã hội. Cuộc sống rất cần những con người dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung của tất cả chúng ta. Vở kịch không chỉ ca ngợi một cá nhân Hoàng Việt mà còn cổ vũ cả một tập thể đồng lòng chung sức đấu tranh chống lại các thế lực cố tình ngăn cản tiến trình công cuộc đổi mới.

Trong hoàn cảnh đất nước ta hiện nay, phấn đấu cho sự nghiệp “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh”, thực hiện thắng lợi những mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội trên đất nước, càng cần những con người dũng cảm chính trực như vậy. Với ý nghĩa đó, vở kịch *Tôi và chúng ta* của Lưu Quang Vũ còn nguyên giá trị động viên cổ vũ cho những con người không ngần ngại cống hiến tâm huyết và sức lực cho đất nước.

Sưu tầm

Đề bài: Phân tích bài thơ “Mây và sóng” của Tago

Bài số 62

“Ánh sao đêm cho con sáng soi là mẹ yêu khúc hát ru cho con trong giấc mơ là mẹ yêu. Mẹ là cánh chim cho con bay thật xa, mẹ sưởi ấm cho tâm hồn con mẹ yêu...”. Đã không ít nhà thơ, nhà văn tốn giấy bút cho tình mẫu tử thiêng liêng bất diệt ấy. Và nhà thơ Ra-bin-đra-nát Ta-go - nhà thơ hiện đại lớn nhất Ấn Độ đã sáng tác nên bài thơ *Mây và sóng*. Bài thơ ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng bất diệt với những vẻ đẹp mộng mơ và ý nghĩa sâu sắc.

Bài thơ là lời thủ thỉ chân tình của em bé với mẹ về những cuộc đối thoại tưởng tượng giữa em với những người sống trên mây và sóng.

Hình ảnh cuộc sống trên mây và sóng trong sự tưởng tượng của một tâm hồn trẻ thơ thật sinh động, chân thực và mộng mơ. Ở trên mây có “bình minh vàng”, “vàng trắng bạc”, em bé “chơi từ khi thức dậy tới lúc chiều tà”. Ở trên sóng cũng vậy “sóng cười vang, sóng ca hát, sóng ngao du từ nơi này đến nơi nọ mà không biết đã từng đến nơi nao”. Câu thơ đã mở ra một không gian bao la bát ngát thật đẹp và mộng mơ, màu sắc chan hoà, lấp lánh, lung linh, diệu kì. Cuộc sống ở trên mây và sóng thật đa dạng phong phú, đầy thú vị.

Nhưng hình ảnh cuộc sống của chú bé và mẹ còn hấp dẫn, chân thực và sinh động hơn nhiều vì ngoài cảnh vật thiên nhiên ra chú bé còn có mẹ, có mái nhà ấm cúng của hai mẹ con. Và trong cuộc vui ấy mẹ và con còn gắn bó mật thiết hơn giữa mây và trăng, khi sóng cười vỡ tan vào lòng mẹ thì không ai biết mẹ con ta ở chốn nào, không ai có thể chia cắt tình mẫu tử thiêng liêng, bất diệt ấy.

Tác giả Ta-go đã khéo léo tạo ra một tình huống thật gay cấn, ở đó với tính tò mò của mình, chú bé đã bị lời rủ rê cuốn hút, chú bé bị đặt giữa hai cực níu kéo, chú bé rất yêu mẹ nhưng lại rất muốn sống trên mây và sóng. Cuối cùng chú bé cũng đã tìm ra được cách giải quyết ổn thoả vừa có mây, vừa có sóng, có trăng, có cả mái nhà và nhất là sự dịu dàng bao dung của mẹ. Cuộc sống trên mây và sóng đẹp là thế, mộng mơ là thế, cuốn hút là thế vẫn không lôi kéo được chú bé hồn nhiên, vô tư, và rất ham chơi nữa.

Trong cuộc đời của mỗi con người luôn có những cám dỗ, muốn khước từ những cám dỗ đó đòi hỏi mỗi chúng ta phải có một chỗ dựa thật vững chắc. Tình mẫu tử thiêng liêng chính là một trong những chỗ dựa vững chắc nhất. “Chỉ mẹ là niềm vui, ánh sáng diệu kì, chỉ mẹ mới giúp đời con vững bước”, “dắt con đi qua bao nỗi đau là mẹ yêu”. Mẹ luôn ở bên con giúp con vượt qua những giây phút khó khăn nhất trong cuộc sống, khi con vấp ngã, khi con buồn và cả những khi con rối trí, mẹ luôn nắm lấy tay con và nói với con rằng mọi chuyện rồi sẽ tốt đẹp... Hạnh phúc không phải ở trên mây cao vời, trên sóng xa vời mà ở ngay đây, trong cuộc sống gia đình của mỗi chúng ta, do chính chúng ta tạo dựng nên. Tất cả những gì tốt đẹp đều được bắt nguồn từ những điều rất bé nhỏ. Khi bạn biết yêu và trân trọng tất cả những gì bạn có thì bạn sẽ có tất cả.

Qua hình thức đối thoại lồng trong lời kể của chú bé, qua những hình ảnh thiên nhiên giàu ý nghĩa tượng trưng, bài thơ *Mây và sóng* của Ra-bin-đra-nát Ta-go đã ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng bất diệt với nhiều vẻ đẹp mộng mơ và ý nghĩa sâu sắc.

**Đề bài: Phân tích cảm hứng cổ hương
trong truyện ngắn “Cổ hương” của Lỗ Tấn.**

Bài số 63

Cổ hương là một trong những truyện ngắn xuất sắc nhất của Lỗ Tấn viết về đề tài nông thôn. Từng chữ từng câu đều phẳng phất tình quê với đầy, sâu nặng. Qua kỉ niệm tuổi thơ, tác giả bộc lộ nỗi buồn thương trước những đổi thay của con người, cảnh quê – đồng thời cũng thể hiện niềm tin vào ngày mai tươi sáng.

Sống lại trước mắt nhân vật “tôi” là hình ảnh quê hương quá khứ và hiện tại. Về quê, lòng “tôi” bồi hồi xúc động. Thông thường về quê, ai cũng vui, còn với “tôi” thì có khác. Nhìn quê hương, lòng se lại, “tôi” tự hỏi: “phải chăng đây là làng cũ thân yêu?”. Về quê để bán nhà, giao đất, gặp cảnh nghèo, nên nỗi buồn càng tăng thêm. Quê hương trong nhiều trang viết thường gắn với tổ tiên. Lỗ Tấn đi theo hướng khác – ông tập trung thể hiện kí ức tuổi thơ. Đó là tình bạn với Nhuận Thổ. Nhờ bạn mà tôi biết bao điều lạ, Nhuận Thổ bày cho tôi cách làm bẫy chim, nhận diện các loại sò và công việc của người canh dưa. Nhuận Thổ mở ra trong “tôi” một cảnh quê đẹp như cổ tích “vầng trăng tròn treo lửng lơ trên nền trời xanh, bên dưới là một bãi cát... bát ngát màu xanh rờn...”.

Nói về quê, trước hết là nói đến những con người. Đó là mẹ thân yêu. “Tôi” vừa bước vào nhà, mẹ đã dang tay chạy ra. Mừng rỡ nhưng trong mẹ vẫn ẩn chứa một nỗi buồn – buồn về cảnh nhà, vì tưởng nhớ người đã khuất, nhất là sắp phải đi xa. Tuy vậy mẹ vẫn hiền hậu, chăm sóc “tôi”, ân cần căn dặn “tôi” đi thăm hàng xóm. Nhờ mẹ, “tôi” nhớ đến Nhuận Thổ và được gặp lại bạn cũ. Thấy kẻ ăn người ở, mẹ niềm nở thân tình, đồng cảm với cảnh đời của một nông dân nghèo có sáu con. Nhân hậu, thương yêu là điểm nổi bật của mẹ.

Quê hương cũng là tình bạn tuổi thơ. Nhuận Thổ và “tôi” chỉ gặp nhau trong một tháng giêng, vậy mà suốt đời, “tôi” không sao quên được. Sau 30 năm, hình ảnh Nhuận Thổ thuở lên mười vẫn hiện lên rõ nét “khuôn mặt tròn trĩnh, nước da bánh mật, đầu đôi mũ lông chiên bé tí tẹo, cổ đeo vòng bạc sáng loáng”. Nhuận Thổ bên lên với tất cả - trừ “tôi”. Hai đứa trẻ thành thật với nhau, Nhuận Thổ thú thật những điều chưa bao giờ nhìn thấy. Còn với tôi, bẫy chim, canh dưa, vỏ sò, vỏ ốc còn hấp dẫn hơn cả cổ tích. Qua nhân vật Nhuận Thổ, Lỗ Tấn khẳng định: Không có tuổi thơ thì không có quê hương. Tình bạn làm cho tình quê không phai nhạt. Mẹ nhắc đến Nhuận Thổ, “tôi tìm ra được quê hương tôi đẹp ở chỗ nào”. Nhuận Thổ thời ấu thơ là hình ảnh quê hương quá khứ tươi đẹp. Đó là một phần “Cổ hương”.

Ngược lại, Nhuận Thổ hiện tại là nỗi đau của quê hương. Thời gian tàn phá con người, tàn phá quê hương vốn đã nghèo đói. Xã hội cũ đã hủy hoại cả ngoại hình và tâm hồn con người. Từ chỗ cường tráng, dẻo dai như thần

đồng cổ tích, Nhuận Thổ thành người co ro cúm rúm, đôi bàn tay thô kệch nặng nề, nứt nẻ như vỏ cây thông. Gặp lại “tôi”, Nhuận Thổ vừa hôn hờ vừa thề lương, mấp máy đôi môi mãi mới nói được hai tiếng “Bẩm ông”. Lễ giáo phong kiến làm “chết” tình bạn tuổi thơ, tạo ra giữa họ một bức tường ngăn cách. Nhuận Thổ thành pho tượng đá vô cảm, vô hồn.

Song hành với Nhuận Thổ là chị Hai Dương – nàng Tây Thi đậu phụ. Trước đây, nhân vật này từng làm say đắm bao người... Thế mà bây giờ thành tro trên xấu xí – Lúc thì tiện tay giật đôi tất giắt vào lưng quần, khi thì tự thưởng cho mình bằng cách lấy cái cầu khí sát, rồi chạy biến... Hình ảnh cháu Hoàng và Thủy Sinh làm cho ta lo lắng, không biết rồi tình bạn của hai đứa trẻ sẽ ra sao? Qua chuyến về quê, trước sự biến đổi của Nhuận Thổ và nơi chôn rau cắt rốn, tác giả lên án chế độ phong kiến; từ đó nêu vấn đề quyền sống, hạnh phúc trên còn đường đi tới tương lai.

Hình ảnh con đường xuất hiện ở cuối truyện để lại nhiều ấn tượng. Trên mặt đất vốn không có đường. Chân lí ấy đơn giản quá ! Vậy mà có ai phát biểu thành lời đâu. Chẳng biết con đường mưu sinh, con đường tình nghĩa, con đường khổ ải, hạnh phúc... hình thành từ bao giờ? Trong *Cố hương* có đến chín lần hình ảnh con đường xuất hiện. Đó là con đường sông đưa “tôi” trở về cố hương, đối mặt với thực tế, quay về với dĩ vãng kỉ niệm êm đềm tươi đẹp; đó là con đường mưu sinh của những người dân quê nghèo nàn, mê muội như Nhuận Thổ; đó là con đường mưu sinh, con đường công danh của tôi... Nhưng ở cuối tác phẩm, từ con đường thực, con đường hiện hữu, con đường đời, tác giả khát vọng về con đường ngày mai cho thế hệ trẻ. Như vậy “con đường” không chỉ là không gian hiện thực mà còn là không gian tâm tưởng, không gian khái quát. Con đường là nhịp cầu nối giữa quá khứ và hiện tại, giữa con người với con người, giữa cái cũ và cái mới, giữa cái ác với cái thiện; có con đường khổ đau, có con đường hạnh phúc, tương lai, con đường khát vọng. Không gian “con đường” trong tâm tưởng của nhà văn mở ra rộng đến vô cùng. Lỗ Tấn thường nói: “Người ta có quyền buồn nhưng không được bi quan”. Cố hương là một minh chứng cho tâm hồn khoẻ khoắn, lạc quan chan chứa niềm tin và hi vọng sâu sắc của nhà tư tưởng, nhà văn Lỗ Tấn, người con ưu tú của dân tộc Trung Hoa.

Thông qua việc tường thuật chuyến về quê lần cuối cùng của “tôi”, thông qua những rung cảm của “tôi” trước sự thay đổi ghê gớm của làng quê, đặc biệt là của Nhuận Thổ, tác giả lên án tội ác của chế độ thực dân phong kiến và từ đó đặt vấn đề con đường đi của người dân, của toàn xã hội để mọi người cùng suy ngẫm. Đọc tác phẩm, ta trân trọng biết bao tình yêu quê hương tha thiết và nỗi niềm băn khoăn về con đường giải phóng người lao động của tác giả Lỗ Tấn.

Đề bài: Phân tích đoạn trích “Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang” (trong tiểu thuyết “Rô-bin-xơn Cru-xô” của Đ. Đi-phô) để làm rõ tinh thần lạc quan và ý chí vượt qua hoàn cảnh của nhân vật.

Bài số 64

Rô-bin-xơn Cru-xô là cuốn tiểu thuyết từng làm say mê bao thế hệ trẻ em Việt Nam. Dựa trên một câu chuyện có thật, Đ. Đi-phô đã sáng tạo hình tượng chàng thủy thủ Rô-bin-xơn lạc giữa đảo hoang hơn hai mươi tám năm đã cho thấy con người có thể vượt qua những hoàn cảnh khắc nghiệt nhất, chiến thắng thiên nhiên và tự chiến thắng nỗi cô đơn của chính mình để trở về với đồng loại. Cuộc sống ấy hiện lên qua lời kể của chính nhân vật, khiến chúng ta thích thú và bị cuốn hút theo giọng kể hài hước, ngôn ngữ đặc tả chi tiết sống động, hóm hỉnh, toát lên vẻ đẹp tinh thần lạc quan của con người. Đoạn trích *Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang* sẽ cho ta thấy rõ vẻ đẹp ấy.

Nhân vật tự hình dung diện mạo chính mình để thuật lại cho người đọc bằng giọng điệu hài hước cố hữu nổi tiếng của người Anh. Tính chất của lời tự thuật khiến cho trình tự miêu tả cũng hết sức độc đáo, khác với lối tả chân dung thông thường. Đằng sau giọng kể ấy là cả một quãng thời gian đằng đẵng tách biệt với đồng loại, chàng phải một mình đối mặt với bao hiểm nguy rình rập, với thời tiết mưa nắng thất thường của vùng xích đạo.

Cần phải nói ngay rằng, dù phải một mình sống giữa đảo hoang, Rô-bin-xơn không khi nào nguôi những tình cảm hướng về nước Anh, vùng Y-óc-sai quê hương của chàng. Bởi thế, lời kể của một người đã gần ba mươi năm sống tách biệt đồng loại vẫn in đậm dấu ấn suy tưởng hướng về xứ sở. Nếu không có tình cảm mãnh liệt ấy, có lẽ chàng đã chết trong mòn mỏi và tuyệt vọng rồi! Sống để trở về, đó là cơ sở hành động để chàng phải chuẩn bị chu đáo, chống chọi với mọi mối đe dọa từ nhiều phía, tổ chức cuộc sống cho mình. Bản thân câu chuyện được kể lại đã có thể xem như khúc khải hoàn sau gần ba mươi năm của một con người dũng cảm đã tự tạo được niềm tin ở chính mình.

Trước hết, hãy nghe chàng tả về trang phục: “Tôi đội một chiếc mũ to tướng cao lêu đêu chẳng ra hình thù gì làm bằng da một con dê, với mảnh da rủ xuống phía sau gáy, vừa để che nắng, vừa để chắn không cho mưa hắt vào cổ”. Bộ dạng ấy quả thật đã tạo nên được nụ cười mỉm từ phía bạn đọc và có lẽ chính người tạo ra nó cũng phải thú vị trước hiệu quả, công dụng của chiếc mũ này. Không chỉ có chiếc mũ, mà cả áo, quần, “giày” cũng được làm bằng da dê – trang phục ấy không còn bất cứ dấu vết nào của đời sống văn minh. Rô-bin-xơn tự ngắm nghía mình, phô ra tất cả những nét vụng về, thô kệch trong bộ dạng từ đầu đến chân là... dê của mình, hài lòng với sự hào phóng của đảo hoang cho chàng những tấm da dê quý giá. Nhưng có lẽ sự hài lòng hiện ra sau lời kể chính là ở chỗ tất cả đều được tạo nên từ bàn tay lao động, là công sức và sự khéo léo của chính chàng để chế tác ra

những sản phẩm độc nhất vô nhị này. Cuộc sống gần ba mươi năm buồn tẻ không làm mất đi của chàng tính hài hước khi tự thuật: “tôi không có bút tất mà cũng chẳng có giày, nhưng đã làm cho mình được một đôi, chẳng biết gọi là gì, giống như đôi ủng, bao quanh bắp chân và buộc dây hai bên...”. Có lẽ đến tận bây giờ, các nhà thiết kế thời trang giàu óc tưởng tượng nhất cũng không thể chế tác được một bộ đồng phục... dè dặt đến thế! Nhưng với Rô-bin-xơn, giá trị sử dụng của món thời trang này mới là mục đích của chàng, bởi nhờ thế, chàng tồn tại với tư cách một con người đang hoang, không phải một con người bị lôi kéo trở về với bản năng nguyên thủy ăn lông ở lỗ.

Vị lãnh chúa và cũng là thần dân duy nhất của đảo hoang này trong suốt mười lăm năm còn trang bị cho mình những vật dụng cần thiết để bảo đảm cuộc sống nơi hoang dã. Vẫn bằng giọng điệu hóm hỉnh, Rô-bin-xơn thuật lại cho chúng ta hình ảnh một anh chàng nai nịt chỉnh tề như một chiến binh nhưng “không đeo kiếm và dao găm mà lưng lẳng bên này một chiếc cưa nhỏ, bên kia một chiếc rìu con”. Thêm vào đó là hai cái túi cũng bằng da dê, “một túi đựng thuốc súng, túi kia đựng đạn ghém”. Với những vật dụng linh kinh như vậy, ta hình dung ra một con người suốt ngày bận rộn với công việc chặt cây, cưa gỗ dựng lều, rào giậu, dựng lên “cơ ngơi” cho riêng mình. Qua hình ảnh Rô-bin-xơn “đeo gùi sau lưng, khoác súng bên vai, và giương trên đầu một chiếc dù lớn bằng da dê”, ta như nhìn thấy bóng dáng con người thời tiền sử sống bằng nghề hái lượm, săn bắt. Nhưng điểm khác biệt duy nhất là khẩu súng - vật bất li thân của chàng. Vũ khí của xã hội văn minh phần nào cũng giúp chàng tăng thêm sức mạnh và lòng can đảm để đối chọi với thiên nhiên, chủ động đối phó với mọi bất trắc một cách tự tin hơn. Rô-bin-xơn không hề ỷ lại vào đó để sống sót mà điều quan trọng là sống một cách vững vàng trong điều kiện thiếu thốn.

Đằng sau nụ cười thấp thoáng qua lời kể, ta có thể hình dung ra quyết tâm và ý chí của một con người đầy nghị lực vươn lên. Biết bao lo toan, tính toán từ “sáng tạo” để thích nghi với hoàn cảnh, khẳng định bản năng sinh tồn mạnh mẽ của con người hiện lên qua câu chuyện của Rô-bin-xơn. Chiếc mũ da dê kì quái che đến tận cổ vì “chẳng có gì tai hại bằng nước mưa luôn trong áo thấm vào da thịt”. Một trận cảm lạnh bất ngờ có thể làm chàng gục ngã, ý thức được điều đó nên chàng phòng ngừa tối đa cho sức khỏe chính mình. Những công việc bận rộn với vật dụng bất li thân đáp ứng những nhu cầu tối thiểu cũng là cách để chàng vượt qua cảm giác buồn chán thường dễ xảy đến với con người cô đơn. Nếu như chỉ ngồi khắc từng vạch lên thân cây đếm thời gian, hẳn chàng đã không đủ sức mạnh để tồn tại suốt một thời gian dài đằng đẳng như vậy. Ý chí của Rô-bin-xơn mới mạnh mẽ làm sao! Chàng không chỉ đối chọi với thiên nhiên mà đã thể hiện rõ tư thế người làm chủ, bắt thiên nhiên phải khuất phục. Không những thế, qua những chi tiết chàng tự mô tả bản thân, ta hiểu Rô-bin-xơn đã tự chiến

thắng chính mình. Đây mới quả thực là chiến thắng vinh quang đáng tự hào nhất, vì là thử thách khó vượt nhất!

Khép lại bức chân dung tự hoạ bản thân, Rô-bin-xơn mới tự hoạ diện mạo của mình bằng mấy dòng ngắn ngủi nhưng khiến ta phải nở nụ cười sáng khoái. Không hề có một tấm gương soi, nên việc chăm chút dung nhan chỉ giới hạn ở trong tầm mắt của Rô-bin-xơn: bộ ria mép kiểu cách được chăm sóc cẩn thận. Hoá ra trong hoàn cảnh ấy, một chàng thợ may tồi vẫn có thể thành một anh thợ cạo cầu kì tạo dáng cho bộ ria: “tôi xén tỉa thành một cặp ria mép to tướng kiểu Hồi giáo như ria vài gã Thổ Nhĩ Kỳ tôi gặp ở Xa-lê”. Nhu cầu làm đẹp ấy hiệu quả ra sao? Hãy nghe Rô-bin-xơn tự thưởng thức: “tôi chẳng dám nói cặp ria mép ấy dài đến mức có thể dùng treo mũ của tôi; nhưng chiều dài và hình dáng kì quái của chúng cũng khiến cho mọi người phải khiếp sợ nếu như là ở nước Anh”. Bộ ria ấy chẳng biết có gợi lên vẻ oai vệ trịnh trọng như một *Xun-tan* (lãnh chúa) người Thổ hay không, nhưng gợi cho ta tiếng cười đầy chất u-mua (humour) của người Anh chính hiệu. Tính hài hước là liều thuốc vô giá, xua đi những muộn phiền. Tiếng cười ấy không tách rời niềm hi vọng khao khát trở về với nước Anh thân yêu của Rô-bin-xơn, thấm đượm tinh thần lạc quan của con người đầy bản lĩnh.

Khép lại trang sách, chân dung Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang vẫn sống động từng chi tiết, với nụ cười thường trực có sức hấp dẫn lạ kì. Rô-bin-xơn là hiện thân của con người lí tưởng không biết lùi bước trước bất kì thử thách khắc nghiệt nào. Bản lĩnh phi thường và tình yêu sự sống của chàng là bài học cho bất cứ ai muốn hoàn thiện giá trị tốt đẹp của con người.

Ta chợt hiểu, vì sao *Rô-bin-xơn Cru-xô* của Đ. Đi-phô lại cuốn hút sự say mê của biết bao nhiêu thế hệ trên khắp hành tinh này!

Sưu tầm

Phần hai

NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

I. Dàn ý bài nghị luận về một hiện tượng đời sống

1. Mở bài: Giới thiệu hiện tượng đời sống cần nghị luận

2. Thân bài

- Luận điểm 1: Nêu rõ hiện tượng đời sống cần nghị luận.
- Luận điểm 2: Phân tích các mặt đúng - sai, lợi - hại của hiện tượng đời sống đang nghị luận (Dùng dẫn chứng từ cuộc sống để chứng minh).
- Luận điểm 3: Chỉ ra nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đời sống trên (Dùng dẫn chứng từ cuộc sống để chứng minh).
- Luận điểm 4: Đánh giá hiện tượng đời sống đang nghị luận.

3. Kết bài

- Khái quát lại vấn đề đang nghị luận.
- Bày tỏ thái độ của bản thân về hiện tượng đời sống đang nghị luận.

II. Tuyển chọn những bài văn nghị luận xã hội

Đề bài: Suy nghĩ của em về vấn đề chất độc màu da cam.

Bài số 65

Chiến tranh kết thúc đã hơn ba mươi năm song hậu quả của nó vẫn còn đeo đẳng mãi trong cuộc sống của bao người. Chỉ có những dân tộc đã từng phải trải qua đau thương, mất mát của chiến tranh mới hiểu hết được điều đó. Chiến tranh với những di họa mà nó để lại vẫn hàng ngày, hàng giờ làm bao người Việt Nam đau đớn, đặc biệt là những nạn nhân chất độc màu da cam.

Trong những năm 60 – 70 của thế kỉ XX, quân Mĩ đã rải hàng nghìn tấn chất độc màu da cam – chất độc thuộc nhóm 1 – xuống Việt Nam nhằm tìm ra các căn cứ bí mật của Quân đội Việt Nam. Thành phần chính của nhóm chất độc này là di-o-xin. Trong suốt cuộc chiến, quân Mĩ đã rải xuống Việt Nam khoảng 80 triệu lít chất độc màu da cam, 45 triệu lít được bí mật rải xuống miền Nam, gần biên giới giáp với Campuchia. Chất độc này đã biến những vùng đất phì nhiêu, màu mỡ thành các vùng đất chết. Tác hại của chất làm rụng lá cây là làm tăng tỉ lệ đột biến gen ở các vùng bị rải chất độc này. Những đứa trẻ vô tội, tật nguyền, dị dạng, vừa chào đời đã phải lìa đời hoặc nếu sống được thì sức khỏe, trí tuệ cũng đều không bình thường... Những sinh linh quái dị và vô tội ấy trở thành nỗi ám ảnh, đau đớn đến tê tái của người thân, gia đình và của toàn xã hội. Hiện nay có khoảng 4,8 triệu người nhiễm chất độc màu da cam, trong số đó 3 triệu người trực

tiếp bị ảnh hưởng của chất độc này. Con số những người tật nguyên do ảnh hưởng từ ông bà, bố mẹ còn cao hơn nữa.

Thảm họa chất độc màu da cam xảy ra chính là do sự vô nhân đạo của giới cầm quyền ở một đất nước đã từng tuyên bố về quyền con người trước toàn thế giới. Để thực hiện âm mưu xâm lược của mình, đế quốc Mỹ đã không từ một thủ đoạn nào kể cả việc vi phạm quyền làm người của những trẻ thơ vô tội. Những bọc nước, cục thịt, quái thai hoặc những sinh thể điên dại, vô tri vô giác do chất độc màu da cam không chỉ khiến cho gia đình đau đớn về tinh thần, khốn khổ về vật chất mà còn là gánh nặng cho toàn xã hội... Những vết thương không mảnh đạn mà vẫn đeo bám dai dẳng mãi không lành ám ảnh cuộc sống của con người. Đó chính là tội ác tày trời không thể phủ nhận mà chiến tranh đã gây ra.

Trước tình hình đó, nhiều chương trình ủng hộ những nạn nhân chất độc màu da cam đã được tổ chức. Biết bao người đã khóc thương cho những số phận bất hạnh, biết bao chữ kí đã được thu thập để ủng hộ cuộc đấu tranh đòi bồi thường cho các nạn nhân chiến tranh. Ngày đầu tiên Mỹ rải chất độc chết người này xuống Việt Nam: 10-8-1961 đã trở thành ngày "Vì nạn nhân chất độc màu da cam". Quỹ ủng hộ giúp đỡ các nạn nhân khốn khổ đã thành lập. Đó là việc làm cần thiết mà cộng đồng có thể giúp đỡ họ phần nào cải thiện cuộc sống và xoa dịu nỗi đau. Nhiều em bé tật nguyên, cô cút đã được chăm sóc, nhiều tổ chức chính quyền, doanh nghiệp, cá nhân đã xây dựng nhà tình nghĩa, tặng xe lăn, tiền, quà, thăm hỏi và giúp đỡ các nạn nhân. Nhiều nhóm tình nguyện viên được thành lập để làm việc tại các trung tâm bảo trợ nạn nhân chất độc màu da cam... Dẫu biết rằng tất cả những giúp đỡ đó không thể bù đắp được những mất mát, đau đớn của họ song đó thực sự là hành động đền ơn đáp nghĩa, phù hợp với truyền thống "tương thân tương ái", "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc Việt Nam ta.

Trên dải đất hình chữ "S" vẫn còn rất nhiều nỗi đau cả về thể xác lẫn tinh thần. Quân đội Mỹ đã rải không biết bao nhiêu chất độc trên đất nước của chúng ta. Đất nước chúng ta đã gồng mình chịu đựng biết bao nhiêu là bom, là đạn của quân thù cho đến ngày toàn thắng. Nhưng giờ đây chúng ta đang bước vào một cuộc chiến mới. Cuộc chiến giành lại công lí cho những nạn nhân bị nhiễm chất độc di-ô-xin. Nỗi đau da cam đã âm ỉ hàng chục năm nay. Nó đã để lại biết bao nhiêu vết thương không thể nói thành lời. Những đứa trẻ - thế hệ tương lai của đất nước đang phải gánh chịu nỗi đau quá lớn về thể xác... Vì công lí, vì những nạn nhân bị nhiễm chất độc màu da cam, xin mọi người hãy lên tiếng... Việt Nam đã cố gắng để xoa dịu nỗi đau chiến tranh và Chính phủ Mỹ cùng với ba mươi bảy công ti hoá chất đã cung cấp chất độc này cho quân đội Mỹ cũng phải chịu trách nhiệm về sự vô nhân đạo của mình. Cuộc đấu tranh đòi bồi thường cho các nạn nhân chất độc màu da cam vẫn đang tiếp tục được thực hiện. Chúng ta hi vọng một ngày không xa, công lí sẽ đến với những nạn nhân khốn khổ ấy.

Nỗi đau của những nạn nhân da cam là một nỗi ám ảnh dai dẳng, việc giúp đỡ họ cần phải làm thường xuyên và liên tục. Bởi vậy mỗi người học sinh ngồi trên ghế nhà trường càng cần nhận thức sâu sắc về vấn đề này, tích cực học tập, phấn đấu xây dựng xã hội tốt đẹp hơn.

Đề bài:

Sống trong đời sống

Cần có một tấm lòng

Để làm gì? Em biết không?

Để gió cuốn đi

Từ ý tưởng trong lời bài hát của Trịnh Công Sơn, em hãy viết bài văn nghị luận với nhan đề Tấm lòng.

Bài số 66

Từ thuở xa xưa, khi vạn vật chưa sinh sôi nảy nở, khi muôn thú còn đang ngủ yên trong cái nắng trời rơi chiếu, chính lúc ấy loài người đang được tạo thành. Thượng đế đã dùng bàn tay khéo léo tỉ mỉ để hoàn thiện con người về cả hình dáng bên ngoài lẫn cả tâm hồn bên trong. Và Người đã tạo ra một thứ cốt yếu trong tâm hồn, đó chính là tấm lòng. Tấm lòng để kết nối tình người, tình bạn, tình thân. Tấm lòng mà ta hay nghe ngao hát trong lời nhạc của Trịnh Công Sơn:

Sống trong đời sống

Cần có một tấm lòng

Để làm gì? Em biết không?

Để gió cuốn đi

Câu hát đã đặt ra vấn đề về tấm lòng. Vậy tấm lòng là gì? Tấm lòng là tình cảm thân ái, tha thiết hay sâu sắc nhất đối với người mình yêu quý hay cảm phục. Đó là một tấm lòng biết chia sẻ, cảm thông, hiểu và giúp đỡ người khác khi họ gặp khó khăn. Trịnh Công Sơn đã đưa ra câu hỏi: “Để làm gì? Em biết không?”. Đúng là ở đời ai cũng cần có một tấm lòng, nhưng ít có ai biết được rằng tấm lòng đó để làm gì, tấm lòng của mình có thể mang đến được những gì cho đời? Ông đưa ra câu hỏi và cũng đồng thời giải thích luôn cho nó: “Để gió cuốn đi”. Một sự ví von, gió cuốn tấm lòng ấy bay xa bay mãi, hình ảnh ở đây không đơn thuần mang nghĩa như thế mà còn hàm ý rằng, chính gió đã giúp ta mở rộng tấm lòng của mình ra với những người xung quanh với cuộc sống rộng mở. Chỉ bằng vài ca từ, Trịnh Công Sơn đã triết lí được cả một vấn đề rộng lớn. Tấm lòng để làm đẹp cho đời, cho cuộc sống, cho những người xung quanh và cho ngay cả chính bản thân ta.

Chúng ta thấy rằng ngày nay bản thân ta đang mãi miết theo đuổi những vật chất bên ngoài, bị cuốn theo dòng xoáy vô hình của thời gian, lao lực mệt mỏi với đồng tiền để rồi khi thỏa mãn về sự giàu có của chính ta thì

ta lại cảm thấy điều mà ta cố gắng giờ đây thật vô ích, thật tẻ nhạt. Ngày qua ngày nó lại vẫn tiếp diễn như một chu kì, ta không cởi mở với bất kì ai, chỉ biết làm vì lợi ích của chính bản thân mình, ta sẽ cảm thấy rằng như mình đang vướng vào những lưới nhện vô hình khó mà tháo gỡ. Vậy tại sao chúng ta không nghĩ rằng hãy tạo dựng mối quan hệ tốt đẹp, hãy mở rộng tấm lòng, đem nó trải ra với mọi người xung quanh, khi ấy có lẽ rằng ta sẽ cảm thấy thoải mái, dễ chịu hơn và cuộc sống đẹp và ý nghĩa hơn. Cũng như Tố Hữu đã từng nói:

*Không có gì trên đời hơn thế
Người với người sống để yêu nhau.*

Tấm lòng cũng như tình yêu thương của con người với con người. Tấm lòng khái quát tình yêu thương. Đời sống chỉ có nghĩa khi chúng ta biết cho đi tấm lòng của mình. Cũng như một đứa bé trong mẩu chuyện nói rằng: “Việc chia sẻ tấm lòng sẽ khiến ta lớn lao và khi ta không chia sẻ nó sẽ làm ta nhỏ đi”. Câu nói ấy đã khiến cho một số người trong chúng ta hiểu rằng, tấm lòng được sẻ chia sẽ tiếp thêm cho những người bất hạnh một nghị lực sống cũng như tiếp thêm vào tâm hồn ta một niềm vui sống. Minh chứng cho điều đó là hãng sữa Vinamilk đã không ít lần giúp đỡ các trẻ em gặp khó khăn bằng cách trao tặng sữa, sách vở cho các em để các em hiểu rằng vẫn còn rất nhiều người quan tâm và chở che, giúp những ước mơ của các em bay xa. Đó là tấm lòng chia sẻ hoạn nạn của đồng bào với phong trào đền ơn, đáp nghĩa đem lại niềm vui, hạnh phúc cho bao người bất hạnh.

Tấm lòng là một điều diệu kì mà tạo hóa ban tặng cho con người. Vì thế tại sao ta không giữ gìn và phát huy cho nó ngày càng tốt đẹp mà lại hủy hoại nó đi. Những học sinh ngày nay, chỉ vì một mâu thuẫn nhỏ nhặt mà kéo phe phái để đánh nhau, để rồi đạt được gì? Chỉ là những xây xước những vết thương và cả những giọt nước mắt của người thân. Vậy tại sao chúng ta không dùng tấm lòng để giải quyết những mâu thuẫn? Dùng những gì mà tấm lòng có được: sự rộng lượng, lòng khoan dung... để hóa giải những hận thù. Bao người khác có thể sử dụng tấm lòng một cách bình thường có khi nhờ nó mà họ còn đạt tới được những thắng hoa trong cuộc sống. Thế thì tại sao ta không làm được như họ. Biết thay đổi dần dần, biết mở lòng thì ta cũng sẽ được như họ. Thời gian sẽ là người bạn đồng hành giúp chúng ta bồi đắp được tấm lòng ngày hơn hoàn thiện.

Hãy để tấm lòng của chúng ta cho gió cuốn bay xa và sẻ chia sự yêu thương của chúng ta cho tất cả mọi người, giống như câu hát:

*Sống trong đời sống cần có một tấm lòng
Để làm gì?
Em biết không?
Để gió cuốn đi*

Nguyễn Thị Như Nhã

Bài số 67

Nhà doanh nhân thành đạt, nhà tỉ phú Bill Gates có nói: “Ước mơ còn vĩ đại hơn tiền bạc”. Vâng, trong cuộc sống này, ắt hẳn không ai là chưa từng ước mơ. Đôi khi, đó chỉ là ước mơ của một cậu bé không được đi học rồi một ngày nào đó sẽ khoác lên chiếc áo màu trắng tinh khôi và đến trường trong tiếng cười đùa với bạn bè hay chỉ là mơ ước của một cô bé sẽ trở thành bác sĩ giỏi để giúp đỡ những người mắc bệnh hiểm nghèo... Dù ước mơ là gì, chắc chắn trong chúng ta cũng phải tâm niệm một điều rằng: “Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ”.

“Ước mơ” chính là những ước mong, mong muốn và mục đích ta luôn muốn đạt được. Ước mơ còn là trí tưởng tượng của ta về những điều ta luôn tâm niệm trong lòng. Ước mơ đôi khi là những điều nhỏ nhoi nhất về tình cảm hay có thể là những khát khao cháy bỏng mà ta xác định sẽ thực hiện được. Dù ước mơ có là gì đi chăng nữa thì chắc chắn đó cũng là điều xuất phát từ trái tim ta. Chính vì vậy, khi ta đã biết ước mơ, biết đặt ra cho mình mục tiêu thì khi ấy, con tim của ta đã lên tiếng. Vì lẽ đó, chúng ta rất cần có ước mơ và “Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ”.

Vì sao vậy? Vâng, đường đời có lẽ là con đường dài nhất và nhiều khó khăn, trở ngại nhất. Liệu rằng trên đường đời này mấy ai được trải sẵn hoa hồng. Và để cảm nhận được mùi hương thơm ngát của cánh hoa thành công thì những mũi gai của thất bại luôn rình rập vây quanh. Vì vậy, chúng ta phải giữ cho mình một ước mơ và không được nản lòng mà từ bỏ ước mơ ấy vì ước mơ chính là ý nghĩa của cuộc sống, là sức mạnh giúp ta vươn lên. Nhưng đôi lúc, ước mơ có thể dễ bị lung lay do các tác nhân bên ngoài, và đôi lúc ta phải nếm trải cả những đắng cay, tủi khổ nhưng nếu là người bản lĩnh, ắt hẳn ta sẽ vượt qua tất cả? Hình ảnh Bác Hồ sẽ sáng mãi trong lòng chúng ta về ước mơ và bản lĩnh để thực hiện. Với khát khao mang ánh sáng cách mạng đúng đắn soi rọi dân tộc, Người đã ra đi, dù bao chông gai, sóng gió đến với Người nhưng ước mơ ấy mãi sáng lấp lánh như vì sao Hôm - vì sao sáng nhất trên bầu trời và Người đã thực hiện được ước mong của Người, của cả dân tộc: Việt Nam là một nước độc lập. Đây chính là minh chứng hùng hồn nhất, vĩ đại nhất về ý chí, không từ bỏ ước mơ của mình. Có lẽ đó là hình ảnh đầy nghị lực, dám ước mơ, dám thực hiện mà lớp trẻ ngày nay rất cần để học tập.

Và phát huy tinh thần ấy, thanh niên ngày nay cũng đã rất táo bạo để thực hiện ước mơ của mình như chàng trai Lê Việt Hồng đã chạy bộ với hành trình xuyên Việt Thành phố Hồ Chí Minh – Hà Nội nhằm tuyên truyền về an toàn giao thông và gây quỹ ủng hộ các bệnh nhân ung thư nghèo. Có người thốt lên rằng: “Thật là một kẻ điên rồ”, nhưng có người lại bảo: “Quả là một câu chuyện cổ tích thời hiện đại”. Phải chăng đây là tấm

gương tiêu biểu về thanh niên biết suy nghĩ cho cộng đồng, chia sẻ tình yêu thương với tất cả. Và ắt hẳn, ước mơ để hoàn thành việc đó rất lớn lao và cao cả trong tim Hồng. Dường như ước mơ của Hồng là ngọn lửa, là động lực giúp cậu vượt qua khó khăn, trở ngại để đi đến đích cuối cùng.

Có lẽ, ước mơ rất quan trọng đối với chúng ta, có ước mơ chúng ta sẽ có thêm một phần sức mạnh để thực hiện bao mục tiêu phía trước. Ước mơ thì nhiều vô tận, tôi ước tôi có nhiều thời gian hơn để làm được nhiều việc hơn, bạn ước kết quả với mình thật tốt,... nhưng ta cần xác định rõ đâu chỉ là mong muốn phút chốc và đâu mới là mục tiêu ta cần đạt được. Có như thế, ta mới vững vàng hơn trong cách suy nghĩ và không dễ dàng bị lung lay tinh thần mà từ bỏ ước mơ chân chính của mình.

Vậy, ngay từ lúc này, chúng ta cần làm gì để làm rõ đích đến của mình và cách thức để thực hiện ước mơ đó thành công. Là học sinh – chồi non của đất nước, cả xã hội đang trông chờ vào sự nỗ lực của chúng ta, ngay từ bây giờ, trong học tập, chúng ta cần đặt ra mục tiêu rõ ràng, ước mơ chân chính và bắt tay vào thực hiện theo hướng tích cực. Nếu gặp khó khăn, ta không nên nản lòng, đừng bao giờ từ bỏ mong muốn của mình và hãy đứng dậy sau cú vấp ngã ấy mà tiếp tục ý chí để hoàn thành tốt mục tiêu đã đề ra. Có như thế, ta sẽ rèn luyện cho mình một cách suy nghĩ đúng đắn, hành động có chủ đích và không dễ dàng từ bỏ những mơ ước của mình. Nói như thế cũng không có nghĩa là ta phải thực hiện mơ ước bằng mọi giá. Bởi nếu thành công mà bạn có được lại là sự tổn hại đến người khác thì quả là chẳng hay chút nào. Vì vậy, ta phải rèn cho mình cách suy nghĩ tích cực, không cực đoan và không bao giờ được nản chí, thất bại dù có cay đắng đến bao nhiêu nhưng ta dám ước mơ, dám thực hiện thì nhất định bạn sẽ tự hào vì mình đã dám nghĩ và dám thực hiện ước mơ chính đáng của mình.

Và có lẽ, điều quan trọng nhất là ta cần phân biệt rõ ràng giữa “Đừng từ bỏ ước mơ” và “ngao cổ” để đạt được ước mơ bằng mọi giá. Đó là ranh giới khá mong manh nhưng cũng dễ dàng phân biệt. Nếu không bao giờ từ bỏ ước mơ là nỗ lực, cố gắng, quyết chí thì “ngao cổ” lại là cách suy nghĩ, ứng xử tỏ vẻ bất cần, bảo thủ và gây khó chịu cho những người xung quanh. Ước mơ là điều tốt và đáng có ở mỗi người nhưng cứ loanh quanh với suy nghĩ nòng cặn và cố chấp, bảo rằng: “Tôi đang cố gắng cho ước mơ của mình” thì thật khó có thể hoàn thành một cách trọn vẹn. Khi đã xác định rõ mơ ước, ta cần xác định việc ta nên làm để duy trì mà thực hiện chứ không nên bảo thủ và luôn cho rằng mình đúng, mình làm theo lẽ phải. Có như thế, ta sẽ hoàn thiện hơn lối suy nghĩ của mình, trưởng thành và chắc chắn hơn.

Có ước mơ đã rất quan trọng nhưng thực hiện nó lại càng quan trọng hơn và ta nên bắt đầu từ những hành động nhỏ ngay từ hôm nay để biến ước mơ thành hiện thực. Ước mơ chính là sức sống trong tâm hồn ta và đó sẽ là sức mạnh đưa ta vươn lên những tầm cao mới. Trong mỗi chúng ta, hãy luôn tâm niệm cho mình rằng: “Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ”.

Lê Thanh Uyên

Đề bài: Câu chuyện sau gợi cho em những cảm nhận, suy nghĩ gì?

Xén lá

Mẫu Đơn là vua các loài hoa. Có anh nhà giàu mua được một gốc trồng ở giữa sân. Khi hoa nở, màu đỏ rực rỡ, lá xanh rợp mát. Người nào đi qua trông thấy cũng thốt lên: “Hoa đẹp biết bao!”. Anh nhà giàu nghe người ta chỉ khen hoa mà không nói gì đến cành lá, bèn xen trụ cành lá. Rốt cuộc ai thấy cũng lắc đầu, nhún mày bỏ đi. Anh nhà giàu hoang mang, không hiểu, lầu bàu: “Sao hôm qua thì ngợi khen hoa, thế mà hôm nay thấy hoa lại lắc đầu như vậy?”

(Theo Ngụ ngôn thi thoại)

Bài số 68

Nữ thi sĩ Xuân Quỳnh đã từng viết:

*Chỉ có biển mới biết
Thuyền đi đâu về đâu
Chỉ có thuyền mới biết
Biển mênh mông dường nào...*

(Thuyền và Biển)

Và nếu như thiếu một trong hai yếu tố đó, “Biển bạc đầu thương nhớ” và “Lòng thuyền đau rạn vỡ”. Cặp hình ảnh *Thuyền và Biển* là mối liên kết ngàn đời, là một tổng thể thường dùng để diễn tả tình yêu. Nếu thiếu một trong hai, tình yêu không thể trọn vẹn. Cái đẹp, sự bền vững chỉ được khai sinh khi đó là kết quả của sự gắn kết nhiều yếu tố tạo thành một tổng thể. Điều này được thể hiện rất rõ qua câu chuyện *Xén lá*.

Mẫu Đơn được mệnh danh là vua của các loài hoa vì Mẫu Đơn rất đẹp. Nhưng bông hoa ấy chỉ đẹp hoàn hảo khi ở trên nền xanh của lá. Anh nhà giàu không hiểu được điều ấy nên đã xen hết lá đi, chỉ còn trơ trọi mỗi bông hoa. Anh ta xem lá cây là thừa, không có giá trị và bản thân anh ta cũng chưa hiểu sâu sắc lời khen của mọi người. Khen hoa vì hoa đẹp, màu sắc tươi tắn nhưng còn vì có sự điểm xuyết, tô vẽ của lá. Ở đây, hoa Mẫu Đơn chính là kết quả của sự chất lọc những gì tinh túy nhất của cây và lá, là yếu tố phụ, tôn thêm vẻ đẹp của hoa, diễn tả sức sống của cây. Câu chuyện *Xén lá* đã nêu lên một bài học thiết thực trong cuộc sống: Vạn vật nói chung và cái đẹp nói riêng chỉ hình thành và ở độ viên mãn nhất khi đó là sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố. Yếu tố chính quyết định bản chất của tổng thể, yếu tố phụ tôn thêm đường nét làm cho vẻ đẹp hoàn thiện. Nếu thiếu một trong hai thì cũng chỉ như cây Mẫu Đơn kia bị xen hết lá. Điều này không chỉ đúng với tự nhiên mà còn đúng trong cuộc sống. Trên đời này, mọi thứ hình thành và phát triển đã tuân theo quy luật của tạo hóa, không phải sự sắp đặt ngẫu nhiên. Nếu đi ngược lại quy luật ấy, mọi điều sẽ trở nên khập khiễng, không hoàn hảo. Hơn nữa, con người từ xưa đến nay luôn sống trong

các mối quan hệ cộng đồng, làng xã, gia đình. Cá nhân và tập thể nếu không gắn bó khăng khít sẽ không trở thành cộng đồng. Như vậy, dù trong đời sống tự nhiên hay xã hội, chúng ta cũng cần kết hợp giữa các yếu tố chính – phụ để tạo thành một tổng thể hoàn chỉnh có ý nghĩa với cuộc đời.

Ông cha ta đã từng dạy:

*Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*

Để có sự đoàn kết, để có một tổng thể khăng khít, bản thân mỗi yếu tố cấu thành phải được kết hợp. Hoa chỉ đẹp khi có lá; gia đình chỉ yên ấm khi thuận vợ thuận chồng; bài thơ chỉ hay khi có sự kết hợp hài hòa giữa nội dung và nghệ thuật. Tuy nhiên, có nhiều khi người ta chỉ quan tâm đến những yếu tố nổi bật mà quên mất những tác nhân xung quanh. Những chiến thắng vang dội, hào hùng như: Bạch Đằng, Chi Lăng, Điện Biên Phủ,... vừa cần có sự chỉ huy tài tình của người lãnh đạo vừa cần có sự hợp tâm, hợp lực của quân và dân. Nhận thức được điều ấy trong *Bình Ngô đại cáo*, Nguyễn Trãi viết:

*Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân
Quân điếu phạt trước lo trừ bạo*

Có sự phát triển vượt bậc trong suy nghĩ, nhà thơ không chỉ đề cao đạo vua – tôi, mà hướng tới dân, coi những đóng góp của nhân dân, cứu nước cũng trước hết là cứu dân.

Tuy nhiên, nhiều khi tạo hóa lại thật trớ trêu, số phận thật nghiệt ngã. Có những con người sinh ra không được lành lặn, hoàn thiện; nhưng với những nỗ lực cố gắng, họ vẫn trở nên vĩ đại, cuộc đời họ vẫn cứ đẹp như những bông hoa rực rỡ ngoài đời. Một nữ nhà văn Mĩ đã viết: “Tôi đã khóc khi không có giày để đi cho đến khi thấy một người không có chân để đi giày”. Xung quanh chúng ta vẫn còn nhiều mảnh đời bất hạnh như vậy, nhưng họ vẫn tồn tại thật đáng ngưỡng mộ. Beethoven dù mất khả năng thính giác nhưng vẫn góp cho đời những bản sonat bất hủ. Tuổi thơ của Nguyễn Ngọc Ký là chuỗi gian nan vất vả, tuy không thể viết với bàn tay lành lặn nhưng anh đã dùng chân để viết, để học tập. Thử hỏi một số người lành lặn nhưng có được bằng anh?

Dù trong nhiều trường hợp, cái đẹp chỉ hoàn thiện khi kết hợp nhiều yếu tố. Tuy nhiên, cũng không nên xem thường những điều thiếu hụt, không lành lặn. Mỗi sự vật, hiện tượng được tạo ra đều mang một chức năng nhất định, dù chính dù phụ vẫn góp phần tạo nên vẻ đẹp cho đời. Không nên xem thường, coi nhẹ bất kì điều gì. Và đặc biệt, cần xem xét một vấn đề nên dựa trên tổng thể các mối quan hệ.

Câu chuyện *Xén lá* là một trong vô vàn trường hợp đề cập tới vấn đề cái đẹp hoàn hảo dựa trên nhiều sự kết hợp, tổng thể làm nên bởi nhiều yếu tố. Trong đời sống hòa nhập ngày nay, mỗi chúng ta cần nhận thức sâu sắc điều đó để không đánh mất giá trị cuộc sống...

Đề bài: Hãy bày tỏ suy nghĩ của em về lời tâm sự của Helen Killer: “Tôi đã khóc khi không có giày để đi cho đến khi tôi nhìn thấy một người không có chân để đi giày.”

Bài số 69

Trong cuộc sống của chúng ta không phải ai cũng có một cuộc sống hạnh phúc, ấm no, mà đâu đó vẫn có những hình ảnh của những con người bất hạnh. Khi có cảm giác bất hạnh ấy thì ta đừng nên vội khóc hay buồn tủi mà hãy nhìn vào cuộc sống để thấy được những con người khác còn đau khổ hơn mình. Từ đó nên ta đừng bao giờ đầu hàng trước cuộc sống của mình và hãy dùng chính nghị lực của bản thân để vượt qua. Hãy đồng cảm, chia sẻ với những mảnh đời ấy để có thêm niềm tin, nghị lực sống. Và qua lời tâm sự của Helen Killer: “Tôi đã khóc khi không có giày để đi cho đến khi tôi nhìn thấy một người không có chân để đi giày” ta đã phần nào nhận ra được điều đó.

Tại sao tác giả lại khóc? Vì “không có giày để mang” – đơn giản như vậy thôi sao? Không riêng gì tác giả mà tôi và bạn cũng vậy. “Giày”, một thứ vật chất nhỏ bé giúp ta bước đi trên đường được tiện lợi. Dù cho nắng gắt hay mưa gió thế nào đi chăng nữa thì cái thứ nhỏ bé ấy trở nên to lớn hơn, giúp ta dễ dàng đi lại. Có lẽ ông cảm thấy tủi cực trước hoàn cảnh bất hạnh của mình vì không được hiên ngang bước đi một cách dễ dàng như bao con người khác. Và rồi ông khóc cho niềm đau của chính mình. Vậy vì sao tác giả Helen Killer lại thôi khóc? Lúc đầu suy nghĩ của Helen Killer cho rằng hoàn cảnh của ông là cực kỳ nhất nhưng sự thật không phải như vậy. Một hoàn cảnh đáng thương hơn, bất hạnh hơn hiện ra trước mắt ông là một con người đau khổ đến cùng cực - một người không còn chân để đi giày. Lúc ấy ông mới chợt nhận ra rằng, không phải mình là người bất hạnh nhất mà trên trái đất này vẫn còn nhiều người khổ sở hơn, đau khổ hơn ta rất nhiều. Vậy là từ đó ông đã không còn khóc về sự thiếu thốn, khổ cực của mình nữa.

Trái đất vẫn cứ xoay, dòng đời vẫn cứ đổi thay, số phận con người cũng thay đổi như thế. Đôi khi ta luôn cảm thấy cuộc đời mình thật là khổ và đáng thương. Có ai ngờ, cuộc đời lại có những con người đáng thương, tội nghiệp. Helen Killer đã khóc khi không có giày để đi sao? Nhưng khi ông được chứng kiến những “người không có chân để đi giày” và suy nghĩ lại thì ông thấy mình chẳng đáng khóc chút nào. Bởi vì không có giày, ta vẫn đi lại dễ dàng được.

Thế mà tác giả lại khóc khi không có giày. Nếu đặt thử vào trường hợp của người không có chân thì có lẽ tác giả đã khóc đến tuyệt vọng. Và trong lúc này tác giả mới ngộ ra rằng: chân quý giá hơn giày. Không có chân là mãi mãi ta chỉ nhìn thấy những đôi giày đẹp, chất lượng cao nhưng sẽ chẳng bao giờ ta chạm bằng chính đôi chân của mình. Đó có lẽ mới chính là điều đau

khổ, điều đáng khóc nhất trên đời khi chẳng thể nào di chuyển như bao người khác. Đáng thương thay cho những số phận oan nghiệt, trớ trêu ấy.

Mỗi con người chúng ta khi có hoàn cảnh khó khăn thì đừng bao giờ khóc hay tỏ ra buồn tủi, mà hãy chấp nhận thực tại. Khắc phục nó, để vượt qua nó. Từ đó mà ta cảm nhận được đời sống bằng một cách nhìn khác. Và sự tốt đẹp hơn, sâu lắng hơn sẽ hiện ra dần trong cuộc sống này.

Có một câu danh ngôn đã được viết rằng: “Nhìn xuống thì không ai bằng mình, nhìn lên thì mình không bằng ai”. Khi ta “nhìn xuống thì không ai bằng mình” thì ta sẽ chấp nhận với cuộc sống thực tại và cho mình là số một. Và tất nhiên điều đó sẽ khiến ta trở nên thờ ơ trước những thứ mình chưa bao giờ đạt được. Nhưng nếu “nhìn lên thì mình không bằng ai” thì sao? Ý nghĩa của vế này hoàn toàn trái ngược với vế trước. Giờ đây có lẽ ta sẽ có một thái độ khác so với ban đầu. Những nỗ lực, những phấn đấu,... tất cả về nên một tính cách mới, một cái gì đó mới mẻ trong ta. Và từ đó mà ta thêm đồng cảm hơn với câu nói của Helen Keller.

Trong cuộc sống hiện nay, có rất nhiều tấm gương tự khắc phục khó khăn của bản thân và cố gắng vươn lên. Họ hiểu được giá trị của cuộc sống hay họ có một lối suy nghĩ tích cực. Một cái nhìn thoáng hơn khi họ thấy vẫn còn nhiều người bất hạnh hơn mình nhưng vẫn cố vươn lên chứ không gục ngã. Tự hào thay! Đáng quý thay! Khi những người tưởng chừng như đã rơi vào bế tắc của xã hội nay nhờ vào câu nói của Hellen mà vươn dậy, mà thành công với chính bản thân mình.

Và thầy Nguyễn Ngọc Ký là một điển hình của điều này. Tấm gương của thầy Ký đã được bao thế hệ học trò ghi nhớ và noi gương học tập. Bị liệt cả hai tay nhưng với nghị lực của mình, thầy đã vượt lên tất cả. Từ một cậu bé bị liệt, ngồi lặng thinh bên góc nhà với viên phấn con nhỏ xiu để tập viết từng con chữ lên sân nhà mà nay đã trở thành một con người tài năng. Mặc dù phải vật vã với từng cơn chuột rút đau điếng nhưng người học trò Nguyễn Ngọc Ký vẫn không bỏ cuộc. Để giờ đây thầy đã là một nhà giáo ưu tú, một nhà văn với những tác phẩm cho thiếu nhi đầy xúc cảm. Từ đâu mà thầy Ký có được sự nghiệp thành công như vậy? Câu trả lời chính là nghị lực trong cuộc sống, một nghị lực mạnh mẽ của thầy trước hoàn cảnh của mình giống như câu nói của Helen Keller.

Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn nhiều người chưa có nhận thức một cách đúng đắn về cuộc sống. Họ nhìn nhận cuộc đời theo một cách tiêu cực. Họ cứ thấy mình là người bất hạnh, khốn khổ nhất. Và chính vì vậy họ càng ngày càng bị lún sâu vào hố đen thăm thẳm, trong khi những vòng sáng cuộc đời đang dần rời xa họ.

“Đừng đổ thừa hoàn cảnh” – một người đã nói thế. Cho dù hoàn cảnh có cơ cực hay sung túc thế nào đi chăng nữa thì ta phải biết chấp nhận và luôn phải đứng dậy để hướng đến một hoàn cảnh tốt đẹp hơn. Nếu đâu đó trong cuộc sống này vẫn còn hoàn cảnh bất hạnh vậy thì ta phải

góp một phần vào việc giúp đỡ người khác biết chấp nhận để có niềm tin trong cuộc sống.

Và thêm một lần câu nói trên khẳng định đúng đắn về mặt ý nghĩa rằng một khi mình trở thành người bất hạnh, thì đâu đó trong cuộc sống này vẫn còn nhiều người bất hạnh hơn ta, vẫn và đang cố gắng vươn lên, vậy tại sao ta lại không làm như vậy? Giữa dòng chảy của thời gian, không ai trong đời mà không gặp bất hạnh, rủi ro, vấn đề là bản thân con người phải tìm cho mình một con đường tích cực để phòng và loại bỏ những suy nghĩ tiêu cực.

Có thể khẳng định câu nói của Hellen Keller lấp đầy khoảng trống của tâm hồn. Qua đó, chúng ta thấy rõ câu nói: "Tôi đã khóc khi không có giày để đi cho đến khi tôi nhìn thấy một người không có chân để đi giày" hiện lên trong cuộc sống của chúng ta thật chân thật. Trong cuộc sống này, không ai dám khẳng định rằng hoàn cảnh của mình đã quá đầy đủ, không cần có nghị lực. Bởi nghị lực sống sẽ giúp ta có một hoàn cảnh sống tốt hơn. Đừng bao giờ mặc cảm với hoàn cảnh của mình như lời tâm sự của Hellen Keller.

Võ Quang Lộc

Đề bài: Suy nghĩ của em về tinh thần tự học

Bài số 70

Cuộc sống luôn vận động và phát triển không ngừng. Nó đòi hỏi mọi người phải vận động để theo kịp sự phát triển của xã hội. Người xưa đã nhắc nhở con cháu rằng: "Nếu còn trẻ mà chẳng chịu học hành thì khôn lớn sẽ chẳng làm được việc gì có ích" hoặc "Nhân bất học bất tri lý". Vậy thì chúng ta cần học thế nào cho đúng, cho có kết quả? Và qua kinh nghiệm bao đời được đúc kết, người ta đã nhận ra rằng chỉ có tự học mới là phương pháp hữu hiệu nhất.

Trước hết ta phải hiểu "tự học" là như thế nào? Nếu học là quá trình tìm hiểu, thu nhận kiến thức và hình thành kỹ năng của bản thân thì tự học là sự chủ động, tích cực, độc lập tìm hiểu, lĩnh hội tri thức và hình thành kỹ năng cho mình. Tự học có thể không cần sự hướng dẫn của người khác. Quá trình tự học cũng có phạm vi khá rộng: khi nghe giảng, đọc sách hay làm bài tập, cần tích cực suy nghĩ, ghi chép, sáng tạo nhằm rút ra những điều cần thiết, hữu ích cho bản thân. Tự học cũng có nhiều hình thức: có khi là tự mày mò tìm hiểu hoặc có sự chỉ bảo, hướng dẫn của thầy cô giáo... Dù ở hình thức nào thì sự chủ động tiếp nhận tri thức của người học vẫn là quan trọng nhất.

Học là một hoạt động không thể thiếu đối với tất cả mọi người từ khi sinh ra cho đến suốt cuộc đời. Mỗi người muốn tồn tại phát triển và thích ứng được với xã hội thì cần phải học tập ở mọi hình thức bởi cuộc sống luôn vận động và phát triển không ngừng. Lênin từng nói: "Học, học nữa, học

mãi". Câu nói đó luôn có giá trị ở mọi thời đại, đặc biệt trong xã hội ngày nay đang hướng tới nền kinh tế tri thức, nó đòi hỏi mọi người phải vận động để theo kịp sự phát triển của xã hội. Chính vì vậy mà tinh thần tự học có vai trò vô cùng quan trọng.

Phải tự học mới thấy hết những ý nghĩa lớn lao của công việc này. Tự học giúp ta nhớ lâu và vận dụng những kiến thức đã học một cách hữu ích hơn trong cuộc sống. Không những thế, tự học còn giúp con người trở nên năng động, sáng tạo, không ỷ lại, không phụ thuộc vào người khác. Từ đó biết tự bổ sung những khiếm khuyết của mình để tự hoàn thiện bản thân.

Tự học là một công việc gian khổ, đòi hỏi lòng quyết tâm và sự kiên trì. Càng cố gắng tự học con người càng trau dồi được nhân cách và tri thức của mình. Chính vì vậy, tự học là một việc làm độc lập gian khổ mà không ai có thể học hộ, học giúp. Bù lại, phần thưởng của tự học thật xứng đáng: đó là niềm vui, niềm hạnh phúc khi ta chiếm lĩnh được tri thức. Thực tế đã cho ta thấy những tấm gương tự học như Macxim Gorki với cả một thời thơ ấu gian khổ, không được đi học, bằng tinh thần tự học ông đã trở thành đại văn hào Nga. Mạc Đĩnh Chi vì nhà nghèo, không có tiền mua dầu thắp sáng nên ông đã bắt đom đóm bỏ vào vỏ trứng thay đèn để học bài. Hay nhà toán học Lương Thế Vinh từ một đứa trẻ chăn trâu vẫn luôn tu chí học hành, hoặc không ai xa là Bác Hồ từ một anh Ba phụ bếp, người thợ ảnh ở ngõ nhỏ đến người thợ quét tuyết trong công viên, Bác vẫn không ngừng tiếp thu và học tập để nâng cao hiểu biết về văn hóa, lịch sử nhân loại, rút ra những kinh nghiệm bổ ích và Người đã trở thành một danh nhân văn hóa thế giới... Những minh chứng trên phải chăng đã quá sáng tỏ để nhận ra rằng, có tự học, chúng ta mới xác định được năng lực của bản thân. Khổng Tử đã dạy: "Bề học không bờ", vì thế ta không nên nản lòng khi thấy việc học của ta còn nông cạn, thiếu kiến thức, thiếu kinh nghiệm và ta cần phải cố gắng bồi đắp bằng ý chí và nghị lực của mình bởi việc tích lũy kiến thức của con người như "Kiến tha lâu có ngày đầy tổ".

Nhưng lại có một thành phần các bạn trẻ ngày nay được học ở trường dưới sự dìu dắt của thầy cô nhưng chỉ học chay, học vẹt, học dựa dẫm thì kết quả sẽ không có hoặc chỉ là những điểm ảo. Một khi các bạn ấy tự bơi vào biển rộng, họ sẽ chìm ngập vì không có phao, không có bàn tay của thầy cô nâng đỡ. Phải chăng đó là điều các bạn muốn? Để tự tin hơn trong học tập cũng như cuộc sống sau này, mỗi người cần phải trang bị một khối lượng kiến thức cũng như một phương pháp học phù hợp, phải xác định đúng mục đích và động cơ học tập; học để nắm vững những kiến thức cơ bản, học và làm bài đầy đủ để củng cố kiến thức... tham khảo trong cuộc sống để mở rộng vốn hiểu biết... Học ở sách là một trong những phương pháp tự học tốt nhất nhưng việc học này cần phải được thực hiện thật nghiêm túc, tức là đọc có chọn lọc, suy nghĩ, có hệ thống chứ không phải là chép, học thuộc để đối

phó... Vẫn còn rất nhiều phương pháp tự học, vì vậy, mỗi người cần phải tự chọn cho mình một cách học phù hợp và hiệu quả nhất.

Việc tự học có ý nghĩa to lớn như vậy nên bản thân mỗi chúng ta phải xây dựng cho mình tinh thần tự học trên nền tảng của sự say mê, ham học, ham hiểu biết, giàu khát vọng và kiên trì trên con đường chinh phục tri thức. Từ đó bản thân mỗi con người cần chủ động, tích cực, sáng tạo, độc lập trong học tập. Có như vậy mới chiếm lĩnh được tri thức để vươn tới những ước mơ, hoài bão của mình.

Càng hiểu vai trò và ý nghĩa của việc tự học, em càng cố gắng và quyết tâm học tập hơn. Bởi tự học là con đường ngắn nhất và duy nhất để hoàn thiện bản thân và biến ước mơ thành hiện thực.

Đề bài: Suy nghĩ của em về đức tính khiêm tốn.

Bài số 71

Ngạn ngữ Hi Lạp có câu: “Kiêu căng là đặc quyền của kẻ khờ dại”. Câu nói đó đã dạy cho chúng ta bài học luân lí làm người về lòng khiêm tốn. Đúng vậy, khiêm tốn không đơn thuần là bài học mà nó còn là thái độ sống, một nghệ thuật về cách đối nhân xử thế trên đường đời.

Vậy, lòng khiêm tốn là gì? Khiêm tốn là có ý thức và thái độ đúng mức trong việc đánh giá bản thân mình, không tự mãn, tự kiêu, không tự cho mình là hơn người khác. Người có lòng khiêm tốn luôn luôn thể hiện thái độ hòa nhã, nhún nhường trong văn hóa ứng xử, và quan trọng hơn, họ luôn tỏ ra tôn trọng bản thân mình và tôn trọng người khác. Trong công việc và trong cuộc sống, những người có thái độ khiêm tốn thường không thỏa mãn với những gì mình đã đạt được mà ngược lại, họ luôn cố gắng phấn đấu vươn lên để có thể đạt được những thành quả cao hơn nữa. Vì vậy, họ thường gặt hái được nhiều kết quả và thành công mỹ mãn.

Lâm Ngữ Đường, một học giả Trung Quốc đã từng nói: “Lòng khiêm tốn có thể coi là một bản tính căn bản cho con người trong nghệ thuật xử thế và đối đãi với sự vật”; bởi thế, lòng khiêm tốn là một thái độ rất cần thiết đối với mỗi người. Bất luận khi mình làm nghề gì, đảm nhiệm chức vụ cao thấp như thế nào, thì chúng ta phải lấy khiêm tốn làm trọng, bởi chỉ có lòng khiêm tốn, con người mới luôn có tinh thần cầu tiến, mới không ngừng học hỏi và tiến bộ. Khiêm tốn sẽ chỉ cho ta thấy những thiếu sót của bản thân mình để sửa đổi, không tỏ thái độ kiêu căng tự mãn, và giúp ta biết bình tĩnh và tiếp thu những ý kiến đóng góp của mọi người xung quanh. Chỉ cần có lòng khiêm tốn, chúng ta sẽ ngày càng tốt hơn và được mọi người yêu quý. Trong cuộc sống hiện diện rất nhiều người có lòng khiêm tốn, chẳng hạn như nhà bác học vĩ đại Einstein, ông đã từng nói: “Tôi chỉ là một người bình thường như bao người khác thôi, cũng sống và làm công việc mình yêu thích, sao lại gọi tôi là người nổi

tiếng?”. Nhà thơ Tố Hữu cũng đã viết về lòng khiêm tốn của vị lãnh tụ vĩ đại Hồ Chí Minh: “Như đỉnh non cao tự giấu hình. Trong rừng xanh lá, ghét hư vinh”. Bác Hồ là một người khiêm tốn, ai ai khi gặp Bác đều thấy được vẻ đẹp tâm hồn Bác qua cử chỉ, lời nói, hành động, nụ cười..., tất cả đều rất giản dị và đáng kính biết mấy.

Khiêm tốn giúp con người ta không kiêu ngạo khi đứng trên đỉnh cao vinh quang, và người biết khiêm tốn sẽ lấy thành công đó làm động lực thúc đẩy họ tiếp tục tiến lên phía trước. Nhưng trái lại, những kẻ tự mãn, ngu ngốc thường đắm chìm trong thành công của mình mà quên mất rằng họ cần phải cố gắng nhiều hơn nữa để tạo lập những thành quả mới. Những con người kiêu căng ấy đã tự ngộ nhận, khoe khoang lối bịch và hợm hĩnh về bản thân. Họ đã chủ quan và ngủ quên trong thành tích hay xa hơn là dương dương tự đắc. Đáng thương thay cho những con người nông cạn!

*Làm người chớ thấy tài mà cậy,
Có nhon bao nhiêu lại có tù.*

Cuộc sống không chỉ rải đầy hoa hồng mà nó còn là cuộc đấu tranh dài bất tận. Cuộc chiến này qua đi, cuộc chiến khác lại đến. Thỏa mãn, tự kiêu chính là đi lùi với văn minh hiện đại. Kiến thức của mỗi con người cũng giống như hạt cát giữa sa mạc mênh mông, không thể đem so sánh với người khác. Mỗi người có điểm mạnh khác nhau, không có thành công nào tồn tại bất diệt. Vậy nên chúng ta phải “học, học nữa, học mãi” để hoàn thiện bản thân và cống hiến cho nhân loại.

Rèn luyện tính khiêm tốn đời khi bắt nguồn từ những hành động nhỏ nhặt trong đời thường. Tính khiêm tốn chính là bài học đạo đức đầu tiên và cần thiết cho mỗi con người. Mỗi chúng ta hãy tự ý thức và nuôi dưỡng cho mình một thái độ khiêm tốn, khiêm tốn trước người, khiêm tốn trước đời, để có thể đạt được nhiều thành công trên đường đời.

Đề bài: Nghị luận về an toàn giao thông.

Bài số 72

An toàn giao thông vẫn luôn là vấn đề rất lớn và cần thiết trong đời sống của mỗi người dân. Nhưng hiện nay, tai nạn giao thông vẫn xảy ra với con số ngày càng gia tăng. Đó là hồi chuông cảnh tỉnh mọi người trong toàn xã hội phải thay đổi thái độ sống, thực hiện tốt an toàn giao thông.

Vậy an toàn giao thông là gì? An toàn giao thông là các hành vi văn hóa khi tham gia giao thông bao gồm việc chấp hành luật giao thông, phải có ý thức khi tham gia giao thông. An toàn giao thông còn là sự an toàn đối với người tham gia lưu thông trên các phương tiện đường bộ, hàng hải, hàng không, là sự chấp hành tốt các luật lệ về giao thông, cư xử phù hợp khi lưu thông trên các phương tiện giao thông. An toàn giao thông đang là vấn đề “nóng” luôn được sự quan tâm hàng đầu của xã hội.

Theo báo cáo của Ủy ban An toàn Giao thông, năm 2007 có 14600 vụ tai nạn giao thông làm chết 13200 người và bị thương 10500 người. Vậy tại sao lại có một con số thật khó khăn khiếp, vì đâu mà tai nạn giao thông lại xảy ra một cách quá phổ biến? Có nhiều lí do để giải thích, cả nguyên nhân khách quan và chủ quan mà nguyên nhân chủ quan lại chiếm đa số. Nguyên nhân đầu tiên là do sự thiếu hiểu biết. Số đông dân chúng còn có quan niệm rằng tai nạn nói chung và tai nạn giao thông nói riêng là do số mệnh con người quyết định. Họ không thấy rằng, phần lớn tai nạn giao thông là có thể phòng tránh được. Thứ hai là có hiểu biết về Luật Giao thông nhưng do ý thức kém nên đã không chấp hành: uống rượu bia vượt quá nồng độ cho phép khi lái xe, không đội mũ bảo hiểm ở phần đường bắt buộc phải đội mũ bảo hiểm, chở trên ba người phóng nhanh vượt ẩu... Đây cũng là nguyên nhân phổ biến nhất, làm đau đầu các nhà quản lí. Một phần nữa vì không có biện pháp kiểm soát, bắt nóng ngay khi phạm luật nên mọi người cứ vô tư phạm luật khi không thấy bóng dáng cảnh sát giao thông. Xét về nguyên nhân khách quan, cơ sở hạ tầng của rất nhiều tuyến đường kém chất lượng do sự tắc trách của các cơ quan xây dựng, ăn hối lộ, bớt xén vật liệu... đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng cho người tham gia giao thông.

Tất cả những nguyên nhân gây ra tai nạn đều bắt nguồn từ ý thức của người dân. Nếu như họ biết quý bản thân mình, biết tuân thủ luật lệ giao thông, biết nghĩ đến sự an toàn cho người lưu thông thì sẽ chẳng xảy ra những điều thương tâm và đáng tiếc. Hồi chuông cảnh báo luôn rung lên, nhắc nhở mọi người hãy biết chấp hành giao thông, vì sự an toàn của bản thân và toàn xã hội. Hậu quả của việc không thực hiện an toàn giao thông là rất lớn, vì thế, mỗi chúng ta cần thực hiện tốt luật an toàn giao thông, chấp hành hiệu lệnh an toàn khi lưu thông. Trái lại, với các hành vi an toàn giao thông là vi phạm luật giao thông, gây tai nạn, làm ảnh hưởng đến người khác gây hậu quả cho cộng đồng cần phải được xử lí nghiêm minh. An toàn giao thông được áp dụng cho tất cả mọi lứa tuổi, mọi hình thức, mọi phương tiện khi tham gia giao thông.

An toàn giao thông không chỉ là vấn đề chung của xã hội mà còn cần sự đóng góp của mỗi cá nhân. Mỗi chúng ta cần ý thức tốt khi lưu thông thì sẽ giảm thiểu số lượng tai nạn xảy ra. Vấn đề an toàn giao thông đang được tuyên truyền rộng rãi qua báo đài, các trò chơi truyền hình... Ngay trong môi trường học đường vấn đề an toàn giao thông cũng cần được chú trọng, nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi học sinh về việc chấp hành luật lệ giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy... Riêng về phần học sinh chúng ta, ngay bây giờ, khi còn ngồi trên ghế nhà trường, hãy tích cực tham gia các hoạt động thiết thực do Đoàn trường tổ chức để tuyên truyền luật giao thông cho mọi người và bản thân, chấp hành nghiêm Luật Giao thông. Không phải thực hiện theo cách đối phó mà hãy thực hiện vì chính sự an toàn của bản thân mình. Bản thân tôi cũng sẽ có gắng chấp hành Luật Giao thông thật

tốt, góp một phần nhỏ nào đó làm giảm thiểu tai nạn giao thông, đem lại an toàn cho chính bản thân và những người xung quanh.

Tóm lại, tai nạn giao thông là một vấn đề bức bách cần giải quyết. Vấn đề này cần sự ý thức trách nhiệm và hành động cụ thể của từng cá nhân trong xã hội này. Thực hiện tốt an toàn giao thông đồng nghĩa với việc xây dựng một cộng đồng văn minh, phát triển.

Đề bài: Suy nghĩ của em về bài học “Mỗi chúng ta hãy học cách viết những đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”.

. Bài số 73

Cuộc sống đối với mỗi người là rất dài nhưng không phải là vĩnh hằng, vô tận. Trước dòng chảy cuộc sống bộn bề ấy, con người ai cũng có những lỗi lầm và hay vướng vào những đau buồn, thù hận. Chúng ta sẽ dùng cảm đối mặt, bước qua và quên đi hay cứ ôm nỗi buồn, sự thù hận ấy ở trong lòng? Tôi đã tìm được lời giải cho câu hỏi ấy qua bài học “Mỗi chúng ta hãy học cách viết những đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”.

Bài học trên thực sự có ý nghĩa như thế nào? Tại sao lại viết những nỗi đau buồn lên cát? Cát luôn là những hạt li ti, nhỏ bé, chỉ cần vài cơn sóng mạnh, những nỗi buồn sẽ bị xóa đi. Còn đá là một vật thể cứng, bền chắc, dù thời gian có trôi qua thì đá vẫn còn nguyên vẹn. Khi khắc ghi những ân nghĩa lên đá, nó sẽ tồn tại mãi mãi và vĩnh viễn với thời gian. Câu nói là bài học về cách ứng xử của con người trong cuộc sống.

Có người đã từng nói: “Sống mà chưa biết đến nỗi buồn, đến sự đau khổ, thất vọng thì con người đó chưa sống trọn một đời”. Quả thật vậy, trong cuộc sống, ai cũng có lúc gặp phải những nỗi buồn, ai cũng có lần mắc phải những lỗi lầm. Nhưng quan trọng là ta sẽ ứng xử như thế nào. Dân gian ta có câu: “Đánh kẻ chạy đi, ai đánh người chạy lại”. Biết tha thứ cho người khác cũng là cách bạn tự tạo niềm vui, sự thanh thản cho người khác và cho chính mình. Với những việc làm vị tha như thế, bạn sẽ thiết lập được những mối quan hệ tốt đẹp trong cuộc sống. Fred Luskin – Giáo sư tâm lý Đại học Stanford, tác giả cuốn sách *Hãy tha thứ vì sự tốt đẹp* – đã khuyên: “Nếu cứ gặm nhấm những nỗi đau và âm ỉ sự phục thù, bạn sẽ bị hao mòn cả về thể xác lẫn tinh thần. Tha thứ sẽ là một liều thuốc giải độc mạnh mẽ.”. Quá khứ không đánh đổi hoặc quyết định cả cuộc sống mà nó chỉ là bài học kinh nghiệm, còn chúng ta sống là vì hiện tại, tương lai và mai sau. Tha thứ là một món quà tinh thần vô giá giúp cuộc sống của chúng ta tràn đầy niềm vui, hạnh phúc. Nó còn là một liều thuốc bổ giúp cho tâm hồn luôn thanh thản, thanh cao. Và muốn có được đức tính vị tha thì chúng ta phải luôn đặt mình trong hoàn cảnh của người khác để thấu hiểu và cảm thông, tha thứ.

Soi vào lịch sử và cuộc sống, chúng ta có thể thấy bài học ứng xử trên thật đúng đắn. Từ xa xưa, chàng Thạch Sanh trong truyện cổ tích cùng tên đã sống vị tha, xóa bỏ mọi đau buồn của mình, quên đi thù hận đối với mẹ con Lí Thông. Có lẽ vì vậy mà chàng Thạch Sanh đã được hưởng hạnh phúc và luôn được người đời ngợi ca. Sống ân nghĩa, vị tha cũng là truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta. Nước ta từng phải chịu biết bao nạn ngoại xâm của các đế quốc hung tàn. Nhân dân ta sẵn sàng quyết tâm đã đứng lên đấu tranh với sức mạnh của cả dân tộc nhưng khi kẻ thù đã rơi vào thế cùng thì dân tộc ta luôn thể hiện thái độ khoan hồng, vị tha. Dưới triều đại của Lê Lợi, khi quân Minh thảm bại, nhân dân ta vẫn cấp lương thực và thuyền bè cho chúng về nước. Tư tưởng này đã được Nguyễn Trãi nêu rõ trong *Bình Ngô đại cáo*:

Thần vũ chẳng giết hại,

Thế lòng trời ta mở đường hiếu sinh

Cấp cho phương tiện trở về:

Mã Kì, Phương Chính, cấp cho năm trăm chiếc thuyền...

Vương Thông, Mã Anh, phát cho vài nghìn cỗ ngựa...

Sống vị tha là một nét đẹp trong văn hóa ứng xử của người Việt. Bên cạnh đó lòng biết ơn cũng là một truyền thống tốt đẹp cần được ngợi ca và lưu giữ trong dân tộc ta. Trong cuộc sống, chắc hẳn bạn đã nhiều lần giúp đỡ và được giúp đỡ lúc khó khăn, hoạn nạn. Điều đó thật cao cả và ý nghĩa biết bao. Hãy nên ghi nhớ và biết ơn những sự giúp đỡ ấy. Đó cũng là truyền thống “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của dân tộc ta. Truyền thống này được cụ thể hóa qua những hành động đền ơn đáp nghĩa, thờ phụng và tưởng nhớ những người đã có công với đất nước. Đi đến đâu ta cũng có thể bắt gặp bất cứ tên những vị danh nhân dân tộc được đặt cho mỗi con đường, khu phố. Đó cũng là một cách chúng ta “khắc ghi những ân tình”.

Sự vị tha và lòng biết ơn là những đức tính rất cần thiết đối với mỗi người trong cuộc sống. “Mỗi chúng ta hãy học cách viết những đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”. Câu nói mang đậm chất triết lý, thể hiện một quan niệm nhân sinh cũng như một lời khuyên đúng đắn cho mỗi người về cách ứng xử trong cuộc sống. Đối với mỗi người học sinh thì học sự vị tha và biết ơn sẽ là hành trang quan trọng để chúng ta bước vững chắc vào tương lai.

Đề bài: Suy nghĩ của em về vấn đề tác hại khi hút thuốc lá

Bài số 74

Xã hội ngày càng phát triển, con người ngày càng được quan tâm song vẫn có không ít những tác nhân làm nguy hại đến sức khỏe của con người. Một trong số đó là thuốc lá!

Trên mỗi vỏ bao thuốc lá đều có dòng chữ “Thuốc lá có hại cho sức khỏe” vậy mà bất chấp điều cảnh báo ấy, người ta vẫn hút thuốc. Có một thời,

thuốc lá trở thành vật không thể thiếu trên bàn tiếp khách. Người lớn hút, trẻ nhỏ cũng hút. Hiện nay, đến bất cứ một trường trung học phổ thông hay các trường đại học nào chúng ta cũng có thể bắt gặp những cảnh sinh viên, học sinh (kể cả một số em còn đeo khăn quàng đỏ) tụ tập, chuyền tay nhau phì phèo điếu thuốc. Nhiều em học sinh còn coi đó như là một sự sành điệu, thể hiện nam tính của lứa tuổi thanh, thiếu niên. Lúc đầu, có nhiều em chưa biết hút, nhưng qua bạn bè mời mọc, khích bác muốn thử, rồi dần dần thành quen và trở nên nghiện lúc nào không hay. Điều đáng nói là thói quen xấu đó dần dần lan ra ở nhiều em trong lớp. Nhiều em học sinh từ khi nghiện thuốc sức khỏe giảm sút, kết quả học tập cũng tụt dần, thiếu tích cực trong tham gia các hoạt động tập thể... Ở một số trường học, khi thầy cô phát hiện học sinh của mình hút thuốc đã nhắc nhở, thậm chí kỷ luật, nhưng xem ra hiệu quả không cao vì hút thuốc lá là thói quen rất khó bỏ, chỉ quản lý thời gian trên lớp không đủ ngăn ngừa đối với những học sinh nghiện. Nguyên nhân nào dẫn đến thói quen tai hại ấy? Do thói quen giao tiếp cũng có, do sự học đòi bắt chước thích tỏ ra mình là người “sành điệu” cũng có.

Hầu hết những người hút thuốc lá đều biết tác hại của nó. Theo các nhà nghiên cứu, trong khói thuốc lá chứa hơn 4.000 loại hóa chất, trong đó có hơn 200 loại có hại cho sức khỏe, trên 40 chất gây ung thư. Hút thuốc lá là kẻ thù lớn của sức khỏe và tuổi thọ con người. Trong những năm gần đây, việc hút thuốc lá là mối quan tâm hàng đầu trong lĩnh vực y tế và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Trong một năm, số ngày nghỉ làm việc tăng lên, các bệnh viện ngày càng tăng những bệnh tim phổi, mạch máu... đều có liên quan tới việc hút thuốc. Người ta đã khuyến cáo và chứng minh bằng những chứng cứ khoa học rất cụ thể về mối đe dọa của thuốc lá với đời sống, tuổi thọ của con người. Đặc biệt là tác động mạnh và gần như tức thì trên các bệnh tim mạch, lao phổi, ung thư. Những người phụ nữ hút thuốc lá và uống rượu lúc mang thai có nguy cơ sinh non, dị tật và khả năng sảy thai cao. Như vậy, thuốc lá làm cho sức khỏe và tuổi thọ của con người bị suy giảm nghiêm trọng.

Không chỉ có hại cho sức khỏe, thuốc lá còn gây ra những tổn thất lớn về kinh tế của mỗi gia đình và toàn xã hội. Ước tính, phần đóng góp của ngành công nghiệp thuốc lá cho ngân sách Nhà nước chỉ chiếm 1/3 số tiền (khoảng 6.000 tỉ đồng/năm) mà người dân tiêu vào khói thuốc. Có thể số tiền dành cho thuốc lá không nhiều, nhưng nếu không hút thuốc lá, ta có thể dùng số tiền đó vào những việc khác hữu ích hơn. Đối với trẻ nhỏ việc học đòi, bắt chước hút thuốc lá vừa làm nguy hại đến sức khỏe vừa làm cho tâm tính bị thay đổi dẫn đến dối trá, trộm cắp vật để có tiền hút thuốc...

Thuốc lá không chỉ có hại đối với người trực tiếp sử dụng nó mà còn ảnh hưởng đến những người xung quanh vì khói thuốc lan trong không khí khiến họ cũng phải chịu ảnh hưởng nặng nề. Hiện nay, khi đến các nơi công cộng như bến xe, thậm chí cả trường học, trụ sở nhà nước, chúng ta vẫn bắt gặp

nhiều người hút thuốc lá mà không hề quan tâm đến sức khỏe của mình và cảm giác của những người xung quanh. Như vậy họ đã gián tiếp làm nguy hại đến sức khỏe cộng đồng và vô tình làm cho môi trường bị suy thoái. Theo điều tra mới nhất của Tổ chức Y tế Thế giới WHO, cứ theo đà hút thuốc lá hiện nay thì đến năm 2020 số người chết vì thuốc lá sẽ là 8 triệu người một năm. Tức là cao hơn số người chết vì HIV/AIDS, bệnh lao và tai nạn giao thông cộng lại. Dự báo ấy liệu có làm cho những con nghiện thuốc lá lưu tâm?

Thuốc lá có hại như vậy. Làm thế nào để ngăn chặn việc hút thuốc lá? Có lẽ cần tuyên truyền nhiều hơn về tác hại của nó trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phải coi thuốc lá cũng là một loại thuốc độc hại gây nghiện. Cần giáo dục thanh thiếu niên về nguy hại do thuốc lá gây ra. Trước tiên bạn hãy tự tránh cho mình và người thân, bạn bè để bảo vệ và giữ gìn sức khỏe của chính mình và cộng đồng.

Thuốc lá có hại. Thuốc lá là kẻ thù nguy hiểm cho sức khỏe con người. Bởi vậy, để bảo vệ chính mình và cộng đồng, thế hệ trẻ chúng ta hãy cùng nhau nói không với thuốc lá!

**Đề bài: Suy nghĩ của em về vấn đề rác thải
với môi trường.**

Bài số 75

Ngày nay, trên thế giới, môi trường đã trở thành một vấn đề được quan tâm hàng đầu. Ở các quốc gia tiên tiến, vấn đề giữ gìn vệ sinh môi trường được đặc biệt chú trọng nên việc xả rác và nước thải bừa bãi hầu như không còn xuất hiện. Người dân được giáo dục rất sâu sắc về ý thức bảo vệ môi trường sống xanh – sạch – đẹp. Đáng buồn thay, ở nước ta, hiện tượng vứt rác ra đường hoặc những nơi công cộng, không giữ gìn vệ sinh đường phố rất phổ biến. Việc làm này đã gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường mà cụ thể ở đây là gây ô nhiễm môi trường.

Thành ngữ Việt Nam có câu: “Nhà sạch thì mát, bát sạch ngon cơm”. Vậy mà “ngôi nhà chung” của chúng ta lại đang tràn ngập rác. Rác có mặt ở khắp nơi: trên đường phố, trong nhà xe, bệnh viện, trường học, di tích thắng cảnh... Đến đâu cũng thấy rác, thậm chí ngồi bên hồ, dù là hồ đẹp nổi tiếng người ta cũng tiện tay vứt rác xuống... Rác gồm đủ loại với đủ các chất liệu khác nhau: từ vỏ hoa quả đến vỏ đồ hộp, bao bì ni lông, vỏ chai thủy tinh, xỉ than, gỗ, giấy... Nguy hiểm hơn cả là tình trạng bệnh viện chôn rác xuống lòng đất ngay bên cạnh khu dân cư, hay mới đây là vụ nhà máy bột ngọt Vedan đã thải nước xuống dòng sông Thị Vải mấy chục năm biến dòng sông thành dòng sông chết.

Vậy do đâu mà hiện tượng xả rác bừa bãi lại tràn lan như vậy? Có nhiều nguyên nhân dẫn đến những hiện tượng trên. Nguyên nhân đầu

tiên là do những thói quen xấu lười biếng và lối sống lạc hậu ích kỉ chỉ nghĩ đến quyền lợi cá nhân của một số người. Họ sống theo kiểu “Của mình thì giữ bo bo/ Của người thì thả cho bò nó ăn”. Họ nghĩ đơn giản rằng chỉ cần nhà mình sạch thì được còn ai bẩn mặc ai. Ngoài ra, nạn vứt rác bừa bãi trở thành hiện tượng phổ biến là do sự thiếu ý thức của một số người, do điều kiện khách quan chưa có nhiều thùng rác ở những nơi công cộng và ở nước ta lại chưa thực sự có những biện pháp xử lý nghiêm khắc đối với những người vi phạm.

Tình hình vứt rác bừa bãi hiện nay sẽ kéo theo những hậu quả không nhỏ. Trước tiên là hiện tượng vứt rác bừa bãi sẽ hủy hoại môi trường, gây ảnh hưởng đến sức khỏe và tuổi thọ của người dân. Rác bị xả bừa bãi liên tục, ngày càng nhiều nếu không được thu dọn sẽ bốc mùi, gây ô nhiễm môi trường không khí. Nguồn nước bị ô nhiễm nặng do dân cư ven các con sông thải chất thải sinh hoạt xuống sông. Người dân chẳng may sử dụng phải nguồn nước này, hay sống gần những bãi rác sẽ dễ mắc các bệnh về đường ruột, bệnh ngoài da, bệnh đau mắt hột, thậm chí có nhiều người tử vong vì bị tiêu chảy cấp do nhiễm khuẩn tả từ nước bị ô nhiễm. Về vấn đề kinh tế mà nói, ngành chịu ảnh hưởng nhiều nhất là ngành nuôi trồng thủy sản. Do môi trường sinh thái bị ô nhiễm, cá tôm chết nhiều hoặc bị bệnh gây tác hại nghiêm trọng đến sản lượng, ảnh hưởng lớn đến kinh tế người dân và tốn kém nhiều tiền bạc trong việc cải tạo môi trường. Rác trong lớp học, sân trường, nếu không thu dọn kịp thời sẽ bốc mùi hôi thối khó chịu, ảnh hưởng đến sức khỏe và sự tiếp thu bài của học sinh, sự truyền đạt kiến thức của giáo viên và còn làm ảnh hưởng đến vẻ đẹp mỹ quan của ngôi trường. Và một thiệt hại đối với ngành du lịch nước ta nếu hiện tượng xả rác còn tràn lan là sẽ để lại ấn tượng không tốt đẹp cho khách du lịch. Thử hỏi còn ai muốn tham quan du lịch tại một đất nước đầy rác thải!?! Lúc ấy, chúng ta sẽ mất một nguồn lợi khá lớn về du lịch.

Vậy làm thế nào để giảm thiểu được hiện tượng xả rác này? Trong khi chúng ta còn đang lúng túng tìm giải pháp khắc phục thì hàng ngày, hàng giờ hành tinh xanh của chúng ta đang oằn mình vì rác. Bởi vậy ngoài việc đặt thùng rác ở những nơi công cộng, treo biển cấm đổ rác ở một số nơi và xử phạt nghiêm khắc với người vi phạm, chúng ta cần phải giáo dục ý thức về vấn đề này, và phải nhanh chóng khắc phục hậu quả ở những nơi đã bị vứt rác bừa bãi, nhằm ngăn chặn hành vi tiếp tục xả rác của những người vô ý thức. Trong trường học, nhà trường cần phối hợp với các ban ngành thường xuyên nhắc nhở, tuyên truyền, kiểm tra ý thức tự giác của mọi người về việc giữ gìn vệ sinh. Nên có những hình thức khiển trách đúng mức đối với những học sinh có thói quen vứt rác bừa bãi. Bên cạnh đó cần nhân rộng những phong trào thiết thực như “chủ nhật xanh”, “xanh sạch đẹp thành phố”... để ngôi nhà chung của chúng ta luôn sạch sẽ, trong lành.

Bảo vệ môi trường là bảo vệ sự sống của mọi người, vì vậy mỗi người chúng ta cần có ý thức, góp phần chung tay xây dựng một môi trường xanh - sạch - đẹp. Đặc biệt, mỗi học sinh chúng ta cần ý thức giữ gìn vệ sinh nơi công cộng để trái đất này mãi mãi là hành tinh xanh đáng yêu.

Đề bài: Suy nghĩ của em về trò chơi điện tử.

Bài số 76

“Trò chơi điện tử là trò chơi mà hành động trong đó cần công nghệ thông tin điều khiển”. Hiểu một cách đơn giản, trò chơi điện tử là những trò chơi được chơi trên thiết bị điện tử. Từ ý tưởng ban đầu như là một thú tiêu khiển giết thời gian nay nó đã trở thành một hiện tượng văn hóa toàn cầu. Trò chơi điện tử vốn là một trò giải trí lành mạnh song hiện tượng đam mê trò chơi này mà sao nhãng học hành và gây nhiều hậu quả tai hại đã trở thành một vấn đề bức xúc ở lứa tuổi học sinh.

Có thể thấy ở khắp các phố phường và các ngõ đường thôn ngõ xóm mọc lên nhan nhản những quán Internet. Đoạn đường chỉ dài hơn 2km đã có hàng chục cơ sở kinh doanh dịch vụ Internet, ở đó trò chơi điện tử online hoạt động liên tục ngày đêm (có nhiều điểm hoạt động suốt 24/24 giờ hoặc vờ nghỉ đêm với cửa khép bên ngoài nhưng bên trong vẫn hoạt động bình thường). Khách hàng phần lớn là thanh, thiếu niên trong tuổi cấp sách đến trường. Học sinh đến đó không phải để truy cập thông tin phục vụ cho việc học mà để chơi điện tử. Bằng chút vốn kiến thức tin học ít ỏi đã được học ở trường, hay ở đâu đó, các tay lướt web này đã “làm quen” khá nhanh với Internet, trò chơi điện tử online. Chính những người “nghiện” trò chơi điện tử online thừa nhận, lúc đầu các em chỉ lên mạng chơi, nhưng thấy quá hấp dẫn, muốn khám phá, rồi thử... và “nghiện” lúc nào chẳng hay... Nhiều bạn ngồi hàng giờ, hàng ngày trước màn hình vi tính, mê mẩn với những trò chơi trên máy, quên thời gian, thậm chí bỏ học để chơi, trong đầu lúc nào cũng chỉ nghĩ đến các trò chơi và ham muốn chinh phục khám phá nó khiến gương mặt ngơ ngẩn như mất hồn... Nhiều vụ án thương tâm đã xảy ra mà nguồn gốc của nó bắt nguồn từ trò chơi điện tử. Điển hình là vụ Phan Quốc Thái, học sinh lớp 10 trường THPT Nguyễn Văn Thành, huyện Gò Công Tây đã dùng dao đâm chết ông ngoại lấy 850.000 đồng để chơi game, sau đó đem thi thể ông vùi xuống sông, thật đau xót. Hay vụ án ngày 30/8/2010, học sinh Bùi Tấn Cường, lớp 8¹, trường THCS Vĩnh Kim, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang đã treo cổ tự tử tại nhà vì có dấu hiệu nghiện game.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến hiện tượng nghiện trò chơi điện tử. Do bố mẹ không quan tâm, do buồn, do bạn bè rủ rê, do không tự chủ được bản thân... Song dù lí do nào đi nữa, ham mê trò chơi điện tử cũng là một điều tai hại. Trước hết ngồi quá gần màn hình vi tính trong một thời gian dài có thể làm cho mắt bị cận thị, người mệt mỏi, sức khỏe bị tổn hại. Không chỉ

có thể, ham mê trò chơi điện tử còn dẫn đến sao nhãng nhiệm vụ chính của người học sinh là học tập. Mải chơi, bỏ tiết, trốn học, không hiểu bài, không làm bài tập, học tập sút kém dẫn đến chán học. Như vậy vô tình sự ham chơi nhất thời có thể tự huỷ hoại tương lai của chính bản thân mình. Trò chơi điện tử còn khiến tâm hồn bị đầu độc bởi bạo lực, chém giết, bắn phá, cuốn con người vào một thế giới ảo đầy những mưu mô, thủ đoạn. Hơn nữa, ham chơi điện tử còn tiêu tốn tiền bạc một cách vô ích. Để có tiền chơi điện tử nhiều thói hư tật xấu bắt đầu nảy sinh như dối trá, thủ đoạn, trộm cắp... Và không ai có thể lường trước được những hậu quả tai hại khác nếu niềm đam mê kia vẫn còn tiếp diễn.

Trò chơi điện tử như con dao hai lưỡi, nếu bạn chơi đúng mức, nó sẽ có tác dụng tốt, nếu bạn chơi quá mức, nó sẽ có những tác hại xấu! Đã đến lúc mọi người cần có những hồi chuông thức tỉnh thật sự với những người đang chơi và sắp chơi với những tác hại ghê gớm của việc chơi mê mải game. Quan trọng nhất là bản thân phải xác định nhiệm vụ chính của mình là học tập, rèn luyện, tu dưỡng, không lãng phí thời gian, sức lực, tiền bạc vào những việc vô bổ, thậm chí là có hại. Chỉ coi trò chơi điện tử như một trò giải trí, tiếp xúc với nó có chừng mực, biết chế ngự và làm chủ bản thân, không để bản thân bị tác động bởi những trò chơi và sự rủ rờ của những người bạn xấu. Để giải quyết tình trạng nghiện trò chơi điện tử cũng cần có sự phối hợp hoạt động đồng bộ của cả xã hội. Đi đầu là các nhà quản lý trong lĩnh vực Internet với một định hướng tốt và giám sát cụ thể, có thể quản lý thật chặt về vấn đề này. Nghiên cứu những người nghiện game, các nhà tâm lý học thấy rằng họ thường thất bại trong đời sống thực và muốn tìm đến sự tự tin trong thế giới ảo. Nhiều em nghiện trò chơi điện tử vì không có sự quan tâm đúng mức của gia đình và nhà trường. Chính vì vậy, các bậc cha mẹ hãy quan tâm và chia sẻ và có những định hướng tốt cho con em mình. Nhà trường và Đoàn thanh niên, hội sinh viên nên tạo ra nhiều sân chơi giúp các em có nhiều điều kiện thể hiện khả năng, tránh ảo tưởng và rơi vào tình trạng nghiện game. Nếu thật sự có những dấu hiệu của chứng nghiện trò chơi điện tử online, hãy đưa con em đến trung tâm tham vấn tâm lý để được giúp đỡ. Đây chính là những biện pháp cần thiết đưa con bạn thoát khỏi thế giới trò chơi điện tử.

Trò chơi điện tử còn được gọi là “ma túy số”, một trò chơi trực tuyến tuy mới du nhập vào nước ta nhưng có sức lan tỏa cực nhanh, nay trở thành một thứ ma túy, dễ dàng hạ gục một bộ phận giới trẻ, nếu không cảnh giác với chúng, không biết tự chủ khi chơi game. Bởi vậy vì tương lai của chính mình, chúng ta đừng để bản thân vướng vào đam mê chết người đó.

Đề bài: Suy nghĩ của em về câu ngạn ngữ Hi Lạp: “Học vấn có những chùm rễ đắng cay, nhưng hoa quả lại ngọt ngào”.

Bài số 77

Hi Lạp có một quá khứ cổ xưa, với những nền văn minh rực rỡ, lâu đời nhất châu Âu. Chính Hi Lạp là nơi sản sinh ra những kiểu kiến trúc độc đáo, những tác phẩm văn chương bất hủ, những triết gia bậc thầy lẫn những nhà khoa học như Héraclite, Pithagore, Socrate, Aristos, Platon... Có thể nói nền học vấn của Hi Lạp có một lịch sử rất lâu đời và rất hoàn chỉnh. Do vậy, dân tộc Hi Lạp hiểu biết rõ những giá trị mà học vấn mang lại, cũng như có nhiều kinh nghiệm về những gian khổ trong quá trình rèn luyện trau dồi, nên họ có câu ngạn ngữ: “Học vấn có những chùm rễ đắng cay, nhưng hoa quả lại ngọt ngào”. Chúng ta hãy đánh giá xem vấn đề này.

Học tập là quá trình con người thu nhận kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng từ thầy cô, bạn bè, sách vở và chính từ cuộc sống, để biến tất cả thành cái của mình, làm hành trang hành xử trong đời sống. Để việc học có hiệu quả, con người phải đầu tư nhiều thời gian, sức lực, tiền của và nỗ lực hết mình tập trung chú ý vào học tập, rèn luyện. Chỉ để đi học thôi, nhiều người phải đi bộ trên những quãng đường dài tít tắp; phải băng rừng, lội suối, leo đồi; phải đi trong mưa nắng, trong giá rét hay dưới cái trời nóng bức; phải tranh thủ ngay cả những giờ nghỉ ngơi sau một ngày lao động vất vả... Thêm vào đó, người học còn phải đọc thêm sách tham khảo, nghiên cứu tìm tòi, hỏi han thầy cô bạn bè, phải làm bài, học bài, phải thi cử. Rồi còn có những khó khăn do không hiểu được bài, không theo kịp bạn bè, những lúc đau ốm, mỗi mệt gây ra bao lo âu, phiền muộn. Bao nhiêu vất vả khó nhọc kia chính là những chùm rễ đắng mà người học phải nếm trải.

Nhưng, khi một chương trình học kết thúc, người học sẽ bước thêm một bước dài trên con đường tri thức. Họ khám phá ra nhiều điều hay trong kho tàng kiến thức nhân loại. Chỉ biết đọc thôi cũng đã là một cách biệt lớn so với những người mù chữ rồi. Vì người đó đã có thể đọc được thông tin trên báo chí để biết tin tức, hay là thưởng thức một tác phẩm văn học nào đó. Nếu theo học tiếp, người đó sẽ biết tính toán các phép toán đơn giản, biết được những định luật lí hoá đơn giản để giải thích các hiện tượng thường gặp trong cuộc sống. Còn với những chương trình chuyên sâu hơn, người học sẽ trở thành những chuyên gia, am hiểu khá sâu trong lĩnh vực đó, và trở thành người dạy cho người khác. Họ sẽ trở thành những người hiểu biết hơn, hữu ích hơn và được người khác quý mến hơn. Như thế, học vấn mang lại cho người học bao nhiêu điều tốt đẹp, đó chính là những hoa quả ngọt ngào.

Tuy vậy, cần lưu ý rằng phấn đấu đạt được hoa quả của học vấn không phải là để có địa vị cao trong xã hội, để hơn người, để được người khác phục

tùng, vị nể, vì người học với mục đích như vậy là kẻ kiêu ngạo. Hoa quả ở đây là sự hiểu biết cái chân, thiện, mỹ, có đức độ. Thầy Tử Lộ cũng nói: “Quân tử học dĩ tri kì đạo” - người quân tử học để hiểu rõ cái đạo. Chính vì thế, người học không những trau dồi kiến thức, mà còn phải rèn luyện nhân cách, đạo đức. Thông thường, người hiểu biết kiến thức sâu rộng và đúng đắn, là người có đạo đức và nhân cách cao đẹp. Vì người hiểu biết nhiều là người khiêm nhường, bởi học càng nhiều càng thấy mình thiếu sót; là người khôn ngoan vì biết nhìn nhận đánh giá sự việc một cách đúng đắn, hợp lí, không ba hoa, tự phụ. Do vậy, sự hiểu biết của họ được dùng để sống một cuộc sống tốt đẹp, để trình bày cho người khác hiểu, để bênh vực bảo vệ chân lí, để phục vụ đắc lực hơn.

Chính vì thế, học vấn ở đây cần được hiểu rộng ra là tự rèn luyện nhân cách cho bản thân. Mỗi người ai ai cũng có những cái chưa tốt cần thay đổi sửa chữa, cái thiếu sót cần bổ sung. Tuy nhiên, để nhận ra những khuyết điểm và chấp nhận thay đổi là một điều không dễ dàng chút nào, như tục ngữ Việt Nam vẫn nói: “Cái nết đánh chết không chữa”. Do đó, để hoàn thiện mình đòi hỏi ở con người nhiều nỗ lực cố gắng lẫn kiên trì bền chí. Việc đó khó nhưng không phải là không làm được. Dale Carnegie là một triết gia và bậc thầy trong lĩnh vực hùng biện của thế kỉ XX. Nhưng khi còn đi học, ông có tật hay mắc cỡ, không thuyết trình trước lớp được. Thế nên, ông rèn luyện hằng ngày bằng cách vừa tắm cho heo, vừa nói thật mạnh về bài thuyết trình ở lớp hôm sau. Cuối cùng, ông đã bạo dạn mạnh mẽ hơn trong những bài thuyết trình sau này.

Tương tự như ngọc ngà Hi Lạp, sách Lễ kí chương XVIII cũng có câu: “Ngọc bất trác bất thành khí, nhân bất học bất tri đạo”. Một viên ngọc mà không được mài dũa đẽo gọt thì trở thành vô dụng, cũng như con người không có học không biết lí lẽ phải trái. Con người sống mà không biết lí lẽ, phải trái như vậy thì sống cũng vô ích cho xã hội mà thôi. Do đó, như một điều tất yếu, để “tri đạo”, để sống có ý nghĩa, sống xứng đáng là một con người, được người khác quý trọng, con người phải miệt mài học tập. Chính nhờ trải qua học tập rèn luyện nghiêm túc, con người sẽ mang một giá trị cao đẹp hơn, đáng quý hơn. Việc học tập ở đây cũng sẽ vất vả khó nhọc như viên ngọc bị dũa gọt vậy, và kết quả của quá trình rèn dũa này sẽ tạo ra những viên ngọc tốt đẹp, quý giá biết bao!

Tóm lại, trong quá trình học tập, người học phải biết chấp nhận những gian khổ, không được nản chí sờn lòng. Nhưng người học phải luôn tin tưởng vào một tương lai xán lạn phía trước và tiếp tục nỗ lực không ngừng để vững bước. Nhìn gương của các danh nhân, có thể nhận thấy được các vị ấy đã bỏ ra không biết bao nhiêu công sức, trải qua những gian khổ không sao kể xiết, đã nếm trải vị đắng của những chùm rễ học vấn như thế nào? Kết cục, các vị ấy đã được hưởng những hoa quả ngọt ngào biết chừng nào! Do vậy, chấp nhận và nếm trải những vị đắng cay là một điều tất nhiên, để đạt được

hoa quả ngọt ngào sau này vậy. Theo những tấm gương đó, chúng ta cần vững chí kiên tâm, cố gắng không ngừng học tập trau dồi để gặt hái được những hoa quả ngọt ngào.

Sưu tầm

**Đề bài: Suy nghĩ của em về đạo lí
“Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta**

Bài số 78

Từ thời xa xưa, ông bà ta đã thường sử dụng những câu thành ngữ, tục ngữ để răn đe dạy bảo và nhắc nhở con cháu về những phẩm chất, đạo lí cần thiết mà mỗi người ai cũng phải có như là: “Một lòng thờ mẹ kính cha, cho tròn chữ hiếu mới là đạo con”, “An quả nhớ kẻ trồng cây”, “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”... Các câu tục ngữ, thành ngữ ấy thể hiện lòng hiếu thảo, sự biết ơn và lòng thương người... Trong đó, có câu tục ngữ “uống nước nhớ nguồn” thể hiện phẩm chất đạo đức quan trọng của người Việt Nam.

Thoạt nghe qua thì chắc hẳn ai cũng có suy nghĩ câu tục ngữ này rất đơn giản, rất dễ hiểu. “Nước” là một thứ vô cùng quý giá, không có nước, con người và cây cỏ sẽ bị hủy diệt, không có sự sống. “Nguồn” là nơi xuất phát của dòng nước, nhưng đó chỉ là nghĩa đen của câu tục ngữ. Hàm ý sâu xa trong câu tục ngữ chính là lòng biết ơn. “Nước” chính là những thành quả mà cha anh ta đã có công xây dựng nên. “Uống nước” chính là sự hưởng thụ những thành quả vật chất và tinh thần; “Nhớ nguồn” là sự tri ân, giữ gìn phát huy những thành quả của người làm ra chúng. Như vậy, cả câu tục ngữ là lời khuyên, lời dạy bảo chúng ta phải biết ơn thế hệ cha anh và phát huy những thành quả của họ. Với những lời lí giải trên, chắc hẳn tôi và các bạn có thể hiểu được thế nào là “uống nước nhớ nguồn” và tại sao khi “uống nước” chúng ta phải “nhớ nguồn”. Trước tiên chúng ta phải thừa nhận một điều rằng đây là một đạo lí đúng và mỗi người cần phải thực hiện.

Thật vậy, thành quả không tự nhiên mà có. Đất nước ta đã phải trải qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ vô cùng gian khổ, nhiều người hi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc cá nhân và hơn thế nữa, có người đã phải hi sinh cả mạng sống của mình để chiến đấu giành lại độc lập cho đất nước. Họ đã chiến đấu với một ý chí kiên cường, anh dũng với mong muốn đất nước sớm được thống nhất và độc lập. Ngày nay, đất nước đã được độc lập tự do và ngày một phát triển, hội nhập với thế giới. Đó chính là nhờ vào những công lao của cha anh ta, của những người đi trước. Chúng ta là những lớp đàn em, những thế hệ đi sau nên được thừa hưởng những thành tựu mà cha anh ta đã tạo ra. Vì vậy, chúng ta phải nhớ đến những người đã tạo ra những thành quả cho chúng ta. Ta phải biết đền đáp xứng đáng, đó chính là bốn phạm tắt yếu mà mỗi người chúng ta phải thực hiện. Ví dụ như:

Hằng năm, Nhà nước ta thường xây dựng nhà tình nghĩa cho các bà mẹ Việt Nam anh hùng, cấp vốn cho những thương binh và tạo điều kiện cho họ làm ăn để cải thiện cuộc sống. Đó chỉ là một phần nhỏ những gì chúng ta làm được so với những gì mà cha anh ta đã làm. Ngoài ra, lòng biết ơn giúp ta gắn bó với người đi trước, với tập thể..., từ đó hình thành một xã hội thân ái, đoàn kết. Ở nhà trường, các bạn học sinh cùng nhau quyên góp tiền để giúp đỡ xây dựng nhà tình nghĩa hay tặng quà cho những gia đình thương binh, liệt sĩ và ở mỗi khu phố, phường xã thì mỗi gia đình nhỏ cũng làm giống như vậy... thể hiện tính đoàn kết của một xã hội thân ái. Nếu thiếu lòng biết ơn, con người sẽ trở nên ích kỉ, dễ thoái hóa và trở thành kẻ ăn bám gia đình và xã hội. Vì không có lòng biết ơn, ta sẽ không biết quý trọng những thành quả của người khác tạo ra và sẽ sử dụng một cách lãng phí. Đất nước hoà bình mà chúng ta sống hôm nay được đổi bằng sinh mạng của biết bao người ngã xuống. Bởi vậy ta không được phép quên tổ tiên, nòi giống và những người đã chiến đấu, hi sinh bảo vệ quê hương. Cha mẹ, ông bà người thân đã sinh ra ta, nuôi dưỡng ta khôn lớn, thầy cô dạy dỗ ta học hành trở nên người có ích cho xã hội... Tất cả đều là “nguồn” để ta phải nhớ, phải tri ân.

Nhớ nguồn không chỉ là biết ơn, giữ gìn, bảo vệ thành quả đã có mà bản thân mỗi người cần cố gắng cống hiến, bổ sung thêm những thành quả mới cho “nguồn nước” dân tộc luôn tràn đầy và bất diệt. Có như vậy mới phát huy được tinh hoa truyền thống tốt đẹp của tổ tiên, làm cho xã hội ngày một phát triển. Đó mới là nhớ nguồn một cách thiết thực. Ở lứa tuổi học sinh, chúng ta chưa làm ra của cải vật chất cho xã hội, do đó hãy bày tỏ lòng biết ơn chân thành với cha mẹ, thầy cô bằng lời nói, việc làm cụ thể của mình: phấn đấu học tập, rèn luyện và tu dưỡng thành con ngoan, trò giỏi để trở thành những công dân có ích cho xã hội sau này.

Qua câu tục ngữ này, chúng ta đã rút ra được bài học cụ thể cho bản thân: “uống nước nhớ nguồn” trước hết là nhớ công sinh thành, dưỡng dục của thầy cô, sự quan tâm giúp đỡ của mọi người xung quanh, công lao của những thế hệ đã đi trước. Chúng ta phải sống sao cho trọn tình, trọn nghĩa, phải biết quý trọng, giữ gìn và biết ơn những thành quả mà mình được hưởng. Ta hãy học tập và làm việc sao cho xứng đáng với đạo lí làm người và truyền thống dân tộc.

Lòng biết ơn thực sự là một nét truyền thống đạo lí tốt đẹp của dân tộc song nó không tự nhiên mà có. Nó là kết quả của quá trình rèn luyện, tu dưỡng lâu dài của con người. Có lẽ bởi vậy mà tự thưở ấu thơ, lời ru thấm đượm ân tình của bà của mẹ đã gieo mầm ân nghĩa:

Công cha nghĩa mẹ ơn thầy

Nghĩ sao cho bổ những ngày ước ao...

Bài số 79

Trong suốt cuộc đời của mỗi con người, bên cạnh những thành công mà ta cố gắng nỗ lực đạt được thì có đôi khi ta không thể tránh khỏi thất bại. Đó là quy luật tất yếu của cuộc sống. Thành công giúp chúng ta tự tin vững bước vào tương lai; thất bại giúp ta nhìn lại mình và nhận ra những giá trị đích thực của cuộc sống. Bạn biết không, người bạn luôn song hành giúp ta có thêm nghị lực cũng như tự tin đó chính là lòng tự trọng ở trong mỗi người đấy bạn ạ.

Có thể nói, lòng tự trọng là một đức tính tốt đẹp trong phẩm giá của mỗi con người. Người có lòng tự trọng luôn biết nhìn nhận một cách đúng đắn về bản thân và những người xung quanh. Dù ở trong bất kì hoàn cảnh nào thì người có lòng tự trọng luôn biết ứng xử theo quan niệm của tổ tiên ta từ ngàn đời nay “Đói cho sạch, rách cho thơm” hay “Giấy rách phải giữ lấy lề”... Lòng tự trọng không phải ngẫu nhiên có trong mỗi người mà để có được điều ấy mỗi cá nhân trải qua một quá trình rèn luyện, phấn đấu không ngừng nghỉ. Để có được nó thì rất khó nhưng để mất nó thì dễ lắm bạn ạ.

Ngày nay, có rất nhiều người, nhiều việc biểu hiện thiếu lòng tự trọng. Học sinh tìm cách quay cóp trong các kì thi, sinh viên chép lại luận văn mỗi kì tốt nghiệp. Ngoài đường, khi tham gia giao thông người ta hay đi vào đường ngược chiều hay vượt đèn đỏ một cách tự nhiên khi không có cảnh sát, người ta có thể đổ rác ở bất cứ đâu nghĩa là không phải nhà mình. Nơi công sở, người ta làm việc riêng hay dùng điện thoại cơ quan để trò chuyện hàng giờ. Nơi công cộng, người ta gây phiền hà cho mọi người, không có ý thức giữ vệ sinh, bảo vệ môi trường.

Lòng tự trọng khác với tự kiêu. Người tự trọng là người không bao giờ quá đề cao bản thân mình mà coi thường người khác. Người có lòng tự trọng là người luôn cố gắng phát huy tài năng của bản thân; luôn học tập, tìm tòi, khám phá và biết tiếp thu ý kiến của người khác để tự hoàn thiện bản thân mình. Chính vì vậy, mỗi bạn học sinh hãy rèn luyện đức tính này cho mình, các bạn nhé. Chúng ta hãy bắt đầu từ những điều đơn giản nhất - đừng bao giờ thiếu trung thực trong kiểm tra, thi cử; đừng bao giờ dối trá; hãy biết nhận lỗi một cách thành thực khi mắc khuyết điểm – đó là tự trọng đấy bạn ạ.

Ngạn ngữ Nga có câu: “Hãy giữ chiếc áo khi còn mới. Hãy giữ danh dự khi còn trẻ trung”. Đó là lời khuyên vô cùng có ý nghĩa và bổ ích đối với mỗi bạn học sinh chúng ta khi muốn trở thành một con người chân chính có ích cho xã hội, cho dân tộc, cho đất nước Việt Nam thân yêu.

Đề bài: Suy nghĩ của em về ý kiến: “Nếu cứ gặm nhấm những nỗi đau và âm ỉ sự phục thù, bạn sẽ bị hao mòn cả về thể xác lẫn tinh thần. Tha thứ sẽ là một liều thuốc giải độc mạnh mẽ.” (Fred Luskin)

Bài số 80

Trong cuộc sống có những điều mà ta không hài lòng, có những lời nói vô tình khiến ta tổn thương... Tất cả là những xúc cảm bình thường trong cuộc sống này. Hãy quên hết những chuyện không vui ấy, đừng nên giữ mãi trong lòng, mà hãy mở lòng mình ra, học cách tha thứ để vui sống, đó chính là liều thuốc thần kì xoa dịu mọi tâm hồn bị tổn thương. Vì vậy, Fred Luskin đã nói: “Nếu cứ gặm nhấm những nỗi đau và âm ỉ sự phục thù, bạn sẽ bị hao mòn cả về thể xác lẫn tinh thần. Tha thứ sẽ là một liều thuốc giải độc mạnh mẽ.”

Vậy câu nói trên được hiểu như thế nào? Ai đó làm việc gì khiến bạn phật lòng tổn thương, nếu bạn cứ suy nghĩ, buồn phiền và nung nấu ý định phục thù thì bạn sẽ hao mòn cả về thể xác lẫn tinh thần. Dần dần, bạn sẽ trở nên ích kỉ, tạo khoảng cách rộng hơn với mọi người xung quanh. Nếu ta không học cách tha thứ thì sự oán giận sẽ đầu độc ta. Và sự tha thứ sẽ giải thoát chúng ta khỏi cảm xúc cay đắng này. Tha thứ và quên đi là sự yêu thương trong hành động chứ không bằng lời nói suông. Tha thứ nghĩa là đồng cảm và bình yên tiến về phía trước với điều tốt, và hướng tới điều tốt đẹp hơn. Tha thứ làm tan chảy sự chai sạn trong lòng người khác. Nhưng tha thứ, vị tha không đồng nghĩa với sự nhu nhược của bản thân.

Vì sao trong cuộc sống, con người cần tha thứ cho nhau?

Vì không ai là người thật sự hoàn hảo về mọi mặt mà chúng ta, ai cũng có thể mắc lỗi trong cuộc sống. Vậy nên chúng ta hãy mở rộng lòng mình cho họ một cơ hội để sửa chữa lỗi lầm để từ đó không bao giờ sai phạm nữa. Tha thứ - với mình, là có cái nhìn bao dung hơn, và để lòng mình nhẹ hơn. Có những người lỡ sa ngã vào con đường nghiện ngập, hút chích vì phút giây nông nổi, chơi ngông với bạn bè mà đánh mất tương lai tươi sáng của mình. Nhưng khi thức tỉnh thì lại không dám quay về nhà vì sợ gia đình, hàng xóm, xã hội ghét bỏ, kì thị. Chính lúc đó, sự tha thứ, thông cảm từ phía gia đình, xã hội sẽ giúp họ cân bằng, lấy lại niềm tin trong cuộc sống để làm lại cuộc đời. Khi chúng ta nhìn thẳng vào những thiếu sót của bản thân thì sự giận dữ của ta đối với người khác sẽ nhẹ nhàng hơn và ta sẽ nhìn nhận một cách bao dung, độ lượng hơn. Trong quá khứ, tất cả chúng ta đều đã từng phạm phải lỗi lầm. Chúng ta sẽ cảm thấy hối lỗi, áy náy và day dứt... Từ đó chúng ta rút kinh nghiệm để không phạm phải sai lầm nữa. Chúng ta học cách đối mặt, phân tích đúng sai và tha thứ cho bản thân để vươn lên sống tốt hơn. Nhưng học ở trường đời là vô tận, liệu có gì đảm bảo rằng bạn có thể không phạm phải một sai lầm khác. Và nếu bạn tha thứ

được cho mình thì cũng nên tha thứ cho người khác, cho họ một cơ hội để sửa sai như cách ta đã tha thứ cho chính bản thân mình.

Nếu ta không học cách tha thứ thì sự oán giận sẽ đầu độc ta. Lúc đó, bản thân ta sẽ chìm ngập trong sự ích kỷ, lòng hận thù, nhỏ nhen, những thứ tầm thường của cuộc đời. Vì vậy, khi tha thứ cho người khác thì người đó trở nên tốt đẹp hơn và tâm hồn ta cũng được thanh thản, nhẹ nhàng hơn rất nhiều.

Khi không tha thứ, ta mang một gánh nặng gấp đôi. Sự tha thứ giải thoát chúng ta khỏi những cảm xúc cay đắng, đau khổ này. Khi chúng ta không thể thay đổi quá khứ, thì chúng ta không nên níu giữ quá khứ. Nhưng chúng ta có thể học từ quá khứ để làm cho hiện tại và tương lai của chúng ta tốt hơn. Trút bỏ tất cả sự giận dữ, lòng căm thù và sự đau khổ khiến ta tìm ra giá trị thật của sự tha thứ. Tha thứ khi người khác làm lỗi là con đường ngắn và tuyệt vời nhất dẫn đến hạnh phúc cho cả hai bên.

Tha thứ nghĩa là đồng cảm và bình yên tiến về phía trước với điều tốt, và hướng tới điều tốt đẹp hơn trong cuộc sống. Khi làm việc với một tâm hồn phơi phới thanh thản không hận thù, ta sẽ làm việc tốt hơn. Tha thứ sẽ giúp cho mối quan hệ giữa mọi người trong xã hội ngày càng tốt đẹp hơn. Xã hội cũng vì thế mà tốt đẹp hơn.

Hãy học cách tha thứ từ những việc nhỏ nhất như em gái làm bẩn áo bạn, hay anh trai làm hư máy tính của bạn... Có thể có những việc khó đòi hỏi bạn tha thứ một cách dễ dàng và ngay lập tức nhưng dần dần bạn hãy tạo cho mình suy nghĩ về sự tha thứ. www.sachgiai.com

Sự tha thứ hay nói rộng hơn là lòng khoan dung là một truyền thống quý báu, tốt đẹp từ ngàn xưa của dân tộc ta. Vì vậy ta cần phải tiếp tục giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp đó. Không nhất thiết tha thứ cho những gì lớn lao thì mới gọi là khoan dung. Trước hết nên tha thứ cho những lỗi lầm của bản thân rồi sau đó bắt đầu tập tha thứ cho người khác. Từ sự tha thứ cho những lỗi lầm nhỏ trong cuộc sống hàng ngày như bỏ qua khi có va chạm, xích mích tránh dẫn đến đánh nhau hay tha thứ cho những lỗi lầm nhỏ có thể bỏ qua...

Cuộc sống hiện đại với guồng quay vội vã và vô tình cuốn con người vào công việc bận rộn hàng ngày mà quên đi những điều tốt đẹp, quý giá của cuộc sống. Thái độ ích kỷ, vô cảm, lạnh lùng là một trong những hậu quả xấu từ đó. Chỉ một cái va chạm nhỏ cũng làm họ nổi nóng mà nhiếc mắng người khác thậm tệ. Đó chỉ là một ví dụ nhỏ từ thực tế cuộc sống hàng ngày. Những thái độ, hành vi hành xử ấy đáng bị xã hội lên án, phê phán gay gắt vì nó đi ngược lại đạo lý của dân tộc ta. Nhưng sự tha thứ ở đây không có nghĩa là bao che, dung túng, bỏ qua những việc làm sai trái. Tha thứ không có nghĩa là nhu nhược, là dễ dãi bỏ qua mọi lỗi lầm cho mọi đối tượng. Chỉ những người khi mắc phải lỗi lầm biết hối hận và sửa lỗi để không bao giờ tái phạm thì mới xứng đáng được nhận sự khoan dung và tha thứ.

Biết tha thứ là một giá trị quan trọng không thể thiếu trong mối quan hệ giữa con người với nhau, để kiến tạo một thế giới hòa bình, nơi con người cùng chung sống trong sự hiểu biết, hòa hợp và cùng phát triển. Những thái độ và việc làm khoan dung giúp cho cuộc sống bớt căng thẳng, các xung đột được giải quyết một cách hòa bình, và làm cho bầu không khí giữa con người trở nên thân thiện, cởi mở, phát triển hơn. Là học sinh, những người chủ tương lai của đất nước, chúng ta nên cố gắng học tập, rèn luyện để có tri thức, hiểu biết để hành xử đúng với đạo đức con người.

Nguyễn Ngọc Thanh Vy

Đề bài: Trình bày suy nghĩ của em về lợi ích và tác hại của việc sử dụng điện thoại di động.

Bài số 81

Như các bạn đã biết, điện thoại di động là một phương tiện liên lạc rất hữu ích giúp con người trao đổi thông tin với nhau. Ngày nay, mọi đối tượng đều có thể sử dụng điện thoại di động. Tuy nhiên, ở đây tôi chỉ đề cập đến đối tượng là những bạn học sinh. Vậy lợi ích và tác hại của nó như thế nào? Tôi xin trình bày quan điểm của mình như sau:

Đầu tiên, tôi cũng không thể phủ nhận tầm quan trọng của điện thoại di động. Như đã nói ở trên, đó là phương tiện liên lạc giúp các bạn trò chuyện, trao đổi với nhau. Thứ hai, bạn có thể sử dụng bởi một số tiện ích: báo thức, lưu số điện thoại, chụp ảnh lưu giữ kỉ niệm... Bên cạnh đó, với những chiếc điện thoại được đánh giá là “xịn” các bạn có thể giải trí bằng cách nghe nhạc hay chơi game, đọc báo qua GPRS... Nó sẽ là như thế - sẽ là hữu ích với người biết sử dụng điện thoại một cách hợp lí. Tôi nghĩ đơn giản lợi ích của điện thoại chỉ có vậy.

Tôi cũng là học sinh như các bạn, cũng đang ở độ tuổi trưởng thành vì thế tôi hiểu nhu cầu thể hiện mình của các bạn trẻ ngày nay là rất lớn. Và để thể hiện phong cách cá tính của mình bạn không thể thiếu “chú dế yêu”? Bạn sẵn sàng bỏ nhiều tiền để mua điện thoại theo một rồi trang trí cho nó, cài đặt cho nó những công dụng tốt nhất? Có bạn thì được sự cho phép của gia đình nhưng cũng có nhiều bạn dùng giấu sau lưng bố mẹ. Tôi tin chắc rằng, công việc học tập của bạn cũng sẽ một phần nào đó bị ảnh hưởng bởi việc sử dụng điện thoại. Vì sao như vậy? Bởi vì trong số các bạn có rất nhiều người dùng điện thoại mà bỏ bê việc học. Ở lứa tuổi này, chúng ta ít gọi điện nói chuyện với nhau mà chỉ nhắn tin. Như thế lại mất càng nhiều thời gian. Tôi có thể đưa ra một ví dụ rất cụ thể. Khi bạn nhắn tin với ai đó bạn sẽ không nhắn chỉ một, hai tin mà phải đến cả chục tin nhắn phải không? Và nếu người kia trả lời tin nhắn của bạn muộn đi một tí thì bạn sẽ ngồi chờ đợi, đôi mắt chú ý vào màn hình điện thoại và trong đầu luôn nghĩ tại sao không nhận được tin hiệu trả lời. Thử hỏi như thế còn thời gian đâu mà

học? Như thế bạn vừa mất thời gian vừa bị phân tâm tư tưởng, không tập trung chú ý với bài học của mình. Chúng ta đều biết rằng quỹ thời gian của tuổi học trò nói riêng và đời người nói chung là có hạn. Vì thế, khi đang có nhiều thời gian bạn nên làm những việc hữu ích để sau này suy nghĩ lại không phải hối hận, luyến tiếc. Hiện nay rất nhiều mạng điện thoại thì nhau khuyến mãi để lôi kéo khách hàng. Giá trị thẻ càng nhiều, khuyến mãi càng lớn. Vì thế có nhiều người bỏ ra nhiều tiền để mua thẻ. Điều đó sẽ ảnh hưởng tới kinh tế của gia đình. Trong lúc đó, bạn có thể mua một quyển sách hay một thứ gì khác có giá trị hơn nhiều. Với tôi, tôi cũng được sự cho phép của gia đình và đang sử dụng điện thoại. Trước kia tôi cũng đã từng có một thời gian ngăn dùng điện thoại một cách không hợp lí như vậy. Bởi vậy giờ đây tôi thực sự có kinh nghiệm. Sau khi nhận ra được những tác hại của việc sử dụng điện thoại không đúng mục đích tôi đã kịp thời cải thiện. Tôi không sử dụng nó những lúc không cần thiết, không liên lạc với người khác khi không có vấn đề gì quan trọng.

Có thể bạn cho rằng tôi không thật khi nói ra điều này (vì tôi cũng sử dụng điện thoại như bạn). Nhưng những gì tôi nói không phải là hoàn toàn phản đối việc sử dụng điện thoại ở lứa tuổi học sinh. Mà tôi chỉ muốn nói với bạn rằng: Trong cuộc sống, làm mọi việc đều cần phải có sự sắp xếp, phân cách thời gian hợp lý, như thế công việc mình làm mới đạt được hiệu quả. Vậy nên tôi mong các bạn hãy đọc và suy ngẫm những gì tôi nói để có thể có một cách thức hợp lí trong việc dùng điện thoại mà không “lợi bất cập hại” bạn nhé. Chúc các bạn học tốt!

www.sachgiai.com

Võ Thị Thanh Huyền

**Đề bài: Suy nghĩ của em về lí tưởng sống
của thanh niên ngày nay.**

Bài số 82

Bước vào thế kỉ XXI, đất nước ta đang trên đà hội nhập với sự phát triển của thế giới với rất nhiều cơ hội và thử thách được mở ra. Và thanh niên chúng ta - những người chủ tương lai của đất nước - phải góp phần xây dựng quê hương mình. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải suy nghĩ và xem lại cách sống của mình, và một câu hỏi lớn được đặt ra: lí tưởng sống của thanh niên ngày nay là gì?

Trước hết chúng ta phải hiểu được “lí tưởng sống” là gì? Lí tưởng sống là tư tưởng, mục đích tốt đẹp mà mỗi con người muốn hướng tới. Người có lí tưởng sống cao đẹp là người luôn suy nghĩ và hành động để hoàn thiện mình hơn, giúp ích cho mình, gia đình xã hội và đất nước. Sinh ra ở đời, ai trong chúng ta cũng khao khát được sống hạnh phúc, lòng khao khát đó thúc giục chúng ta đi kiếm tìm hạnh phúc. Hơn thế nữa, tự đáy lòng mỗi người luôn ước ao có được một cuộc sống bình an, vui tươi, không lo âu buồn phiền,

không đau khổ oán than, muốn an hưởng sự may lành hơn là bất hạnh, giàu sang hơn là nghèo nàn. Để đạt được khát vọng đó, người ta luôn tìm cho mình một lẽ sống cho cuộc đời, hay nói đúng hơn là một lí tưởng. Lí tưởng này sẽ hướng dẫn và là kim chỉ nam giúp cuộc đời họ vượt qua mọi chông gai và can đảm chấp nhận mọi nghịch cảnh. Vì có một lí tưởng để theo đuổi, có một lẽ sống cho cuộc đời, là niềm hạnh phúc lớn lao nhất của con người.

Rõ ràng lí tưởng là mục đích sống, là ý nghĩa của mỗi cuộc đời. Lí tưởng quyết định sự thành công trong cuộc sống. Lí tưởng dẫn dắt sự nghiệp, tăng thêm sức mạnh cho mọi người để đạt đến thành công trong sự nghiệp. Lí tưởng cho ta sức mạnh vượt qua khó khăn và thử thách trong cuộc sống.

Nhà văn Pháp Đi-dơ-rô từng nói: “Nếu không có mục đích, anh không làm được gì cả. Anh cũng không làm được gì vĩ đại nếu mục đích tầm thường”. Câu nói đó, lời khẳng định đó thật rõ ràng. Nó khuyên chúng ta sống thì phải có mục đích, lí tưởng phải cao đẹp thì sống mới có ý nghĩa, mới làm được những điều vĩ đại.

Trong thời kì công nghiệp hóa hiện đại hóa, kinh tế thế giới hội nhập, khoa học kĩ thuật hiện đại, con người đặt ra vấn đề về lẽ sống của cuộc đời và sống như thế nào cho xứng đáng? Chúng ta nên hiểu sống có mục đích và lí tưởng cao đẹp là như thế nào? Đó là phải sống để xây dựng đất nước, sống vì xã hội vì sự tiến bộ của nhân loại. Vậy thì tại sao ta phải sống có lí tưởng cao đẹp? Vì nếu “sống không mục đích không làm được gì cả” và nếu “mục đích tầm thường thì không làm được điều gì vĩ đại”. Thế chúng ta phải làm gì để trở thành người có mục đích cao cả và có ích cho xã hội? Trước hết, ta cần phải xác định lí tưởng sống đúng đắn – dự tính về tương lai sẽ cống hiến cho xã hội về những mặt nào. Tiếp theo ta cần phải lên kế hoạch học tập, rèn luyện kĩ năng, sức khỏe, tư tưởng nhằm thực hiện mục đích đó. Sau đó, ta phải tích cực tham gia các hoạt động xã hội, chính trị; điều này sẽ giúp cho bản thân hòa nhập cộng đồng. Ta cần phải phát huy những thế mạnh của bản thân, khắc phục các điểm yếu và vận dụng những điều đã học vào thực tế.

Tuy nhiên lí tưởng sống cá nhân phải là sự dung hòa của những mục đích cá nhân và của cộng đồng xã hội, đặt trong một hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Ngày xưa, anh hùng Lí Tử Trọng đã từng nói: “Con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng và không thể là con đường nào khác!”. Trong thời kì chiến tranh, bao lớp thanh niên xông pha lên đường với một mục tiêu - lí tưởng “Tất cả vì tiền tuyến, vì độc lập tự do của đất nước”. Biết bao thế hệ thanh niên đã ngã xuống vì một lí tưởng duy nhất là giành lại độc lập tự do cho đất nước. Đến hôm nay khi đất nước hoà bình và đang trên đà phát triển thì lí tưởng sống cao đẹp của thanh niên, thế hệ trẻ lại càng rộng hơn, bao la hơn, “Vì một Việt Nam phát triển và hội nhập”. Thế hệ thanh niên phải là người đi đầu trong cuộc chiến đấu chống đói nghèo, bệnh tật và lạc hậu.

Thế hệ trẻ là những người chủ tương lai của đất nước, là chủ thể của thế giới, động lực giúp cho xã hội phát triển. Chính vì vậy mà các bạn thanh thiếu niên càng cần phải sống có mục đích cao đẹp. Hãy nhớ rằng: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không đó là nhờ vào công học tập của các em”. Lời nhắn nhủ thiêng liêng ấy của Bác phải được thực hiện! Mặt trận chiến đấu hôm nay không tiếng súng, nhưng vẫn vô cùng cam go và ác liệt. Ngày nay, vũ khí là tri thức, là bản sắc dân tộc. Mặt trận đã khác, vì thế lí tưởng của thanh niên hôm nay phải là đưa đất nước hội nhập, hợp tác và cạnh tranh toàn cầu.

Nhưng hiện nay, một bộ phận lớn thanh niên lại không suy nghĩ được như thế. Họ sống hờ hững với những gì diễn ra xung quanh, sống theo quan niệm: “Được đến đâu thì hay đến đó”. Và mục tiêu của phần lớn các bạn trẻ ngày nay là phải thật thành công trong cuộc sống, khẳng định được vị trí của mình trong xã hội; kiếm thật nhiều tiền để có thể thỏa mãn nhu cầu của cuộc sống của riêng mình. Trong khi rất nhiều người đang cố gắng đóng góp một phần công sức nhỏ bé của mình để mong muốn một xã hội tốt đẹp hơn thì lại không ít người lại tỏ ra rất hờ hững với những gì đang diễn ra với đất nước mình.

Tóm lại, thanh niên chúng ta cần phải biết và tạo cho mình một lí tưởng sống cao đẹp, vì mọi người, vì quê hương đất nước. Bản thân mỗi chúng ta hãy tự nhìn lại cách sống của mình để hướng đến tương lai tươi sáng. Cuối cùng xin kết thúc bằng lời của chiến sĩ cách mạng, một người cộng sản trẻ tuổi, một nhà văn, một anh hùng thời vệ quốc Xô viết vĩ đại, Paven Coocsaghin trong tác phẩm *Thép đã tôi thế đấy* (tác giả Nikolai Ostrovsky): “Cái quý nhất của con người là cuộc sống. Đời người chỉ sống có một lần, phải sống sao cho khỏi xót xa ân hận vì những năm tháng đã sống hoài sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và dòn hèn của mình, để đến khi nhắm mắt xuôi tay, có thể nói rằng: Tất cả đời ta, tất cả sức ta đã cống hiến cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người. Ta phải sống gấp lên mới được. Vì bệnh tật vô lí hay một sự bi đát tình cờ nào đó có thể bỗng nhiên cắt đứt cuộc đời này”.

Đề bài: Suy nghĩ của em về ý kiến:

“Học tập là hạt giống của kiến thức, kiến thức là hạt giống của hạnh phúc.” (Ngạn ngữ Gruzia)

Bài số 83

Học tập là mục tiêu suốt đời của mỗi người. Chúng ta hiện nay đang phấn đấu xây dựng một xã hội học tập, nhằm phát huy tối đa khả năng cũng như quyền được học tập của mỗi người. Người Gruzia có câu ngạn ngữ: “Học tập là hạt giống của kiến thức, kiến thức là hạt giống của hạnh phúc”.

Thật vậy! Kiến thức không phải tự nhiên mà có. Đó là sự tích lũy hiểu biết của nhân loại, của cộng đồng, của nhiều thế hệ thông qua quá trình học tập mà thành. Học tập chính là quá trình tích lũy kiến thức! Câu ngạn ngữ trên đã có một ví von rất hay khi đưa ra hình ảnh “hạt giống” để nhấn mạnh tầm quan trọng của học tập. Hạt giống sẽ nảy nở phát triển thành cây. Quá trình học tập cũng như gieo hạt giống cho trí não và tâm hồn. Kiến thức nhiều cũng là kết quả tích lũy hạt giống để hứa hẹn một mùa bội thu. Kiến thức tốt, đầy đủ, phong phú sẽ gieo những hạt giống cho tương lai của mỗi con người. Tuy nhiên cần phải hiểu thấu đáo hơn câu ngạn ngữ này ở ý nghĩa bao quát của nó. Hạt giống chuẩn bị không tốt, cây sẽ phát triển èo uột, kiến thức nông cạn ít ỏi khiến chúng ta gặp vô vàn khó khăn, lúng túng và bế tắc trong công việc. Và một người học tập được điều hay lẽ phải thì cũng chính là tích lũy hạt giống tốt, còn kiến thức lệch lạc, sai lầm thì như hạt giống xấu làm hủy hoại tư duy và tâm hồn, sẽ không tránh khỏi gây tác hại cho đời sống. Cũng như vậy, chỉ trên nền tảng một kiến thức đầy đủ chúng ta mới có thể tự tin, chủ động trong cuộc sống, giúp cho cuộc sống của chúng ta tươi đẹp hơn, ý nghĩa hơn, hạnh phúc hơn. Soi vào thực tế, ta có thể tìm thấy những hạt giống của kiến thức và hạnh phúc. Bác Hồ vị cha già của dân tộc là một tấm gương học tập vĩ đại, không ngừng và chính con đường học tập đã đưa Bác đến với con đường của chủ nghĩa Mác – Lênin và đấu tranh cách mạng giành độc lập, tự do cho dân tộc.

Tuy nhiên mỗi quan hệ học tập – kiến thức – hạnh phúc không chỉ được hiểu đơn giản một chiều mà cần phải thấy rõ mối quan hệ biện chứng nhân quả của nó. Ông bà ta cũng thường nói “gieo nhân nào, gặt quả ấy” như một lời cảnh tỉnh. Xét mối quan hệ trong ba yếu tố học tập – kiến thức – hạnh phúc cũng cần được nhìn nhận từ nhiều phía. Học tập đúng đắn, có phương pháp, có chọn lọc thì mới có kiến thức tốt, đa dạng, phong phú. Kiến thức tốt cần gắn với ý thức đem kiến thức ấy phục vụ cho xã hội và cho bản thân, không chỉ là những kiến thức thu lượm được theo kiểu thực dụng ích kỷ, vì nếu hạnh phúc của ta lại đem bất hạnh cho người khác thì cũng là chứng tỏ ta đã tích lũy hạt giống xấu cho chính ta, gieo mầm bất hạnh cho kẻ khác.

Vì vậy, mỗi chúng ta phải xác định động cơ học tập đúng đắn, thu lượm kiến thức bổ ích, hướng tới hạnh phúc của cộng đồng hài hòa với hạnh phúc cá nhân. Có như vậy mới thật sự trở thành con người có ích cho xã hội.

Đề bài: Suy nghĩ của em về nhận định sau: “Trí tuệ giàu lên nhờ cái nó nhận được. Con tim giàu lên nhờ cái nó cho đi”.

Bài số 84

Con người sống với đúng nghĩa của hai từ ấy khi có trí tuệ để lao động, sản xuất và trái tim để yêu thương. Kiến thức là để dành cho bản thân và tình thương yêu dành cho mọi người. Vì vậy có ý kiến cho rằng: “Trí tuệ giàu lên nhờ cái nó nhận được. Con tim giàu lên nhờ cái nó cho đi”.

Phần “con” trong hai tiếng CON NGƯỜI thuộc đời sống bản năng, tự nhiên mà tạo hóa ban cho. Đó là nhu cầu vật chất và nhu cầu sinh lý. Những điều đó tồn tại vô thức trong con người, sinh ra ai cũng có. Tuy nhiên, phần “người” trong hai tiếng CON NGƯỜI lại thuộc đời sống xã hội. Sống trong cộng đồng, mỗi con người cần có trí tuệ, học thức để lao động, sản xuất ra của cải vật chất. Con người cũng không thể tồn tại được nếu không có đời sống tinh thần, tấm lòng yêu thương. Các loài động vật ăn thịt có thể tàn sát nhau, giết hại những động vật khác để tồn tại; nhưng con người muốn sống, muốn phát triển thì cần đoàn kết, yêu thương, đùm bọc lẫn nhau: “Lá lành đùm lá rách” và thậm chí là “lá rách ít” đùm “lá rách nhiều”.

Trước tiên con người cần trí tuệ và “trí tuệ giàu lên nhờ cái nó nhận được”. Tôi hay bắt cứ người nào, lúc mới sinh ra không hề biết nói, biết đọc sách, biết quan tâm đến mọi người... Nhưng qua năm tháng, bộ não phát triển, nhu cầu trau dồi kiến thức, trí tuệ dần được hình thành. Trí tuệ bao gồm kiến thức, khả năng suy nghĩ, trình độ văn hóa của con người. Trí tuệ không tự sinh ra mà con người phải thu nhận, bồi đắp. Thiên tài cũng chỉ có một phần trăm là bẩm sinh, còn chín mươi chín phần trăm còn lại là do rèn luyện. Có nhiều con đường để bồi đắp kiến thức. Thứ nhất qua sách vở. Đó là kho tư liệu giàu có phong phú, đúc rút kinh nghiệm, tri thức qua hàng nghìn thế hệ. Đọc sách cũng là con đường thẳng dẫn ta đến nhiều nền văn hóa, xóa khoảng cách không gian và thời gian. Nhưng những kiến thức trong sách vở do người khác trải nghiệm mà viết nên. Chúng ta chỉ thu nhận một cách thụ động. Muốn phát triển toàn diện tri thức cũng cần có vốn sống, kinh nghiệm thực tế. Bản thân kiến thức trong sách vở dù phong phú nhưng không thể bao quát toàn bộ kiến thức của nhân loại. “Những điều ta biết chỉ là một giọt nước. Những điều ta chưa biết là cả đại dương”. Trong tiếng hát tưởng như quen thuộc, bình dị ở làng quê, Nguyễn Trãi học được tiếng nói của những người trồng đay, trồng gai: “Thôn ca sơ học tang ma ngữ”. L. Tônxtôi thường mua vé tàu hạng bét để được trò chuyện với những người dân nghèo hoặc lắng nghe họ trò chuyện. Qua quá trình trải nghiệm cuộc sống, M. Gorki mới có thể sáng tác *Những trường đại học của tôi*, kể về những cảnh đời bất hạnh mà nhà văn từng đi qua.

Bồi đắp trí tuệ, nâng cao học vấn không chỉ đáp ứng nhu cầu cho bản thân mà còn góp sức mạnh cống hiến cho xã hội. Có trí tuệ, con người trở nên văn minh, lịch sự, không nhất thiết để làm chức tước sang trọng mà trước hết để xứng đáng với hai chữ CON NGƯỜI. Học thức là điều kiện quyết định cho sự phát triển của loài người. Niuton từng bị một quả táo trên cành cây rụng vào đầu nhưng nếu không có sự tìm tòi, nghiên cứu thì ông không thể khẳng định: Trái đất có lực hút. Người nghệ sỹ nhờ có trí tuệ mới góp cho đời những bản nhạc hay, những bức tranh đẹp, những tác phẩm văn học bất hủ. Nhà khoa học có tư duy, học vấn giúp cho đời những công trình nghiên cứu đồ sộ. Tuy nhiên, bên cạnh những con người ngày đêm học tập,

nguyên cứu trau dồi kiến thức vẫn còn có những kẻ lười biếng, sống ỷ lại vào người khác. Hoặc những kẻ có trí tuệ thì đi làm việc tàn ác như Hítler – Chủ nghĩa Phát xít, và Pôn-pốt – Chủ nghĩa diệt chủng Khơme Đỏ. Những người có tài, có tâm là viên ngọc quý của nhân loại, còn những kẻ có tài mà bất nhân lại là hiểm họa cho con người.

Để phát triển một cách toàn diện, con người cần dung hòa giữa hai mặt Tình – Trí, khát vọng – bổn phận. Có trí tuệ chưa đủ vì con người còn mang trong mình trái tim sôi trào nhựa sống với tấm lòng yêu thương. Tình thương yêu không chỉ giữ riêng cho mình mà còn dành cho mọi người. Vì thế mà “con tim giàu lên nhờ nó cho đi”. Sở dĩ như vậy vì chỉ có quan tâm, chia sẻ với nỗi đau của người khác, dành yêu thương cho mọi người, tình thương mới được nhân lên, mới có ý nghĩa. Bản thân chúng ta muốn nhận yêu thương của người khác thì cũng cần cho đi. Khái niệm “cho” và “nhận” vừa là quy luật và cũng là định lý. Có người cho rằng một trái tim đẹp là luôn căng tràn, tròn đầy, màu sắc đỏ tươi. Nhưng theo tôi, họ mới chỉ nhìn vào hình thức bề ngoài để đánh giá. Trái tim đó chỉ có thể trưng bày trong tủ kính, không phải dành cho yêu thương. Một trái tim tuy có nhiều chỗ lỗ lổm nhưng chỗ lỗm là khi lấy mảnh trái tim gắn cho người khác và chỗ lỗm là nhận lại từ người khác. Đó mới là trái tim của yêu thương.

Theo quan niệm của nhà Phật, cuộc sống là bể khổ vô biên. Và cũng có người nói: “Cuộc sống là một trường tranh đấu. Con người đang sống là đang chiến đấu”. Bởi vậy, nếu không có trái tim giàu yêu thương với mọi người, có thái độ sống vị tha, mỗi chúng ta không thể sống hạnh phúc. Sống vì người khác giúp ta bớt lạnh lùng, bàng quan, có thể nâng đỡ nhiều thân phận khổ đau, bất hạnh. Bill Gate là một tỉ phú nhưng luôn phát động và quyên góp từ thiện giúp châu Phi từng bước cải thiện đời sống, giải quyết về căn bản tình trạng đói nghèo, bệnh tật. Việt Nam tuy mới chỉ là nước đang phát triển nhưng luôn nêu cao tinh thần tương thân, tương ái thông qua chương trình ủng hộ lũ lụt miền Trung, xóa đói giảm nghèo, “Trái tim cho em”,... hay phong trào “Kí tên vì công lí” trở thành sự kiện tại Việt Nam là tín hiệu vô cùng khả quan cho các nạn nhân chất độc màu da cam. Đi đâu cũng thấy người trẻ, người già, sinh viên học sinh hỏi nhau “đã kí tên vì công lí chưa?” mà thấy vui trong lòng. Điều đó minh chứng chúng ta không vô cảm trước nỗi đau của dân tộc mình. Tuy nhiên, bên cạnh những cá nhân giàu tình thương vẫn còn những hiện tượng sống vô cảm, lạnh lùng, vị kỉ, hẹp hòi. Em bé trong câu chuyện *Cô bé bán diêm* của Andecxen sẽ không chết nếu những người giàu có mua cho em những bao diêm để em có thể về nhà. Hằng ngày, trên các mặt báo hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác, ắt hẳn ta thấy không ít những vụ việc đánh nhau của nữ sinh và xung quanh là các bạn học sinh khác nhìn theo cổ vũ và... quay phim, hay đơn giản hơn và cũng dễ bắt gặp hơn là thái độ lạnh lùng, vô cảm của mọi người trên tuyến đường giao thông khi có một người phụ nữ bị ngã xe, thật hiếm để thấy có

một ai đó giúp người phụ nữ đứng dậy. Những hiện tượng ấy thật đáng buồn biết bao!

Như vậy, “Trí tuệ giàu lên nhờ cái nó nhận được” và “Con tim giàu lên nhờ cái nó cho đi”. Đọc những dòng ấy tôi bỗng thấy ngỡ ngàng vì mình chưa thực sự xứng đáng với những mong mỏi của thầy cô và gia đình. Là một học sinh, tôi vẫn mãi chơi vì chưa được trải nghiệm thực tế, vẫn còn sống trong bao bọc mà không hiểu được rằng: muốn hạnh phúc sung sướng trong tương lai thì ngay ngày hôm nay cần khổ công rèn luyện. Không chỉ học trong sách vở mà còn học ở thầy cô, bạn bè và mọi người xung quanh. Tôi thấy xót xa vì nhiều lần nói chuyện nhát gừng với mẹ, hay không làm bài tập cô cho. Trí tuệ và tình yêu thương, trái tim nhân hậu của mọi người đã giúp tôi và cả loài người tiến xa hơn, thực sự thoát khỏi đời sống tự nhiên.

Rèn luyện trí tuệ của bản thân, mục đích cuối cùng để phục vụ xã hội. Nhận tình yêu thương nhưng cũng cần dành yêu thương cho người khác:

*Nếu là con chim, chiếc lá
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh
Lẽ nào vay mà không có trả?
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình...*

Đề bài: Hãy tưới mát tâm hồn bằng sự lạc quan, niềm tin và hi vọng!

Bài số 85

Mỗi con đường đều có thật nhiều ngã rẽ, biết chọn lựa ngã rẽ bằng phẳng để đi không phải là điều đơn giản. Vui và buồn là hai yếu tố có thể nói luôn gắn liền với cuộc sống con người. Nó như một quy luật xoay vòng. Điều tất yếu là ta phải biết vượt qua những vất vả ấy hay nỗi buồn của riêng mình. lạc quan, tin vào sự thành công và hướng tới một tương lai tươi sáng.

Tôi đã từng nghe một câu nói rằng: “Hãy hướng về phía Mặt Trời, bóng tối sẽ ngã về phía sau bạn”. Phải chăng con người ta luôn phải biết tự mình quên đi nỗi buồn hay khó khăn để lạc quan bước về phía đằng Đông chiếu sáng đỏ rực ấy? Hãy thử đặt ra cho chính bản thân mình khái niệm của sự lạc quan, niềm tin và hi vọng. Nếu ta sống mà luôn đòi hỏi khó khăn cho người khác hay ép buộc mình phải làm như thế này, như thế kia, mình cứ phải suy nghĩ về một vấn đề nhỏ nhặt rồi tự cho mình kết quả sẽ không tốt thì đó chính là sự bi quan của bản thân. Sống lạc quan nghĩa là phải biết thoải mái, không đắn đo những điều không đáng. Bởi lẽ sự lạc quan ấy sẽ khiến ta không ưu phiền mà mất đi vẻ tươi vui hồn nhiên. Niềm tin và hi vọng luôn là những mục tiêu mà ta cần hướng đến. Có thể nói một cách tổng quát tâm hồn là ý nghĩ và tình cảm, làm thành đời sống nội tâm, thế giới bên trong của con người. Lạc quan là có cách nhìn, thái độ tin tưởng ở tương lai tốt đẹp. Hi vọng đơn thuần là sự tin tưởng và mong chờ. Niềm

tin là từ dùng để chỉ từng tâm trạng, trạng thái tình cảm tin tưởng vào tương lai mà con người trải qua. Như vậy sống là phải có ước mơ, hoài bão và khát vọng cho riêng mình để làm mục tiêu là phấn đấu và giúp mình tự tin, vững vàng hơn. Nỗi buồn có thể sẽ vơi đi khi ta biết hi vọng vào cuộc sống, đặt niềm tin vào chính mình sẽ tạo được niềm vui, nụ cười chứ không phải nét buồn trên gương mặt ấy.

Cuộc sống luôn phức tạp và đầy thử thách vô vàn mà cũng phải trải qua. Sau những lần như thế ta biết tự xoa dịu mình hơn, sống tốt hơn và có kinh nghiệm thật nhiều, bước gần hơn mục đích mà mình đã đặt ra. Tâm hồn ta từ khi sinh ra đã thật trong sáng nhưng sau bao lần vấp ngã lại trở nên trưởng thành hơn. Nếu ta sống mà không biết nghĩ đến những điều xa hơn mà chỉ biết bi quan, u sầu với nỗi buồn hiện tại thì chắc hẳn rằng cuộc sống bạn không sinh động, không tươi vui như bao người khác. Bạn chỉ biết dậm chân tại chỗ mà không chịu di chuyển về phía trước bằng niềm tin. Thất bại trước một việc gì đó, có thể rằng nó sẽ khiến bạn buồn nhưng hãy chỉ xem đó là bài học để mình chứng chắc hơn. Như ông bà ta vẫn thường bảo: “Thất bại là mẹ thành công”.

Sống luôn có niềm tin và mục tiêu hướng về ước mơ sẽ giúp ta có lý tưởng sống cao đẹp. Lần này bạn buồn nhưng lần sau nếu biết hi vọng kết quả sẽ tốt hơn. Sống là không được dừng bước trước sự thất bại hay nỗi buồn mà phải biết hướng đến sự lạc quan, thoải mái, đẩy lùi bóng tối. Thực tế những đứa trẻ mồ côi, bất hạnh, đáng thương luôn biết đặt ra cho mình niềm tin vào tương lai, mục tiêu sống, vươn lên đẩy dần nỗi buồn, cô đơn, tẻ nhạt của bản thân. Nỗi buồn sẽ không tồn tại mãi mãi và nếu bạn vẫn giữ lối sống bi quan cho mình thì chỉ đem đến kết quả xấu, rơi sâu vào vực thẳm mà chính ta tạo ra. Vì thế phải tự biết gượng dậy. Tâm hồn là một hạt giống, không thể nào ta lại cứ để sự khô khan bao trùm mãi được. Hãy biết tưới mát bằng dòng nước của sự lạc quan, niềm tin và hi vọng.

Cuộc sống của bạn phụ thuộc vào cách bạn nhìn cuộc sống như thế nào. Có người luôn bi quan và nhìn cuộc sống bằng con mắt u tối. Tuy nhiên lạc quan không có nghĩa là bằng lòng với cuộc sống hiện tại, có thể nào thì dùng thế ấy, an phận và dậm chân tại chỗ mà chúng ta phải luôn hướng niềm tin vào những mục đích cụ thể, cao đẹp của cuộc sống.

Từ đó, học sinh chúng ta càng thấu hiểu hơn phải biết vững vàng với ý chí của mình và đồng thời phải biết chấp nhận sự thật, luôn kiên trì hướng đến mục tiêu, quên dần đi nỗi buồn dù nhỏ nhoi hay lớn lao. Việc gần gũi nhất, cơ bản nhất là ta phải đặt ra mục tiêu học tập, không để nỗi buồn ảnh hưởng đến những điều khác. Gia đình sẽ là nền tảng và niềm tin để ta chia sẻ nỗi buồn, niềm vui.

Mặt Trời chiếu ánh sáng tươi tắn đến mọi vật, mọi con người giúp ta phấn khởi hơn trước nỗi nhọc nhằn, muộn phiền, sưởi ấm những trái tim

đang cần tươi mát, khô khan. Chúng ta hãy dành lời khuyên đến cho những con người ấy, đưa họ ra khỏi sự thất bại, u buồn mà bước chân đến tương lai tươi sáng từ niềm tin và hi vọng của bản thân.

Nguyễn Lan Anh

Đề bài: Nước ta có nhiều tấm gương vượt lên số phận, học tập thành công (như anh Nguyễn Ngọc Kí bị hỏng tay, dùng chân viết chữ, anh Hoa Xuân Tứ bị cụt tay, dùng vai viết chữ,...) Lấy nhan đề "Những người không chịu thua số phận, em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của mình về những con người đó."

Bài số 86

M.Goocki đã từng nói: "Mỗi số phận đều là mỗi trang đời kì diệu". Thật vậy, chúng ta đều xúc động và cảm phục khi lật giở từng trang đời của những con người bất hạnh như: Nguyễn Ngọc Kí, Trần Văn Thước, Đỗ Trọng Khơi,... Họ có thể khác nhau về hoàn cảnh sống nhưng tất cả đều có chung ý chí, nghị lực vượt lên số phận, cố gắng học tập, lao động và đóng góp hết sức mình cho cộng đồng, xã hội.

Nguyễn Ngọc Kí là cái tên rất quen thuộc đối với bao thế hệ thanh niên Việt Nam và tấm gương đó đã trở thành biểu tượng của sự kiên trì, nhẫn nại và ý chí vượt lên số phận. Cậu bé Kí bị liệt cả hai tay khi mới bốn tuổi. Hai cánh tay cậu thõng xuống như hai cái dây quàng bên vai. Không được may mắn như những bạn nhỏ khác, cậu chỉ dám đứng ngoài cửa lớp nghe lỏm cô giáo giảng bài. Vì quá thương tình cậu bé tật nguyền mà rất hiếu học, cô giáo đã cho cậu vào lớp. Từ đó, Kí bắt đầu quãng thời gian luyện tập vô cùng vất vả, khó khăn, luyện viết bằng chân. Có những lúc bàn chân đau đớn, co quắp vì chuột rút, có những lúc ngón chân sưng phồng, rớm máu nhưng cậu vẫn kiên trì tập viết. Những gian nan ấy không hề làm cậu học trò chùn bước và cậu đã đạt danh hiệu vở sạch chữ đẹp cấp trường rồi đến cấp quận. Thành tích đó thật đáng nể! Nhưng chưa dừng lại ở đó, Nguyễn Ngọc Kí đã vào được giảng đường đại học và trở thành thầy giáo trên giảng đường đại học và bây giờ thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí đã sáng tác được chín đầu sách. Hàng ngày, thầy vẫn sử dụng đôi chân để thay đôi bàn tay với biết bao khó khăn, vất vả từng bước viết ra huyền thoại về cuộc đời chính bản thân mình. Anh Trần Văn Thước bị tai nạn lao động và liệt toàn thân. Nhưng không nản chí và lùi bước trước cuộc đời, anh đã cố gắng sống, học tập và viết văn. Năm 2005, cả nước không ai là không biết đến Nguyễn Công Hùng - người thuộc xã Nghi Diên, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An. Anh bị bại liệt bẩm sinh và bị bệnh viêm phổi hành hạ. Chàng trai 23 tuổi, nặng 12 cân với cơ thể teo tóp đã chăm chỉ học tin học và được Nhà nước phong danh hiệu "Hiệp sĩ tin học" vì những đóng góp không vụ lợi cho xã hội. Tháng 5 năm 2005, anh đã

được kỉ lục Guinness Việt Nam công nhận vào danh mục những người tật nguyên đầu tiên làm giám đốc trung tâm tin học và trung tâm đào tạo ngoại ngữ,... Ngoài ra, còn có anh Hoa Xuân Tứ bị cụt tay, dùng vai để viết; nhà thơ Đỗ Trọng Khơi bị liệt cả hai chân sống quanh quẩn trong nhà và trình độ văn hoá mới đến lớp ba nhưng luôn có một tâm hồn thơ bay bổng, ca vang. Nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu bị mù cả hai mắt nhưng vẫn dùng thơ ca của mình để khơi dậy lòng yêu nước của nhân dân và vạch trần tội ác của quân thù khi nước Nam bị giặc Pháp đô hộ; hay anh Bạch Đình Vinh làm biên tập cho tạp chí "Thế giới vi tính" và là một học sinh xuất sắc của Trường Chuyên Hà Nội - Amsterdam cho dù bị bệnh tai biến mạch máu não... Không thể kể hết những khó khăn, những giọt nước mắt của họ khi phải vượt lên số phận nghiệt ngã của bản thân và một ý chí quyết tâm thật đáng nể phục để chứng minh mình có thể tàn nhưng không phế.

Họ có thể bị khuyết tật do bệnh, lao động hay bẩm sinh. Không ít người trong số đó đã không thể vượt lên hoàn cảnh mà sống. Đúng vậy, những người bị tàn tật rất dễ bị mặc cảm, tự ti khi đứng trước người bình thường và suy nghĩ lo lắng rằng mình có thể trở thành gánh nặng của gia đình, xã hội. Vậy điều gì đã khiến những con người kể trên có thể dẹp bỏ những suy nghĩ ấy để đứng dậy và cố gắng đạt đến thành công như ngày hôm nay? Đó chính là suy nghĩ lạc quan rằng mình chỉ đặc biệt hơn người khác một chút mà thôi. Họ không muốn sống phụ thuộc vào người khác. Họ có niềm tin vào cuộc sống, lạc quan vào tương lai. Họ hiểu hơn bất kì một ai hết "Cuộc sống chỉ thất bại khi con người ta không có sự cố gắng". Hơn hết, bên cạnh họ có gia đình, bạn bè, người thân luôn khích lệ, động viên để họ có niềm tin, chỗ dựa tinh thần vững chắc trong cuộc đời.

Cuộc đời của những con người tàn tật ấy thật không may và nhiều trở ngại. Vậy mà họ vẫn sống, vẫn tồn tại, đóng góp cho xã hội. Còn chúng ta, chúng ta đã làm được những gì? Chúng ta sinh ra có đầy đủ chân tay, cơ thể khoẻ mạnh, gia đình đầm ấm, thế giới hoà bình. Có thể chúng ta chưa giàu có, không tài giỏi như ai nhưng điều kiện hơn hẳn rất nhiều người. Tuy thế, chúng ta vẫn chưa biết trân trọng những gì mình có, lúc nào cũng than vãn khi thấy người khác hơn mình cái gì đó. Học sinh thì đa phần vẫn còn mải chơi, học qua loa, đối phó. Những lúc ấy có bao giờ chúng ta nghĩ có bao nhiêu bạn học trò nhỏ đang đứng ngoài cửa lớp nghe lỏm cô giáo giảng bài với niềm khao khát học tập mãnh liệt. Mỗi người chúng ta hãy nhìn vào những tấm gương sáng đã vượt lên số phận này để tự soi vào chính bản thân mình. Chúng ta hãy cố gắng khắc phục những khiếm khuyết của bản thân để đạt tới thành công bởi "trên con đường dẫn tới thành công không có bước chân của kẻ lười biếng". Hãy chọn một con đường để đi và đạt tới mục đích cuối cùng để đến một ngày nào đó nhìn lại ta không phải hối hận.

Nhìn vào những tấm gương trên, ta thấy thật cảm phục họ. Vậy mà không hiểu sao vẫn có những người khi nhìn thấy họ thì cười khinh miệt và

buông ra những lời bất nhẫn mà không biết rằng mình còn không bằng một nửa của người ta. Vì thế hãy tôn trọng người tật nguyền, cố gắng hết sức để giúp đỡ họ khi họ cần. Và nếu có điều kiện, chúng ta hãy sẵn sàng giúp họ phát huy hết khả năng của mình.

Cuộc sống không mỉm cười với tất cả mọi người. Vì thế mỗi người hãy biết chấp nhận và vượt qua những thiếu sót và khó khăn để đi tới thành công trong cuộc sống. "Trong cuộc đời này không có số phận chỉ có những quyết định của con người tạo nên số phận mà thôi". Chúng ta hãy ghi nhớ câu này trong tâm trí mình suốt cuộc đời để tạo nên số phận tốt nhất cho bản thân.

Đề bài: Nghị luận về vấn đề bạo lực học đường

Bài số 87

Trước kia, chúng ta thường có tâm lí chủ quan nghĩ rằng bạo lực học đường là một vấn đề hết sức xa xôi, ít xảy ra, không phổ biến. Cũng do đó, mọi người cũng không ý thức về tầm ảnh hưởng, tác động, hậu quả nghiêm trọng của hiện tượng này. Song, thời gian gần đây, nó lại trở thành một vấn đề nóng bỏng trên các báo, các trang web. Đứng trước thực trạng này chúng ta cần có nhận thức và hành động như thế nào?

Vậy bạo lực học đường là gì? Bạo lực học đường là những hành vi thô bạo, ngang ngược, bất chấp công lí, đạo đức, xúc phạm, trấn áp người khác gây ra những tổn thương về tinh thần và thể xác diễn ra trong phạm vi trường học. Bạo lực học đường hiện nay có xu hướng gia tăng nhanh chóng, diễn ra ở nhiều nơi do đó đang trở thành một vấn nạn của xã hội. Thực tế, khi tan học các bạn không về ngay mà còn tụ tập, gây gổ để đánh nhau. Bạo lực học đường có thể xảy ra dưới nhiều hình thức như: đánh đập, tra tấn, hành hạ, làm tổn hại đến sức khỏe, xâm phạm cơ thể con người qua những hành vi bạo lực. Bạo lực học đường diễn ra rất nhiều ở các trường học, từ Tiểu học, Trung học cơ sở, Trung học phổ thông tới cả Đại học mà nhiều nhất là ở các trường THCS và THPT trên quy mô cả nước. Chỉ cần một thao tác rất nhanh trên google ta có thể tìm thấy hàng loạt các video clip quay cảnh bạo lực của cả nữ sinh lẫn nam sinh. Dường như bạo lực học đường đã trở thành một "mốt" thời thượng của học sinh, để khẳng định vị trí của mình với mọi người, cho mọi người biết ta đây hơn người và chính vậy đã khiến bạo lực học đường diễn ra mạnh mẽ, rầm rộ hơn. Bạo lực học đường có nhiều hình thức khác nhau. Nhẹ thì tát, đấm, túm tóc, đá, đập, nặng hơn thì dùng dao rạch mặt, dùng phở, dùng giấy cao gót đánh vào đầu... thậm chí còn chém đứt tay, chém ngang người, nguy hiểm đến tính mạng và tinh thần. Bạo lực học đường có thể diễn ra giữa học sinh cùng trường hay khác trường, giữa cá nhân hay một nhóm người, giữa thầy cô và học sinh... Có một sự thật không thể phủ nhận là hiện tượng bạo lực học đường ngày càng diễn

ra nhiều hơn và quy mô rộng hơn. Không phải chỉ có những trường ở thành phố, thành thị mới có bạo lực học đường mà ngay cả những trường vùng ven, miền núi hay nông thôn cũng không hiếm. Không chỉ “solo” đánh tay đôi mà những hiện tượng bạo lực học đường còn có sự tham gia của các băng nhóm hội tụ các tay anh, tay chị trong trường. Nhưng bên cạnh những trận đánh giữa các học sinh còn có một phần nhỏ những xích mích giữa giáo viên và học sinh. Học sinh xúc phạm, lăng mạ, chà đạp nhân phẩm của giáo viên cũng có mà giáo viên đánh đập, xỉ nhục, đay nghiến học sinh cũng không phải là ít. Bạo lực học đường đang diễn ra một cách mạnh mẽ, sôi động, rầm rộ ở nhiều trường học trên phạm vi cả nước với nhiều hình thức khác nhau.

Vậy nguyên nhân là do đâu? Bạo lực học đường xảy ra vì những lí do trực tiếp rất không đâu như: nhìn đố, nói móc, tranh giành người yêu, không cùng đẳng cấp,... Và do sự phát triển thiếu toàn diện, thiếu hụt về nhân cách, thiếu khả năng kiểm soát hành vi ứng xử của bản thân, non nớt trong kĩ năng sống, sai lệch trong quan điểm sống. Hay do ảnh hưởng từ môi trường văn hóa bạo lực: phim, ảnh, sách, báo, đồ chơi mang tính bạo lực (kiếm, súng). Một nguyên nhân khác chính là do sự giáo dục chưa đúng đắn, thiếu quan tâm của gia đình; tình trạng bạo lực trong gia đình cũng là một phần nhân tố ảnh hưởng không tốt. Và một khi bạo lực gia đình vẫn còn tồn tại thì bạo lực học đường sẽ vẫn còn nguy cơ gia tăng. Bên cạnh đó còn do sự giáo dục trong nhà trường: nặng về kiến thức văn hóa, đôi khi lãng quên nhiệm vụ giáo dục con người “tiên học lễ hậu học văn”. Bạo lực học đường còn do xã hội thờ ơ, dửng dưng, buông xuôi, chưa có sự quan tâm đúng mức, những giải pháp thiết thực, đồng bộ, triệt để. Hậu quả của bạo lực học đường đối với nạn nhân, người gây ra, gia đình và xã hội là rất lớn. Nạn nhân sẽ bị tổn thương về thể xác và tinh thần. Bạo lực học đường sẽ làm tổn hại đến gia đình, người thân, bạn bè người bị hại và tạo tính bất ổn trong xã hội: tâm lí lo lắng bất an bao trùm từ gia đình, nhà trường đến xã hội. Bạo lực học đường còn khiến người gây ra bạo lực mất dần nhân tính, phát triển không toàn diện: phát triển ngược trở lại phía “con”, đi ngược lại tính “người”. Bạo lực học đường là mầm mống của tội ác mất hết tính người sau này. Gây bạo lực học đường là tự làm hỏng tương lai chính mình, gây nguy hại cho xã hội và khiến mọi người lên án, xa lánh, căm ghét.

Chúng ta cần có những biện pháp gì để chống bạo lực học đường? Những người gây ra bạo lực học đường cần cố gắng mở rộng nâng cao nhận thức, giữ cho trái tim luôn ấm nóng tình yêu thương và ý thức rõ ràng về hành động do bản thân thực hiện. Địa ngục do ta mà có, thiên đường cũng do chính ta tạo nên. Mỗi người cần nhận thức rõ vai trò sức mạnh của tình người. “Nơi lạnh nhất không phải là Bắc Cực mà là nơi không có tình thương” (Maxim Gorki). Xã hội cần có những giải pháp đồng bộ, chặt chẽ giáo dục con người trong gia đình, nhà trường, trong toàn xã hội; coi trọng

dạy kĩ năng sống, vươn tới những điều chân thiện mỹ cũng như có thái độ quyết liệt phê phán răn đe, giáo dục cải tạo, biện pháp trừng phạt kiên quyết làm gương cho người khác.

“Không nên mất niềm tin vào con người. Nhân loại là cả một đại dương. Nếu một vài giọt nước trong đại dương ấy dơ bẩn thì cả đại dương cũng không vì thế mà trở thành dơ bẩn được” (Mahatma Gandhi). Hiện tượng trên chỉ là một phần rất nhỏ của xã hội nên không phải vì thế mà chúng ta mất đi niềm tin vào con người và thế hệ trẻ. Cần nhân rộng những tấm lòng cao cả, nêu gương người tốt việc tốt điển hình, hình thành thái độ đồng cảm, sẻ chia, yêu thương giúp con người nói chung, thế hệ trẻ nói riêng tiến tới những vẻ đẹp nhân cách chân thiện mỹ, phát huy những truyền thống nhân ái, nhân đạo từ ngàn xưa trước khi chúng ta phải đối phó với căn bệnh vô cảm.

Sưu tầm

Phần ba

MỘT SỐ THỂ LOẠI KHÁC

I. VĂN BẢN THUYẾT MINH

Đề bài: *Thuyết minh về chiếc kính đeo mắt*

Bài số 88

Chiếc kính mắt là một vật dụng quen thuộc với đời sống hằng ngày. Không chỉ có khả năng điều trị các tật khúc xạ, kính còn đem lại thẩm mỹ qua nhiều loại có kiểu dáng, màu sắc phong phú.

Không ai biết tên của người làm ra cặp kính đầu tiên. Chỉ biết rằng nó ra đời ở Ý vào năm 1290. Đầu tiên, thiết kế của kính đeo mắt chỉ gồm hai mắt kính nối với nhau bằng một sợi dây dè lên mũi. Vào năm 1290, một chuyên gia quang học ở Luân Đôn sáng chế ra hai càng (ngày nay gọi là gọng kính) để mắt kính gá vào một cách chắc chắn.

Cấu tạo của kính nói chung không xa lạ gì với chúng ta. Một chiếc kính đeo mắt gồm có hai bộ phận: Tròng kính và gọng kính. Chiếc gọng kính làm tăng thêm vẻ đẹp của kính. Gọng kính là bộ phận nâng đỡ tròng kính và là khung cho mỗi chiếc kính. Giữa phần gọng trước và sau có một khớp nối bằng sắt nhỏ. Chúng được làm bằng nhiều chất liệu khác nhau nhưng phổ biến nhất vẫn là gọng nhựa bền, nhẹ. Thế nhưng, đây chỉ đơn thuần về mặt hình thức bên ngoài, có thể thay đổi tùy theo ý thích cá nhân. Bộ phận còn lại của kính – tròng kính – không thể thay đổi cấu tạo gốc và có hẳn một tiêu chuẩn quốc tế riêng. Tròng kính ban đầu có hình tròn, vuông, sau khi

chọn được loại gọng phù hợp sẽ được mài, cắt cho vừa khít với gọng đó. Tròng kính có thể làm bằng nhựa chống trầy xước hay thủy tinh nhưng đều cần tuân theo quy tắc chống tia UV (một loại tia gây hại cho mắt) và tia cực tím. Những loại kính chống tia UV được tráng một lớp chất đặc biệt có màu ánh xanh, khả năng chống tia UV hơn hẳn loại kính chỉ có plastic hay thủy tinh. Ngoài ra, một chiếc kính đeo mắt còn có một số bộ phận phụ như ốc, vít... Chúng có kích thước khá nhỏ nhưng lại khá quan trọng, dùng để neo giữ các bộ phận của chiếc kính.

Từ khi ra đời cho đến nay, chiếc kính đeo mắt đã có hàng trăm loại khác nhau, phù hợp với nhu cầu của người dùng. Những người bị cận, viễn sẽ có những chiếc kính có thấu kính lồi, lõm thích hợp để nhìn rõ hơn. Nếu không muốn chiếc gọng kính gây vướng víu, ta có thể lựa chọn chiếc kính áp tròng, vừa tiện lợi vừa mang tính thẩm mỹ. Hay các loại kính râm bảo vệ mắt khi đi đường, có thể thay đổi màu khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời. Ngoài ra, có một số loại kính đặc biệt chỉ dùng trong một số trường hợp như kính bơi, kính của những người trượt tuyết, kính của những nhà thám hiểm vùng cực...

Để lựa chọn một chiếc kính phù hợp với đôi mắt, cần phải theo tư vấn của bác sĩ. Nếu khéo chọn, một chiếc kính vừa có thể che lấp khuyết điểm vừa tôn thêm vẻ đẹp của khuôn mặt. Không nên đeo loại kính có độ làm sẵn vì loại kính này được lắp hàng loạt theo những số đo nhất định nên chưa chắc đã phù hợp với từng người.

Mỗi loại kính cũng cần có cách bảo quản riêng. Để kính được bền lâu, khi lấy và đeo kính cần dùng cả hai tay, sau khi dùng xong cần lau chùi cẩn thận và bỏ vào hộp đựng kín. Kính dùng lâu cần lau chùi bằng dung dịch chuyên dụng. Đối với loại kính tiếp xúc trực tiếp với mắt như kính áp tròng, cần phải nhỏ mắt từ 6-8 lần trong vòng từ 10-12 tiếng để bảo vệ mắt.

Kính là một vật không thể thiếu trong đời sống hiện đại. Nếu biết cách sử dụng và bảo quản tốt, kính sẽ phát huy tối đa công dụng của mình. Hãy cùng biến “lăng kính” của “cửa sổ tâm hồn” mỗi người cùng trở nên phong phú và hoàn thiện hơn bạn nhé!

Đề bài: Thuyết minh về một loại vật nuôi.

Bài số 89

Trong chúng ta, chắc chẳng có ai không biết đến mèo, loài vật đáng yêu được nuôi rộng rãi trong gia đình. Nhưng các bạn có chắc là mình hiểu rõ về loài mèo chưa? Nếu chưa, mời các bạn cùng tôi đến trò chuyện với chị mèo Thông Thái đằng kia.

Sau khi chào tôi, chị mèo hào hứng kể rằng họ mèo nhà chị có nguồn gốc từ mèo rừng. Mèo bắt đầu được thuần hóa và nuôi ở Ai Cập sau đó lan nhanh sang châu Âu và các khu vực khác trên thế giới. Riêng ở Việt Nam, mèo bắt đầu được nuôi từ khoảng hai nghìn năm trước đây.

Họ nhà mèo có vẻ ngoài nhanh nhẹn, đáng yêu. Đầu mèo tròn, nhỏ và ở phía trước hơi nhô ra, đó là mõm mèo. Trông mèo nhỏ bé thế nhưng hàm răng nó lại có tới ba mươi chiếc. Trong số này, ngoài bốn chiếc răng nanh sắc nhọn thì hầu hết đều nhỏ xíu. Kì lạ nhất là đôi mắt mèo, đôi mắt trong veo như hai hòn bi ve. Đồng tử mèo có khả năng co giãn cực tốt. Ban ngày, đồng tử thu nhỏ đến đêm mới giãn ra. Thế là mèo ta có thể nhìn rõ trong đêm tối. Thân hình nhỏ bé của mèo được nâng đỡ bởi bốn chân chắc khỏe. Vì nằm trong nhóm động vật bậc thấp nên mèo vẫn có một cái đuôi dài. Mỗi chân mèo đều có bốn ngón, dưới những ngón chân có vuốt cực sắc này là đệm thịt giúp mèo đi lại nhẹ nhàng.

Chắc chẳng có em bé nào mà lại không biết đến câu hát: “Meo meo meo, rửa mặt như mèo...” hay “mèo con ra bể nước, bàn chân nó vuốt vuốt, xoa mấy sợi râu cước...”. Hình ảnh chú mèo liếm láp lòng bàn chân trước bên phải của mình cho thật sạch rồi lấy chính chân đó cọ cọ vào mặt mình để rửa mặt đã khắc sâu vào tâm trí trẻ thơ. Một tập tính nữa mà ai cũng biết ở mèo đấy là bắt chuột. Bọn chuột xấu xí chuyên đi ăn vụng nhưng mỗi khi nghe thấy tiếng “meo meo” của mèo là hồn vía chạy đi đâu hết cả, chỉ còn biết bạt mạng chạy. Cộng thêm với đôi râu và đôi tai nhạy như ra đa mà trời đã ban cho, mèo lại càng bắt được nhiều chuột hơn.

Nghe chị mèo nói đến đây, tôi đã thấy thích loài mèo lắm rồi, bèn giục: “Chị ơi, chị kể cho em nghe về sự sinh trưởng của mèo đi”. Chị mèo mỉm cười rồi tiếp: “Mèo con được một tháng tuổi đã được mẹ dạy cho những kĩ năng bắt chuột cơ bản như: chạy, nhảy, rình mồi, vồ mồi. Trong thời kì này, mèo mẹ sẽ dẫn mèo con đi quanh nhà để chúng “tìm hiểu” mọi thứ. Lớn hơn một chút, khoảng từ bốn đến năm tháng tuổi là có thể tự săn mồi. Mèo từ mười đến mười hai tháng tuổi là có thể sinh sản được. Lúc này, mèo cái có bộ lông mới mượt hơn, dày hơn bình thường. Cơ thể mèo lúc này phát ra một mùi đặc biệt và có tiếng kêu khác thường để hấp dẫn các chàng mèo đực. Sau khi giao phối, mèo cái lại sống đơn độc như trước và tự nuôi con. Mỗi lứa, mèo mẹ đẻ khoảng hai đến sáu con. Mèo con mới đẻ mắt nhắm nghiền, khoảng một tuần sau mới mở mắt”.

Sau đó, chị lại kể cho chúng tôi về các loài mèo với những đặc điểm riêng. Thế giới loài mèo thật phong phú. Mèo mun lông đen tuyền từ đầu tới gót này. Mèo mướp với bộ lông xám tro, mèo vàng lông vàng óng ả. Có lẽ giống mèo đông đúc nhất, được nuôi phổ biến nhất là mèo tam thể. Loài này lông có màu đen, vàng, trắng pha lẫn với nhau.

Chị còn kể cho chúng tôi về nỗi kinh hoàng của họ nhà chị. Xưa, người ta dùng ruột mèo để căng dây vợt tennis (Nói đến đây, mặt chị hơi nhăn lại). Và bây giờ người ta còn ăn thịt mèo nữa. Nghe đâu, Chính phủ đã cấm bán và ăn thịt mèo. Song mấy người bạn chị bảo ở dưới Thái Bình, số quán nhậu “tiểu hồ” vẫn ở mức hàng trăm. Và cứ mỗi ngày, lại có hơn một ngàn anh chị em cô bác mèo “ra đi” tại đây. Chị lắc đầu “Cứ đà này, chẳng mấy

chốc, bọn chuột dưới đó lại nổi loạn cho xem”. Vì mèo là “khắc tinh” của chuột mà.

Các bạn có muốn góp tay ngăn chặn nạn chuột không? Hãy nuôi một chú mèo trong nhà nhé. Theo kinh nghiệm của chị mèo Thông Thái thì mèo con dưới hai tháng tuổi nên cho ở với mẹ. Khi lớn lên thì cho tập ăn cơm trộn cá, trộn thịt và cả rau nữa. Mèo là loại động vật có xuất xứ từ sa mạc nên rất ưa hơi ấm. Chính vì thế nên mèo rất hay trườn mình cọ vào chân người. Lúc đó, bạn hãy ôm mèo vào lòng, ủ ấm cho nó hoặc mang nó ra nắng sưởi ấm nhé! Thấy chưa, mèo ta đã lim dim đôi mắt và gừ gừ khoan khoái rồi kìa. Mèo cũng rất thích chơi với các em bé từ bốn tuổi trở lên. Đây là thời kì hình thành nhân cách của các em nên nếu trong gia đình nuôi một chú mèo thì trẻ nhỏ sẽ sớm biết yêu động vật. Thật đáng tiếc nếu bạn bị dị ứng với lông mèo vì khi đó bạn chỉ có thể ngắm nó từ xa chứ đừng nuôi mà cũng đừng âu yếm vuốt ve nó. À, các bạn nhớ đem mèo đi tiêm phòng mỗi năm một lần và thường xuyên tắm hoặc bắt rận cho mèo để mèo luôn khỏe mạnh và sạch sẽ nhé.

Ồi, vì trời nắng ấm quá nên chị mèo Thông Thái đã ngủ quên mất rồi. Thôi, chúng ta sẽ để yên cho chị ấy ngủ nhé. Tôi chắc rằng lần sau chị ấy sẽ kể cho chúng ta rất nhiều chuyện thú vị về loài mèo đấy. Vì loài mèo là bạn tốt của con người mà!

Sưu tầm



Đề bài: Thuyết minh về một loài vật có ích

Bài số 90

Một ngày đẹp trời, khi bác nông dân đi vắng, các loài vật nuôi trong nhà liền tổ chức buổi họp mặt với nhau và bình chọn xem loài nào có công nhiều nhất với con người. Các bạn chó, mèo và gà hào hứng kể về những công trạng của mình. Tuy hiền lành, ít nói, nhưng họ nhà trâu của tôi cũng giúp ích cho con người nhiều không kém các bạn ấy. Chúng tôi còn mang niềm tự hào là con vật gần gũi, gắn bó với nhà nông khắp mọi miền đất nước. Tôi xin tự giới thiệu về loài trâu của mình để các bạn hiểu rõ hơn nhé.

Trâu là động vật thuộc họ Bò, phân bộ Nhai lại, nhóm Sừng rỗng, bộ Guốc chẵn. Trên thế giới có rất nhiều bà con xa của chúng tôi với nhiều đặc điểm ngoại hình khác nhau. Riêng chúng tôi là trâu Việt Nam, có nguồn gốc từ trâu rừng, thuộc nhóm trâu đầm lầy.

Cả họ nhà trâu ai cũng có thân hình vạm vỡ, lực lưỡng. Trên người chúng tôi có một lớp lông lơ phơ màu xám trắng hoặc đen bóng. Đặc điểm nổi bật của họ nhà trâu là cặp sừng cong cong, hình lưỡi liềm, rộng bên trong. Chính cặp sừng này đã mang lại vẻ đẹp mạnh mẽ rất riêng cho loài trâu và đó cũng là niềm tự hào của giống loài chúng tôi.

Chính vì vẻ ngoài khỏe mạnh đó mà loài trâu giúp ích được cho con người rất nhiều, đặc biệt là các bác nông dân. Từ thuở xa xưa, loài trâu đã được con người thuần hóa và nuôi dưỡng chủ yếu để kéo cày. Tôi là một trong những chú trâu khỏe nhất, hay còn gọi là trâu loại A. Một ngày tôi có thể cày từ ba đến bốn sào ruộng giúp bác nông dân. Thế nên, bác ấy rất hài lòng về tôi và thưởng cho tôi rất nhiều cỏ để ăn. Các bạn trâu khác vì cày được ít hơn nên chỉ được xếp loại B hoặc C thôi. Ngoài ra, loài trâu chúng tôi còn giúp con người kéo xe nữa. Nếu là đường tốt, chúng tôi có thể kéo được đến hàng tấn đấy. Con người còn tận dụng sức kéo rất khỏe của chúng tôi để kéo gỗ trên đường đồi núi. Không chỉ dùng sức lực giúp ích cho con người, loài trâu chúng tôi còn có khả năng cho thịt và cho sữa rất cao. Thịt trâu tuy dai và không mềm như thịt bò nhưng ăn vào lại rất mát. Sữa trâu tuy không thơm như sữa bò nhưng đã được khoa học chứng minh có chứa rất nhiều chất dinh dưỡng.

Kéo cày, cho thịt, cho sữa, họ nhà trâu chúng tôi còn góp mặt trong đời sống văn hóa của người dân Việt Nam. Da trâu dùng làm mặt trống. Da chúng tôi giúp tiếng trống to, rõ và hay hơn. Sừng trâu ở một số vùng miền còn được tận dụng làm tù và. Cả trống và tù và đều là những vật dụng quan trọng trong đời sống của người dân làng bản Việt Nam. Thật tự hào vì loài trâu chúng tôi đã giúp ích cho con người được nhiều như thế. Chúng tôi gắn bó với các bác nông dân đến nỗi họ nhà trâu được xem như một biểu tượng của nền văn minh lúa nước. Thấy chúng tôi là thấy ruộng đồng, thấy chúng tôi là thấy quê hương Việt Nam. Chúng tôi rất hạnh phúc khi thấy hình ảnh của loài trâu được vẽ, được khắc trên các vật lưu niệm của các du khách nước ngoài đến thăm Việt Nam. Trâu còn được chọn là biểu tượng của SEAGAME lần thứ 22 tổ chức tại Việt Nam năm 2003. Chú trâu vàng đại diện cho sức mạnh và tinh thần yêu chuộng hòa bình của người dân đất Việt. Thế mới biết con người yêu mến chúng tôi đến nhường nào.

Sau khi nghe tôi kể về họ nhà trâu của mình, các bạn chó, mèo và gà đều trầm trồ, ngưỡng mộ. Tất cả nhất trí bầu chọn trâu là loài giúp ích cho con người nhiều nhất. Nhưng trâu tôi không nhận đâu. Loài trâu chúng tôi chỉ có niềm vui giản dị là được giúp hết sức mình cho các bác nông dân để mọi người luôn được sống ấm no và hạnh phúc. Xin chào tạm biệt các bạn nhé, trâu tôi lại ra ruộng cày đây!

Đề bài: Thuyết minh về một món ăn.

Bài số 91

Món ăn Hà Nội phong phú, nhưng nhắc đến món ăn Hà Nội là người ta không thể bỏ quên món phở. Phở như một thứ đại diện mang tính bản sắc, đặc thù của món ăn Hà Nội. Lí do thật đơn giản phở Hà Nội khác hẳn các nơi khác, nó không thể trộn lẫn với bất cứ một thứ phở nơi nào, cho dù ở đó người ta đã cố tình trượng lên cái biển Phở Hà Nội.

Một số giả thuyết cho rằng phở xuất hiện đầu tiên ở Nam Định, nhưng Hà Nội lại là nơi làm cho món ăn dân dã này trở nên nổi tiếng như ngày nay. Một số giả thuyết khác nhìn nhận phở như một đặc trưng ẩm thực Hà Thành, có lịch sử từ cuộc giao duyên Việt – Pháp đầu thế kỉ XX. Trước đây, chỉ có phở bò chín với đầy đủ "chín - bắp - nạm - gầu", ngày nay thực khách chấp nhận cả phở tái, phở gà. Đi xa hơn, có nhà hàng thử nghiệm với cả thịt vịt, ngan nhưng không mấy thành công. Ngoài ra, trong những năm gần đây, người ta còn tạo ra nhiều món ẩm thực từ nguyên liệu bánh phở truyền thống như phở cuốn, loại phở xuất hiện vào thập niên 1970 là phở xào, của thập niên 1980 là phở rán... Những món ăn này càng làm phong phú thêm thực đơn ẩm thực của người Việt.

Phở sử dụng nguyên liệu chính là bánh phở màu trắng thái sợi bản, làm từ gạo, dạng mì nước. Phở thường được coi là món "quốc hồn quốc túy" của Việt Nam tuy hầu như không thể tìm thấy phở trong thực đơn của người Việt từ trước thời Pháp thuộc. Đây là món giàu dinh dưỡng, nước dùng rất trong, được ninh bằng các loại xương và hương liệu (gừng nướng, củ hành khô nướng, quế, hồi, thảo quả...) với những bí quyết riêng trong nhiều giờ. Tuy có những tìm tòi cách tân tạo nên nhiều biến thái của phở với nhiều kiểu thịt khác nhau nhưng những nỗ lực đó không mấy thành công (ngoại trừ phở bò và phở gà). Phở thường được bày trong bát lớn với thịt xếp lên trên cùng với một số loại rau gia vị tùy vùng (như vài lát hành tây, giá đỗ, hành tía và rau húng thơm xắt nhỏ...). Bày bánh phở đã chần vào bát, bày thịt lên trên, trút nước dùng nóng vào và rắc ít hành, ngò. Bên cạnh bát phở cho thực khách là bát đựng vài miếng chanh tươi, dăm cọng rau thơm, chút tương ớt, bột tiêu...

Những quán phở Việt Nam vẫn giữ thói quen là ít khi mang thực đơn cho khách hàng mà để khách tự chọn loại phở gì (phở bò, phở gà...). Phở được đựng trong tô hoặc bát lớn. Thông thường thì những bàn ăn được đánh số để phục vụ, trên đó có sẵn dĩa, thìa và những gia vị kèm theo phở như: tương, chanh, nước mắm, ớt... Khách gọi phở. Ba phút sau, bát phở được mang ra. Khách nêm ớt, chanh và hạt tiêu. Dùng dĩa trộn đều, cầm bát lên ngang mặt và bắt đầu thưởng thức. Ở Việt Nam, phở thường là món dùng ăn sáng tuy rằng hiện nay có xu hướng thực khách, nhất là thực khách các đô thị trong nước và ở nước ngoài, ăn tất cả các buổi trong ngày. Và trong những năm Việt Nam gặp khó khăn, người Hà Nội dùng phở vào chủ nhật hoặc khi bị ốm. Vào thời đó, bát phở giá ba xu. Ngày nay, người ta ăn phở vào mọi lúc trong ngày, nhất là vào buổi tối. Xã hội phát triển, lối sống và thói quen cũng thay đổi. Chỉ có phở, điểm mốc của nghệ thuật làm bếp, là vẫn vậy, bất chấp sự cạnh tranh với những món ăn khác như bánh cuốn (bánh tráng với nhân thịt băm)...

Phở có nhiều thương hiệu. Ở miền Bắc Việt Nam rất nổi tiếng là các thương hiệu phở Hà Nội và phở Nam Định. Tuy nhiên, tại nhiều vùng

miền trong nước, và đặc biệt là ở các nước trên thế giới như Mĩ, châu Âu, phở có sự thay đổi, gia giảm ít nhiều để phù hợp với văn hóa ẩm thực từng vùng miền. Nhiều nhà kinh doanh cũng bắt đầu tạo những thương hiệu phở đặc biệt như Phở 24, Phở Hoa Hôi, Phở Cali xuất khẩu ra ngoại quốc. Ngoài những kiểu chế biến truyền thống, ngày nay người ta còn tạo ra nhiều loại phở trong công nghiệp đóng gói như phở ăn liền, phở chay... Và một số người kinh doanh ăn uống hiện nay lạm dụng tên gọi "phở" để gọi một số món ăn hoàn toàn không phải là phở do nguyên liệu và cách chế biến khác, gia vị khác và hình thức cũng khác.

Phở đã đi vào văn chương như: Vũ Bằng (*Miếng ngon Hà Nội*), Thạch Lam (*Hà Nội 36 phố phường*), Băng Sơn (*Thú ăn chơi người Hà Nội*), Nguyễn Duy... Thạch Lam nhận xét: "Phở là một thứ quà đặc biệt của Hà Nội, không phải chỉ riêng Hà Nội mới có, nhưng chính là vì chỉ ở Hà Nội mới ngon".

Phở là món ăn thơm ngon, bổ dưỡng, chứng tỏ sự tinh tế và sáng tạo của người Việt trong nghệ thuật và văn hóa ẩm thực. Ăn phở là thói quen và là thú vui của người Hà Nội. Còn gì bằng khi được ăn một bát phở thơm ngon, nóng hổi vào mỗi buổi sáng. Chúng ta phải cảm ơn người đã nghĩ ra, chế biến ra món ăn đặc biệt này!

Đề bài: Thuyết minh về phong tục trong ngày Tết cổ truyền

Bài số 92

Nếu cuộc sống thường nhật đầy tất bật không cho người ta nhiều thời gian để chú ý tới nó thì "đến hẹn lại lên", mỗi độ xuân sang, những ước vọng, niềm tin về một khởi đầu tốt đẹp, may mắn vào năm mới lại đưa mọi người tìm về với những phong tục Tết truyền thống. Một trong những phong tục cổ xưa nhất của người Việt làm trong những ngày lễ Tết Nguyên đán chính là trồng cây nêu:

Cu kêu ba tiếng cu kêu

Trông mau đến Tết dựng nêu ăn chè

Ăn chè rồi lại ăn xôi.

Còn ba đòn bánh tét để dành hạ nêu

Tại miền Bắc thời đã xa, cây nêu thường được dựng vào ngày 23 tháng Chạp âm lịch, là ngày Táo quân về trời. Truyền thuyết cho rằng, từ ngày này cho đến đêm giao thừa, vắng mặt Táo quân, ma quỷ thường nhân cơ hội này lên về quấy nhiễu, cho nên cây nêu dựng lên để chặn ma quỷ. Cây nêu được thên thang giữa trời đất suốt thời gian từ lễ dựng nêu cho đến ngày hạ nêu, thường thường là ngày 7 tháng giêng âm lịch. Trước khi dựng nêu, người ta lập bàn thờ trang nghiêm để cúng tế, cầu Trời Phật, cầu mưa thuận gió hòa, cầu tổ tiên phù hộ độ trì cho con cháu.

Cây nêu của người Việt (Kinh) là một cây tre, cao hơn nóc nhà, từ gốc đến ngọn phải róc cành cho trơn tru. Cây tre càng thẳng càng quý. Trên ngọn cây, treo một cái giỏ trong có sẵn trầu cau, vàng mã... gắn quanh cái giỏ ấy có thêm một chùm lá dứa, những cái đèn xếp và những tua giấy màu đỏ, màu vàng. Cây nêu hiên ngang, cao vút, chiếm lĩnh không gian của cả nhà, cả vườn, thể hiện vẻ huy hoàng và cao đẹp.

Cây nêu của người Mường cũng là cây tre, nhỏ hơn, có nhiều lá hơn cây nêu Việt một chút. Ngọn nêu buộc một que ngang, treo hai chuỗi vòng, người ta gọi là hoa nêu. Các vòng này đều là vòng tre tiện mỏng. Người ta gọi đó là chuỗi "của", tượng trưng cho của cải sung túc của gia đình.

Cây nêu của người Co (Tây Nguyên) thường cắm trong các đám lễ hội Đăm trâu. Cây nêu phải là một đoạn của cây trỏ, nối với một đoạn của cây lồ ô. Ngọn nêu treo một lá phướn. Trên lá phướn lại là hình một con chim (đan bằng tre). Con chim ấy phải là chim chèo bẻo, tượng trưng cho sự hùng mạnh.

Nêu của người Hoa, chịu ảnh hưởng của lý thuyết Đạo giáo nhiều hơn. Nêu được gọi là cây phù đào (phù có nghĩa là bùa). Chuyện kể là cung của bà Tây Vương Mẫu có trồng cây đào. Thần ngự ở cây này chuyên bắt các loại quỷ dữ. Có cây phù đào, là có thần trấn giữ, quỷ không dám đến. Vì vậy, mà nhà người Hoa không có điều kiện trồng nêu, người ta có thể bẻ cành đào treo trước cửa.

Có thể kể thêm tập tục nhiều dân tộc nữa. Nhưng có thể thấy một khuynh hướng tâm linh chung: trừ tà, ma và cầu mong một năm mới đến với nhiều điều tốt đẹp, an lành và hạnh phúc cho gia chủ.

Không biết trên thế giới có nhiều truyện kể về cây nêu không, chứ câu chuyện của Việt Nam thì quả là đặc sắc. Ngược dòng thời gian, ngày xưa Quỷ chiếm toàn bộ đất nước và con người chỉ làm thuê, phải nộp hoa màu cho Quỷ. Quỷ ngày càng bóc lột Người quá tay. Người quá khổ cực nên cầu cứu đức Phật giúp đỡ. Sau vài lần Người (được Phật chỉ dẫn) đánh lừa Quỷ khi trồng khoai, lúa, ngô để lấy phần thu hoạch về mình, Quỷ đòi lại đất, không cho Người làm thuê nữa. Phật bàn với Người điều đình với Quỷ, xin miếng đất bằng bóng chiếc áo cà sa treo trên ngọn cây tre. Quỷ thấy không thiệt hại gì nên đồng ý. Khi đó Phật dùng phép thuật để bóng chiếc áo cà sa đó che phủ toàn bộ đất đai khiến Quỷ mất đất phải chạy ra biển Đông. Do mất đất sống nên Quỷ huy động quân vào cướp lại. Trận đánh này bên Quỷ bị thua sau khi bị bên Người tấn công bằng máu chó, lá dứa, tỏi, vôi bột... và Quỷ lại bị Phật đẩy ra biển Đông. Trước khi đi, Quỷ xin Phật thương tình cho phép một năm được vài ba ngày vào đất liền viếng thăm phần mộ của tổ tiên cha ông. Phật thương hại nên hứa cho. Do đó, hàng năm, cứ vào dịp Tết Nguyên đán là những ngày Quỷ vào thăm đất liền thì người ta theo tục cũ trồng cây nêu để Quỷ không bén mảng đến chỗ Người cư ngụ. Trên nêu có treo khánh đất, có tiếng động phát ra khi gió rung để nhắc nhở bọn Quỷ

nghe mà tránh. Trên ngọn cây nêu còn buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mó hái để cho Quỷ sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía đông và rắc vôi bột xuống đất trước cửa ra vào trong những ngày Tết để cấm cửa Quỷ. Thế nên mới có câu ca dao:

*Cành đa lá dứa treo kiêu (cao)
Vôi bột rắc ngô chó trâu mọi nhà.
Quỷ vào thì Quỷ lại ra.
Cành đa lá dứa thì ta cửa mồm.*

Như vậy, cây nêu trở thành biểu tượng của sự đấu tranh giữa thiện và ác, giữa thiên thần và quỷ dữ nhằm bảo vệ cuộc sống bình yên cho con người. Cây nêu biểu tượng cho vũ trụ, vòng tròn biểu tượng cho mặt trời. Cây vũ trụ là nơi đậu của chim thần và mặt trời. Mùa xuân khí dương thịnh, mặt trời lóe sáng, tỏa nắng xuân ấm áp đem sự sống cho muôn loài. Ngày Tết thần linh về trời, tất nhiên con người cần có những "bảo bối" của thần nhằm đề phòng cảnh giác, chống lại sự xâm nhập của ác quỷ lúc con người vui chơi. Đặc biệt, trong những ngày Tết cổ truyền, vào buổi tối trên cây nêu có nơi còn treo một đèn nhằm chỉ đường cho tổ tiên biết đường về ăn Tết với con cháu. Trong đêm trừ tịch cũng như ngày mồng một Tết người dân còn treo bánh pháo tại cây nêu để đốt đón mừng năm mới, mừng tổ tiên về với con cháu, xua đuổi ma quỷ hoặc những điều bất hạnh của năm cũ, cầu mong một năm mới tốt lành. Những vật treo đều tượng trưng về sự bảo vệ và hạnh phúc con người. Lá khóm để dọa ma quỷ vì có gai, tiền mã là cầu tài, lông gà biểu tượng chim thần, cành đa biểu tượng điềm lành và trường thọ, vỏ ốc biểu tượng cho sự sinh nở "con đàn cháu lũ". Gắn liền với một sự tích kì lạ, với những ý nghĩa sâu xa trong sự thể hiện đa dạng, phong phú mà đậm tính dân tộc và nhân văn, cây nêu được coi là biểu tượng thiêng liêng nhất của Tết Nguyên đán ở Việt Nam.

Ngày xưa, cây nêu là biểu tượng cho sự uy quyền, nhà nào có quyền thế nhất là nhà đó có cây nêu cao nhất. Hiện nay, phong tục trồng cây nêu ngày Tết đã dần mất đi trong cộng đồng người Việt thời hiện đại, và được thay thế với tục chơi hoa đào, hoa mai ngày Tết. Cây nêu chỉ còn bắt gặp lác đác tại một số vùng quê, trong cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng thượng du Bắc Bộ hay Tây Nguyên. Mặc dù vậy truyền thuyết và biểu tượng của phong tục trồng cây nêu thì vẫn được truyền tụng và in sâu trong tâm trí người Việt.

Đề bài: Thuyết minh về một danh lam thắng cảnh.

Bài số 93

Vịnh Hạ Long một kiệt tác của thiên nhiên được công nhận là di sản thế giới, là một trong những điểm thu hút nhiều khách du lịch nhất tại Việt Nam. Tự hào thay khi chúng ta được sở hữu một danh lam thắng cảnh tuyệt vời đến thế.

Vịnh Hạ Long là một vịnh nhỏ thuộc phần bờ Tây vịnh Bắc Bộ tại khu vực biển Đông Bắc Việt Nam, thuộc địa phận tỉnh Quảng Ninh. Vịnh Hạ Long được hình thành do sự vận động của đá và nước, là một tác phẩm nghệ thuật địa lí được hoàn thành sau hàng triệu năm biến đổi của địa chất. Là trung tâm của một khu vực rộng lớn có những yếu tố ít nhiều tương đồng về địa chất, địa mạo, cảnh quan, khí hậu và văn hóa, với vịnh Bái Tử Long phía Đông Bắc và quần đảo Cát Bà phía Tây Nam, vịnh Hạ Long giới hạn trong diện tích khoảng 1.553km² bao gồm 1.960 hòn đảo lớn nhỏ, phần lớn là đảo đá vôi.

Hạ Long theo nghĩa đen có nghĩa là Rồng bay xuống. Cái tên này gắn liền với một truyền thuyết đã được lưu truyền từ đời này qua đời khác. Truyền thuyết kể lại rằng ngay từ những ngày đầu lập nước, người Việt đã bị giặc ngoại xâm tấn công theo đường biển. Biết trước được điều này Ngọc Hoàng đã sai Rồng Mẹ mang theo một đàn Rồng Con xuống hạ giới giúp người Việt đánh giặc. Khi thuyền giặc chuẩn bị ồ ạt tiến vào bờ cũng là lúc đàn Rồng từ trời cao bay xuống. Đàn Rồng lập tức phun ra vô số châu ngọc và thoát biến thành muôn ngàn đảo đá ngọc bích trên biển. Những hòn đảo liên kết với nhau tạo nên bức tường thành vững chắc làm đoàn thuyền giặc đang lao nhanh, bị chặn đột ngột, đâm vào các đảo đá và đâm vào nhau vỡ tan tành. Sau khi giặc ngoại xâm bị đánh đuổi ra khỏi bờ cõi, Rồng Mẹ và Rồng Con không trở về trời nữa vì họ đã say mê vẻ đẹp của nước và biển nơi hạ giới. Họ quyết định ở lại chính nơi mà trận chiến đã diễn ra. Vị trí mà Rồng Mẹ đáp xuống là Hạ Long và nơi mà Rồng con đáp xuống, cúi đầu chào mẹ của mình chính là Bái Tử Long, nơi những chiếc đuôi quẫy mạnh được gọi là Bạch Long Vĩ. Truyền thuyết này đã làm tăng thêm sức hấp dẫn và vẻ huyền bí của Vịnh Hạ Long.

Từ trên cao nhìn xuống, vịnh Hạ Long như một bức tranh thủy mặc khổng lồ vô cùng sống động. Đó là những tác phẩm tạo hình tuyệt mỹ, tài hoa của tạo hoá, của thiên nhiên biến hàng ngàn đảo đá vô tri tĩnh lặng kia trở nên những tác phẩm điêu khắc, hội họa hoàn mỹ với muôn hình dáng vẻ yêu kiều, vừa rất quen thuộc vừa như xa lạ với con người. Hàng ngàn đảo đá nhấp nhô trên sóng nước lung linh huyền ảo, vừa khoẻ khoắn hoành tráng nhưng cũng rất mềm mại duyên dáng, sống động. Đi giữa Hạ Long với muôn ngàn đảo đá, ta ngỡ như lạc vào một thế giới cổ tích bị hoá đá nơi đây. Có hòn đảo thì giống hình ai đó đang hướng về đất liền - hòn Đầu Người; đảo thì giống như một con rồng đang bay lượn trên mặt nước - Hòn Rồng; đảo thì lại giống như một ông lão đang ngồi câu cá - hòn Lã Vọng; và kia hai cánh buồm nâu lực lưỡng đang rẽ sóng nước ra khơi - hòn Cánh Buồm; rồi hai con gà đang âu yếm vờn nhau trên sóng nước - hòn Trống Mái; đứng giữa biển nước bao la một lư hương khổng lồ như một vật cúng tế trời đất - hòn Lư Hương... Tất cả đều rất thực, thực đến kinh ngạc. Những đảo đá diệu kì ấy biến hoá khôn lường theo thời gian và góc nhìn. Tới đây ta mới nhận

ra tất cả chúng không phải là những hòn đảo vô tri, tĩnh lặng mà như có hồn và đều sống động.

Tiềm ẩn trong lòng các đảo đá ấy là những hang động tuyệt đẹp như động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, hang Sừng Sốt, hang Trinh Nữ, động Tam Cung... Đó thực sự là những lâu đài của tạo hoá giữa chốn trần gian. Từ xưa, Hạ Long đã được Nguyễn Trãi mệnh danh là "kì quan đất dựng giữa trời cao". Bao tao nhân mặc khách từ khắp năm châu khi đặt chân đến đây đều cảm thấy ngỡ ngàng trước vẻ đẹp kì vĩ của Hạ Long.

Vịnh Hạ Long cũng là nơi gắn liền với những trang sử vẻ vang, hào hùng của dân tộc Việt Nam với những địa danh nổi tiếng như Vân Đồn - nơi có thương cảng cổ sầm uất vào thế kỉ thứ 12; có núi Bài Thơ lịch sử; cách đó không xa dòng sông Bạch Đằng - là chứng tích của hai trận thuỷ chiến lẫy lừng trong lịch sử chống giặc ngoại xâm của dân tộc. Không chỉ có vậy, Hạ Long còn là một trong những cái nôi của con người với nền Văn hoá Hạ Long huy hoàng thời Hậu kì đồ đá mới tại những địa danh khảo cổ học nổi tiếng như Đồng Mang, Xích Thổ, Soi Nhụ, Thoi Giếng...

Hạ Long cũng là nơi tập trung đa dạng sinh học cao với những hệ sinh thái điển hình như hệ sinh thái rừng ngập mặn, hệ sinh thái rạn san hô, hệ sinh thái tùng áng, hệ sinh thái rừng cây nhiệt đới... Với hàng ngàn loài động thực vật vô cùng phong phú, đa dạng như tôm, cá, mực... Có những loài đặc biệt quý hiếm chỉ có ở nơi đây.

Với các giá trị ngoại hạng về cảnh quan và địa chất, địa mạo, vịnh Hạ Long hội tụ những điều kiện thuận lợi để phát triển ngành kinh tế du lịch với loại hình đa dạng. Đến vịnh Hạ Long, chúng ta có thể tham gia các hoạt động nghiên cứu khoa học, tham quan ngắm cảnh, tắm biển, bơi thuyền, thả dù, lặn khám phá rặng san hô, câu cá giải trí... Vùng vịnh thích hợp cho việc nuôi trồng và đánh bắt hải sản do có các điều kiện thuận lợi: khí hậu tốt, diện tích bãi triều lớn, nước trong, ngư trường ven bờ và ngoài khơi có trữ lượng hải sản cao và đa dạng với cá song, cá giò, sò, tôm, bào ngư, trai ngọc các loại.

Từ hơn 500 năm về trước trong bài thơ *Lộ nhập Vân Đồn*, Nguyễn Trãi đã lần đầu tiên ca ngợi vịnh Hạ Long là "kì quan đá dựng giữa trời cao". Năm 1962, Bộ Văn hóa - Thông tin Việt Nam đã xếp hạng vịnh Hạ Long là Di tích danh thắng cấp quốc gia đồng thời quy hoạch vùng bảo vệ. Năm 1994, vùng lõi của vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản Thiên nhiên Thế giới và được tái công nhận lần thứ 2 với giá trị ngoại hạng toàn cầu về địa chất - địa mạo vào năm 2000. Cùng với vịnh Nha Trang và vịnh Lăng Cô của Việt Nam, vịnh Hạ Long là một trong số 29 vịnh được Câu lạc bộ những vịnh đẹp nhất thế giới xếp hạng và chính thức công nhận vào tháng 7 năm 2003. Năm 2011, vịnh Hạ Long đã được bầu chọn là một trong bảy kì quan thiên nhiên mới của thế giới.

Vịnh Hạ Long là một di sản văn hóa đáng tự hào của dân tộc. Ngày nay, vịnh Hạ Long vẫn đang thu hút rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước

đến tham quan, mang lại nhiều lợi ích cho nước nhà. Chúng ta cần ra sức bảo vệ và giữ gìn vịnh Hạ Long để vịnh ngày càng xanh tươi hơn, mãi mãi là niềm tự hào của đất nước.

Bài số 94

Trên đất nước Việt Nam yêu dấu có rất nhiều cảnh đẹp. Nhưng cảnh đẹp mà tôi tự hào nhất là Đền Hùng – nơi thờ các Vua Hùng thời xưa đã có công dựng nước. Đền Hùng là một thắng cảnh đẹp, một di tích lịch sử có ý nghĩa nhất đối với người Việt Nam vì đó là nơi thờ cúng, tưởng niệm của vua Hùng, tổ tiên chung của cả dân tộc.

Đền Hùng nằm ở phía tây bắc Hà Nội, cách Thủ đô chưa đầy 90km. Đền Hùng được xây dựng trên núi Hùng hay còn được gọi là núi Cả, núi Nghĩa Lĩnh, Nghĩa Cương, Hi Cương, Hi Sơn, Bảo Thiểu Lĩnh, Bảo Thiểu Sơn,...). Núi có độ cao 175m so với mặt nước biển. Tục truyền rằng, núi Hùng là chiếc đầu rồng hướng về phía Nam, mình rồng uốn khúc thành núi Vặn, núi Trọc, núi Pheo. Núi Vặn cao 170m, xấp xỉ núi Hùng. Núi Trọc nằm giữa núi Hùng và núi Vặn, cao 145m. Theo truyền thuyết, ba đỉnh núi này là ba đỉnh “Tam sơn cấm địa” được dân gian thờ từ rất lâu đời.

Phong cảnh nơi đây mới hùng vĩ làm sao! Ở đó núi non trùng điệp, rừng cây bạt ngàn xanh tốt. Vào những ngày đẹp trời, ta có thể nhìn thấy dòng sông Lô hiền hoà, trong vắt, những xóm làng ẩn hiện trong vườn cây trái như một bức tranh đầy màu sắc. Từ núi Nghĩa Lĩnh có thể quan sát được cả một vùng rất rộng của trung tâm Bắc Bộ với ngã ba Hạ, nơi sông Lô đổ nước vào sông Hồng, với các dãy núi Tam Đảo, Ba Vì và các dãy đồi lượn sóng xen kẽ giữa những cánh đồng tốt tươi, những vùng quê trù phú của vùng trung du.

Toàn bộ khu di tích gồm 4 đền, 1 chùa và một lăng hài hòa trong phong cảnh thiên nhiên, có địa thế cao rất đẹp mắt. Cao nhất là Đền Thượng, thấp nhất là Đền Giếng. Các Đền được xây dựng theo một kiến trúc cổ kính. Sau khi qua cổng chính của khu di tích, qua 225 bậc đá, là lên đến đền Hạ. Ở khu vực Đền Hạ có chùa Thiên Quang và cây Thiên Tuế 700 tuổi; gần đó có đền Ngọc và giếng Ngọc. Từ Đền Hạ theo 168 bậc đá nữa là Đền Trung và lên tiếp 102 bậc nữa thì lên Đền Thượng và có lăng vua Hùng, tượng trưng cho mộ Tổ.

Cổng đền được xây theo kiểu vòm cuốn. Tầng dưới có một cửa vòm cuốn lớn, đầu cột trụ cổng tầng trên có cửa vòm nhỏ hơn, bốn góc tầng mái trang trí rồng, đắp nổi hai con nghê. Giữa cột trụ và cổng đắp nổi phù điêu hai võ sĩ; giữa tầng một có đề bức đại tự: “Cao sơn cảnh hành” (lên núi cao nhìn xa rộng). Mặt sau cổng đắp hai con hổ là hiện thân vật canh giữ thần.

Qua cổng chính là Đền Hạ. Tương truyền nơi đây, Mẹ Âu Cơ sinh ra bọc trăm trứng, sau nở thành 100 người con trai, nguồn gốc “đồng bào” (cùng bọc) được bắt nguồn từ đây. Ngay chân Đền Hạ là nhà bia, trên đỉnh có đắp hình nạm rượi. Nơi đây đặt bia đá ghi lời dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh

khi Người về thăm Đền Hùng ngày 19/9/1945: “Các Vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Gần Đền Hạ có ngôi chùa Thiên Quang thiền tự. Trước cửa chùa có cây thiên tuế là nơi Bác Hồ ngồi nói chuyện với cán bộ và chiến sĩ. Chùa có một gác chuông được xây dựng vào thế kỉ XVII. Tiếp đến là Đền Trung. Tương truyền đây là nơi các vua Hùng cùng các Lạc hầu, Lạc tướng du ngoạn ngắm cảnh thiên nhiên và họp bàn việc nước. Đây cũng là nơi vua Hùng thứ 6 đã nhường ngôi cho Lang Liêu - người con hiếu thảo vì đã có công làm ra bánh chưng, bánh dày.

Đền Thượng được đặt trên đỉnh núi Hùng. Tương truyền rằng thời Hùng Vương, Vua Hùng thường lên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh để cử hành những buổi lễ thờ trời đất, thờ thần lúa, cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt. Tục truyền đây còn là nơi vua Hùng thứ 6 lập đàn cầu trời ban cho người tài ra giúp nước đánh giặc Ân. Sau khi Thánh Gióng đánh tan giặc và bay về trời, vua Hùng cho lập đền thờ vọng trên đỉnh núi, về sau, nhân dân đặt thêm bài vị vua Hùng vào thờ cúng. Tiếp đến là Lăng Hùng Vương, tương truyền là mộ của Vua Hùng thứ 6. Lăng hình vuông, tầng dưới bốn góc đắp bốn con rồng tư thế bò, tầng trên đắp rồng uốn ngược, đỉnh lăng đắp hình “quả ngọc”. Ba mặt Tây, Đông, Nam đều có cửa vòm, hai bên cửa đều đắp kì lân, xung quanh có tường bao quanh, trang trí hoa, chất liệu bằng đá. Trong lăng có mộ Vua Hùng. Mộ xây hình hộp chữ nhật dài, có mái mũi lượn.

Từ Đền Thượng, đi tham quan một đoạn nữa là đến Đền Giếng (tên chữ là Ngọc Tỉnh), tương truyền là nơi hai công chúa Tiên Dung và Ngọc Hoa (con gái của Vua Hùng thứ 18) thường soi gương, vấn tóc khi theo cha đi kinh lí qua vùng này. Hai bà có công dạy dân trồng lúa nước và trị thủy nên được nhân dân lập đền thờ phụng muôn đời. Cổng Đền Giếng có kiểu dáng gần giống cổng chính nhưng nhỏ và thấp hơn.

Đền Tổ Mẫu Âu Cơ được xây dựng trên núi Ốc Sơn (núi Vặn). Trong đền có tượng thờ Mẹ Âu Cơ và hai Lạc hầu, Lạc tướng. Đường đi lên đền được xây bằng 553 bậc đá Hải Lựu.

Ngay dưới chân núi là Bảo tàng Hùng Vương. Trong Bảo tàng có nhiều hiện vật, tranh ảnh, tượng lớn khắc hoạ chủ đề: “Các Vua Hùng dựng nước Văn Lang trên mảnh đất Phong Châu lịch sử”.

Vào những ngày giỗ Tổ Hùng Vương, cờ, hoa, biểu ngữ được trang hoàng khắp mọi nơi. Cờ bay đỏ những cành cây, đỏ những mặt hồ. Trong những ngày lễ, Đền Hùng càng đông khách thập phương đến tham quan và thắp hương tưởng nhớ ghi dấu công ơn của các vua Hùng.

Đền Hùng vừa là thắng cảnh đẹp, vừa là một di tích lịch sử – văn hóa đặc biệt quan trọng đối với người Việt Nam. Về với Đền Hùng là về với cội nguồn dân tộc, để tự hào về dòng giống tiên rồng đang chảy trong huyết mạch của mỗi người dân Việt Nam!

Trầy hội Đền Hùng là truyền thống văn hóa đẹp của người Việt Nam. Trong rất nhiều những ngày hội được tổ chức trên khắp đất nước, hội đền Hùng vẫn được coi là hội linh thiêng nhất bởi đó là nơi mỗi người Việt Nam nhớ về cội nguồn và truyền thống oai hùng, hiển hách của cha ông.

Bài số 95

Có ý kiến cho rằng: Trong nền văn hóa cổ nước ta có rất nhiều viên ngọc bị che lấp bởi lớp bụi thời gian mà nhiệm vụ của chúng ta là phải tìm tòi, bảo vệ cho nó sáng mãi. Khu di tích lịch sử văn hóa chùa Dâu là một viên ngọc như thế. Xây dựng từ những năm đầu Công nguyên, chùa Dâu lại mang một giá trị đặc biệt của trung tâm truyền giáo đạo Phật đầu tiên ở nước ta.

Chùa Dâu nay thuộc xã Thanh Khương, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh xưa thuộc Tống Khương, huyện Luy Lâu, quận Giao Chỉ. Từ xa xưa, người dân nơi đây thường sống bằng nghề trồng dâu nuôi tằm, nên dân gian vẫn thường gọi là vùng dâu hoặc kẻ dâu. Chất mộc mạc thôn dã và giản dị nơi đây đã góp phần không nhỏ tạo lên nét đẹp dân gian tự nhiên của chùa.

Chùa được xây dựng vào buổi đầu Công nguyên. Các nhà sư Ấn Độ đầu tiên đã từng đến đây. Vào cuối thế kỉ VI, nhà sư Tì-ni-đa-lưu-chi từ Trung Quốc đến chùa này, lập nên một phái Thiền ở Việt Nam. Chùa được khởi công xây dựng năm 187 và hoàn thành năm 226, là ngôi chùa lâu đời nhất và gắn liền với lịch sử văn hóa, Phật giáo Việt Nam.

Ban đầu chùa Dâu chỉ là một cái am nhỏ, sau phát triển lên thành một ngôi chùa với tên gọi đầu tiên là Cổ Châu tự (nghĩa là một viên ngọc quý). Dưới đời vua Trần Nhân Tông, Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã cho xây lên chùa to lớn như ngày nay: Chùa có hàng trăm gian, tháp chín tầng, cầu chín nhịp mà bao đời nay khách từ muôn phương vẫn về đây chiêm ngưỡng. Hành động ấy, việc làm ấy của ông cha ta thời xưa đã thể hiện ý thức dân tộc, sự tôn trọng, đề cao văn hóa, bản sắc dân tộc. Chùa Dâu được coi là nơi rất thiêng liêng nên đã có lần chùa được gọi là Diên Ứng tự (tức cầu gì được nấy). Điều đó đã được minh chứng qua các đời vua của triều đại xa xưa cũng từng về chùa Dâu như vua Lí Thánh Tông cầu tự (tức cầu con) và gặp được Nguyên phi Ỗ Lan khi đi thuyền trên sông Dâu. Năm Đinh Tị 1737, có rất nhiều vua chúa cung tần mĩ nữ qua lại lễ Phật cầu đảo thăm chùa, văn cảnh,...

Với diện tích khoảng 1730m² trên khu đất rộng bằng phẳng nằm cạnh sông Dâu, chùa được xây dựng mang đậm phong cách nghệ thuật, kiến trúc của thời Lí – Trần do được tu sửa vào thời kì này. Quan trọng nhất là tháp Hòa Phong, tháp có chín tầng song trải qua thời gian lịch sử lâu dài nay chỉ còn ba tầng có chiều cao khoảng 15m. Chân tháp hình vuông, trong lòng tháp có bốn bệ gạch bốn bên, trên mỗi bệ là một tượng hộ pháp bằng gỗ cao 1,6m. Ở tầng hai của tháp có biển đá khắc chữ "Hòa Phong tháp". Đặc biệt

hơn nửa tháp dùng để đặt các xá lị, bên trên là một chiếc khánh đồng và một chiếc chuông đồng lớn có niên đại từ 1893. Màu thời gian đã bao phủ lên tháp những lớp rong rêu xanh màu cổ kính. Song có thể nói giá trị của tháp Hòa Phong trong quần thể di tích chùa Dâu là không nhỏ bởi đã gây sự chú ý đặc biệt của khách du lịch thăm quan từ bốn phương về đây.

Đến với chùa Dâu, ngoài cảnh quan đồ sộ, chúng ta còn được chiêm ngưỡng những pho tượng quý giá như Pháp Vân, Kim Đồng, Ngọc Nữ, những bức phù điêu chạm khắc trên những bức trống, cốn, giá chiêng mà ngày nay ít khi có được. Tất cả đều được tạc và rèn đúc rất tinh xảo trong bàn tay các nghệ nhân đời xưa. Tiêu biểu đó là tượng Pháp Vân cao 1,85m tạo trong thế ngồi ở tòa sen toàn thân sơn màu cánh gián. Ta còn nhận thấy rằng tín ngưỡng phật giáo Ấn Độ đan xen trong tín ngưỡng dân gian ở Việt Nam như thờ các vị thần: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Điện. Gắn liền vào đó là những mong ước cho mùa màng bội thu, cơm no áo ấm cho mọi chúng sinh của nhân dân khi trời đất được mưa thuận, gió hòa.

Một điểm đáng nói nữa trong công trình kiến trúc của chùa Dâu là hình trạm trổ trên đá. Đó là phong cảnh thiên nhiên chim muông, hoa lá, đặc biệt là rồng. Theo một số nhà nghiên cứu thì một số hiện vật bằng đá, gạch đất nung trang trí có hình vẽ rồng phần lớn là kiến trúc nghệ thuật rồng có niên đại vào thời Lí – Trần. Con rồng không chỉ là biểu tượng văn hóa quý trong di sản văn hóa vật thể mà còn hiện diện rất phong phú trong di sản văn hóa phi vật thể. Nó đi vào đời sống hôm nay như một nhu cầu văn hóa không thể thiếu trong các lễ hội.

Ngày nay kiến trúc của chùa Dâu vẫn giữ nguyên như cũ: nhà tiền thất, tháp Hòa Phong, Tiền Đường, tòa Tam Bảo, Thượng Điện, Hạ Điện, Hậu Đường, hai dãy hành lang,... Tuy nhiên thì cầu chín nhịp và Điện Tam quan đã không còn.

Hàng năm, cứ vào ngày 8 tháng 4 âm lịch, không ai bảo ai người dân từ thập phương đều kéo về nơi đây lễ Phật cầu may. Đó cũng là ngày hội chính của chùa Dâu, ngày mà bà Man Nương sinh hạ. Hội Dâu mở trong 3 ngày: mồng 7, mồng 8, mồng 9 âm lịch với một quy chế rất chặt chẽ. 11 kiệu Phật được rước ra ngoài trời, đi khắp 12 làng xã trong Tổng Khương. Các kiệu Phật được phong áo rất lộng lẫy uy nghi. Có thể nói trong hiện tại và tương lai, chùa Dâu mãi là một nơi mang đậm màu sắc dân tộc Việt Nam, là một nơi mang nhiều ý nghĩa lịch sử sâu sắc, đồng thời chùa Dâu – hội Dâu đã trở thành tiếng gọi tâm linh đối với tất cả mọi người:

*Dù ai đi đâu, về đâu
Hãy trông thấy tháp chùa Dâu thì về
Dù ai buôn bán trăm nghề
Tháng tư, ngày tám, nhớ về hội Dâu.*

Trải qua bao biến động lịch sử, thành lũy, đền đài, dinh thự của trung tâm Luy Lâu bị hoang phế. Nhưng chùa Dâu với tháp Hòa Phong vươn cao và

hàng trăm gian chùa cổ kính vẫn tồn tại với thời gian. Lịch sử đã từng khẳng định vị trí của chùa Dầu trong đời sống văn hóa, tâm linh dân tộc. Chùa là một danh lam bậc nhất của xứ kinh Bắc xưa nay. Chùa đã được Bộ Văn hóa công nhận là Di tích lịch sử – văn hóa Quốc gia.

Đề bài: Thuyết minh về một địa danh lịch sử

Bài số 96

“Thành phố Hồ Chí Minh quê ta đã viết nên thiên anh hùng ca, thiên anh hùng ca ngàn năm sáng chói lưu danh đến muôn đời...”. Lời ca ngân lên trong mỗi người niềm tự hào được là công dân của thành phố anh hùng mang trong mình bao dấu ấn lịch sử thiêng liêng suốt hành trình đấu tranh oai hùng của dân tộc để: “Việt Nam ta lại gọi tên mình”. Từ thành phố này, tại Bến Nhà Rồng, Bác Hồ đã ra đi tìm đường cứu nước vì thế trong hơn sáu mươi tỉnh thành chỉ duy nhất nơi đây được vinh dự mang tên Bác kính yêu. Bến Nhà Rồng được xây dựng thành bảo tàng Hồ Chí Minh và là địa chỉ thân thương với nhân dân cả nước nói chung, nhân dân thành phố nói riêng.

Ngót một thế kỉ rưỡi (150 năm), trải qua bao biến cố thăng trầm, Bến Nhà Rồng vẫn sừng sững uy nghi tại số 1 đường Nguyễn Tất Thành, quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh (xưa là đường Trịnh Minh Thế). Ngay một cửa ngõ thương cảng sầm uất nhất nước – cảng Sài Gòn. Bến Nhà Rồng nằm ngay trung tâm, trước mặt là bến Bạch Đằng lồng gió. Khi thành phố lên đèn cả khu vực lung linh huyền ảo góp phần tô điểm thành phố thêm lung lẫy, xứng danh là “hòn ngọc của Viễn Đông”.

Bến Nhà Rồng hiện nay là Bảo tàng Hồ Chí Minh – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh, là một chi nhánh nằm trong hệ thống các bảo tàng và di tích lưu niệm về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cả nước. Nơi đây, trước ngày 30/4/1975 là trụ sở của Tổng Công ti Vận tải Hoàng đế (Messageries Impériales) – một trong những công trình đầu tiên do thực dân Pháp xây dựng sau khi chiếm được Sài Gòn. Tòa nhà được xây dựng từ giữa năm 1862 đến cuối năm 1863 hoàn thành với lối kiến trúc phương Tây nhưng trên nóc nhà gắn hai con rồng châu đầu vào mặt trăng theo mô típ “lưỡng long châu nguyệt”, một kiểu trang trí quen thuộc của đền chùa Việt Nam. Với kiến trúc độc đáo đó nên Tổng Công ti Vận tải Hoàng Đế được gọi là Nhà Rồng và bến cảng mang tên Bến cảng Nhà Rồng. Năm 1955, sau khi thực dân Pháp thất bại, thương cảng Sài Gòn được chuyển giao cho chính quyền miền Nam Việt Nam quản lí, họ đã tu sửa lại mái ngói ngôi nhà và thay thế hai con rồng cũ bằng hai con rồng mới với tư thế quay đầu ra ngoài. Với diện tích gần 1500m² xây dựng làm tòa nhà, diện tích còn lại là hoa viên tràn ngập màu xanh lá với không khí thoáng mát, khung cảnh thơ mộng bao gồm trên 400 gốc cây quý từ khắp mọi miền của đất nước hội tụ về đây khoe sắc tỏa

hương. Ta bồi hồi khi ngắm gốc cây Tân Trào của cố Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, gốc cây bồ đề của Tổng thống Ấn Độ,...

Thời gian trôi qua càng ngày Bến Nhà Rồng càng trở thành địa chỉ được lưu giữ những sự kiện trọng đại gắn liền với vận mệnh dân tộc. Ngày 5/6/1911, người thanh niên Nguyễn Tất Thành với hai bàn tay trắng đã bước xuống con tàu Latouche Treville trong cuộc hành trình “30 năm ấy chân không nghỉ”:

*Người đi khắp bóng cờ châu Mỹ, châu Phi
Những đất tự do những trời nô lệ.*

Với lịch sử thiêng liêng của Bến Nhà Rồng, nơi đây đã lưu truyền biết bao tư liệu, hiện vật quý giá giúp mọi người hiểu rõ hơn về cuộc đời, sự nghiệp cách mạng của vị lãnh tụ thiên tài, người cha già kính yêu của dân tộc – Hồ Chí Minh. Qua nhiều lần chỉnh lí về cơ bản bảo tàng xây dựng thành 12 phòng trưng bày khoảng 170 tư liệu, hình ảnh, hiện vật. Nếu ai đã từng đến với bảo tàng đều lặng người xúc động khi được nhìn tận mắt chứng kiến những kỉ vật về Người.

Bảo tàng là một trong những địa chỉ để nhân dân đến nghiên cứu, giao lưu, tìm hiểu về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Bác. Hằng năm, bảo tàng thu hút hàng triệu du khách trong nước và ngoài nước. Bến Nhà Rồng, bảo tàng Hồ Chí Minh đã vinh dự được chọn làm biểu tượng của thành phố nhân ngày kỉ niệm 300 năm Sài Gòn Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày ngày lớp lớp các thế hệ con cháu về đến cúi đầu trước tượng đài của Người thấp nén nhang để bày tỏ lòng thành kính và tri ân con người đẹp nhất mọi thời đại của dân tộc:

www.sachgiai.com

*Xin nguyện cùng Người vươn tới mãi
Vững như muôn ngọn dải Trường Sơn*

Bài số 97

Nằm cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 70km về phía tây bắc, địa đạo Củ Chi sẽ đưa du khách trở về với những tháng năm gian khổ nhưng cũng đầy hào hùng của dân tộc. Dù du khách đã nghe nhiều về địa đạo nhưng phải đến tận nơi, mắt thấy, tai nghe mới thấy hết sự thú vị, độc đáo của vùng đất thép thành đồng này.

Địa đạo Củ Chi không mang vóc dáng vẻ kì vĩ của những kì quan tồn tại hàng bao thế kỉ như Kim Tự Tháp, vườn treo Babilon, Angkovát... nhưng đây là một công trình vĩ đại với trên 200km đường hầm tỏa rộng như mạng nhện trong lòng đất. Nơi đây quả là một kì quan đánh giặc độc đáo có một không hai. Nó mang chiều sâu thăm thẳm của lòng căm thù và ý chí kiên cường, bất khuất của “vùng đất thép”, một trong những biểu tượng rực rỡ của chủ nghĩa anh hùng của dân tộc Việt Nam.

Những sự tích có thật từ địa đạo đã quá sức tưởng tượng của con người. Chỉ cần chui xuống một đoạn đường hầm, bạn sẽ hiểu vì sao nước Việt Nam

nhỏ bé lại chiến thắng kẻ thù là một nước lớn và giàu có vào bậc nhất thế giới. Đến đây ta mới hiểu vì sao Củ Chi, mảnh đất nghèo khó lại có thể đương đầu ròng rã suốt 21 năm với một đạo quân đông hơn gấp bội, thiện chiến, được trang bị vũ khí, phương tiện chiến tranh hiện đại, tối tân. Trong cuộc đổ sức tưởng chừng không cân sức này, nhân dân Củ Chi đã chiến thắng oanh liệt.

Rời địa đạo, bạn sẽ đến đền Bến Dược. Ngắm cổng tam quan, nhà văn bia, tháp 9 tầng và ngôi điện chính với kiến trúc truyền thống rất đẹp, hài hòa cùng thiên nhiên. Đặc biệt là khu Đền tưởng niệm chiến sĩ và đồng bào với một quần thể kiến trúc mang tính đặc thù dân tộc, hiện đại trang nghiêm. Trong Đền tưởng niệm có ghi đầy đủ họ tên của 44.357 liệt sĩ hi sinh trên chiến trường Sài Gòn – Chợ Lớn – Gia Định trong các cuộc kháng chiến giải phóng bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, trên 632 tấm đá hoa cương. Trước đền có bài văn bia khắc đá của nhà thơ Viễn Phương. Đền tưởng niệm Bến Dược là công trình độc đáo của khu di tích, được xây dựng lên từ nguyện vọng tha thiết của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân cả nước, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn” của dân tộc Việt Nam. Với giá trị và tầm vóc chiến công được đúc kết bằng xương máu, công sức của hàng vạn chiến sĩ, đồng bào, khu căn cứ địa đạo Củ Chi đã được Bộ Văn hóa Thông tin công nhận là Di tích lịch sử văn hóa Quốc gia.

Không chỉ tham quan khu di tích, bạn có thể tập bắn súng, thưởng thức những món ăn đặc sản của Củ Chi tại nhà hàng Địa đạo Củ Chi với khung cảnh thoáng mát, bên dòng sông Sài Gòn thơ mộng. Rời địa đạo Củ Chi, chắc chắn trong lòng bạn sẽ đọng lại rất nhiều cảm xúc. Đó chính là lòng cảm phục sự thông minh, linh hoạt và sáng tạo của người dân Củ Chi khi thiết kế ra hệ thống địa đạo; là cảm giác thích thú khi được làm một chú bộ đội, được bắn súng thật và hơn thế là niềm xúc động khi nghiêng mình tưởng nhớ những anh hùng đã ngã xuống cho độc lập, tự do hôm nay... Đó là những giá trị lịch sử sẽ in đậm trong lòng những ai đã từng một lần đến với địa đạo Củ Chi.

**Đề bài: Hãy thuyết minh về một loài cây
của quê hương em**

Bài số 98

Cây cọ là một loại cây không thể thiếu với người dân quê tôi. Nếu các bạn về miền trung du quê tôi sẽ thấy “rừng cọ, đồi chè” mát tầm mắt bởi màu xanh của rừng cọ bạt ngàn như ngàn cánh tay vẫy chào từ ngút ngàn xa, như mời gọi khách lạ, như chào đón những đứa con quê hương trở về sau bao ngày bôn xa, xa cách.

Cây cọ như một đặc sản tạo ra nét riêng cho quê hương. Ngày còn nhỏ chúng tôi thường đi chăn thả trâu trên những đồi cọ, thoả sức nô

đũa mà không sợ nắng, lá cọ như chiếc ô xòe bóng mát, che chở cho lũ trẻ. Nội tôi kể lại, ngày còn đánh Mĩ cây cọ cũng góp công lớn trong việc bắn máy bay của địch. Bên dưới những đôi cọ xanh rợp trời là nơi trú ẩn và mai phục của dân quân, du kích và bộ đội địa phương. Hoà bình lập lại, người dân quê tôi trở lại với cuộc sống ruộng đồng, lá cọ lại làm thành những chiếc ô che nắng cho mẹ nhỏ mọn; làm thành chiếc nón lá cho ba lên nương... Lá cọ còn có thể dùng lợp nhà rất tốt: nhà bằng lá cọ vừa bền lại rất mát. Thân cọ thẳng đứng với những chiếc bi cọ sắc nhọn như chiếc chông... Tuy bề ngoài sù sì và gớm ghiếc nhưng bên trong lại là một món ăn đặc sản rất ngon đó là món củ ngũ cọ. Củ ngũ cọ là phần lõi gần búp cọ, nơi phình ra to nhất của thân cọ. Phải là người dân đã gắn bó với cây cọ như người dân quê tôi mới biết cách lấy được món đặc sản này. Cọ được chặt đổ rồi lấy búa bổ từng lớp bi, tách ra làm lộ lớp lõi trắng, khoét lấy phần non. Sau đó có thể ăn sống có vị giòn ngọt và rất mát, còn nếu xào lên thì lại có vị béo ngậy, bùi rất riêng. Nhưng đó là món ăn ngon nhưng rất lãng phí vì mỗi lần muốn thưởng thức món ăn này thì lại phải chặt cọ. Vì thế chỉ những khi có khách quý đến chơi, món củ ngũ cọ này mới có dịp xuất hiện. Lá cọ là một vật liệu rất tốt để đan nón. Chiếc nón được các cô thôn nữ đan rất đẹp đã có mặt trên mọi miền đất nước. Có thể nói, rừng cọ đối với người dân quê tôi như là cây tre đối với người dân Việt Nam vậy.

Nhớ lúc bé, chị em chúng tôi vẫn thường ngóng mẹ đi chợ về để đòi quả. Mỗi mùa mỗi thứ quả khác nhau nhưng đều mang mùi vị năm tháng quê nhà mà suốt cuộc đời không bao giờ tôi quên được. Cứ vào cuối tháng hai là đã có cọ ươm rồi, mấy chị em chia nhau túi cọ mẹ mua, ăn nhồm nhoàm thật ngon. Cũng có lúc mẹ tôi mua cọ tươi về nhà tự ươm, việc chọn cọ – nói như lũ thanh niên chúng tôi vẫn trêu nhau thì là “cả một nghệ thuật” đấy. Quả cọ ngon là quả được lấy từ cây cọ chưa bao giờ bị chặt lá, vì thường thường người ta vẫn trồng cọ lấy lá lợp nhà, làm chổi. Nếu cây cọ bị chặt lá một lần thì quả cọ sẽ còi cọc, hạt to và ăn rất chát, mất hết mùi vị đặc trưng của nó. Chọn cọ làm sao cho quả cọ dài, hạt nhỏ, lõi dày, bấm ngón tay thấy màu vàng ngậy như mỡ gà. Cọ đầy mà ươm lên chắc chắn sẽ bùi ngon phải biết, cọ càng già ăn càng bùi, càng béo.

Ươm cọ phải biết kĩ thuật, lấy nước giếng khơi đun nóng lên vừa phải. Ươm cọ từ 15 đến 20 phút, khi bóp thấy cọ mềm, nước vẩn nổi vàng sọng sánh như mỡ gà là được. Cọ ươm có lớp vỏ mỏng màu nâu sẫm, lõi cọ màu vàng, càng dày càng ngon. Nếu ươm bằng nước sôi hắt thì thời gian nhanh hơn, khi ươm nhớ đậy kín vung. Thường thì trước khi ươm mang cọ rửa sạch rồi đem xóc lẫn vật sắc, nhọn như cật nứa hay mảnh chai để bong hết vỏ ngoài của cọ cho bớt chát. Khi ươm cọ phải chú ý thời gian cho phù hợp, nếu không khéo cọ sẽ bị tóp lại, cứng chát không ăn được. Thế nên ươm được một mẻ cọ ngon là phải khéo léo lắm, kì công lắm.

Quả cọ ngoài mang ồm thì người dân quê tôi còn chọn những quả cùi dày, béo rồi mang cạo sạch vỏ đem làm dưa. Dưa cọ có vị mặn của muối, vị ngậy béo bùi bùi của cọ, có thể ăn cùng với cơm hoặc ăn chơi đều rất ngon. Nếu bạn đến thăm bất cứ một gia đình nào quê tôi, khi thấy trong mâm cơm bày món dưa cọ thì hãy mở lòng thưởng thức và đón nhận. Em nghĩ bạn sẽ không bao giờ quên hương vị của nó cho dù sau này được đi khắp nơi nơi, được ăn đủ thứ sơn hào hải vị đi chăng nữa. Tôi trộm nghĩ phải chăng cây cọ quê mình là thiên sứ cho vùng đất trung du đầy nắng gió này?

Nếu bạn đã từng được đi thăm rừng cọ bạt ngàn, từng nhìn thấy cọ lớn lên trên khô cằn sỏi đá, bằng cái nắng miền trung du phồng rất chân trần thì khi đứng dưới tán cọ xanh tự lòng đã thấy yêu cây cọ lắm, chứ chưa nói gì đến việc ăn thứ quả thơm bùi mọc ra từ gian khó.

Tôi nghĩ về loài cọ mà lại nghĩ đến con người nơi đây bao thế hệ vẫn không quản mưa nắng nhọc nhằn mà vươn cao, vươn xa mãi. Lòng tự nhắc nhở mình – Một người con đất Tổ phải cố gắng thật nhiều dầu cho cuộc sống này còn biết bao nhiêu gian khó.

Bài số 99

Hôm nay, họ hàng nhà xoài chúng tôi có một cuộc họp mặt các giống xoài trên khắp cả nước Việt Nam. Họ nhà xoài chúng tôi rất đa dạng và nhiều loại, có thể kể tên như anh chị xoài Tượng, các em xoài Thơm và xoài Gòn. Còn chúng tôi đây là giống xoài Cát Hòa Lộc được con người biết đến với hương vị ngon ngọt, thịt dày, hạt lép và ăn rất giòn.

Họ nhà xoài chúng tôi rất dễ trồng. Chúng tôi có mặt ở khắp nơi trên mọi miền đất nước, nhưng phổ biến và nổi tiếng nhất là ở miền Tây Nam Bộ. Đó là vì vùng đó đất rất tốt, lại nhiều mùn, nhiều chất dinh dưỡng, rất thích hợp cho việc trồng cây ăn quả và nhất là họ nhà xoài chúng tôi.

Xoài tuy có nhiều giống khác nhau nhưng hình dáng cây của các loại chẳng khác gì nhau mấy. Thân của các mẹ cây có lớp vỏ sần sùi và rất cứng cáp, giúp đảm bảo hoạt động trao đổi chất bên trong được diễn ra suôn sẻ, tốt đẹp. Vì thế, những quả xoài con chúng tôi được xanh tốt hơn. Cây xoài mẹ thường có nhiều cành, mỗi cành lại chia thành nhiều nhánh giúp mẹ cây vươn cao và xòe tán rộng hơn. Trong họ nhà xoài, các mẹ cây xoài Tượng có dáng cao to hơn các cây mẹ khác. Nhưng tán của mẹ cây xoài Tượng không rộng bằng tán của mẹ cây xoài Cát của chúng tôi đâu.

Ban đầu, chúng tôi chỉ là những bông hoa vàng nhỏ xíu mọc trên nhánh của mẹ cây. Mỗi nhánh thường có rất nhiều bông. Nhưng mỗi khi mưa gió, các bông hoa yếu ớt không chịu đựng được đành phải lìa cành. Cuối cùng, khi tới mùa quả, mỗi nhánh chỉ còn lại sáu, bảy quả mà thôi. Chúng tôi may mắn là một trong số đấy. Hình dáng của chúng tôi rất dễ thương với cái đầu nhọn, phần đuôi tròn tròn và ở giữa thì phình to ra. Các anh chị lá cùng cành cũng trông rất đơn giản với hình dáng thon dài.

Lúc còn non, các anh chị ấy có màu đỏ tím. Khi trưởng thành có màu xanh nhạt. Lúc về già chuyển sang màu xanh đậm. Mẹ cây mỗi năm còn thay lá từ một đến hai lần.

Ở vùng đất nhiệt đới như Việt Nam, họ nhà xoài chúng tôi vừa có giá trị dinh dưỡng, vừa có giá trị xuất khẩu. Họ nhà xoài chúng tôi không chỉ ăn được mà còn có nhiều lợi ích khác nữa đó. Thân của các cây mẹ lâu năm dùng làm gỗ để đóng bàn ghế, tủ giường,... Ở miền Tây Nam Bộ, các anh chị lá được dùng để cuốn bánh xèo ăn rất ngon. Hiện nay, do khoa học ngày càng phát triển nên con người đã tạo ra mẹ cây có thể cho những quả xoài con quanh năm.

Ở các thành phố lớn trên thế giới như Bắc Kinh, Thượng Hải,... người ta thường trồng cây xoài mẹ ở ven đường để tạo bóng mát. Đó là vì họ nhà xoài chúng tôi thân cao to và có tán lá rộng. Ở Việt Nam, tại Thành phố Hồ Chí Minh, người ta đang trồng thử nghiệm ở hai bên đường Cộng Hòa, quận Tân Bình. Nếu thành công, chúng tôi sẽ có mặt ở khắp nơi. Các bạn đi đâu cũng sẽ thấy chúng tôi đó.

Điều rất đặc biệt là chúng tôi được vinh hạnh có mặt trong mâm ngũ quả ngày Tết. Các bạn có biết mâm ngũ quả không? Con người thường gọi tên chúng tôi và các bạn trái cây khác thành “Cầu Dừa Đủ Xoài Thơm” để mong năm mới sung túc, bình an.

Chúng tôi là thế đấy, cả đời luôn cống hiến hết mình cho con người không một lời than phiền, mà ngược lại, chúng tôi thấy rất vui. Vì thế, con người không ai không biết đến chúng tôi. Các bạn ơi, đừng ai quên họ nhà xoài chúng tôi nhé!

Sưu tầm

Bài số 100

“Ai đứng như bóng dừa, tóc dài bay trong gió, có phải người còn đó, là con gái của Bến Tre...”. Câu hát ngân nga mang đậm hồn quê gợi nhớ về vùng đất Bến Tre, quê hương của đồng khởi. Nhắc đến Bến Tre, người ta liên tưởng đến một vùng quê thanh bình với cây lành trái ngọt. Đặc biệt, có một loài cây gắn bó quanh năm, gắn bó cả cuộc đời với người dân Bến Tre – cây dừa.

Đi khắp Bến Tre, nơi đâu ta cũng gặp bóng râm của những hàng dừa mát rượi. Hầu như nhà nào cũng trồng dừa. Cây dừa biểu tượng của cây trái ở Bến Tre cũng như cây chè của Bảo Lộc, Thái Nguyên, cây cà phê ở Buôn Mê Thuột hay cây cọ ở vùng quê sông Thao. Dừa là một loại cây thuộc họ cau, cao lớn và rắn chắc, cây cao nhất có thể lên đến 30m, thân thuộc dạng đơn trục, lá dừa là một loại lá đặc biệt, rất dài, được xẻ thành nhiều thùy như lông chim. Cuống và gân chính dài, kèm theo những đường biến dạng thành bẹ ôm lấy thân.

Khác với cây dừa ở các tỉnh khác được mọc ở vùng đồng bằng, dọc bờ biển hay ven những triền cát trắng, cây dừa Bến Tre mọc dài trên ba cù lao

lớn, cù lao Minh, cù lao Bảo và cù lao An Hóa. Vì vậy, cây dừa Bến Tre quanh năm được phù sa của các nhánh sông Tiền, Hàm Luông, Ba Lai, Cổ Chiên bồi đắp nên lúc nào cũng xanh tươi và đầy sức sống.

Cây dừa Bến Tre có rất nhiều chủng loại. Dừa ta hay còn gọi là dừa bị trái to, cơm dày, dừa xiêm trái nhỏ nước ngọt và thanh, dừa lửa có vỏ bên ngoài vàng cháy, dừa dâu trái thon nhỏ dần ở hai đầu như hình dáng quả dâu. Ngoài ra còn có một số loại khác như: dừa Tam Quan, dừa cỏ, dừa dứa, dừa nhiễm, dừa éo... riêng dừa sáp chỉ mọc được ở Trà Vinh và trở thành đặc sản của vùng đất này.

Dừa được con người dành tặng vô vàn những cái tên miên viễn với nhiều những ý nghĩa khác nhau. Trong tiếng Phạn, dừa có nghĩa là “cây đem lại mọi thứ cần thiết cho cuộc sống”. Còn trong tiếng Mã Lai, dừa mang ý nghĩa “cây cỗ ngàn công dụng” và được xem là “cây của sự sống” đối với người dân Philipines.

Người Mã Lai quả thật không ngoa khi tặng cho cây dừa cái tên “ngàn công dụng” vì quả thật dừa có vô vàn những công dụng hữu ích. Phần cơm dừa có thể ăn được, cơm dừa khô là nguyên liệu chính sản xuất ra dầu dừa, nước cốt dừa được tạo ra từ cơm dừa pha với sữa hoặc nước nóng, các bã dư thừa còn lại có thể mang làm thức ăn cho gia súc. Kẹo dừa- một món đồ ngọt khá phổ biến ở Việt Nam, với nguyên liệu là nước cốt dừa pha với hương vị. Ngoài ra còn có mứt dừa, kem dừa, xơ dừa. Lá dừa làm mái che, giỏ, chổi, gổ dừa, củ hủ dừa...

Nhưng phần đặc biệt nhất của cây dừa đó chính là quả cho loại nước thơm ngon và rất bổ. Nước dừa được chứa trong sọ dừa, có chứa các chất như đường, đạm, chất chống ôxi hóa, vitamin và khoáng chất. Nước dừa là loại nước giải khát cực kì tinh khiết và vô trùng tuyệt đối. Nó an toàn cho sức khỏe và thậm chí có thể làm thuốc chống bệnh tật. Một quả dừa to có thể cho khoảng 1 lít nước. Trong nước dừa có gần như toàn bộ dưỡng chất cần thiết cho cơ thể. Với nhiều vitamin B, chất khoáng, hàm lượng kali và magiê dồi dào, nước dừa tốt cho người bệnh tiêu chảy và có thể làm dịch truyền. Nước dừa còn làm đẹp da, đen mượt tóc, chứa nhiều enzym tốt cho tiêu hóa. Theo đông y, nước dừa ngọt, ấm, không độc, giúp tăng cường khí lực, giải nhiệt, cầm máu nên rất tốt khi điều trị cảm nắng, máu cam... Dừa còn rất nhiều những công dụng khác, có thể nói rằng quả chứa nước dừa là bộ phận hữu ích nhất của cây dừa chúng tôi. Có lẽ trong tất cả các loại cây trái ở Việt Nam, cây dừa là một loại cây cống hiến cho con người. Không một chi tiết nào trên thân dừa lại không có được dùng. Rễ dừa dùng để làm chất đốt, có nơi còn làm thuốc nhuộm. Lá dừa dùng để lợp nhà, gói bánh dừa, tàu dừa chạt ngăn lá dùng để trang trí nhà rạp, cổng hoa trong những tiệc cưới ở làng quê. Lá dừa khô được bó lại thành cây làm đuốc soi đường trong những vùng sâu thiếu thốn ánh đèn phố thị. Sống lá dùng để đan những giỏ hoa, giỏ đựng trái cây trông rất thanh mảnh và đẹp mắt.

Hiện nay, các mặt hàng làm từ cây dừa không chỉ phát triển trong nước mà còn được mở rộng ra các nước khác trên thế giới. Kẹo dừa Bến Tre được xuất khẩu nhiều nhất sang Trung Quốc.

Đi về Bến Tre, chỉ cần qua khỏi phà Rạch Miễu ta sẽ được đi giữa bạt ngàn màu xanh của dừa. Những buổi trưa oi bức, chỉ cần mặc vông nằm hóng mát dưới gốc dừa, bên cạnh bờ ao, hoặc đưa mắt nhìn bầu trời xanh đục đưa qua kẽ lá, nghe tiếng cá nhảy, đớp mồi dưới ao chúng ta bỗng thấy cuộc đời đẹp biết bao. Cuộc sống của người dân Bến Tre gắn liền với cây dừa từ bao đời nay. Ngôi nhà của họ cũng ẩn hiện dưới bóng râm mát rượi của hàng dừa, lúc khát nước uống trái dừa ngọt lịm... Không biết đã có bao nhà thơ đã viết nên những vần thơ đẹp về cây dừa ở Bến Tre. Trong đó bài thơ của nhà thơ Kiên Giang:

*Khi yêu yêu lắm dừa ơi
Cả trời cả đất cả người Bến Tre
Bóng dừa râm mát lối quê*

Người ơi! Tôi tưởng lối về cung tiên...

Hơn thế, cây dừa đã trở thành loài cây thân quen của làng quê Việt Nam, gắn bó với đời sống con người thủy chung, son sắt, trước sau nghĩa tình như lời bài ca dao:

*Dừa xanh đứng sừng sững giữa trời
Dem thân mình hiến cho đời thủy chung.*

Có thể nói, cây dừa có tầm quan trọng đặc biệt đối với người Việt Nam. Trong tương lai, cuộc sống ngày một hiện đại hơn nhưng những giá trị tinh thần vẫn không bao giờ thay đổi. Cũng như vậy, cây dừa sẽ mãi gắn bó với người dân Bến Tre như những hạt phù sa mãi mãi gắn liền với con sông để ngày càng bồi đắp cho mảnh đất quê hương thêm màu mỡ. Cảm ơn nhà thơ Lê Anh Xuân đã nói hộ cho ta tình cảm đối với cây dừa:

*Dừa vẫn đứng hiên ngang cao vút
Lá vẫn xanh rất mực dịu dàng
Rễ dừa bám sâu vào lòng đất
Như dân làng bám chặt quê hương.*

(Dừa ơi – Lê Anh Xuân)

Đề bài: Thuyết minh về loài hoa em yêu thích

Bài số 101

Cứ mỗi độ xuân về, khắp đất trời phương Nam trở nên thật rực rỡ với muôn ngàn sắc hoa. Hoa nào cũng đẹp, nhưng mỗi loài hoa có một sắc thái riêng, dáng vẻ riêng, gợi lên những cảm xúc thẩm mỹ khác nhau. Thế nhưng, loài hoa đặc trưng cho mùa xuân miền Nam chỉ có một. Đó chính là hoa mai.

Cây mai vốn là một loại cây rừng. Ngày xưa, khi đi khai khẩn đất phương nam, ông cha ta tìm thấy một loại hoa rừng cũng có năm cánh, cũng nở vào

dịp Tết như hoa đào nên đem về nhà chưng để tưởng nhớ về cái Tết nơi quê nhà. Từ đó, chưng hoa mai đã trở thành phong tục ngày Tết của mỗi gia đình miền Nam.

Cây mai có rất nhiều loại. Mai vàng là loài thường thấy nhất. Mai vàng thuộc họ hoàng mai. Cành mai có phần uyển chuyển, mềm mại hơn cành đào. Loài cây này thường rụng lá vào mùa đông, đến mùa xuân thì bắt đầu nở hoa. Hoa mai cũng có loại cánh đơn, cánh kép như hoa đào. Khi sắp nở, nụ mai mới phô màu vàng tươi thắm. Hoa mai mang một vẻ đẹp nồng, ấm của khí hậu miền Nam. Cánh mai tỏa hương thơm thoang thoảng, kín đáo. Hoa mai mọc thành chùm và có cuống dài treo lơ lửng bên cành. Sau khi nở hoa, cây lại còn cho quả màu đỏ nhạt, bóng như ngọc.

Ngoài ra, còn có nhiều loại mai được các gia đình Việt Nam rất ưa chuộng, dùng làm cây cảnh trong vườn. Đầu tiên phải kể đến là loài mai tứ quý có thể ra hoa cả bốn mùa. Điều đặc biệt là hoa mai tứ quý nở lần đầu có năm cánh màu vàng nhưng sau đó, các cánh hoa rơi rụng dần rồi năm đài hoa đổi thành màu đỏ, trông như một bông hoa mai màu đỏ, rất đẹp. Đó là lí do vì sao mai tứ quý còn có tên gọi là nhị độ mai, nghĩa là hoa mai nở hai lần, trước vàng sau đỏ. Còn có loài mai chiếu thủy thân hình bé nhỏ, cho những chùm hoa màu trắng bé xinh xinh, tỏa hương thơm dịu dàng. Chúng thường được người ta trồng trên các hòn non bộ.

Hoa mai là một trong bốn loài cây được xếp vào hàng tứ quý, gồm tùng, cúc, trúc, mai. Người Việt xưa cho rằng tùng, cúc, trúc, mai có những tính chất đặc biệt nổi bật, tượng trưng cho những phẩm chất tốt đẹp của con người. Tùng vững chãi, chịu đựng được sự khắc nghiệt của khí hậu. Trúc thanh mảnh, nhưng dẻo dai, bền chắc. Hoa cúc đẹp bình dị, hương thơm nhẹ nhàng, thanh tao. Cúc tượng trưng cho nếp sống khiêm tốn, điềm đạm. Mai tươi đẹp rực rỡ, hương hoa tinh khiết, mai tượng trưng cho phẩm tiết cao quý, khí phách của người quân tử, là niềm cảm hứng trong thơ ca. Hơn nữa, hoa mai còn được cho là mang đến sự may mắn nếu cây mai bắt đầu nở hoa vào đúng thời khắc giao thừa. Vào dịp Tết, trong mỗi nhà người dân Nam Bộ, cây mai hay cành mai luôn được đặt ở vị trí trang trọng nhất. Nếu thiếu sắc mai vàng thì có lẽ cái Tết miền Nam sẽ không thể trọn vẹn.

Người ta có thể trồng mai trong bồn, trong chậu hay ngoài vườn đều được. Cây mai rất ưa ánh sáng và đất ẩm. Thế nên, mỗi khi gần đến dịp Tết, chỉ cần khí hậu ấm áp, ẩm ướt là hoa mai nở rộ. Nhưng chưa đến giao thừa mà hoa mai đã nở sớm thì trong ba ngày Tết hoa mai rụng sẽ bị cho là điềm xui và cây mai sẽ trông không đẹp nữa. Vì thế, các nghệ nhân trồng mai trong dịp cận Tết luôn bận rộn chăm sóc cho vườn mai của mình, dùng mọi cách để giữ sao cho hoa mai nở rộ vào đúng ba ngày Tết, mang đến may mắn cho mọi nhà. Ngoài ra, các nghệ nhân còn dùng kĩ thuật ghép để tạo ra những cây mai cho hoa rất nhiều cánh. Thậm chí còn có nhiều hoa mai màu

khác nhau nở trên cùng một cây. Quả thật, bàn tay kì diệu của con người đã góp phần giúp họ nhà mai thêm đa dạng, phong phú và hấp dẫn.

Mai vàng không những đẹp mà còn tượng trưng cho nếp sống văn hóa lâu đời của nhân dân ta. Hoa mai đối với miền Nam cũng như hoa đào đối với miền Bắc, đều là những loài hoa gắn liền với truyền thống dân tộc. Có lẽ vì thế, dù đi đến bất cứ phương trời nào, chỉ cần nhìn thấy sắc mai vàng là những người con miền Nam chợt cảm thấy ấm lòng như đang ở chính quê hương của mình.

Đề bài: Thuyết minh về cây lúa nước Việt Nam

Bài số 102

Việt Nam đất nước ta ơi

Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn

Hình ảnh những biển lúa mênh mông từ lâu đã trở nên quen thuộc với mỗi người dân Việt. Trong các loại cây lương thực, cây lúa là cây quan trọng nhất. Cây lúa là biểu tượng đặc trưng trong văn hoá truyền thống của dân tộc ta. Từ ngàn đời nay cây lúa đã gắn bó với con người, làng quê Việt Nam.

Cây lúa xuất hiện từ rất sớm, không biết từ bao giờ nhưng từ thời vua Hùng đã thấy có lúa gạo để làm bánh chưng, bánh giày tế lễ tổ tiên, trời đất. Lúa là cây một lá mầm, thuộc loài thân thảo. Thân cây tròn chia thành từng lóng và mắt. Lóng thường rỗng ruột chỉ có phần mắt là đặc. Lá lúa dài và mỏng, bao quanh thân, mặt lá nhám, gân lá chạy song song, phiến lá dài và mỏng. Rễ của cây lúa không dài lắm, thường mọc thành từng chùm bám chặt vào nhau để giữ cho thân lúa thẳng đồng thời hút dưỡng chất nuôi thân cây.

Cây lúa mọc lên nhờ bàn tay chăm chút của những người nông dân. Từ lúc gieo mạ đến lúc thu hoạch đều cần đến bàn tay ấy. Những vụ lúa được mùa làm cho người nông dân vui sướng và tự hào. Để làm ra được hạt gạo trắng ngần, chắc hẳn là rất khó khăn, cần rất nhiều công sức và mồ hôi của người dân, vì vậy mà từ xa xưa, nhân dân ta đã có câu:

Mồ hôi mà đổ xuống đồng

Lúa mọc trùng trùng sáng cả đồng nương.

Cây lúa được trồng ở rất nhiều nơi trong nước và trên thế giới. Tùy điều kiện thời tiết mà họ có thể trồng hai đến ba vụ lúa một năm. Có hai vụ chính là vụ chiêm và vụ mùa. Công dụng chính của cây lúa là cho hạt lúa, là lương thực chính của người dân. Có nhiều loại gạo: nếp, tẻ. Gạo nếp nòn dùng để làm cốm, gạo tẻ dùng nấu cơm, để làm bánh chưng, bánh giày...

Cây lúa không chỉ mang lại sự no đủ mà còn trở thành một nét đẹp trong đời sống văn hoá và tinh thần. Hạt lúa và người nông dân cần cù, mộc mạc là mảng màu không thể thiếu trong bức tranh của đồng quê Việt Nam hiện nay và mãi mãi về sau. Cây lúa là cây lương thực chính của

người dân Việt Nam nói riêng và của châu Á nói chung. Cây lúa đã trở nên thân thuộc, gắn gũi đến mức từ bao đời nay, người dân Việt Nam coi đó là một phần không thể thiếu trong đời sống. Từ những bữa cơm đơn giản đến các bữa tiệc quan trọng không thể thiếu sự góp mặt của lúa gạo, chỉ có điều, nó được chế biến từ dạng này sang dạng khác. Không chỉ giữ vai trò to lớn trong đời sống kinh tế, xã hội mà nó còn có giá trị lịch sử. Lịch sử phát triển của cây lúa gắn với lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, in dấu ấn từng thời kì thăng trầm của đất nước. Việt Nam từ một nước đói nghèo trở thành một nước đứng thứ hai trên thế giới về xuất khẩu gạo. Với bản sắc văn hóa nông nghiệp, cây lúa và hạt gạo còn là một biểu tượng của cuộc sống người dân Việt. Ca dao, khẩu ngữ chúng ta có câu “Người sống về gạo, cá bạo về nước”, hay “Em xinh là xinh như cây lúa”, v.v... Qua hàng nghìn năm lịch sử, lúa đã là cây lương thực chủ yếu nuôi sống các thế hệ người Việt cho đến nay. Trong đời sống tinh thần của con người, cây lúa cũng gắn bó thân thiết vô cùng. Cây lúa đã đi vào thơ ca nhạc họa và đời sống tâm hồn của người Việt Nam.

Bước sang thế kỉ XXI, Việt Nam dần đi vào xu thế công nghiệp hóa hiện đại hóa nhưng hình ảnh cây lúa và giá trị tiềm năng của nó vẫn đóng một vai trò quan trọng trong quá trình phát triển đất nước. Cây lúa vô cùng quan trọng đối với đời sống con người Việt Nam. Không chỉ mang lại đời sống no đủ mà nó còn trở thành một nét đẹp trong đời sống văn hoá tinh thần người Việt, gắn liền với nền văn minh dân tộc – nền văn minh lúa nước.

www.sachgiai.com

Vũ Trà My

Đề bài: Giới thiệu với bạn bè quốc tế về hình ảnh cây tre trong đời sống con người Việt Nam.

Bài số 103

*Tre xanh, xanh tự bao giờ
Chuyện ngày xưa đã có bờ tre xanh.*

Từ bao đời nay, cây tre gắn bó với người dân Việt Nam trở thành một biểu tượng truyền thống của văn hóa Việt Nam chúng tôi. Hôm nay, tôi mời các bạn bè quốc tế đến với đất nước Việt Nam để hiểu thêm về hình ảnh cây tre trong đời sống con người Việt Nam chúng tôi....

Đã từ rất lâu rồi, mà không biết từ bao giờ nữa, cây tre đã hiện diện trong đời sống của người Việt Nam. Có lẽ chỉ có những nhà nghiên cứu khoa học chuyên sâu mới có được một câu trả lời chính xác mà thôi! Còn trong trí nhớ người Việt Nam chúng tôi, chỉ biết được rằng khi chúng tôi sinh ra thì đã có “bờ tre xanh” đứng sừng sững hiên ngang giữa những xóm làng quê thôn Việt Nam. Có khi chúng tôi tưởng rằng cây tre chỉ được sinh ra trước chúng tôi thôi, nhưng không phải, “cây tre đã có từ ngàn xưa”.

Các bạn có biết không? Cây tre thuộc họ Lúa, họ hàng của tre có nhiều loài như: anh trúc, anh mây, chị vầu, chị sậy, chị nứa, cả cậu tầm vông nữa! Người ta vẫn thường nói “Gầy như tre”. Vâng, đúng như vậy, cây tre cao gầy, đứng hiên ngang sừng sững tượng trưng cho lòng dũng cảm cương trực của người Việt Nam. Thân của cây tre trưởng thành có thể cao từ 10-15 m, chia làm 25-30 đốt, mỗi đốt tre là một hình trụ tròn, gần như rỗng ruột. Tre có màu xanh là chủ yếu, chỉ có rặng tre ngà là có màu vàng óng ả đặc trưng. Lá tre có hình dạng như chiếc thuyền nan thu nhỏ. Tre là loài cây có rễ chùm đâm sâu vào lòng đất. Tre khi sống lâu sẽ mọc ra những chồi non xanh nõn nhỏ gọi là măng tre. Nhìn xa xa, cây tre như một chú bộ que xanh lá vươn tấc thân gầy guộc khẳng khiu lên bầu trời xanh thẳm bao la đầy gió.

Tre có một sức sống mãnh liệt, có một thân thể khỏe mạnh. Tre có thể sống trên những vùng đất khô cằn nhất. “Giữa một khu đất hoang vắng, cằn cỗi, có một thân tre xanh mơn vươn lên thẳng đứng”. Vùng đất cằn cỗi tượng trưng cho những khó khăn thử thách trên dòng đời vạn bước, cây tre có sức sống mãnh liệt tượng trưng cho một linh hồn đầy niềm tin, lòng kiên trì vượt qua muôn trùng thử thách. Đó là dân tộc Việt mang trong mình dòng máu Lạc Hồng chúng tôi.

Từ lâu tre đã cùng người dân xông pha chiến đấu. Như nhà văn Thép Mới từng nói:

*Thân gầy guộc lá mong manh
Mà sao nên lũy nên thành tre ơi?*

Thế vậy mà cây tre đã cùng người dân Việt Nam xông pha chiến đấu, tre đã dựng nên những thành lũy chắc chắn, tre tạo nên những hố chông găm đầy xác giặc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ lấy lưng, và đi sâu vào trong bao trang sử hào hùng của dân tộc. Chẳng những vậy, tre còn tạo nên những tác phẩm nghệ thuật, những sản phẩm mỹ nghệ mang đậm hơi thở truyền thống văn hóa Việt Nam. Tre là vật liệu tạo nên chiếc chõng tre, ghế tre, những vật dụng trang trí bằng tre đặc sắc, mang nhiều nét khác biệt so với nhiều sản phẩm làm từ các chất liệu khác.

Các bạn có biết món ăn nào làm từ cây tre hay không? Còn tôi vẫn nhớ như in hương vị mằn mặn của thịt, mùi chát chát của măng tre non, tất cả hòa quyện tạo nên hương vị một món ăn đặc sắc đặc trưng của ẩm thực Việt Nam từ tre. Nếu có dịp, tôi sẽ mời các bạn đến đây để thưởng thức các món ăn khác được chế biến khá công phu từ vật liệu chính là măng tre non như: canh măng, măng xào, giò heo nấu canh măng.

*Sáng ra bờ suối tối vào hang
Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng*

Đặc biệt, món “cháo bẹ rau măng” là món ăn yêu thích của vị lãnh tụ vĩ đại của đất nước chúng tôi: Chủ tịch Hồ Chí Minh trong những ngày sống cùng thiên nhiên ở hang Pác Bó bên cạnh dòng suối Lê-nin ở Cao Bằng.

Khắp đất nước Việt Nam, trên những đồng bằng châu thổ màu mỡ, những vùng đất cần cỗi, khắp các làng quê đều có sự hiện diện của cây tre. Từ bao đời nay, cây tre đã trở thành một biểu tượng sống hùng hồn cho những nét văn hóa đặc trưng của Việt Nam. Cây tre là nhân vật, là nguồn cảm hứng cho hàng loạt các bài thơ, truyện dân gian ra đời như *Tre Việt Nam*, *Nàng Út óng tre*, *Cây tre trăm đốt*... Tuổi thơ không bao giờ có thể quên được những trò chơi dân gian như thả diều, nhảy sạp, banh đũa. Cây tre là một vật liệu làm nên con diều. Chỉ cần lóc nhỏ thân tre, sạp lại dán giấy vào là một con diều đã hoàn thành.

Cây tre ngày nay tuy không còn nhiều ở các vùng đô thành phồn hoa, nhưng cây tre vẫn đánh dấu sự hiện diện của mình ở làng quê, thôn xóm. Khi nào có dịp, các bạn hãy đến với đất nước Việt Nam chúng tôi, các bạn sẽ thấy được hình ảnh giản dị, mộc mạc của cây tre... cùng với mái đình, bến nước, cây tre đã tạo nên cho Việt Nam một cái nhìn khác trong mắt bạn bè quốc tế về Việt Nam. Và ngày nay cây tre vẫn là một phần không thể thiếu trong đời sống của người Việt Nam.

Cây tre là một biểu tượng đặc trưng, biểu trưng hùng hồn của lòng dũng cảm hiên ngang trong công cuộc chiến đấu giữ gìn đất nước của người Việt Nam. Cây tre là tài sản vô giá, là nguồn cảm hứng bất tận cho những tác phẩm bất diệt, tồn tại mãi trong lòng nhân dân Việt Nam. Vì vậy, khi nào có dịp, tôi sẽ đưa các bạn về làng quê Việt Nam, để có thể trải nghiệm cuộc sống dân dã bình dị cùng rừng tre xanh bên bờ sông đồng ruộng. Các bạn hãy nhớ rằng cây tre là tài sản vô giá của người Việt, cần ra sức giữ gìn và phát huy.

Sưu tầm

Đề bài: Thuyết minh về nghệ thuật sân khấu tuồng

Bài số 104

Tuồng là loại hình nghệ thuật sân khấu cổ truyền đặc sắc của Việt Nam được hình thành trên cơ sở ca vũ nhạc và các trò diễn xướng dân gian vốn có từ lâu đời và rất phong phú của dân tộc Việt Nam. Theo một số tư liệu thì tuồng ảnh hưởng của hí khúc (Trung Quốc) do quân lính nhà Nguyên bị giữ làm tù binh dưới thời nhà Trần (thế kỉ XIII) biểu diễn. Nhưng tuồng Việt Nam có nét riêng của nó. Lúc đầu, tuồng chỉ xuất hiện ở miền Bắc, sau đó theo binh lính chúa Nguyễn vào Đàng Trong và phát triển cực thịnh ở đó. Tuồng phát triển mạnh vào thế kỉ XVII – XVIII. Sang triều Nguyễn (thế kỉ XIX), tuồng vẫn giữ vị trí xứng đáng trong đời sống văn hoá ở cung đình và trong dân dã.

Nghệ thuật tuồng được phân loại thành tuồng thầy (mẫu mực), tuồng ngự (cho vua xem), tuồng cung đình (diễn trong hoàng cung), tuồng pho (nhiều hồi diễn nhiều đêm), tuồng đồ (phóng tác, không có trong sử

sách), tuồng tân thời (chuyển thể từ các tiểu thuyết). Nhưng tựu chung có thể chia làm hai loại tuồng kinh điển và tuồng dân gian. Ngày nay có ba lưu phái tuồng: Bắc Bộ, Nam Bộ và Trung Bộ. Tuồng Trung Bộ phong phú và mang màu sắc dân tộc hơn cả. Bình Định là cái nôi của tuồng, trở thành đất tuồng với các tên tiêu biểu sau này: Đào Tấn, Nguyễn Hiền Đình...

Khác với các loại hình sân khấu khác như chèo, cải lương..., tuồng có nội dung mang theo âm hưởng hùng tráng với những tấm gương tận trung báo quốc, xả thân vì đại nghĩa, những bài học về lễ ứng xử của con người giữa cái chung và cái riêng, giữa gia đình và Tổ quốc, chất bi hùng là một đặc trưng thẩm mỹ của tuồng. Lực lượng chính nghĩa, trong những tình huống gian khổ, hiểm nguy, đã chiến đấu vô cùng dũng cảm với một tín niệm sắt đá, thủy chung, với một khát vọng rất lớn. Họ chiến đấu cho một lí tưởng tuyệt đối (phục nghiệp cho dòng vua cũ) và bằng một lòng trung thành vô hạn độ. Cuộc chiến đấu của họ đã diễn ra đầy khí thế hào hùng, gây xúc cảm thẩm mỹ mạnh mẽ. Có thể nói, tuồng là sân khấu của những người anh hùng. Chúng ta thấy nổi lên trong loại tuồng này là những nhân vật đầy nghĩa khí, thủy chung, chịu đựng và vượt qua mọi gian khổ hiểm nguy, hi sinh tất cả, suốt đời chiến đấu cho một lí tưởng lớn. Đạo đức được ca ngợi ở đây là tinh thần chiến đấu không khoan nhượng với kẻ thù, là tinh thần bền bỉ theo đuổi niềm tin chính nghĩa, tinh thần vị tha cao cả. Nội dung đạo đức ấy tất nhiên sẽ có sức sống dài lâu trong nhân dân vì nó chứa đựng tính nhân dân.

Hát tuồng là nghệ thuật mang nặng tính ước lệ. Các diễn viên hát bội phân biệt từ mặt mũi, râu tóc, áo quần để rõ kẻ trung nịnh, người sang hèn, ai thô lậu, thanh tú, ai minh chánh, gian tà. Sắc đỏ được dùng dặm mặt để biểu hiện vai trung thần; màu xám là nịnh thần; màu đen là kẻ chân thật; màu lục là hồn ma. Về y trang thì võ tướng khi ra trận mặc võ giáp có cấm cờ lệnh sau lưng. Vua mặc áo thêu rồng; hậu phi mặc áo thêu phượng. Đào mặc áo lụa trắng đóng vai tiểu thư đài các còn lụa đỏ dành cho cô dâu, v.v... Ngôn ngữ ca ngâm của tuồng thường dùng giọng thật to, thật cao và rõ. Điều hát quan trọng nhất trong hát bội là "nói lối", tức là nói một lúc rồi hát, thường để mở đầu cho các khúc hát khác. "Nói lối" có hai giọng chính là "Xuân" và "Ai". "Xuân" là giọng hát vui tươi, còn "Ai" là bi thương, ảo não. Nói lối giọng Ai còn được gọi là "lối rịn". Ngoài ra còn có những "lối hàng", "lối hường", "lối giậm". Hát thì có những điệu "Nam", "Khách", "thán", "oán", và "ngâm".

Hiện nay, nghệ thuật tuồng truyền thống của Việt Nam đang gặp nhiều khó khăn trong việc phục hồi và phát triển, nhưng Chính phủ và các ngành hữu quan ở Việt Nam đang có những nỗ lực nhằm bảo tồn và phát huy bộ môn nghệ thuật truyền thống này trên tinh thần giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn những cái hay cái đẹp do cha ông để lại.

Nghệ thuật tuồng - một loại hình sân khấu độc đáo của Việt Nam ẩn chứa những giá trị văn hoá, tinh thần của dân tộc, những giá trị nghệ thuật mang tính chất bền vững, đã, đang và sẽ còn là những người bạn tri âm, tri kỉ của các tầng lớp nhân dân Việt Nam.

II. VĂN TỰ SỰ

Đề bài: *Kể về một người thầy mà em nhớ nhất*

Bài số 105

Thầy! Một tiếng giản dị sao mà thân thương đến thế. Mỗi chúng ta được đến trường, được dìu dắt dưới bao đôi tay của người thầy, người cô. Tôi cũng vậy. Trải qua 9 năm học dưới mái trường, có lẽ người để lại ấn tượng khó phai nhất trong tôi là thầy giáo Tường – thầy dạy Toán của tôi.

Ngày ấy khi bước vào trường mới, với bao bỡ ngỡ, rụt rè, chính thầy đã quan tâm chỉ bảo cho tôi biết nhiều điều về trường lớp, bạn bè... Tôi được thầy dạy thêm môn Toán. Lớp học rất đông nhưng dường như tôi vẫn cảm nhận được qua ánh mắt trìu mến của thầy một sự quan tâm đặc biệt dành cho tôi. Có thể vì tôi không phải một học sinh khá môn Toán nên thầy luôn cố gắng giảng bài thật kĩ để tôi dần dần tiến bộ và đạt được kết quả tốt nhất. Thầy xem cả cách tôi trình bày lời giải một bài toán, quan tâm thường xuyên về tình hình học tập của tôi. Thầy yêu thương tôi hết mực vậy mà chính tôi đã khiến thầy buồn lòng. Vào giờ học hôm ấy, tôi làm việc riêng trong giờ không chú ý vào bài thầy giảng. Thầy đã cau và có đôi chút nặng lời với tôi. Thầy không phạt tôi bởi tôi biết thầy luôn thông cảm với hoàn cảnh của tôi phải sống xa gia đình. Nhưng tôi vẫn cảm thấy buồn và có chút giận thầy...

Thầy vượt lên trên mọi khó khăn thử thách của cuộc sống và có lẽ trở ngại lớn nhất với thầy là điều kiện sức khỏe. Điều đó tưởng chừng như không cho phép thầy cầm phấn tiếp tục đứng trên bục giảng được nữa. Nhưng nhờ có bản lĩnh kiên cường và niềm say mê với công việc, thầy đã vượt qua tất cả để đem đến cho tôi cũng như nhiều thế hệ học trò của mình biết bao bài học quý giá. Thầy luôn tâm huyết với nghề. Dù là một thầy giáo giỏi thành công trong lĩnh vực Toán học, trở thành hiệu phó của một trường cấp hai có tiếng nhưng thầy vẫn không ngừng nghiên cứu, tìm tòi để tìm ra cách dạy dễ hiểu và đạt hiệu quả cao nhất cho các học trò của mình. Thầy tận tình chỉ bảo cho từng bạn, từ học kém đến học khá hơn. Tôi nhận ra ánh mắt đầy niềm vui của thầy mỗi khi có nhiều bạn làm được bài tập khó, đạt được kết quả cao trong những kì thi. Lớp học của thầy dù kiến thức có nặng, bài tập khó đôi khi đầy căng thẳng nhưng luôn tràn ngập tiếng cười. Thầy liên hệ những lí thuyết toán học rắc rối bằng những mẩu chuyện vui dí dỏm. Thầy kể cho chúng tôi nghe về những tấm gương ham học thành tài. Thầy còn kể về

những bài học cuộc sống thật sâu sắc. Thầy không chỉ giúp chúng tôi mở mang tri thức mà còn dạy chúng tôi học cách trở thành người tốt. Thầy bảo “Phải biết thương bố, thương mẹ đã bỏ bao công sức, lo lắng, hi vọng để các em được đi học, nâng cao kiến thức hiểu biết vì vậy mà không bao giờ được phụ công bố mẹ”. Rồi đôi lúc thầy cười hiền, dặn chúng tôi phải ngoan ngoãn, cố gắng. Thầy là người sống rất tình cảm. Thầy đối xử tốt với bạn bè đồng nghiệp, với gia đình và mọi người xung quanh. Thầy yêu thương tất cả các học trò của thầy. Dù có những anh chị đã học đại học, đã lập gia đình, thầy vẫn luôn quan tâm thăm hỏi. Vì vậy dù có trưởng thành, đi xa hơn nhưng học sinh nào cũng luôn nhớ về thầy.

Thế rồi một hôm, như mọi ngày tôi đến lớp. Hôm nay, không khí lớp như trầm hẳn xuống. Tôi gặng hỏi mãi mấy bạn thì được biết đây là buổi học cuối cùng của chúng tôi trước khi thầy chuyển đi. Cái tin ấy làm tôi như sững cả người. Tôi có cảm giác như xung quanh tôi mọi thứ ngừng lại. Bất ngờ quá! Thầy sẽ chuyển đến một ngôi trường mới ở xa lắm và chúng tôi sẽ rất ít cơ hội được gặp lại thầy. Tôi im lặng kìm nén cảm xúc nhưng nỗi nhớ thương, tiếc nuối chợt vỡ oà thành tiếng khóc. Tôi xuống chỗ ngồi lặng nhìn lớp học. Tôi như thấy hình ảnh thầy ngày nào với nụ cười rạng rỡ đang đứng cạnh bảng. Tôi muốn trách thầy sao đi vội vã? Tôi muốn trách thầy sao buổi học ấy không về dạy mà lại đi công việc không nói lời tạm biệt với chúng tôi. Nhưng làm sao tôi trách thầy được đây - người thầy hiền dịu luôn quan tâm dạy dỗ tôi như một người cha. Vì một số lí do của gia đình mà thầy phải chuyển công tác. Vậy là thầy phải đi thật rồi! Từ đây chúng tôi sẽ không được nghe những bài giảng thú vị của thầy nữa, không được nghe những câu chuyện thầy kể thật thấm thía biết bao. Thầy là người thầy giáo mà tôi luôn yêu quý và kính trọng nhất. Hình ảnh người thầy thân thương ấy sẽ mãi không phai mờ.

Thầy giống như những đóa hoa tường vi giản dị, không quá nổi bật ồn ào mà chỉ lặng lẽ miệt mài đem tâm huyết của mình đến với những thế hệ tương lai. Và tôi tin rằng ở một môi trường mới thầy sẽ tiếp tục thành công trong mọi lĩnh vực của cuộc sống. Tôi cũng như các bạn trong lớp tự hứa với thầy sẽ cố gắng học tập thật tốt để không phụ công ơn thầy và để những đóa hoa tường vi kia luôn tươi nở rực rỡ dưới nắng!

Trần Hồng Ngọc Diệp

Đề bài: Kể về một câu chuyện nhỏ của tôi.

Bài số 106

Hồi nhỏ, tôi sống với bố, mẹ, với ông bà nội. Đó quả là một cuộc sống thật hạnh phúc. Nhưng niềm hạnh phúc ấy thật ngắn ngủi, khi tôi chưa thể cảm nhận hết điều hạnh phúc thì bất hạnh đã ập đến, người cha thân yêu của tôi đã rời xa tôi mãi mãi.

Lúc ấy, tôi mới sáu tuổi và đang học lớp một. Tôi đã quen với sự hiện diện của bố trong căn nhà nhỏ, sự yêu thương, chăm sóc của bố. Quen cả những mẫu giấy nhắn bố để lại mỗi sáng trước khi đi làm, rồi những gói quà bố mang về sau mỗi lần đi công tác. Chính vì thế, việc bố qua đời là cú sốc lớn đối với tôi.

Sau khoảng thời gian ấy, mọi người nhận thấy tôi đã thay đổi, chẳng còn như trước kia: hoạt bát, nhanh nhẹn, lém lỉnh và hoà đồng. Tôi không còn hứng thú với những bài học cô giáo giảng trên lớp, giờ ra chơi trong khi các bạn đang vui đùa rôm rả thì tôi lại ngồi một mình. Lúc đó, tôi đã nghĩ rằng mọi người sẽ xa lánh và ghét bỏ tôi. Cho đến một hôm...

Vào giờ ra chơi, tôi đang ngồi nhìn ra cửa sổ và suy nghĩ mông lung. Cô Oanh – cô giáo chủ nhiệm lớp tôi, đi lại gần, ngồi bên cạnh, bàn tay cô nhẹ nhàng vuốt lên mái tóc tôi. Cô khẽ nói:

- Lan à, em đang rất buồn phải không?

Nghe cô hỏi tự dưng hai mắt tôi rưng rưng, nước mắt chực trào ra, cổ họng nghẹn ứ lại, không nói nên lời. Tôi cố quay đi để giấu cảm xúc nhưng điều đó là không thể. Cô giáo thấy vậy nên nói tiếp:

- Cô hiểu những gì em đã trải qua. Đó là một mất mát lớn. Nhưng đừng buồn nữa! Nếu như em yêu bố sao em không sống tốt và học tập tốt. Nếu bố biết em học tập tốt, vui vẻ, hạnh phúc thì lúc đó bố mới yên lòng đúng không?

Sau lời nói của cô, tôi quay lại, hai mắt mở to nhìn cô, tôi hỏi:

- Có thật không cô?

Cô mỉm cười, nói tiếp:

- Thật chứ! Em biết không, cô cũng giống như em, mất bố từ nhỏ và cô cũng đã rất buồn nhưng vì người bố đã mất, vì mẹ, vì đứa em trai còn nhỏ, cô đã cố gắng cho đến tận bây giờ.

Cô nhìn tôi triu mến, dừng lại một lúc rồi cô nói tiếp:

- Em có nhìn thấy những người bạn của em ở ngoài kia không? Họ sẽ luôn ở bên cạnh em, chia sẻ vui buồn cùng em, giúp đỡ em khi em cần. Thế nên, hãy hứa với cô em sẽ không buồn nữa nhé!

Tôi đáp lại:

- Vâng ạ!

Một lần nữa cô lại cười và nụ cười lần này thì rạng rỡ hơn. Đúng lúc đó trống báo vào lớp, tôi vội vàng như bao đứa bạn khác lấy sách vở ra để học tiết tiếp theo. Suốt buổi học hôm đó, tôi cảm thấy tiết học nào cũng thú vị và bổ ích. Rồi cũng kể từ đó tôi như tìm lại được chính mình, mọi người xung quanh luôn dang rộng vòng tay, sẵn sàng giúp đỡ mỗi khi tôi cần. Họ còn yêu thương tôi hơn trước kia: gia đình, bạn bè và cô giáo Oanh.

Cô Oanh như người mẹ thứ hai của tôi luôn ân cần dạy bảo, quan tâm tôi. Không những thế tôi còn coi cô là một người bạn để sẻ chia, trò chuyện.

Tôi đã khóc rất nhiều trong buổi chia tay lớp Năm nhưng những giọt nước mắt của tôi đâu thể níu giữ thời gian và những khoảnh khắc đáng quý tôi được ở bên cô. Cô vẫn luôn hiện lên trong tâm trí tôi là một cô giáo xinh đẹp, tốt bụng và đặc biệt tâm lý.

Tôi ao ước được quay trở lại quãng thời gian ngọt ngào ấy để được có cô và những người bạn cũ. Tôi muốn nói với cô tôi yêu cô rất nhiều.

Lê Thị Thu Thủy

Đề bài: Kể về một giấc mơ của em

Bài số 107

Một năm mới lại về rồi. Tôi ngược mắt nhìn lên bầu trời đêm và nghĩ về người mẹ kính yêu. Đã ba năm kể từ ngày mẹ đi nước ngoài rồi. Nhớ lại ngày mẹ còn ở đây, mẹ đều đưa tôi đi chợ hoa và mua sắm vào những ngày năm mới gần kề thế này. Tôi ngồi suy nghĩ mông lung rồi chìm vào giấc ngủ. “Thủy ơi!” tôi nghe thấy có tiếng gọi từ đằng xa. Tôi quay lại thì thấy mình đang đứng giữa khu công viên mà ngày tôi còn bé mẹ thường dắt tôi đến đây chơi. Từ xa bước lại phía tôi là một bóng người mà tôi cảm thấy vừa thân quen, vừa lạ lẫm. “Phải chăng là mẹ?”

– Tôi chạy lại gần để nhìn cho rõ. “Ồ! Đúng là mẹ rồi.”. Lòng tôi vô cùng sung sướng và hạnh phúc. Không kìm nổi xúc động, tôi gọi thật to: “Mẹ, mẹ ơi!” rồi tôi chạy đến ôm chầm lấy mẹ. Mẹ cũng dang rộng vòng tay của mình đón tôi. Mẹ nghẹn ngào nói: “Thủy! Con của mẹ!”

Tôi òa khóc trong giây phút được gặp lại người mẹ kính yêu đã xa cách bao ngày. Đến giờ tôi mới có dịp nhìn kĩ mẹ hơn. Mái tóc của mẹ đã điểm vài sợi bạc. Những nếp nhăn của ngày tháng vất vả và khó khăn bên xứ người hằn lên trên khóe mắt của mẹ. Chỉ có một điều ở mẹ mà tôi thấy không hề thay đổi, đó chính là nụ cười. Nụ cười của mẹ vẫn hiền dịu và đem lại cho tôi cảm giác bình yên và hạnh phúc. Đang mãi ngắm nhìn người mẹ hiền dịu đã xa cách bao ngày thì giọng mẹ vang lên khiến tôi hơi giật mình:

– “Mẹ con mình ra ghế đá kia tâm sự đi. Lâu lắm rồi mẹ con mình không được nói chuyện với nhau.”. Tôi gật đầu: “Vâng ạ!”

Tôi và mẹ ra hàng ghế đá thân thuộc ngày nào. Mẹ vuốt nhẹ lên mái tóc tôi và hỏi:

“Dạo này gia đình mình thế nào hả con?”

Tôi trả lời:

– Mọi người vẫn khỏe à! Mọi người vẫn nhắc đến mẹ đây. Ai cũng nhớ mẹ nhiều lắm.

Mẹ mỉm cười hiền dịu:

– Ủ! Việc học của con bây giờ sao rồi? Con vẫn giữ ước mơ về sau này trở thành cô giáo chứ?

Tôi nhanh nhẩu trả lời:

– Việc học năm nay của con mệt hơn và vất vả hơn những năm trước vì là năm cuối cấp nên ngoài học chính trên lớp, con còn phải học thêm nhiều để củng cố kiến thức. Và để biến ước mơ của con thành hiện thực. Con sẽ không để mẹ và mọi người thất vọng đâu.

Lời nói của mẹ như truyền thêm niềm tin cho tôi:

– Ủ! Mẹ tin ở con. Phải cố gắng học cho giỏi con nhé!

Nghe giọng nói của mẹ tôi cảm thấy thật gần gũi. Tôi biết rằng ở phương xa nơi đất khách quê người kia, mẹ vẫn luôn nhớ về tôi, dõi theo từng bước đi và quan tâm đến tôi. Tất cả những gì tôi làm được hôm nay đều nhờ đến lời động viên của mẹ. Tình yêu thương mà mẹ truyền cho tôi đã giúp tôi có nghị lực vượt qua những khó khăn thử thách trong cuộc đời. Tình mẫu tử thật thiêng liêng biết chừng nào! Đã bao lâu nay tôi vắng bóng hình ảnh người mẹ thân yêu mà giờ đây lại được ở bên cạnh mẹ, thật hạnh phúc làm sao! Tôi thầm nghĩ: “Mẹ à! Bây giờ mẹ con mình lại được ở bên nhau rồi. Đừng bao giờ rời xa con nữa mẹ nhé...”. Thế rồi tôi lại chìm vào những suy nghĩ, vào niềm sung sướng, hân hoan đang tràn ngập trong lòng. Rồi mọi vật bỗng trở nên nhạt dần, nhạt dần trong tâm trí tôi.

“Thủy ơi! Dậy đi em, sao lại ngủ gật thế kia? Sắp sang năm mới rồi kìa. Em có dậy xem pháo hoa cùng gia đình không?”. Tôi dụi mắt, thấy chiếc đồng hồ sắp chỉ sang số 12. Tôi ngơ ngác nhìn quanh thì mới biết đó là một giấc mơ. Ngước mắt nhìn lên bầu trời đêm, pháo hoa sáng rực trời, một năm mới lại đến rồi. Tôi thầm nhủ với trời đêm, với nàng tiên mùa xuân để mong nàng tiên mùa xuân gửi lời đến mẹ: “Mẹ ơi! Con nhớ mẹ nhiều lắm. Mẹ hãy sớm trở về với con mẹ nhé!”.

Lương Thị Hương Thúy

**Đề bài: Vào vai Thúy Kiều để kể lại câu chuyện
Mã Giám Sinh mua Kiều.**

Bài số 108

Tôi là Vương Thúy Kiều, con gái đầu lòng của Vương Viên Ngoại. Khi viết những dòng này, gia đình nhà tôi đang lâm vào cảnh khốn cùng. Tất cả cũng là do tên bán tơ đã vu oan cho gia đình tôi chứa hàng quốc cấm. Bọn quan lại nghe lời vu oan của hắn, chưa kịp điều tra rõ ràng, đã bắt nhốt cha và em tôi. Còn bọn quan nha được dịp, trong lúc lục soát nhà tôi, đã vơ vét bao nhiêu tiền của. Giờ đây, cha và em tôi đang lâm vào tình trạng khốn khó, không có ba trăm lạng bạc thì làm sao cứu được họ đây? Trong hoàn cảnh này, tôi biết kiếm đâu ra ba trăm lạng bạc? Suy nghĩ mãi, và rồi, chẳng còn cách nào khác, tôi đành quyết định bán mình chuộc cha và em,

dành phải phụ tình chàng Kim Trọng. Câu chuyện tôi bán mình chuộc cha và em có vẻ là đề tài nóng hổi cho cả vùng, từ xa đến gần, mọi người cứ xôn xao bàn tán...

Từ giờ phút ấy trở đi, chẳng hôm nào tôi có thể ăn được một bữa ngon, ngủ được một giấc yên lành. Cứ vừa chợp mắt, tôi lại nghĩ đến những ngày tiếp theo của cuộc đời mình, rồi sẽ ra sao đây. Tôi sẽ phải sống cuộc sống như thế nào trong suốt quãng đời còn lại, khi không còn được sống trong vòng tay yêu thương của cha mẹ, khi không còn chơi đùa vui vẻ cùng hai em nữa? Chắc tôi sẽ nhớ lắm, nhớ những ngày tháng êm đềm, trưởng rủ màn che, nhớ những buổi chơi xuân cùng các em, và nhớ gia đình tôi nhiều lắm. Và rồi ai sẽ thay tôi chăm sóc cho ba mẹ? Họ cũng đã lớn tuổi rồi, lỡ có đau ốm mà không có tôi bên cạnh, họ sẽ phải làm sao. Rồi bất giác nghĩ đến người mình sắp phải lấy làm chồng, sẽ là ai đây, một người xa lạ nào đó, người mà tôi còn chưa hề biết mặt, người mà tôi không có một chút gì gọi là tình yêu cả. Càng nghĩ, tôi lại càng buồn. Nhìn ra cửa sổ ngắm nhìn ánh trăng sáng, tròn vằng vặc, trắng như đang soi rọi vào lòng tôi. Trăng đêm nay sáng quá! Nhưng sao cảnh vật lại có vẻ buồn bã và tiêu điều vậy nhỉ? Bất giác, cái kỉ niệm ngày hôm đó chợt ùa về, vây lấy tôi, kỉ niệm vào cái đêm trăng rằm, tôi và Kim Trọng đã cùng nhau uống chén rượu thề bồi, cùng nhau hẹn ước sẽ thủy chung đến trọn đời. Vậy mà giờ đây, tôi đã phụ chàng. Chắc chàng sẽ giận tôi lắm, nhưng tôi nào còn cách khác. Mọi cảm xúc trong tôi giờ đây rối như tơ vò, đan lại vào nhau như một mê cung huyền bí mà tôi không cách nào có thể thoát ra được. Lo lắng. Bồn chồn. Và rồi, ngày đó cũng đến...

www.sachgiai.com

Ngày hôm đó. Trời không đẹp và sáng như mọi ngày. Mọi vật xung quanh như đều mang một vẻ lạnh lùng, u ám đến lạ thường. Trời u ám hay do lòng tôi đang u ám? Tôi cũng chẳng rõ. Nhưng rõ ràng, lòng tôi giờ đây đau lắm, trái tim tôi như muốn vỡ tung ra khi nghĩ đến việc sắp phải làm vợ lẽ của người khác. Ngồi trong buồng, tôi cũng đã nghe được sự ồn ào của hấn ta cùng bọn hầu cận từ đằng xa đang đi lại. Nào là kèn, trống, láo nháo như một bọn tàn quân chẳng theo hàng ngũ gì, hết như một gánh xiếc rong, chẳng có tôn ti trật tự.

Tôi cũng chẳng rõ có chuyện gì xảy ra lúc đó, chỉ được nghe cô hầu gái kể lại trong lúc tôi đang ngồi trong buồng:

- Tiểu thư biết không, khi phu nhân hỏi tên hấn, hấn chỉ trả lời cộc lốc vồn vện ba chữ: "Mã Giám Sinh", cứ như tát nước vào mặt phu nhân vậy. Rồi khi hỏi đến quê, hấn ta cũng chỉ trả lời y như vậy: "Huyện Lâm Thanh cũng gần". Lúc đó, em thấy bà mồi nhìn hấn, giật tay áo của hấn có vẻ như hấn đã nói sai sự thật vậy. Mà mới vào nhà, hấn đã tót lên ngồi ngay ghế trên. Ai nấy cũng khó chịu mà chẳng dám nói gì. Chắc họ cũng hiểu chỉ có hấn mới có tiền để cứu lão gia và công tử.

Lòng tôi giờ đây còn tâm trí đâu mà nghe kể chuyện. Nhưng những điều hấn làm vẫn khiến tôi phải suy nghĩ và cảm thấy thật khó chịu. Giám Sinh ư? Đó chẳng phải là tên gọi những học trò ở Quốc tử giám hay sao? Sao cách ăn nói của hấn thô lỗ, thiếu lễ nghi, hành động của hấn cứ như một kẻ vô học vậy?. Còn nữa, tôi nhớ bà mối đã giới thiệu hấn là người ở phương xa tới kia mà. Vậy mà bây giờ hấn lại bảo quê hấn cũng gần. Thật đúng là một kẻ mập mờ, khó tin. Mặc dù cảm thấy khó chịu vô cùng, tôi vẫn cố nén lại trong lòng. Vì rõ ràng, hấn chính là cơ hội duy nhất để cứu cha và em tôi. Tôi phải cố gắng nhẫn nhịn, không thể để cha và em phải chịu khổ trong chốn lao tù được nữa. Tôi đang miên man trong dòng suy nghĩ thì người hầu gái lại nói tiếp:

- Chưa hết đâu, cái cách ăn mặc của hấn cũng rất khó coi nữa. Nhìn qua, chắc hấn cũng đã ngoài bốn mươi rồi. Vậy mà mặt mày nhăn nhó, không có lấy một sợi râu. Ăn mặc thì lòe loẹt, lố lằng, bộ quần áo của hấn trông như những gã thanh niên chốn phong lưu vậy.

Nghe vậy, tôi lại càng khó chịu hơn. Đã hơn bốn chục tuổi mà còn ăn mặc như thế, thật chẳng đứng đắn chút nào! Một kẻ như vậy có thể là một phu quân tốt được chăng? Tôi buồn bã khi biết rõ câu trả lời chính xác trong đầu mình. Nhưng thôi, bây giờ thì còn suy nghĩ gì được nữa. Dù hấn có là người như thế nào, mình phải cố gắng cứu cha và em cho bằng được.

Tai tôi như ù đặc. Bất giác nhìn ra vườn, ngắm nhìn những cánh hoa đang khoe sắc, trông chúng thật đẹp và tràn đầy sức sống. Tôi thầm tủi thẹn với chúng. Tôi ước mình được như những cánh hoa kia thỏa sức mà khoe sắc, đón lấy ánh nắng mặt trời vàng óng và vui vẻ giữa cuộc đời. Nhưng, trước những ngày tháng vui vẻ đang chờ đợi và trước một cuộc tình đẹp vừa chớm nở, tôi đã phải bỏ hết tất cả lại phía sau. Trong gương, khuôn mặt tôi chẳng còn tươi sắc như những đóa hoa ngoài kia, giờ đây, nó xanh xao, gầy guộc và dường như dạn dày hơn để đón nhận những lời chê bai, phỉ nhổ của người đời.

Mụ mỗi bước vào, trông thấy tôi tiêu tụy chẳng còn chút nhan sắc, mụ liền hối thúc người hầu trang điểm cho tôi. Tôi ngồi im, thần thờ. Tâm trạng tôi rồi bởi những cảm giác xấu hổ và nhục nhã đến ê chề, rồi sự lo lắng mơ hồ về con đường phía trước không biết sẽ ra sao. Như một cái máy, tôi hành động theo mọi sự điều khiển của mụ mỗi. Mụ dìu tôi xuống thêm nhà, lòng tôi cứ nhói lên từng cơn. Tôi cúi gằm mặt xuống đất, cảm giác hổ thẹn, phần uất dâng trào thành những dòng nước mắt. Tôi cứ mặc cho nó tuôn rơi theo mỗi bước chân tiến về đại sảnh.

Từ nhỏ đến giờ, có bao giờ tôi phải đứng ra cho người ta ngắm nghía và bình phẩm như vậy đâu. Mụ mỗi hết vén tóc rồi lại bắt tay, bắt tôi xoay một vòng để mụ Giám Sinh xem xét, cứ như đang giới thiệu hàng hóa vậy. Mụ Giám Sinh ra chiều có vẻ hài lòng, khẽ mỉm cười. Nhưng rồi, hấn lấy lại được vẻ bình thản, kéo mụ mỗi lại, thăm thì to nhỏ cái gì đó. Rồi mụ mỗi

bắt tôi đánh đàn cho hắn nghe. Tôi ngán người ra, bàng hoàng. Giờ phút này mà bắt tôi đánh đàn ư? Tôi nào có tâm trạng đâu chứ. Nhưng rồi, tôi cũng đành phải làm theo. Tôi cố gắng lắm mới dạo lên được hai khúc nhạc. Âm thanh của tiếng đàn hay chính là âm thanh của sự tuyệt vọng đang vang lên trong lòng tôi, âm thanh của tiếng đàn như đang nức nở, khóc thay cho những giọt nước mắt đang đọng lại giữa khóe mắt đang được tôi cố gắng kiềm lại để đừng tuôn trào ra. Tôi khẽ nhìn qua bên kia, mẹ tôi đang lặng lẽ ngồi khóc...

Tưởng đã xong, Mã Giám Sinh lại kêu bà mỗi bắt tôi làm thơ trên quạt. Tình cảnh này mà bắt tôi làm thơ trên quạt, thật là một tấn bi hài kịch. Nhưng nghĩ đến cha và em tôi, lòng tôi lại lẳng lặng làm theo.

Bài thơ làm xong. Mã Giám Sinh đón lấy đọc chăm chú. Sau đó, tỏ vẻ hài lòng, hắn ra giọng lịch sự hỏi:

- Xưa kia mua ngọc phải đến Lam Kiều. Vậy xin dạy cho tôi cần phải trả sinh lễ bao nhiêu cho xứng đáng với nàng Kiều đây.

Thấy mẹ tôi thần người ra, không biết phải trả lời ra sao, bà mỗi liên nói đỡ:

- Kiều tài sắc vẹn toàn, giá đáng nghìn vàng cũng chưa chắc đã mua được. Nay gia cảnh nhà nàng đang gặp khó khăn. Dám xin công tử thương tình mà giúp đỡ.

Nghe vậy, hắn ta nhăn mặt có vẻ khó chịu, trả giá ngay:

- Cái gì cơ? Một nghìn à? Thật là quá đáng mà! Hai trăm thôi nhé.

- Ông thương tình cho. Hai trăm thì làm sao cứu được gia đình họ, huống chi còn tiền công của tôi nữa.

Suy nghĩ một lát, hắn nói:

- Vậy thì bốn trăm thôi. Giá chót đó.

- Ông giúp thêm cho một tí, gia đình nàng Kiều đang rất khó khăn...

Sau một hồi, họ cũng quyết định giá hơn bốn trăm lạng bạc. Nghe họ trả giá với nhau mà tôi cười ra nước mắt. Họ xem tôi là gì nhỉ? Một món hàng ư? Tôi giờ đây bị xem như một món hàng không hơn không kém, có thể tùy tiện ra giá và trả giá với nhau. Nỗi buồn và nhục nhã của tôi tuôn trào ra như một dòng chảy, chảy khắp người tôi. Khẽ ngược nhìn lên, khuôn mặt Mã Giám Sinh đầy vẻ thỏa mãn như mua được một món hàng với giá hời. Lòng tôi thất lại, đau đớn đến tột cùng. Hắn và bà mỗi đã bàn bạc là ba hôm nữa sẽ đến nạp tài...

Mã Giám Sinh và cả mẹ mỗi đã đi rồi. Căn nhà tôi lại trở nên yên bình và tĩnh lặng như ngày nào. Lòng tôi giờ đây trống vắng đến tê dại. Tôi đã trở thành vợ của người khác. Tôi lại nhớ đến Kim Trọng. Tôi phải chia tay mối tình đầu thật đẹp chỉ vừa mới chớm nở. "Kim Trọng ơi, chàng hỡi nơi

xa hãy thấu hiểu cho thiếp. Thiếp chẳng còn sự lựa chọn nào khác. Tất cả cũng chỉ tại xã hội này, cái xã hội mà thế lực đồng tiền đã làm chủ tất cả, xã hội mà mọi người chỉ coi tiền là trên hết, đồng tiền dường như có thể mua được mọi thứ, kể cả mua thịt bán người. Xã hội này đã khiến thiếp phải trở nên thế này. Sẽ không còn những ngày tháng cùng chàng vui vẻ, những lời hẹn thề chỉ còn là những kỉ niệm đẹp, những giấc mơ không thể nào thực hiện được. Thiếp chẳng biết rồi mình sẽ trôi về đâu trong cái dòng chảy của cuộc đời ô trọc này!”.

Phạm Lê Nhã Đoan

Đề bài: Đóng vai ông Hai kể lại đoạn truyện miêu tả diễn biến tâm trạng và hành động của ông Hai sau khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

Bài số 109

Vậy là đã hơn tháng trời, kể từ ngày Hai Thu, tôi rời làng Chợ Dầu yêu quý của mình đi tản cư. Thật đúng là khi xa quê rồi, người ta mới càng thấm thía câu nói của ông cha ta:

Anh đi anh nhớ quê nhà

Nhớ canh rau muống, nhớ cà dầm tương.

Ở nơi tản cư, chẳng lúc nào tôi nguôi nổi nhớ về làng của mình. Niềm vui duy nhất của tôi là đến phòng thông tin nghe, đọc báo để biết thêm tin tức kháng chiến. Những lúc ấy, ruột gan tôi cứ như múa cả lên, vui quá!

Hôm nay, chẳng hiểu sao, con lớn nhà tôi đi làm về muộn khiến tôi ở nhà cứ bứt rứt không yên. Vì thế khi vừa thấy bóng con bé thấp thoáng đằng xa, tôi đã lao ngay ra dặn con bé trông nhà và vội vàng đi xuống phòng thông tin nghe đọc báo như mọi lần.

Đến đó, chao ôi, tôi nghe được bao nhiêu tin tức hay. Đang hứng khởi, định về nhà sẽ kể cho bác Thứ nghe thì vô tình khi rẽ vào quán nước, tôi nghe mấy bà con dưới xuôi tản cư lên kháo với nhau làng Chợ Dầu bị Tây khùng bố. Tôi vô cùng lo lắng, quay phắt lại, lắp bắp hỏi chi tiết sự việc thì hỡi ôi, tôi không thể tin vào tai mình nữa, những người đó bảo làng Chợ Dầu của tôi đã theo Tây.

Cái tin ấy như sét đánh ngang tai tôi. Cổ tôi nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Tôi lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu, tôi mới rặn ề ề, nuốt một cái gì đó vướng ở cổ, giọng lạc hẳn đi, tôi hỏi để khẳng định lại cái tin đó. Bà con tản cư lại càng chắc chắn một, hai. Quá xấu hổ, tôi vội trả tiền nước đứng dậy, chèm chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to: “Hà, nắng gớm, về nào...”. Tôi không muốn ai biết tôi là dân làng Chợ Dầu.

Con đường về nhà hôm nay mà sao dài thế. Chân tôi nặng trĩu, đi như lê từng bước. Tôi không dám ngẩng mặt lên. Trong tôi dường như có cái gì đó đang sụp đổ.

Về đến nhà, tôi nằm vật ra giường. Nhìn lũ con chơi đùa, tủi thân, nước mắt tôi cứ trào ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư, khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Tôi nắm chặt lấy hai tay mà rít, mà chửi, chửi cái lũ Việt gian bán nước. Dù đã cố tự thuyết phục mình không tin cái tin ấy nhưng không có lửa, làm sao có khói, ai người ta hơi đâu bịa ra cái chuyện ấy làm gì. Chao ôi, cực nhục chưa? Cả nước Việt Nam người ta khinh ghét cái giống Việt gian, tôi phải sống sao bây giờ?

Cả ngày hôm ấy, nhà tôi không ai nói với nhau một câu. Mãi khuya, vợ tôi nhắc lại chuyện người ta đồn. Bực mình quá, tôi gất lên, thị mới thôi. Tôi trần trọc, không ngủ được, cứ trở mình, thở dài suốt, chân tay tôi như nhũn ra. Có tiếng mẹ chủ léo xéo, tôi nín thở, nghe ngóng, trống ngực đập thình thịch. Mẹ vợ tôi lại hỏi, tôi gất thị lần nữa và ngả mình, không nhúc nhích.

Đó quả là những ngày tháng đen tối nhất của cuộc đời tôi. Tôi không dám đi đâu, tự nhốt mình như một tù nhân. Lúc nào, tôi cũng nơm nớp lo sợ người ta chửi mình. Cuộc sống của tôi càng trở nên bế tắc hơn. Mẹ chủ nhà đã đánh tiếng đuổi gia đình tôi đi. Trời ơi, tôi biết phải đi đâu, về đâu bây giờ khi mà trên cái đất Việt Nam này, đâu đâu có người Chợ Dầu, người ta cũng đuổi như hủi. Hay là quay về làng? Không, không được! Về làm gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo Tây cả rồi. Không thể được! Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù. Tôi sẽ không quay về chịu làm nô lệ cho thằng Tây.

Tôi giờ chỉ còn dựa con út để giải bày tâm sự. Mỗi lần ôm nó vào lòng, nhắc cho nó nhớ đến làng Chợ Dầu là quê hương nó, tôi lại chạnh lòng. Dù tôi đã quyết định từ bỏ ngôi làng ấy thì tôi cũng không thể dứt bỏ được tình yêu mãnh liệt với làng của mình. Quyết định ấy như vết dao sắc lẹm cửa đứt trong tim tôi. Xót xa! Đau đớn! Nhưng, tôi ủng hộ kháng chiến. Nhìn thằng bé con giơ tay, mạnh bạo, rành rọt nói to: “Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!”, nước mắt tôi lại giàn ra, thủ thủ, khẳng định lại lời của con. Tôi nói như để ngỏ lòng mình, như để mình oan cho mình nữa.

Tôi trung thành với kháng chiến. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Mặc cho người ta nói tôi dân Chợ Dầu Việt gian, tôi vẫn ủng hộ Cụ Hồ dù trước mắt, cuộc đời tôi không biết sẽ ra sao.

Vũ Trà My

Đề bài: Kể lại cuộc gặp gỡ với người lính lái xe trong "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" của Phạm Tiến Duật.

Bài số 110

Nhân một chuyến đi thăm nghĩa trang liệt sĩ, tôi gặp người sĩ quan đang đứng thắp hương cho người đồng đội đã mất. Tôi và người sĩ quan đó trò chuyện rất vui vẻ và thật tình cờ tôi biết được người sĩ quan này chính là

anh lính lái xe trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật năm xưa.

Người sĩ quan kể với tôi rằng, cuộc kháng chiến của dân tộc ta vô cùng ác liệt, những con đường huyết mạch nối giữa miền Nam và miền Bắc lại là nơi ác liệt nhất. Bom đạn của giặc Mĩ ngày đêm dội xuống những con đường này nhằm cắt đứt sự tiếp viện của miền Bắc cho miền Nam. Trong những ngày tháng đó anh chính là người lính lái xe làm nhiệm vụ vận chuyển lương thực, vũ khí, đạn dược... trên con đường Trường Sơn. Bom đạn của giặc Mĩ đã biến những chiếc xe của các anh không còn kính nữa. Nghe anh kể, tôi mới hiểu rõ hơn về sự gian khổ ác liệt mà những người lính lái xe phải chịu đựng ngày đêm. Nhưng không vì thế mà họ lùi bước, họ vẫn ung dung lái những chiếc xe không kính đó băng băng đi tới trên những chặng đường. Họ nhìn thấy đất, nhìn thấy trời, thấy cả ánh sao đêm, cả những cánh chim sa, họ nhìn thẳng về phía trước, phía ấy là tương lai của đất nước được giải phóng, của nhân dân được hạnh phúc, tự do. Người sĩ quan còn kể với tôi rằng không có kính cũng thật bất tiện nhưng họ vẫn lái những chiếc xe đó, bụi ủa vào làm những mái tóc đen xanh trở nên trắng xóa như người già, bọn họ cũng chưa cần rửa vội mà nhìn nhau cất tiếng cười ha ha. Ôi! Tiếng cười của họ sao thật nhẹ nhõm. Gian khổ ác liệt, bom đạn của kẻ thù đâu có làm họ nản chí, sờn lòng. Những chiếc xe không kính lại tiếp tục băng băng trên những tuyến đường ra trận, gặp mưa thì phải ướt áo thôi. Mưa cứ tuôn cứ xối nhưng họ vẫn chưa cần thay áo và cứ ráng lái thêm vài trăm cây số nữa, vượt qua những chặng đường ác liệt, đảm bảo an toàn cho những chuyến hàng. Họ nghĩ mưa sẽ ngừng, gió sẽ lùa vào rồi áo sẽ khô mau thôi.

Khi được học *Bài thơ về tiểu đội xe không kính*, tôi cứ luôn suy nghĩ rằng những khó khăn gian khổ ác liệt đó chỉ có nhân vật trong bài thơ mới vượt qua được nhưng đó là những suy nghĩ sai lầm của tôi bởi được gặp, được trò chuyện với người chiến sĩ lái xe năm xưa, tôi mới hiểu rõ hơn về họ. Họ vẫn vui tươi, tinh nghịch. Bom đạn của giặc Mĩ ngày đêm nổ sát bên tai phá hủy con đường, cái chết luôn rình rập bên họ nhưng họ vẫn là những con người lạc quan, yêu đời.

Anh sĩ quan lại kể cho tôi nghe trên những con đường vận chuyển đó anh luôn được gặp những người bạn, những người đồng đội của anh. Có những người còn, có những người đã hi sinh... Trong những giây phút gặp gỡ hiếm hoi đó, cái bắt tay qua ô cửa kính vỡ đã làm cho tình đồng đội của họ thấm thiết hơn rồi những bữa cơm bên bếp Hoàng Cầm với những cái bát, đôi dĩa dùng chung, quây quần bên nhau như một đại gia đình của những người lính lái xe Trường Sơn. Rồi những giây phút nghỉ ngơi trên chiếc võng đu đưa, kể cho nhau nghe sự ác liệt của những con đường đã đi qua. Sự dũng cảm của các cô gái thanh niên xung phong luôn đảm bảo cho những chuyến xe thông suốt. Đúng là con đường của họ đang đi, nhiệm vụ của họ đang làm vô vùng

nguy hiểm. Bom đạn Mĩ có thể hạ xuống bất cứ lúc nào, cả ngày lẫn đêm. Anh sĩ quan còn nói cho tôi biết những chiếc xe ấy không chỉ mất kính mà còn mất cả đèn, rồi không có mui xe, thùng xe rách xước, những thiếu thốn này không ngăn cản được những chiếc xe vẫn chạy băng băng về phía trước, phía trước ấy là miền Nam ruột thịt. Nghĩ đến hình ảnh những chiếc xe băng băng về phía trước tôi lại nghĩ đến những người lính lái xe. Họ thật dũng cảm, hiên ngang, đầy lạc quan, có chút ngang tàng nhưng họ sống và chiến đấu vì Tổ quốc, vì nhân dân. Những chuyến hàng của họ đã góp phần tạo nên chiến thắng của dân tộc ta: chiến thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Tôi và anh sĩ quan chia tay nhau sau cuộc gặp gỡ và nói chuyện rất vui và cảm động. Tôi khâm phục những người lính lái xe bởi tình yêu nước, ý chí kiên cường của họ và tôi hiểu rằng thế hệ chúng tôi luôn phải ghi nhớ công ơn của họ, cần phải phấn đấu trở thành công dân gương mẫu, nắm vững khoa học, kĩ thuật để xây dựng một đất nước văn minh, hiện đại.

Đề bài: Kể về một nỗi buồn mà em đã trải qua.

Bài số 111

Cơn gió mùa đông khẽ lùa qua làn tóc của Bé, có lẽ cảm giác lạnh lẽo này đã quá quen thuộc đối với Bé rồi. Bé sinh ra trong một gia đình giàu có, tiền của vật chất thì nhiều, cuộc sống của Bé không thiếu một thứ gì nhưng tình cảm gia đình trong Bé có lẽ đã bị mai một dần theo năm tháng. Giữa đêm đông lạnh giá, Bé lẳng lặng bước đi trên con đường cũ, Bé suy nghĩ về cuộc đời mình...

Cuộc đời của Bé thì có gì phải nghĩ chứ? Nhưng có đấy! Bé cố gắng nhớ lại khuôn mặt của người mẹ đã sinh ra mình, đã lâu lắm rồi Bé không gặp mẹ. Bé không thể hình dung được mẹ như thế nào nữa? Mẹ chỉ lo công việc làm ăn của mình mà không bao giờ quan tâm đến Bé. Mỗi lần mẹ đi công tác phải ba, bốn tháng mới về, có khi tới hàng năm. Mỗi lần về nhà, Bé luôn dành tặng cho mẹ những niềm vui bất ngờ nhưng niềm vui được cho đi lại không bao giờ được đáp lại. Mẹ chỉ nhìn Bé và nở một nụ cười rồi lại đi nghỉ ngơi để tiếp tục cho công việc ngày mai. Một cái ôm hay một nụ hôn lên má Bé, mẹ cũng cũng không làm được. Có khi Bé bảo: “Mẹ thương con đi” nhưng mẹ lại nhăn mặt: “Lớn rồi có phải trẻ con đâu, thôi ra ngoài đi để mẹ còn làm việc”. Bé buồn lắm! Mẹ lúc nào cũng chỉ có công việc, cho dù Bé là người lớn hay trẻ con đi chăng nữa nhưng một chút âu yếm vỗ về từ mẹ cũng không có. Bé vừa đi vừa nghĩ miên man mà không biết nước mắt đã lăn dài từ lúc nào. Bé thêm thương cái tình cảm ấy đến vô cùng, để có được nó sao khó khăn đến vậy, Bé đâu làm gì có lỗi. Bé lê chân dài trên con đường, từng cơn gió vẫn thổi. Lạnh lắm! Bé có thể đánh đổi tất cả để được mẹ yêu

thương, vô vè như mong muốn. Mỗi lần được điem cao Bé chỉ muốn được khoe với mẹ thôi! Nhưng mẹ cũng đâu có thời gian để ý.

Nhìn qua khung cửa kính của một ngôi nhà, sao họ được hạnh phúc mà Bé lại không? Bé muốn được như thế nhưng bằng cách nào bây giờ?. Tại sao? Tại sao? Tại sao? Bé suy nghĩ miên man, nghĩ mãi, nghĩ mãi nhưng chẳng có ích lợi gì cả. Sự thật vẫn là sự thật, chẳng có gì thay đổi được. Bé chỉ biết buồn và... khóc.

Những suy nghĩ của bé hình như không có hồi kết. Bé chưa thực sự được làm con của một người mẹ - một người mẹ đúng nghĩa mà Bé mong ước. Gió vẫn cứ rét, gió rét lắm! Rét vào tận trong con tim bé bỏng yếu ớt của Bé! Gió càng thổi càng rét và cứ rét mãi, rét mãi, rét mãi... rét vào trong tâm hồn Bé.

Nguyễn Thuỳ Trang

Đề bài: *Em hãy kể lại một giấc mơ trong đó em được gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày.*

Bài số 112

Tôi choàng tỉnh dậy sau giấc mơ. Giấc mơ khiến tôi nghĩ về cái cảnh tượng kinh hoàng ngày hôm ấy khi mà bố tôi thu dọn đồ đạc rời khỏi nhà. Tôi không biết có chuyện gì xảy ra, tôi hỏi mẹ, mẹ không nói chỉ khóc. Mãi về sau nghe bà kể tôi mới biết bố và mẹ cãi nhau, bố đã chuyển hẳn vào Sài Gòn sinh sống. Trong tâm trí tôi bố vẫn luôn là người đẹp trai nhất, hiền nhất, chiều con gái nhất. Vậy mà tôi lại mơ

Trong giấc mơ, bố hiện lên trước mắt tôi, trông vẫn khỏe khoắn, cao lớn như ngày nào. Ánh mắt trêu mến, nụ cười âu yếm, khuôn mặt hiền từ của bố khiến tôi vẫn chắc chắn rằng: Tôi là đứa con gái mà bố tôi yêu quý nhất, dù bố ở xa nhưng vẫn luôn nhớ về con gái bố.

Tôi đã định ninh như vậy đấy. Thế nhưng khi bố tôi dắt tôi về căn nhà nhỏ ở giữa lòng Sài Gòn, mọi niềm vui, mọi niềm hi vọng... tất cả dường như đã tan biến.

Tôi bước vào căn nhà hai tầng sơn màu vàng nằm trong ngõ nhỏ trên con đường NKKN, trong nhà chỉ có một người phụ nữ trung niên tầm khoảng 50 tuổi với một đứa bé khoảng hai tuổi. Chưa để tôi kịp nói câu nào, bố chỉ người phụ nữ kia và giới thiệu luôn: "Kia là bác Ánh, con ở đây có gì không quen hay muốn mua cái gì thì nói với bác". Rồi bố quay sang nói với bác Ánh: "Đây là cháu nhà e đấy, bác giúp cháu nó cất đồ lên phòng nhé". Còn về đứa trẻ kia, bố không hề nói với tôi một câu nào về nó. Sau đó bố quay ra cửa, nổ xe máy rồi dặn tôi với bác Ánh rằng bố phải đi làm tới chiều mới về, rồi bố phóng xe đi. Cứ như thế suốt từ sáng đến chiều tôi ở trong căn nhà ấy, lạ lẫm, buồn tẻ, bác Ánh hỏi gì tôi đáp đấy, rồi lại rúc lên căn phòng mà bố bảo là phòng của tôi ngồi một mình. Tự nhiên tôi bật khóc... tôi nhớ mẹ... rồi tôi lại nghĩ về bố: bố vẫn vậy, đối với tôi bố vẫn ân cần như

thế nhưng sao tự nhiên tôi lại có cảm giác rằng giữa hai bố con tôi đang có một khoảng cách... rồi tôi lại suy nghĩ lung tung. Trong đầu tôi lúc ấy có bao nhiêu câu hỏi, bao nhiêu thắc mắc: "Đứa nhỏ kia là ai nhỉ? Nó là gì của bố tôi? Sao nó lại ở trong nhà của bố? ".

Có tiếng xe máy trước cửa nhà, bố đi làm về nhưng không phải một mình, về cùng bố là một người phụ nữ trẻ đẹp, có lẽ kém mẹ khoảng 4 - 5 tuổi gì đó. Bố tôi hơi cúi mặt xuống, dáng vẻ như một cậu học sinh vô cùng ngoan ngoãn nhưng lần đầu tiên quên làm bài tập ở nhà. Bố tôi nói với tôi một cách ngượng ngùng: "Đây là... vợ bố, cô tên là T, con cứ gọi là cô cũng được rồi...". Bố tôi chỉ nói đến đây tôi cũng sợ, đầu óc tôi như muốn vỡ ra, tôi im lặng. Nước mắt ầng ậng trong đáy mắt và cứ chực trào ra. Lúc đó tôi cũng biết đứa trẻ kia là con trai của bố tôi, nó là em trai tôi.

Cho đến tận buổi tối khi ăn cơm xong, bố cho đứa bé kia uống sữa, chơi với nó, dỗ dành nó, lấy truyện tranh ra đọc cho nó nghe. Lúc ấy trông bố tôi hiền lắm, ánh mắt bố ngập tràn niềm hạnh phúc. Trong ánh mắt ấy, tôi nhận ra được niềm yêu thương của bố với đứa con trai bé bỏng, nhận ra được niềm vui, sự đầm ấm của một gia đình hạnh phúc. Trong ánh mắt ấy, tôi cũng nhận thấy một tình yêu mãnh liệt mà bố đã dành cho người vợ kia và cậu con trai bé nhỏ. Ở bên cái gia đình ấy, bố dường như đã quên đi những mệt nhọc, căng thẳng của công việc và tôi thấy bố cởi mở hơn, tự nhiên hơn, bố tôi như biến thành con người khác, lúc đó bố tôi mới thực sự là "bố"! Tất cả những điều đó tôi chưa bao giờ thấy được khi mà bố đang sống cùng mẹ và tôi. Vì thế tôi biết rằng cô T mới thực sự là tình yêu của bố và đây mới là tổ ấm mang lại cho bố niềm vui, niềm hạnh phúc.

Chính những cơn gió nhẹ và những tia nắng mặt trời đã cắt đứt giấc mơ của tôi. Hình ảnh bố biến mất, nhớ đến giấc mơ vừa trải qua tôi khóc nức lên từng tiếng. Tôi càng nhớ bố hơn, bất chợt tôi ngược lên trên đầu giường đọc được những dòng viết trong một lá thư bố đã gửi ra cho hai mẹ con tôi khoảng nửa năm sau khi bố vào Sài Gòn, đã được tôi lồng vào khung và treo lên trang trọng trên tường:

*Anh một mình nói trước đám đông
Rồi một mình lặng lẽ trở về căn phòng vắng
Nắng chiều đứng nhìn anh sao buồn thế
Cún nhỏ bơ vơ chơi trước sân nhà
...
Anh một mình lặng lẽ nhớ em
Và nhớ con, nơi phương xa đầy nắng...*

Đọc đến đây lòng tôi nghẹn lại. Những dòng này chứng tỏ rằng bố còn thương và nhớ tôi với mẹ tôi lắm.

Những gì đã xảy ra... đó chỉ là... giấc mơ thôi!

Sưu tầm

**Đề bài: Em hãy kể lại kỉ niệm về một chiếc áo mới em
từng được tặng.**

Bài số 113

Ngày mai là khai giảng năm học. Mọi thứ cần phải chuẩn bị thì mẹ và chị đã giúp tôi đâu vào đấy cả rồi: nào là sách mới, tập vở mới mà cả chiếc cặp cũng mới toanh nữa chứ. Nhưng còn điều này làm tôi không vui, chẳng là mấy năm học trước, cứ đến khai giảng tôi lại xúng xính trong bộ quần áo mới tung tăng đến trường, năm nay thì mẹ bảo “chiếc quần kaki con mặc vẫn đẹp lắm..”, thôi thì đành vậy, nhưng áo thì cái nào cũng cộc và chật cả rồi.

Tối đến, tôi theo mẹ đi trực, mẹ làm ngành y nên một tuần phải trực hai đến ba buổi. Mẹ cho đi cùng để còn bảo ban tôi việc học hành. Đã 10 giờ, mẹ nhắc tôi đi ngủ, ngày mai còn dậy sớm. Nằm mãi mà không sao ngủ được, đã vậy, nước mắt tôi cứ trào ra.. Khuya lắm rồi mà mẹ chưa đi nghỉ. Tôi đoán lại có bệnh nhân nặng, thế nào mẹ cũng phải thức trắng đêm. Nằm nghĩ miên man rồi tôi ngủ lúc nào không hay. Có lúc thức giấc, không thấy mẹ nằm bên, đưa mắt tìm, tôi thấy mẹ đang ngồi ở bàn làm việc. “Chắc mẹ phải thức để theo dõi bệnh nhân”, chẳng nghĩ được nhiều, tôi lại đi vào giấc ngủ..

Sáng hôm sau, tôi thức giấc khi nghe tiếng mẹ gọi: “Dậy thôi con gái điệu, còn chuẩn bị đi khai giảng nữa chứ..”. Tôi bật dậy, đánh răng, rửa mặt rồi ăn vội chiếc bánh bao mà mẹ đã chuẩn bị sẵn từ hôm trước. Mẹ chải và tết tóc cho tôi, mái tóc dài khết mùi nắng được bàn tay mẹ tết thật đẹp. Mẹ đi về phía chiếc mắc áo rồi bảo tôi: “còn cái này nữa mẹ tặng con, hi vọng con sẽ thích”. Mẹ quay lại, trên tay cầm chiếc áo màu trắng, tôi reo lên “Chiếc áo trắng đẹp quá! Mẹ mua cho con khi nào vậy ạ?” Mẹ chỉ mỉm cười: “Con mặc thử đi, xem có vừa không nào”. Thật lạ chiếc áo tôi mặc đẹp lắm, chỉ hơi dài một chút nhưng mẹ bảo: “Con đang tuổi lớn”. Tôi vui lắm, cứ ngắm nghía mãi. Chiếc áo màu trắng tinh, cổ sen lại có cả đường chỉ màu đỏ may theo đường dích dắc. Vậy là tôi đã có áo mới mặc đi khai giảng. Vui thật!

Khoảng chín giờ, lễ khai giảng đã kết thúc. Về đến nhà vẫn còn sớm, mấy đứa bạn cùng xóm rủ tôi đi trèo sung. Quả sung xanh chấm muối thì đứa nào cũng thích. Không chần chừ, tôi đi theo luôn. Bọn nó bảo: “Lan không biết trèo, ưu tiên cho đứng ở dưới để nhặt”. Tôi về nhà khi đã khá trưa. Mẹ cũng về rồi. Thấy tôi, mẹ hỏi luôn “Con gái đi khai giảng có vui không?”. “Dạ vui lắm mẹ ạ!”. Bỗng mẹ đưa tay cầm vạt áo của tôi “Áo con dính gì thế này?”. “Dạ... dạ... tôi luống cuống”. Tôi nhìn xuống hai vạt áo. Trời ơi, chiếc áo của tôi, hai vạt áo toàn nhựa sung, chiếc áo trắng tinh ban sáng bây giờ đã bị những vệt màu nâu đậm làm cho loang lổ.. Mẹ không hỏi tôi thêm gì nữa. Tôi thấy mẹ vội quay đi.. “Em không nhanh xin lỗi mẹ, còn đứng đấy!”. Chị tôi cũng đứng ở đó từ lúc nào. “Em thật là.. chiếc áo trắng mới tinh, cả đêm qua mẹ đã khâu cho em đấy!”. Chẳng hiểu sao tôi òa lên khóc, đến bên mẹ, tôi lắp bắp “Mẹ ơi, con biết lỗi rồi ạ, mẹ tha lỗi cho con!”

Bao nhiêu năm học phổ thông là bấy nhiêu năm tôi được mặc áo mới trong ngày khai giảng. Cũng mấy chục năm đã trôi qua, manh áo trắng mẹ tự tay may cho tôi năm nào cũng đã rách từ lâu nhưng với tôi nó là chiếc áo đẹp nhất. Tôi vẫn còn nhớ như in chiếc áo màu trắng tinh khôi, cổ lá sen có đường chỉ màu đỏ may theo đường dích dắc, chiếc áo trắng dong đầy tình yêu thương của mẹ...

Đề bài: Em hãy kể một kỉ niệm gắn với trò chơi tuổi thơ

Bài số 114

Trò chơi tuổi thơ – những trò chơi mà tui nhỏ mê tí, con trai thì thích đánh đáo, con gái yêu nhảy dây. Và tuổi thơ tôi cũng có một trò chơi mà tôi mê mẩn – chơi thẻ.

Chơi thẻ có lẽ chẳng còn xa lạ với bất kì đứa con gái nào. Nhưng để có một bộ thẻ đẹp mê mẩn, tôi phải nhờ ông tôi gọt giữa cả buổi chiều từ cây tre trước ngõ và mười que thẻ tròn, dài hơn chiếc đũa ra đời như mười đứa trẻ xinh xắn sinh cùng lúc. Chúng tôi còn gom góp tiền mua một quả bóng bàn vàng chóa, nho nhỏ xinh xinh như quả cà trong vườn. Hội chơi có bốn người: Hai chị em tôi, chị Nga nhà ở đối diện và cái Thơ, đứa bạn hàng xóm học trên tôi hai lớp. Chiều nào chúng tôi cũng tụ tập trước sân ngồi trên thềm đá hoa thì nhau trở tài. Dĩ nhiên luật chơi do chúng tôi đặt ra cũng gần giống như những nơi khác nhưng có mấy điều chị Nga nghĩ ra, tôi thấy vô lí vô cùng! Toàn có lợi ích cho chị Nga! Vậy nên dù bé hơn tôi vẫn gân cổ cãi và không chịu đồng ý. Tôi là đứa chơi kém nhất bọn. Cứ nhìn kiểu tung bóng, “quăng” que vụng về của tôi thì biết. Thẻ tung tóe một đàng, bóng ném ở một nẻo. Tôi luôn ì à ì ạch ở phía sau trong khi lũ bạn tôi đã qua hết ván này đến ván khác. Tất nhiên cũng có lúc “thiên tài” đột xuất trong tôi trỗi dậy, tôi leo lên đến thẻ mười và có thể múa kiếm điểm. Nhưng ôi thôi! Bàn tay quay que vút ra tận ngõ, nhanh hơn cả tên lửa cũng nên và không ai khác, tôi lại phải chạy lon ton ra nhặt nó về... Chưa hết, tôi còn có cái tật “xấu xí” và đến giờ vẫn chưa bỏ được là há miệng thật to mỗi khi chuẩn bị bắt bóng (chắc để lấy thêm ôxi). Đó luôn là trò hề để em tôi diễn đạt lại làm cả bọn cười nghiêng ngả, tôi ngượng chín mặt nóng ran nhưng lại quên ngay.

Có lần hăng quá, tôi ném luôn quả bóng xuống cái hố gần đấy. Mon men lại gần bờ, tôi với tay... và ngã nhào xuống nước. Mẹ tôi kéo tôi lên và thật may mắn là tôi chưa uống ngụm nước nào. Ngồi trùm chăn co ro trên giường, tôi bất đắc dĩ nghe “bài dân ca” của mẹ. Mấy đứa bạn đứng nép sau cánh cửa khúc khích cười... Tôi vô cùng tức tối mà không làm gì được. Mấy hôm sau, tôi lại trốn mẹ chuồn cửa sau sang nhà cái Thơ chơi. Tiếng bóng gõ xuống sân nhà vang vang, đều nhịp, tiếng que thẻ lách cách tạo thành thứ âm thanh thật êm ái quyến rũ... Cả đến lúc ngủ, tôi còn mơ thấy mình đạt

giải vô địch, bố mẹ mang hoa tới chúc mừng, em tôi nhìn thán phục... Chao ôi! Thẻ ơi là thẻ!

Lên lớp 4, bố không cho tôi chơi nhiều mà tập trung cho việc học hành. Lũ bạn, đứa đi học thêm, đứa ở nhà phụ mẹ, còn đâu thời gian nữa, tôi cũng bỏ thói quen chiều về chạy ào ra sân với bạn. Nhóm chơi thẻ tan rã. Trò chơi tuổi thơ – trò chơi thẻ – trò chơi của thời ngây thơ và trong sáng, của những hồn nhiên, tinh nghịch và cũng lắm dại khờ mãi mãi là một kỉ niệm đẹp đẽ trong tâm hồn tôi.

Bùi Thị Huyền Diệu

Đề bài: *Hãy kể một kỉ niệm về món đồ chơi em thích.*

Bài số 115

Cứ mỗi khi đông qua, xuân về, gia đình tôi lại tất bật chuẩn bị hành lí về quê đón giao thừa. Trở về căn nhà nhỏ với những kỉ niệm thân thương, được nghe những lời thăm hỏi ân cần của cô chú, tôi có cảm giác mình đang trở về cội nguồn. Những lúc sum họp thế này, tôi lại chợt nhớ đến chú Mạnh, nhớ đến con gấu bông có cái tai dài và đôi mắt long lanh.

Chú Mạnh là người cùng quân ngũ với bố tôi. Chú rất thân thiết và hiểu bố tôi. Đó là tất cả những gì tôi biết về chú. Chú hay cười và kể chuyện cho tôi nghe.

Một hôm chú đến nhà chơi, mang theo một món quà cho tôi. Đó là một con gấu kì lạ, nó không hề giống với bất cứ chú gấu bông nào tôi đã từng thấy. Cái tai dài cụp xuống hai bên má, dáng hình trông hơi vụng về, đôi mắt lại mở to đầy sức sống. Chú Mạnh nhìn tôi một lát rồi nói:

“Con biết không, khi mẹ mang thai con, bố đã làm một món quà. Bố tự tay làm con gấu đó đấy! Tiếc rằng thời gian chỉ cho bố làm cái đầu, còn phần thân là do chú làm nốt. Bố con ở trên thiên đường nhưng vẫn luôn hướng về cô con gái yêu bé bỏng. Bây giờ chú thật mãn nguyện khi đã thực hiện xong lời ước của bố con trước khi mất”.

Tôi sững người. Nhìn chú rồi nhìn con gấu bông, vẻ mặt đầy băn khoăn. Phải chăng bố luôn nhìn về mình. Chú còn bảo trong đó có một bí mật tôi tự phải tự khám phá ra.

Buổi chiều hôm ấy, tôi không hề bước chân ra khỏi nhà. Tôi cứ loay hoay xem con gấu có bí mật gì. Bí mật nào khiến chú tỏ vẻ hân hoan. Tôi nhìn kĩ con gấu. À! Đây, nó có một cái dây kéo khá sần, bé tí ở phía sau đầu. Tôi hồi hộp mở cái dây kéo, thận trọng như sợ cái dây đứt mất vậy. Một bí mật mà giờ đây khi nghĩ lại cũng cảm thấy hạnh phúc như khi có bố ở bên.

Đó là một tấm hình trắng đen, vàng ố mà bố chụp khi trước. Khuôn mặt hình chữ điền, tay trong tay với mẹ. Cái tấm hình đã được lưu giữ mãi suốt

mấy năm trong con gấu bông này. Tôi tròn xoe khi từ trong đó rơi ra một bức thư viết tay dành cho mình.

“Khanh yêu dấu,

Bố chưa từng gặp mặt con lần nào. Nhưng bố biết con. Con luôn ở trong trái tim của bố, của một người cha lâu nay cầm súng, giờ lại sắp gần đất xa trời. Bố rất yêu con, con à! Cái tai dài ấy của gấu bông sẽ thay bố lắng nghe từng nhịp đập nhẹ nhàng trong trái tim của con. Đôi tai ấy sẽ luôn luôn lắng nghe từng lời mong ước của con. Còn đôi mắt luôn dõi theo con, để nhìn con khôn lớn, trưởng thành từng ngày.

Bố yêu con. Mỗi mỗi như vậy

Bố Thành”

Tôi òa khóc, tay giữ chặt con gấu bông - con gấu bông bố đã làm vì tình yêu dành cho đứa con gái chưa một lần được gặp mặt.

Từ đó tôi nâng niu con gấu bông, tưởng chừng chẳng còn thứ gì khiến tôi yêu hơn nữa. Con gấu luôn theo tôi khắp mọi nơi. Con gấu luôn nằm bên tôi mỗi tối. Những lúc buồn, lúc vui, tôi cũng nói cho gấu nghe như thể bố đang ở cạnh tôi vậy?

“Bố ơi, con yêu bố lắm! Con sẽ không bao giờ làm cho bố và mẹ buồn”. Con hứa với bố sẽ chăm ngoan học giỏi và chú gấu bông bố dành tặng sẽ mãi mãi là một vật quý báu nhất của con.

Phạm Phương Khanh

SÁCH GIẢI

Đề bài: Em hãy kể một kỉ niệm về gia đình em

Bài số 116

Ba mẹ là người đã cho tôi sự sống, cho tôi tình yêu cao cả, dạy cho tôi những điều tốt đẹp nhất để tôi làm hành trang bước vào đời. Trong mắt tôi, không ai có thể sánh bằng ba mẹ. Tình yêu của tôi dành cho ba mẹ như ngọn lửa không bao giờ tắt. Tôi luôn mong muốn làm cho ba mẹ hài lòng về mình. Chủ nhật vừa qua là một ngày hạnh phúc đối với tôi vì tôi đã làm được một việc khiến ba mẹ rất vui lòng.

Từ bé đến giờ tôi vẫn luôn tự hào về gia đình tôi. Ba mẹ lúc nào cũng yêu thương, quan tâm, chăm sóc tôi. Một ngày đẹp trời nọ, ba mẹ triu mến thông báo với tôi một tin rất quan trọng: tôi sắp có em. Niềm vui ấy làm cả nhà chúng tôi hân hoan hơn, hạnh phúc hơn khi chào đón thành viên mới của gia đình. Rồi đến ngày em trai tôi cất tiếng khóc chào đời, thấy ba mẹ vất vả lo cho em, tôi càng thêm yêu và thương ba mẹ hơn. Tôi cũng rất yêu thương đứa em bé bỏng mới chào đời. Em có nước da trắng hồng, hai mắt tròn xoe, long lanh. Cái miệng em cười trông rất dễ thương. Hai tay em hươ hươ mỗi lần có người lại trò chuyện, âu yếm. Bố mẹ tôi thì lúc nào cũng quấn quýt bên em bé. Mỗi lần như vậy, tôi thường có cảm giác ba

mẹ đã không còn thương mình, chỉ thương em thôi. Vì thế, có đôi lúc tôi hay đứng xa ra mỗi khi thấy ba mẹ chơi với em. Cũng từ lúc có em, tôi thường bị sai vặt: “Lan à, lấy giúp mẹ cái này. Lan à, lấy cho em cái kia...”. Tôi cứ chạy ra chạy vào, chạy tới chạy lui để “phục vụ” em. Ý nghĩ ba mẹ không thương mình cứ luẩn quẩn trong đầu tôi làm tôi không thể nào cười nói gì được. Tôi thực hiện mệnh lệnh một cách miễn cưỡng. Tôi cũng cố tình lảng tránh ba mẹ. Tôi hay ngồi vào bàn học và vẽ những bức tranh mà tôi đang nghĩ. Tôi vẽ hình ảnh ba mẹ nắm tay em dạo chơi. Còn tôi thì đứng ở xa nhìn theo. Không có ai nắm tay tôi cả! Tôi vẽ hai giọt nước mắt rất to trên mắt tôi. Tôi thấy bức tranh này chính là tôi. Tôi hay nhìn bức tranh đó và nói một mình: “Ba mẹ không thương mình nữa rồi, chỉ thương Ton Ton thôi”.

Một hôm, chắc mẹ phát hiện ra có điều gì không ổn ở tôi nên mẹ gọi tôi đến cạnh bên, vuốt đầu tôi, mẹ hỏi:

– Lan à, có việc gì mà mẹ thấy con không được vui vậy?

Tôi im lặng mà nước mắt chỉ chực tràn ra. Mẹ hoảng hốt ôm tôi vào lòng và hỏi thêm:

– Việc học hành có gặp gì khó khăn không con?

Tôi lắc đầu và nước mắt cứ tuôn trào.

– Sao vậy con? Có chuyện gì con nói cho mẹ nghe đi!

Tôi gạt tay mẹ ra, chạy tới bàn, cầm lấy bức tranh và đưa cho mẹ rồi vừa chạy, tôi vừa khóc nức nở.

Suốt buổi chiều hôm đó tôi trốn vào một góc nhà. Mẹ tìm thấy tôi và dỗ dành:

– Mẹ biết rồi, con nghĩ ba mẹ không thương con phải không?

Tôi thốt thức:

– Ba mẹ chỉ thương em, không thương con như hồi đó nữa...

Mẹ tôi âu yếm lau nước mắt trên má tôi rồi ôn tồn giải thích:

– Con nghĩ như vậy là sai rồi. Em còn quá nhỏ, ba mẹ phải dành nhiều thời gian lo cho em. Còn con, con lớn hơn nên ba mẹ tin tưởng, an tâm về con. Ba mẹ rất thương con. Hơn nữa, con lại còn biết phụ giúp ba mẹ. Từ khi có em, mẹ thấy con rất người lớn, mẹ rất vui. Con có thương em không?

Tôi nói lí nhí: Dạ có.

– Vậy con có muốn làm cho ba mẹ vui lòng không?

– Dạ có. – Tôi khẳng định.

Con hãy phụ mẹ chăm sóc em, con sẽ thấy em rất cần sự chăm sóc đặc biệt. Nếu con nghĩ ba mẹ không thương con. Ba mẹ sẽ rất buồn.

Tôi nghe trong giọng nói của mẹ có sự ghen ngào. Tôi thấy mẹ ôm tôi chặt hơn. Tự dưng những ý nghĩ trong đầu trước đó bỗng nhiên biến đâu

mất. Tôi chỉ còn thấy mẹ thương tôi biết chừng nào. Tôi sung sướng được ở trong vòng tay của mẹ... Ba không biết có mặt từ lúc nào, cũng cười và nói:

– Cả nhà ta cùng thương yêu nhau. Ba mẹ thương yêu cả hai con!

Tôi chạy đến ôm lấy ba. Ba ơi, con thương ba mẹ. Con biết ba mẹ rất thương con... Lúc đó tôi chợt nhớ ba đã lấy lời bài hát “cả nhà thương nhau” để khẳng định tình cảm của ba mẹ. Tôi thấy lòng vô cùng sung sướng.

Chiều chủ nhật hôm ấy, cả nhà chuẩn bị sang nhà ngoại chơi. Mẹ gọi tôi phụ sắp xếp quần áo, tã, khăn, sữa, nước cho em. Tôi thấy rất vui. Tôi chơi với em và thấy vui hơn vì được “phục vụ” em, cảm giác bận rộn mỗi ngày tan biến đi đâu hết.

Thấy tôi vừa chơi với em, vừa hôn vào bàn tay bé bỏng của nó, mẹ cũng cười bảo:

– Thôi, chúng ta chuẩn bị lên đường nào, con gái cưng ơi!

Tôi “Dạ” nhanh gọn và dứt khoát lắm. Ba mẹ nhìn tôi cười:

– Thôi ta đi. Con gái của ba mẹ giỏi quá...

Ba mẹ cười mãi. Hình ảnh ba mẹ vui sướng hiện lên khuôn mặt, lên nụ cười, ánh mắt của ba mẹ dành cho tôi khiến tôi vô cùng hạnh phúc.

Mỗi lần nhìn ba mẹ cười, tôi lại nhớ đến kỉ niệm đáng nhớ ấy. Tôi phải làm nhiều việc tốt hơn nữa, cố gắng học tốt và yêu thương em để ba mẹ yên tâm và vui lòng, để tôi tự hào là một người con ngoan, một người chị tốt.

Sưu tầm

SACH GIAI

www.sachgiai.com

Đề bài: Hãy kể lại một lần trót xem nhật kí của bạn.

Bài số 117

Nhật kí là nơi mà mỗi chúng ta gửi vào đó tất cả tâm tư, tình cảm của mình mỗi ngày. Nhật kí là góc nhỏ riêng tư nhất, thầm kín nhất của riêng mình bạn, không ai có quyền xâm phạm. Vậy mà tôi lại đi đọc nhật kí của người bạn thân nhất của mình.

Linh là cô bạn gái thân thiết nhất của tôi. Thế nhưng, tính cách của Linh lại trái ngược hẳn với tôi. Tôi là một người khá sôi nổi và vui vẻ. Linh thì trầm lặng, e dè, ít nói. Dù hai đứa chơi thân với nhau đã lâu, nhưng cái cảm giác chưa hiểu hết về Linh luôn thôi thúc trong tôi ý muốn tìm hiểu thêm về Linh bằng mọi cách. Sự tò mò ấy đã khiến tôi phạm phải một lỗi lầm không thể tha thứ được. Đó là xem trộm nhật kí của Linh.

Hôm ấy, tôi và Linh hẹn nhau cùng làm bài tập nhóm ở nhà Linh. Tôi đã lên đến tận phòng mà Linh chẳng hề hay biết, bạn vẫn cắm cúi viết vào một cuốn sổ màu hồng khá dày. Đến khi tôi chào Linh thì Linh bỗng giật mình, tỏ ra lúng túng, vừa giấu vội quyển sổ vào trong tủ vừa nói:

- Lê đấy à, cậu làm tớ hết cả hồn!

Đúng lúc ấy, có tiếng mẹ Linh gọi từ dưới lầu, bảo Linh xuống mang bánh và nước lên để hai đứa học. Linh bảo tôi ngồi chờ rồi chạy xuống. Tôi nghĩ thầm:

- Nhật kí à? Đọc một chút không biết có sao không nhỉ?

Tôi rón rén như kẻ ăn trộm, mở tủ lấy quyển nhật kí ra. Bàn tay tôi cứ nửa như muốn lật từng trang, nửa như muốn cất nó đi vì không muốn xâm phạm đến bí mật riêng tư của người khác. Tôi giật thót tim khi nghe tiếng bước chân Linh bước lên cầu thang. Tôi vội vàng cất quyển nhật kí vào chỗ cũ rồi giả vờ như đang đọc cuốn sách toán một cách chăm chú. Lúc ấy, tim tôi đập thình thịch. May mà Linh không phát hiện ra.

Suốt buổi hôm ấy, tôi chẳng thể tập trung vào học được. Quyển nhật kí lúc này vẫn tiếp tục khơi gợi trí tò mò của tôi. Linh viết gì trong cuốn sổ ấy nhỉ? Tôi lên nhìn gương mặt của bạn tôi. Có lẽ vì chơi thân với nhau khá lâu nên tôi và Linh trông hơi giống nhau, cùng làn da trắng, cùng mái tóc đen dài và mượt. Điều duy nhất khác biệt giữa hai chúng tôi là ở đôi mắt, cửa sổ tâm hồn. Mọi người đều bảo đôi mắt tôi tròn xoe, luôn ánh lên những nét rạng rỡ khi có niềm vui. Còn đôi mắt Linh thì rất đẹp với đôi hàng mi cong vút, nhưng lúc nào cũng đượm buồn. Chỉ cần đọc cuốn nhật kí ấy thì tôi có thể biết được hết những gì ẩn chứa trong đôi mắt ấy. “Đọc một chút thôi, chỉ một chút thôi chắc không sao đâu”. Tôi nghĩ thầm và quyết tâm thực hiện ý định ấy.

Hôm sau, biết Linh phải đi học thêm trước giờ học nhóm, tôi bèn đến nhà Linh sớm hơn thường lệ. Quyển nhật kí của Linh vẫn cất trong ngăn tủ ấy. Bàn tay tôi run run lần giở từng trang.

“Ngày... tháng... năm...”

Hôm nay là ngày đầu tiên của mình ở trường cấp hai. Mình cảm thấy thật vui vì đã có một cô bạn đáng yêu đến làm quen với mình. Nhật kí biết không, bạn ấy như một thiên thần hạnh phúc vì đã giúp mình thoát khỏi sự cô đơn và buồn chán khi lần đầu tiên bước vào môi trường xa lạ này. Một tình bạn khởi đầu thật đẹp. Mong là sẽ luôn như thế.”

“Ngày... tháng... năm...”

Nhật kí ơi, mình buồn quá! Mình đã hi vọng vào tình bạn này thật nhiều. Thế mà hôm nay Lê lại bảo rằng không thể nào chịu được sự lặng lẽ của mình. Lê nói đôi mắt đượm buồn của mình luôn khiến Lê lo lắng nhưng mình không bao giờ chịu nói lí do để Lê yên tâm. Lê ơi, hãy thông cảm cho mình nhé. Mình đã thật có lỗi khi không nói ra sự thật về gia đình mình cho Lê biết. Ba mẹ mình đã li dị nhau từ hồi mình mới ba tuổi. Ba mình không đi công tác nước ngoài như mình từng kể với Lê. Thật ra, ba mình đã có gia đình riêng ở xa lắm. Mình luôn muốn được gọi tiếng “ba”, được ba chăm sóc, chiều chuộng như ba Lê thương yêu Lê vậy. Đôi khi mình ganh tị với Lê lắm, mong Lê hãy tha lỗi cho Linh nhé!”

“Ngày... tháng... năm...”

Mình và Lê đã làm hòa với nhau rồi. Lê luôn dặn mình phải lạc quan hơn, cười nhiều hơn và sống vui vẻ hòa đồng hơn. Mình biết Lê rất yêu quý mình. Từ nay mình phải luôn cười và yêu đời mới được. Tại sao không cười vì hạnh phúc khi mình có một người bạn tuyệt vời như Lê.”

Đọc đến đây, tôi không thể kìm nén những cảm xúc của mình nữa. Tôi cất cuốn nhật kí vào chỗ cũ rồi xin phép mẹ Linh về nhà. Về đến phòng mình, tôi nằm trên giường và khóc thật nhiều. Khóc vì thương bạn tôi phải chịu những nỗi buồn như thế, khóc vì Linh hết mực yêu quý tôi mà tôi lại lén lút đọc nhật kí của bạn.

Lúc sau, vừa đi học thêm về, Linh đã sang thăm tôi ngay vì nghĩ rằng tôi bị bệnh. Lúc ấy, tôi đã ôm chầm lấy Linh, nói trong nước mắt:

- Linh ơi, mình xin lỗi cậu nhé! Tội mình là bạn tốt của nhau mãi nhé!

Linh ngạc nhiên, rồi cũng ôm chầm lấy tôi. Linh đâu biết tôi đã làm gì. Nhưng có một điều mà cả tôi và Linh đều biết. Đó là hai đứa đã là bạn thân thiết, tri kỉ của nhau rồi. Và từ đây, lần xem trộm nhật kí này sẽ là một kỉ niệm đáng nhớ trong cuộc đời học sinh của tôi.

Sưu tầm

Đề bài: Em hãy kể về người thân của em

Bài số 118

Mẹ tôi vốn là một cô gái trồng hoa nét na thùy mị, được hàng xóm láng giềng yêu mến và tất nhiên, được rất nhiều chàng trai theo đuổi. Cuối cùng, mẹ đã chọn bố tôi – một viên chức thấu hiểu tâm hồn mẹ. Bố không thể cho mẹ nhiều thứ, tuần trăng mật: không, váy cưới: không, nhẫn cưới cũng không. Nhưng theo lời mẹ thì bố tôi đã tặng cho mẹ hai món quà tuyệt vời nhất: một vườn hoa xinh xắn ở sau nhà và tôi, tài sản lớn nhất của mẹ.

Mùa xuân, tôi bước theo mẹ thăm những bông hoa vừa hé nụ. Mẹ bảo rằng nàng tiên Xuân đã đánh thức cả vườn hoa và mỗi bông hoa tươi là một nụ cười của cuộc sống. Bàn tay mẹ chăm sóc nâng niu cho từng nụ cười nở rộ, đưa hương thơm náo nức khắp vườn, vì hương thơm chính là linh hồn của cỏ hoa. Tôi chẳng thể nào phân biệt được như mẹ và mọi loài hoa trong mắt tôi, tôi đều gọi là “hoa mẹ”.

Có lần, hai mẹ con ra vườn chơi từ lúc mặt trời chưa dậy. Mẹ ôm tôi vào lòng, hát những lời ru ngọt ngào, thủ thỉ các câu chuyện cổ tích về nàng công chúa Hoa, chàng hoàng tử Lá... và nói với tôi đôi lời vu vơ:

- Con có thấy hạt sương đang run rẩy trên cánh đồng kia không?

- Mẹ hỏi rồi nói: Nó đang khóc đấy, vì chút nữa thôi, khi mặt trời lên, nó sẽ tan biến khỏi cõi đời này. Hạnh phúc nhiều khi đơn giản lắm, con hiểu không?

Tôi không hiểu lắm những điều mẹ nói. Được sống bên bố mẹ như thế này, tôi cũng đã thấy hạnh phúc lắm rồi.

Mùa hè ủa đến với những tia nắng rất bỏng xen lẫn những cơn mưa dữ dội. Cảnh vật khô héo đi dưới sức nóng của mặt trời. Tôi ghét mùa hè! Mùa hè làm hoa lá ử rũ và làm mẹ tôi mệt mỏi. Mẹ thường xuyên bị chóng mặt và ho dữ dội, có lần mẹ còn bị ngất khi đang cùng tôi tưới hoa. Tôi chỉ biết ngồi khóc cho đến khi mẹ tỉnh dậy. Vậy mà mẹ dặn tôi rằng không được kể cho bố, rằng mẹ chỉ thiếp đi một chút thôi, và mẹ sẽ tự dậy được ngay.

Nhưng đến lần thứ hai, mẹ đã không tự dậy được.

Mẹ được chuyển ngay vào khoa Hồi sức cấp cứu của bệnh viện. Tôi chỉ được bố giải thích là mẹ chỉ ốm nhẹ, mẹ phải xa tôi một thời gian. Nhưng tôi chẳng tin đâu vì bị ốm nhẹ thì mẹ đâu phải nằm bệnh viện và bố đâu phải lo lắng đến rộc cả người thế kia.

Ngày nào tôi cũng được bố chở vào Bệnh viện thăm mẹ. Dù mệt mỏi nhưng mẹ vẫn tự tay vắt cam, pha sữa cho tôi uống. Mẹ cười rất tươi khi biết tôi vẫn chăm sóc cẩn thận những bông hoa ở nhà. Mẹ còn xin phép bác sĩ được tặng vài giống hoa đẹp cho khu vườn bệnh viện. Thấy mẹ như vậy, tôi cũng an tâm phần nào. Tôi sà vào lòng mẹ và nói:

- Mẹ ơi, mẹ có mệt lắm không? Mẹ phải nhanh khỏi ốm đấy nhé.

Mẹ âu yếm thơm tôi và trả lời:

- Ừ, mẹ sẽ nhanh khỏi ốm để đưa con gái mẹ đi chơi.

Thế nhưng lúc về, tôi thấy hình như mắt mẹ đầm lệ.

Thấm thoát, thu tới, thời gian trôi ngày một nhanh và mẹ tôi ngày một yếu hơn. Vào thăm mẹ, tôi giật mình khi thấy mẹ xanh xao quá và tóc mẹ rụng từng mảng. Tôi cứ khóc lóc mãi nên mọi người đành phải cho tôi ở hẳn bệnh viện với mẹ. Một lần, trong giấc ngủ mơ màng, tôi loáng thoáng nghe tiếng mẹ thổn thức:

- Anh ơi, em sắp phải đi rồi... Em chẳng tiếc gì đâu, em chỉ tiếc con em thôi... Giá mà em được nhìn thấy con khôn lớn, rồi con mình kết hôn... Ước gì em được sống thêm vài năm nữa, không, vài tháng, vài tuần nữa thôi cũng được. Sắp khai giảng rồi anh nhỉ? Em sẽ dắt con đi chợ mua sách vở, sẽ mua cho con nhiều quần áo mới...

Bệnh của mẹ đã vào giai đoạn cuối... Nhìn mặt mẹ, tôi biết mẹ đang đau đớn đến cùng cực. Tôi nghe được lời nói của bác sĩ với bố:

- Tôi không hiểu tại sao cô ấy lại có thể trụ vững lâu đến vậy. Thứ giữ vững cô ấy đến giờ không phải là thuốc men nữa rồi. Mà có lẽ... là tình yêu thương...

Vì mẹ tôi ốm yếu quá cho nên mọi người không cho tôi được ở với mẹ. Tôi một mình lăm lũi trở về khu vườn thân quen. Những cơn gió lạnh buốt sục sạo khắp nơi như muốn tiêu diệt nốt các mầm sống còn sót lại. Những bông "hoa mẹ" ủa tàn đổ gục xuống, những cánh hoa héo hắt và

giập nát phủ đầy trên mặt đất, chốc chốc lại bị gió thổi tung lên, bay là đà. Nhưng kìa, ở giữa khu vườn vẫn còn trơ trụi một bông hoa xinh tươi, dầu cành lá đã xiêu vẹo hẳn đi nhưng vẫn bất chấp giá lạnh và kiên cường sống. Tôi chạy vội tới, dùng cả hai lòng bàn tay che chở cho nụ cười cuối cùng của cuộc đời. Một cơn gió sắc như dao lướt tới, bông hoa xinh khẽ run rẩy rồi gục xuống, trong bàn tay tôi chỉ còn lá hoa rời rụng. Tôi òa lên khóc:

- Mẹ ơi! Mẹ về đi! Con nhớ mẹ quá... Con chẳng cần sách vở, con chẳng cần quần áo chẳng cần gì đâu. Con chỉ cần mẹ thôi...

Một buổi tối, mẹ yêu cầu bác sĩ cho tôi được ngủ chung. Buổi tối hôm ấy, cả đời này tôi không thể quên được. Mẹ tôi lại xinh đẹp như ngày xưa, da mẹ hồng hào, mắt mẹ long lanh. Trên khuôn mặt mẹ không còn nét đau đớn. Mẹ không nói gì cả, mà chỉ ôm tôi vào lòng, thật chặt. Tôi sung sướng áp mặt vào mái tóc thơm ngát của mẹ và ngủ thiếp đi.

Sáng hôm sau, tôi bị đánh thức bởi tiếng gào thét và tiếng chân người chạy cuống cuống. Tôi mở choàng mắt ra. Mẹ vẫn nằm yên trên giường, miệng thoáng một nụ cười mãn nguyện. Bố tôi quỳ phục bên mẹ, thân hình cứng đờ như tượng đá.

Tôi gào lên gọi mẹ, rồi gọi bố. Nhưng không ai trả lời... Cô y tá vội bế thốc tôi ra khỏi phòng nhưng trước đó, tôi vẫn kịp nhìn thấy bác sĩ cầm bàn tay mẹ lên. Trên tay mẹ vẫn còn một chiếc khăn tay rỉ máu:

- Tội nghiệp! Cô ấy muốn con bé ngủ yên...

Những cánh bướm rập rờn nô đùa quanh hàng trăm bông hoa mơn mẩn sắc hương. Chăm sóc cho vườn hoa ấy bây giờ chỉ còn tôi và bố, còn mẹ lặng lẽ ngủ ở một góc vườn ngắm nhìn hai bố con. Tôi đứng trước mộ mẹ mà lòng chột thấy băng khuâng. Được sống mãi trong khu vườn này bên những người thân yêu, đó là tâm nguyện của mẹ. Bố khẽ thở dài và vỗ vai tôi:

- Đừng buồn nữa con... Mẹ vẫn yêu thương chúng ta như chúng ta thương mẹ.

Tôi im lặng. Một mùi hương kì lạ: vừa nồng nàn đắm say, vừa nhẹ nhàng thanh khiết, có khi quấn quít không rời, có khi dịu dàng lan tỏa.

Đỗ Ngọc Hà

III. VĂN BIỂU CẢM

Đề bài: Tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong “Ánh trăng”, em hãy diễn tả dòng cảm nghĩ trong bài thơ thành một bài tâm sự ngắn.

Bài số 119

Tôi đã được sinh ra và lớn lên ở một vùng quê – nơi kí ức tuổi thơ của tôi gắn liền với những hình ảnh quen thuộc: với những cánh đồng, những dòng sông đỏ nặng phù sa, với biển cả mênh mông bạt ngàn. Và đặc biệt

hơn là trong những cánh rừng sắc mùi bom đạn. Người bạn thân nhất đã đồng hành cùng tôi trong suốt chặng hành trình gian lao, cực khổ, chính là ánh trăng tình nghĩa.

Đối với tôi, vầng trăng như một người bạn tri kỉ. Trăng không kiêu diễm, tráng lệ mà hết sức mộc mạc, chân thực, trần trụi giữa thiên nhiên, tươi tắn, hồn nhiên như cây cỏ. Mỗi bước chân tôi đi đều có ánh trăng đồng hành khiến tôi cứ ngỡ rằng trong suốt cuộc đời này tôi sẽ không bao giờ quên cái vầng trăng tình nghĩa ấy. Cuộc sống có muôn trùng thay đổi, tôi không thể dự đoán được ngày mai sẽ ra sao? Thời gian cứ thế trôi qua cuốn theo mọi thứ như một cơn lốc, và con người không thể kháng cự lại sự thay đổi đó. Khi đất nước hoà bình, tôi được chuyển về thành phố sống trong căn nhà buyn-dinh với đầy đủ đồ dùng hiện đại. Tôi cũng làm quen dần với những thứ xa hoa nơi ánh điện, cửa gương. Và rồi trong chính sự xa hoa đó, tôi đã quên đi người bạn tri kỉ của mình. Người tri kỉ ấy đi qua ngõ nhà mình nhưng mình lại xem như không quen không biết. Phải chăng vì cuộc sống quá tiện nghi và sung sướng nên tôi đã bỏ lại người bạn đã gắn bó bao năm tháng của mình? Ánh trăng giờ đây đối với tôi chẳng khác nào người đứng qua đường. Bỗng dưng đèn điện tắt, cả căn phòng tối om. Giờ đây tôi mới biết được cảm giác nóng nực và ngọt ngào, dường như không thể thở nổi, tôi chạy ủa đến bật tung cửa sổ. Thật ngỡ ngàng! Hình ảnh đầu tiên đập vào mắt tôi là ánh trăng tròn vành vạnh. Dường như trăng đã chờ đợi tôi rất lâu, trăng vẫn vẹn nguyên, chẳng có gì thay đổi dấu cuộc sống có thể nào. Đối mặt với người bạn cũ, lòng tôi nghẹn ngào, những giọt nước mắt rưng rưng nơi khoé mắt như muốn trào ra. Những kí ức tuổi thơ và bao đêm ở rừng chợt dội về: trăng vằng vặc trên cánh đồng, bao la trên biển cả, len lỏi giữa những khe lá, kể vai sát cánh bên tôi những lúc buồn tẻ, cô đơn. Ánh trăng im phăng phắc nhìn đáp lại tôi cứ như nhắc nhở về quá khứ xa xăm. Trăng vẫn tròn đầy, vẫn tỏa ánh sáng lung linh như chẳng hề trách giận. Lòng bi tha, tình cảm thủy chung ấy của trăng khiến tôi tự trách bản thân quá tồi tệ, vô tình.

Cuộc sống này sẽ chẳng có gì vui nếu không có tình bạn. Hãy trân trọng những người bạn tốt mà bạn có, bạn nhé!

Đề bài: Cảm xúc của em về một loài hoa em yêu thích.

Bài số 120

Hoa lan dây

Sáng nay, không gian của những ngày thu như phủ đầy lên vạn vật. Một màn sương giăng mỏng trên mặt đất. Không khí trời thu thật trong lành và dễ chịu. Hít một hơi thật sâu cảm giác như tất cả hơi thở cuộc sống đều tràn vào lồng ngực. Một cánh hoa xoay tròn rồi hạ cánh nhẹ nhàng trên vai áo tôi. A! Hoa lan dây! Hoa lan dây đã nở!

Khi cây lan dây bắt đầu biết hướng thân mình để đón ánh sáng thì cũng là lúc cây lan dây và cây dâu là hai người bạn thân của nhau. Chúng quấn quýt bên nhau, cùng nhau nhảy múa trong những ngày mưa, cùng ngắm cảnh bình minh lên và cùng ngắm cảnh hoàng hôn buông xuống. Lá cây lan dây có hình gần giống với hình trái tim nhưng có vẻ hơi dài một chút. Toàn thân cây lan dây khoác lên mình một màu xanh mượt. Nổi bật trên phong nền đó chính là những bông hoa màu tím. Những bông hoa có năm cánh màu tím nhạt trông rất giản dị và đầm thắm. Hoa lan dây không kiêu diễm như hồng nhung, không nhỏ bé, chúm chím như hồng tĩ muội, không tím đậm như hoa viôlét hay như thạch thảo mà chỉ là một màu tím nhạt – màu gợi lên hình ảnh của một cô gái Huế thướt tha trong tà áo dài trên những con đường giữa lòng thành phố. Nó giản dị, mộc mạc, đơn sơ nhưng lại dễ dàng đi vào lòng người. Nhớ biết bao màu lan dây tím...

Cái nắng của mùa hạ càng gay gắt bao nhiêu thì những bông hoa lan dây lại càng đẹp bấy nhiêu. Vàng của nắng, tím của hoa, xanh của bầu trời – ba gam màu như quyện vào nhau để rồi cái nắng của ngày hạ làm cho con người càng yêu càng quý nó hơn. Một cơn gió ào thổi qua là giây phút của những bông lan dây đua nhau hạ cánh thật tinh nghịch. Vài bông hoa khi gió thổi chẳng suy nghĩ đắn đo gì lao vút xuống mặt đất như không định trước; vài bông hoa như chẳng muốn có giây phút chia tay này, đã lìa cành mà còn chút vẩn vương, chút ước ao, ngày nào đó mình sẽ được trở lại với "gia đình của những bông lan dây". Hay có bông cứ mặc cho gió đưa đẩy mà chẳng hề lo sợ, bận tâm. Và khi gió ào qua cũng là lúc những chiếc lá nhẹ nhàng từ già thân cây, bay một vòng chao nghiêng rồi hạ cánh thật lặng lẽ và bình yên. Mỗi bông hoa như một cuộc đời, mỗi chiếc lá như một câu chuyện...

Vạn vật trên cõi trần đều được tạo hoá, sinh ra. Và phải chăng tạo hoá chỉ cho phép mỗi bông lan dây có thể rực rỡ trong một ngày mà thôi. Như vậy có bất công quá không nhỉ? Nhưng có lẽ qua đó tạo hoá cũng muốn nhắn gửi: Mỗi ngày trôi qua đều có ý nghĩa, ngày hôm nay sẽ không giống với ngày mai, đó mới thực sự là cuộc sống; hãy làm những gì mình có thể làm được trong những giây phút mà mình được sống, đó mới đúng là mình đang sống. Sở dĩ tôi nhắc đến loài hoa này bởi tôi yêu nó nhất, tôi yêu cái giản dị, đơn sơ nhất của nó, tôi yêu cái nhẹ nhàng của mỗi cánh hoa, tôi yêu mỗi bông hoa bởi nó đã lặng lẽ nằm trong trái tim tôi lúc nào cũng không biết nữa? Hoa lan dây luôn chiếm một phần quan trọng trong trái tim tôi, trái tim của một cô bé mười lăm tuổi đầy mơ mộng – hoa lan dây!

Lê Thúy Hoài

Bài số 121

Hoa súng

Hai cây cùng có một tên

Cây xoè mặt nước, cây trên chiến trường

Cây này bảo vệ quê hương

Cây kia hoa nở soi gương mặt hồ.

Câu đố này cô giáo đọc cho chúng tôi nghe, với sự non nớt và không biết nhiều về thế giới xung quanh, chúng tôi trầm ngâm mãi mà không biết cây gì? Một lần về quê, tôi được bà nội dẫn đi thăm vườn cây. Đến giữa vườn có một cái ao rộng, tôi chợt nhìn thấy một loài cây lạ, bà đã giải đáp cho tôi: đó là cây súng. Tôi chợt nhớ câu đố của cô hôm nào, tôi vô cùng vui sướng khi tìm ra đáp án của câu đố ấy. Từ đó, hình ảnh cây hoa súng luôn hiện hữu trong trái tim tôi.

Loài hoa mang cái tên thật mạnh mẽ, sắc lạnh nhưng lại có một vẻ đẹp đậm thắm, dịu dàng. Tâm hồn ta sẽ thư thái biết bao khi được đứng trước một vùng sông nước mênh mông rợp sắc tím biếc của những bông súng dập dềnh trên sóng nước. Chẳng biết vì sao mà ngay từ khi thấy những bông hoa với những cánh thon dài như những ngón tay búp măng khum lại đang đón nhận sương mai, nắng vàng, gió mát và cả đông bão thì tôi đã dành cho hoa một tình cảm triu mến,... Hoa súng có một màu tím là lạ. Màu tím ấy không rực rỡ, không cầu kì hay sang trọng như hoa lan,... mà giản dị, thanh cao, tượng trưng cho sự chung thủy. Nhìn chúng, lòng tôi như vơi đi mọi ưu phiền. Tôi thích nhất những lúc ngắm bông súng tím dưới ánh nắng ban mai, những giọt sương còn đọng lại trên cánh hoa tựa như những hạt pha lê lấp lánh giữa hồ. Nếu bạn muốn cảm nhận sự tinh khôi của ban mai thì bạn hãy ngắm những bông súng đang chào bình minh, tâm hồn bạn sẽ cảm thấy khoan khoái, lâng lâng khó tả. Hoà thêm vào giây phút đó là mùi hương thoang thoảng của hoa, nhẹ nhàng thấm sâu vào tâm hồn bạn. Áp nhẹ cánh hoa mềm, mỏng manh lên má, bạn sẽ thấy mát, mịn màng. Cuống hoa súng, thon dài, đỡ lấy nàng bông tươi thắm. Bông súng soi mình xuống mặt hồ tạo nên hình ảnh ảo uốn lượn, dập dềnh.

Vẻ đẹp của hoa súng tô điểm cho thiên nhiên, quê hương thêm tươi đẹp, rực rỡ. Hoa súng đã đi sâu vào trái tim mỗi người qua những bài kinh Phật, những bài thơ, bài hát,... Hoa súng thật có ích đối với mọi người. Tôi yêu hoa súng không chỉ trong khoảnh khắc hoa nở mà ngay cả khi đêm về, hoa súng đã chìm vào giấc ngủ, tôi vẫn thấy những lá súng lấp loáng nối nhau trải dài dưới trăng có sức hấp dẫn lạ kì. Dưới trăng lá súng bỗng trở nên có hồn, như biết trò chuyện cùng sóng nước lao xao...

Với ai đó, hoa súng chẳng có gì đáng để ý, quan tâm, còn với tôi và có lẽ với nhiều người dân Việt, bông súng đáng yêu, đáng quý biết bao, hoa súng chỉ nở theo mùa, những cánh hoa mong manh sớm nở, tối tàn đã để lại trong lòng người yêu hoa những nhớ nhung, khắc khoải, đợi chờ...

Thời gian cứ trôi đi, trôi đi như những làn sóng dập dềnh ra khơi không thể trở lại. Nhưng có lẽ kỉ niệm thời thơ ấu luôn đọng mãi trong em. Mỗi khi nhắc đến hoa súng, tôi lại bồi hồi nhớ lại kỉ niệm năm xưa. Lần ấy, tôi cùng vài đứa bạn ra bờ ao chơi, chúng tôi leo lên cây dừa hái trái cây. Chợt, tôi ngã từ trên cây xuống ao, may mắn là tôi biết bơi nên không bị chìm. Chỉ tiếc là tôi đã làm rách một phần hai bông súng vô tội ấy. Lúc ấy, tôi mới ngẩn ngơ tiếc nuối những bông hoa tươi thắm, mỏng manh mà bấy lâu nay tôi không để ý đến. Hoa ơi! Cho mình xin lỗi bạn nhé!

Càng nhìn hoa súng, tôi càng nhớ những lúc bà nội dẫn tôi ra vườn súng chơi. Ngồi cạnh hồ súng, tôi vừa thưởng thức hương thơm thoang thoảng vừa được bà kể cho nghe những câu chuyện cổ tích. Niềm hạnh phúc vô vàn trong tình thương yêu của bà nay chỉ còn là hoài niệm. Bà đã đi xa nhưng hoa súng vẫn còn đó. Mai sau và mãi mãi, sắc tím ngày nào vẫn luôn đọng lại trong kí ức và trái tim nhỏ bé của em, một màu tím vĩnh hằng.

Sưu tầm

Đề bài: Cảm xúc của em khi chia tay mái trường cấp hai

Bài số 122

Nắng mùa thu thật lạ. Sánh như mật và ấm áp. Bắt đầu năm học cuối cấp, chúng tôi trở thành đàn anh đàn chị của cả trường. Cảm giác được làm anh làm chị – đi mạnh dạn hơn, cười nói to hơn, mắt hếch lên nhìn trời trông oai oai làm mỗi đứa thấy mình khoai khoai. Lớp chín được học trên tầng ba vừa có những tán lá cây xanh ngắt vừa tràn đầy nắng và gió. Cái tổ chim nho nhỏ chơi vơi ba mươi gương mặt miệng cười lòng hát. Nắng đan xung quanh thành tấm lưới vàng, mây bay thanh thơi, không gian yên bình đang ôm ấp lấy tất cả những gì hồn nhiên, trong trắng, ngây thơ nhất của tuổi học trò.

Tổ ấm 9A đang tràn ngập tiếng cười. Quyển nhật kí thân thương được lập ra từ đầu năm học để lưu lại tất cả những kỉ niệm vui buồn năm cuối cấp và cũng là nơi để tổ ấm giữ lại làm kỉ niệm khi ra trường cho mỗi thành viên. Nó cũng là một thành viên nhí nhảnh của tập thể ấy, hàng ngày tranh giành quyển nhật kí với đồng bạn mồm mép tép nháy, rồi về nhà miệt mài với những câu chuyện mà sáng mai lũ bạn đọc xong sẽ bỏ lăn ra cười. Như chuyện "Một anh chàng đứng ở ban công phòng tớ với một cành hoa lan thơm ngát, chàng răng trắng mắt sáng, môi đỏ mũi cao cười duyên chết thôi. Chàng giơ tay định gõ cửa phòng tớ để hát tặng tớ một bản tình ca du dương bổng bố tớ hét âm lên: "Trộm, trộm" và suýt chó ra đuổi, chàng "bỏ cửa chạy lấy người", bỏ lại cành hoa lan làm tin rồi biến lẫn vào bóng đêm thăm thẳm. Và để minh chứng cho câu chuyện nhằm nhí ấy sáng hôm sau, nó dậy thật sớm, ra chợ mua một cành hoa lan trắng muốt mang đến lớp. Mỗi đứa với tay lấy một nụ hoa mới tan sương sớm,

hít hà cất lực rồi phấn khởi bước vào lớp với một mùi lan còn vương vấn khắp không gian...

Sáng sớm nó mở nhật kí lớp. Thấy những vần thơ:

*Có một ngày trời đất nhẹ tênh
Mây lênh đênh rong chơi cùng gió.*

Thấy lòng mình cũng nhẹ tênh, nó viết luôn mấy dòng:

*Dù mai đây cách xa muôn phương
Nhớ mãi nơi đây một mái trường
Quên làm sao được bốn năm ấy
Lặng đọng trong tôi nhớ và thương.*

Mỗi ngày đến lớp lòng đứa nào cũng ấm áp những điều muốn kể. Một cái lá đầu mùa nó nhặt được trên sân trường còn hơi quần chưa tỉnh ngủ được nó ép vào trang sổ nhật kí.

Thời gian cứ như thế dần trôi đi mang theo bao nhiêu kỉ niệm và dư vị tuổi học trò tinh nghịch. Tháng 12 rồi còn gì? Chẳng mấy chốc lại phải chiến đấu với những kì thi... Đứa nào cũng cố gắng lờ đi cái giây phút đáng ghét ấy nhưng nó cứ lừ đừ đến gần, gần mãi không cách gì ngăn nổi. Thỉnh thoảng lại rủ nhau lấy xe đi lượn vòng vèo qua mấy hàng cây mát rượi hít thở cảm nhận cái không khí trong lành, giải tỏa hết áp lực học tập. Tuy ngoài mồm đứa nào cũng quàng quạc "Mình học mà chẳng vào đâu được gì cả" nhưng trong thâm tâm đứa nào cũng đang rất lo lắng. Một cuộc thi có ý nghĩa quyết định rất lớn. Đứa nào chẳng lo. Ban ngày vui vẻ nhí nhảnh thế thôi tối về lại miệt mài với những bài toán khó hay những bài văn, bài anh, thật là lo.

Giờ những trang nhật kí lớp thấy lòng vui vui, nao nao đến lạ. Có trang chưa viết đến có đứa lại chen vào: "Đứa nào phải viết trang này sau này sẽ con cháu đầy đàn, thóc lúa đầy bồ, gà lợn đầy sân". Nhật kí lớp đầy ắp những kỉ niệm tinh nghịch hồn nhiên đến khó quên dù lúc nào cũng hô khẩu hiệu: "Cuối cấp rồi lo mà học đi". Mặc dù có những lúc bạn bè chơi với nhau chưa đoàn kết nhưng bây giờ đứa nào cũng cố quên hết, quên tất cả những gì không vui. Đứa nào cũng muốn làm gì đó để thể hiện tất cả tình yêu thương của mình cho thầy cô, bạn bè, để rồi mai đây, ra trường sẽ không phải tiếc nuối. Ba chín con chim non đang cố gắng bảo nhau học tốt để xây dựng lên một tổ ấm đầy kỉ niệm và vào cấp ba với những trường mình dự định.

Bốn năm trung học đi qua thật nhanh, như cơn gió thoảng rồi đọng lại trong giây phút chia xa. Có phải là "ta đi qua những năm tháng không ngờ. Vô tư quá để bây giờ xao xuyến". Giờ cũng vẫn là ngôi trường Văn Lang ấy, cũng vẫn là khung cảnh học trò ấy, cũng vẫn là những thế hệ thầy cô và bao bạn bè năm xưa nhưng tất cả giờ sẽ chỉ còn là hoài niệm! Ta nhớ trường, nhớ bạn cũ, nhớ thầy cô. Ngồi ngẩn ngơ đọc lại đôi vần thơ cũ của Hoàng Nhuận Cầm:

Nỗi nhớ chẳng bao giờ nhớ thể.

Bạn có nhớ trường, nhớ lớp, nhớ tên tôi?

Thèm lắm một tiếng trống trường xưa vọng lại!

Lê Thị Bích Ngọc

Bài số 123

Một mùa hè nữa lại về...

Hè về trên từng ngõ nhỏ, từng hàng cây, từng hơi thở của nắng và hoa cỏ. Cứ mỗi lần nhìn thấy nụ hoa phượng chớm nở, dù chỉ mới chớm nở thôi mà bao nỗi nhớ đã tràn về trong lòng mỗi người học sinh. Một cảm giác xao xuyến khó cất được thành lời. Đặc biệt là với thế hệ học sinh sắp ra trường thì thầy cô, bạn bè, lớp trường, sách vở càng nhìn lại càng thấy nhớ. Thời gian có lẽ là thứ nhẩn tâm nhất, nó cứ lặng lẽ trôi, trôi mãi; cứ quay đều, quay đều mà vô tình đặt lại phía sau bao hoài niệm thân thương. Để rồi mỗi khi giật mình nhìn lại, ai cũng thấy mắt mình rung rung, ướt đẫm...

Ngày chia tay có lẽ là ngày đáng nhớ nhất trong suốt những tháng năm học tại Trường Trung học cơ sở Văn Lang... Hằn trong sâu thẳm trái tim của mỗi người học sinh đều muốn níu kéo, lưu giữ một chút gì của một thời mực tím. Để đến giờ phút chia tay, ai cũng muốn cất lên tiếng nói của chính mình – một tiếng nói với các thầy, các cô – một tiếng nói với mái trường Văn Lang gắn bó...

Có lẽ không có một thước đo nào chính xác hơn thước đo của tri thức và tấm lòng. Nơi đây, chúng em đã được đào tạo trong môi trường học đường thật nghiêm túc, có tính kỉ luật cao với những thầy cô chuyên môn sâu rộng, đầy tinh thần trách nhiệm và đặc biệt là có một tấm lòng khoan dung, yêu thương các học trò của mình, bảo ban, dạy dỗ khác nào những đứa con? Mỗi giọt mồ hôi rơi, từng sợi tóc chuyển bạc, tất cả, tất cả, là tâm huyết với nghề, là những nguyện ước mong cho chúng con nên người. Nếu như trường học là gia đình thứ hai thì cô thầy chính là những người mẹ, người cha nuôi chúng con lớn khôn từng ngày bằng tri thức. Chúng con tự hào về các thầy, các cô. Hình ảnh của các thầy, các cô sẽ sống mãi, trong trái tim chúng con.

Bốn năm Trung học cơ sở – có lẽ đó là quãng thời gian đẹp đẽ nhất, tuyệt vời nhất trong cuộc đời học sinh của mỗi chúng ta. Dẫu cho dòng thời gian có như cơn thác dữ ào ạt xô ta tới chân trời mới nhưng... những kỉ niệm về một thời hoa phượng, những kỉ niệm dưới mái trường Văn Lang sẽ không thể nào nhạt phai, quên lãng, nó sẽ theo em suốt cuộc đời.

Ngày mai, xa mái trường này, chúng em xin hứa sẽ cố gắng học tập, tu dưỡng đạo đức thật tốt để xứng đáng là học sinh của Trường Trung học cơ sở Văn Lang, xứng đáng với niềm tin mà các thầy cô đã đặt ở chúng em.

Nguyễn Tiến Dũng

Bài số 124

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ
Đi suốt đời lòng mẹ vẫn theo con.*

Tình yêu của bố mẹ dành cho con bao la là thế. Từ lúc còn là bào thai nhỏ trong bụng mẹ đến khi khôn lớn nên người, lúc nào bố mẹ cũng bên con. Dù có nhiều lần con không ngoan, không vâng lời nhưng trong sâu thẳm đáy lòng, con luôn yêu bố mẹ nhất đời.

Mẹ là người luôn bên con, bế bồng chăm sóc con từng miếng ăn giấc ngủ. Con có đọc câu chuyện kể về hai chị em song sinh trước khi chào đời có rất nhiều nỗi lo lắng về cuộc sống sau này của mình sợ không được ai cho ăn cho uống che chở như khi còn trong bụng mẹ. Nhưng rồi hiển nhiên ngày đó cũng tới và cũng là ngày họ nhận ra rằng: dù cuộc đời có đầy ắp niềm vui hay đau khổ họ vẫn luôn có mẹ bên cạnh. Bàn tay mẹ chai sần vì con, đôi chân mẹ cũng vì con mà trở nên gân guốc. Mẹ đã dành thời gian, công sức nấu cho con những bữa cơm ngon, dạy con học, chở con đi học, đi chơi... Thế mà đã quá nhiều lần con vô lễ với mẹ, mỗi khi nhớ lại tim con như nhói đau.

Còn bố tuy vẻ bề ngoài dường như khô khan nhưng tình thương bố dành cho con sâu nặng vô cùng. Bố rất ít phạt con nhưng mỗi lần bố phạt là con biết lỗi của con rất nặng. Những lúc ấy, con chỉ là một đứa trẻ đại khờ chỉ biết khóc lóc giận dỗi, mỗi lần như thế chắc bố thất vọng về con lắm.

Sau những lần con vô lễ với bố mẹ, con chỉ muốn bật khóc khi nhớ lại, rồi con lại nghĩ: "giả như mình đã không làm thế", "giả như"... Sao con lại không biến những điều giả như ấy thành sự thật. Bố mẹ chắc sẽ vui lắm, nụ cười tươi tắn khi bạn khoe điểm 10 đỏ chói, hay là lời ân hận khi bạn mắc khuyết điểm... Bố mẹ có thể hi sinh cả đời vì con và cũng không mong cầu gì cho bản thân chỉ mong cho con được lớn khôn, khỏe mạnh. Những lần bố mẹ mệt nằm trên giường, con lo lắng, không sao ngồi yên được, chỉ mong có thể làm được gì đó cho bố mẹ đỡ vất vả hơn.

Mỗi người dù là ai, dù ở đâu thì lòng hiếu thảo luôn có trong tim. Con người đôi khi mãi chạy theo cuộc sống vật chất dường như quên nghĩ đến cha mẹ. Nhưng khi gặp những khó khăn thất bại, khi bị cuộc đời vùi dập thì lại thấy nhớ và yêu bố mẹ nhiều hơn. Có những người con khi nhận ra mình vô cùng yêu thương bố mẹ thì đã quá muộn. Thế nên ngay từ khi còn có thể, chúng ta hãy thể hiện lòng hiếu thảo với bố mẹ, đừng để khi không còn có thể báo hiếu cho cha mẹ nữa mới hối hận cũng đã muộn. Bởi:

*Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng
Con nuôi cha mẹ tỉnh tháng tỉnh ngày.*

Đối với riêng em, em may mắn có một người cha yêu thương, chăm sóc em từng li từng tí, nhưng cha em đã mãi mãi ra đi sau một tai nạn giao thông. Hình ảnh cha lại về trong kí ức em. Cái bóng gầy gò liêu xiêu ấy in mãi trong tâm hồn em, mỗi sáng cha đi bộ dắt em đến trường. Trên vai cha mang chiếc cặp vừa đi vừa hỏi em chuyện học hành. Bây giờ cha không còn nữa nhưng em vẫn cố gắng chăm ngoan học tập để không phụ lòng cha. Hình ảnh và tình thương của cha mãi mãi theo em trong suốt cuộc đời.

Cảm ơn đời đã cho em có cha và có mẹ! Cha mẹ là điểm tựa vĩnh cửu cho con trên đường đời. Từ tình yêu, lòng hiếu thảo với cha mẹ con bước đầu mới hiểu về quê hương, đất nước - nơi đã cứu mang tất cả con dân của Tổ quốc. Hôm nay bố mẹ chăm sóc con, mai kia con lớn con sẽ chăm sóc bố mẹ, đền đáp bao công lao dưỡng dục của bố mẹ mà có thể muôn đời sau con không đền đáp hết, như nhạc sĩ Trần Quế Sơn đã nói:

*Con ra đời mẹ nhé
Con yêu mẹ nhất đời
Muôn ngàn năm sau nữa
Con công mẹ đi chơi.*

Con mong dâng tặng bố mẹ tất cả lòng hiếu thảo của con.

Đề bài: Cảm nhận của em về lời ru của mẹ

Bài số 125

Có biết bao nhiêu cảm nhận trong lòng của những người con về lời ru của mẹ. Tiếng mẹ à ơi ngọt ngào là những gì tha thiết nhất luôn vỗ về con từ thuở lọt lòng đến khi những bước chân con đã đi đến được những nẻo đường đời, mà ta vẫn không đi hết được lời ru của mẹ. Tình mẹ qua những lời ru thiết tha ấy là bao điều ta nghĩ suy, chẳng bao giờ với cạn để cho ta tạc dạ ghi lòng.

Tuổi thơ của tôi trong lời ru của mẹ là cả mười năm trời lời ru đơn côi, mười năm trời cha công tác nơi hải đảo xa xôi. Còn một mình mẹ với hai đứa con ngơ ngác, nhỏ dại. Hình ảnh mẹ hao gầy như những đêm trăng khuyết, trên vai mẹ phải gánh bao gánh nặng của cuộc sống. Nhưng lời ru của mẹ vẫn cho con một mùa xuân ấm áp. Hình ảnh mẹ tôi tất tả bước chân trên những khúc đê quanh co của miền quê Phú thọ, tà áo mỏng manh của mẹ càng mỏng manh hơn trong mỗi chiều ngược gió. Thế nhưng đằng sau đó, mẹ vẫn tìm về những lời ru bình yên cho con, mẹ vẫn tìm về những lời ru với cả một mùa hoa thơm trái ngọt. Lời ru đọng đầy hạnh phúc và niềm tin sáng tươi trên mỗi nẻo đường đời. Lời ru ấy đã cho tôi biết yêu đời, yêu người hơn.

Lời ru của mẹ cho chúng ta lớn lên, cho ta viết được bao vần thơ tặng mẹ, đi dọc những lời ru tha thiết ấy cho ta hiểu được lòng mẹ dành cho

con dài rộng biết chừng nào. Trong lời ru của bao bà mẹ, khổ đau vất vả mẹ giấu vào lòng để cho con hưởng trọn một lời ru ngọt ngào thanh thang hạnh phúc. Để cho con biết qua khổ đau, khó nhọc sẽ có một ngày tươi đẹp ở đường đời. Để cho con biết thương những vầng trăng khuyết như dáng mẹ hao gầy năm xưa. Lời ru của mẹ thăm thẳm thiết tha theo suốt cuộc đời con:

*À ơi... đi suốt cuộc đời
Vẫn nghiêng cánh vông những lời mẹ ru...
Mẹ gom cả thế gian này
Tình yêu hạnh phúc trao tay con cầm
Nẻo xưa nước mắt âm thầm
Đường gần trái ngọt con cầm trên tay.*

(Chu Thị Thơm)

*Ta đi trọn kiếp con người
Vẫn không đi hết mấy lời mẹ ru*

(Nguyễn Duy)

Câu thơ ấy là tấm lòng thành kính của chúng con dâng mẹ và nặng lòng biết ơn mẹ, trong suốt cuộc đời mỗi chúng con lời ru của mẹ lúc nào cũng vẫn vương tha thiết trong lòng.

Những lời mẹ ru sẽ là những gì êm ái nhất, nhân bản nhất trong hành trang khi con bước vào đời. Lời ru và tình yêu thương của mẹ sẽ theo mỗi chúng ta đi suốt cuộc đời, ta viết sao cho đủ lòng mẹ qua lời ru thiết tha ấy, để cho ta đi hết cuộc đời này “vẫn không đi hết được những lời mẹ ru”.

MỤC LỤC

Lời nói đầu	3
Phần một	
NGHỊ LUẬN VĂN HỌC	
• Suy nghĩ của em về nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> của Nguyễn Dữ.....	5
• Trong <i>Chuyện người con gái Nam Xương</i> , nhân vật Trương Sinh vội tin câu nói ngây thơ của con trẻ đã nghi oan cho Vũ Nương ruồng rẫy và đánh đuổi nàng đi. Vũ Nương bị oan ức nên nhảy xuống sông tự vẫn. Em hãy đọc kĩ lại tác phẩm và tìm xem có những chi tiết nào trong truyện tác giả muốn hé mở khả năng có thể tránh được thảm kịch đau thương cho Vũ Nương. Những nguyên nhân nào làm cho thảm kịch đó vẫn diễn ra dẫn đến cái chết đau thương của người phụ nữ đức hạnh? Em hãy bình luận về nguyên nhân cái chết đó.....	9
• Phân tích đoạn trích <i>Chị em Thuý Kiều</i> trích <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du	11
• Phân tích hình ảnh chị em Thuý Kiều qua đoạn trích <i>Chị em Thuý Kiều</i> và nêu lên nhận xét của em về nghệ thuật tả người của Nguyễn Du	15
• Bình giảng 8 câu thơ cuối trong đoạn trích <i>Kiều ở lầu Ngưng Bích</i>	19
• Phân tích đoạn trích <i>Mã Giám Sinh mua Kiều</i>	23
• Nhận xét ngôi bút miêu tả của Nguyễn Du.....	25
• Thiên nhiên trong <i>Truyện Kiều</i>	31
• Suy nghĩ của em về nhân vật Lục Vân Tiên trong đoạn trích <i>Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga</i>	35
• Hình tượng người phụ nữ trong xã hội phong kiến qua một số tác phẩm văn học dân gian và văn học trung đại.....	37
• Phân tích bài thơ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu.....	41
• Suy nghĩ của em về tình đồng chí đồng đội trong bài thơ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu.....	44
• Phân tích bài thơ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu để thấy bài thơ đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.....	47
• Phân tích hình ảnh "Đầu súng trăng treo" trong bài thơ <i>Đồng chí</i> của Chính Hữu.....	51
• Phân tích bài thơ <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật.....	55
• Suy nghĩ của em về hình ảnh những chiến sĩ lái xe trong <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật.....	58
• Phân tích bài thơ <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> của Huy Cận	60
• Có người nói: "Bài thơ <i>Đoàn thuyền đánh cá</i> là một khúc ca". Đây là khúc ca gì? Em hãy phân tích bài thơ để chứng minh điều đó?	66
• Hình tượng người bà qua dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình trong bài thơ <i>Bếp lửa</i> của Bằng Việt	69
• Phân tích bài thơ <i>Ánh trăng</i> để thấy được đây là lời nhắc nhở ân tình, ân nghĩa thủy chung với quá khứ	72
• Cảm nhận về một đoạn thơ trong bài thơ <i>Ánh trăng</i> của Nguyễn Duy.....	76
• Phân tích bài thơ <i>Ánh trăng</i> của Nguyễn Duy	77
• Phân tích truyện ngắn <i>Làng</i> của nhà văn Kim Lân	84

- Có ý kiến cho rằng: "Một tác phẩm để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc chính là xây dựng thành công tình huống truyện và miêu tả nội tâm nhân vật". Hãy phân tích tình huống truyện và nghệ thuật miêu tả nội tâm trong tác phẩm *Làng* của nhà văn Kim Lân để làm rõ ý kiến trên 87
- Suy nghĩ về nhân vật ông Hai trong tác phẩm *Làng* của Kim Lân 89
- Nhận xét về ông Hai trong *Làng* của Kim Lân có ý kiến cho rằng: "Đưa tình yêu làng lên tình yêu nước, gắn tình yêu làng với tình yêu cách mạng, nét giống đó mang vẻ đẹp tư tưởng mới ở người nông dân đã đưa nhân vật ông Hai lên vị trí một điển hình người nông dân trong buổi giao thời mới cũ" (Viện Khoa học Việt Nam, *Văn học kháng chiến chống Pháp*, Nxb Khoa học Xã hội, 1986). Em hãy phân tích nhân vật ông Hai để làm sáng tỏ ý kiến trên 94
- Suy nghĩ của em về nhân vật anh thanh niên trong *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long 98
- Cảm nhận về nhân vật ông họa sĩ trong *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long 104
- Phân tích vẻ đẹp con người trong ba tác phẩm *Ánh trăng* - Nguyễn Duy, *Lặng lẽ Sa Pa* - Nguyễn Thành Long, *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* - Phạm Tiến Duật 105
- Suy nghĩ của em về tình cảm gia đình, tình cảm cha con trong chiến tranh qua văn bản *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng 118
- Suy nghĩ về nhân vật ông Sáu trong *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng 120
- Phân tích bài thơ *Con cò* của nhà thơ Chế Lan Viên 123
- Cảm nhận về bài thơ *Mùa xuân nho nhỏ* của Thanh Hải 127
- Cảm nhận của em về bài thơ *Viếng lăng Bác* của Viễn Phương 132
- Suy nghĩ của em về bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh 137
- Phân tích hai khổ thơ đầu trong bài thơ *Sang thu* của Hữu Thỉnh 139
- Những biến đổi của đất trời trong thời khắc giao mùa qua *Sang thu* của Hữu Thỉnh 141
- Suy nghĩ của em về bài thơ *Nói với con* của Y Phương 143
- Phân tích tác phẩm *Bến quê* của nhà văn Nguyễn Minh Châu 147
- Suy nghĩ về nhân vật Nhĩ trong tác phẩm *Bến quê* 149
- Những nghịch lí trong truyện ngắn *Bến quê* của nhà văn Nguyễn Minh Châu 153
- Phân tích bài học làm người qua hai tác phẩm *Ánh trăng* của Nguyễn Duy và *Bến quê* của Nguyễn Minh Châu 156
- Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê 159
- Suy nghĩ của em về hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê 161
- Phân tích vở kịch *Bắc Sơn* của nhà văn Nguyễn Huy Tưởng 164
- Phân tích vở kịch "Tôi và chúng ta" của Lưu Quang Vũ để làm rõ ý nghĩa của tình huống kịch, từ đó cảm nhận rõ vẻ đẹp của những con người chính trực trong cuộc đấu tranh giữa cái cũ và cái mới 167
- Phân tích bài thơ *Mây và sóng* của Tago 170
- Phân tích cảm hứng cổ hương trong truyện ngắn *Cố hương* của Lỗ Tấn 173
- Phân tích đoạn trích "Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang" (trong tiểu thuyết "Rô-bin-xơn Cru-xô" của Đ. Đi-phô) để làm rõ tinh thần lạc quan và ý chí vượt qua hoàn cảnh của nhân vật 176

Phần hai

VĂN BẢN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI

• Suy nghĩ của em về vấn đề chất độc màu da cam	177
• Từ ý tưởng trong lời bài hát của Trịnh Công Sơn, em hãy viết bài văn nghị luận về nhan đề tấm lòng	179
• “Đừng bao giờ từ bỏ ước mơ”	181
• Câu chuyện <i>Xén lá</i> gợi cho em những cảm nhận, suy nghĩ gì?	183
• Hãy bày tỏ suy nghĩ của em về lời tâm sự của Helen Keller: “Tôi đã khóc khi không có giày để đi cho đến khi tôi nhìn thấy một người không có chân để đi giày.”	185
• Suy nghĩ của em về tinh thần tự học	187
• Suy nghĩ của em về đức tính khiêm tốn	189
• Nghị luận về an toàn giao thông	190
• Suy nghĩ của em về bài học “Mỗi chúng ta hãy học cách viết những đau buồn, thù hận lên cát và khắc ghi những ân nghĩa lên đá”	192
• Suy nghĩ của em về vấn đề tác hại khi hút thuốc lá	193
• Suy nghĩ của em về vấn đề rác thải với môi trường	195
• Suy nghĩ của em về trò chơi điện tử	197
• Suy nghĩ của em về câu ngạn ngữ Hi Lạp: “Học vấn có những chùm rễ đắng cay, nhưng hoa quả lại ngọt ngào”	199
• Suy nghĩ của em về đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc ta	201
• Suy nghĩ của em về lòng tự trọng	203
• Suy nghĩ của em về ý kiến: “Nếu cứ gặm nhấm những nỗi đau và âm ỉ sự phục thù, bạn sẽ bị hao mòn cả về thể xác lẫn tinh thần. Tha thứ sẽ là một liều thuốc giải độc mạnh mẽ.” (Fred Luskin)	204
• Lợi ích và tác hại của việc sử dụng điện thoại di động	206
• Suy nghĩ của em về lí tưởng sống của thanh niên ngày nay	207
• Suy nghĩ của em về ý kiến: “Học tập là hạt giống của kiến thức, kiến thức là hạt giống của hạnh phúc.” (Ngạn ngữ Gruzia)	209
• Suy nghĩ của em về nhận định sau: “Trí tuệ giàu lên nhờ cái nó nhận được. Con tim giàu lên nhờ cái nó cho đi”	210
• Hãy tưới mát tâm hồn bằng sự lạc quan, niềm tin và hi vọng	213
• Nước ta có nhiều tấm gương vượt lên số phận, học tập thành công (như anh Nguyễn Ngọc Kí bị hỏng tay, dùng chân viết chữ, anh Hoa Xuân Tứ bị cụt tay, dùng vai viết chữ,...) Lấy nhan đề “Những người không chịu thua số phận, em hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của mình về những con người đó	215
• Nghị luận về vấn đề bạo lực học đường	217

Phần ba

MỘT SỐ THỂ LOẠI KHÁC

I. VĂN BẢN THUYẾT MINH

• Thuyết minh về chiếc kính đeo mắt	219
• Thuyết minh về một loài vật nuôi	220
• Thuyết minh về một loài vật có ích	222
• Thuyết minh về một món ăn	223

• Thuyết minh về phong tục cổ truyền ngày Tết	225
• Thuyết minh về danh lam thắng cảnh	227
• Thuyết minh về một địa danh lịch sử	234
• Thuyết minh về một loài cây của quê hương	236
• Thuyết minh về loài hoa em yêu.....	241
• Thuyết minh về cây lúa nước Việt Nam.....	243
• Giới thiệu về hình ảnh cây tre.....	244
• Thuyết minh về nghệ thuật sân khấu tuồng	246

II. VĂN TỰ SỰ

• Kể về một người thầy mà em nhớ nhất	248
• Kể về một câu chuyện nhỏ của tôi	249
• Kể về một giấc mơ của em.....	251
• Vào vai Thúy Kiều để kể lại câu chuyện Mã Giám Sinh mua Kiều.....	252
• Đóng vai ông Hai kể lại đoạn truyện miêu tả diễn biến tâm trạng và hành động của ông Hai sau khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc	256
• Kể lại cuộc gặp gỡ người lính lái xe trong <i>Bài thơ về tiểu đội xe không kính</i> của Phạm Tiến Duật	257
• Kể về một nỗi buồn mà em đã trải qua.....	259
• Em hãy kể lại một giấc mơ trong đó em được gặp lại người thân đã xa cách lâu ngày .	260
• Em hãy kể lại kỉ niệm về một chiếc áo mới em từng được tặng.....	262
• Em hãy kể một kỉ niệm gắn với trò chơi tuổi thơ.....	263
• Em kể một kỉ niệm về món đồ chơi em thích	264
• Em hãy kể một kỉ niệm về gia đình em	265
• Hãy kể lại một lần trót xem nhật kí của bạn.....	267
• Em hãy kể về người thân của em	269

III. VĂN BIỂU CẢM

• Tưởng tượng mình là nhân vật trữ tình trong bài thơ <i>Ánh trăng</i> , em hãy diễn tả dòng cảm xúc trong bài thơ thành một bài tâm sự ngắn	271
• Cảm xúc của em về một loài hoa em yêu thích	272
• Cảm xúc của em khi tháng năm về - tháng chia tay mái trường cấp hai	275
• Cảm nhận của em về tình yêu của cha mẹ	278
• Cảm nhận của em về lời ru của mẹ	279